

Số: 145/GMD-2024

TP.HCM, ngày 11 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

- Mã chứng khoán: GMD
- Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ: 028 3 8236236 / 0903302117 - Fax: 028 3 8235236
- E-mail: info@gemadep.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Gemadep Thông báo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 132/GCN-UBCK ngày 04/10/2024 của UBCKNN như sau:

- Thông báo số 142/GMD-TB ngày 09/10/2024 về chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Thông báo số 143/GMD-TB ngày 10/11/2024 về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Bản cáo bạch Công ty cổ phần Gemadep chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 132/GCN-UBCK ngày 04/10/2024 của UBCKNN.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 11/10/2024 tại đường dẫn: website: <http://www.gemadep.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo số 142/GMD-TB;
- Thông báo số 143/GMD-TB;
- Bản cáo bạch.

Đại diện tổ chức
Người UQ CBTT

Nguyễn Minh Nguyệt

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NIÊN ĐĂNG KÝ CHẤO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÒ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHẤO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN. NẾU KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CÔNG CHỨNG. NGƯỜI MỖI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



THE WAY FORWARD

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307116791 do Sở Kế Hoạch và Đăng ký Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/11/2019, thay đổi lần thứ 01 cấp ngày 24/04/2024)

CHẤO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số B2/GCM-17006

do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11 tháng 01 năm 2024

Bản cáo bạch này sẽ bị hủy bỏ nếu sẽ được công cấp từ ngày 01/01/2024, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

- Trụ sở chính: | 261-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: | 028 3823 6236, - Fax: 028 3823 5236
- Website: | www.gemadep.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GHI BANK

- Trụ sở chính: | Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 99 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: | 024 6276 1666, - Fax: 024 6276 1666
- Website: | www.gibank.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Minh Nguyệt - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị

Số điện thoại: 028 3823 6236 - Fax: 028 3823 5236



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp từ ngày 01/7/1993, thay đổi lần thứ 30 cấp ngày 26/06/2024)

CHÁO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemadept
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	: 29.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	: 103.493.652 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	: 1.034.936.520.000 đồng

LƯU Ý 1: KIỂM TOÁN

- Tên công ty : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ARC
- Địa chỉ : Số 2 Trưng Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 3947 2972. - Fax: 028 3947 2970.
- Website : www.arc.com.vn

LƯU Ý 2: CHỨNG VẤN

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK
- Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024 6276 2000. - Fax: 024 6276 5660.
- Website : www.agribank.com.vn



MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
1.	Tổ chức phát hành.....	1
2.	Tổ chức tư vấn.....	1
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1.	Rủi ro về luật lệ.....	2
2.	Rủi ro về luật pháp.....	5
3.	Rủi ro đặc thù.....	8
4.	Rủi ro về dự báo bán.....	6
5.	Rủi ro giá tương.....	7
6.	Rủi ro quản trị công ty.....	9
7.	Rủi ro khác.....	9
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	10
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	12
2.	Tầm nhìn, sứ mệnh, hình thức và phát triển của Tổ chức phát hành.....	14
3.	Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	16
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	17
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc có phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc có phần, phần vốn góp chi phối.....	21
6.	Thông tin về quá trình quá trình sáng, quản vốn đầu tư của Tổ chức phát hành.....	42
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn liên quan của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	48
8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	49
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	49
III.	Đánh định kinh doanh	50



11.	Chính sách đối với người lao động.....	90
12.	Chính sách cổ tức.....	91
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	91
14.	Thông tin về những vấn đề đang chờ thảo luận của Tổ chức phát hành.....	94
15.	Các thông tin, nghĩa vụ cơ bản của, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, gói cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	94
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thảo luận tiếp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm lợi ích quốc gia, kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	94
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	95
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	95
2.	Tình hình tài chính.....	97
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	110
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	112
VI.	THÔNG TIN VỀ CỘ ĐỒNG SÁNG LẬP, CỘ ĐỒNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	114
1.	Thông tin về cộ đồng sáng lập.....	114
2.	Thông tin về cộ đồng lớn.....	115
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	117
VII.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHẢO BÀN.....	144
1.	Loại cổ phiếu.....	144
2.	Mô tả gói cổ phiếu.....	144
3.	Tổng số hạng cổ phiếu chào bán.....	144
4.	Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá.....	144
5.	Giá chào bán dự kiến.....	144
6.	Phương pháp tính giá.....	144



7.	Phương thức phân phối.....	141
8.	Đông kỹ mua cổ phiếu.....	143
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	146
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	147
11.	Từ khóa phòng thủ nhận tiền mua cổ phiếu.....	147
12.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	147
13.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sơ hầu nước ngoài.....	147
14.	Các loại thuế có liên quan.....	148
15.	Thông tin về các cựu kết.....	149
16.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	149
VIII.	MỤC ĐÍCH CHẢO BÀN.....	150
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHẢO BÀN.....	150
1.	Chi trả nợ dịch Mua sắm tài sản cố định.....	151
2.	Chi trả nợ dịch Trả nợ vay ngắn hạn.....	153
3.	Chi trả nợ dịch Tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nam Định và công ty con do Genadept sở hữu 40% vốn điều lệ) để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ ngắn hạn.....	153
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHẢO BÀN.....	158
1.	Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.....	158
2.	Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán.....	158
XI.	THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	158
XII.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI BIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	159
XIII.	PHỤ LỤC.....	161

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành:**

- Ông: Đỗ Văn Nhân - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: Nguyễn Thanh Bình - Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật.
- Ông: Khoa Năng Lưu - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và nắm bắt được các rủi ro tiềm ẩn về tài chính được, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

- Đại diện được ủy quyền: Ông Lê Sơn Tùng - Chức vụ: Tổng Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 184/GD-CV/HĐQT ngày 01/05/2018 về ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật).

Bản cáo bạch này là một phần của tài sơ đồ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Agritech tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2024 số 01/2024-AGRISECO-CMD ngày 23/01/2024 với Công ty cổ phần Gemadep. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và của trung thực trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Gemadep cung cấp.

(Phần còn lại của trang này được số hóa bằng)

II. CÁC NHÂN TỐ KINH TẾ

1. Bất kỳ về kinh tế

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Mức tăng trưởng kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế.

Lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty cổ phần Gemadepet là khai thác cảng biển, vận tải hàng hóa, khai thác thương mại (đặc biệt là hoạt động vận chuyển khách) sẽ ảnh hưởng đến hoạt động liên thông qua cảng biển, qua đó tác động trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận và tình hình tài chính của Gemadepet.

Khi nền kinh tế và thương mại tăng trưởng đi cơ lợi kinh doanh của Gemadepet cũng gia tăng, hoạt động kinh doanh có triển vọng tích cực, qua đó nâng cao kết quả kinh doanh và tình hình tài chính doanh nghiệp. Ngược lại, sự suy giảm của nền kinh tế và thương mại sẽ có ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và triển vọng của Gemadepet.

Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhanh vẫn chưa dừng những rủi ro vẫn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Nhằm hỗ trợ tăng trưởng, Chính phủ đã nỗ lực trong việc triển khai những gói chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiểm soát lạm phát, một tăng thu ngân sách và tỷ giá ổn định, góp tích hình kinh tế trong nước có sự chuyển biến mạnh mẽ trong một thập kỷ qua.

Biểu đồ 1.1: Tốc độ tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê Tổng cục Thống kê

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid - 19, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất từ năm 2010 đến nay, đạt 8,02%. Tuy nhiên, trước năm 2019, GDP của Việt Nam chỉ đạt mức tăng trưởng 5,01% do ảnh hưởng tiêu cực của tình hình vĩ mô toàn cầu khi các nền kinh tế lớn thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất điều hành, cũng tăng địa chính trị gia tăng, xuất nhập

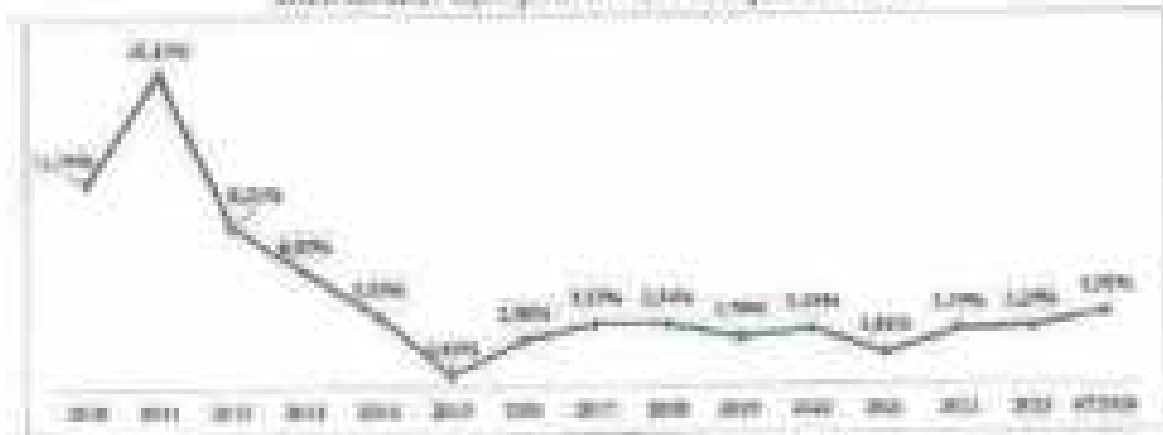
khấu và nêu công trong nước địa phương. Trong 5 tháng đầu năm 2024, tăng trưởng kinh tế Việt Nam khá tích cực, đạt 5,42%. Đây là mức tăng trưởng cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2023 – 2023 và vượt lịch hơn tăng trưởng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến mọi chi tiêu trong nền kinh tế. Lạm phát tăng dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh như chi phí nhân lực, nhân công, ... của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, lạm phát tăng cao khiến người dân có xu hướng tiết kiệm tiêu dùng, thương mại toàn cầu có hạn, dẫn đến lực lượng hàng hóa lưu thông cũng giảm sút, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Gemadep.

Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát lạm phát dưới 4% cho điều kiện chi tiêu, tích hợp các công cụ chính sách tài tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa. Mọi trường lạm phát được kiểm soát đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Biểu đồ 1.1: Lạm phát ở Việt Nam qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê Tổng cục Thống kê

Trong năm 2024, Quốc hội tiếp tục đề xuất sửa đổi kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4%. Theo Tổng cục thống kê tương 6 tháng đầu năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 4,08% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát vẫn đang được kiểm soát tốt.

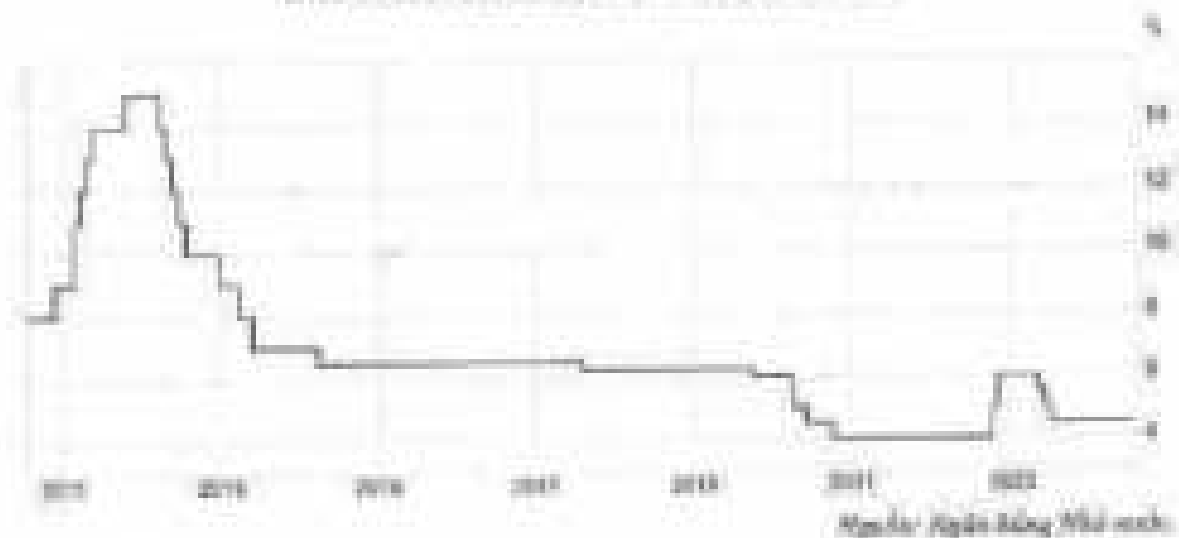
1.3. Lãi suất

Để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Gemadep có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và kết quả kinh doanh của Gemadep. Đặc biệt, yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch đầu tư, mở rộng các sáng kiến của Gemadep. Lãi suất tăng dẫn đến tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả đầu tư và kết quả kinh doanh của Gemadep.

Cuối năm 2022, đầu năm 2023, lãi suất hay động tiền gửi của các ngân hàng đã bắt đầu tăng, hiện đang cao hơn mức lãi suất năm 2021 khoảng 0,5-1,0% tùy từng kỳ hạn. Khi chi phí đầu vào của các ngân hàng thương mại tăng thì lãi suất cho vay cũng sẽ tăng

đồng theo. Sau giai đoạn lãi suất tăng cao vào cuối năm 2022 và đầu năm 2023, lãi suất cho vay tiền thị trường đã có xu hướng giảm sau khi có sự điều chỉnh của Ngân hàng Nhà nước. Ngày 16/5/2023, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 1123/QĐ-NHNN có hiệu lực từ ngày 17/5/2023 giảm mức lãi suất tái cấp vốn xuống 4,5%/năm (giảm 0,7%), giảm lãi suất tái chiết khấu xuống 3,0%/năm (giảm 0,8%) và giảm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt về trung thành toàn bộ từ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng, công nhân viên ngân hàng nước ngoài xuống 5,0%/năm (giảm 0,5%). Từ nay đến năm 2025, các chuyên gia dự báo lãi suất sẽ tăng trở lại. Công ty sẽ chủ động xây dựng và đạt hiệu phương án huy động vốn từ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, qua đó giúp giảm bớt gánh nặng chi phí tài chính.

Biểu đồ 1.3. Lãi suất ở Việt Nam qua các năm



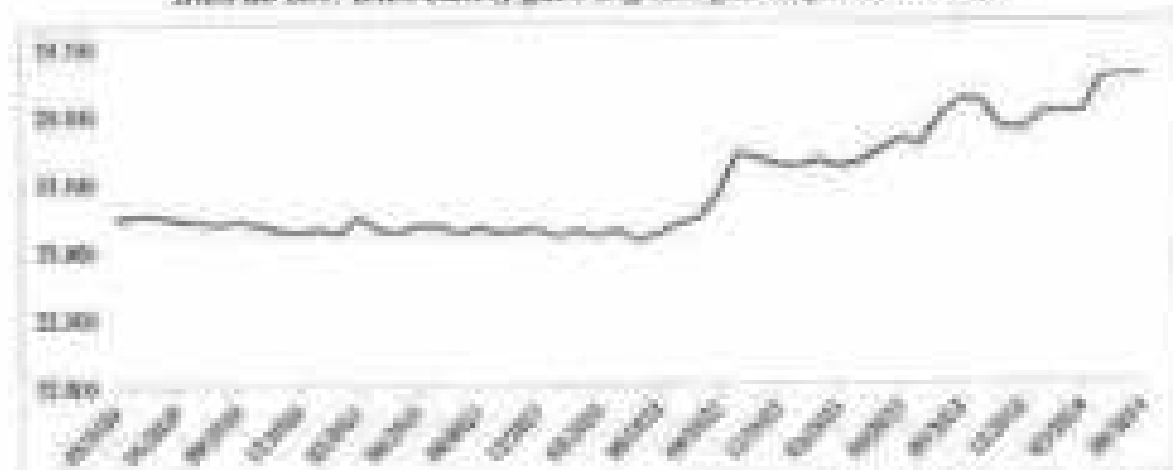
1.4. Tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Gemadepet có mối liên hệ mật thiết đến hoạt động xuất nhập khẩu, tỷ giá thay đổi sẽ tác động lên hoạt động xuất nhập khẩu và ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Gemadepet. Đối với các chi phí liên quan đến nhiên liệu đầu vào, hiện nay Gemadepet thanh toán bằng USD cho các nhà cung cấp, tự nhiên phải liên nguồn thu dịch vụ bốc xếp container cho các hãng tàu nước ngoài được áp dụng biểu giá theo USD. Do đó, nguồn thu USD này đã để bù đắp các chi phí đầu vào bằng USD của Gemadepet ít gặp rủi ro về sự biến động tỷ giá liên quan đến chi phí tài chính. Đối với các khoản vay bằng USD, khi tỷ giá USD/VND tăng dần dẫn đến tăng chi phí tài chính, qua đó ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Gemadepet.

Ngược lại, Gemadepet có các công ty lập Báo cáo tài chính bằng USD nên việc thay đổi tỷ giá sẽ ít ảnh hưởng đến. Vấn đề sẽ hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Gemadepet khi thực hiện chuyển đổi Báo cáo tài chính của các công ty con lập bằng USD sang VND. Khi tỷ giá USD/VND tăng thì khoản mục Chiết khấu tỷ giá sẽ được tính. Vấn đề sẽ hữu (chợ nhào) tăng, dẫn tới Vấn đề sẽ hữu (chợ nhào) của Gemadepet tăng.

Trong 03 năm 2020 - 2022, tỷ giá cố định tăng trên thế giới biến động mạnh do chịu sự tác động sâu sắc của dịch bệnh, trong đó tác động lớn nhất là từ đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, tỷ giá USD/VND tại Việt Nam khá ổn định. Với áp lực lãi suất trên thị trường quốc tế, tỷ giá sẽ tăng mạnh trong giai đoạn 2023 - 2024.

Biểu đồ 2.1: Diễn biến tỷ giá trong năm giai đoạn 2020 - 2024



Nguồn: Ngân hàng Thế giới

Để giảm thiểu tác động tiêu cực của các biến từ kinh tế địa hoạt động kinh doanh, Gemadepi luôn theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô cũng như các dự báo thị trường để có thể điều chỉnh chiến lược, định hướng kinh doanh một cách linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế cũng như tỷ, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro pháp luật là các sự kiện sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Gemadepi.

Là một công ty có phần, cổ sở phần niêm yết trên sàn HOSE, hoạt động kinh doanh của Gemadepi bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Gemadepi. Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sai sót, bỏ sót dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Gemadepi.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Gemadepi luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và hoạt tư vấn đối với những vấn đề pháp lý cần thiết.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro biến động hoạt động xuất nhập khẩu

Hoạt động khai thác cũng như, logistics cũng như vận tải hàng hóa của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu và lưu thông nội địa bằng đường sông và đường biển cũng như sự biến động của cước vận chuyển. Hoạt động thương mại lại phụ thuộc rất nhiều vào sức khỏe của nền kinh tế. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới dần đi vào ổn định sau đại dịch Covid-19 nhưng con đường hồi phục của gặp nhiều khó khăn, hoạt động thương mại thế giới có thể bị chững lại, giá cước vận tải có thể biến động khá không ổn định, đặc biệt nếu nền kinh tế gặp nhiều bất lợi không dự báo được có thể ảnh hưởng không chỉ đến xuất khẩu, làm việc lập kế hoạch dự báo, triển khai kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp có thể gặp khó khăn.

3.2. Rủi ro biến động chi phí nhiên liệu

Chi phí nhiên liệu cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty trong ngành vận tải. Tuy nhiên, Gemadepet có điều khoản điều chỉnh giá cước khi giá nhiên liệu biến động bất lợi trong các hợp đồng ký kết với khách hàng. Ngoài ra, đối với hoạt động vận chuyển, ngay từ đầu năm các hãng tàu đi đồng loạt tự động phụ phí nhiên liệu ngoài việc điều chỉnh tăng giá cước do giá nhiên liệu tăng, thực hiện các biện pháp phòng vệ giá (hedging) đối với giá dầu. Vì vậy, rủi ro biến động giá nhiên liệu đối với Gemadepet là không lớn.

Các rủi ro đặc thù ngành đối với Gemadepet phần nào được giảm thiểu do Công ty sở hữu đội ngũ ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao. Ban lãnh đạo Công ty định kỳ họp đánh giá, các định và sửa lại năm nhất, định hướng và chiến lược kinh doanh trong điều kiện kinh tế và thị trường biến động. Xây dựng kế hoạch kinh doanh theo các kịch bản khác nhau, trong đó đưa ra các giả định đối với số liệu tăng trưởng kinh tế và giá dầu khác nhau cũng như với các kế hoạch điều chỉnh trong điều kiện bất ổn.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến trên hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chào bán, các yếu tố vĩ mô, vĩ mô của các nhà đầu tư cũng như sự hấp dẫn của cổ phiếu Công ty. Vì vậy, có thể có phát sinh rủi ro không chào bán hết số cổ phiếu dự định chào bán. Tuy nhiên, rủi ro từ đợt chào bán này được đánh giá là khá thấp vì đối tượng được chào bán là cổ đông hiện hữu của Công ty, là những người hiểu rõ rõ định hướng phát triển, tích hoạch kinh doanh cũng như công tác Ban lãnh đạo Công ty. Đồng thời, cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 29.000 đồng/cổ phiếu, khi hấp dẫn so với mức giá tham chiếu bình quân của cổ phiếu GMD trong 30 phiên gần nhất (từ ngày 20/06/2024 đến ngày 31/07/2024) là 30.300 đồng/cổ phiếu). Ngoài ra, phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 đã được ĐHQHCH thông qua với tỷ lệ đồng thuận cao là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp lần thành, thể hiện sự ủng hộ của các cổ đông. Đây là yếu tố tích cực đảm bảo thành công của đợt chào bán.

Trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến, HĐQT sẽ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gia hạn thời gian chào bán theo quy định hiện hành của pháp luật.

5. **Rủi ro pha loãng**

Do số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi kết thúc đợt chào bán sẽ tăng lên nên các rủi ro pha loãng có thể xảy ra gồm:

5.1. **Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu**

Khi giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa của cổ phiếu GMD tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền thì giá tham chiếu của cổ phiếu GMD tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

Trong đó:

$$P_{ct} = \frac{PR_{ct} + (I \times P_{ct})}{1 + I}$$

P_{ct} : Giá tham chiếu điều chỉnh trong ngày giao dịch không hưởng quyền

PR_{ct} : Giá tham chiếu trước điều chỉnh (Giá đóng cửa tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền)

P_{ct} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu

I : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành thêm cổ phiếu

Vi dụ:

PR_{ct} : Giá đóng cửa của cổ phiếu GMD tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 80.000 đồng/cổ phiếu.

P_{ct} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 29.000 đồng/cổ phiếu.

I : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành thêm cổ phiếu là 33,33%.

Khi đó, giá tham chiếu của cổ phiếu GMD tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính như sau:

$$P_{ct} = \frac{80.000 + (33,33\% \times 29.000)}{1 + 33,33\%} = 67.300 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá tham chiếu của cổ phiếu GMD tại ngày giao dịch không hưởng quyền được điều chỉnh là 67.300 đồng/cổ phiếu.

5.2. **Rủi ro pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS)**

Chỉ số EPS có thể giảm (tỷ pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận.

Công thức tính EPS như sau:

$$EPS = LNST / \text{Số lượng cổ phiếu lưu hành hiện tại}$$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = \frac{X \cdot 12 + Y}{12}$$

Trong đó:

- ✓ X : Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành.
- ✓ Y : Số lượng cổ phiếu phát hành thêm.
- ✓ t : Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm.

Dự kiến mức độ pha loãng EPS năm 2024 của Công ty sau đợt phát hành như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 (cũ kiến)	Tỷ đồng	1.481
2	Số lượng cổ phiếu lưu hành vào thời điểm phát hành	Cổ phiếu	316.486.937
3	Số lượng cổ phiếu lưu hành sau khi phát hành (tính toán từ tháng 12/2024)	Cổ phiếu	411.002.609
4	Giá chào trên mỗi cổ phiếu năm 2024 (cũ kiến) khi chưa phát hành	Đồng	4.770
5	Giá chào trên mỗi cổ phiếu năm 2024 (cũ kiến) khi hoàn thành đợt phát hành	Đồng	4.641

Việc tăng số lượng cổ phiếu từ việc phát hành thêm làm cho EPS dự kiến năm 2024 giảm từ 4.770 đồng/cổ phiếu xuống 4.641 đồng/cổ phiếu sau đợt phát hành. Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế khi Công ty sử dụng từ thu nguồn vốn trợ động được, duy trì tối hoạt động và phát huy thế mạnh của mình để tạo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng ổn sau đợt chào bán.

3.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

Công thức tính giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) như sau:

$$BVPS = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (theo số liệu BCTC lập theo đã kiểm toán) tại thời điểm 31/12/2023 là 28.800 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu có thể bị giảm (tỷ pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại. Nếu các dự tăng trưởng của vào thời sẽ hữu thấp hơn thì sẽ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt phát hành (gồm số các phát bổ khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

3.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông

Do việc chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên không làm giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của các cổ đông theo các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Trong tương lai cổ đông hiện hữu không tham gia đợt chào bán, cổ đông tư nhân hoặc chuyển nhượng quyền mua sẽ làm giảm tỷ lệ sở hữu của cổ đông đó sau khi kết thúc đợt chào bán.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro liên quan đến các vấn đề như cơ cấu của cổ đông, cơ cấu quản trị, sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị. Rủi ro quản trị công ty sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Vị trí thế dẫn đầu của Genadept trong lĩnh vực khai thác vàng và logistics tại Việt Nam được xây dựng dựa trên nền tảng đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn, tầm huyết và kinh nghiệm phát triển hơn 30 năm trong ngành. Genadept luôn chú trọng đầu tư, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp. Vì vậy, Genadept có thể phần nào hạn chế được rủi ro này.

Đối với đợt chào bán này, quy mô vốn điều lệ của Công ty sẽ tăng lên sau đợt phát hành, việc này sẽ kéo theo những khó khăn và rủi ro về mặt quản trị công ty cũng như quản lý, sử dụng nguồn vốn, nhân lực sau chào bán. Tuy nhiên, đây là đợt chào bán có phần cho cổ đông hiện hữu nên cơ cấu cổ đông sẽ không có nhiều thay đổi so với trước khi thực hiện chào bán. Ngoài ra, Ban lãnh đạo đã đi ra phương án tăng vốn khá dài và đã được ĐHĐHCĐ thông qua với tỷ lệ biểu quyết cao. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án phát triển Công ty và qua đó có thể nhận thấy mức độ hoạt động quản trị của Công ty là không kém.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng hay rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh và tài chính tài chính của Genadept cũng như các doanh nghiệp trong cùng ngành và toàn bộ nền kinh tế. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh, khủng bố, ... Vì vậy, nhóm hạn chế sẽ đã ảnh hưởng của các rủi ro này, Genadept luôn chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty.

Các yếu tố rủi ro luôn được Genadept chú trọng quản trị thông qua việc xây dựng bộ máy quản trị tập trung với phương hướng chuyên trách về quản trị rủi ro để xây dựng và tiến các chất lượng của rủi ro định kỳ, bên cạnh đội ngũ Ban lãnh đạo nhiều năm kinh nghiệm và có trình độ chuyên môn cao thường xuyên xây dựng kế hoạch kinh doanh dựa vào kịch bản với nhiều giả định khác nhau, đưa ra các chỉ đạo kịp thời biến rủi ro thành cơ hội và hạn chế tối đa các rủi ro đối với hoạt động của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

GEMADEPT/GMD/CÔNG TY	: Công ty cổ phần Gemadept
AGRISECO	: Công ty cổ phần Chứng khoán Agriseco
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
ĐDQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
TGD	: Tổng Giám đốc
GD	: Giám đốc
CTCP	: Công ty cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
VSDC	: Tổng công ty Lưu ký và Bảo trợ chứng khoán Việt Nam
NHNN	: Ngân hàng nhà nước
HKGD	: Hoạt động kinh doanh
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
KHKD	: Kế hoạch kinh doanh
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
BCYC	: Báo cáo tài chính
TSGN	: Tru chuyển doanh nghiệp
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VNB	: Đơn vị tiền tệ của Việt Nam
SỞ KH&ĐT	: Sở Kế hoạch & Đầu tư
CĐCNY	: Các bộ công nhân viên
CMND	: Chứng minh nhân dân
CCCB	: Các cuộc công dân
BĐS	: Bất động sản
TSGD	: Tài sản cố định
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
CNTT	: Công nghệ thông tin

PK	: Quan hệ công chứng
CNDKDN	: Chứng nhân đăng ký doanh nghiệp
Tp	: Thành phố
UBND	: Ủy ban Nhân dân
ICD	: Internal Container Depart (Cảng cạn)
TEU	: Twenty-foot equivalent unit (Đơn vị đo sức chứa hàng hóa)
TTPP	: Trung tâm phân phối

(Phần còn lại của trang này được bỏ trống)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành****1.1. Giải thích chung về Tổ chức phát hành**

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
Tên tiếng Anh	: GEMADEPT CORPORATION
Tên viết tắt	: Không có
Trụ sở chính	: 2/10-4-6 Lê Thành Tôn, Phường Sơn Nghệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	: 028 38238276
Số fax	: 028 38238216
Website	: www.gemadep.com.vn
Logo	:

**THE WAY FORWARD.**

Vốn điều lệ	: 3.104.800.570.000 đồng (Ba nghìn một trăm linh bốn tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi một nghìn đồng)
Giấy CNRCON	: Số 0301116791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/11/1993, thay đổi lần thứ 30 cấp ngày 24/04/2024.
Người đại diện theo pháp luật	: Nguyễn Thanh Sơn - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Mã cổ phiếu	: GMD
Sàn niêm yết	: HOSE

1.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải khai thác bồn bãi container và các dịch vụ liên quan, thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hóa.	4933 (Chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng cầu cống, bồn bãi, công trình dân dụng - công	4290

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Số ngành, nghề kinh doanh
	nghề nghiệp.	
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường sông.	5903
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.	5229
5	Đóng tàu và sửa chữa tàu. Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy - biển (đò và đò công suất, sửa chữa phương tiện vận tải đường biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về không hoạt động tại trụ sở).	3011
6	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch và vui chơi giải trí: Khu du lịch sinh thái, sân golf, khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).	9329
7	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
8	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su. Đúc và chế phẩm cao su, luyện sản cao su tại trụ sở).	2012
9	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường biển.	5012
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao nhận hàng hóa đường biển.	5222
11	Kinh doanh bất động sản, quản lý và vận hành tòa nhà chung cư, cho thuê và vận hành bãi đỗ xe. Chi tiết: - Đầu tư và khai thác công nghiệp; - Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu nghỉ dưỡng, khu du lịch; - Đầu tư xây dựng khu du lịch và vui chơi giải trí: Khu du lịch sinh thái, sân golf, khách sạn.	6810
12	Chạy thuê máy móc, thiết bị và lắp đặt hệ thống khác. Chi tiết: Chạy thuê tàu - container - máy móc - thiết bị hàng hải.	7799
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng lưu động.	5610
14	Trồng cây cao su	0125
15	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán tàu - container - máy móc - thiết bị hàng hải.	4659

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề kinh doanh
16	Bưu cấp hàng hóa Chi tiết: Bưu cấp hàng hóa đường bộ; Bưu cấp hàng hóa công biển; Bưu cấp hàng hóa công sông.	5324
17	Chiều thuê xe có động cơ	7710
18	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn thuế, tư vấn tài chính và tư vấn Pháp lý)	7020
19	Nghiên cứu thị trường và thám dò địa luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường (trừ dịch vụ thám dò địa luận)	7320
20	Lập trình máy vi tính Chi tiết: Sản xuất phần mềm; Dịch vụ thực hiện phần mềm; Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống; Dịch vụ phân tích hệ thống; Dịch vụ thiết kế hệ thống; Dịch vụ lập trình (CPC 842).	6201
21	Tư vấn máy vi tính và quản lý hệ thống máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ tư vấn liên quan đến ứng dụng phần cứng máy vi tính (CPC 841).	6202
22	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Các dịch vụ máy tính khác; Dịch vụ chuẩn bị dữ liệu (CPC 849).	6209
23	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu (CPC 843).	6311

Nguồn: CPC/Gemstat

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Năm	Sự kiện quan trọng
1990	Thành lập Công ty
1991	Triển khai các dịch vụ vận tải container đường biển
1993	Tiền phong cổ phần hóa – Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301116791 cấp lần đầu ngày 01/11/1993
1995	Khởi sinh cảng cạn đầu tiên tại Việt Nam – Phước Long ICD
1997	Mở các tuyến vận tải container đầu tiên trên dòng sông Mekong
2000	Dự án trị giá 2 tỷ USD nâng cấp hệ thống container Nhà Cũ Cảng Hải Phòng

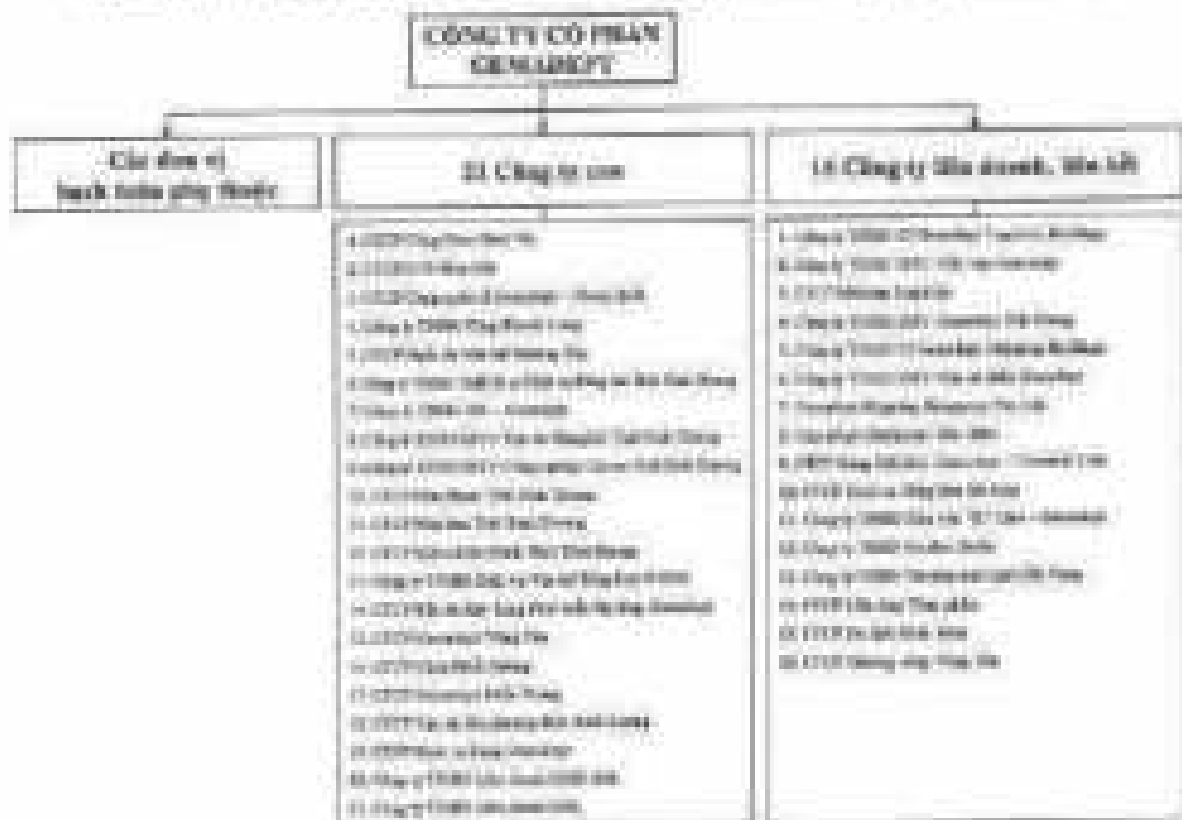
Năm	Cột mốc quan trọng
2002	Nhiệm ý chỉ cổ phiếu GMD trên thị trường chứng khoán
2004	Vươn lên khu vực, mở các chi nhánh tại nước ngoài
2007	Mở 4 tuyến vận tải đường biển, thành lập 3 công ty liên doanh với đối tác quốc tế lớn
2008	Đầu tư công container tại Dung Quất, Quảng Ngãi
2009	Khai trương Cảng Nam Hải tại Hải Phòng
2010	Đưa vào khai thác nhà ga hàng hóa hàng không hiệp đại SCSC tại khu vực sân bay Tân Sơn Nhất
2011	Khởi động chiến lược tích hợp Logistics, lấy miền Nam làm cốt lõi phát triển và các cụm Trung tâm Logistics quy mô, hiện đại; từ đó nhân rộng mô hình thành công ra nước
2014	Khai trương và đưa vào vận hành cảng Nam Hải Đình Vũ tại Hải Phòng
2015	Đưa vào khai thác Trung tâm Logistics hàng lạnh – kho lạnh đơn quy mô hàng đầu Đông Nam Á tại vùng Đông bằng sông Cửu Long Triển khai trung tâm logistics Nam Hải DC tại miền Bắc
2016	Liên doanh khai thác Trung tâm Logistics Đuối đầu miền tại Việt Nam
2017	Hợp tác chiến lược với Tập đoàn CJ Logistics của Hàn Quốc
2018	Khai trương giai đoạn 1 Cảng Nam Đình Vũ – cụm công lớn nhất khu vực Đình Vũ, Hải Phòng
2019	Khai công xây dựng dự án công nước sâu Gemalink tại Cái Mộp (Hà Nội – Vĩnh Tin) Mở rộng Cảng Đình Động
2020	Hoàn thành thi công, đưa Cảng nước sâu Gemalink vào vận hành thử nghiệm để chính thức khai thác từ năm 2021
2021	Chính thức đưa Cảng nước sâu Gemalink giai đoạn 1 vào khai thác Khai công xây dựng giai đoạn 2 cụm Cảng Nam Đình Vũ tại Hải Phòng
2022	Triển khai xây dựng giai đoạn 2 cụm cảng Nam Đình Vũ; Nâng cấp các kho tại dự án kho tại khai công giai đoạn 2 Cảng nước sâu Gemalink; Triển khai thành công nhà rộng ứng dụng Cảng thông minh (SmartPort) trong hệ thống Cảng của Gemalink
2023	Khai trương giai đoạn 2 cụm cảng Nam Đình Vũ, Thoát vận công Nam Đình Đình Vũ, tập trung phát triển cụm cảng Nam Đình Vũ trở thành cảng sống

Năm	Nội dung quan trọng
	Hàn nhất miella Bóc; Trộn kết thành công các ứng dụng River Gate và Smart Gate.

Nguồn: CTCP Gemadept

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Sơ đồ 3P-1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành tại ngày 30/03/2019



Nguồn: CTCP Gemadept

Với hệ thống gồm Công ty cổ phần Gemadept và các đơn vị hạch toán phụ thuộc, 21 Công ty con và 16 Công ty liên doanh, liên kết (theo gộp cả sơ hữu trực tiếp và sơ hữu gián tiếp), cơ cấu Công ty cổ phần Gemadept được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

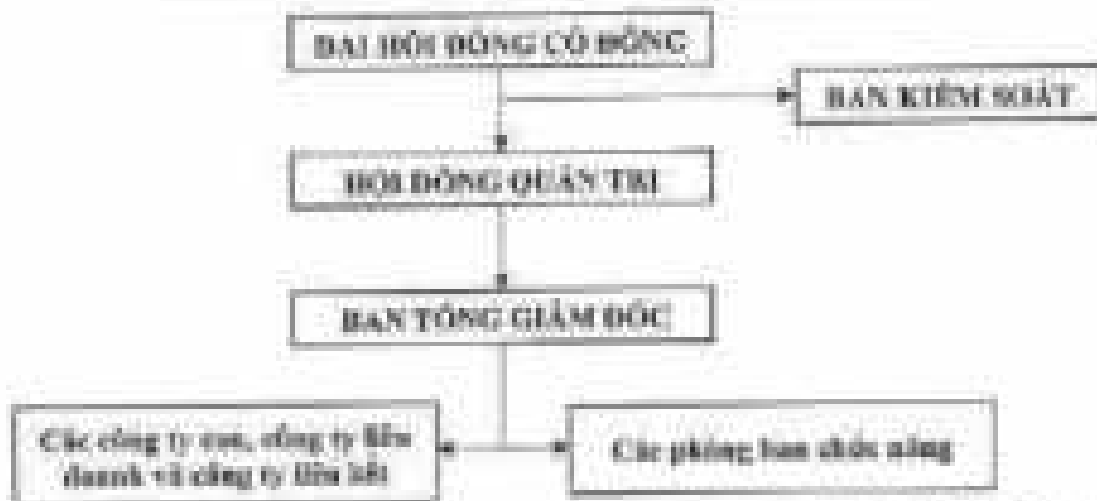
- Trụ sở chính Công ty tại Đ/s 4-6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đơn vị hạch toán phụ thuộc bao gồm:
 - + Chi nhánh Cần Thơ, địa chỉ: 80-82-84 Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - + Chi nhánh Vũng Tàu, địa chỉ: Chi LK 12, Chung cư Vũng Tàu Center, 93 Lê Lợi, P. Thắng Nhì, Tp. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - + Xi nghiệp Văn tại Thái Bình Dương, địa chỉ: Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, P.

Bên Ngồi, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Thông tin về các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày chi tiết ở mục 5.2 và mục 5.3 phần IV dưới đây.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Đồ số 17-2: Sơ đồ bộ máy quản trị của Tổ chức phát hành



Nguồn: CTCP Comodopt

Công ty cổ phần Comodopt được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Cấu trúc quản trị của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

• Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần.

Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền biểu quyết và thông qua:

- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyết định liên quan với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn

- mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Phải được danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- Tên, tuổi, nhiệm, bất nhiệm và chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng số chủ thể mua, thường và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Bộ nội dung của Điều lệ Công ty;
- Phải được quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Loại cổ phiếu và tổng số cổ phiếu của từng loại được quyền chào bán;
- Chi trả, tính, hợp nhất, cấp chấp hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng vốn đăng ký tại thời điểm của Công ty được ghi trung báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phiếu phát hành của mỗi loại;
- Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trung báo cáo tài chính gần nhất;
- Phải được phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền;
- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, số lượng thành viên HĐQT ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người do HĐQT quyết định vào từng thời điểm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo

của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định hạn chế đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Đề xuất việc bổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Quyết định hạn mức ủy thác vốn và ủy quyền công ty, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua, quy chế hoạt động của ủy ban kiểm toán và các thể lệ khác (nếu có) theo thuộc Hội đồng quản trị;
- Quyết định hình thức tổ chức việc hợp Đại hội đồng cổ đông, dưới chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, tổ chức phát minh trong trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, việc tiếp họp Đại hội đồng cổ đông hoặc hủy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và địa điểm trả cổ tức;
- Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyên biệt và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Quyết định giải chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị gồm:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TOĐ

STT	Họ và tên	Chức vụ
4	Bà Dôi Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính
5	Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Người đại diện quyền công bố thông tin
6	Ông Vũ Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty
7	Ông Surya Hanoi	Thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
9	Ông Lâm Đình Dự	Thành viên HĐQT độc lập
10	Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT độc lập

Ngày 07/07/2024

6. Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần (03) đến năm (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
- Yêu sách chiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính Công ty, đánh hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục kịp thời;
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời số liệu thống kê và tài liệu về công tác quản trị, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách

quản trị công ty phải báo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về việc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp.

Thủ tục, tiền lương và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lưu Tường Giác	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Trần Đức Thuận	Thành viên Ban kiểm soát

Ngày CTCP-Gemaltgt

◆ Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc, ký hợp đồng trong đó quy định thủ tục, tiền lương và lợi ích khác. Thủ tục, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực của nó vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định các vấn đề tài chính của phải có sự phê duyệt hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay một Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, thế chấp và điều hành hợp đồng kinh

- đánh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiểm nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Kiểm nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiểm nghị thu mua, trả lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, trả lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách nhà nước cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- Chịu trách nhiệm và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư trong năm tới, chiến lược đã được HĐQT, HĐQT thông qua;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Đoàn thành Ban Tổng Giám đốc gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Ngày: 07/07/2024

◆ Các phòng ban chức năng

Các phòng ban tại Công ty với các chức năng, nhiệm vụ chính như sau:

- Phòng Hành chính (ADM): Quản lý công tác hành chính, tổ chức sự kiện, thực hiện công tác tiếp xúc các ý kiến, công đoàn.
- Phòng Kế toán (ACC): Lập báo cáo tài chính định kỳ và Quản lý tiền, các khoản phải thu, phải trả, thuế, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, quản lý vốn.
- Phòng Tài chính (FIN): Quản trị kế hoạch tài chính, nguồn vốn và phân phối lợi nhuận; Quản trị đầu tư vốn; Tài sản trực tài chính và Quản trị giá trị doanh nghiệp.

- Phòng Nhân sự tiền lương (HR): Thực hiện các chức năng nhân sự: Tuyển dụng, đào tạo, quản trị nhân sự, quan hệ lao động, lương thưởng phúc lợi, phát triển đội ngũ, truyền thông văn hóa và truyền thông nội bộ; Xây dựng các cơ chế, chế độ chính sách liên quan đến nhân sự tiền lương.
 - Phòng HSE: Đảm bảo An toàn lao động – Sức khỏe nghề nghiệp, an ninh, môi trường và phát triển bền vững ESG, Quản sát tuân thủ, Xử lý tai nạn, sự cố và phòng ngừa tái diễn.
 - Phòng Công nghệ thông tin (IT): Quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin, Triển khai và Vận hành ứng dụng; Quản lý lưu trữ dữ liệu và Bảo mật an ninh.
 - Phòng Pháp chế (LEGAL): Kiểm soát tuân thủ, Tư vấn pháp luật, Thủ tục pháp lý, Thẩm định hợp đồng, dự án, Giải quyết tranh chấp.
 - Phòng Marketing – BD (MKT-BD): Xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược kinh doanh; quan hệ với khách hàng, đối tác, cơ quan chức năng; chăm sóc khách hàng, phát triển thương hiệu, truyền thông.
 - Phòng Mua hàng (PRC): Lập kế hoạch và mua sắm theo quy trình, quy định Tổng hợp, Đánh giá phân tích hiệu quả mua sắm.
 - Phòng Quan hệ công chúng và nhà đầu tư (PRIR): Thực hiện công tác thông tin chủ đại chúng và nhà đầu tư; quản trị rủi ro FIRM.
 - Phòng Nghiên cứu phát triển (R&D): Nghiên cứu su hướng, dự án, lĩnh vực; sản phẩm, phương án hợp tác, mô hình hoạt động cốt lõi, thị trường mục; Đề xuất chính sách; Đánh giá khả thi của dự án sản xuất kinh doanh; Theo dõi, có soát, đánh giá hiệu quả dự án.
 - Phòng Quản lý rủi ro 1 (RM1): Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Kiểm soát hoạt động Đơn vị.
 - Phòng Quản lý rủi ro 2 (RM2): Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh; Kiểm soát sự tuân thủ quy trình, quy định và phân tích hiệu quả sử dụng tài sản Quản lý rủi ro.
 - Ban Chuyển đổi số (CDS): Xây dựng và đảm bảo triển khai kế hoạch chuyển đổi số.
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc có phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc có phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Không có.

3.2. Danh sách công ty con của Tổ chức phát hành
3.2.1. Công ty con sở hữu trực tiếp

STT	Công ty con												
1	<p>CTCP Cảng Nam Định Vũ</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 06/09/2016. GCN ĐKDN: Số 0201741248 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 04/09/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/09/2023. Địa chỉ: Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Định VL, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác cảng, Dịch vụ xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Vốn điều lệ đăng ký: 1.260.000.000.000 đồng (Một ngàn, hai trăm sáu mươi chín tỷ đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Cảng Nam Định VL: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/09/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>60,00%</td> <td>60,00%</td> <td>60,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>60,00%</td> <td>60,00%</td> <td>60,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	Tỷ lệ sở hữu	60,00%	60,00%	60,00%	Tỷ lệ biểu quyết	60,00%	60,00%	60,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024										
Tỷ lệ sở hữu	60,00%	60,00%	60,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	60,00%	60,00%	60,00%										
2	<p>CTCP ICD Nam Hải</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 19/06/2013. GCN ĐKDN: Số 0201679540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 29/06/2013, đăng ký thay đổi lần đầu 1 ngày 31/05/2017. Địa chỉ: Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình VL, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác và lưu giữ hàng hóa. Vốn điều lệ đăng ký: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP ICD Nam Hải: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/09/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>75,00%</td> <td>75,00%</td> <td>75,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>75,00%</td> <td>75,00%</td> <td>75,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(9) CTCP ICD Nam Hải có 2 cổ đông gồm CTCP Gematech góp vốn 75 tỷ đồng chiếm 62% vốn điều lệ. Công ty TNHH Dịch vụ vận tải công nghiệp P.V.M góp vốn 45 tỷ đồng chiếm 37% vốn điều lệ và cổ đông khác góp vốn 20 tỷ đồng chiếm 17% vốn điều lệ. Công ty mẹ GMD sở hữu 100% vốn Công ty TNHH Dịch vụ vận tải công nghiệp P.V.M. Vì vậy, tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP ICD Nam Hải là 62% + 100% + 100% = 262% và tỷ lệ sở hữu là 62% + 100% + 100% = 262%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	Tỷ lệ sở hữu	75,00%	75,00%	75,00%	Tỷ lệ biểu quyết	75,00%	75,00%	75,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024										
Tỷ lệ sở hữu	75,00%	75,00%	75,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	75,00%	75,00%	75,00%										

STT	Công ty con												
3	<p>CTCP Cảng quốc tế Gemadept - Dung Quất</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 21/04/2006 GCN ĐKDN: Số 4300319013 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 11/04/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15/08/2018. Địa chỉ: Bến số 1 - Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa. Vốn điều lệ đăng ký: 10.730.000.000 đồng (Mười một tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Cảng quốc tế Gemadept - Dung Quất: <table border="1" data-bbox="359 750 1396 873"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>80,40%</td> <td>80,40%</td> <td>80,40%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>80,40%</td> <td>80,40%</td> <td>80,40%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(7) Trong giai đoạn 2022 - 2023, Công ty đã mua thêm cổ phần của CTCP Cảng quốc tế Gemadept - Dung Quất từ các cổ đông khác và giữ mua gói hợp với giới hạn trading và các đơn vị khác giữ các gói cổ phần từ lần mua giữ cổ phần của GMD của CTCP Cảng quốc tế Gemadept.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	80,40%	80,40%	80,40%	Tỷ lệ biểu quyết	80,40%	80,40%	80,40%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	80,40%	80,40%	80,40%										
Tỷ lệ biểu quyết	80,40%	80,40%	80,40%										
4	<p>Công ty TNHH Cảng Phước Long</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 26/12/1996 GCN ĐKDN: Số 0394791185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/12/2006, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 21/01/2022. Địa chỉ: Lầu 21, số 20a-4-6 đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác cảng và vận tải đa phương thức. Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Cảng Phước Long: <table border="1" data-bbox="359 1579 1396 1713"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										

(Phần còn lại của trang này được nối ở trang tiếp theo)

STT	CÔNG TY												
đ	<p>CTCP Dịch vụ Vận tải Trường Thọ</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 08/09/2018. GCN ĐKDN: số 0305090282 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/09/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/05/2022. Địa chỉ: 429/4 Đường Song Hành, Xã Số Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trưng Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hạng động kinh doanh chính: Bưu cấp hàng hóa. Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Dịch vụ Vận tải Trường Thọ: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>46,00%</td> <td>46,00%</td> <td>46,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>54,00%</td> <td>54,00%</td> <td>54,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Công ty chào quyền chào bán CTCP Dịch vụ Vận tải Trường Thọ đã được ra lệ quyết của Hội đồng cổ đông để dự tỷ lệ biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 50%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	46,00%	46,00%	46,00%	Tỷ lệ biểu quyết	54,00%	54,00%	54,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	46,00%	46,00%	46,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	54,00%	54,00%	54,00%										
g	<p>Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 03/04/2008. GCN ĐKDN: số 0305073025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/04/2008, công ty thay đổi lần thứ 5 ngày 04/02/2021. Địa chỉ: Số 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hạng động kinh doanh chính: mua bán, vận chuyển và bảo dưỡng container. Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										

(Phần còn lại của trang này được nối ở tiếp trang)

STT	Công ty con												
1	<p>Công ty TNHH ISS – Genadept</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 28/01/2008. CCCN BICDN: Số 0305460958 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/06/2017. Địa chỉ: Số 43 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chỉ tiêu: Cung cấp các dịch vụ đại lý tài biến bao gồm: thu xếp nơi neo đậu cho các tàu cập cảng tại Việt Nam, Cung cấp dịch vụ thông quan cho các tàu ra vào cảng). Vốn điều lệ đăng ký: 3.200.000.000 đồng (ương đương 200.000 USD). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của QMG tại Công ty TNHH ISS – Genadept: <table border="1" data-bbox="359 884 1396 1008"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tỷ QMG sở hữu 102.000 USD của Công ty TNHH ISS – Genadept, do đó tỷ lệ sở hữu của QMG tại Công ty TNHH ISS – Genadept là 51,00%. Tổng số giá trị thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của QMG của Công ty TNHH ISS – Genadept là 1.432.504.000 đồng.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	51,00%	51,00%	51,00%	Tỷ lệ biểu quyết	51,00%	51,00%	51,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	51,00%	51,00%	51,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	51,00%	51,00%	51,00%										
2	<p>Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 02/12/2010. CCCN BICDN: Số 0210490004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/02/2022. Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của QMG tại Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương: <table border="1" data-bbox="359 1680 1396 1803"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										

STT	CÔNG ĐƠN												
9	<p>Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 10/10/2011. GCN ĐKDN: Số 0511225750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 10/10/2011, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 25/01/2022. Địa chỉ: 38a-4-6 Lê Thành Tín, Phường Bàu Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Trồng trọt, khai thác cây cao su Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng (Sáu trăm tỷ đồng) <i>Generalist đã góp 170.000.000.000 đồng vào Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương. Generalist có quyền hạn chế tại điều chỉnh vốn điều lệ đăng ký và đồng góp tư vấn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.</i> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương <table border="1" data-bbox="351 929 1396 1064"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2021</th> <th>31/12/2022</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										
10	<p>CTCP Hòa Ngọc Thái Bình Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 05/11/2010. Giấy phép kinh doanh: Số BV. 2002 H/2010 do Bộ Thương mại của Campuchia cấp ngày 3 tháng 11 năm 2010. Công ty được Bộ Thương mại cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 00124118 ngày 05 tháng 12 năm 2011. Địa chỉ: Sokak village, BoYe commune, Quận Kchh Sraak, Tỉnh Mondulkiri, Campuchia. Hoạt động kinh doanh chính: Trồng và khai thác cây cao su. Vốn điều lệ đăng ký: 27.594.678 USD <i>Generalist đã góp 27.594.678 USD vào CTCP Hòa Ngọc Thái Bình Dương (trung thành 596.721.892.339 đồng theo tỷ giá góp vốn theo số tài khoản tiền góp vốn) Người ra, Generalist có chủ trương thoái vốn phần vốn góp tại CTCP Hòa Ngọc Thái Bình Dương để tập trung nguồn lực với hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.</i> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Hòa Ngọc Thái Bình Dương <table border="1" data-bbox="351 1713 1396 1848"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2021</th> <th>31/12/2022</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table> <p><i>CTCP Hòa Ngọc Thái Bình Dương đã là người đại diện tự nguyện góp vốn của GMD với tỷ lệ sở hữu của GMD tại CTCP Hòa Ngọc Thái Bình Dương là 100%.</i></p>	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										

STT	Công ty con												
11	<p>CTCP Hoa Sen Thái Bình Dương</p> <ul style="list-style-type: none">Ngày thành lập: 03/11/2010.Giấy phép kinh doanh: Số ĐN/ 2091 Đ/2010 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày 03 tháng 11 năm 2010. Công ty được Bộ Thương mại cấp Giấy phép đầu tư với mã số 00015902 ngày 05 tháng 12 năm 2011.Địa chỉ: Bayak village, BeYea commune, Quén Kôb Nôank, Tỉnh Mondulakiri, Campuchia.Hoạt động kinh doanh chính: Trồng và khai thác cây cao su.Vốn điều lệ đăng ký: 49.462.848 USD. <p>Trong kỳ báo cáo 30/06/2024, Gemadepet đã góp 43.712.848 USD tương đương 1.001.105.367.395 đồng Việt Nam tỷ giá góp vốn được sử dụng tại tổng tài sản góp vốn. Gemadepet sẽ tiếp tục góp vốn vào CTCP Hoa Sen Thái Bình Dương trong thời gian tới. Ngoài ra, Gemadepet là chủ trương stock split phần vốn góp tại CTCP Hoa Sen Thái Bình Dương để tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.</p> <ul style="list-style-type: none">Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Hoa Sen Thái Bình Dương: <table border="1"><thead><tr><th>Chỉ tiêu</th><th>31/12/2023</th><th>31/12/2023</th><th>30/06/2024</th></tr></thead><tbody><tr><td>Tỷ lệ sở hữu</td><td>100%</td><td>100%</td><td>100%</td></tr><tr><td>Tỷ lệ biểu quyết</td><td>100%</td><td>100%</td><td>100%</td></tr></tbody></table> <p>(Tỷ Các cổ đông góp vốn vào CTCP Hoa Sen Thái Bình Dương đều là người đại diện tự nhiên góp vốn của GMD với tỷ lệ sở hữu của GMD tại CTCP Hoa Sen Thái Bình Dương là 100%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										

(Phần còn lại của trang này được nối ở tờ tiếp)

CTP	Công ty (mã)												
12	<p>CTCP Niêm Kếu Hành Thái Bình Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 05/11/2010. Giấy phép kinh doanh: Số ĐVY, 2004 H/2010 do Bộ Thương mại Campuchia cấp ngày 03 tháng 11 năm 2010. Công ty được Bộ Thương mại cấp Giấy phép đầu tư vào đất số 001/343 ngày 05 tháng 12 năm 2011. Địa chỉ: Reuak village, RaYn commune, Quê Koh Nheak, Tỉnh Monduliri, Campuchia. Hoạt động kinh doanh chính: Trồng và khai thác cây cao su. Vốn điều lệ (đăng ký): 27.764.789 USD. <p>Tính từ thời điểm 30/06/2024, Gemateq đã góp 23.146.934 USD tương đương 315.323.474.590 đồng vào CTCP Niêm Kếu Hành Thái Bình Dương. Gemateq sẽ tiếp tục góp vào vào CTCP Niêm Kếu Hành Thái Bình Dương trong thời gian tới. Ngoài ra, Gemateq có chủ trương thu hồi phần vốn góp tại CTCP Niêm Kếu Hành Thái Bình Dương để tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.</p> <ul style="list-style-type: none"> Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Niêm Kếu Hành Thái Bình Dương: <table border="1" data-bbox="359 1019 1396 1142"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Các cổ đông góp vốn của CTCP Niêm Kếu Hành Thái Bình Dương đều là người dân địa phương góp vốn của GMD với tỷ lệ sở hữu của GMD tại CTCP Niêm Kếu Hành Thái Bình Dương là 100%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										
13	<p>Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 11/12/2001. GCN ĐKDN: Số 0302462382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/12/2001, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 22/03/2015. Địa chỉ: Số 12, Gemateq Tower, số 2Bis-4-3 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải. Vốn điều lệ (đăng ký): 25.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M: <table border="1" data-bbox="359 1848 1396 1982"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	100%	100%	100%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										

STT		Chi tiết														
14	<p>CTCP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 30/07/2007. • GCN ĐKDN: Số 1100791683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 30/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/09/2022. • Địa chỉ: Số 147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam. • Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật, cơ sở dân dụng. • Vốn điều lệ đăng ký: 129.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi chín tỷ đồng) • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Theo Điều lệ của CTCP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept, CTCP Gemadept chỉ được quyền phát hành thêm cổ phiếu của tập đoàn quản lý Giám đốc của CTCP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept với CTCP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept không được chuyển của CTCP Gemadept.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	50,00%	50,00%	50,00%	Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%			
	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024												
Tỷ lệ sở hữu	50,00%	50,00%	50,00%													
Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%													
15	<p>CTCP Gemadept Vũng Tàu</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 16/10/2007. • GCN ĐKDN: Số 3300822035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 16/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/10/2021. • Địa chỉ: số 1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam. • Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác như cầu, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, Xây dựng bến cảng. • Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng (Chín mươi sáu tỷ đồng) • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Gemadept Vũng Tàu: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>70,00%</td> <td>70,00%</td> <td>70,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>70,00%</td> <td>70,00%</td> <td>70,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	70,00%	70,00%	70,00%	Tỷ lệ biểu quyết	70,00%	70,00%	70,00%			
	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024												
Tỷ lệ sở hữu	70,00%	70,00%	70,00%													
Tỷ lệ biểu quyết	70,00%	70,00%	70,00%													

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

STT	Công ty (m)												
16	<p>CTCP Genadept Miền Trung</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 25/03/2012 GCN ĐKDN: Số 0402099311 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 25/03/2012. Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Indochina Riverside Tower, Số 74 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa. Vốn điều lệ đăng ký: 26.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Genadept Miền Trung: <table border="1" data-bbox="359 672 1396 795"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>88,04%</td> <td>88,04%</td> <td>88,04%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>100%</td> <td>100%</td> <td>100%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(1) CTCP Genadept Miền Trung có 1 cổ đông gồm GMD (TTTC). Công ty TNHH Dịch vụ vận tải hàng hóa K.M.M (TPH) và CTCP Công Quốc tế Transocean Đông Quốc (TĐQ). Trong đó, GMD là chủ (Hành Công ty TNHH Dịch vụ vận tải hàng hóa K.M.M có sở hữu 88,04% CTCP Công Quốc tế Genadept Đông Quốc. Tỷ lệ tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Genadept Miền Trung là 100% và tỷ lệ sở hữu là 75% + 100%*10% + 25,40%*10% = 88,04%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	88,04%	88,04%	88,04%	Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	88,04%	88,04%	88,04%										
Tỷ lệ biểu quyết	100%	100%	100%										
17	<p>CTCP Công Nam Hải Bình Vĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 11/04/2012 GCN ĐKDN: Số 0201254279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 11/04/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/04/2023. Địa chỉ: Kèo số 6 đường Đinh Vĩ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kho bãi lưu giữ hàng hóa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải. Vốn điều lệ đăng ký: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Công Nam Hải Bình Vĩ: <table border="1" data-bbox="359 1601 1396 1724"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>84,67%</td> <td>0%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>84,67%</td> <td>0%</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(1) Trong năm 2022, Công ty đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng vốn tại Công Nam Hải Bình Vĩ</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	84,67%	0%	0%	Tỷ lệ biểu quyết	84,67%	0%	0%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	84,67%	0%	0%										
Tỷ lệ biểu quyết	84,67%	0%	0%										

(Phần còn lại của trang này được cắt bỏ để tránh)

STT	Công ty con															
18	CTCP Công Nam Hải															
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 08/06/2007 • GCN ĐKDN: Số 0280003188 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 08/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 09/05/2019. • Địa chỉ: Số 201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. • Hoạt động kinh doanh chính: Đầu tư khai thác công biển và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải. • Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Công Nam Hải: 															
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>99,98%</td> <td>99,99%</td> <td>0%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>99,98%</td> <td>99,98%</td> <td>0%</td> </tr> </tbody> </table>				Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	99,98%	99,99%	0%	Tỷ lệ biểu quyết	99,98%	99,98%	0%
	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024												
	Tỷ lệ sở hữu	99,98%	99,99%	0%												
Tỷ lệ biểu quyết	99,98%	99,98%	0%													
<p>(Tỷ trọng 1 tháng đầu năm 2024: GMD sở hữu cổ phiếu ưu đãi không phải của Công ty tại Công ty cổ phần Công Nam Hải)</p>																
<p>Nguồn: CTCP Công Nam Hải</p>																

Nguồn: CTCP Công Nam Hải

4.2.2. Công ty con sở hữu gián tiếp

STT	Công ty con															
1	CTCP Công Bình Dương															
	<ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 19/06/2002 • GCN ĐKDN: Số 170054668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 19/06/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20/06/2023. • Địa chỉ: Tờ số 1738, THĐ số 7 (KH-10), Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. • Hoạt động kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. • Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tỷ, bốn trăm triệu đồng) • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Công Bình Dương: 															
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>80,00%</td> <td>80,00%</td> <td>80,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>80,00%</td> <td>80,00%</td> <td>80,00%</td> </tr> </tbody> </table>				Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	80,00%	80,00%	80,00%	Tỷ lệ biểu quyết	80,00%	80,00%	80,00%
	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024												
	Tỷ lệ sở hữu	80,00%	80,00%	80,00%												
Tỷ lệ biểu quyết	80,00%	80,00%	80,00%													
<p>(Tỷ GMD sở hữu chiếm Công ty TNHH Công Phúc Long, Công ty TNHH Công Phúc Long sở hữu 50,00% CTCP Công Bình Dương. Tỷ lệ sở hữu biểu quyết của GMD tại CTCP Công Bình Dương là 80,00% số tỷ lệ sở hữu gián tiếp là 0,00% và 0,00% lần lượt)</p>																
<p>Nguồn: Công ty TNHH Công Phúc Long</p>																

STT	- CHI TIẾT CỤ THỂ												
2	<p>CTCP Vận tải Đa phương thức Bình Dương</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 11/01/2002. GCN ĐKDN: Số 3703039897 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 11/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/03/2002. Địa chỉ: TD số 1738, TBD số 9 (BT-6), Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa đa phương thức. Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Vận tải Đa phương thức Bình Dương: <table border="1" data-bbox="359 705 1396 817"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2021</th> <th>31/12/2022</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>48,89%</td> <td>48,03%</td> <td>48,03%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>66,87%</td> <td>66,87%</td> <td>66,87%</td> </tr> </tbody> </table> <p>^(*) Công ty Cổ phần Miền Đông (Công ty TNHH Công Phước Long) Công ty TNHH Công Phước Long sở hữu 10,00% CTCP Cảng Bình Dương; CTCP Cảng Bình Dương sở hữu 80% CTCP Vận tải Đa phương thức Bình Dương. Vì vậy, tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Vận tải Đa phương thức Bình Dương là 80% và tỷ lệ sở hữu gián tiếp là 100% (10,00% x 80% = 8,00%).</p>	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	48,89%	48,03%	48,03%	Tỷ lệ biểu quyết	66,87%	66,87%	66,87%
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	48,89%	48,03%	48,03%										
Tỷ lệ biểu quyết	66,87%	66,87%	66,87%										
3	<p>CTCP Dịch vụ Cảng Genadept</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 07/03/2017. GCN ĐKDN: Số 0202151034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 07/03/2017. Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Thước Dại 3, Số 4 đường Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển. Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Dịch vụ Cảng Genadept: <table border="1" data-bbox="359 1523 1396 1646"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2021^(*)</th> <th>31/12/2022^(**)</th> <th>30/06/2024^(**)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>59,99%</td> <td>60,00%</td> <td>60,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>60,00%</td> <td>60,00%</td> <td>60,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>^(*) Từ ngày 11/01/2002 GMD sở hữu 91,89% CTCP Cảng Vạn An; CTCP Cảng Vạn An sở hữu 80% CTCP Dịch vụ Cảng Genadept. Vì vậy, tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Dịch vụ Cảng Genadept là 80% và tỷ lệ sở hữu gián tiếp là 98,89% (91,89% x 80% = 73,51%).</p> <p>^(**) Trong năm 2024, Công ty TNHH Dịch vụ vận tải công nghiệp F&M nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của công ty Nam Hải tại CTCP Dịch vụ Cảng Genadept (80%) và GMD tại Công ty TNHH Công ty TNHH Dịch vụ vận tải công nghiệp F&M. Vì vậy, từ ngày 31/12/2023 tỷ lệ</p>	Chỉ tiêu	31/12/2021 ^(*)	31/12/2022 ^(**)	30/06/2024 ^(**)	Tỷ lệ sở hữu	59,99%	60,00%	60,00%	Tỷ lệ biểu quyết	60,00%	60,00%	60,00%
Chỉ tiêu	31/12/2021 ^(*)	31/12/2022 ^(**)	30/06/2024 ^(**)										
Tỷ lệ sở hữu	59,99%	60,00%	60,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	60,00%	60,00%	60,00%										

STT	Công ty mới												
4	<p data-bbox="359 246 1404 336">2024/2024 là tỷ lệ quyết của GMD tại CTCP Dịch vụ Công Cộng tại Công ty TNHH Liên doanh GMD ASI.</p> <p data-bbox="359 358 909 403">Công ty TNHH Liên doanh GMD ASI,</p> <ul data-bbox="359 414 1404 907" style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 18/12/2022 • GCN ĐKDN: Số 0202182433 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 18/12/2022 • Địa chỉ: Phòng 705, Tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 4 đường Lê Thành Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. • Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ xếp dỡ container, dịch vụ kho bãi, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ • Vốn điều lệ đăng ký: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Liên doanh GMD ASI: <table border="1" data-bbox="359 907 1404 1041"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2023⁽¹⁾</th> <th>31/12/2023⁽²⁾</th> <th>30/06/2024⁽³⁾</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>30,59%</td> <td>30,60%</td> <td>30,60%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>31,00%</td> <td>31,00%</td> <td>31,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p data-bbox="359 1041 1404 1176">⁽¹⁾ GMDH sở hữu 30,59% CTCP Dịch vụ Công Cộng tại Công ty TNHH Liên doanh GMD ASI. Tỷ lệ biểu quyết của GMDH tại Công ty TNHH Liên doanh GMD ASI là 31% và tỷ lệ sở hữu gián tiếp là 31,00%*31% = 30,91%.</p> <p data-bbox="359 1187 1404 1321">⁽²⁾ GMDH sở hữu 30% CTCP Dịch vụ Công Cộng tại Công ty TNHH Liên doanh GMD ASI. Tỷ lệ biểu quyết của GMDH tại Công ty TNHH Liên doanh GMD ASI là 31% và tỷ lệ sở hữu gián tiếp là 30%*31% = 30,9%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2023 ⁽¹⁾	31/12/2023 ⁽²⁾	30/06/2024 ⁽³⁾	Tỷ lệ sở hữu	30,59%	30,60%	30,60%	Tỷ lệ biểu quyết	31,00%	31,00%	31,00%
Chỉ tiêu	31/12/2023 ⁽¹⁾	31/12/2023 ⁽²⁾	30/06/2024 ⁽³⁾										
Tỷ lệ sở hữu	30,59%	30,60%	30,60%										
Tỷ lệ biểu quyết	31,00%	31,00%	31,00%										
5	<p data-bbox="359 1344 829 1388">Công ty TNHH Liên doanh GNL,</p> <ul data-bbox="359 1400 1404 1803" style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 08/05/2024 • GCN ĐKDN: Số 0202241126 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 08/05/2024. • Địa chỉ: Lô CN3 Khu công nghiệp MP Địch Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng. • Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ kho bãi. • Vốn điều lệ đăng ký: 5.000.000.000 đồng. • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Liên doanh GNL: <table border="1" data-bbox="359 1803 1404 1937"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2023</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>-</td> <td>-</td> <td>30,60%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>-</td> <td>-</td> <td>31,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p data-bbox="359 1937 1404 1982">⁽¹⁾ GMDH sở hữu 30% CTCP Dịch vụ Công Cộng tại Công ty TNHH Liên doanh GNL.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	-	-	30,60%	Tỷ lệ biểu quyết	-	-	31,00%
Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	-	-	30,60%										
Tỷ lệ biểu quyết	-	-	31,00%										

STT	Chi tiết nội dung
	<p>100% Công ty TNHH Liên doanh GMD và tỷ lệ 1% là khoản góp của GMD tại Công ty TNHH Liên doanh GMD là 100% và tỷ lệ 1% là khoản góp của GMD tại Công ty TNHH</p>

Người: CTCP Gematept

3.3. Danh sách những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

3.3.1. Công ty liên doanh, liên kết sở hữu (trực tiếp)

STT	Chi tiết nội dung (tính đến 31/12/2023)												
1	<p>Công ty TNHH CJ Gematept Logistics Holdings</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 31/07/2017 GCN ĐKDN: Số 03144546021 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/07/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 19/09/2023. Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vốn điều lệ đăng ký: 266.501.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm lẻ một triệu đồng) Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê, lưu giữ hàng hóa, hoạt động tư vấn quản lý. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ hiệu quyền của GMD tại Công ty TNHH CJ Gematept Logistics Holdings: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/09/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ hiệu quyền</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(Tỷ trọng góp cổ phần của GMD của Công ty TNHH CJ Gematept Logistics Holdings, góp tư vấn tư của GMD của Công ty TNHH CJ Gematept Logistics Holdings của các khoản cổ phiếu liên quan trực tiếp đến việc góp vốn thành lập công ty như chi phí tư vấn, phí thành lập công ty)</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024	Tỷ lệ sở hữu	49,10%	49,10%	49,10%	Tỷ lệ hiệu quyền	49,10%	49,10%	49,10%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/09/2024										
Tỷ lệ sở hữu	49,10%	49,10%	49,10%										
Tỷ lệ hiệu quyền	49,10%	49,10%	49,10%										
2	<p>Công ty TNHH CJ Gematept Shipping Holdings</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 04/07/2017 GCN ĐKDN: Số 0314402497 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/07/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 21/09/2023 Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn vận tải thành, tư vấn thuê và tư vấn pháp lý). Vốn điều lệ đăng ký: 204.100.000.000 đồng (Hai trăm lẻ bốn tỷ, một triệu 												

STT	Công ty liên doanh, liên kết												
	<p>(**) Theo Điều 5 của CTCP Công Giải lập Gemstone - Financial Link, các nghị quyết của HĐQT phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đồng ý thông qua. Tỷ lệ tỷ lệ biểu quyết của GMD của 80%</p>												
4	<p>CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 08/04/2008 • GCN ĐKDN: Số 4103009437 do Sở KH và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 04/7/08, lần đầu chỉnh sửa nhất là lần thứ 19 cấp ngày 18/05/2024 • Địa chỉ: Số 30 Phan Thái Dựn, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. • Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa. • Vốn điều lệ đăng ký: 1.028.769.820.000 (Một ngàn không năm hai mươi tỷ bảy trăm sáu mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn: <table border="1" data-bbox="359 907 1396 1030"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022^(*)</th> <th>31/12/2023^(**)</th> <th>06/06/2024^(***)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>76,60%</td> <td>38,42%</td> <td>36,24%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>36,04%</td> <td>38,42%</td> <td>34,24%</td> </tr> </tbody> </table> <p>Trong năm 2024, Gemstone đã mua thêm cổ phần của CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn từ các cổ đông khác với giá mua phù hợp với giá thị trường và của bên nhận giá mua phù hợp theo quy định của pháp luật của GMD của CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn.</p> <p>Đến 31/12/2023 GMD sở hữu 31,17% Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, Công ty TNHH Dịch vụ vận tải tổng hợp F&M sở hữu 2,67% Cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn. Trong đó, GMD sở hữu 170% Công ty TNHH Dịch vụ vận tải tổng hợp F&M. Tỷ lệ tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn là 31,17% + 2,67% = 33,84%</p> <p>Đến 31/12/2022 GMD sở hữu 31,17% Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, Công ty TNHH Dịch vụ vận tải tổng hợp F&M sở hữu 2,27% Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn. Trong đó, GMD sở hữu 100% Công ty TNHH Dịch vụ vận tải tổng hợp F&M. Tỷ lệ tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn là 31,17% + 2,27% = 33,44%</p> <p>Đến 06/06/2024 GMD sở hữu 33,42% Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn, Công ty TNHH Dịch vụ vận tải tổng hợp F&M sở hữu 2,82% Công ty cổ phần dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn. Trong đó, GMD sở hữu 100% Công ty TNHH Dịch vụ vận tải tổng hợp F&M. Tỷ lệ tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn là 33,42% + 2,82% = 36,24%</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022 ^(*)	31/12/2023 ^(**)	06/06/2024 ^(***)	Tỷ lệ sở hữu	76,60%	38,42%	36,24%	Tỷ lệ biểu quyết	36,04%	38,42%	34,24%
Chỉ tiêu	31/12/2022 ^(*)	31/12/2023 ^(**)	06/06/2024 ^(***)										
Tỷ lệ sở hữu	76,60%	38,42%	36,24%										
Tỷ lệ biểu quyết	36,04%	38,42%	34,24%										

STT		Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam														
5	Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Genadept <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 13/12/2014 GCN ĐKDN: Số 0112019194 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 28/03/2022. Địa chỉ: Số 2bis-4-6 Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Vốn điều lệ đăng ký: 216.000.000.000 đồng (Hai trăm mười sáu tỷ lệ ba triệu đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line - Genadept: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>10,00%</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	50,00%	50,00%	50,00%	Tỷ lệ biểu quyết	10,00%	50,00%	50,00%			
	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024												
Tỷ lệ sở hữu	50,00%	50,00%	50,00%													
Tỷ lệ biểu quyết	10,00%	50,00%	50,00%													
6	Công ty TNHH Golden Globe <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 20/11/2010 GCN ĐKDN: Số 405/NKHH-ĐTRVN do Bộ Kế hoạch & Đầu tư Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào cấp lần đầu ngày 20/11/2010; Điều chỉnh lần 2 số 201700314 ngày 26/04/2017 Địa chỉ: Ban Sibouavong, Quận Champasak, Thủ đô Vientiane, Lào. Hoạt động kinh doanh chính: Xây dựng trung tâm thương mại; Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hộ và khách sạn Vốn điều lệ đăng ký: 12.000.000 USD. Genadept đã góp 4.000.000 USD vào Công ty TNHH Golden Globe, tương đương 101.821.852.496 đồng theo tỷ giá góp vốn được sử dụng làm góp vốn Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Golden Globe: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	40,00%	40,00%	40,00%	Tỷ lệ biểu quyết	40,00%	40,00%	40,00%			
	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024												
Tỷ lệ sở hữu	40,00%	40,00%	40,00%													
Tỷ lệ biểu quyết	40,00%	40,00%	40,00%													

(Phần còn lại của trong này được cô ý để trống)

STT	Công ty TNHH thành viên												
7	<p>Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 05/10/2004 GCN ĐKDN: số 0304535195 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 cấp ngày 21/09/2017 Địa chỉ: số 117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh nhai s; Tổ chức hội nghị, hội thảo; Mua bán thiết bị văn phòng, máy vi tính và phụ kiện, văn phòng phẩm, đồ dùng và nhận và gia đình (trừ vàng, bạc, đồ thủ công); Kinh doanh vận chuyển hàng; mua hàng ô tô và đường thủy; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô và đường thủy theo hợp đồng; Đầu tư xây dựng văn phòng để bán hoặc cho thuê; Xây dựng công trình dân dụng. Vốn điều lệ đăng ký: 33.600.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ sáu trăm triệu đồng). Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng: <table border="1" data-bbox="351 1041 1380 1176"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>45,00%</td> <td>45,00%</td> <td>45,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>45,00%</td> <td>45,00%</td> <td>45,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Gemaltpa đã mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng từ đối tác với giá mua phù hợp với giá trị trường và các khoản giá trị phần vốn góp mua lại của đối tác với giá trị mua lại phù hợp với giá trị phần vốn góp của Gemaltpa vào Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	45,00%	45,00%	45,00%	Tỷ lệ biểu quyết	45,00%	45,00%	45,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	45,00%	45,00%	45,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	45,00%	45,00%	45,00%										
8	<p>CICP Liên hợp Thực phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 15/01/2005 GCN ĐKDN: số 0303090235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp lần đầu ngày 11/12/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/02/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Địa chỉ: số 267 đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến kinh doanh thực phẩm chế biến công từ nông sản, bia, nước giải khát, rượu, bia, bánh, mứt các loại. Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CICP Liên hợp Thực phẩm: <table border="1" data-bbox="351 1870 1380 1998"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>26,56%</td> <td>26,56%</td> <td>26,56%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>26,56%</td> <td>26,56%</td> <td>26,56%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	26,56%	26,56%	26,56%	Tỷ lệ biểu quyết	26,56%	26,56%	26,56%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	26,56%	26,56%	26,56%										
Tỷ lệ biểu quyết	26,56%	26,56%	26,56%										

STT	Công ty Cổ phần, Hợp tác xã												
	<p>(*) <i>Consolidated</i> là báo cáo tài chính của CTCP Liên hợp Thủy sản và cổ đông khác với giá mua phù hợp với giá thị trường và các khoản nhận góp vốn từ đầu tư lần đầu tiên của các cổ đông vào CTCP Liên hợp Thủy sản.</p>												
9	<p>CTCP Du lịch Minh Đạt</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 25/08/2003 GCN ĐKDN: Số 3198613021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 05/08/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 5 cấp ngày 05/04/2013 Địa chỉ: Cầu Trục, Khu phố Hòa Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; Kinh doanh vũ trường; kinh doanh phòng hát karaoke; kinh doanh hội trường; dịch vụ nghỉ mát, spa bóp (massage); Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao; Mua bán đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Vận tải khách theo hợp đồng; Kinh doanh lễ hội và sự kiện; Kinh doanh 30 hình quần áo; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Khách sạn biệt thự, sân bộ và kinh doanh du lịch. Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Du lịch Minh Đạt: <table border="1" data-bbox="363 1099 1401 1218"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>30/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> <td>40,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) <i>Consolidated</i> báo cáo tài chính của CTCP Du lịch Minh Đạt và cổ đông khác với giá mua phù hợp với giá thị trường và các khoản nhận góp vốn từ đầu tư. Các khoản góp vốn của GMD vào CTCP Du lịch Minh Đạt. Tỷ lệ sở hữu của GMD tại CTCP Du lịch Minh Đạt khác nhau với tỷ lệ biểu quyết của GMD trên tổng giá trị vốn góp thực tế của các cổ đông. GMD đã mua lại dự phòng 100% giá trị đầu tư vào CTCP Du lịch Minh Đạt từ năm 2018.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	30/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	40,00%	40,00%	40,00%	Tỷ lệ biểu quyết	40,00%	40,00%	40,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	30/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	40,00%	40,00%	40,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	40,00%	40,00%	40,00%										

(Phần còn lại của bảng này được liệt kê ở trang)

STT	Công ty liên doanh - liên kết												
10	<p>CTCP Thương cảng Vũng Tàu</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 23/01/2003 GCN ĐKDN: Số 1500561432 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23/01/2003, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 18 tháng 10 năm 2023. Địa chỉ: Số 973 đường 20/4, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vốn điều lệ đăng ký: 26.000.000.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Thương cảng Vũng Tàu: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>26,78%</td> <td>26,78%</td> <td>26,78%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>26,78%</td> <td>26,78%</td> <td>26,78%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	26,78%	26,78%	26,78%	Tỷ lệ biểu quyết	26,78%	26,78%	26,78%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	26,78%	26,78%	26,78%										
Tỷ lệ biểu quyết	26,78%	26,78%	26,78%										

Nguồn: CTCP GHI

8.3.2. Công ty liên doanh, liên kết sơ cấp gián tiếp

STT	Công ty liên doanh liên kết												
1	<p>Công ty TNHH MTV Tập vận GHI</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 10/03/2008 GCN ĐKDN: Số 1780882109 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 10/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 cấp ngày 23/10/2023 Địa chỉ: Lô H, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Vốn điều lệ đăng ký: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng) Hoạt động kinh doanh chính: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH MTV Tập vận GHI: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>30/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(*) Công ty TNHH CV GHI Logistics Holdings sở hữu trực tiếp 100% Công ty TNHH MTV Tập vận GHI. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH CV GHI Logistics Holdings là 49,10%. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu (gián tiếp) và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH MTV Tập vận GHI là $100\% \times 49,10\% = 49,10\%$.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	49,10%	49,10%	49,10%	Tỷ lệ biểu quyết	49,10%	49,10%	49,10%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	49,10%	49,10%	49,10%										
Tỷ lệ biểu quyết	49,10%	49,10%	49,10%										



STT		Công ty liên quan, tên gọi														
2	<p>CTCP Miềnng Logistics</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 19/06/2015 GCN ĐKDN: Số 6300263071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 19/06/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 5 cấp ngày 23/07/2019 Địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ mua sắm các vật tư đường thủy. Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Miềnng Logistics: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2021</th> <th>31/12/2022</th> <th>30/09/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>25,02%</td> <td>25,02%</td> <td>25,02%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>25,02%</td> <td>25,02%</td> <td>25,02%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(Công ty Cổ phần Mưu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH CJ Genesight Logistics Holdings là 49,10%. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty TNHH CJ Genesight Logistics Holdings tại Công ty TNHH MTV Tập vận Genesight là 100%. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Công ty TNHH MTV Tập vận Genesight tại CTCP Miềnng Logistics là 25,02%. Tỷ lệ sở hữu (quản lý) và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại CTCP Miềnng Logistics là 25,02% - 25,02%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2024	Tỷ lệ sở hữu	25,02%	25,02%	25,02%	Tỷ lệ biểu quyết	25,02%	25,02%	25,02%			
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2024													
Tỷ lệ sở hữu	25,02%	25,02%	25,02%													
Tỷ lệ biểu quyết	25,02%	25,02%	25,02%													
3	<p>Công ty TNHH MTV Genesight Hải Phòng</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày thành lập: 06/08/2007 GCN ĐKDN: Số 0210760181 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 cấp ngày 25/09/2020 Địa chỉ: Phòng 711-718, tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 3, Số 4 Lê Thánh Tông, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa vận biển và vận đường. Vốn điều lệ đăng ký: 21.934.743.000 đồng (hai mươi mốt tỷ, chín trăm hai mươi mốt triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn đồng) Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH MTV Genesight Hải Phòng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2021</th> <th>31/12/2022</th> <th>30/09/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> <td>49,10%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(Công ty TNHH CJ Genesight Logistics Holdings là chủ mua tập 100% Công ty TNHH MTV Genesight Hải Phòng. Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH CJ Genesight Logistics Holdings là 49,10%. Tỷ lệ sở hữu (quản lý) và tỷ lệ biểu quyết</p>	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2024	Tỷ lệ sở hữu	49,10%	49,10%	49,10%	Tỷ lệ biểu quyết	49,10%	49,10%	49,10%			
Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2024													
Tỷ lệ sở hữu	49,10%	49,10%	49,10%													
Tỷ lệ biểu quyết	49,10%	49,10%	49,10%													

STT	Công ty liên danh liên kết												
4	<p>Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 06/07/2017. • GCN ĐKDN: Số 0314408298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 06/07/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 5 cấp ngày 15/08/2023 • Địa chỉ: Số 6 Lê Thành Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. • Hoạt động kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa ven biển và vùng đông. • Vốn điều lệ đăng ký: 63.300.000.000 đồng (sáu mươi ba tỷ ba trăm triệu đồng) • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept: <table border="1" data-bbox="359 862 1396 985"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>09/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(T) Công ty TNHH CV Gemadept Shipping Holdings sở hữu trực tiếp 100% Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept. GMD sở hữu trực tiếp 51% cổ phần của Công ty TNHH CV Gemadept Shipping Holdings. Vì vậy, 51% số biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept là 100% x 51,00% = 51,00%.</p> <p>Hơn nữa là của Công ty TNHH CV Gemadept Shipping Holdings các ngày quyết của Hội đồng quản trị phải được số phiếu đại diện ít nhất 51% tổng số biểu quyết của các thành viên của thành viên có số biểu quyết của GMD tại Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept của 30%.</p>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	09/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	51,00%	51,00%	51,00%	Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	09/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	51,00%	51,00%	51,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%										
5	<p>Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 11/08/2017 • GCN ĐKDN: Số 301722962M do Cơ Quan Quản Lý Doanh Nghiệp và Kế Toán (ACRA) tại Singapore cấp ngày 11/08/2017. • Địa chỉ: 57 Market Street #05 - 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942. • Hoạt động kinh doanh chính: Cho thuê tàu, thuyền, và lán • Vốn điều lệ đăng ký: 7.000.000 Đô la Singapore • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd: <table border="1" data-bbox="359 1848 1396 1971"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>31/12/2022</th> <th>31/12/2023</th> <th>09/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> <td>51,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	09/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	51,00%	51,00%	51,00%	Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%
Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	09/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	51,00%	51,00%	51,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%										

STT	CÔNG TY CỔ PHẦN, HỒN LẬP												
	<p>Công ty TNHH CP Gemadep Shipping Holdings là chủ sở hữu 100% Gemadep Shipping Singapore Pte. Ltd. GMD là chủ sở hữu 31% cổ phần của Công ty TNHH CP Gemadep Shipping Holdings. Tỷ lệ tỷ lệ sở hữu (quản trị) của GMD tại Gemadep Shipping Singapore Pte. Ltd là 100% và 31,00% và 31,00%.</p> <p>Điều lệ lệ của Công ty TNHH CP Gemadep Shipping Holdings, các nghị quyết của Hội đồng thành viên phát hành cổ phiếu dự kiến là một 50% tổng số vốn góp của các thành viên của thành viên tỷ lệ sở hữu quyết của GMD tại Gemadep Shipping Singapore Pte. Ltd là 50%.</p>												
<p>a</p>	<p>Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ngày thành lập: 12/03/2004 • GCN ĐKDN: 206401013614 (SĐT EP-11) • Địa chỉ: No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41700 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia • Hoạt động kinh doanh chính: Hoạt động đại lý vận tải biển • Vốn điều lệ đăng ký: 3.553.680 Ringgit Malaysia • Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của GMD tại Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd: <table border="1" data-bbox="359 1019 1396 1131"> <thead> <tr> <th>Chỉ số</th> <th>31/12/2021</th> <th>31/12/2023</th> <th>10/06/2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tỷ lệ sở hữu</td> <td>31,00%</td> <td>51,00%</td> <td>31,00%</td> </tr> <tr> <td>Tỷ lệ biểu quyết</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> <td>50,00%</td> </tr> </tbody> </table> <p>(P) Công ty TNHH CP Gemadep Shipping Holdings là chủ 100% Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd. GMD là chủ sở hữu 31% cổ phần của Công ty TNHH CP Gemadep Shipping Holdings. Tỷ lệ tỷ lệ sở hữu (quản trị) của GMD tại Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd là 100% và 31,00% và 31,00%.</p> <p>Điều lệ lệ của Công ty TNHH CP Gemadep Shipping Holdings, các nghị quyết của Hội đồng thành viên phát hành cổ phiếu dự kiến là một 50% tổng số vốn góp của các thành viên của thành viên tỷ lệ sở hữu quyết của GMD tại Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd là 50%.</p>	Chỉ số	31/12/2021	31/12/2023	10/06/2024	Tỷ lệ sở hữu	31,00%	51,00%	31,00%	Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%
Chỉ số	31/12/2021	31/12/2023	10/06/2024										
Tỷ lệ sở hữu	31,00%	51,00%	31,00%										
Tỷ lệ biểu quyết	50,00%	50,00%	50,00%										

Ngày: 07/07/2024

3.4. **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành**

Không có.

4. **Thông tin về quá trình quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành**

Ngày 24/07/1993, Công ty cổ phần Gemadep được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 6.207.000.000 đồng (sáu tỷ hai trăm bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện mười chín (19) đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động, phát triển kinh doanh, không có lần giảm vốn điều

lệ năm. Số vốn điều lệ hiện nay là 3.104.869.570.000 đồng (ba nghìn một trăm linh bốn tỷ sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm bảy mươi một nghìn đồng), tương ứng 310.486.957 cổ phiếu. Chủ tịch quý trình tổng vốn như sau:

Bảng D-1: Quá trình tăng vốn điều lệ

STT	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ mới (đồng)	Hình thức tăng vốn	Địa điểm
	Năm 1993		6.217.600.000		Số KINHĐT TP. HCM
1	Năm 2000 (lần 1)	142.355.000.000	148.562.600.000	Phát hành thêm 10 triệu lợi nhuận sau thuế cho cổ đông hiện hữu	Số KINHĐT TP. HCM
2	Năm 2000 (lần 2)	81.482.478.100	229.945.078.100	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CHCNV	Số KINHĐT TP. HCM
3	Năm 2001	17.402.140.000	247.347.218.100	Phát hành thêm 10 triệu lợi nhuận sau thuế cho cổ đông hiện hữu	- UBCKVN - Số KINHĐT TP. HCM
4	Năm 2001	9.445.470.000	256.792.688.100	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông hiện hữu	- UBCKVN - Số KINHĐT TP. HCM
5	Năm 2002	138.188.710.000	394.981.398.100	Phát hành thêm cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho cổ đông hiện hữu	- UBCKVN - Số KINHĐT TP. HCM
6	Năm 2007	129.250.000.000	524.231.398.100	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông chiến lược và CHCNV	- UBCKVN - Số KINHĐT TP. HCM

STT	Thời điểm công bố	Số cổ phiếu chào bán (tỷ)	Giá chào bán (đồng/cổ phiếu)	Hình thức chào bán	Địa chỉ
7	Năm 2010 (lần 1)	7.125.000.000	402.275.000.000	Phân bổ cổ phiếu theo chương trình mua bán cho người lao động	- UBCKNN - Sở KINH Đ TP. HCM
8	Năm 2010 (lần 2)	513.875.000.000	1.005.080.000.000	Phân bổ thêm cổ phiếu cho số đông bán kèm cổ phiếu ưu đãi theo kế hoạch UBCKNN	- UBCKNN - Sở KINH Đ TP. HCM
9	Năm 2012	56.475.000.000	1.284.475.000.000	Phân bổ cổ phiếu cho người lao động và phân bổ ưu đãi	- UBCKNN - Sở KINH Đ TP. HCM
10	Năm 2013 (lần 1)	52.834.000.000	1.227.300.000.000	Phân bổ cổ phiếu theo chương trình mua bán cho người lao động	- UBCKNN - Sở KINH Đ TP. HCM
11	Năm 2013 (lần 2)	10.509.000.000	1.348.275.000.000	Phân bổ cổ phiếu theo chương trình mua bán cho người lao động	- UBCKNN - Sở KINH Đ TP. HCM
12	Năm 2014	57.863.500.000	1.390.375.000.000	Phân bổ cổ phiếu theo chương trình mua bán cho người lao động	- UBCKNN - Sở KINH Đ TP. HCM
13	Năm 2014	54.948.000.000	1.396.375.000.000	Phân bổ cổ phiếu theo chương trình mua bán cho người lao động	- UBCKNN - Sở KINH Đ TP. HCM

Lần	Thời điểm (tháng/năm)	Giá trị chào bán (VNĐ)	Giá chào bán (VNĐ)	Mô tả hình thức chào bán	Đơn vị chào bán
14	Năm 2016	940.102.370.000	1.796.322.810.000	Phát hành thêm cổ phiếu trả bằng nợ của cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1 cho cổ đông hiện tại	- UBCKNN - Sở KINHĐT TP. HCM
15	Năm 2017	1.895.446.710.000	2.882.789.570.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cho vợ của VTD	- UBCKNN - Sở KINHĐT TP. HCM
16	Năm 2018	60.400.000.000	2.943.189.570.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua lại của người lao động	- UBCKNN - Sở KINHĐT TP. HCM
17	Năm 2019	44.338.000.000	3.013.778.570.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua lại của người lao động	- UBCKNN - Sở KINHĐT TP. HCM
18	Năm 2021	43.294.000.000	3.059.982.570.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua lại của người lao động	- UBCKNN - Sở KINHĐT TP. HCM
19	Tháng 9/2021	43.844.000.000	3.104.206.570.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua lại của người lao động	- UBCKNN - Sở KINHĐT TP. HCM

Người CTCP/Gửi báo cáo

- Ủy viên của Tổ chức Kiểm toán Độc lập Không có;
- 7. **Thông tin về các khoản góp vốn, nhận vốn từ của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác**
- ☛ **Thông tin về các khoản góp vốn, nhận vốn từ của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liền các lần trước, năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại (các khoản có giá trị từ 10% tổng tài sản từ lần được ghi trong BCTC gần nhất) Không có.**

❖ Thông tin về các khoản thanh toán vốn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liền trước liền trước năm đăng ký chào bán và đầu thời điểm hiện tại (các khoản có giá trị từ 10% tổng tài sản trừ tiền được ghi trong BCTC gần nhất):
 Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện thanh toán tại CTCP Cảng Nam Hải Định Việt.
 Thông tin về giao dịch như sau:

- Phương thức: Chuyển nhượng vốn cho bên khác.
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng: 37.962.949 cổ phiếu, tương đương 24,66% vốn điều lệ của CTCP Cảng Nam Hải Định Việt.
- Giá trị chuyển nhượng: 2.436.404.146.301 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của GMD tại CTCP Cảng Nam Hải Định Việt sau giao dịch 0%.

K. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

K.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông đầu thời điểm: 16/07/2024 (ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền)

Bảng B1-2: Cơ cấu cổ đông của Công ty

STT	Họ/Tên	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (cổ phần %)
1	Cổ đông trong nước	11.714	161.817.426	51,84%
	- Cá nhân	11.603	161.798.171	50,33%
	- Tổ chức	111	19.019.255	5,51%
2	Cổ đông nước ngoài	968	149.469.321	46,14%
	- Cá nhân	429	682.175	0,21%
	- Tổ chức	539	148.787.146	45,93%
	Trong đó: Tổ chức nắm giữ cổ phiếu đầu tư nước ngoài năm gần nhất 20% vốn điều lệ	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
TỔNG CỘNG (1+2+3)		12.682	311.286.747	100%

Nguồn: CTCP (Bloomberg)

K.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

K.3. Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

9.1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật

Theo văn bản số 3333/LHCK-PTTT ngày 01/05/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Getzdesopt là 49%.

9.2. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ (nếu có)

Không quy định.

9.3. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất (ngày 18/07/2024), nhà đầu tư nước ngoài đang sở hữu 149.498.321 cổ phiếu, chiếm 48,14% vốn Điều lệ Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh**10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh****10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính, quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng**

Công ty cổ phần Getzdesopt đang hoạt động kinh doanh trong bốn lĩnh vực chính: Khai thác rừng, Logistics, Trồng rừng và Bất động sản, trong đó Khai thác rừng và Logistics là hai hoạt động kinh doanh cốt lõi của Getzdesopt. Công ty mẹ chủ hoạt động trong hai lĩnh vực chính là Logistics và Bất động sản. Nhóm công ty con và công ty liên doanh, liên kết hoạt động trong tất cả bốn lĩnh vực chính.

a) Hoạt động khai thác rừng

Hoạt động khai thác rừng được CTCP Getzdesopt thực hiện tại các công ty con và công ty liên kết.

Hiện tại Getzdesopt sở hữu 06 công đoạn và BCD tại địa vực khắp cả nước với tổng công suất khai thác đạt trên 5 triệu TEU/năm và 5 triệu tấn hàng rời/năm. Mỗi năm hệ thống cảng của Getzdesopt phục vụ hàng triệu TEU hàng hóa xuất nhập khẩu, đáp ứng từ nhu cầu đa dạng của các khách hàng, trên là sự tận dụng đồng lực của các hãng tàu hàng đầu trên thế giới và đồng góp tích cực thúc đẩy đồng nghiệp kinh tế của đất nước. Theo xếp hạng của Vietnam Report thì Getzdesopt là doanh nghiệp vận tải đứng thứ 2 về mức độ uy tín trong ngành Logistics năm 2023.

Bảng 10-3: Thông tin các Cảng

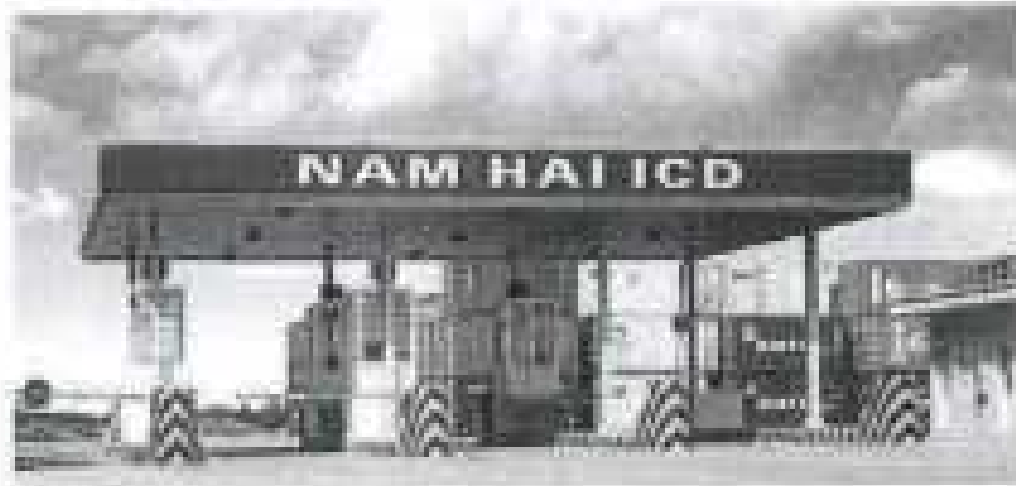
STT	Cảng	Vị trí	Đơn vị vận hành	Năm khai thác	Loại hình cầu	Công suất (TEU/năm)	Cvận tải (Tấn/T)
1	Miền Bắc						
1	Núi Hải BCD	Hải Phòng	CTCP BCD Núi Hải	2018	21 ha	300.000	-
2	Cảng Nam	Hải	CTCP Cảng Núi Bình Vũ	2018	21 ha	500.000	48.000

STT	Cảng	Vùng	Đơn vị vận tải	Năm khai thác	Diện tích (ha)	Công suất (TEU/năm)	Cổ tức (USD)
	Cảng Vĩnh Hải (đơn 1)	Phong					
3	Cảng Nam Đình Vũ (đơn 2)	Hải Phòng	CTCP Cảng Nam Đình Vũ	2023	22,69 ha	300.000	48.000
4	Cảng Nam Đình Vũ (đơn 3)	Hải Phòng	CTCP Cảng Nam Đình Vũ	2023	22 ha	1.000.000 sản lượng vật	48.000
II Miền Trung							
1	Cảng Đông Quốc	Quảng Ngãi	CTCP Cảng quốc tế Gemadept - Đông Quốc	2020	11 ha	1.200.000 sản lượng vật	70.000
III Miền Nam							
1	Phước Lương ICD	Tp HCM	Công ty TNHH Cảng Phước Lương	1995	17 ha	400.000	3.000
2	Cảng Bình Dương	Bình Dương	CTCP Cảng Bình Dương	2004	9 ha	100.000	3.000
3	Cảng Gemadept (đơn 1)	Bà Rịa - Vũng Tàu	CTCP Cảng Cái Mập Gemadept - Terminal Liên	Phong 1/2001	22 ha	1.300.000	250.000
4	Cảng Gemadept (đơn 2)	Bà Rịa - Vũng Tàu	CTCP Cảng Cái Mập Gemadept - Terminal Liên	2023	39	900.000	250.000

Nguồn: CTCP Gemadept

- Năm **Hải ICD**: Vận hành chính thức vào năm 2015, Năm Hải ICD là dự án phù hợp với hai chức năng ICD và logistics, sẽ quy mô lớn và hiện đại hàng đầu tại khu vực Hải Phòng. Dự án có tổng diện tích hơn 21 ha với vị trí địa lý thuận lợi nằm trong Khu công nghiệp MP Đình Vũ, kết nối trực tiếp với các trục đường chính và nằm liền kề hệ thống cảng tại khu vực. Năm Hải ICD đóng vai trò là hậu phương vững chắc, góp giải tỏa áp lực bất cân xứng các cảng của Gemadept tại Hải Phòng bao gồm Cảng Nam Hải, Cảng Nam Hải Đình Vũ và Cảng Nam Đình Vũ. Bên cạnh đó, Năm Hải ICD đóng vai trò tích cực trong kết nối mạng lưới khách hàng và chuỗi cung ứng liên hoàn nhập xuất, đồng thời về dịch vụ Cảng và Logistics của Gemadept trên toàn quốc.

Nam Hải ICD hoạt động đầy đủ chức năng của một cảng container để thông quan hàng hóa một cách thuận tiện cùng với chuỗi dịch vụ khép kín từ tiếp nhận container, khai thác hải quan, đại lý giao nhận, vận tải đa phương thức, hàng dự trữ và kho bãi. Ngoài ra, Nam Hải ICD còn cung cấp thêm dịch vụ bốc xếp, bảo dưỡng và sửa chữa container.



- **Cảng Nam Định Vũ:** Cảng Nam Định Vũ là một trong những dự án trọng điểm của Gerasdapt. Dự án có tổng quy mô 45 ha gồm bảy (07) chủ công, tổng chiều dài cầu tàu là 1,5 km, tổng công suất gần 2 triệu TEU/năm và 3 triệu tấn hàng rời/năm và tổng mức đầu tư 6.000 tỷ đồng. Dự án thuộc quy hoạch phát triển cảng của Chính phủ và có vị trí đắc địa, nằm trong khu kinh tế Cát Hải thuộc Khu phố thuế quan và Khu công nghiệp Nam Định Vũ, tọa lạc ngay tại cửa ngõ thông ra biển gần nhất so với các cảng khác tại khu vực.

Tháng 05/2018, Gerasdapt đã hoàn thành giai đoạn I cảng Nam Định Vũ với diện tích đất 21 ha, vốn đầu tư ước tính gần 1.500 tỷ đồng. Công suất thiết kế cho giai đoạn I là 500.000 TEU/năm. Cùng với cảng Nam Hải Định Vũ, cảng Nam Định Vũ hiện là 2 cảng duy nhất đã nâng lực tiếp nhận tàu có tải trọng lớn đến 48.000 DWT.

Thực hiện đúng cam kết với Chính phủ và UBND TP. Hải Phòng, Gerasdapt và nhà máy là Tập đoàn Saei Do đã đầu tư và đưa vào khai thác Cảng cảng Nam Định Vũ giai đoạn I từ năm 2018. Và tháng 05/2023, cảng cảng Nam Định Vũ giai đoạn II chính thức được đưa vào vận hành.

Diện tích của 2 giai đoạn II 42ha, 880m cầu bến và công suất 1,2 triệu TEU/năm. Với giai đoạn I và 2, Nam Định Vũ có thể tiếp nhận sóng lớn 4 - 5ha feeder. Cảng được xây dựng và đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, thiết bị và công nghệ theo tiêu chuẩn quốc tế, hiện đại và thân thiện với môi trường. Với chủ trương phát triển bền vững, tôn trọng hòa hiếu với hoạt động, Gerasdapt phát triển Cảng cảng Nam Định Vũ cũng như các công trình trong hệ sinh thái của Gerasdapt theo hướng Thông minh hơn và Xanh hơn (Smarter & Greener).

Genadept đã nghiên cứu và lựa chọn hợp tác với các công ty sản xuất thiết bị khai thác năng lượng tái tạo để trang bị cho Cảng Nam Định Vũ những thiết bị có hiệu năng lâu, vận hành bằng điện và tiết kiệm năng lượng, hạn chế tối đa khí bụi, tiếng ồn cũng như giảm phát thải khí nhà kính ra môi trường.

Tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực hệ sinh thái cảng và logistics nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, Genadept sẽ sớm triển khai tiếp giai đoạn 3 của Cảng cảng Nam Định Vũ để đưa vào khai thác từ năm 2025. Khi hoàn thiện đầu tư cả 3 giai đoạn, cảng Nam Định Vũ sẽ phát huy tối đa lợi thế, đem đến những giá trị vượt trội cho các khách hàng, đối tác.

Cảng Nam Định Vũ ra đời góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế miền Bắc và trở thành mắt xích chiến lược kết nối các vùng đại kích tế trong chuỗi hoạt động logistics của cả nước. Đồng thời, Nam Định Vũ đánh dấu bước ngoặt quan trọng thay đổi đáng kể vị thế của Genadept, đưa Công ty trở thành nhà khai thác cảng lớn hàng đầu tại khu vực Hải Phòng.



- **Cảng Đông Quốc Cảng Quốc tế Genadept Đông Quốc** là cảng nước sâu nằm ngay trong vịnh Đông Quốc, đóng vai trò cửa ngõ cho khu kinh tế Đông Quốc và các tỉnh Miền Trung Việt Nam. Hoạt động chính thức từ năm 2019, cảng Đông Quốc có công suất hơn 2.700.000 tấn/năm và có khả năng đón được tàu có trọng tải lên đến 70.000 DWT.

Cảng Đông Quốc hướng đến mục tiêu xây dựng cảng sinh thái (Eco-Port) dẫn đầu tại khu vực Miền Trung, góp phần nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, an toàn và tiết kiệm năng lượng. Cảng đã được Tổng cục An ninh chất lượng – Trung tâm chứng nhận phổ hợp Quốc tế chính thức cấp Giấy chứng nhận Hệ thống

quản lý an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 trong cuối năm 2019.



- **Phước Long ICD:** Thành lập năm 1995, Phước Long ICD là cảng container đầu tiên của Campuchia và cũng là cảng container đầu tiên tại Việt Nam, sở hữu địa điểm sông cảng còn khỏe quốc tế và ICD để thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu. Ngoài ra, Phước Long ICD còn cung cấp chuỗi dịch vụ khép kín từ depot, kho thuê bãi quan, đại lý giao nhận cho đến vận chuyển đa phương thức (door-to-door service) bằng cả lục, đường biển và hàng không phương tiện đầu kéo và xe tải tự hành thể hệ mới. Phước Long ICD là một trong những nhà khai thác container hàng đầu Việt Nam với dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa container uy tín, chất lượng cao.

Phước Long ICD tọa lạc tại vùng kinh tế trọng điểm khu vực phía Nam, nằm trên trục đường Na Ké Hà Nội với hệ thống bãi container và depot trên địa, kết nối với chuỗi khu công nghiệp lớn ở Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương như cảng Cát Lái, cụm cảng Cần Mập Thị Vải.

- **Cảng Bình Dương:** Cảng Bình Dương nằm trên ngã ba sông Đồng Núi giao với sông Sài Gòn và kết nối đến cụm cảng biển quốc tế Cần Mập thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.



kết nối hệ thống vận tải thủy nội địa giữa các khu công nghiệp lớn với khu vực cảng nước sâu Cần Mệp và các cảng khác trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần giảm áp lực giao thông và tiết kiệm thời gian vận chuyển, chi phí logistics cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

- **Cảng Gemalink:** Cảng Gemalink tọa lạc tại khu vực Cần Mệp – Thới Vài, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, với tổng diện tích lên đến 72 ha, đây là cảng nước sâu có quy mô hàng đầu tại nước. Dự án là liên danh giữa Coscoport và CMA Terminals (thuộc Tập đoàn Hàng hải CMA – CMA tại Pháp) với sự chia sẻ vốn góp của hai bên lần lượt là 75% và 25%. Cảng Gemalink nằm trong top 19 cảng nước sâu trên thế giới có thể đón tàu trọng tải lên đến 200.000 – 250.000 DWT.



Cảng Gemalink được thiết kế dự kiến năng xếp dỡ thông qua lên đến 3 triệu TEU/năm và sẽ được xây dựng liên tục giai đoạn. Ngay trong giai đoạn 1, Cảng Gemalink sẽ có cầu bến chính dài 800 m cho tàu mẹ có trọng tải lên đến 20.000 TEU (trọng đương 200.000 DWT) và bến tàu feeder dài 200 m trên diện tích kho bãi và bãi tập vận phẳng rộng là 33 ha. Cầu tàu được nối với bờ sông 3 cầu dẫn. Năng lực

RiverGate hội đại:

b) Hoạt động Logistics

Hiện nay Gemadept là doanh nghiệp cổ phần tư hữu và khai thác hệ sinh thái tích hợp Cảng – Logistics từ Bắc vào Nam, bao gồm các tài sản trong chuỗi giá trị logistics như hệ thống cảng từ cảng biển nước sâu, cảng sông đến cảng cạn, cảng hàng hóa hàng không, các trung tâm phân phối (Distribution Center – DC), sân kho chứa, các điểm thông quan nội địa (Inland Container Depot – ICD), bãi tàu, bãi xe, container cũng như đội xe tải. Gemadept phát huy những lợi thế này để trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics tích hợp từ đầu đến cuối trong chuỗi cung ứng và cung cấp các giải pháp Logistics tích hợp toàn diện, hiệu quả tối ưu.

Gemadept cũng là doanh nghiệp duy nhất trong nước cung cấp chuỗi hệ thống Logistics hoàn chỉnh bao gồm 6 mảng: (1) Cảng hàng hóa hàng không, (2) Trung tâm phân phối hàng hóa, (3) Vận tải hàng biển, trường siêu trọng, (4) Vận tải đường biển-thủy, (5) Logistics hàng lạnh, và (6) Logistics đèo.



Nhờ sở hữu các tài sản trong chuỗi giá trị logistics như hệ thống cảng biển, trung tâm phân phối (Distribution Center – DC), sân kho chứa, các điểm thông quan nội địa (Inland Container Depot – ICD), bãi tàu và bãi xe cũng như đội xe tải hữu hiệu, Gemadept đã tạo dựng lợi thế này để trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics tích hợp từ đầu đến cuối trong chuỗi cung ứng. Điều này giúp Gemadept có sự kiểm soát tốt hơn so với việc thuê các tài sản này từ bên thứ ba, loại bỏ phụ thuộc vào các dịch vụ thuê ngoài để sử dụng trong chuỗi giá trị logistics.

Mạng lưới:	Các TTHP ở 7 miền Bắc, Trung, Nam
Sàn kho hàng hóa phân phối:	13 triệu CHM (m ²)
Diện tích trung tâm phân phối:	400.000 m ²
Cảng xuất cảng hàng không:	350.000 tấn/năm
Logistics hàng lạnh:	30.000 pallet

Khu vực	Trung tâm và chi nhánh	Đơn vị liên kết
Miền Bắc	TTPP Hưng Yên	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	TTPP Nam Hải	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	TTPP Hải Dương	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	TTPP Gia Lâm	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	Delta Orichama Iskane	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	TTPP Bắc Ninh	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
Miền Trung	Khai Bảo Mã Thuật	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	Cần Thơ Paper	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
Miền Nam	TTPP Miền Logistics	CTCP Miền Logistics
	Ga hàng không SCS	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
	TTPP An Thành	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	Cần Thơ SeaVina	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	TTPP Sông Thuận	Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadept
	Trung tâm Tập vận Dịch vụ xe ô tô	Công ty TNHH Tập vận "K" Lim - Gemadept

Nguồn: CTCP Gemadept

Người ta, các công ty con, công ty liên kết tham gia hoạt động Logistics bao gồm:

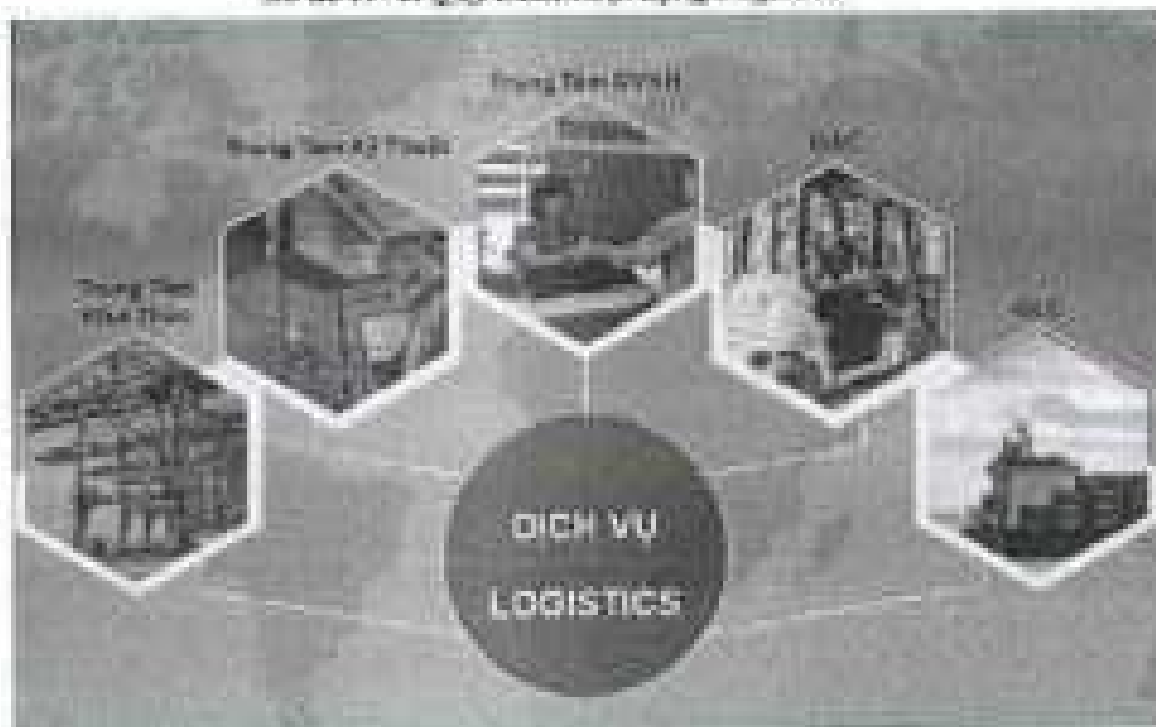
- CTCP Dịch vụ Vận tải Trường Thọ;
- Công ty TNHH ISS - Gemadept
- Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hóa Thái Bình Dương;
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M;
- CTCP Thương cảng Vũng Tàu;
- CTCP Gemadept Miền Trung;
- CTCP Vận tải Đa phương thức Bình Dương;
- Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings;
- Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings;
- CTCP Miền Logistics;
- Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng;
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept;
- Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.;



– Genadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

❖ Quy trình của hoạt động Logistics:

Sơ đồ 11-2: Quy trình hoạt động Logistics



ĐXC: Ảnh chụp tại địa điểm của trung tâm phân phối

ĐXC: Ảnh chụp tại địa điểm phân phối hàng hóa

Nguồn: ĐXC Genadept

Chi tiết thêm Mẫu thêm link - <https://www.genadept.com.my/11/index.html>

❖ Công nghệ áp dụng trong hoạt động Logistics:

- Các hệ phần kỹ thuật kiểm soát các hệ thống phần mềm như: Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng – PCCC, Hệ thống BMS, I-Manager, X-WEB1000, hệ thống xử lý mức đất... để tối ưu hóa việc tối thiểu năng lượng.
- Các ứng dụng công nghệ đã được triển khai như phần mềm quản lý kho hàng – WMS, quản lý vận tải – TMS, quản lý đội tàu và theo dõi hành trình di chuyển của hàng hóa theo thời gian thực – CSS, kết nối các dữ liệu công thông minh – Smart port) ... đã được các khách hàng đánh giá cao, mang lại hiệu quả rất lớn.

a) Hoạt động trồng rừng:

Genadept được chính phủ Hoàng gia Campuchia cấp đất nông nghiệp kinh tế tại địa bàn xã Boeay, huyện Kobarek, tỉnh Mondulkiri. Genadept là một trong số các IT developer nghiệp vụ người được cấp một diện tích đất lớn, hiện thời, tại địa bàn khá thuận lợi, có đường quốc lộ 7E chạy qua, điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp với việc trồng khai thác cây cao su và các loại cây công nghiệp khác.

Bảng IV-4: Các lợi thế dự án trồng rừng của Gemalink

Điều kiện thuận lợi	Ưu thế dự án	Chức năng khác
<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước dồi dào do có nhiều sông suối chảy qua, gần sông Seropok. - Diện tích khí hậu tương tự như miền Đông Nam Bộ với nhiệt độ trung bình 26°C - 29°C, lượng mưa bình quân > 1.600 mm. 	<ul style="list-style-type: none"> - 30.000 ha đất lúa mướn, liên trúa, bằng phẳng và phù hợp với nhiều loại cây trồng. - Không nằm trong khu vực cấm bảo vệ. - Quyên số đang dư 50 năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đường quốc lộ 75 do Ngân hàng thế giới tài trợ chạy ngang qua dự án, gần với các thị trấn (AHH) và các sân bay nhỏ tại Mondulakiri. - Gần nhà máy thủy điện, có hệ thống điện lưới quốc gia. - Gần nguồn nước.

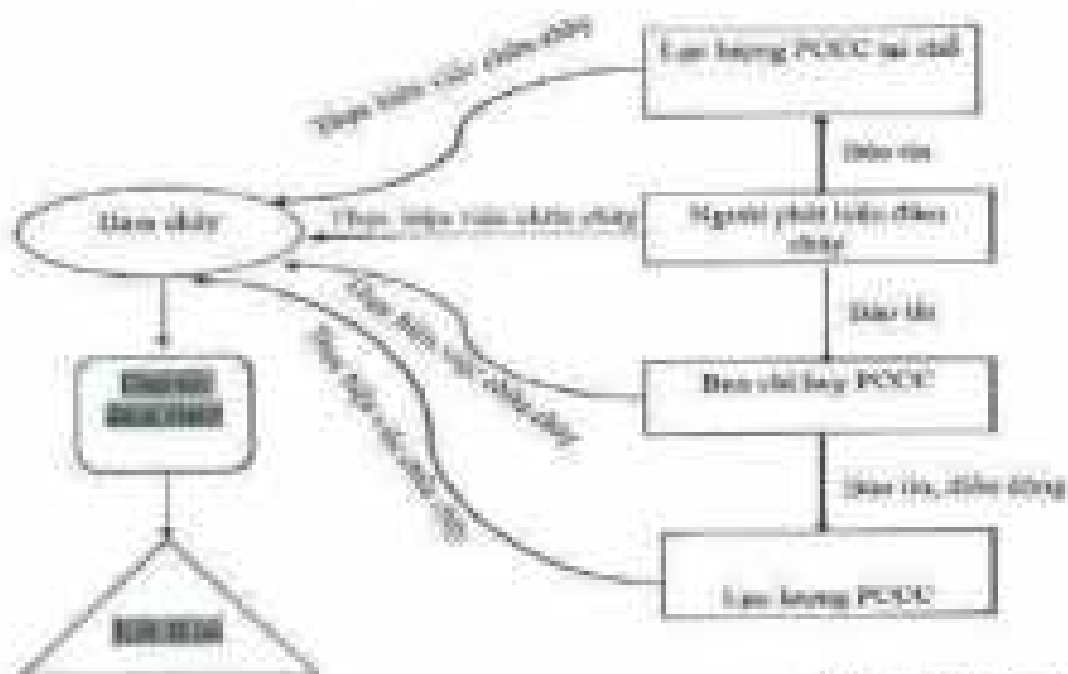
Nguồn: CTCP Gemalink

Hoạt động kinh doanh này được vận hành bởi công ty con gồm CTCP Hòn Ngọc Thái Bình Dương, CTCP Hòa Sơn Thái Bình Dương, CTCP Niềm Kiêu Hòn Ngọc Thái Bình Dương.

❖ Quy trình hoạt động trồng rừng:

- Quy trình phòng cháy chữa cháy mùa khô:

Sơ đồ II-5: Quy trình phòng cháy chữa cháy mùa khô



Nguồn: CTCP Gemalink

- Quy trình chăm sóc cây: Để đảm bảo vườn cây sinh trưởng tốt, đặc biệt trong 05 năm đầu tiên, mọi hoạt động chăm sóc cây từ tỉa chồi, làm cỏ, bón phân, phun

thuật, vật liệu... đều được tham luận theo Quy trình kỹ thuật chăm sóc vườn cây cao su thời kỳ kiến thiết cơ bản. Quy trình được soạn thảo theo cơ sở tham khảo Quy trình kỹ thuật cây cao su của Tổng cục Cao su Việt Nam, Tổng công ty Cao su Việt Nam và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam cùng là hiệu của các Viện nghiên cứu trồng cao su trong và ngoài nước, áp dụng phù hợp với điều kiện địa chất, khí hậu, địa hình của khu vực Dự án. Tất cả các hoạt động liên quan đến cây cao su đều tuân thủ nghiêm ngặt Quy trình chăm sóc cây, phù hợp với đặc tính của cây, theo từng mùa trong năm cũng như tuân thủ cơ sở tham khảo và định giá hiện trạng vườn cây trước khi thực hiện, đảm bảo cây cao su phát triển tốt, khỏe mạnh, ít sâu bệnh, cho năng suất cao và hiệu quả.

- ♦ Công nghệ áp dụng trong hoạt động trồng rừng: Hiện tại dự án chưa được đưa vào khai thác. Khi khai thác, Gerresport dự kiến các công tác triển khai như tham vấn kỹ thuật, nâng cao chất lượng cao su sẽ được thực hiện theo hệ thống quản lý bằng phần mềm chuyên dụng và các biểu mẫu excel được chuẩn hóa.

d) Hoạt động Bất động sản:

Bất động sản là Bất động sản tư nhân của hội kinh doanh của Gerresport. Hiện tại, Công ty đang triển khai 02 (hai) dự án khu phức hợp là dự án Saigon Gem tại Khu trung tâm thương mại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thông qua công ty liên kết là Công ty TNHH Thương mại Quả Chu Vàng và triển khai dự án phức hợp khách sạn 5 sao tại Thủ Đức Vũng Chấn, Lâm Đồng thông qua công ty liên kết là Công ty TNHH Golden Globe.

- Dự án Khu phức hợp Saigon Gem

Dự án Saigon Gem tọa lạc tại khu đất vàng của thành phố với tổng diện tích đất 3.640m². Đây là khu phức hợp cao cấp gồm trung tâm thương mại và văn phòng làm việc hạng A với kiến trúc hiện đại, đẳng cấp và đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của chính quyền địa phương.

Thông tin về dự án:

- Diện tích đất: Khoảng 3.640 m²
- Đơn vị tư vấn thiết kế kiến trúc và kết cấu: Quận 1
- Dự kiến thời gian xây dựng: 2,5 năm

- Dự án Khu phức hợp tại Vũng Chấn, Lâm

Đất với bất động sản tại Vũng Chấn, đây là dự án rộng 6.711 m² nằm tại vị trí vô cùng đắc địa ngay trên đại lộ Lâm Xương của Thủ đô mới huyện Lâm. Dự án khởi năm 5 sao được thiết kế gồm 7 tầng nổi và 1 tầng hầm với tổng diện tích sàn 21.329 m². Sau khi hoàn thành, dự án sẽ cung cấp cho Thủ đô Vũng Chấn 231 phòng khách sạn tiêu chuẩn 5 sao.

Thông tin về dự án

- Diện tích đất: 6.700 m²
- Khu phức hợp 8 tầng (7 tầng văn phòng và 1 tầng hầm), bao gồm: Khách sạn 3 sao, và Trung tâm thương mại
- Dự kiến thời gian xây dựng: 2 năm

Với vị trí và tiềm năng lợi và đặc địa, hai dự án bất động sản của Geradepi hứa hẹn sẽ mở thành công công trình hiện tượng tại hai trung tâm kinh tế, thương mại sầm uất bậc nhất của hai nước Việt – Lào.

Thực hiện nghị quyết DHDCT về việc tập trung vào nguồn lực của hoạt động kinh doanh cốt lõi và thoát vốn các lĩnh vực đầu tư chiến lược, Geradepi đã và đang tìm kiếm đối tác, nhà đầu tư tiềm năng cho các dự án bất động sản để hợp tác hoặc có thể thoát vốn vào thời điểm phù hợp và thuận lợi.

- Quy trình, công nghệ áp dụng trong hoạt động bất động sản: Hiện tại, các dự án bất động sản chưa đi vào hoạt động và đang trong giai đoạn hoàn thiện thiết kế, hoàn thiện pháp lý. Trong tương lai, các dự án bất động sản sẽ được định hướng phát triển theo các tập đoàn tư vấn, thiết kế và quản lý hàng đầu thế giới, do đó, các dự án chắc chắn sẽ được bao quát, quản lý bởi các tập đoàn hàng đầu thế giới với các quy trình nghiêm ngặt được bao quát, quản lý bởi các tập đoàn hàng đầu thế giới, cũng như đang cấp quốc tế và công nghệ xây dựng, kiến trúc đầy đủ mang tính hiện tượng, tương thích hoàn thiện với môi trường mà không làm phần hòa đại, cũng như đang cấp quốc tế.

18.1.2. Tiềm năng thị trường của hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác công và logistics. Đây là lĩnh vực không có thời vụ mà phụ thuộc vào sức khỏe của nền kinh tế thế giới và khu vực, cũng như sức lượng vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và nội địa.

Sự vận hành của thị trường bất động sản, giống như các lĩnh vực khác trong nền kinh tế, chịu tác động của các quy luật kinh tế khách quan như quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật giá cả, quy luật cạnh tranh ... Ngoài ra, thị trường bất động sản và quy luật cũng là quy luật của kỹ của thị trường. Chủ yếu của thị trường bất động sản phụ thuộc vào chiến lược và năng lực quản lý vận hành là các độ phát triển kinh tế và tốc độ đô thị hóa. Ở Việt Nam, chu kỳ của thị trường bất động sản dao động trong khoảng 7 – 9 năm.

Hoạt động nông trường cao su là lĩnh vực không có thời vụ. Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến giá cao su thiên nhiên thế giới là chi phí sản xuất và nguồn cung cao su thiên nhiên. Các yếu tố giảm tiếp thị trường thế giới cao su bao gồm đặc hình kinh tế thế giới, chính sách giá cao su thiên nhiên và chi phí sản xuất, sự biến động của các đồng tiền tệ của các nước sản xuất cao su lớn như Indonesia và Việt Nam.

18.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Hai hoạt động đóng góp chính vào doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của Công ty là Hoạt động khai thác công và Hoạt động Logistics (Dịch vụ vận tải, dịch vụ dự trữ, kho bãi và các...). Trong đó:

- Đối với hoạt động kinh doanh công ty mẹ: Hoạt động logistics đóng góp tỷ trọng đáng kể vào doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của công ty mẹ (khoảng trên 90%). Hoạt động chi trả về phòng và hoạt động khác chỉ chiếm khoảng 0,1% - 0,3% doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của công ty mẹ.
- Đối với hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty: Hoạt động khai thác công đóng góp khoảng 70% - 83% vào doanh thu thuần và khoảng 71% - 85% vào lợi nhuận gộp. Hoạt động logistics đóng góp khoảng 15% - 24% vào doanh thu thuần và khoảng 13% - 20% vào lợi nhuận gộp. Hoạt động chi trả về phòng và hoạt động khác đóng góp tỷ trọng rất nhỏ vào doanh thu hợp nhất của Công ty (dưới 1%).

Chi tiết về cấu trúc doanh thu thuần, lợi nhuận gộp của Công ty theo từng hoạt động trong 2 năm 2022 - 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

a) Cơ cấu doanh thu thuần theo từng hoạt động qua các năm

Bảng IV-2: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty mẹ qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hoạt động kinh doanh	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động khai thác công	-	-	-	-	-	-
2	Hoạt động logistics	647.872	84,98%	562.223	90,81%	286.447	89,79%
3	Hoạt động chi trả về phòng và hoạt động khác	107	0,02%	5.478	0,9%	343	0,21%
	Tổng cộng	648.029	100%	567.701	100%	317.090	100%

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC công ty mẹ bán năm 2024 được xuất từ hệ của ERP.

Bảng IV-6: Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Phân loại cổ phiếu	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1.	Chứng khoán niêm yết	1.000.179	79,12%	1.000.501	79,63%	1.028.331	84,77%
2.	Chứng khoán không niêm yết	110.322	20,88%	251.811	20,37%	177.549	15,23%
3.	Chứng khoán chưa niêm yết và chứng khoán khác	1.248	0,00%	1.479	0,00%	368	0,30%
	Tổng cộng	1.100.249	100%	1.245.291	100%	1.156.438	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 được audit bởi của GAOI

A) Cơ cấu lợi nhuận gộp theo từng hoạt động qua các năm

Bảng 15.7) Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại hoạt động	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1.	Hoạt động khai thác công	-	-	-	-	-	-
2.	Hoạt động tín dụng	140.761	79,84%	427.181	91,89%	143.782	99,61%
3.	Hoạt động cho thuê tài sản, phòng và hoạt động khác	427	0,16%	1.479	1,14%	362	0,39%
	Tổng cộng	140.228	100%	438.498	100%	144.396	100%

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC công ty mẹ bán niên năm 2024 được audit bởi của GAOI

(Phần còn lại của trang này được liệt kê riêng)

Bảng IV-8: Cơ cấu lợi nhuận gộp Hợp nhất qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại chi phí	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1.	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.285.899	79,26%	1.378.117	71,84%	41.37%	89,24%
2.	Chi phí nhân công trực tiếp	423.758	26,09%	596.403	31,46%	18,11%	37,49%
3.	Chi phí khác trực tiếp	1.244	0,08%	1.473	0,08%	18,22%	0,38%
	Tổng cộng	1.710.881	100%	1.975.993	100%	3,49%	100%

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC Hợp nhất bán niên năm 2024 được audit bởi các OAS

c) Chi phí bán hàng

Phần lớn chi phí của Công ty là giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính. Cơ cấu chi phí của Công ty trong 3 năm 2022 – 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 cụ thể như sau:

Bảng IV-9: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi phí	Năm 2022		Năm 2023		6 tháng đầu năm 2024	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1.	Chi phí hàng bán	348.881	78,96%	329.348	44,25%	33,84%	71,28%
2.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	118.665	27,01%	341.391	30,79%	122,69%	-23,22%
3.	Chi phí tài chính	12.432	2,92%	7.259	0,7%	-41,7%	0,1%

STT	Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/giảm tương đối (%)	So sánh kỳ này với cùng kỳ năm trước	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1.	Chi phí chào bán	256.278	46,10%	268.267	50,21%	-18,75%	94.244	-36,27%
2.	Chi phí đăng ký	1.473	0,27%	1.291	0,24%	-12,80%	434	2,91%
3.	Chi phí khác	23.327	4,24%	13.821	2,67%	-42,90%	-	-
	Tổng cộng	281.078	50%	283.379	53%	-2,84%	94.678	-34%

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC công ty mẹ báo cáo năm 2024 được audit bởi các CPA.

Bảng 11-1b: Cơ cấu chi phí hợp nhất qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Tăng/giảm tương đối (%)	So sánh kỳ này với cùng kỳ năm trước	
		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)		Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
1.	Chi phí chào bán	2.188.186	71,64%	2.987.811	89,80%	-5,12%	6.701.676	69,81%
2.	Chi phí pháp định	165.381	5,44%	156.993	4,71%	-6,90%	86.889	4,91%
3.	Chi phí khác	741.787	23,92%	246.999	7,49%	3,24%	72.727	4,28%
4.	Chi phí ghi sổ	224.441	7,00%	371.649	11,04%	3,24%	248.538	14,15%
5.	Chi phí phân bổ	142.172	4,43%	168.548	5,05%	(23,89%)	116.529	6,82%
6.	Chi phí khác	50.634	1,57%	84.481	2,55%	(75,75%)	72.652	4,21%
	Tổng cộng	3.043.581	100%	3.306.473	100%	-8,89%	8.756.344	89%

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất báo cáo năm 2024 được audit bởi các CPA.

10.2. Tài sản
Bảng 11-1c: Thống kê về các tài sản khác

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên cổ phiếu	Số cổ phiếu	Giá trị chào bán (VNĐ)
1	Tên Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Nam, Mã chứng khoán: VNM	171.283	98.254
2	Tên Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Nam, Mã chứng khoán: VNM	189.792	111.373
3	Tên Cổ phiếu Long 78.248 mã, Mã chứng khoán: SC 9688	28.239	21.829
4	Tên Cổ phiếu Long 09.289 mã, Mã chứng khoán: SC 9689	28.239	21.829
5	Tên cổ phiếu của Pacific Long 128, mã chứng khoán: SC 9693	46.356	43.669
6	Tên cổ phiếu của Pacific Long 118, mã chứng khoán: SC 9694	73.216	72.172
7	Tên cổ phiếu của Pacific Long 112, mã chứng khoán: SC 9692	73.216	72.448
8	Tên Cổ phiếu Long 74.248 mã, Mã chứng khoán: SC 9691	21.872	22.829
9	Tên Cổ phiếu Long 78.248 mã, Mã chứng khoán: SC 9688	21.876	21.729

Nguồn: CTCP Chứng khoán Việt Nam

10.3. Thị trường hoạt động

Bảng H-12: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Thị trường	Năm 2023		Năm 2022		Chỉ số điều chỉnh 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Trong nước	105.807	30,00%	109.475	61,28%	117.890	41,80%
Nước ngoài	452.022	90,00%	296.142	38,72%	309.848	58,20%
Tổng cộng	557.829	100%	505.617	100%	327.738	100%

Nguồn: CTCP Chứng khoán Việt Nam

Bảng H-13: Cơ cấu doanh thu thuần theo thị trường Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Thị trường	Năm 2023		Năm 2022		Chỉ số điều chỉnh 2024	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Trong nước	3.445.222	98,38%	3.346.698	93,25%	2.956.400	93,28%
Nước ngoài	473.822	11,62%	200.142	7,78%	309.848	6,50%
Tổng cộng	3.919.044	100%	3.546.840	100%	3.266.248	100%

Nguồn: CTCP Chứng khoán Việt Nam

Phần còn lại của trang này được cố ý để trống!

Bảng IV-14: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2022		Năm 2021		Chỉ tiêu tài chính 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Trong nước	87.829	21,27%	211.882	71,10%	46.581	13,27%
Nhà ngoài	312.098	78,73%	264.789	28,90%	307.763	86,73%
Tổng cộng	400.000	100%	476.671	100%	354.344	100%

Nguồn: CTCP Gemadept

Bảng IV-15: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

Thị trường hoạt động	Năm 2022		Năm 2021		Chỉ tiêu tài chính 2024	
	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Trong nước	1.409.802	84,87%	1.451.225	92,87%	873.677	89,32%
Nhà ngoài	292.198	15,13%	124.799	7,13%	107.763	10,68%
Tổng cộng	1.702.000	100%	1.576.024	100%	981.440	100%

Nguồn: CTCP Gemadept

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hợp tác đầu tư, hiệu quả của xuất khẩu doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Năm 2023, Gemadept đã thực hiện gói ngân sách dự án đầu tư với chỉ tiêu như sau:

Bảng IV-16: Tình hình đầu tư các dự án năm 2023

Đơn vị tính: tỷ đồng

Mã dự án	Giá trị dự kiến	Đã thực hiện (tỷ đồng)	Chênh lệch (tỷ đồng)	Chênh lệch (%)	Chênh lệch (%)
Công nghệ	400	299	101	25%	100%
Đầu tư công	120	50	70	25%	100%
Công Nam Định VL giai đoạn 2	2.000	774	1.226	39%	100%
Đầu tư công triển khai công nghệ VL	100	11	89	11%	100%
Tổng cộng	2.720	1.134	1.586	21%	100%

Nguồn: CTCP Gemadept

Gemadept luôn dành giả nguồn của, theo sát thị trường, thực hiện liên doanh liên kết và từ đó tạo để tạo liên doanh chiến lược và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp. Trong năm 2023, Gemadept đã hoàn thành việc chuyển nhượng thành công toàn bộ phần vốn tại Công Nam Hải Định VL, tập trung mọi nguồn lực và khách hàng cho Công Nam Định VL – công nghệ lõi của nhóm Bê.

10.5. Các hợp đồng lớn
◆ Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện:
Bảng 10-17: Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện

Số	Tên hợp đồng	Giá trị (USD triệu)	Ngày ký kết (USD triệu)	Ngày hết hạn (USD triệu)	Đối tác	Nội dung (USD triệu)	Hiện trạng (USD triệu)	Chi phí (USD triệu)
I. Các hợp đồng lớn đã ký kết và thực hiện năm 2022								
1	Mua của Lockheed theo hợp đồng số 30074 ngày 10/02/2022	165.000	10/02/2022	Năm 2022-2023	Lockheed	Lockhart - MCCAER Bussard GmbH Công ty TNHH MTV đóng tàu và sửa chữa hàng hải tại Việt Nam	Không có	Không có
2	Đang chờ từ Pearson hợp đồng số 3093040-1188172022 ngày 02/04/2022	35.200	02/04/2022	Năm 2022-2023	Pearson	Công ty TNHH MTV đóng tàu và sửa chữa hàng hải tại Việt Nam	Không có	Không có
3	Chợ thuê tàu biển Pacific theo hợp đồng ngày 24/02/2022	120.000	24/02/2022	Năm 2022-2024	Tàu biển Pacific Pacific	SHANGHAI MARINE TRANSPORT CO., LTD	Không có	Không có
II. Các hợp đồng lớn đã ký kết và thực hiện năm 2023								
1	Mua hàng vận chuyển theo hợp đồng số 303025-040-47467 ngày 10/04/2023	17.400	10/04/2023	Năm 2023	Central sea	Công ty CP Thương mại và kỹ thuật Phục vụ tại Việt Nam	Không có	Không có
2	Chợ thuê tàu biển Green Pacific theo hợp đồng ngày 24/02/2022	30.000	24/02/2022	Năm 2022-2024	Tàu biển Green Pacific	AND LOGISTICS (THAI) CO., LTD.	Không có	Không có
III. Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện trong 3 tháng đầu năm 2024								
1	Mua nhiên liệu theo hợp đồng CA 2402 2024 - GreenShip Coffee theo hợp đồng 15/01/2024	900	15/01/2024	Năm 2024	Pháo biển	Công ty TNHH Cổ Đức và Công nghệ biển	Không có	Không có
2	Chợ thuê tàu biển theo hợp đồng số 0179-2024/01/2024	9.000	01/01/2024	Năm 2024	Tàu biển biển	Công ty TNHH Hàng	- Công ty Dịch vụ Hàng Hải Việt Nam	Không có

STT	Tên người bán	Giá trị chào bán (VNĐ)	Thời điểm chào bán	Thời gian nắm giữ cổ phiếu	Loại chứng minh nhân dân	Địa chỉ thường trú	Mối quan hệ (*)	Loại tài khoản giao dịch chứng khoán
	ngày 04/02/2024					Phước Long	CHD là Chủ tịch Hội đồng thành viên: - Ông Nguyễn Thế Dũng Phó Tổng giám đốc (TGDĐ) là Thành viên Hội đồng thành viên	
3	Chi tiết chứng minh nhân dân Phó ban số 24 ngày 31/03/2024 của Ủy ban số 08TB-2023/UBMĐ-C/HC ngày 11/03/2023	32.750	31/03/2024	Năm 2022 đến 2024	Công dân	Ông Nguyễn Thế Dũng Phó Tổng giám đốc (TGDĐ) là Chủ tịch Hội đồng thành viên	Ông Phạm Quốc Long - Phó Tổng giám đốc (TGDĐ) là Chủ tịch Hội đồng thành viên	Không có

Nguồn: CTCP Gemology

☛ Các hợp đồng lớn đã ký kết nhưng chưa thực hiện: Không có.

(*) Mối quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Giám sát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.6.1. Nhà cung cấp lớn

Bảng 10-1b: Các nhà cung cấp lớn

STT	Nhà cung cấp	Giá trị mua hàng (VNĐ)	Giá trị mua hàng (tỷ VNĐ)	Thời gian mua hàng	Loại chứng minh nhân dân	Mối quan hệ (*)
I	Năm 2023					
1	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TIẾP NHẬN KHUỖ	106.800	0,22%	1 năm	Mua hàng thường xuyên	Không có
2	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TIẾP VÀI PHÁT	87.200	0,18%	1 năm	Mua hàng thường xuyên	Không có
II	Năm 2022					
1	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT HÀNG HẢI VÀ BÀCH HẢI VIỆT	48.100	0,10%	1 năm	Mua hàng phân tán	Không có

STT	Nơi cung cấp vốn	Giá trị vốn góp (USD)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Thời hạn vốn góp	Hạng mục	Ngày giải ngân
	ĐANG					
2	GLOBAL CONTACTS INTERNATIONAL, LLC	14.200	6,47%	1 năm	Thanh toán chính thường	Không có
III	6 tháng đầu năm 2024					
1	GLOBAL CONTACTS INTERNATIONAL, LLC	18.340	8,07%	6 tháng đầu năm 2024	Thanh toán chính thường	Không có
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TNHH PHU THỦY	5.000	2,23%	6 tháng đầu năm 2024	Hỗ trợ đầu tư các bên	Không có

Nguồn: CTCP Oceanair

(*) Căn cứ vào giá trị mua hàng của đồng nhà cung cấp trong kỳ/ Giá trị mua hàng của tất cả các nhà cung cấp) x 100%.

(**) Một quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.5.3. Khách hàng lớn

Bảng 10-10: Các khách hàng lớn

STT	Năm 2022	Giá trị vốn góp (USD)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Thời hạn vốn góp	Hạng mục	Ngày giải ngân
I	Năm 2022					
1	CHIA CÔNG ANA SHIPPING PTE LTD	211.340	45,24%	1 năm	Chi trả hàng hóa	Không có
2	YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	118.000	26,27%	Từ tháng 8 - 12/2022	Chi trả hàng hóa	Không có
II	Năm 2023					
1	YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	107.330	23,28%	1 năm	Chi trả hàng hóa	Không có
2	ASIAN SEAS LTD CO., LTD	104.000	23,41%	Từ tháng 1 - 11/2023	Chi trả hàng hóa	Không có
III	6 tháng đầu năm 2024					
1	YANG MING MARINE TRANSPORT CORP	115.340	26,77%	6 tháng đầu năm 2024	Chi trả hàng hóa	Không có
2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẠN TÀI HIỂN COMADAPT	12.700	2,82%	6 tháng đầu năm 2024	Chi trả hàng hóa và constant	Ông Phạm Quốc Long - Phó Tổng Giám đốc

STT	Khai thác (t)	Giá trị tài sản (t)	Giá trị tài sản (t)	Thị giá (t)	Sau phân	Mỗi quan hệ (%)
						CMĐT là Chủ tịch Hội đồng thành viên

Nguồn: CTCP Genadept

(*) Căn cứ vào (giá trị) bán hàng với tổng khách hàng trong kỳ/ (Giá trị) bán hàng với tất cả các khách hàng) x 100%

(**) Mỗi quan hệ với Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các cơ quan liên quan Công ty tại thời điểm ký kết hợp đồng.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

CTCP Genadept là một trong những doanh nghiệp khai thác công lợi nằm và có những lợi thế nhất định so với các đơn vị cùng ngành như sau:

- **Thương hiệu:** Công ty có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác công, logistics, vận tải hàng hóa, quản lý đội tàu và các dịch vụ phụ trợ khác. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tích lũy được kinh nghiệm, tạo dựng uy tín với các đối tác, khách hàng và đã tạo dựng được một cơ sở hạ tầng khá hoàn chỉnh phục vụ cho việc phát triển trong tương lai.
- **Hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh:** Công ty đang khai thác một hệ thống các công biển khai thác bao gồm 06 công biển và 8CD trải dài khắp cả nước với tổng công suất thiết kế đạt trên 5 triệu TEU/năm và 5 triệu tấn hàng rời/năm. Dự án Genadept là niềm tự hào của người Việt khi sở hữu một trong Top 10 thương cảng của thế giới có thể tiếp nhận cỡ tàu lớn nhất hiện nay lên đến 230.000 tấn trọng tải và là một trong những Trung tâm trung chuyển giao thương hàng hóa quan trọng bậc nhất của khu vực Đông Nam Á.

Bên cạnh đó, Genadept còn góp phần “kết nối” trong bán hợp tác với ngành Logistics Việt Nam, với giải pháp logistics toàn diện và chuỗi hệ thống hoàn chỉnh bao gồm sáu (06) mảng: (1) Công hàng hóa hàng không, (2) Trung tâm phân phối hàng hóa, (3) Vận tải hàng hóa đường biển trong, (4) Vận tải biển-thủy, (5) Logistics hàng lạnh, và (6) Logistics ô tô. Nhờ đó Genadept có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ cá nhân rộng và sâu, các giải pháp vượt trội giúp các doanh nghiệp giảm đáng kể tổng chi phí logistics. Từ một công ty đơn thuần cung cấp những mặt xích dịch vụ riêng lẻ, ngày nay, Genadept đã vươn lên trở thành một doanh nghiệp dẫn

địa Việt Nam về hệ sinh thái dịch vụ Công - Logistics với tư cách góp phần thúc đẩy động lực của nền kinh tế đất nước.

Ngoài ra, Công ty còn là đại lý tàu biển, cung cấp mọi dịch vụ đại lý của biển cho các loại tàu khách, tàu hàng, tàu LPL, tàu dầu, tàu bách hóa... tại các cảng Việt Nam, Genesport còn sở hữu và khai thác 4 tàu biển và đội tàu sông hàng đầu thị trường, hoạt động trên tuyến nội địa và tuyến Cambodia. Với năng lực, kinh nghiệm quản lý sản phẩm và các định hướng phát triển phía trước, công với việc sở hữu đội tàu sông, tàu biển hàng hải, công như các giải pháp công nghệ hiện đại được ứng dụng trong hoạt động khai thác cũng (Smartport, Smart Gate, Rivergate, TMS, WMS, v.v.), Genesport vẫn luôn không ngừng nỗ lực phát triển lấy vững trên thị trường.

- **Đội ngũ nhân lực:** Yếu tố con người luôn được Công ty đặt lên hàng đầu. Genesport có đội ngũ Ban Hành đạo có tầm nhìn, kinh nghiệm, nhiệt huyết công hiến. Công ty luôn chú trọng nguồn lực lao động với năng lực chuyên môn cao để khai thác hiệu quả năng suất từ đội ngũ nhân sự được công nghệ hiện đại trong quản trị và vận hành.
- **Tầm học tài chính vững mạnh**

Trong 12 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng có cổ phiếu niêm yết hàng kỳ giao dịch trên sàn chứng khoán, Genesport đang đứng đầu về quy mô vốn chủ sở hữu, công tài sản cũng như doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế.

Bảng IV-20: Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023 của các Công ty có hoạt động khai thác cảng trên sàn chứng khoán

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Mã	Tên Công ty	Vốn chủ sở hữu	Vốn cố định	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	EPS
1	GND	CTCP Genesport	3.859	4.732	13.546	3.846	1.758	2.534
2	PHI	CTCP Cảng Hải Phòng	1.210	1.336	7.079	1.155	256	243
3	VSC	CTCP Tập đoàn Container Việt Nam	1.034	1.294	5.191	2.781	694	199
4	HAH	CTCP Vận tải và Xây dựng Hải An	1.055	1.171	5.209	2.613	611	558
5	SGP	CTCP Cảng Sài Gòn	1.163	1.814	1.367	942	321	269
6	CDN	CTCP Cảng Đà Nẵng	860	1.661	2.202	1.235	456	273
7	DVP	CTCP Đầu tư và Phát triển Công Đoàn Việt	400	1.236	1.426	549	218	111
8	PDV	CTCP Cảng Đông Hải	378	1.000	1.339	1.147	429	203

STT	Mã	Công ty (VN)	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu đã mua	Tổng số cổ phiếu	Điểm số	Giá trị cổ phiếu	LNAT
9	DSP	CTCP Cảng Dầu Khí	300	640	940	411	60	36
10	CLL	CTCP Cảng Cát Lái	340	619	959	366	100	34
11	PSP	CTCP Cảng Dịch vụ Dầu Khí Đình Vũ	400	461	861	238	61	9
12	VGP	CTCP Cảng Nhà Bè	60	232	292	12.504	27	17

Nguồn: CTCP ĐCTC cập nhật năm 2023 được kiểm toán của các công ty

Kết thúc năm 2023, Gemadepet ghi nhận sản lượng container thông qua hệ thống cảng đạt hơn 3 triệu TEU, đóng góp hơn 12% trong tổng sản lượng hàng container qua cảng biển cả nước, trong đó thị phần của Gemadepet tại từng khu vực lần lượt là Miền Bắc 17%, Miền Trung 30% và Miền Nam 21%.

Bảng 11-21: Thị phần hoạt động khai thác cảng của Gemadepet năm 2023



Nguồn: CTCP Gemadepet tổng hợp từ Các Công ty Hải Sản

Trong đó, miền Bắc gồm Cảng Nhà Bè Đình Vũ, Cảng Nhà Bè, Cảng Nhà Bè Thành Vũ (chuyển nhượng hoàn toàn từ tháng 4/2023), Miền Trung gồm Cảng Dung Quất, Miền Nam gồm Cảng Gemalink, Cảng Phước Long và Cảng Bình Dương.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Gemadepet ghi nhận sản lượng container thông qua hệ thống cảng đạt gần 2 triệu TEU, đóng góp gần 14% trong tổng sản lượng hàng container qua cảng biển cả nước. Cho cảng của Gemadepet ở khu vực Miền Bắc và Miền Trung vẫn giữ vững thị phần so với năm 2023, đặc biệt các cảng ở khu vực Miền Nam đã tăng thị phần lên 27%.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành khai thác cảng biển của Việt Nam có dự định tăng trưởng tương đối nhanh trong giai đoạn. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 22/8/2021 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn 2011 – 2026, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, tổng năng lực đáp ứng thông qua hàng hóa đến năm 2050 đạt 1.140 – 1.421 triệu tấn (trong đó container từ 36 – 47 triệu TEU).

trung bình với kỳ vọng tăng trưởng trung bình 6% năm trong giai đoạn 2021 – 2030

Động lực tăng trưởng ngành khai thác cảng biển của Việt Nam đến từ các yếu tố sau:

- *Kim ngạch thương mại của Việt Nam được dự báo tăng trưởng tích cực và đóng góp KDN cho Việt Nam rất đáng quan tâm. Tốc độ tăng trưởng của ngành cảng biển phụ thuộc rất lớn vào kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam – được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong dài hạn nhờ vào các hiệp định đã ký như CPTPP (Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương), EVFTA (Hiệp định thương mại tự do Liên minh Châu Âu – Việt Nam) và RCEP (Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực). Trong giả tế kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam, các doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng rất lớn (khoảng 70%), do đó ngoài hàng của ngành cảng biển Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào các doanh nghiệp FDI. Việt Nam đang là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI khi chuỗi cung ứng quốc tế có xu hướng dịch chuyển, mở rộng ra ngoài thị trường Trung Quốc sau dịch COVID – 19 (chủ yếu do ảnh hưởng của các vấn đề an ninh, có vị trí thuận lợi và hạ tầng logistics phát triển với chi phí thấp hơn so với Trung Quốc).*
- *Tình hình kinh tế ở các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam được dự báo sẽ dần hồi phục trong năm 2024. Sản lượng container qua cảng biển Việt Nam giảm dần từ cuối năm 2022 – 2023, suy giảm mạnh do sự giãn nở xu hướng thu hẹp dần vào cuối năm 2023. Các tổ chức quốc tế dự báo nhu cầu chi tiêu tại Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc sẽ bắt đầu hồi phục trong 6 tháng cuối năm 2024 nhờ một loạt chính sách tiền tệ. Do đó, nhu cầu vận tải hàng hóa sang các quốc gia này dự báo sẽ có phục hồi.*
- *Tầm năng phát triển các cảng nước sâu rất lớn. Xu hướng tăng cao trọng tải tàu yếu của hệ thống cảng nước sâu để cạnh tranh với các cảng lớn lân cận như Singapore, HongKong. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 137/QĐ-TTg), trọng tâm của Quy hoạch vẫn tiếp tục xác định ưu tiên đầu tư phát triển cảng nước sâu tại Hải Phòng, Đà Nẵng – Vũng Tàu và bổ sung cảng Vân Phong (Khánh Hòa), cảng Trần Đề (Sóc Trăng) vào quy hoạch, qua đó giúp thu hút tàu mẹ cập cảng Việt Nam thay vì các cảng trung chuyển tập trung trong khu vực Singapore, HongKong.*
- *Dự kiến tăng giá bốc dỡ tại các cảng Việt Nam vẫn còn. Hiện nay giá bốc dỡ trung bình của Việt Nam chỉ bằng khoảng 40 – 50% so với giá trung bình trong khu vực mặc dù năng lực tiếp nhận tàu và bốc dỡ sẽ hơn 100% so riêng tại các nước khác. Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Thông tư số 31/TT-BGTVT ngày 25/12/2023 về biểu khung giá dịch vụ bốc dỡ, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phân rã, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lưu đặt tại cảng biển Việt Nam, theo đó Cơ cấu dịch vụ bốc dỡ container xuất nhập khẩu tại một số khu vực được điều chỉnh tăng khoảng 10% so với trước điều chỉnh (từng nhóm cũng sẽ được áp dụng khung giá riêng).*

10.3.3. Hình giả tế phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành và

với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới. Với những nhận định đánh giá về tình hình thị trường trong nước và ngoài nước, bối cảnh kinh tế, điểm mạnh, lợi thế, cơ hội và thách thức, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra những định hướng chính trong chiến lược phát triển 3 năm lần thứ ba 2021 – 2023 như sau:

- **Sứ mạng:** Gemsec sẽ tập tục hoạt động và phát triển tương ứng nhằm “Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra giá trị gia tăng cho đất nước, doanh nghiệp và đời sống, nâng cao chất lượng cuộc sống và giải pháp vượt trội”.
- **Tầm nhìn:** Trở thành một Tập đoàn đầu đầu Việt Nam về hệ sinh thái tích hợp Công-Logistics.
- **Chiến lược:** Trong giai đoạn 2021 – 2023, Gemsec sẽ triển khai Chiến lược tăng trưởng hiệu quả hướng đến đầu tư và tăng trưởng bằng hệ sinh thái tích hợp Công-Logistics đa dạng, rộng khắp.

Chiến lược của Gemsec nhận mạnh đến các yếu tố quan trọng là “tăng trưởng hiệu quả” với các yếu tố này tạo nền tảng và cơ sở để đạt được tăng trưởng nhưng phải đạt hiệu quả, kinh doanh phải có lãi, với yếu tố đời sống và xã hội công nghệ và quản trị doanh nghiệp. Ngành nghề và các hoạt động của một kinh doanh được mở rộng trong năm (15) năm tới sẽ tạo thành hệ sinh thái tích hợp Công-Logistics đặc trưng của Gemsec.

Việc Gemsec định hướng phát triển mạng lưới hoạt động khai thác công và logistics là phù hợp với tình hình, đặc điểm phát triển của một nền kinh tế năng động và có hoạt động xuất nhập khẩu nhập vào Việt Nam, phù hợp Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống công biển Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030 cũng như phù hợp với định hướng phát triển của ngành vận tải biển nói chung.

Trong chiến lược phát triển 3 năm từ 2021-2023, từ 2024 là năm nước rút để chuẩn bị về đích. Trên cơ sở đánh giá hiện điểm hiện tại được hợp các mục tiêu chiến lược và trên cơ sở chiến lược hình thành khi cần có tiếp diễn, khi cần mới xuất hiện, và cũng có những cơ hội như các dự báo về kinh tế, chính trị, tài chính, ngân hàng, hàng hải HĐQT sẽ tiếp tục kiến định với chiến lược 3 năm trong 35 ngày phát triển năng động, hiệu quả và bền vững.

10.8. Hoạt động Marketing

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Gemsec cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing. Mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty đều có bộ phận Marketing để chăm sóc khách hàng, tiếp cận khách hàng mới và khách hàng cũ trên năng lực và uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. Công việc chính của bộ phận này là chào bán dịch vụ và nghiên cứu phát triển thị trường, bao gồm các bước như sau: xác định đối tượng khách hàng, tiếp cận khách hàng để xác định những yêu cầu về dịch vụ và phục vụ khách hàng. Công ty đã tổ chức nhiều hội nghị khách hàng, cũng như các buổi

tham quan các cơ sở hạ tầng công của Công ty. Sự hoạt động và hiệu quả của bộ phận này sẽ tạo động lực tăng trưởng cho Công ty.

Bên cạnh đó, trong gần 35 năm hình thành và phát triển, Gemadept luôn theo đuổi mục tiêu và xây dựng hình ảnh phát triển bền vững trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực, thay đổi cơ cấu tổ chức và mô hình quản trị để thích ứng tối nhất với sự chuyển biến của thị trường và tốc độ phát triển của nền kinh tế.

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp luôn gắn liền với chính sách phát triển bền vững, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Gemadept. Chính sách phát triển bền vững của Công ty đã được cụ thể hóa bằng những chương trình hành động tập thể hàng năm, thiết thực và mang tính lâu dài.

Cụ thể, Gemadept đã, đang và sẽ tiếp tục tập trung phát huy chính sách phát triển bền vững theo các lĩnh vực sau:

- **Môi trường làm việc:** Tiếp tục xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hạnh phúc và trở thành nơi thu hút, giữ chân những người lao động tài, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam.
- **Văn hóa Gemadept:** Truyền thống văn hóa GMD được xây dựng dựa trên nền tảng 9 nguyên tắc văn hóa tốt đẹp, ở đó tinh thần dân tộc, tâm phương làm được để làm, là một tập thể vững chắc người Gemadept luôn nhận với bản thân, gia đình, cộng ty và xã hội, luôn chính trực và sẵn sàng vượt mọi trở ngại, biến thách thức kết nối với đồng nghiệp, với đối tác, khách hàng và những người đồng hành.
- **Chế độ đãi ngộ và phúc lợi:** Tiếp tục phát huy chế độ đãi ngộ và phúc lợi có tính cạnh tranh cao, giúp thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng, khuyến khích, tương thưởng theo tiềm năng sáng tạo, phát huy tối đa năng lực cá nhân, làm nên hàng chục sản phẩm tập thể vượt qua mọi thử thách, hiện thực hóa mục tiêu và tầm nhìn dài hạn.
- **Trách nhiệm xã hội:** Chú trọng yếu tố bảo vệ môi trường, duy trì cách quan tâm - quan - ếp, sẽ đang rất nhiệt tình ủng hộ; tạo thêm nhiều việc làm cho nhân dân địa phương; triển khai công tác thiện nguyện thông qua các chương trình tương thân tương ái, cứu trợ đồng bào bị thiên tai, tế an mồ côi, những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Với những đóng góp tích cực đối với xã hội, cộng đồng và những thành tựu phát triển ấn tượng, Gemadept đã được các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước công nhận và vinh danh xứng đáng. Một số các danh hiệu, giải thưởng, bằng khen và những nhận xét khác mà GMD đã đạt được trong những năm trở lại đây bao gồm: Top 50 doanh nghiệp lợi nhất Việt Nam VNR500, Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất PROFIT500, Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam, Dẫn đầu Top 10 công ty uy tín ngành

Logistics, Tập 10 thương hiệu mạnh ASEAN

18.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

◆ Công ty đã thực hiện đăng ký nhãn hiệu và được bảo hộ nhãn hiệu đối với:

- Tên thương mại: Công ty cổ phần Gemadept
- Nhãn hiệu được bảo hộ (1): GEMADEPT
- Nhãn hiệu được bảo hộ (2):



◆ Công ty đã đăng ký tên miền: www.gemadep.com.vn

◆ Công ty đã thực hiện đăng ký quyền tác giả và được bảo hộ quyền tác giả đối với:

- Phần mềm kế toán công thống nhất Smartpart; và
- Hình thức thể hiện giao diện website và ứng dụng chạy trên điện thoại di động của phần mềm kế toán công thống nhất Smartpart.

18.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Để đảm bảo bám sát mục tiêu và định hướng chiến lược kinh doanh, nghiên cứu năm bản thiết kế, cơ hội của thị trường và sự thay đổi của ngành, đánh giá đúng lợi thế của công ty trong tầm nhìn phát triển, Công ty có phòng chuyên trách nghiên cứu các chính sách, cơ hội đầu tư, cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh. Phòng Nghiên cứu và Phát triển (Research and Development - R&D) là Phòng ban chuyên môn trực thuộc Công ty, chịu sự chỉ đạo, quản lý của Ban Lãnh đạo Công ty.

Trong 02 năm liền tập liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, chính sách nghiên cứu và phát triển của Công ty gắn với hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc mở rộng, cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh, gắn với phát triển ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty theo các định hướng chiến lược và thị trường; cập nhật các xu hướng chuyển đổi công nghệ để mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và tối ưu hóa hoạt động.

◆ Nghiên cứu chính sách để có các giải pháp thích ứng linh hoạt cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Thực hiện các bài văn chuyên ngành nghiên cứu tác động ảnh hưởng của các Hiệp định thương mại tự do (FTA), chiến lược thương mại, tác động của các chính sách – quy hoạch và hướng ngành, chính sách về ngân hàng tài chính ... đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Trong suốt hơn 12 năm qua, Công ty cổ phần Gemadep đã và đang thực hiện các bài văn chuyên ngành Logistics để liên tục cập nhật các tin tức, chuyên ngành và xu hướng ngành, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Đồng thời, Bản tin đã tham gia đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành thông qua việc đăng tải Bản tin lên trang website chính thức của Tập đoàn, được đồng đội cộng đồng doanh nghiệp và các Hiệp hội đánh giá cao.

- Là thành viên tích cực của các Hiệp hội như Hiệp hội Các doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam, Hiệp hội Đại lý, môi giới và dịch vụ hàng hải Việt Nam, Hiệp hội Công biển Việt Nam... để cùng đóng góp các ý tưởng, đề xuất, giải pháp nhằm không ngừng hoàn thiện các chính sách, góp phần tích cực vào sự phát triển nhanh và mạnh của ngành theo định hướng của Chính phủ.
- ◆ **Nghiên cứu phát triển dự án, đầu tư theo đúng mục tiêu định hướng chiến lược kinh doanh, nắm bắt thời cơ, cơ hội của thị trường để đề xuất phương án đầu tư khả thi, mở rộng quy mô và tăng hiệu suất phát triển.**
 - Công ty triển khai hàng loạt các dự án lớn như hoạt động kinh doanh cốt lõi sản phẩm cốt lõi đầu tư năng cấp cũng hiện đại nhất của Công ty Đường biển Bình Dương; đưa vào khai thác đường biển để vận chuyển hàng hóa từ các cảng biển Việt Nam tại khu vực Cái Mập - Thị Vải thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; triển khai khai thác công suất đoạn I - dự án cảng Nam Định V&I - là một trong ba gói thầu thuộc cụm cảng lớn nhất của Công ty Đường biển Bình Dương và Công ty Đường biển Bình Dương; triển khai dự án Cảng mới tại khu vực Hồ Chí Minh góp phần thúc đẩy hoạt động vận tải hàng hải nội địa khu vực miền Bắc và vùng nội địa sản xuất nhất cả nước; triển khai các dự án tại thị trường cấp độ của hàng Kênh Hải Nam đảm bảo các chuyến tàu lưu thông thuận lợi, an toàn, chi giảm chi phí chi phí Logistics chi của hàng tải và khách hàng xuất nhập khẩu Khu vực Hồ Chí Minh; cũng hàng loạt các dự án đầu tư tài sản, phương tiện thiết bị khác để kịp thời đáp ứng cơ hội và thị trường và mở rộng quy mô hoạt động.
- ◆ **Nghiên cứu các tiến bộ công nghệ, phân tích đánh giá, nhận định những tiềm năng, rủi ro và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả trong quá trình khai thác và quản trị**
 - Trong suốt 02 năm đại dịch Covid-19, để chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh - vẫn đảm bảo an toàn phòng chống dịch với báo cáo và phát triển. Công ty đã chủ động thành lập Ban phòng chống dịch, ban hành và thực hiện hàng loạt chính sách chăm lo đời sống người lao động, tập trung chi giảm chi phí, đảm bảo đã được tận dụng tài sản có của cơ sở và trung tâm phân phối, kho - bãi - cảng và đồng chủ hàng hóa trên toàn bộ đường của Công ty trên khắp cả nước; tạo nguồn lực quan trọng nhằm hỗ trợ cơ hội kinh doanh hải phận.
 - Đóng góp các tiến bộ công nghệ sản xuất, vận chuyển, đầu tư... của các phòng ban chức năng cũng như các quy trình phối hợp giữa các thành viên trong nội bộ Công ty đảm bảo thông suốt và hợp tác giữa các bộ phận, đơn vị và phối hợp với quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu các chính sách Nhà nước về Ngân hàng, tài chính để có các giải pháp phù hợp để hạn chế quản lý chi phí lãi và phòng chống rủi ro về tỷ giá, lạm phát.
- ♦ Nghiên cứu các cơ hội hợp tác, hình thức hợp tác, liên doanh, liên kết... để phát huy mọi nguồn lực đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.
 - Triển khai hợp tác với các đối tác lớn trong và ngoài nước, đồng góp tích cực cho hoạt động của Tập đoàn như hàng đầu tại thị trường CMA – CGM của Pháp, tập đoàn Sanokoma của Nhật Bản, tập đoàn CI của Hàn Quốc, tập đoàn Minh Phú, tập đoàn Sao Đỏ...
 - Triển khai hợp tác, liên doanh với các đối tác trong cùng dự án cụ thể thuộc hoạt động depot, kho bãi... tạo nên sự gắn kết bền chặt với các khách hàng, đối tác cũng như là nền tảng để Tập đoàn mở rộng các dịch vụ, quy mô, phạm vi trong thời gian tới.
- ♦ Nghiên cứu các mô hình quản trị tiên tiến để cải tiến áp dụng cho doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững và ngày càng bền vững.
 - Triển khai mô hình quản trị tập trung của khối phòng ban chức năng và mở rộng áp dụng cho khối các xuất nhập khẩu, bao gồm khối MCT-ĐD, khối Khai thác và khối Kỹ thuật, trong đó, tập trung ưu tiên triển khai đối với khối công việc Controlnet tại miền Bắc.
 - Hoàn thiện và nhân rộng mô hình Công suất, Công suất thuê bền vững; phát triển cộng sinh, cân bằng giữa các vùng lãnh thổ trọng điểm theo chiều dọc (Bắc – Nam) và chiều ngang (liên kết vùng Đông – Tây) nhằm mở rộng hoạt động và phát huy năng lực, vì thế của Controlnet toàn thành phố và rộng hơn tại thị trường khu vực miền Trung.
 - Nghiên cứu đưa vào áp dụng chương trình ứng dụng công nghệ thông tin như dự án Smartport của các cảng và tập đoàn cho các công ty Logistics để đưa đến cho khách hàng giá trị nhất trong dịch vụ vượt trội, tiết kiệm thời gian, an toàn tiện lợi cho các giao dịch và đảm bảo an toàn cho khách hàng và Công ty.
 - Tham gia góp ý triển khai các dự án quản trị trọng điểm có ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển bền vững của Tập đoàn như dự án HSC/KPIs, dự án Cầu biển hàng, dự án Dữ liệu kế toán, dự án Vận hành, dự án Quản trị Đông Sơn...
- ♦ Nghiên cứu các chính sách Môi trường, Xã hội và Quản trị (Environmental, Social, and Governance – ESG) để đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty – Môi trường và Xã hội.
 - Nghiên cứu triển khai dự án điện mặt trời áp mái lớn nhất khu vực TP HCM trên mái nhà ga hàng hóa TCSK và dự án điện mặt trời áp mái lớn nhất Đông Nam Á mới nhất khu vực của Mekong Logistics tại Tiền Giang...

- Thêm giá gộp 3, tỷ lệ đóng và lệ đóng công từ chính sách ESG trong toàn Tập đoàn, triển khai thành công với dự án công suất tiêu biểu tại khu vực miền Trung là công Dematept Dung Quat và tại khu vực miền Nam là công quốc tế Dematree với dự án Trống bà cũng được các hãng tàu, cơ quan chức năng và cộng đồng xã hội đánh giá cao, tiếp đầu là các dự án Cảng Nam Bình Vĩ, Cảng Bình Dương. Tiếp hành đầu tư chuyển đổi mua sắm trang thiết bị số dụng năng lượng xanh sạch.
- Triển phòng triển khai các dự án công nghệ trong khai thác vận hành và quản trị như dự án Smartport, Smart Gate, dự án RiverGate, ứng dụng các Hệ thống quản lý vận tải (Transportation Management System – TMS), Hệ thống quản lý kho bãi (Warehouse Management System – WMS)...

Các nguyên tắc chính đối với chính sách nghĩa cử và phát triển:

- Độc lập, khách quan;
- Nhiệm vụ chính diện;
- Phối hợp và kết nối;
- Phối hợp với những giá trị cốt lõi;
- Phát triển bền vững và hiệu quả;
- Bảo mật thông tin.

10.11. Chiến lược kinh doanh**10.11.1. Tổng quan về chiến lược**

Vượt lên trên những khó khăn, biến động của thị trường trong năm 2023, Côngtept được tập luyện và hoàn thiện hệ một tầm nhìn vững chắc, sẵn sàng chính thức những cơ hội mới trong giai đoạn nước rút hành trình Tân niên 2025. Với định hướng phát triển bền vững, Côngtept cam kết không ngừng nỗ lực để mang đến những giá trị vượt trội cho khách hàng, cộng đồng, môi trường và đất nước. Theo đó, trong năm 2024 và lộ trình đầu năm 2025, Công ty tiếp tục tập trung vào các định hướng trọng tâm sau:

- Đầu tư mở rộng mạng lưới hệ sinh thái Dịch vụ Cảng – Logistics;
- Tối ưu hóa, cải tiến hạ tầng quản trị nhân, quản lý tài sản, dòng tiền;
- Hợp tác & đồng hành cùng phát triển;
- M&A đầy nhanh và mạnh tốc độ tăng trưởng;
- Lấy chuyên môn số là công cụ để vận hành và quản trị đồng nhất;
- Mang lại những giá trị bền vững cho người, cộng đồng và đất nước.

Đầu tư mua sắm thiết bị để công tạo công suất khai thác và chất lượng dịch vụ

- Đầu tư mua sắm thiết bị để công tạo công suất khai thác và chất lượng dịch vụ

Khai thác công Nam Dinh Vĩ

- Triển khai đầu tư xây dựng công Nam Dinh Vĩ giai đoạn 1 và mua sắm hàng kính Hải Nam;
- Nghiên cứu mở rộng đầu tư cảng nước sâu tại khu vực Miền Bắc, công tác dự án kỹ thuật như ICD, Depot... để kết nối và đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa quốc tế cũng như;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ cảng, tiếp tục vận hành các hoạt động hệ sinh thái thông qua chuyển đổi số toàn diện, kết hợp triển khai các giải pháp đột phá về quản lý, vận hành cảng;
- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics liên cảng, tăng cường sức cạnh tranh của công trong việc cung cấp các dịch vụ logistics trọn gói, tích hợp, chất lượng cao.

Đầu tư Miền Cảng Miền Trung

- Hoàn thiện và nâng cấp mở rộng Cảng sinh, Cảng sinh thái bền vững;
- Triển khai mua sắm tàu trọng tải hàng đầu về hiệu quả khai thác cũng tại khu vực Miền Trung dựa trên chất lượng dịch vụ vượt trội, uy tín và gắn kết với khách hàng;
- Nghiên cứu, tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư, nhận phát triển thêm các dịch vụ và nhận hàng mới.

Đầu tư Miền Cảng Miền Nam

- Tối ưu hóa công suất vận hành cũng Gemalink hiệu hữu và nâng cao năng lực phục vụ các tuyến tàu gầu 24.000 TEU;
- Triển khai hiệu quả Dự án cũng Gemalink giai đoạn 2;
- Đầu tư, khai thác tốt hệ thống ICDs liên cảng – cánh tay nối dài của Gemalink về khu vực Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương;
- Tìm kiếm và phát triển thêm các dịch vụ mới, nguồn hàng mới và dự án mới tại khu vực;
- Tăng cường đầu tư công nghệ, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ hóa nguồn dữ liệu toàn bộ hệ thống Cảng và Logistics;
- Phát triển mạnh hoạt động vận tải thủy nội địa kết nối các vùng cũng như các Gemalink và các khu vực tiềm năng tại miền Nam và trước hạn Campuchia.

Đầu tư Miền Logistics

- Đẩy mạnh Vị thế hàng đầu: Tiếp tục củng cố vị thế của Gemastep là doanh nghiệp Logistics hàng đầu tại Việt Nam, thông qua việc duy trì và nâng cao chất lượng

Đích vụ:

- Mở rộng danh mục khách hàng: Tập trung mở rộng danh mục khách hàng bằng cách đa dạng hóa và cá nhân hóa các giải pháp logistics;
- Dịch vụ giá trị gia tăng cao: Đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực dịch vụ logistics có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực e-logistics và last-mile delivery;
- Hợp tác và liên minh: Tăng cường hợp tác và liên minh với các đối tác trong nước và quốc tế để mở rộng phạm vi hoạt động và cải thiện chất lượng dịch vụ;
- Đảm bảo tính bền vững: Cam kết đảm bảo tính bền vững trong hoạt động vận hành, đáp ứng kịp thời và chính xác nhu cầu khách hàng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn và an ninh;
- Ứng dụng công nghệ hiện đại: Cải thiện hiệu quả vận hành và tối ưu hóa chi phí thông qua việc tích hợp công nghệ hiện đại vào quản lý và hoạt động sản xuất;
- Tạo chuỗi giá trị khách hàng: Phát triển và mở rộng các chuỗi giá trị logistics để tăng cường lợi thế cạnh tranh, kết nối và tích hợp hiệu quả các hoạt động của Tập đoàn;
- Hướng đến tương lai bền vững và mở rộng mô hình: Đa dạng hóa hàng không liên minh; Đảm bảo các yếu tố ESG trong hoạt động kinh doanh; Nghiên cứu và đề xuất tham gia đầu tư khai thác Nhà Ga hàng không sân bay quốc tế Long Thành.

Đầu tư chiến lược

- Phát huy vị thế thương hiệu: Tập trung vào việc tăng cường thương hiệu Gemisep trong lĩnh vực vận tải biển, sẵn sàng phát triển một mạng lưới rộng lớn và đa dạng hóa khách hàng;
- Đầu tư vào tuyển dụng tài nhân lực: Nghiên cứu nâng cấp các tuyến dịch vụ biển biển và mở rộng các tuyến vận tải mới hiệu quả;
- Hợp tác và liên minh: Mở rộng và tăng cường liên minh với các hãng tàu, khách hàng và đối tác chiến lược, nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh và mở rộng thị phần;
- Đầu tư và khai thác tài sản: Tập trung nghiên cứu và đầu tư vào tài sản chủ chốt như biển, container, đội xe... để tăng cường khả năng khai thác hiệu quả và bền vững;
- Ứng dụng công nghệ trong quản trị và vận hành: Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin và tự động hóa trong quá trình vận hành để tối ưu hóa quy trình làm việc, giảm thiểu chi phí và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp.

10.11.2. Nguồn vốn, nguồn lực và Thời gian dự kiến thực hiện

	Y/CHỨC	TỔNG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH
Khoảng miền Bắc		
- Triển khai Dự án công tác Kiểm Y tế giai đoạn 1	Đơn vị tư vấn Y tế Quốc tế	Trung tâm 2024 - 2025
Đánh giá mức độ TSCV và công tác công tác và chất lượng dịch vụ cấp độ Miền Bắc vùng Bắc Bộ, VN	Đơn vị tư vấn Y tế Quốc tế	Cuối năm 2024
- Tăng cường thu và lợi nhuận của trung tâm tư vấn hàng đầu	Phòng Marketing - BD, vùng Nam Bộ, VN và CTCP Công Genesys	Đã triển khai từ năm 2020 và tiếp tục tăng cường hiệu quả
- Phát triển các dịch vụ giải trí gia đình	Phòng Marketing - BD, các công ty tư vấn liên quan miền Bắc	Đã triển khai, hiện hình Chi nhánh Smart Port từ năm 2023 và tiếp tục tăng cường hiệu quả
- Vận hành và phát triển kỹ thuật chuyên môn Trung tâm Dịch vụ Khách hàng, Trung tâm Khách hàng, Trung tâm Kỹ thuật	Trung tâm Dịch vụ Khách hàng, Trung tâm Khách hàng công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật	Đã triển khai và hiện hình Chi nhánh từ năm 2020 và tiếp tục tăng cường hiệu quả
Khoảng miền Trung		
- Tăng cường lợi nhuận và cơ sở của Genesys tại khu vực miền Trung	CTCP Genesys Miền Trung và Phòng Marketing - BD	Đã thành lập CTCP Genesys Miền Trung hoạt động từ năm 2021 và tiếp tục tăng cường hiệu quả
- Phát triển các dịch vụ Legal	CTCP Genesys Miền Trung và Phòng Marketing - BD	Đã triển khai từ năm 2023 và tiếp tục tăng cường hiệu quả
- Tìm kiếm và phát triển thêm các dịch vụ mới, nguồn hàng mới	CTCP Genesys Miền Trung và Phòng Marketing - BD	Đã triển khai, dự kiến có thêm 1-2 dịch vụ mới và hợp tác kinh doanh mới như CTCP Genesys Miền Trung, Công ty Cổ phần Genesys Dược Quốc tế và hệ thống chuỗi công nghệ của Genesys đến 2025
- Nâng cấp các tài liệu và tập hợp các đầu tư	Phòng Marketing - BD, Phòng Nhân sự và Phát triển và CTCP Genesys Miền Trung	Đã triển khai và tiếp tục tăng cường hiệu quả, dự kiến có thêm 1 dự án mới tại Miền Trung từ năm 2024
Khoảng miền Nam		
- Thu hút hơn đồng nghiệp - phát triển kinh doanh mới, đến các đối tượng khách hàng và công tác công tác khu vực	Phòng Marketing - BD, Phòng Quan hệ với đầu tư, các công ty tư vấn miền Nam	Đã triển khai và tiếp tục tăng cường hiệu quả
- Cải thiện chất lượng công tác công tác, KPI tại khu vực và là công tác kỹ thuật được miền Nam	Các công ty tư vấn miền Nam	Đã triển khai và tiếp tục tăng cường hiệu quả
- Phát triển các dịch vụ mới, nguồn hàng mới	Phòng Marketing - BD, các công ty tư vấn miền Nam	Đã triển khai, dự kiến có thêm 1-2 dịch vụ mới và hợp tác kinh doanh mới hệ thống công ty Phát Long, Bình Dương, Genesys và hệ thống chuỗi công nghệ của Genesys

	CÔNG TY	THỜI GIAN THỰC HIỆN
- Nghiên cứu, đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư	Phòng Marketing - BID, Tổng Nghiên cứu và Phát triển, các công ty tư vấn kinh tế tài chính	Đã triển khai và tiếp tục công tác khảo sát, dự án chủ yếu là: 1-2 dự án xuất khẩu gạo (Bà Chanh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ) - năm 2021-2022
Khai Logistics		
- Giải quyết và phát huy vai trò vị thế doanh nghiệp kinh doanh	Các công ty khối Logistics	Đã triển khai và tiếp tục công tác khảo sát
- Phát triển các dịch vụ mới liên quan	Các công ty khối Logistics, Phòng Marketing - BID	Nghiên cứu triển khai dịch vụ tư vấn giám sát, vận chuyển DPA và DPL, năm 2021-2022
- Tăng cường hợp tác, liên minh và phát huy vai trò của các đối tác	Các công ty khối Logistics, Phòng Marketing - BID, Phòng Quản lý chi đầu tư	Đã triển khai và tiếp tục công tác năm 1-2 đối tác, khách hàng trong các lĩnh vực như: H. Corporation, H&M, T&E...
- Tạo lập an toàn, an ninh và tuân thủ các chính sách của hệ thống	Các công ty khối Logistics, Phòng HRM	Đã triển khai từ năm 2021 và tiếp tục công tác khảo sát Chương trình Văn minh xuất khẩu
- Tăng cường ứng dụng công nghệ và công nghệ thông tin, tập trung vào quản lý và hoạt động sản xuất	Các công ty khối Logistics, Phòng Công nghệ thông tin, Ban Chuyên đề số	Đã triển khai và tiếp tục công tác các bộ thông tin như TMS, WMS, ERP trong năm 2021
- Khảo sát và triển khai hợp tác với các loại hình vận tải biển và trong Tây Nguyên	Các công ty khối Logistics, Phòng Marketing - BID	Đã triển khai và tiếp tục công tác khảo sát
Khai Shipping		
- Nâng cao hiệu quả và vị thế của đội thuyền vận tải	Các công ty khối Shipping	Đã triển khai và tiếp tục công tác khảo sát, dự án chủ yếu là: 2 dự án triển khai vận tải an toàn số hóa, khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc đến 2022
- Triển khai các tuyến vận tải biển quốc tế, phục vụ khách hàng và người kinh doanh	Các công ty khối Shipping, Phòng Marketing - BID	Đã triển khai, dự kiến có thêm 1-2 tuyến vận tải biển và hoạt động ngoài hàng năm đến 2021
- Tăng cường hợp tác, liên minh và phát huy vai trò của các đối tác	Các công ty khối Shipping, Phòng Marketing - BID, Phòng Quản lý chi đầu tư	Đã triển khai và tiếp tục công tác năm 1-2 đối tác như các tuyến vận tải dự án và vận tải khu vực đến năm 2021
- Nghiên cứu và thực hiện dự án khai thác hiệu quả tài sản, chi trả hiệu quả khi khai thác vận tải	Các công ty khối Shipping, Phòng Marketing - BID, Phòng Nghiên cứu và Phát triển	Đã triển khai và tiếp tục công tác khảo sát thông qua đầu tư các công ty chi đầu tư từ 2021
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ thông tin trong các khâu vận chuyển	Các công ty khối Shipping, Phòng Công nghệ thông tin	Đã triển khai và tiếp tục công tác khảo sát các bộ thông tin như: Hệ thống Smart Port, River Gate từ 2021

Nguồn số liệu: Đã được báo cáo hàng năm trong báo cáo tài chính, GMD số hợp đồng vận tải của các đầu tư và chứng, chứng thực, các đơn vị tư vấn và tổ chức cổ đông liên kết. Việt tin

đồng các ngân hàng nào sẽ được DHDGD và HĐQT quyết định cụ thể để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Theo Nghị quyết số 184/VIQ-SHĐBCD-GMD ngày 25/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia hạn theo số phần ra công chứng cho cổ đông hiện hữu. Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành này là 1.001.773.937.000 đồng và sẽ được sử dụng để (i) Mua sắm tài sản cố định, (ii) Trả nợ vay ngắn hạn, và (iii) Tăng vốn góp của Công ty cổ phần Công Nam Định VEC (công ty con do Gemdalept sở hữu 60% vốn điều lệ) để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ vay ngắn hạn. Chi tiết được trình bày tại mục VII – IX của Bản Báo Bạch.

18.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong Đơn vị kinh doanh kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan.

Trong các ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty và một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, nay nhiên hiện tại CTCP Gemdalept không trực tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành, nghề có điều kiện này. Các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện này do các công ty con, công ty liên doanh và liên kết của CTCP Gemdalept trực tiếp thực hiện. Các công ty con, công ty liên doanh và liên kết của CTCP Gemdalept đều được thành lập hợp pháp, đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan. Chi tiết như sau:

Bảng 18-22) Các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty

STT	Tên ngành, nghề	Đơn vị kinh doanh	Loại đơn vị kinh doanh	Đơn vị kinh doanh
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Cơ cấu: 10 công ty kinh doanh vận tải đường biển, kinh doanh vận tải hàng hóa trên biển và vận chuyển và kho	CTCP	Điều kiện kinh doanh vận tải đường bộ được quy định tại Nghị quyết số 15/2009/NQ-CP ngày 15/01/2009 và Nghị quyết số 14/2011/NQ-CP ngày 16/02/2011.	Kông trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh vận tải biển. CTCP Dịch vụ Vận tải Trường Thành Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương CTCP Gemdalept Miền Trung CTCP Vạn

STT	Nội dung	Mã loại	Mô tả nội dung chi tiết	Số/Quy định áp dụng	Đơn vị công chứng
	Đặt và lắp trạm, trạm biến áp và đường dây tải điện.		quản lý kỹ thuật của các công trình điện lực và trạm biến áp theo quy định của Luật Điện lực năm 2014, Nghị định số 120/2014-NĐ-CP và Nghị định số 120/2014-NĐ-CP ngày 18/10/2014.		Công ty chứng thực Công chứng Việt Nam và Công chứng Việt Nam Công chứng và Chứng thực Công chứng Việt Nam.
2	Xây dựng công trình kỹ thuật các hạng mục: Các vật kỹ thuật của công trình, lắp đặt, công trình đã được công nhận.	020	quản lý kỹ thuật của công trình điện lực theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 120/2014-NĐ-CP ngày 18/10/2014.	Không quy định theo nội dung công chứng kỹ thuật.	CTCP Đầu tư Xây dựng Miền Bắc Công chứng Công chứng Việt Nam.
3	Vật tư hàng hóa được lắp đặt cho các trạm biến áp, đường dây tải điện.	022	quản lý kỹ thuật của các công trình điện lực và trạm biến áp theo quy định của Luật Điện lực năm 2014, Nghị định số 120/2014-NĐ-CP và Luật các tiêu, kỹ thuật và tiêu chuẩn của Việt Nam được áp dụng từ ngày 17/05/2014, Nghị định số 120/2014-NĐ-CP, Nghị định số 120/2014-NĐ-CP.	Không quy định theo nội dung công chứng kỹ thuật.	Công ty TNHH MTV Việt Bắc Công chứng.

STT	Trình độ	Năm 2022	Mức độ chuyên môn và kỹ năng	Loại hình công việc làm đang làm (nếu có)	Công ty nơi công việc trước đây và địa chỉ công việc trước đây (nếu có)
	Kỹ sư thiết kế Chịu trách nhiệm thiết kế các công trình, dự án xây dựng và kết cấu bê tông cốt thép, theo dõi và đưa ra xây dựng theo đúng và đúng thời gian và chi phí thiết kế, thi công, nghiệm thu.		năm 2014, Ngày sinh: số QUANG NHƯNG ngày 09/11/2002.	th	Công ty Các công ty con, công ty liên doanh, liên kết khác đã dựa tập thể và xây dựng công trình để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, không nhận được tiền lương.
g	Nhà hàng và chi nhánh vụ án công pháp vụ lao động Chịu trách nhiệm kinh doanh của hàng tư vấn.	2019	Kinh doanh dịch vụ tư vấn pháp lý hàng năm, hỗ trợ và tư vấn về các hợp phần quy định tại Luật an ninh thực phẩm năm 2019.	Hiện làm công việc tư vấn pháp lý trong ngành nghề này.	Hiện làm công ty con, công ty liên kết khác và hoạt động kinh doanh trong ngành nghề này.

Người Công bố: *(Chữ ký)*

II. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp làm nền tảng đầu trong chiến lược phát triển của công ty.

II.1. Số lượng và Cơ cấu lao động

- Số lượng lao động bình quân của Công ty trong hai năm liên tục báo trước năm đăng ký chào bán (năm 2022 và năm 2023) là 1.524 người.
- Tính đến năm 2024, tổng số CHCNV của Công ty là 1.489 người. Cơ cấu lao động của Công ty phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng

lưu động được để liên tục tăng sinh:

Bảng 11-23: Cơ cấu tài động của Công ty

Tài sản/Tài liệu	2015/2014		2014/2013		2013/2012	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Phần loại theo trình độ						
Trên đại học	58	3,07%	38	2,44%	58	2,07%
Đại học	208	11,32%	262	16,40%	278	9,37%
Cao đẳng, Trung cấp	278	15,05%	300	17,34%	248	8,66%
Lưu động phổ thông	417	22,66%	411	25,70%	397	13,89%
Phần loại theo thời hạn hợp đồng						
Tạm thời hạn	1.349	100%	1.388	100%	1.408	100%
Hạn dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.349	100%	1.388	100%	1.408	100%

Nguồn: CTCP Investment

11.2. Các chính sách đào tạo

Đào tạo nhân sự mới: Để hỗ trợ nhân viên mới nhanh chóng làm quen, hòa nhập với môi trường làm việc cũng như công việc, bộ phận nhân sự và các bộ phận chuyên môn liên quan sẽ thực hiện đào tạo ban đầu giúp nhân viên mới làm quen với môi trường, chính sách, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như những nghiệp vụ chuyên môn liên quan.

Đào tạo nghiệp vụ: Trong suốt quá trình làm việc tại công ty, nhân viên được tiếp cận những kiến thức nghiệp vụ liên quan, hướng dẫn công việc cho nhân viên mới/ nhân viên cũ từ kinh nghiệm làm. Ngoài ra, bằng việc công ty thường xuyên tổ chức, tham gia các khóa học bên ngoài về chức năng chuyên môn hoặc kiến thức chuyên sâu về kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, phối hợp với từng bộ phận để hỗ trợ nâng cao hiệu quả trong quá trình làm việc.

Đào tạo nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp: Nhân viên được tham quan trong trong công tác điều hành, Công ty triển khai điều hành các thành viên Ban Tổng Giám đốc được đào tạo chuyên sâu về công tác quản trị nhân sự, các khía cạnh, vai trò của người quản lý.

11.3. Chính sách lương, thưởng, đãi ngộ

Công ty có chính sách lương thưởng dựa trên năng lực, khả năng đóng góp của người lao động cũng như một bằng chứng của thị trường đối với từng chức danh, công việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng tuân thủ điều chỉnh chính sách lương nhằm dựa vào kết quả đánh giá lại năng lực theo KPIs trong năm đối với mỗi cá nhân lao động.

Dựa vào hệ thống đánh giá KPIs, Công ty thực hiện các mức thưởng cho người lao động. Cụ thể, hàng năm, Công ty sẽ các kỹ đánh giá kết quả làm việc của toàn thể các bộ phận viên dựa vào KPIs đã được đề ra từ đầu năm. Mức thưởng sẽ dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của năm. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện thưởng đột xuất cho CBCNV có thành tích xuất sắc.

11.4. Chính sách trợ cấp/ phúc lợi

Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở để xây dựng và ban hành các Chính sách phúc lợi, áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Định kỳ hàng năm, Công ty sửa đổi điều chỉnh, bổ sung nhằm tạo nên phúc lợi tốt nhất cho CBCNV; qua đó tạo ra môi trường làm việc lý tưởng, duy trì đời sống sức khỏe, tinh thần của mọi người, góp phần tạo động lực, kích lệ CBCNV đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của Công ty. Các chính sách lớn có thể kể đến là:

- Chính sách chăm sóc sức khỏe: Người lao động làm việc bất đắc dĩ theo quy định của Nhà nước như BHXH, BHYT, BHTN, Công ty mua bảo hiểm sức khỏe, tai nạn cho toàn CBCNV, hỗ trợ mua bảo hiểm cho người thân CBCNV và hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ toàn CBCNV. Công ty cũng đã thu xếp thêm việc từ thiện toàn thể người lao động trong đợt dịch Covid-19.
- Các hoạt động phong trào, du lịch nghỉ dưỡng: Hàng năm, Công ty sẽ tổ chức các hoạt động phong trào cho CBCNV, tạo điều kiện để tất cả CBCNV cơ hội của huyện thể chất, tinh thần để làm việc tốt hơn. Không chỉ có vậy, đây là dịp để mọi người trong Công ty có thể gần gũi, trao đổi, sáng tạo và gắn kết giữa các phòng ban trong Công ty. Ngoài ra, tùy thuộc vào mức tiêu và kết quả hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ hỗ trợ các hoạt động Team Building – nghỉ dưỡng cho CBCNV và tất cả du lịch thưởng tiền cho CBCNV và gia đình CBCNV.
- Chính sách khác: Công ty còn có những trợ cấp khác như trợ cấp thâm niên khi nghỉ hưu, gia đình có học; gia đình gặp khó khăn đặc biệt, tử sinh con hoặc chồng con và sinh con, trợ cấp hỗ trợ công việc như phụ cấp điện thoại, tiền ăn trưa, v.v.

11.5. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Ngoài các chế độ lương, thưởng, phúc lợi theo quy định, Công ty để thực hiện các chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động để khen thưởng các cá nhân có thành tích xuất sắc, khuyến khích sự gắn bó, nâng cao quyền lợi và tinh thần trách nhiệm, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Theo quy và giữ chân những cán bộ quản lý có năng lực, chuyên môn giỏi.

Dự hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình mua chọn lọc cho các bộ phận và cá nhân tích xuất sắc của Công ty số phiếu Gensidopt giai đoạn 2021 – 2025 (ESPP). Nội dung phương án cụ thể như sau:

- (i) Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Gensidopt

- (ii) Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu loại phổ thông thường)
- (iii) Mã chứng khoán: GMD
- (iv) Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/Cổ phiếu
- (v) Phương thức xác định giá phát hành: Theo chương trình ESPP định cho các bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc của Công ty với mức giá phát hành dự kiến Không thấp hơn mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu
- (vi) Mục đích phát hành: Đảm bảo mang đến lợi ích và giá trị cho chủ nhân doanh nghiệp và các bên liên quan; Giữ vững và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng cường sự gắn kết, hấp dẫn khách và tạo động lực mạnh mẽ đối với người lao động cùng đóng góp tích cực hoàn thành xuất sắc kế hoạch 3 năm 2021 – 2023 (năm 2025, lợi nhuận trước thuế (LNTT) của Công ty gấp 3 lần so với LNTT của năm 2020); Đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty.
- (vii) Đối tượng phát hành: Các cán bộ đang giữ các chức danh quản lý và các bộ công nhân viên có đóng góp xuất sắc trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm cả các cán bộ tại các chi nhánh, văn phòng đại diện, các công ty con, công ty liên kết, công ty có vốn góp của Công ty cổ phần Cement Việt Nam.
- (viii) Tỷ lệ phát hành dự kiến: Số lượng cổ phiếu phát hành trong một năm không vượt quá 1,5% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại năm đó.
- (ix) Điều kiện phát hành: Để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu tăng trưởng của Công ty giai đoạn 2021 – 2023, Công ty phải hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao hàng năm.

Số lượng cổ phiếu phát hành hàng năm theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNTT từ năm 2021 đến năm 2023 như sau:

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu LNTT được ĐHĐCĐ giao hàng năm (kế hoạch LNTT hàng năm tăng trưởng ít nhất 10% so với kế hoạch LNTT năm trước đã được ĐHĐCĐ phê duyệt)	Tỷ lệ phát hành theo chương trình ESPP trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành
Không hoàn thành kế hoạch	Không phát hành
Đạt từ 100% đến dưới 110% kế hoạch	1,2%
Đạt từ 110% kế hoạch trở lên	1,5%

- (x) Thời gian phát hành: Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chương trình ESPP được thực hiện trong 3 năm, kể đầu từ năm 2021 đến năm 2023, và việc phát hành này sẽ được ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thực hiện phát hành vào thời điểm thích hợp, bao gồm và không giới hạn các thời điểm sau năm 2023.
- (xi) Điều kiện hạn chế chuyển nhượng: Các cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc được mua cổ phiếu theo chương trình ESPP, với điều kiện là số cổ phiếu được mua sẽ bị phong tỏa (chuyển nhượng) trong vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc

đạt phát hành, trong năm thứ 03 sẽ giữ lại 50% số cổ phiếu và trong năm thứ 04 sẽ giữ lại 50% số cổ phiếu còn lại. Các quyền lợi phát sinh từ số cổ phiếu được mua (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

(c) Kế hoạch sử dụng tiền từ đợt phát hành: Hồ sơ và lưu động của Công ty.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và đáp ứng được các quy định của pháp luật.

Bảng 12-10: Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ cổ tức/ Nguồn đầu tư	12%	10%	22% ¹⁾
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt

(Nguồn: FICP Group/CP)

¹⁾ Điều chỉnh tương ứng với năm 2023 đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 bằng cách là 22% HĐQT Công ty miễn thuế theo luật trong tháng 05/2024.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất Trung lai (90) năm trở lại đây (2022 và 2023) và tình từ thời điểm đăng ký chào bán, Công ty không thực hiện đợt chào bán nào.

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

(Phần còn lại của trang này được trình ở kế tiếp)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH
1. Kết quả hoạt động kinh doanh
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 01 năm gần nhất và lũy kế dần quý gần nhất
Bảng P-1: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2022	2021	2022/2021	Chỉ tiêu Quý
			(%)	2022
Tổng giá trị tài sản	1.226.767	1.769.837	1,20%	3.191.279
Doanh thu thuần	648.024	768.297	19,20%	267.800
Lợi nhuận gộp	490.018	678.691	3,60%	644.346
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	312.401	1.706.348	44,30%	156.461
Lợi nhuận khác	(21.171)	2.394	-	11.262
Lợi nhuận trước thuế	496.230	1.708.742	467,34%	267.723
Lợi nhuận sau thuế	462.612	1.295.274	394,96%	621.877
Tỷ lệ lợi nhuận ròng	116,69%	29,32%	-	-
Tỷ lệ vốn	10%	33%	-	-

Nguồn: CTCP Vinaocean

Bảng P-2: Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2022	2021	2022/2021	Chỉ tiêu Quý
			(%)	2022
Tổng giá trị tài sản	1.179.679	1.764.029	3,56%	16.743.436
Doanh thu thuần	3.998.244	3.840.906	-1,34%	3.156.438
Lợi nhuận gộp	1.714.966	1.778.010	3,60%	891.462
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.098.830	1.177.030	143,71%	1.167.687
Lợi nhuận khác	(774)	629.589	-	66.946
Lợi nhuận trước thuế	1.098.056	1.806.619	146,59%	1.234.633
Lợi nhuận sau thuế	1.064.244	1.228.934	114,39%	1.181.680
Tỷ lệ lợi nhuận ròng	91,80%	36,30%	-	-
Tỷ lệ vốn	9%	3%	-	-

Nguồn: CTCP Gemalink

- Các chỉ tiêu khác được chi tiết về mặt số liệu về kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị liên doanh ngoài hoạt động không có.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

- Trong năm 2021, kinh tế thế giới đối mặt với những thách thức lớn, biến động mạnh, khó khăn và tình bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ hoặc các quốc gia phải thực hiện chính sách tiền tệ. Cảnh tranh chấp học, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nạn đói, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến đi trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực, chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đồng nhiều giải pháp quyết liệt và với nỗ lực của cả hệ thống, kinh tế Việt Nam đã vững vàng vượt qua khó khăn, phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các chỉ số kinh tế được đưa vào, trở thành điểm sáng của kinh tế khu vực. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2021 ghi nhận mức tăng 1,02% - cao nhất trong vòng 12 năm qua. Việt Nam cũng thuộc nhóm các nước có mức lạm phát thấp so với một hàng chục. Ngân hàng thế giới, viện tài chính cũng tăng trưởng tích cực như giả trước và cho thấy tác động cao, hoạt động sản xuất phục hồi trở lại sau khi nổi lên gần cuối kỷ hội giúp sản lượng tăng qua các vùng tiếp.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Gemadep đã có sự phục hồi và tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu thuần đạt 1.998 tỷ đồng, tăng trưởng 22% so với cùng kỳ vì bằng 103% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế của mức 1.308 tỷ, tăng 62% so với cùng kỳ và đạt 131% kế hoạch, hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu năm đăng ký với DHECET.

- Trong năm 2022, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với những thách thức lớn, biến động mạnh, khó khăn và tình bất ổn cao. Cảnh tranh chấp học giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột Nga - Ukraine diễn biến phức tạp, gia tăng ở khu vực Trung Đông đã tác động tiêu cực tới quá trình phục hồi kinh tế thế giới, chuỗi cung ứng, lạm phát tiếp diễn bị nhiệt tăng lên mức cao. Nhiều quốc gia trong đó có các đối tác thương mại lớn của nước ta tăng trưởng chậm lại, sự căng thẳng cao, tình cầu thế giới suy giảm, tác động trực tiếp tới các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam.

Do vậy, với sự nỗ lực của cả nước, kinh tế - xã hội nước ta năm 2022 tiếp tục xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các chỉ số kinh tế được đưa vào. GDP năm 2022 tăng 1,01% so với năm trước, mặc dù không đạt mục tiêu 1,5% đề ra, nhưng cũng là một kết quả tích cực giúp nước ta được chọn các quốc gia có mức tăng trưởng cao, tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2022 giảm 4,8% so với năm trước - các đạt 683 tỷ USD, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập

khả giảm 1,9%, đi phần nào ảnh hưởng tới tổng sản lượng hàng hóa dịch vụ thông qua chuỗi dịch vụ của các doanh nghiệp Cảng và Logistics.

Như cầu vận chuyển hàng hóa giảm, khả năng vận tải container nội địa và toàn cầu liên tục giảm. Tác động cuối năm 2023, dù vận tải biển còn gặp nhiều khó khăn, song những kết quả cho thấy thị trường vận tải biển đang dần có những khởi sắc, tín hiệu tích cực hơn.

Trong bối cảnh chung của thị trường, toàn thể các phòng ban đơn vị thuộc Công ty cổ phần Gematept, ngay từ cuối năm 2023 – đầu năm 2024 đã xây dựng các kịch bản ứng phó không hoảng, đối phó với những thay đổi, các biến động của thị trường trong năm. Tập trung cơ hội, các đơn vị thuộc Gematept đã mở rộng hệ thống khách hàng, đầu tư, phát triển các gói dịch vụ hệ sinh thái, tranh thủ mọi cơ hội về nguồn hàng, tăng doanh thu, lợi nhuận. Đặc biệt các đơn vị đã có sự đồng tâm, hợp sức thực hiện Quyết định 4/2023 với điểm sáng là Khối Cảng Miền Nam của Công ty đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch của Đơn vị chủ chốt gồm Cảng Gemalink, Khối Hải Phòng, Khối Logistics cũng đạt thành tích nổi bật sản lượng hàng hóa được đẩy về tăng cao trong những tháng cao điểm cuối năm. Hơn nữa, việc hoàn vốn thành công dự án Cảng Nam Hải Đình Vũ đã góp phần đem lại lợi nhuận tăng cao đạt hiện cho Công ty trong năm 2023. Doanh thu thuần năm 2023 đạt 3.846 tỷ đồng, giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ và đạt 98% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 3.147 tỷ đồng, tăng mạnh 141% so với cùng kỳ (mức lợi nhuận trước thuế thông báo gần lợi nhuận từ chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Cảng Nam Hải Đình Vũ là 1.307 tỷ đồng, tương đương 117% kế hoạch).

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Kiểm F-3: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
Vốn điều lệ	3.013.190	3.094.098	3.108.370

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC công ty mẹ hiện năm 2023 được kiểm toán của GMD.

Bảng P-4: Báo cáo về vốn điều lệ Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên tài khoản	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Vốn điều lệ	3.003.790	3.003.790	3.181.870

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC Hợp nhất bán niên năm 2024 được kiểm toán của GNDP

Bảng P-5: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên tài khoản	01/01/2022	01/01/2023	01/01/2024
I. Vốn chủ sở hữu	8.481.448	7.889.440	7.524.474
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.003.790	3.003.790	3.181.870
- Thặng dư vốn cổ phần	1.891.832	1.941.832	1.941.832
- Vốn điều lệ của chủ sở hữu	88.288	69.788	69.288
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-
- Chính sách tự giữ lợi nhuận	(748)	(1.407)	(2.318)
- Quỹ dự trữ phát triển	73.492	73.492	73.492
- Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	69.788	69.788	69.288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	244.989	1.898.841	2.243.474
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-
II. Nợ phải trả	4.819.242	789.345	471.292
- Nợ ngắn hạn	3.095.422	699.429	423.492
- Nợ dài hạn	211.948	239.739	304.847
Tổng nguồn vốn kinh doanh	3.662.206	7.099.095	7.053.182

Nguồn: BCTC Công ty mẹ năm 2022, BCTP được kiểm toán và BCTC Công ty mẹ bán niên năm 2024 được kiểm toán của GNDP

Bảng P-6: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên tài khoản	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
I. Vốn chủ sở hữu	7.997.796	8.732.274	88.818.751
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.003.790	3.003.790	3.181.870
- Thặng dư vốn cổ phần	1.891.832	1.941.832	1.941.832

CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2023	30/06/2024
- Vốn đầu tư dài hạn	128.098	128.098	128.098
- Cổ phiếu quỹ	-	-	-
- Chính sách tự giữ số dư	739.142	398.279	433.199
- Quỹ đầu tư phân tích	152.837	61.365	71.892
- Quỹ đầu tư VCSH	138.179	68.479	72.382
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.227.387	2.962.234	2.734.734
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	1.021.704	1.171.889	1.178.594
II. Nợ phải trả	4.882.897	3.883.404	3.625.379
- Nợ ngắn hạn	3.268.179	1.818.337	1.538.134
- Nợ dài hạn	1.614.718	2.065.067	2.087.245
Tổng nguồn vốn kinh doanh	13.418.443	12.546.825	14.748.478

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất bán niên năm 2024 được audit bởi của GNDP

Bảng P-7: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/01/2022	01/01/2023	01/01/2024
Tiền và các khoản tương đương tiền	321.346	314.191	301.716
Đầu tư tài chính ngắn hạn	68.936	113.148	486.887
Các khoản phải thu ngắn hạn	424.698	1.039.337	884.912
Hàng tồn kho	9.294	1.918	3.421
Tài sản ngắn hạn khác	88.942	78.162	74.828
Các khoản phải thu dài hạn	22.978	82.344	112.358
Tài sản cố định hữu hình	588.325	613.148	629.883
Môi trường văn hóa	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	177.412	48.861	1.914
Đầu tư tài chính dài hạn	5.161.838	4.117.421	4.228.423
Tài sản dài hạn khác	21.331	7.881	4.610
Tổng	7.216.787	7.769.607	8.195.289

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC công ty mẹ bán niên năm 2024 được audit bởi của GNDP

Bảng P-8: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2015	2016	2017
Tổng tài sản được trong danh sách	1.184.331	1.471.870	1.831.342
Đầu tư tài chính ngắn hạn	83.370	158.917	407.354
Các khoản phải thu ngắn hạn	240.240	1.185.381	1.232.342
Hàng tồn kho	83.532	68.170	43.594
Tài sản ngắn hạn khác	313.555	289.207	340.877
Các khoản phải trả ngắn hạn	44.899	30.115	44.514
Tài sản cố định hữu hình	3.262.240	4.196.009	4.343.543
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	2.796.333	1.786.344	1.786.718
Đầu tư tài chính dài hạn	3.343.411	3.134.451	3.079.571
Tài sản dài hạn khác	1.349.494	1.076.047	1.573.135
Tổng	13.898.683	13.846.823	14.743.636

Ngày 30/12/2017 hợp nhất năm 2017 được kiểm toán và BCTC hợp nhất báo niên năm 2017 được xuất sắc với chữ CĐKD

2.1.2. Trình bày hạn hui của cổ định

- Công ty tuân thủ việc trích khấu hao tài sản cố định theo các quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm các quy định sau:
 - Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 23/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 26/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 143/2016/TT-BTC;
 - Thông tư số 309/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 21/05/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 309/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.
- Tài sản cố định hình thành được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hình thành như sau:

Bảng 1-9: Số năm khấu hao TSCĐ hình thành Công ty mẹ

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
2	Máy móc và thiết bị	05 - 07
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15

STT	Loại thiết bị	Thời gian khấu hao (năm)
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Nguồn: BCTC Công ty năm 2022 được kiểm toán và BCTC Công ty năm 2023 của GAFI

Bảng F-10: Số năm khấu hao TSCĐ của Công ty

STT	Loại TSCĐ	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
2	Máy móc và thiết bị	10 - 15
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Nguồn: BCTC Công ty năm 2022 được kiểm toán và BCTC Công ty năm 2023 của GAFI

- Tài sản vô định hình thì trích được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sử hữu tài sản thì hết hạn hợp đồng thuê tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.
- Tài sản vô định hình của Công ty bao gồm:
 - + Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.
 - + Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.
 - + Chi phí thiết kế trong Web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.
- Những thay đổi trong chính sách khấu hao: Không có.

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng F-11: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

Chỉ tiêu	2021	2022	2023
Thu nhập bình quân (VNĐ/người/tháng)	23,1	24,9	25,9

Nguồn: CTCP Gemadept

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2023 đạt khoảng 24,9 triệu đồng/người/tháng, tăng khoảng 8% so với năm 2022. Mức thu nhập này đang cao hơn với mức thu nhập trung bình của người lao động tại các doanh nghiệp khai thác công biển khác trong cả nước.

Bảng F-12: Thu nhập bình quân của người lao động tại các công ty cùng ngành

(Đơn vị tính: triệu đồng/người/tháng)

STT	KT	TÊN CÔNG TY	ĐƠN VỊ (TỶ ĐỒNG)	2022	2023
1	HNP	CTCP Công Hải Thành	Miền Bắc	21,8	22,3
2	VNC	CTCP Tập đoàn Công suất Việt Nam	Miền Bắc	18,8	19,4
3	HAB	CTCP Việt Hà và Tập đoàn Hà An	Miền Bắc	25,8	25,3
4	SGP	CTCP Công Sơn Sơn	Miền Nam	18,8	19,4
5	DNF	CTCP Công Thuận Nhất	Miền Bắc	24,4	25,3
6	CEL	CTCP Công Cầu Lộ	Miền Nam	26,3	27,3
7	BSP	CTCP Công Dịch vụ Dầu Khí Miền Tây	Miền Bắc	11,8	12,8
8	VGP	CTCP Công Bạc Thủ	Miền Nam	21,2	21,7
Trung bình				19,8	20,2

Nguồn: Báo cáo thường niên của các Công ty

1.1.4. Tích lũy công nợ

Bảng P.13: Tổng số nợ phải trả, phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHI TIẾT	2022	2023	2024
1	Tổng các khoản phải trả	947.819	1.124.841	1.396.296
2	Tổng các khoản phải trả	1.411.280	709.242	651.196

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC công ty mẹ năm 2024 được kiểm toán năm 2024

Bảng P.14: Tổng số nợ phải trả, phải trả Hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHI TIẾT	2022	2023	2024
1	Tổng các khoản phải trả	912.270	1.124.294	1.397.038
2	Tổng các khoản phải trả	1.093.897	1.811.614	1.925.378

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm 2024 được kiểm toán năm 2024

1.1.5. Các khoản phải trả

Bảng P.15: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHI TIẾT	2022	2023	2024
1	Phải trả ngắn hạn	624.968	1.408.337	816.632
1	Phải trả ngắn hạn của khách hàng	52.291	128.424	228.914
2	Tính toán của người bán ngắn hạn	60.717	33.516	35.457
3	Phải trả về chi phí ngắn hạn	171.960	146.397	252.261

STT	Chi tiết	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
4	Phải thu ngắn hạn khác	312.423	369.415	447.317
5	Chi phí phải thu ngắn hạn khác	(10.177)	(24.320)	(24.471)
II	Phải thu dài hạn	22.858	92.548	522.458
1	Phải thu về cho vay dài hạn	-	76.308	499.296
2	Phải thu dài hạn khác	22.858	16.240	23.162
	Tổng cộng	641.618	1.134.881	1.339.296

Ngược lại, BCTC công ty mẹ năm 2022, 2023 được kiểm soát và BCTC công ty mẹ năm 2021 được kiểm soát bởi các CĐCĐ.

Bảng P-16: Chi tiết các khoản phải thu Ngân hàng

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Chi tiết	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023
1	Phải thu ngắn hạn	667.669	1.298.285	1.252.145
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	661.818	554.699	644.811
2	Trợ giúp của người bán ngắn hạn	137.811	91.888	154.285
3	Đặt lại về của người bán	-24.828	398.788	162.924
4	Phải thu ngắn hạn khác	(76.478)	(255.518)	(325.205)
5	Chi phí phải thu ngắn hạn khác	(11.177)	(24.887)	(35.172)
II	Phải thu dài hạn	66.948	28.798	44.914
1	Phải thu về cho vay dài hạn	6.100	8.100	6.100
2	Phải thu dài hạn khác	60.848	20.698	38.814
	Tổng cộng	734.617	1.327.083	1.297.059

Ngược lại, BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm soát và BCTC hợp nhất năm 2023 được kiểm soát bởi các CĐCĐ.

Tình hình các khoản phải thu phải nộp của Công ty như sau:

Bảng P-17: Tình hình các khoản phải thu để nộp Thuế của Công ty mẹ

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Hạng mục	31/12/2021		31/12/2022		31/12/2023		Số tiền phải nộp
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	
Hạng mục thuế	4.112	(4.112)	6.568	(6.568)	6.823	(6.823)	

	Đơn vị tính	31/03/2021		31/03/2020		31/03/2019		Giá trị đã thanh toán (VNĐ)	
		Giá trị (VNĐ)	Giá trị (USD)	Giá trị (VNĐ)	Giá trị (USD)	Giá trị (VNĐ)	Giá trị (USD)		
CSCP Cổ phần Minh Đức - Cho vay và tài trợ cho vay	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	4.113	(4.113)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	3.889	(3.889)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	4.023	(4.023)
Các tài sản và tài sản khác		3.492	(3.492)		26.456	(26.456)		26.456	(26.456)
Chợ kỳ (chênh lệch thuế)		-	-	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	4.000	(4.000)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	4.000	(4.000)
Bổ Nguyên Đã Hoàn Lành	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	3.000	(3.000)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	3.000	(3.000)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	3.000	(3.000)
Phần thu của tài sản và tài sản khác	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	4.592	(4.592)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	21.456	(21.456)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	21.456	(21.456)
Tổng cộng		11.298	(11.298)		34.325	(34.325)		34.475	(34.475)

Nguồn: CSCP Group/tp.

Bảng F-1B: Tình hình các khoản phải thu đã quá hạn nợ nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

	Đơn vị tính	31/03/2021		31/03/2020		31/03/2019		Giá trị đã thanh toán (VNĐ)	
		Giá trị (VNĐ)	Giá trị (USD)	Giá trị (VNĐ)	Giá trị (USD)	Giá trị (VNĐ)	Giá trị (USD)		
Bên liên quan		4.023	(4.023)		3.889	(3.889)		4.023	(4.023)
CSCP Cổ phần Minh Đức - Cho vay và tài trợ cho vay	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	4.113	(4.113)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	3.989	(3.989)	Tỷ đồng (1 tỷ = 100 triệu)	4.023	(4.023)

	2022		2021		2020		Đơn vị: tỷ đồng		
	Thực hiện	Đã hoàn thành	Thực hiện	Đã hoàn thành	Thực hiện	Đã hoàn thành			
Công ty chứng khoán khác		8.492	(3.498)		29.024	(24.995)		21.329	(29.549)
Công ty TNHH Sông Hồng	-	-	-	Trên 05 năm	4.020	(4.000)	Trên 05 năm	4.000	(4.000)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên	Trên 05 năm	1.000	(3.000)	Trên 05 năm	3.020	(3.000)	Trên 05 năm	3.000	(3.000)
Phân địa các tổ chức và cá nhân khác	Từ 01 năm đến trên 05 năm	1.492	(1.000)	Từ 01 năm đến trên 05 năm	22.329	(21.995)	Từ 01 năm đến trên 05 năm	15.329	(23.549)
Tổng cộng		11.984	(11.172)		35.393	(34.995)		35.349	(35.172)

Nguồn: CTCP Chứng khoán Việt Nam

Công ty đã thực hiện 70% các khoản chào mua quỹ hạn này theo hợp đồng chào mua tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 04/04/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào mua và xử lý các khoản dự phòng phải trả hàng hóa, dịch vụ đối với các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và báo hình sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công việc xây dựng và doanh nghiệp; Thông tư số 24/2020/TT-BTC ngày 17/4/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC. Công ty định giữ các khoản phải thu quỹ hạn này có hạn cũng như tiếp tục thu hồi các khoản đầu tư để thu hồi các khoản nợ này.

2.1.6. Các khoản phải trả

Bảng 2-19: Chi tiết các khoản nợ phải trả của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Mã tài khoản	2022	2021	2020
1	Phải trả ngắn hạn	1.063.422	495.626	425.699
1	Phải trả người bán	79.277	22.111	24.346
2	Người mua và ứng trước ngắn hạn	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	64.776	32.661	22.961
4	Phải trả người lao động	21.318	44.825	48.147
5	Chi phí phải trả	1.042	1.064	1.745

STT	TÊN	2022	2023	2024
6	Đánh thu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.079	8.478	1.212
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	1.130.508	180.148	170.331
8	Vay ngắn hạn	426.553	155.553	90.211
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.710	1.710	1.710
10	Quỹ lương thường phải trả	23.424	24.025	64.174
11	Phải trả dài hạn	211.648	290.748	284.907
1	Đánh thu thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	-	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	211.648	290.748	284.907
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	798	779	1.211
	Tổng cộng	1.815.262	769.269	821.589

Ngày 30/12/2024 và ngày 30/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ thuế Việt Nam (VTC) được minh chứng bởi các CMH.

Bảng P-20: Chi tiết các khoản nợ phải trả ngắn hạn

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN	2022	2023	2024
1	Phải trả ngắn hạn	1.218.278	1.915.337	1.994.144
1	Phải trả người bán	338.401	817.404	692.345
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	100	1.000	8.500
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	50.347	71.691	71.634
4	Phải trả người lao động	101.771	170.907	134.806
5	Các phải phải trả	294.394	311.123	377.354
6	Đánh thu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.079	8.478	1.212
7	Các khoản phải trả phải nộp khác	1.271.893	180.148	189.907
8	Vay ngắn hạn	240.410	145.240	102.290
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	105.896	11.000	72.811
10	Quỹ lương thường phải trả	65.462	65.424	65.774
11	Phải trả dài hạn	1.879.188	1.894.304	1.905.885
1	Đánh thu thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	288.693	370.367	369.594
2	Phải trả dài hạn khác	65.332	104.629	113.036
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.480.163	1.519.308	1.423.255

STT	CHI TIẾT	31/12/2021	31/12/2020	01/01/2021
	Tổng cộng	1.001.897	1.013.071	1.019.378

Nguồn: BCTC Hợp nhất năm 2021, 2020 được kiểm toán và BCTC Hợp nhất bán niên năm 2021 được kiểm toán của GND

- Tình hình thanh toán các khoản nợ:

- + Công ty không có nợ phải trả quá hạn chưa thanh toán.
- + Công ty và các công ty con không có vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng vay vốn.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc các kê khai và nộp đầy đủ các phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng P-21: Số dư các khoản thuế phải nộp của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHI TIẾT	31/12/2021	31/12/2020	01/01/2021
1	Phải nộp tại Việt Nam	8.285	28.874	21.661
1	Thuế TNCN	7.113	28.874	21.208
2	Thuế TNCN	1.200	1.000	1.200
3	Thuế giá trị gia tăng	-	-	01
2	Phải nộp tại Campuchia	24.783	4.767	- ^(*)
1	Thuế GTGT	11.822	2.181	-
1	Thuế TNCN	9.377	1.018	-
3	Thuế TNCN	36	13	-
4	ĐL N phải từ các khoản phải nộp khác	10.118	2.773	-
	TỔNG CỘNG	34.178	37.641	21.661

Nguồn: BCTC Công ty mẹ năm 2021, 2020 được kiểm toán và BCTC Công ty mẹ bán niên năm 2021 được kiểm toán của GND

(*) Trong số bằng đầu năm 2021, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và hoàn tất giao dịch chuyển khoản Campuchia.

Bảng P-22: Số dư các khoản thuế phải nộp Hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	CHI TIẾT	31/12/2021	31/12/2020	01/01/2021
1	Thuế GTGT bằng báo cáo thuế	18.128	19.278	4.741
2	Thuế GTGT bằng HS	19.750	-	-

STT	Mô tả	2022	2023	2024
1	Thuế nội NK	-	-	-
4	Thuế TNCN	68.080	34.909	79.136
5	Thuế TNCN	4.312	1.663	2.716
6	Thuế khác	11.172	2.611	41
	TỔNG CỘNG	83.564	39.183	81.893

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm năm 2024 được audit bởi các CPA

1.1.8. Tích lập các quỹ

Công ty thực hiện việc tích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện tích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được DUYỆT ĐỒNG QUY.

Bảng F-23: Số dư các quỹ của Công ty mẹ qua các năm

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Mô tả	2022	2023	2024
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	75.454	39.429	64.176
2	Quỹ đầu tư phát triển	71.680	71.680	72.662
3	Quỹ bảo toàn TCSH	69.344	69.344	69.346
	Tổng cộng:	216.478	180.453	206.184

Nguồn: BCTC công ty mẹ năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC công ty mẹ năm năm 2024 được audit bởi các CPA

Bảng F-24: Số dư các quỹ Hợp nhất qua các năm

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Mô tả	2022	2023	2024
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	83.962	69.429	76.774
2	Quỹ đầu tư phát triển	122.427	69.345	72.662
3	Quỹ bảo toàn TCSH	138.178	69.471	72.562
	Tổng cộng:	344.567	208.245	221.998

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán và BCTC hợp nhất năm năm 2024 được audit bởi các CPA

1.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

1.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng F-25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

(1)	(2)	(3)	(4) (tỷ đồng)	(5) (tỷ đồng)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Tỷ số tín dụng hạn nợ ngắn hạn	Lần	0,90	0,78
	(Tỷ số tín dụng hạn - Tổng tín dụng hạn ngắn hạn)	Lần	0,79	0,78
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ Tổng tài sản	Lần	0,29	0,09
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,34	0,10
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Điểm thu thanh Tổng tài sản hoạt động	Lần	0,30	0,10
	Điểm thu thanh Tổng tài sản ngắn hạn hoạt động	Lần	0,09	0,07
	Giá vốn hàng bán Tổng tài sản hoạt động	Lần	71,70	49,00
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
	Hệ số LNST/Điểm thu thanh	%	71,20%	290,00%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản hoạt động	%	0,04%	10,07%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu hoạt động	%	8,59%	10,07%
	Thu nhập trên cổ phiếu (TPC)	đồng/CP	-	-

Nguồn: Thông tin tài chính và kế toán nội bộ năm 2022, 2023 được kiểm toán của UMLA

Bảng P-26: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu Hợp nhất

(1)	(2)	(3)	(4) (tỷ đồng)	(5) (tỷ đồng)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Tỷ số tín dụng hạn nợ ngắn hạn	Lần	0,92	1,76
	(Tỷ số tín dụng hạn - Tổng tín dụng hạn ngắn hạn)	Lần	0,79	1,71
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ Tổng tài sản	Lần	0,39	0,29
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,49	0,39
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Điểm thu thanh Tổng tài sản hoạt động	Lần	0,33	0,29
	Điểm thu thanh Tổng tài sản ngắn hạn hoạt động	Lần	1,01	1,29
	Giá vốn hàng bán Tổng tài sản hoạt động	Lần	29,07	27,04
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
	Hệ số LNST/Điểm thu thanh	%	29,79%	69,07%
	Hệ số LNST/Tổng tài sản hoạt động	%	0,11%	10,07%
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu hoạt động	%	10,40%	29,07%
	Thu nhập trên cổ phiếu (TPC)	đồng/CP	1,034	1,007

Nguồn: Thông tin tài chính và kế toán nội bộ năm 2022, 2023 được kiểm toán của UMLA

- **Đánh giá các chỉ tiêu tài chính:**
 - + **Khả năng thanh toán:** luôn duy trì ở mức an toàn và cải thiện so với năm trước, đặc biệt trong năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán chênh lệch đạt 1,76 và 1,73. Công ty không có rủi ro thanh toán trong ngắn hạn.
 - + **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Trong năm 2023, Hệ số nợ vốn chủ sở hữu ở mức an toàn và giảm so với năm 2022. Chỉ số này lần lượt năm 2022 và 2023 là 64% và 10% chủ yếu do vốn chủ sở hữu tăng 22% so với cùng kỳ.
 - + **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Trong năm 2023, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động giảm nhẹ chủ yếu do ảnh hưởng của điều kiện thị trường trong khi chỉ vào ngắn hạn tăng 20% so với năm 2022.
 - + **Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi:** Năm 2023, hiệu suất sinh lời của Công ty tiếp tục duy trì ở mức cao, biên lợi nhuận gộp và biên lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 46% và 68%. Công suất đạt được kết quả ấn tượng khi tiếp tục giữ vững mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh và kiểm soát chi phí. Trong năm 2023, khoản lợi nhuận đến từ hoạt động chuyển nhượng công khai được hỗ trợ công góp phần đóng góp vào lợi nhuận của Công ty, các chỉ số ROA, ROE tăng trưởng tốt qua các năm, lần lượt đạt 19,1% và 28,7%.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Độc lập Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hàng lẻ năm 2022: Theo Báo cáo kiểm toán số 1.095723/TC-AC ngày 10/01/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ABC, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu theo chế độ kế toán của Công ty và phần Công khai tại ngày 21 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và chế độ kế toán chuyển tiếp hệ thống tài chính kế toán thực tiễn ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC hợp nhất năm 2022: Theo Báo cáo kiểm toán số 1.095823/TC-AC ngày 31/03/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ABC, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu theo chế độ kế toán của Tập đoàn tại ngày 21 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chế độ kế toán chuyển tiếp hệ thống tài chính kế toán thực tiễn ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập

- Về việc lấy Báo cáo tài chính hợp nhất:
 - Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc với BCTC tổng kế năm 2023: Theo Báo cáo kiểm toán số 1.0901/24/TC-AC ngày 30/03/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu theo hình thức kế toán của Công ty cổ phần Gemastar tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính theo nội dung của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."
 - Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc với BCTC hợp nhất năm 2023: Theo Báo cáo kiểm toán số 1.0902/24/TC-AC ngày 30/03/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu theo hình thức kế toán của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính theo nội dung của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."
 - Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc với BCTC tổng kế báo niên năm 2024: Theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 1.1348/24/TC-AC ngày 29/08/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác đáng chú ý cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo hình thức kế toán của Công ty Cổ phần Gemastar tại ngày 30 tháng 8 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính theo chuyển tiếp từ 3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ."
 - Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc với BCTC hợp nhất báo niên năm 2024: Theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 1.1349/24/TC-AC ngày 29/08/2024 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, Kiểm toán viên có ý kiến như sau: "Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác đáng chú ý cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, theo hình thức kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 8 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính theo chuyển tiếp từ 3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất."

chính kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.¹

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024

Bảng T-27: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	
		Thực tế (tỷ đồng)	Tỷ lệ thực hiện năm 2023
Doanh thu thuần	1.886	4.008	4,70%
Lợi nhuận trước thuế	1.147	1.096	-48,43%
Lợi nhuận sau thuế ⁽¹⁾	2.334	1.481	-41,96%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ⁽²⁾	63,87%	37,20%	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân ⁽³⁾	24,67%	12,34%	-
Tỷ lệ cổ tức ⁽⁴⁾	32%	-	-

- Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024 của Công ty đã được HĐQT thương thảo năm 2024 thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 096/NQ-ĐHĐCĐ-CMD ngày 25/06/2024.

⁽¹⁾ Kế hoạch lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2024 là kế hoạch lợi nhuận trước thuế đã được HĐQT thương thảo năm 2024 thông qua.

⁽²⁾ Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế = (Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 + Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024)/2

Công ty tạm ước tính:

- Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024:
 - Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023
 - Số tiền thu được từ đợt phát hành ESPP năm 2023
 - Số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024
 - Kế hoạch LNST năm 2024
 - Số tiền chi trả cổ tức năm 2023

⁽³⁾ HĐQT thương thảo năm 2024 không đề kế hoạch tỷ lệ cổ tức năm 2024. Tỷ lệ cổ tức năm 2024 sẽ được HĐQT hoặc HĐQT thương thảo năm 2024 thông qua tại cuộc họp HĐQT thường niên năm 2024.

4.2. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên

Để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT thương thảo năm 2024 thông qua, HĐQT Công ty đã chỉ ra các nhiệm vụ và dự án trọng tâm trong năm 2024 như sau:

a) Đối với công tác quản trị

- (i) Triển khai thực hiện phát hành ứng viên, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô hệ sinh thái Genesight trong giai đoạn phát triển một ngày sau khi DIBCEĐ đồng loạt;
- (ii) Tập trung công tác tổ chức nhân sự và các chính sách về thu nhập gắn liền với hiệu quả đóng góp và kết quả của một kinh doanh của Công ty;
- (iii) Tiếp tục thực hiện chương trình "Phát triển đội ngũ kế thừa", Dự án "Khuyến khích học" để đáp ứng việc phát triển trong thời gian tới;
- (iv) Quyết tâm hoàn thành "Dự án quản trị đồng loạt" để quản trị đồng loạt hiệu quả đồng như nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp;
- (v) Tiếp tục triển khai về CNTT, ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao chất lượng dịch vụ và kết quả của một kinh doanh;
- (vi) Triển khai tiếp giai đoạn 2 Dự án An toàn thông tin - Cyber Security GD 2 - đảm bảo lý trình chuyển đổi số của Công ty được an toàn, hiệu quả;
- (vii) Tiếp tục phối hợp cùng các đơn vị đồng hành kiến định xuyên suốt hành trình hiện thực hóa Chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2021 -2025, tầm nhìn 2050, chủ trương số ESG/ISSUE, thu thập nguồn vốn xanh bền vững của bộ sinh thái Công - Logistics xuất phát tầm nhìn ngày càng hiệu quả;
- (viii) Và với những bản đồng khởi bằng, duy trì thành công từ thị trường, Công ty tiếp tục duy trì trên khi các giải pháp phòng chống khủng hoảng, đảm bảo học được các quốc gia doanh được lên trình, hiện tại và hiệu quả.

b) Đối với công tác của một kinh doanh

- (i) Thực hiện các công tác chuẩn bị để triển khai giai đoạn 3 của một Công Nam Phố Vũ tại Hải Phòng;
- (ii) Hoàn thiện các thủ tục để triển khai giai đoạn ZA dự án Công nước của Genesight tại Khu vực Cầu Mập - Thị Vải, Bà Rịa - Vũng Tàu;
- (iii) Khắc phục hiện quả Dự án nâng cấp độ của hàng Kênh Hà Nam, tiếp ứng lập thời kỳ hướng tăng cơ hội, phải duy trì thể về quy mô cho các hàng sản phẩm tăng chuyển vận tải, từ ngày thời gian từ thể cao nhất, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của hệ thống của Khu vực Hải Phòng;
- (iv) Lập kế hoạch phát triển vận tải mới thay - liên kết đồng thời tăng hiệu năng hệ thống Genesight và đẩy mạnh phát triển phương thức vận tải nước nhằm cải thiện khi thời, khai thác tối đa lợi thế về đường thủy, hiện thực hóa một tầm nhìn gắn kết đời thị phần vận tải đường thủy của Công ty trong vùng các phương thức vận tải của cả nước đến năm 2025 của Chính phủ;
- (v) Lập kế hoạch phát triển, tiếp tục triển khai hiện quả và phải duy trì thể của Hệ sinh thái Port-Logistics, mở ra giá trị gia tăng trên chuỗi TCU thông qua hệ thống của Genesight;
- (vi) Hoàn tất việc thanh toán nợ cơ bản của Công ty tại Công Nam Hải, tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm;
- (vii) Tăng cường các hoạt động M&A để không ngừng mở rộng quy mô, liên kết

và sửa các hạn hụi với Hải Gerndep).

(viii) Đây chính là cơ sở tìm kiếm các dấu hiệu để hợp tác, thoát vốn dự án nông rừng.

4.3. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank đánh giá về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Gerndep trong năm 2024 dựa trên cơ sở thu nhập đồng tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

Trong năm 2023, mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Công ty cổ phần Gerndep đã nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh rất tích cực với doanh thu đạt 2.846 tỷ đồng (giảm nhẹ khoảng 1% so với năm 2022), lợi nhuận trước thuế đạt 3.147 tỷ đồng (tăng mạnh 141% so với năm 2022). Kết quả trên đã hoàn thành 95% kế hoạch doanh thu và 115% kế hoạch lợi nhuận trước thuế (chưa bao gồm lợi nhuận bất thường từ chuyển nhượng vốn tại Công ty Nam Hải Định Việt) so với chỉ tiêu EHECD giao. EHECD đường trần năm 2024 của Công ty đã phải được phương án chi trả số thực năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 22%. Kết quả kinh doanh tích cực năm 2023 là nền tảng quan trọng để Gerndep hướng tới các mục tiêu năm 2024. Gerndep tiếp tục duy trì vị thế doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác gỗ ở Việt Nam.

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục khó khăn, gặp nhiều bất ổn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thương mại cũng như sản lượng xuất khẩu.

Với nhận định về bối cảnh thị trường và vị thế doanh nghiệp nêu trên, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Gerndep dự kiến trong năm 2024 là phù hợp và khả thi nếu chúng ta không biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có sẵn chọn lọc và dựa trên tỷ quyết về tài chính, chứng khoán mà thông tin ý báo đảm bảo tính chính xác nhất có thể trên các khía cạnh của những số liệu được dự báo. Các chiến lược này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự nhận ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Gerndep được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào năm 1993. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với số phần của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh

ngày).

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông lớn là cá nhân

Theo danh sách cổ đông tại ngày 16/07/2024, danh sách cổ đông là cá nhân nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty: Không có

2.2. Đối với cổ đông lớn là tổ chức

Theo danh sách cổ đông tại ngày 16/07/2024, Công ty không có cổ đông lớn là cá nhân, có 02 cổ đông lớn là tổ chức, chi tiết như sau:

2.2.1 CÔNG TY TNHH SSI CONSULTING (VIỆT NAM)

- Năm thành lập: 2019.
- GCN ĐKDN số 0315719441 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2019.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà CI, số 29A-4-6, Lê Thánh Tôn, Phường Hồ Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 958.480.000.000 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Shinya Homi - Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo ủy quyền tại HĐQT: Ông Shinya Homi - Thành viên HĐQT của OMD.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm mở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán

	Hiện tại	Hiện tại	Hiện tại
	2024	2023	2022
Cổ đông lớn			
Số lượng cổ phần sở hữu	29.682.496	29.682.496	30.589.994
Tỷ lệ sở hữu	3%	3,06%	3,20%
Tỷ lệ biểu quyết	3%	3,06%	3,20%
Không người có liên quan			
Số lượng cổ phần nắm giữ	0	0	0
Tỷ lệ sở hữu	0%	0%	0%
Tỷ lệ biểu quyết	0%	0%	0%

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc dự kiến ký kết và chưa thực hiện giữa cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và những người có liên quan với Tổ chức phát hành: Không có

- Lợi ích liên quan đến với Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/đối tác cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không có.

2.1.2 QUỸ ETF DCEVMVN DIAMOND

- Năm thành lập: 2020
- Giấy chứng nhận thành lập quỹ: Giấy chứng nhận chức tên chứng khoán lần đầu ra công chúng số 18/OCN-UBCK ngày 27/02/2020
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà M2 Linh Point, 02 Ngõ Đúc K2, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM
- Vốn điều lệ: 102.000.000.000 đồng
- Được đại diện bởi CTCP Quản lý Quỹ: Ecom Securities Capital Việt Nam
 - + Năm thành lập: 2009
 - + Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 03/UBCK-CP ngày 09/01/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều hành số 08/GPBC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN
 - + Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà M2 Linh Point, 02 Ngõ Đúc K2, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM
- Người đại diện theo ủy quyền tại GMD: Không có
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần năm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

	Số cổ phần năm giữ		Số cổ phần có quyền biểu quyết	
	Trước chào bán	Hiện tại	Trước chào bán	Hiện tại
Cổ đông lớn				
Số lượng cổ phần năm giữ	21.188.250	15.873.438		21.188.250
Tỷ lệ số lớn	7,0%	6,1%		5,1%
Tỷ lệ biểu quyết	7,0%	6,1%		5,1%
Những người có liên quan				
Số lượng cổ phần năm giữ	0	0		0
Tỷ lệ số lớn	0%	0%		0%
Tỷ lệ biểu quyết	0%	0%		0%

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc dự kiến kết và chưa thực

liên giữa cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và những người có liên quan với Tổ chức phát hành. Không có.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành. Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành. Không có.

2.3. Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sẽ liên quan đến 10% ứng cử số phiếu phổ thông và những người có liên quan.

Không có.

2.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành.

Không có.

2.5. Lợi ích liên quan của cổ đông lớn tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành.

Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

3.1. Thành viên Hội đồng Quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị gồm:

STT	Họ và tên	Vị trí công việc
1	Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Chu Đức Khương	Chủ Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ
4	Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính
5	Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Người đại diện ủy quyền công bố thông tin
6	Ông Vũ Ninh	Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty
7	Ông Nguyễn Hoàn	Thành viên HĐQT
8	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT dự lập
9	Ông Lâm Đình Uy	Thành viên HĐQT dự lập
10	Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT dự lập

Nguồn: CTCP Genesight

◆ Ông Đỗ Văn Nhân – Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Hàng hải, Cử nhân Ngoại ngữ
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Trước năm 1989	Công ty Đại lý Thuần Hải Năng	
Từ năm 1989 đến năm 1993	Công ty LD Genesight	Phó Giám đốc
Từ năm 1993 đến năm 1995	Công ty CP Genesight	Giám đốc
Từ năm 1995 đến năm 2000	Công ty LD Genesight	Giám đốc
Từ năm 2000 đến năm 2005	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2005 đến năm 2014	Công ty LD Genesight	Giám đốc
Từ năm 2014 đến nay	CTCP Genesight	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sốหุ้น đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sốหุ้น cá nhân: 1.684.924 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,54% vốn điều lệ
 - + Sốหุ้น theo đại diện ủy quyền từ cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan: 194.793 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,59% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan đang nắm giữ số đông của Công ty



STT	Họ và tên	Mối quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Ai Vân	Vợ	-	641.250	8,21%
2	Đỗ Nhật Tân	Con	-	24.000	0,01%
4	Đỗ Lộc	Anh	-	120.528	0,11%
5	Đỗ Ka Cường	Anh	-	15	0,00%
Tổng cộng				994.793	8,33%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và đang thực hiện giữa cá nhân hoặc công ty có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ. Không có.
- Thủ lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền trước năm đăng ký chào bán và đến nay được thực hiện tại:

Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ lao, tiền lương, tiền thưởng (trillion đồng)	3.210	3.016	3.509
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua chọn của người lao động (trillion đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

◆ Ông Trần Đức Khương – Phó Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1958

- Quốc tịch Việt Nam

- Trình độ học vấn: Cử nhân

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế, Cử nhân An ninh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2016 đến nay	CTCP Công Nam Đình Vũ	Thành viên HĐQT
Từ năm 2017 đến nay	CTCP Công Quốc tế Genadept - Hưng Hải	Thành viên HĐQT
Từ năm 2017 đến nay	CTCP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Genadept	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 1993 đến nay	CTCP Genadept	Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT - CTCP Công Nam Đình Vũ
 - Thành viên HĐQT - CTCP Công Quốc tế Genadept - Hưng Hải
 - Chủ tịch HĐQT - CTCP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Genadept
- Số lượng, tỷ lệ sốหุ้น đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - Sốหุ้น cá nhân: 147.837 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.
 - Sốหุ้น theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - Người có liên quan: 29.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Chu Đức Trung	Cู่	-	7.500	0,00%
2	Chu Thu Thảo	Cู่	-	22.000	0,01%
Tổng cộng				29.500	0,01%

- Lợi ích liên quan đầu với Tổ chức phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc sẽ ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức Phát Hành, công ty con của Tổ chức Phát Hành, công ty do Tổ chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ. Không có.
 - Thủ tục, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền trước liền trước năm đang



lợi chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời hạn, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thời hạn, tiền lương, tiền thưởng (triệu đồng)	3.420	3.448	1.509
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua lại của người lao động (triệu đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động tích danh trong công tác vụ với Công ty hoặc là khách hàng/chủ cung cấp lớn của Công ty: Không có.

◆ Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2015 đến năm 2021	CTCP Gemadep	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2021 đến nay	CTCP Gemadep Miền Trung	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2017 đến nay	Công ty TNHH CJ Gemadep Logistics Holdings	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Từ năm 2021 đến nay	CTCP Gemadep	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT - CTCP Gemadep Miền Trung
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH CJ Gemadep Logistics Holdings



- Số lượng, tỷ lệ sốหุ้น công khai tại Tổ chức phát hành và cá nhân, đại diện được ủy quyền và những người liên quan
- Sốหุ้น cá nhân: 876.750 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.
- Sốหุ้น đại diện ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa được hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ. Không có.
 - + Thủ tục, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền tại lần trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thu nhập, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
Thu nhập, tiền lương, tiền thưởng (triệu đồng)	4.715	3.175	1.864
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình hạn chọn của người lao động (triệu đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.
- ✦ **Bà Bùi Thị Thu Hương - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính**
 - Năm sinh: 1979
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Trình độ học vấn: Thạc sỹ
 - Năng lực chuyên môn: Kế toán Kiểm toán Việt tế bên và Trưởng Bộ Quản lý Kinh doanh
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1994 đến năm 1996	Công ty LD Garment	Nhóm viên
Từ năm 1996 đến năm 1999	Công ty LD Garment	Kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 đến năm 2004	Công ty LD-Gemstar	Phó phòng Tài chính Kế toán
Từ năm 2005 đến năm 2010	Công ty LD-Gemstar	Trưởng phòng Tài chính Kế toán
Từ năm 2011 đến nay	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2013 đến năm 2015	CTCP Công Nạn Hải Phòng VN	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2016 đến nay	CTCP Công Nạn Dịch Vụ	Thành viên HĐQT
Từ năm 2013 đến nay	CTCP Cảng Chi Mập Gemadep - Terminal Link	Thành viên HĐQT
Từ năm 2010 đến nay	CTCP Gemadep	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT CTCP Gemadep kiêm Giám đốc tài chính
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT – CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT – CTCP Công Nạn Dịch Vụ
 - Thành viên HĐQT – CTCP Cảng Chi Mập Gemadep – Terminal Link
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 307,110 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,10% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức Phát Hành, công ty con của Tổ chức Phát Hành, công ty do Tổ chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm tài vụ báo trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

Thủ tục, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ tục, tiền lương, tiền thưởng (triệu đồng)	2.933	2.390	1.271
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (triệu đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác loại đồng thời doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/thủ cung cấp lớn của Công ty: Không có.

◊ Bà Nguyễn Minh Nguyệt – Thành viên HĐQT kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin

- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ, Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1992 đến năm 2000	CTCP Gemadep	Nhiệm viên phòng Tài vụ
Từ năm 2000 đến 28/08/2024	CTCP Gemadep	Kế toán trưởng
Từ năm 2021 đến nay	CTCP Gemadep Miền Trung	Trưởng Ban kiểm soát
Từ năm 2000 đến nay	CTCP Gemadep	Thành viên HĐQT kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT CTCP Gemadep kiêm Người được ủy quyền công bố thông tin.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Gemadep Miền Trung.
- Số lượng tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:

- † Sốหุ้น ưa thích: 552.450 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,21% vốn điều lệ.
- † Sốหุ้น theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- † Người có liên quan: 148.407 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ. Tổng số và người có liên quan đồng thời là số đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Phạm Đình Trình	Chồng	-	6.000	0,00%
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Em	-	1.300	0,00%
3	Nguyễn Thị Hồng Nga	Em	-	118.000	0,04%
4	Nguyễn Thanh Hải	Em	-	15.107	0,00%
Tổng cộng				148.407	0,04%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - Tổng số cổ tức hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc công ty có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - Thủ lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền trước liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ lao, tiền lương, tiền thưởng (trước thuế)	1.047	1.339	1.271
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua chọn của người lao động (trước thuế)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là thành viên nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

- ☛ Ông Vũ Minh – Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách quản lý công ty
 - Năm sinh: 1966
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Trình độ học vấn: Thạc sỹ
 - Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật vận tải thủy; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1991 đến năm 1992	Công ty Lữ Gemsstone	Cán bộ phòng Trade/oyd, Phòng Đại lý
Từ năm 1993 đến năm 1996	CTCP Gemadept	Phó trưởng phòng Đại lý
Từ năm 1996 đến năm 2003	CTCP Gemadept	Trưởng phòng Đại lý, Trưởng phòng Logistics, Trưởng phòng Marketing
Từ năm 2003 đến nay	CTCP KCD Nam Hải	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2018 đến tháng 6/2024	CTCP Cảng Nam Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị
Từ năm 2023 đến nay	CTCP Gemadept	Thành viên Hội đồng Quản trị

- Chức vụ hiện tại tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP KCD Nam Hải
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Số hóa cơ bản: 780.799 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,25% vốn điều lệ.
 - + Số hóa theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - + Người sở hữu quan: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến cuối năm hiện tại

Thời hạn, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thời hạn, tiền lương, tiền thưởng (triệu đồng)	1.754	1.912	976
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lợi ích cho các nhân sự (triệu đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

➔ Ông Shinya Harai – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1976
- Quốc tịch: Nhật Bản
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản lý kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 đến năm 2006	Sunimoto Corporation (Tokyo HQ), Phòng kinh doanh Logistics	Nhân viên kinh doanh
Từ năm 2006 đến năm 2010	Sunimoto Global Logistics Europe GmbH (Phân, Công ty Đức)	Trưởng phòng
Từ năm 2010 đến năm 2014	Sunimoto Corporation do Brazil (Sao Paulo)/Phòng Logistics	Tổng Giám đốc Phòng Logistics
Từ năm 2014 đến năm 2019	Sunimoto Corporation (Tokyo HQ), Phòng kinh doanh Logistics	Trợ lý Tổng Giám đốc, Nhóm đầu tư và Phát triển kinh doanh
Từ năm 2019 đến nay	Công Ty TNHH SSI Consulting (Việt Nam)	Tổng Giám đốc
Từ năm 2023 đến nay	CTCP Gamadep	Thành viên HĐQT

- Chức vụ hiện tại tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH SSI Consulting (Việt Nam)
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sốหุ้น cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ.
 - + Sốหุ้น theo đại diện ủy quyền của Công ty TNHH SSI Consulting (Việt Nam): 29.692.490 cổ phiếu, chiếm 9,30% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00 % vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đến với Tổ chức phát hành:
 - + Tổng tài vụ các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thu nhập, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm gần nhất tại mỗi nước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thu nhập, tiền lương và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thu nhập, tiền lương, tiền thưởng (trên đồng)	-	270	260
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua chọn cho người lao động (trên đồng)	-	-	-
Số lượng cổ phiếu	-	-	-
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	-	-

- Các khoản nợ đến với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/đối tượng cấp lớn của Công ty: Không có.

♦ Ông Nguyễn Văn Hùng – Thành viên HĐQT độc lập

- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải

– Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1995 đến năm 1994	Công ty Vận tải và cầu thuê tàu biển Việt Nam (Vietnam Scharf)	Sĩ quan hàng
Từ năm 1994 đến năm 1996	Công vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên phòng pháp chế
Từ năm 1996 đến năm 1999	Công vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	Trưởng phòng tổng hợp
Từ năm 1999 đến năm 2010	Công vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	Phó Giám Đốc
Từ năm 2010 đến năm 2018	Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chi Cục Trưởng
Từ năm 2018 đến năm 2022	Nghỉ hưu	-
Từ năm 2022 đến nay	CTCP Gemislect	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Sở hữu, quyền sử dụng tài sản chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 09 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
 - + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty mẹ Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Trả lương, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thu nhập, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thu nhập, tiền lương, tiền thưởng (đồng)	60	340	240
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt	-	-	-

Thời hạn, tiêu thường và lợi ích khác	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
Phân hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (nếu có)			
Số lượng cổ phiếu	-	-	-
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/thủ cung cấp lớn của Công ty: Không có.

❖ Ông Lâm Đình Dự - Thành viên HĐQT độc lập

- Họ tên: Lâm Đình Dự
- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1979 đến năm 1985	Xưởng 28 - Vang 5 Hải Quân	Thượng sỹ - Phó Giám đốc
Từ năm 1985 đến năm 1989	Nhà máy sửa chữa tàu - thuộc Tổng cục đường biển	Phó trưởng Phòng Kỹ thuật
Từ năm 1990 đến năm 2007	Nhà máy sửa chữa tàu biển Sài Gòn (Sai Gon Shipyard), sau này đổi tên thành Công ty Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn (Saigon Shipmarine) trước Tập đoàn Vinaship	- Trưởng phòng Kỹ thuật - Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Trưởng Ban Kỹ thuật Hàng hải - Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2007 đến nay	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sài Gòn Xanh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Từ năm 2022 đến nay	CTCP Gemadep	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc - CTCP

Thương mại và Dịch vụ Sài Gòn Xanh.

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Số hữu cơ nắm: 14.364 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,03% vốn điều lệ.
 - + Số hữu đơn đại diện ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty mẹ Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền tiếp liền trước năm đăng ký chào bán và đầu thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (trệu đồng)	-	200	240
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua chọn của người lao động (trệu đồng)	-	-	-
Số lượng cổ phiếu	-	-	-
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/thủ cung cấp lớn của Công ty: Không có.

◆ Ông Nguyễn Thái Sơn – Thành viên HĐQT độc lập

- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tự động
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 đến nay	Công ty TNHH Sài Gòn Xanh	Thành viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996	Nam – Hải Phòng	
Từ năm 1996 đến năm 1997	Công ty Vietnam – Hà Nội	Thuyền phó I
Từ năm 1998 đến năm 2001	Công ty Vietnam – Hà Nội	Thuyền trưởng
Từ năm 2001 đến năm 2008	Công ty Gematrans – phòng quản lý tàu	Chuyên viên
Từ năm 2008 đến năm 2018	CTCP Gematrans	Phó phòng quản lý tàu
Từ năm 2018 đến năm 2023	Nghỉ hưu	-
Từ năm 2023 đến nay	CTCP Gematrans	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ.
 - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - Người sở hữu quan: 45 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ. Thông tin về người sở hữu quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người sở hữu quan tại Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	Vợ	-	45	0,00%
Tổng cộng				45	0,00%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ chức Phát Hành, công ty con của Tổ chức Phát Hành, công ty do Tổ chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - Thời hạn, số lượng và các lợi ích khác tương lai còn lưu tục hiện trước năm đóng kỳ chào bán và đến thời điểm hiện tại:



Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021	Năm 2022	6 tháng đầu năm 2023
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (triệu đồng)	-	200	240
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình hạn chế cho người lao động (triệu đồng)	-	-	-
Số lượng cổ phiếu	-	-	-
Cổ mua (công/cổ phiếu)	-	-	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tài doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2. Thành viên Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát gồm:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Lưu Tường Giác	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Vũ Thị Hoàng Bào	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Trần Đức Thuận	Thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: CTCP Gematech

◆ Ông Lưu Tường Giác – Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Bằng cấp chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Cử nhân luật, Kỹ sư kinh tế và tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1990 đến năm 1993	Công ty LD Gematech	Kỹ toán
Từ năm 1994 đến năm 1999	Công ty LD Gematech	Phó phòng tài chính kế toán
Từ năm 1999 đến năm	Công ty LD Gematech	Trưởng phòng tài

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004		chính lý toán
Từ năm 2004 đến năm 2014	Công ty LD-Gemstartron	Phó Tổng giám đốc
Từ năm 2007 đến năm 2012	Ngân hàng TMCP Đông hai	Phó chi tịch HĐQT
Từ năm 2012 đến nay	CTCP đầu tư Sùng Ngọn	Phó chi tịch HĐQT
Từ năm 2014 đến nay	CTCP Gemstartron	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó chi tịch HĐQT - CTCP đầu tư Sùng Ngọn.
- Số lượng, tỷ lệ cổ hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sốหุ้น cá nhân: 112.660 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ.
 - + Sốหุ้น theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết vì chức vụ hiện giữ cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty của các Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 30% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thủ tục, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền tự liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thủ tục, tiền lương và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ tục, tiền lương, tiền thưởng (trên đồng)	120	60	60
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành và phiếu theo chương mua lại chọn cho người lao động (trên đồng)	-	700	700
Số lượng cổ phần	-	30.000	30.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là thành viên/nhà cung cấp lưu của Công ty: Không có.

♦ Báo Tài Chính Hoàng Đức – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2018 đến nay	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Trưởng ban kiểm soát
Từ năm 1994 đến nay	Công ty CP Gemadept	Trưởng phòng quản trị tài vụ Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ hiện tại tại Tổ chức phát hành: Trưởng phòng quản trị tài vụ, Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát - CTCP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 70.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.
- + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- + Người có liên quan: 200 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Vũ Thị Hoàng Hồ	Con	-	200	0,00%
Tổng cộng				200	0,00%

- Lợi ích liên quan đến với Tổ chức phát hành:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện giữa và hoặc hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
- + Thu nhập, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền tạo lập trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thu nhập, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thu nhập, tiền lương, tiền thưởng (triệu đồng)	1.097	971	554
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình ưu đãi cho người lao động (triệu đồng)	-	280	280
Số hàng cổ phiếu	-	28.000	28.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/khả cung cấp hàng của Công ty: Không có.

➔ Ông Trần Đức Thuận – Thành viên Ban Kiểm soát

- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 đến năm 2004	Công ty LIF-Gemartime	Nhiên viên
Từ năm 2005 đến nay	CTCP Gemadept	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ hiện tại tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan
 - + Sở hữu cá nhân: 181.514 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,06% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết về chưa thực

hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát như sau, với điều lệ: Không có.

4. Thủ tục, cầu hưởng và các lợi ích khác trong hai năm liên tiếp (tính trước năm đăng ký chào bán) và đến thời điểm hiện tại:

Thủ tục, tên thương và lợi ích khác	Năm 2023	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ tục, tên thương, tên thương (trệu đồng)	520	619	351
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (triệu đồng)	-	230	230
Số lượng cổ phiếu	-	23.000	23.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tài chính nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng thời với Công ty hoặc là khách hàng của công cấp lên của Công ty: Không có.

3.3. Thành viên Ban Giám đốc

Đanh sách Ban Tổng Giám đốc gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Thế Đông	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Nguồn: CTCP Phát hành

◆ Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thông tin về Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đã được trình bày tại mục 3.1 phần VI.

◆ Ông Phạm Quốc Long – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân

- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Vượt trội hẳn
- Quả trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2015 đến nay	CTCP Genasoft	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2013 đến nay	Hợp hội Đại lý, Môi giới và Dịch vụ Hàng hải Việt nam (Vishra)	Chủ tịch
Từ năm 2011 đến tháng 4/2014	CTCP Công Nam Hải	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2017 đến nay	Công ty TNHH Genasoft Shipping Holdings	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Từ năm 2021 đến nay	Công ty TNHH Tiếp vận Klaus Genasoft	Chủ tịch Hội đồng thành viên

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Genasoft Shipping Holdings
 - Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Tiếp vận Klaus Genasoft
 - Chủ tịch - Hợp hội Đại lý, Môi giới và Dịch vụ Hàng hải Việt nam (Vishra)
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sốหุ้น và nhận: 225.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,07% vốn điều lệ.
 - + Sốหุ้น theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - Thống kê về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ. Không có.
 - Thời hạn, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền trước tiền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thời hạn, tiền lương và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thời hạn, tiền lương, tiền thưởng (trên đồng)	3.143	2.113	1.229

Thời hạn, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình mua chọn cho người lao động (trên đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan từ doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

• Ông Nguyễn Thế Dũng – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Trước năm 2019	Công ty TNHH Công Phước Long	Giám đốc
Từ năm 2022 đến nay	CTCP Dịch vụ công Genadept	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2019 đến nay	CTCP Genadept	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ hiện tại tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Dịch vụ công Genadept
- Sở hữu, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 505.500 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,19% vốn điều lệ.
 - Sở hữu theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
 - Người có liên quan: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ. Thông tin về người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Quốc Hưng	Anh	-	1.000	0,00%
Tổng cộng				1.000	0,00%

– Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát của 10% vốn điều lệ: Không có.
- Thủ tục, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền trước liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thủ tục, tiền lương và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ tục, tiền lương, tiền thưởng (triệu đồng)	3.878	2.125	1.221
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình hạn chế cho người lao động (triệu đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Cổ mua (đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/đối tác cung cấp của Công ty: Không có.

◆ Công Đế Công Khanh – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán Việt ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Trước năm 2019	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Genadept	Giám đốc
Từ năm 2019 đến nay	CTCP Cảng Cát Mập Genadept – Terminal Link	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2019 đến nay	CTCP Genadept	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT - CTCP Cảng Cát Mập Genadept – Terminal Link
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sở hữu cá nhân: 293.002 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,07% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 2.047.954 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,67% vốn điều lệ. Tổng tài sản và người có liên quan đồng thời là cổ đông của Công ty:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người có liên quan tại Công ty	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Hoàng Thị Thanh	Mẹ	-	573.204	0,22%
2	Trần Kiên Minh	Vợ	-	1.181.529	0,39%
3	Đỗ Việt Thành	Em	-	193.221	0,08%
Tổng cộng				2.047.954	0,67%

- Lợi ích liên quan đến với Tổ chức phát hành:
 - + Đăng tài và các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và đang thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thủ tục, tiền lương và các lợi ích khác trong hai năm liền kề liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thủ tục, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ tục, tiền lương, tiền thưởng (trên đồng)	1.242	1.511	1.054

Thu nhập, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Giá trị số phiếu được mua trong đợt Phát hành và phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (trên đồng)	-	750	750
Số lượng cổ phiếu	-	75.000	75.000
Giá mua (Đồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tài doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng của công cấp lên của Công ty: Không có.

2.4. Kế toán trưởng

- Họ và tên: Klaus Nang Lun
- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế vận tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1990 đến năm 1993	Kế toán, Công ty Truất với phố địa ngân Hải Phòng	Nhân viên
Từ năm 1993 đến năm 1996	Nhân viên, Công ty LD Genesicore	Nhân viên
Từ năm 1997 đến năm 2007	Công ty CP Genadept	Nhân viên
Từ năm 2008 đến nay	CTCP Thương Cảng Vũng Tàu	Trưởng Ban kiểm soát
Từ năm 2007 đến ngày 26/05/2024	Công ty CP Genadept	Phó phòng kế toán
Từ năm 2010 đến nay	CTCP Dịch vụ Hàng hải Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát
Từ ngày 29/05/2024 đến nay	Công ty CP Genadept	Kế toán trưởng

- Chức vụ hiện tại tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Trưởng ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu



- + Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, đại diện theo ủy quyền và những người liên quan:
 - + Sốหุ้น cá nhân: 112.700 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ.
 - + Sốหุ้น theo đại diện ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và được thực hiện giữa cá nhân hoặc những người có liên quan với Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty mẹ Tổ Chức Phát Hành hoặc quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có.
 - + Thủ tục, nền tảng và các lợi ích khác trong loại sản phẩm này liên trước năm đóng kỳ chào bán và đến cuối diễn biến tài:

Thủ tục, nền tảng và lợi ích khác	Năm 2022	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
Thủ tục, nền tảng, nền tảng (trước đóng)	600	545	320
Giá trị cổ phiếu được mua trong đợt Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (triệu đồng)	-	460	460
Số lượng cổ phiếu	-	46.000	46.000
Giá mua (cồng/cổ phiếu)	-	10.000	10.000

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

**VII. THÔNG TIN VỀ DỰ CHÀO BÁN****1. Loại cổ phiếu**

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 103.493.452 cổ phiếu. (Bảng chữ: Một trăm linh ba triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi hai cổ phiếu).

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.034.934.520.000 đồng. (Bảng chữ: Một nghìn linh ba triệu ba mươi bốn tỷ chín trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi nghìn đồng).

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán: 29.000 đồng/cổ phiếu. (Bảng chữ: Hai mươi chín nghìn đồng một cổ phiếu).

6. Phương pháp tính giá

Giá chào bán được tính dựa trên cho cơ (i) Giá trị sổ sách (i) cổ phiếu; (ii) Giá trị tương đương của nó.

- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2023, theo BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán là 28.070 đồng/cổ phiếu.

- Giá trị tương đương (giá đồng giá) tại ngày 30/06/2024: 83.300 đồng/cổ phiếu.

Các cơ sở giá trị sổ sách và giá trị tương đương của cổ phiếu Gemadep nêu trên; các cơ sở và chính sách phát triển và nhu cầu tăng vốn của Gemadep; khuyến khích cổ đông giải bỏ và đóng góp cho sự phát triển của Gemadep và đảm bảo tính khả thi của dự chào bán, HĐQT đề xuất giá chào bán là 29.000 đồng/cổ phiếu. HĐQT thường niên năm 2024 đã thông qua việc giá chào bán này tại Nghị quyết số 09/NQ-HĐQCĐ-GMD ngày 25/04/2024.

7. Phương thức phân phối

- Khả năng cổ phiếu của dự chào bán này sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông liên hữu theo phương thức theo vốn quyền. Tỷ lệ thực hiện quyền là 3:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu phổ thông sẽ được 01 quyền mua, và 03 quyền mua được mua thêm 01 cổ phiếu một của dự phát hành này).

- Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông liên hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và sẽ bị loại theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phải bán dưới đây.

Việc: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu tương ứng với 100 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1, cổ đông A sẽ được quyền mua $100:0 \times 1 = 100$ cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 74 cổ phiếu, 0,3 cổ phiếu lẻ sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết dưới đây:

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có):
 - + Cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết bao gồm:
 - ✓ Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
 - ✓ Số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua;
 - ✓ Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán và đã (100-495.652) cổ phiếu và số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo tỷ lệ thực hiện quyền.
 - + Xử lý đối với cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có):
 - ✓ UBND thị trấn ủy quyền cho Hội đồng quản trị các định ước chủ, sau được chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài với điều kiện chào bán, điều kiện về giá, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - ✓ Việc phân phối cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài cần đáp ứng các điều kiện sau:
 - Tuân thủ quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Công ty ưu tiên chào bán cho cổ đông hiện hữu, góp vốn vào công ty ưu tiên. Các công ty ưu tiên cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau”.
 - Đảm bảo các điều kiện chào bán cổ phiếu quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - ✓ Số lượng cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết được chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc nhà đầu tư bên ngoài (nếu có) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng (1) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

Không có.

8.2. Thời hạn đăng ký mua

Thời hạn đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông tối thiểu là 30 ngày. Thời gian đăng ký cụ thể thực hiện theo Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty, sau khi được UBND cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu.

in công chứng.

3.3. Phương thức đăng ký và Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần

- Cổ đông làm thủ tục đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua theo hướng dẫn tại Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chứng của Công ty, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chứng.
- Tiền mua cổ phiếu được chuyển khoản vào Tài khoản phương tiện nhận tiền mua cổ phiếu của tại một 11 phía VII dưới đây.

5. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian chào bán dự kiến: Trong Quý IV/2024.

Việc phân phối cổ phiếu chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chứng có hiệu lực. Trường hợp có các nguyên nhân khách quan không thể hoặc chính việc phân phối chứng khoán ra công chứng trong thời hạn này, Công ty sẽ tạm ngừng bán của UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán tương tự đã không quá 90 ngày.

Bảng VII-1: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu của cổ đông hiện hữu

Số	Công việc	Thời gian thực hiện
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chứng của UBCKNN cấp có hiệu lực.	T
2	Công bố thông tin phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.	T+1 đến T+3
3	Thông báo khởi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu.	T+8 đến T+7
4	Ngày đăng ký cuối cùng.	T+17
5	Nhận danh sách tổng hợp cổ đông được phân bổ quyền mua.	T+17 đến T+24
6	Cổ đông tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua.	T+24 đến T+44
7	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.	T+54
8	UBCKNN thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết và thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết (nếu có).	T+53 đến T+68

Số	Công việc	Thời gian thực hiện
9	Gửi báo cáo kết quả đợt chào bán vào UBCKNN và công bố thông tin.	T + 00
10	Chuyển giao cổ phiếu và Thực hiện đăng ký bổ sung, niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm.	T + 40 đến T + 85

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Quyền mua chỉ được chuyển nhượng 01 lần, người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng từ cổ đông khác nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định.
- Số lượng cổ phiếu phải hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phiếu phải thanh không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.
- Số lượng cổ phiếu từ số cổ phiếu không phải phải bán (nếu có) được phân phối lại cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên tài khoản: Công ty cổ phần Gematech
- Số tài khoản: 118032974045
- Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh UTP.HCM

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc tăng vốn điều lệ.

13. Hiện pháp đơn hạn chế mua bán quy định về sở hữu nước ngoài

Căn cứ theo công văn số 3333/UBCK-PTTT do UBCKNN cấp ngày 01/06/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49%.

Theo danh sách cổ đông tại ngày 16/07/2024 của Công ty do VSDC cấp, số lượng cổ phiếu do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 149.409.211 cổ phiếu, chiếm 48,14% vốn Điều lệ Công ty.

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo quy định của

pháp luật, Công ty sẽ phối hợp cùng VSDC thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán thêm cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ năm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách và đúng thực hiện quyền, đặc biệt cổ đông nước ngoài không được nhận quyền mua chuyển nhượng là vô đồng khác và cũng kết không phân phối cổ phiếu là và cổ không phân phối lại (nếu có) của đợt chào bán cho các nhà đầu tư nước ngoài để làm tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán

• Thuế thu nhập cá nhân

Đối với việc chuyển nhượng chứng khoán: Thực hiện theo Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, Luật số 26/2013/QH13 ngày 22/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Thu nhập cá nhân và các văn bản liên quan. Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% giá trị chuyển nhượng.

• Thuế giá trị gia tăng

Hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của Công ty không phải chịu thuế Giá trị gia tăng, theo Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT số 11/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.

• Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 09/06/2008 và Luật số 12/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12.

Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, như được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/8/2014; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 và Nghị định số 140/2015/NĐ-CP ngày 13/12/2015.

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, như được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 118/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/5/2015; Thông tư số 86/2015/TT-BTC ngày 22/9/2015; Thông tư số 138/2016/TT-BTC ngày 12/6/2016 và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018 và Thông tư số 183/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014.

Căn cứ các quy định trên, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán đối với nhà đầu tư là số chênh lệch thực tế giữa mức áp dụng thuế các thuế TNDN là 20%. Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, số chênh lệch thực tế của các hoạt động tại Việt Nam từ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp

đạt 1) là 0,17% trên doanh thu tính thuế.

14.2. Các loại thuế liên quan đến hoạt động và xuất khẩu doanh của Tổ chức phát hành

a. Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế (Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12) - Thuế nhập chịu thuế bao gồm cả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán (theo Điều 14, 15 Chương IV Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12). Công ty phải nộp thuế suất thuế TNDN hiện hành đang áp dụng là 20%.

b. Thuế giá trị gia tăng:

Hoạt động của xuất khẩu doanh của công ty chịu thuế Giá trị gia tăng theo đúng các quy định hiện hành.

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

c. Các loại thuế khác:

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

Ngược lại, Công ty cam kết tạm hoãn việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

(Phần còn lại của trang này được cố ý để trống)

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Đợt chào bán được thực hiện theo Nghị quyết HĐQT thường niên năm 2024 số 090/NQ-HĐHĐCD-GMD ngày 25/06/2024 và Nghị quyết HĐQT số 107/NQ-HĐHĐCD-GMD ngày 16/7/2024 về việc phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán. Theo đó, mục đích của đợt chào bán là để (i) Mua sắm tài sản cố định, (ii) Trả nợ vay ngân hàng, và (iii) Tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nam Đình Việt Nam từ cơ sở Gensatop số hơn 60% vốn điều lệ để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ vay ngân hàng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 3.801.373.908.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến hay động được từ đợt chào bán để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty theo các mục đích với thứ tự ưu tiên gồm như sau:

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Mua sắm tài sản cố định	1.213.890.800.000	
	Mua 01 tòa nhà trong thị trường 1800 TEU	1.130.000.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
	Mua 01 cầu BTB sức nặng 13 tấn	234.500.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
	Mua 07 xe tải sức chở 24T TEU	208.500.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
2	Trả nợ vay ngân hàng	139.524.000.000	
	Trả một phần nợ vay gốc (theo gốc và lãi hạn và trước hạn) của Ngân hàng TNHH MTV Shikha Việt Nam	174.028.730.230	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
	Trả một phần nợ vay gốc (theo gốc và lãi hạn và trước hạn) của Ngân hàng TMCP Dân cư và Phát triển Việt Nam	56.295.269.769	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
3	Tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nam Đình Việt Nam từ cơ sở Gensatop số hơn 60% vốn điều lệ để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ vay ngân hàng	337.749.368.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
	Tổng cộng	3.801.373.908.000	

- Phương án xử lý trong trường hợp có phiếu không phân phối hết: Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu của đợt ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ chi trả tiền, để thực hiện những mục đích đã được EHDGD đồng ý, thì vào lịch hình được số, Hội đồng quản trị Công ty sẽ thực hiện các giải pháp như sau:

- (i) Xin gọi học đợt chào bán để tiếp tục chào bán số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- (ii) Tìm kiếm bổ sung nguồn vốn các thuộc thông qua các hình thức khác như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

L. Các thể mục đích: Mua sắm tài sản cố định

L.1. Mua 03 tàu biển trọng tải khoảng 1800 TEU

- Tổng tài sản như sau:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	YÊU CẦU
Loại tàu	Tàu container
Năm đóng	Tàu đã qua sử dụng, dưới 15 năm tuổi
Chiều dài	160,7m
Chiều rộng	28,10m
Mớn nước	9,50m
Tổng công suất máy chính	18.760 BHP
Tổng công tích/Đang tích chuẩn	18.8517,63T
Công suất	1.750 - 1.800 TEU
Hộp số	không cần
Trang bị BERTS	có

- Địa chỉ: Công ty hiện chưa quyết định địa chỉ mua bán. Công ty đang trong quá trình làm việc với đơn vị môi giới để tìm kiếm và đàm phán với các đối tác.

- Chi phí mua dự kiến:

- + Số lượng: 03 tàu
- + Đơn giá dự kiến: 18.000.000 USD/tàu (tương đương khoảng 450.000.000.000 đồng/VN, tỷ giá: 25.000 đồng/USD)
- + Giá trị mua dự kiến: 1.350.000.000.000 đồng. Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để mua tài sản là: 1.350.000.000.000 đồng.

L.2. Mua 02 chiếc SYS với năng 85 tấn

- Tổng tài sản như sau:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	YÊU CẦU
Tải trọng nâng danh mức	85 tấn
Tải trọng nâng danh mức spreader (chả dè nâng dĩa)	85 tấn

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ
Tải trọng nâng danh nghĩa spreader (chỗ đỡ nâng đơn)	50 tấn
Vượt về phía trước (WB)	70 mét
Vượt về phía đất liền (LS)	15 mét
Chiều cao nâng trên mặt ray	50 mét
Chiều cao nâng dưới mặt ray	20 mét
Kích thước ray	A120
Không gian giữa các chân	17,5 mét
Chiều rộng tổng thể	27 mét
Kích thước ray	20,48 mét
Tốc độ di chuyển về đất	240 mét/phút
Tốc độ nâng hạ tải (tải trọng đất)	90 mét/phút
Tốc độ nâng hạ tải (tải trọng rỗng)	180 mét/phút
Thời gian thu hồi tải trục (mặt hướng)	3 phút
Giá nâng/Giảm tốc tải (tải trọng định mức dưới spreader)	2,5 giây
Giá nâng/Giảm tốc tải (tải trọng rỗng)	4 giây
Giá nâng/Giảm tốc về đất	1 giây
Giá nâng/Giảm tốc cứu	8 giây
Quãng đường di chuyển trên bộ lái	180 mét
Số hàng bình an	11

- Đối tác: Công ty hợp tác chưa quyết định đối tác mua bán. Công ty sẽ thực hiện chào bán để lựa chọn nhà cung cấp từ các Đơn vị: Daewoo Incheon Vietnam, Mitsui, KoneCrane...
- Chỉ ghi mua dự kiến:
 - + Số lượng: 02 cần STB
 - + Đơn giá dự kiến: 11.000.000 USD/sản tương đương khoảng 327.250.000.000 đồng (ba tỷ giá: 25.000 đồng/USD)
 - + Giá trị mua dự kiến: 654.500.000.000 đồng. Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để mua tài sản trị: 654.500.000.000 đồng.

1.3. Mua 07 sản phẩm cỡ 240 TCU

- Thông tin về sản phẩm:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	SỐ LƯỢNG
Cấp tải	VR-21
Loại tải	Tên chở container hoặc hàng lớn
Nơi đóng	TP HCM
Chiều dài thiết kế	27,19 m
Chiều dài lên cầu	29,89 m
Chiều rộng thiết kế	15,20 m
Chiều rộng lên cầu	15,45 m



TƯỜNG SƠN THƯƠNG	SỐ TÀI
Chiều dài	1,09 m
Chiều cao thân	3,65 m
Máy chèo	WEICHAI 8170ZC90-5
Tổng công suất máy chèo	2 x 90HP / 3500rpm
Trọng tải	24t Tầm đáy
Vùng hoạt động	MI

- **Đối tác:** Công ty liên danh quyết định đối tác mua bán. Công ty sẽ lập hợp chèo cầu để lựa chọn người đồng sở hữu trong nước.
- **Chi phí mua dự kiến:**
 - + Số lượng: 07 chiếc
 - + Đơn giá dự kiến: 12.633.338.000 đồng/chiếc
 - + Giá trị mua dự kiến: 228.433.366.000 đồng. Số tiền thu được từ dự chèo cầu bán sẽ được dùng để mua lại số lãi là 209.200.000.000 đồng.

2. Chi tiết mục đích: Trả nợ vay ngân hàng

2.1. Trả một phần nợ vay gốc (bao gồm cả đến hạn và trước hạn) cho Ngân hàng TNHH MTV Sinh Phát Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN-C/MC/921021/HĐTB-GEMADHEPT ngày 22/04/2023

- **Đơn cho vay:** Ngân hàng TNHH MTV Sinh Phát Việt Nam.
 - + Địa chỉ: Tầng 01, tầng 02, tầng 1,11,15 Tòa nhà Imperia, số 138-142 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - + Mã số doanh nghiệp: 0200103533
 - + Người đại diện: Trần Văn Lâm - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Tiếp Thị Khách Hàng Doanh nghiệp Khu vực Tp. Hồ Chí Minh
(Theo giấy ủy quyền số POA-2022-002 ngày 04/04/2022)
- **Mối quan hệ** của Đơn cho vay và Công ty và những người có liên quan của Công ty: Không có.
- **Giá trị hợp đồng vay (số tiền vay sẽ đạt):** 321.177.000.000 đồng.
- **Lãi suất:** Lãi suất cố định là 6,2%/năm trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày gửi ngân vốn vay đầu tiên và hết thời hạn cố định thì mức nêu trên. Lãi suất áp dụng theo công thức: Lãi suất tiền gửi tiết kiệm có hạn kỳ hạn 12 tháng do các Ngân hàng tham chiếu công bố trên trang điện tử chính thức + biên độ 1,0%/năm. Lãi suất áp dụng hiện tại là 8,28%/năm.
- **Kỳ hạn:** 07 năm
- **Mục đích vay:** Tài trợ Dự án đầu tư của chủ bao gồm thanh toán LC trả ngay tiền mua 08 chiếc cầu và các chi phí lắp đặt hệ thống MGD-system tại 4 bản phao PL02-PL03-PL04-PL05.
- **Kỳ thanh toán gốc:** Định kỳ 03 tháng/lần. Ngày thanh toán gốc cuối cùng: 16/05/2029.

- Dự nợ tại thời điểm 30/6/2024: 197.413.897.854 đồng. Trong đó:
 - + Dự nợ được phân loại là nợ dài hạn: 131.988.529.126 đồng;
 - + Dự nợ được phân loại là nợ dài hạn đến hạn trả: 29.425.368.738 đồng. Số dự nợ này sẽ được trả nợ định kỳ 03 tháng/lần cho đến Quý 3/2025.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 4/2024 – Quý 1/2025
- Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả gốc (bao gồm cả đến hạn và trước hạn): 174.038.730.230 đồng.

2.2. Trả một phần nợ vay gốc (bao gồm cả đến hạn và trước hạn) cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng

a) Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/01109/HDDĐ ngày 15/12/2021

- Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
 - Địa chỉ: 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
 - Mã số doanh nghiệp: 0100150619
 - Chi nhánh trực tiếp quản lý: Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư, Địa chỉ: Số 09 Vũ Văn Tần, Phường Vũ Thụ Sơn, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100150619-206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.
 - Người đại diện: Nguyễn Thị Kim Các – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư
- (Theo giấy ủy quyền số 700D-QĐ-BĐV/BMTT ngày 03/11/2021 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ba Mươi Tháng Tư)
- Mục quan hệ của Bên cho vay và Công ty và những người có liên quan của Công ty không có
- Giá trị hợp đồng vay gốc (bên vay trả nợ): 67.211.000.000 đồng
- Lãi suất: Lãi suất cho vay là 7%/năm trong 12 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân. Lãi suất cho vay các năm tiếp theo bằng Lãi suất một năm VND có hiệu lực tại 12 tháng mà bên vay + biên độ 1,5%/năm. Lãi suất áp dụng hiện tại là 5,7%/năm.
- Kỳ hạn: 60 tháng.
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí trực tiếp dự án Đầu tư 04 số hạn tài trợ 248 Tỷ
- Kỳ thanh toán gốc: Định kỳ 03 tháng/lần. Ngày thanh toán gốc cuối cùng: 28/12/2026.
- Dự nợ tại thời điểm 30/6/2024: 31.486.944.448 đồng. Trong đó:
 - + Dự nợ được phân loại là nợ dài hạn: 21.292.166.673 đồng;
 - + Dự nợ được phân loại là nợ dài hạn đến hạn trả: 14.194.777.776 đồng. Số dự nợ này sẽ được trả nợ định kỳ 03 tháng/lần cho đến Quý 3/2025.
- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 4/2024 – Quý 1/2025
- Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả gốc (bao gồm cả đến hạn và

trước hạn): 21.381.555.556 đồng.

b) Theo Hợp đồng tin dụng số 01/2022/9350610010 ngày 21/12/2022

c) Bên cho vay: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

+ Địa chỉ: 194 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

+ Mã số doanh nghiệp: 0100150619

+ Chi nhánh trực tiếp quản lý: Chi nhánh Bà Nà Sơn Thủy Tư, Địa chỉ: Số 09 Vũ Văn Tấn, Phường Vũ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh số: 0100150619-200 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.

+ Người đại diện: Nguyễn Thành Sơn - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Bà Nà Sơn Thủy Tư

(Theo giấy ủy quyền số 111/2020-HGV/BMTT ngày 24/01/2022 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Nà Sơn Thủy Tư)

- Nội dung hợp đồng cho vay và Công ty và đồng người có liên quan của Công ty: Không có.

- Giá trị hợp đồng vay (tổng tiền vay trả nợ): 99.927.000.000 đồng

- Lãi suất: Lãi suất cho vay là 8,4%/năm trong 12 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân. Lãi suất cho vay các năm tiếp theo bằng Lãi suất tối thiểu VND và nhân tỷ lệ 12 tháng trả lãi sau + mức độ 2,9%/năm. Lãi suất áp dụng hiện tại là: 6,3%/năm.

- Kỳ hạn: 12 tháng.

- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ để thực hiện dự án Đầu tư 03 và liên hệ trong 248 Tòa.

- Kỳ thanh toán gốc: Định kỳ 03 tháng/lần. Ngày thanh toán gốc cuối cùng: 28/12/2023.

- Dự nợ tại thời điểm 30/06/2024: 31.026.285.716 đồng. Trong đó:

+ Dự nợ được phân loại là nợ dài hạn: 25.385.142.786 đồng.

+ Dự nợ được phân loại là nợ dài hạn đến hạn trả: 5.641.142.930 đồng. Số dư nợ này sẽ được trả nợ định kỳ 03 tháng/lần cho đến Quý 2/2025.

- Thời gian dự kiến trả nợ: Quý 4/2024 – Quý 1/2025.

- Số vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để trả gốc (bao gồm cả đến hạn và trước hạn): 28.205.714.224 đồng.

* Liên quan đến Phương án tín dụng số 01/2022/9350610010 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Nà Sơn Thủy Tư nêu trên, để đảm bảo thông tin minh bạch nhất về mục đích sử dụng vốn của khoản vay này với BCTC công ty và năm 2022, 2023 được nêu trong BCTC công ty và năm cuối năm 2024 được nêu tại Công ty đã định trình và công bố trên website của BCTC với nội dung số CHC0403/2024 ngày 25/9/2024, cụ thể như sau: “Khuyến cáo Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Nà Sơn Thủy Tư là thành viên của chi phí hợp lý do an dân sự các chi phí tài trợ 248 Tòa của thành lập ra Hợp đồng tín dụng số 01/2022/9350610010 ngày 21/12/2022 và Hợp đồng tin dụng số 01/2022/9350610010 ngày 21/12/2022”.

L. Chi tiêu mục đích: Tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nông Dịch Vụ (công ty con do Genadept sở hữu 80% vốn điều lệ) để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ ngắn hạn

M. Thông tin doanh nghiệp được góp vốn:

- Tên công ty: Công ty cổ phần Công Nông Dịch Vụ

- Mã Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0201741248 do Sở Kế hoạch và Đầu



tại Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 06/09/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/09/2018.

- Địa chỉ: Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vả, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác rừng, Bức vẩy hồng húa, kho bãi và lưu giữ hồng húa.
- Vốn điều lệ: 1.269.000.000.000 đồng (Một nghìn, hai trăm sáu mươi chín tỷ đồng).

3.2. Một quan hệ của doanh nghiệp được góp vốn với Công ty và những người có liên quan của Công ty:

- CTCP Công Nam Đình là công ty mẹ của Công ty (Công ty sở hữu 95% vốn điều lệ của CTCP Công Nam Đình Vả).
- Ông Chu Đức Khang – thành viên HĐQT Công ty là người đại diện phần vốn của Công ty tại NDV, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Công Nam Đình Vả.
- Bà Bùi Thị Thu Hương – thành viên HĐQT Công ty là người đại diện phần vốn của Công ty tại NDV, đồng thời là thành viên HĐQT của CTCP Công Nam Đình Vả.

3.3. Thông tin về việc góp vốn:

- Cơ sở pháp lý:
 - + Nghị quyết HĐQT số 016/2024/NQ-HĐQT-NDV ngày 10/6/2024 của CTCP Công Nam Đình Vả về chủ trương tăng vốn điều lệ công ty.
 - + Thông báo số 046/2024/TB-NDV ngày 04/6/2024 của CTCP Công Nam Đình Vả về việc nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm.
 - + Nghị quyết HĐQT số 103/NQ-HĐQT-GMD ngày 16/7/2024 của CTCP Genadept về việc thông qua việc tăng vốn góp vào CTCP Công Nam Đình Vả.
- Thông tin về đợt chào bán của CTCP Công Nam Đình Vả như sau:
 - + Tổng số cổ phiếu chào bán: 95.017.700 cổ phiếu. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 950.177.000.000 đồng.
 - + Giá chào bán: 10.000 đồng.
 - + Hình thức chào bán: Chào bán theo cơ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
 - + Tỷ lệ thực hiện quyền là 1000/733 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 1000 quyền mua sẽ được mua 733 cổ phiếu mới). Số cổ phiếu phát hành theo cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ cấp phần (nếu có) sẽ được hủy bỏ. Theo đó số cổ phiếu Công ty được quyền mua thêm là: 58.819.620 cổ phiếu tương đương với tổng số tiền phải góp thêm là 588.196.200.000 đồng.
 - + Mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán: Mua sắm tài sản cố định và Trả nợ ngắn hạn. Cụ thể như sau:

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Mua sắm tài sản cố định	908.471.934.581	
1.1	Mua sắm của KTC	165.470.000.000	Trong năm 2025
1.2	Mua sắm của STS	620.602.934.581	Trong năm 2025
1.3	Mua sắm của TCC	112.400.000.000	Trong năm 2025
1.4	Mua sắm khác của TCC	60.000.000.000	Trong năm 2025
2	Trả nợ vay ngân hàng	21.794.865.415	Trong năm 2025
Tổng cộng		930.171.694.000	

- Tiến độ thực hiện: Quý 4/2024 – Quý 1/2025
- Giá trị dự kiến: 358.100.200.000 đồng. Trong đó, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được dùng để góp thêm vốn vào CTCP Công Nam Đinh VG là: 557.749.908.000 đồng. Số tiền còn lại từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty là: 356.292.000 đồng.
- Tỷ lệ sở hữu của Genasoft trước khi góp vốn: 60% vốn điều lệ của CTCP Công Nam Đinh VG.
- Tỷ lệ sở hữu của Genasoft sau khi góp vốn: 60% vốn điều lệ của CTCP Công Nam Đinh VG.

(Phần còn lại của bảng này được liệt kê ở trang)

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI DỰ CHÀO BÁN**1. Các đối tác liên quan tới dự chào bán****TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

- Tên công ty : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
- Địa chỉ : Số 2 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 028.3547.2972 - Fax: 028.3547.2970
- Website : www.a-c.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK
- Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, Số 93 Lạc Hạ, Phường Lạc Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024.6276.2066 - Fax: 024.6276.5668
- Website : www.agribank.com.vn

2. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về dự chào bán

Việc tư vấn là Tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank (Agribank) đã tiến hành nghiên cứu, phân tích một cách thận trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về dự chào bán:

- Mục đích của dự chào bán cổ phiếu ra công chúng lần này nhằm hợp đồng với để (i) Mua sắm tài sản rõ định, (ii) Trả nợ vay ngắn hạn, và (iii) Tăng vốn góp vào Công ty cổ phần Công Nam Đình Vũ. Việc tăng vốn điều lệ giúp Tổ chức phát hành có nguồn vốn để mở rộng, nâng cao quy mô hoạt động; nâng cao năng lực tài chính, cần để thực hiện cho các hoạt động thường xuyên và hoạt động đầu tư trong năm 2024 và những năm tiếp theo;
- Khối lượng chào bán cổ phiếu ra công chúng đợt này là 103.495.652 cổ phiếu. Giá chào bán là 29.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường.

Với những nhận định trên, chúng tôi - Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank cho rằng dự chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổ chức phát hành là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và không đảm bảo phản ánh giá trị của chứng khoán cũng như diễn biến thực của thị trường sẽ diễn được dự báo.

XI. THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.



XII. NGÀY TRĂNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2014

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐỖ VĂN NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH BÌNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KHOA NĂNG LƯU

[Phần còn lại của trang này được cắt bỏ đi]



Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2024

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AGRIBANK

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ SƠN TÙNG

[Phần còn lại của trang này được che giấu để bảo mật]

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 030116791 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/11/1991, thay đổi lần thứ 20 cấp ngày 20/04/2024
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
 - Nghị quyết số 090/NQ-HĐQT-GMD ngày 25/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Gemadep; Tài trình số 05/TTr-HĐQT/2024 ngày 21/6/2024 về việc trình phê duyệt Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chứng cho cổ đông hiện hữu năm 2024;
 - Nghị quyết số 107/NQ-HĐQT-GMD ngày 16/7/2024 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt trình trình trình phương án chào bán cổ phiếu ra công chứng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán.
3. Hiến lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Gemadep.
4. Bản cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất năm 2022, năm 2023 được kiểm toán và Bản cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất bán niên năm 2024 được soát xét của Công ty.
5. Tài liệu liên quan đến phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 030118791

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 11 năm 1993

Đăng ký thay đổi lần đầu: 03, ngày 24 tháng 06 năm 2007

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GEMADEPT CORPORATION

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Địa chỉ: 4-6 Lê Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.38218238

Fax: 08.38218238

Email: ng@gemadep.com.vn

Website:

www.gemadep.com.vn

3. Vốn điều lệ: 1.104.869.370.000 đồng.

Loại vốn: Ba nghìn một trăm lẻ bốn tỷ tám trăm sáu mươi chín triệu
năm trăm bảy mươi sáu ngàn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 310.869.367

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: NGUYỄN THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/01/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030900917621

Ngày cấp: 24/11/2007

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

HÔNG TIỆP BÀN SAU ĐÂY VÀ CÁC CHỖ KHÁC ĐÃ ĐƯỢC CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ

Địa chỉ thường trú: 18770, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 18.04.7000, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



(Handwritten signature in blue ink)

LA Nguyễn Văn Nam



TRƯỞNG PHÒNG

Hồ Thành Sơn

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 90/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 10/06/2020 và sửa đổi ngày 07/01/2022;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Gemadept đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 04 năm 2024.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Gemadept ("Công ty") đã diễn ra ngày 25/04/2024 đã thông qua Nghị quyết với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Báo cáo của Ban Giám đốc năm 2023**
Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Báo cáo của Ban Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2023 và kế hoạch năm 2024.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán**
Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (AMT), bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gemadept và Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023**
Đại hội đồng cổ đông thông qua mức chi trả cổ tức và trích lập quỹ năm 2023. Cụ thể:
 - Cổ tức trả bằng tiền theo tỷ lệ chi trả là 22% mệnh giá tương đương 2.200 đồng/chứng khoán;
 - Cụ quyết của Hội đồng quản trị triển khai chi tiết việc chi trả cổ tức bằng tiền.
- Đánh giá các quỹ năm 2023:**
 - Quỹ dự trữ đặc biệt, mức trích 2% lợi nhuận sau thuế;
 - Quỹ khen thưởng phân lợi, mức trích 2% lợi nhuận sau thuế.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 sẽ tính lại quý II không bao gồm lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn công ty TNHH Hải Đình Việt.

4. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Căn cứ vào các chỉ tiêu về kinh tế Tài chính và Vốn liếng, cấp dưới theo đề nghị của Hội đồng quản trị công ty TNHH Việt Nam và kế hoạch kinh doanh của các đơn vị, Đại hội đồng cổ đông đồng ý qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 như sau:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu hợp nhất	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023/ Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2024/ Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	1.928	3.546	4.000	93%	102%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.136	2.147	2.600	277%	140%
	Trong đó:					
	- LNTT từ hoạt động kinh doanh	1.136	2.147	2.100	112%	129%
	- LNTT từ chuyển nhượng vốn công ty con		1.240	500		

5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị liên kết kinh doanh tài chính năm 2024

Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách 03 đơn vị công ty liên kết kinh doanh lựa chọn đơn vị thực hiện công tác cấp dịch vụ liên kết và một số báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty liên kết nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 theo giao Hòa các tài chính của Công ty Cổ phần Comatep và Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024

6.1. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Comatep
2. Mã chứng khoán: COME
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Tổng số cổ phiếu đã giao dịch: 118.488.937 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 118.488.937 cổ phiếu.
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán tối đa: 118.488.937 cổ phiếu.
9. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán (theo mệnh giá) tối đa: 1.084.954.200.000 đồng.
10. Văn bản lý do kêu gọi phát hành: A.118.221.000.000 đồng.
11. Giá chào bán: 29.000 đồng/cổ phiếu.
12. Cơ sở xác định giá chào bán: Ủy thác bán được thực hiện như sau:
 - (a) Giá trị số mệnh giá ngày 24/12/2023 của HUYT hợp nhất với 2023 đã được liệt kê như là 78.810 đồng/cổ phiếu.
 - (b) Giá trị tương ứng được xác định ngày 04/06/2024 là 25.100 đồng/cổ phiếu.

Giá trị của giá trị số mệnh giá và giá trị tương ứng của cổ phiếu Comasoft như trên, dựa cơ sở chuẩn mực phát triển và của của Tổng viên của Comasoft; không tính cổ đang giữ bởi và đang góp vốn và phát triển của Comasoft và dựa báo cáo tài chính của đợt chào bán, HUYT để mức giá chào bán là 29.000 đồng/cổ phiếu.
13. Số tiền dự kiến thu được: 1.084.954.200.000 đồng.
14. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu dự kiến phát hành số lượng cổ phiếu đang lưu hành dự kiến: 11,23%.
15. Kế hoạch chào bán: Kế hoạch bán của GVLD có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng của danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Bảo vệ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp hạn quy định.
16. Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức đặt mua quyền mua.
17. Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ thực hiện quyền mua dự kiến là 1 : 1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, số 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).
18. Nguyên tắc mua bán: Số cổ phiếu chào bán được cho cổ đông hiện hữu sẽ được hạn mức tương ứng đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân của số sẽ được chia hợp lý và số tỷ thực phương án số tỷ cổ phiếu 0 và số phần không phải bất số tại mức 19 Điều 6.1.

Vi dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu trong tổng với 100 quyền mua cổ phiếu mới, với tỷ lệ thực hiện quyền là 1 : 1, cổ đông A sẽ được quyền mua 100 * 1 = 100 cổ phiếu mới. Như vậy, theo nguyên tắc mua bán tương ứng đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 10 cổ phiếu: 0,2 cổ phiếu lẻ sẽ được chia hợp lý và số tỷ thực phương án số tỷ cổ phiếu 0 và số phần không phải bất số tại mức 19 Điều 6.1.

19. Phương án xử lý cổ phiếu bị xử lý phải thông phần phải hết hiệu lực:

(a) Cổ phiếu bị xử lý phải không phải phải hết hiệu lực:

(i) Cổ phiếu bị phát hành ra theo yêu cầu của công chúng;

(ii) Số lượng cổ phiếu đã có đăng ký đủ số;

(iii) Tất cả phải được kết thúc sau khi có sự đồng ý của Ủy ban Chứng khoán và Chứng khoán Việt Nam (10/10/2022 cổ phiếu) và có sự đồng ý của Ủy ban Chứng khoán và Chứng khoán Việt Nam.

(b) Xử lý đối với cổ phiếu bị xử lý phải thông phần phải hết hiệu lực:

(i) Đại hội đồng cổ đông tự quyết định (10) đồng người nắm giữ cổ phiếu của công ty, bao gồm chủ tịch của công ty đồng thời là chủ tịch của hội đồng quản trị và chủ tịch của hội đồng quản trị, chủ tịch của hội đồng quản trị và người nắm giữ cổ phiếu của công ty không được tự quyết định chủ tịch của hội đồng quản trị.

(ii) Việc phải xử lý cổ phiếu bị xử lý phải thông phần phải hết hiệu lực của công ty đồng thời là chủ tịch của hội đồng quản trị của công ty (đồng thời với)

- Tuyên bố theo Điều lệ Điều 100 Luật Doanh nghiệp số 58/2019/QH14: "Công ty của chúng tôi được điều hành theo cổ phiếu, các chủ tịch của công ty và các công ty của chúng tôi công ty mà không được đồng thời công ty của chúng tôi, mà cổ phiếu của họ không được điều hành."

- Điều lệ của Ủy ban Chứng khoán và Chứng khoán Việt Nam số 13/2020/UBCH và Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

(iii) Số lượng cổ phiếu bị xử lý phải thông phần phải hết hiệu lực của công ty đồng thời là chủ tịch của hội đồng quản trị của công ty (đồng thời với) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 11 năm kể từ ngày hết hiệu lực của cổ phiếu.

20. Phương thức phải phải: Theo phương thức tự quyết định.

21. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông nắm giữ có tên trong danh sách bị ngày đăng ký mới công khai danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua và quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua cổ phiếu của công ty được phân bổ chuyển nhượng một lần. Người nhận chuyển nhượng thông qua chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3. Bán chuyển nhượng và bán nhận chuyển nhượng là các hành vi mua bán chuyển nhượng và thanh toán của chuyển nhượng.

22. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu của công ty không bị hạn chế chuyển nhượng (trừ trường hợp quy định tại Điều 19 Điều 5.7). Các cổ đông trong thời gian hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mua được từ quyền mua này bằng hệ thống chuyển nhượng.

23. Thời gian áp dụng chế độ: Từ đầu năm 2024. Sau khi được Ủy ban Chứng khoán

Nhà nước cấp Ủy ủy chứng nhận điều hành điều hành và phân bổ vốn công chứng. Công ty cổ phần
 Ngân hàng Việt Nam và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.

- 24. Tự lập điều hành hành công và điều hành công chứng theo quy định của pháp luật.
- 25. Công ty cổ phần và nước cấp ủy ủy công chứng. Công chứng phân bổ vốn của Công ty cổ phần
 Công chứng và ngân hàng Việt Nam và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Việt Nam và ngân hàng Việt Nam và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Các điều hành công chứng theo quy định của pháp luật.

- 26. Phương án điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Công chứng và ngân hàng Việt Nam và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.

B.3. Chi phí điều hành công chứng và phân bổ vốn

- 1. Tổng số vốn điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.
 Điều hành công chứng và phân bổ vốn công chứng theo quy định của pháp luật.

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Mua sắm tài sản cố định	3.113.000.000.000	Quý 4/2021 – Quý 1/2022
2	Tính dự trữ ngân hàng	210.024.000.000	Quý 4/2021 – Quý 1/2022
3	Tổng vốn góp vào Công ty cổ phần Công chứng và ngân hàng Việt Nam (công ty con của Công chứng và ngân hàng Việt Nam) để triển khai các hoạt động kinh doanh và tính dự trữ ngân hàng	337.500.000.000	Quý 4/2021 – Quý 1/2022
	Tổng cộng	3.660.524.000.000	

2. Phương án xử lý trong trường hợp có phải không phải phải làm: Trong trường hợp làm theo thời gian chuẩn của theo quy định, Công ty không được làm bất cứ công việc nào khác ngoài công việc được giao, và phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

(ii) Khi gia hạn đợt chuẩn hóa để tiếp tục chuẩn hóa tất cả các phần của hệ thống tài chính theo quy định của pháp luật.

(iii) Tiến hành bổ sung nguồn vốn của công ty thông qua các hình thức khác nhau như vay ngắn hạn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra.

6.3. Thông tin về các tài sản của công ty đang nắm giữ cũng như công nợ của công ty

ĐHXCĐ nắm giữ thông tin về việc sử dụng của ĐHCY theo hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

1. Các động viên đang phải duyệt hồ sơ chuẩn hóa các tài sản và giải thích hồ sơ các pháp nhân bên trong khoản gọi của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, các động viên chuẩn hóa các tài sản và các hồ sơ khác có liên quan đến yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và số báo cáo tài chính công bố công khai theo quy định của pháp luật.
2. Làm công việc khác được ủy quyền theo quy định và theo thỏa thuận của việc thực hiện pháp nhân.
3. Thực hiện việc sử lý các phần tử và các phần không phải phải tất cả Hội đồng quản trị được quyền duyệt tài sản, duyệt sách của đơn vị và đơn vị, phương thức và giải pháp của các tài sản và các tài sản khác không được ra đi theo và với phương án đã được thông qua.
4. Các động viên đang và tiếp tục chuẩn hóa các tài sản và chỉ tất cả các tài sản được. Các động viên chuẩn hóa các tài sản, sử dụng nguồn vốn hợp đồng được cho các hợp với các hình thức sử lý các tài sản và thông pháp nhân khác không được quy định tại các Công ty, tiến hành theo các quy định của pháp luật, pháp nhân và báo cáo ĐHCĐ gần nhất và các nội dung khác chính này trên đây.
5. Thực hiện công việc bổ sung và phân phát hành thêm tại Tổng công ty Lâm nghiệp và Bộ tư lệnh chiến đấu Việt Nam, cũng như bổ sung và phân tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với các bộ số lượng cổ phần phải được phân phát hành thêm theo kế hoạch chuẩn hóa.
6. Thực hiện việc sử dụng, bổ sung Điều lệ và chuẩn và hợp đồng của Công ty liên quan đến việc thay đổi cổ phần, vốn điều lệ và nguồn vốn và các công việc, và tiến hành được theo theo một giải pháp theo chuẩn hóa và công ty đang đã một đang tiếp tục chuẩn hóa công ty thành nghiệp theo quy định.
7. Thông qua phương án chuẩn hóa việc chuẩn hóa các phần tử và các phần tử của hệ thống tài chính.

quốc ngoài.

B. Thực hiện các thủ tục pháp lý của việc mua quyền đặc của pháp luật và Điều lệ Công ty để tuân thủ việc mua bán chứng khoán và pháp luật chứng khoán và Điều lệ mua bán.

2. Thông qua việc mua bán, bổ sung Điều lệ của Công ty

ĐHHCĐ thông qua các việc mua bán, bổ sung Điều lệ của Công ty như sau:

T.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 13 của Điều lệ

Bổ sung điều (g) vào khoản (g) và sửa đổi từ ngữ điều (g) trước đó thành điều (g) của Khoản 2, Điều 13 của Điều lệ như sau:

"Điều 13. Quyền hạn và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1.1) 3. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

1.1) (g) Phê duyệt phương án mua bán với phần chuyển đổi và chấp hành các phần liên quan chứng khoán

1) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này."

T.2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 28 của Điều lệ

Bổ sung điều (j) vào khoản (Đ) và sửa đổi từ ngữ từ điều (j) trước đó thành điều (j) của Khoản 3, Điều 28 của Điều lệ như sau:

"Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1.1) 3. Nhiệm vụ để các ủy viên Hội đồng quản trị phải thực hiện:

1.1) (j) Quyết định phương án mua bán với phần chuyển đổi, các phần khác; làm chứng quyền và các thủ tục đăng ký mua bán của Công ty, và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về cuộc họp gần nhất;

1) Các vấn đề khác được hoặc giao định mà Hội đồng quản trị quyết định của pháp luật và Điều lệ này và quy định nội bộ công ty."

B. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DỖ VĂN NHẬN

Mã NVYT: HNDCC0004

TỜ TRÌNH – SỐ 05

Về việc: Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của cổ đông
tập thể năm 2024

AMBI: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 2020/NQ-AP/QH14 ngày 18/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 40/2010/QH12 ngày 26/7/2010;
- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 11/12/2010 của Chính phủ quy định về nội dung cơ bản nội dung của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2011/TT-CTC ngày 10/12/2011 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công bố đại chúng và báo cáo công bố đại chúng;
- Điều lệ và chương trình hoạt động của Công ty cổ phần Gameloft;
- Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh đến năm 2024 của Công ty cổ phần Gameloft.

Tập thể cổ đông giữ 100% vốn điều lệ kinh doanh kinh doanh quản lý của Công ty cổ phần Gameloft đang thực hiện kế hoạch kinh doanh đến năm 2024 của Công ty cổ phần Gameloft. Hội đồng quản trị ("HĐQT") được giao của Công ty đang xem xét đề nghị của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị cổ đông tập thể về việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của cổ đông tập thể năm 2024 và trình báo Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông năm 2024 và trình báo Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông năm 2024.

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2024 thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của cổ đông tập thể năm 2024 với các nội dung như sau:

A. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Gameloft.
2. Mã chứng khoán: GMD.
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số cổ phiếu dự phát hành: 214.488.877 cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 214.488.877 cổ phiếu.

- Đ. Số hàng cổ phiếu bị bán dựa trên số dư: 103.495.457 cổ phiếu.
8. Tổng giá trị cổ phiếu chưa bán được mệnh giá là dư: 1.034.954.500.000 đồng.
9. Vận đầu kỳ dự kiến sau giao dịch: 4.130.824.000.000 đồng.
10. Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu.
11. Cơ sở xác định giá chào bán: Giá chào bán được tính dựa trên các chỉ số:
- (i) Giá trị sổ sách tại ngày 30/12/2023 theo DCTC này ước năm 2023 đã được điều chỉnh là 20.000 đồng/cổ phiếu.
- (ii) Giá trị tương đương (giá hàng hóa) tại ngày 31/12/2024: 83.300 đồng/cổ phiếu.

Các chỉ số giá trị sổ sách và giá trị tương đương cổ phiếu Comstock của nhà đầu tư vào trước lần phát hành và nêu các điều kiện của Comstock, thành viên cố định gần gũi và đồng góp cho sự phát triển của Comstock và điều kiện bán trái phiếu của cơ chế bán, HĐQT sẽ xuất giá chào bán là 20.000 đồng/cổ phiếu.

12. Số vốn dự kiến thu được: 3.801.272.000.000 đồng.
13. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/ tổng số phiếu đang lưu hành) dự kiến là 23,29%.
14. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn GMD có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thời điểm xuất cổ phiếu để thực hiện quyền mua cổ phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.
15. Phương thức chào bán: Chào bán theo số đồng tiền bán theo phương thức thực hiện quyền mua.
16. Tỷ lệ thực hiện quyền: Tỷ lệ thực hiện quyền mua dự kiến là 1:1 (cổ đồng sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, và 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).
17. Nguyên tắc bán trái phiếu: Số cổ phiếu chào bán trước cho cổ đồng tiền bán số quyền mua của người đầu hàng mua và, nhân là gấp nhiều (nhiều hơn) sẽ được đăng ký tại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu là và số phiếu không phải phân bổ vào tại mục 1.15.
- Việc: Tại ngày xuất danh sách cổ đồng tiền thực hiện quyền, số đồng A sở hữu 100 cổ phiếu trong tổng số 100 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1, số đồng A sẽ được quyền mua 100 \times 1 = 100 cổ phiếu mới. Tuy vậy, dựa nguyên tắc bán trái phiếu theo danh sách đăng ký và, số đồng A được quyền mua 34 cổ phiếu; 66 cổ phiếu sẽ sẽ được đăng ký tại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu là và số phiếu không phải phân bổ vào tại mục 1.15.
18. Phương án xử lý cổ phiếu là và số phiếu không phải phân bổ tại (nếu có):
- 18.1. Các phiếu là và số phiếu không phải phân bổ tại bao gồm:
- (i) Cổ phiếu là và số phiếu không phải phân bổ tại đăng ký đầu tiên.
- (ii) Số lượng cổ phiếu là và số đồng tiền thực hiện.
- (iii) Số cổ phiếu chính thức phát hành gần số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là dư (103.495.457 cổ phiếu) và số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo tỷ lệ thực hiện quyền.

(13) Xu lý đối với cổ phiếu là và cổ phiếu không phải phát hành nữa (1)

(b) Mọi loại chứng chỉ chứng quyền của HĐQT quản lý và phát hành của, lại được phát hành cho cổ đông hiện hữu hoặc chủ đầu tư của người với điều kiện của hạn, điều kiện và giá, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư không được từ bỏ hoặc có hạn hiệu lực của chứng quyền này.

(14) Việc phát hành cổ phiếu là và cổ phiếu không phải phát hành của cổ đông hiện hữu hoặc chủ đầu tư hiện quản lý dự án các nhà máy:

- Theo kế hoạch định tại Điều 110 Luật Doanh nghiệp và 100/2020/QĐ-NTU: "Công ty sau không được đưa ra mua cổ phiếu, góp vốn, mua công ty mới, các công ty con của công ty mới công ty mua không được đồng thời công góp vốn, mua cổ phiếu để có vốn điều lệ mới".
- Theo hạn quản lý quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/11/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

(15) Số lượng cổ phiếu là và cổ phiếu không phải phát hành được chào bán của cổ đông hiện hữu hoặc chủ đầu tư hiện quản lý dự án sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày bắt đầu dự án nhà máy.

20. Phương thức phân phối: Theo phương thức hợp Việt quyền.

21. Chuyển nhượng quyền mua Cổ phiếu Việt hóa và các chứng khoán khác tại nước ngoài: Mọi công dân Việt Nam có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua cổ phiếu của nhà đầu tư được pháp chuyển nhượng của (1) là: Người chấp chuyển nhượng được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 2, lần chuyển nhượng và lần tiếp chuyển nhượng sẽ được chuyển tiếp giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

22. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu của nhà đầu tư là hạn chế chuyển nhượng (trừ trường hợp quy định tại khoản 1.08). Các cổ đông trong thời gian hạn chế chuyển nhượng của được nhận quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mua (hạn chuyển nhượng này bằng 1/3 hạn chế chuyển nhượng).

23. Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến trong năm 2024, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán của cổ phiếu ra công chúng, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin và phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật.

24. Tỷ lệ chào bán được công bố trước không bị ràng buộc về tên hay công ty đặt chào bán không bị ràng buộc chào bán dự án.

25. Đăng ký hồ sơ và nhận yêu cầu mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành được của Công ty cổ phần Deracopter sẽ được đăng ký hồ sơ tại Tổng công ty Lưu trữ và ĐK về chứng khoán Việt Nam và được đăng ký miễn phí hồ sơ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật.

26. Phương án đảm bảo dự án nhà máy cổ phiếu dự án quy định về tỷ lệ số vốn nước ngoài:

Hiện tại, tỷ lệ vốn nước ngoài của Công ty là 41,84% tại thời điểm 28/05/2024. Theo yêu cầu số 110/2020/NĐ-CP ngày 14/11/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ số vốn nước ngoài tối đa tại Công ty cổ phần Deracopter là 49%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DERACOPTER

Công ty cổ phần Greenlight sau khi đã đăng các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật đã gửi lý do từ chối xuất ngoại và lý do thực hiện chức năng quản lý theo đúng pháp luật theo quy định của Luật Chứng khoán năm 2019 và Điều lệ của Công ty.

Đối với dự án chào bán cổ phiếu của công ty theo yêu cầu năm 2024, đã có số đông nhà đầu tư tham gia. Dự kiến số cổ đông tự nguyện mua một số cổ phiếu được phân bổ quyền mua được theo hạn người mua của việc. Khi số tự cổ phiếu bị và số cổ phiếu không phân phối hết, Công ty sẽ chào bán cho nhà đầu tư tiếp theo trong nước, không chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo tự là số nhà đầu tư tiếp theo và nhà quản lý theo quy định.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THỊ TRƯỜNG ĐỢT CHÀO BÁN

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 3.601.771.900.000 đồng. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến thu được để dự chi trả chi phí và hoạt động kinh doanh của Công ty theo các mục đích với chi phí và chi phí khác như sau:

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Thanh toán chi phí của đợt chào bán	3.211.000.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
2	Trả nợ vay ngắn hạn	210.024.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
3	Tổng vốn góp vào Công ty cổ phần Công Nghệ Điện Tử (công ty con của Greenlight) và bổ sung vào đầu tư cổ phần khác vào hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả nợ vay ngắn hạn	557.747.900.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
Tổng cộng		3.601.771.900.000	

- Phương án sử dụng trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết. Tổng trường hợp khi chưa đến hạn chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu của đợt chào bán, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ chi trả chi phí, để thực hiện những mục đích đã được CÔNG TY ĐỀ XUẤT và chi trả các khoản chi phí khác, HĐQT tự quyết định cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:

- Nhà đầu tư tiếp theo chào bán để tiếp tục chào bán các số cổ phiếu của đợt chào bán theo chế độ quy định của pháp luật;
- Tiến hành bổ sung nguồn vốn của doanh nghiệp qua các hình thức khác như vay ngắn hạn, phát hành trái phiếu ngắn hạn, xin giải pháp khác cho hoạt động kinh doanh của pháp luật và quy định có liên quan của Công ty để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

III. THÔNG QUA ỦY QUYỀN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC CÓ LIÊN QUAN

CÔNG TY ĐỀ XUẤT THÔNG QUA ỦY QUYỀN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỰC HIỆN, bao gồm những công việc liên quan các công việc sau đây:

1. Chủ động xây dựng, phát triển bộ cơ cấu tài chính và quản lý tài trợ của pháp nhân công nghiệp gắn với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án chào bán cổ phiếu để phù hợp với các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác phù hợp với quy định của pháp luật. Điều lệ Công ty và các loại văn bản Đại hội đồng cổ đông trong kế hoạch gần nhất.
2. Lưu trữ tài liệu, sách báo về tài trợ vốn liên quốc tế một cách cẩn thận theo quy định pháp luật.
3. Thực hiện việc tự rà soát và bổ sung thông tin phát hành: HĐQT công nhân từ được quyết định theo dõi, kiểm soát và điều chỉnh và điều chỉnh, phương thức và giá chào bán cho nhà đầu tư và điều kiện không được mua đầu tư mua với phương án đã được thông qua.
4. Chủ động xây dựng và điều chỉnh phương án sử dụng vốn tài trợ của công nhân được. Chủ động điều chỉnh việc phát hành, sử dụng nguồn vốn hợp pháp được cho phát hành với danh sách thực tế. Sơ lược của Công ty không phải đưa báo thông báo phát hành Đại hội đồng cổ đông của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo HĐQT các nước về các vấn đề liên quan đến việc phát hành.
5. Thực hiện công bố tài trợ cổ phiếu phát hành nhân tại Tổng công ty Lưu ký và Bảo quản Chứng khoán Việt Nam, việc xử lý công bố phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với việc công bố tài trợ cổ phiếu phát hành được phát hành nhân theo một quá trình liên tục.
6. Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty và nội dung của Công ty liên quan đến việc duy trì cổ phiếu, tài trợ cổ phiếu công bố tài trợ cổ phiếu, sử dụng thu được (chính thức nhân giữ tài trợ nhân và công bố tài trợ cổ phiếu công bố tài trợ công bố tài trợ công bố tài trợ công bố tài trợ).
7. Thông qua phương án điều hành việc công bố tài trợ cổ phiếu đáp ứng quy định về tự tin và các nước ngoài.
8. Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty để tuân thủ việc chào bán nhân cổ phiếu, công bố tài trợ công bố tài trợ công bố tài trợ.

Kính trình HĐQT đồng ý phương án chào bán nhân cổ phiếu và công bố tài trợ công bố tài trợ theo năm 2024.

Tên họ:

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2024

TH. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Ông Nguyễn Văn Tuấn



BỘ VĂN BẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT
Số/Phân/ĐKKD-GMD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Về việc phê duyệt triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 và Phương án sử dụng vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 33/2020/QH14 ngày 17/06/2020
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 38/2018/QH14 ngày 29/11/2018
- Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 21/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 11/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công bố đại chúng và báo cáo cách công bố đại chúng
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Gemadept
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 100/NQ-ĐHĐCĐ-GMD ngày 25/6/2024 của Công ty cổ phần Gemadept
- Căn cứ Báo cáo hợp đồng số 001/BH-HỢP-ĐHĐ ngày 02/07/2024 của Hội đồng quản trị

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Phê duyệt triển khai chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 của Công ty cổ phần Gemadept đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024. Chi tiết như sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Gemadept
2. Mã chứng khoán: GMD
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng số cổ phiếu dự phát hành: 118.486.957 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 318.486.957 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu chào bán: 163.493.652 cổ phiếu
9. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.634.936.552.000 đồng

10. Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 4.135.000.000 đồng.

11. Giá chào bán: 29.000 đồng/cổ phiếu.

12. Cơ sở xác định giá chào bán: Giá chào bán được tính dựa trên các:

- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2023; theo BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán là 28.550 đồng/cổ phiếu.
- Giá thị trường (giá đóng cửa) tại ngày 05/05/2024: 33.300 đồng/cổ phiếu.

Giá trị vào giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu Comasoft nêu trên, chủ yếu vào chiến lược phát triển và nhu cầu tăng vốn của Comasoft; lý do chính có đóng góp bổ và đóng góp cho cơ phát triển của Comasoft và đảm bảo tính thanh khoản cho các chủ sở hữu, HĐQT đã đề xuất giá chào bán là 29.000 đồng/cổ phiếu. HĐQT thường niên năm 2024 đã quyết định thông qua mức giá chào bán này.

13. Số tiền dự kiến thu được: 1.061.373.948.000 đồng.

14. Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/bổ trợ ứng cổ phiếu đang lưu hành) dự kiến: 33,33%.

15. Nội dung chào bán: Cổ đông hiện hữu của Comasoft có tên trong danh sách tại ngày đăng ký mời mua chỉ định sách cổ đông để mua bổ trợ quyền mua cổ phiếu do Tổng Công ty Lưu ký và Hồ trữ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định.

16. Phương thức chào bán: Chào bán theo cổ đông hiện hữu theo phương thức trực tiếp quyền mua.

17. Tỷ lệ mua bổ trợ quyền: Tỷ lệ mua bổ trợ quyền mua là 1:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

18. Nguyên tắc xác minh: Số cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm trên sổ đăng ký mua và phần bù tiếp phát (nếu có) sẽ được công lập lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu bù và số phiếu không phân phối hết nêu tại mục 19.

YẾU: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để mua bổ trợ quyền, cổ đông A sở hữu 100 cổ phiếu trong tổng với 100 quyền mua cổ phiếu mới. Với tỷ lệ mua bổ trợ quyền là 1:1, cổ đông A sẽ được quyền mua $100 \times 1 = 100$ cổ phiếu mới. Như vậy, sau nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ đông A được quyền mua 14 cổ phiếu; 0,2 cổ phiếu là sẽ được công lập lại và xử lý theo phương án xử lý cổ phiếu bù và số phiếu không phân phối hết nêu tại mục 19.

19. Phương án xử lý cổ phiếu bù và số phiếu số phiếu không phân phối hết (nếu có):

19.1. Cổ phiếu bù và số phiếu không phân phối hết học gồm:

- (i) Cổ phiếu bù phát sinh do làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
- (ii) Số lượng cổ phiếu do cổ đông từ chối mua;
- (iii) Số số phiếu chính sách phát sinh giữa số lượng cổ phiếu chào bán (100.000.000 cổ phiếu) và số lượng cổ phiếu thực tế chào bán theo tỷ lệ mua quyền.

19.2. Xã hội đối với Cổ phiếu là và cổ phiếu không phải phải hết (như sau)

- (i) Hội đồng quản trị các doanh nghiệp, các chuyên gia tài chính cho cổ đông hiện hữu hoặc chủ đầu tư bên ngoài với điều kiện thanh toán, điều kiện về giá, điều kiện về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư không thanh lý hạn an với điều kiện thanh toán cho cổ đông hiện hữu.
 - (ii) Việc phát hành cổ phiếu là và cổ phiếu không phải phải hết cho cổ đông hiện hữu hoặc chủ đầu tư bên ngoài chỉ đáp ứng các điều kiện sau:
 - Điều kiện quy định tại Điều 109 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QĐ-ND: "Công ty ưu tiên được đầu tư mua cổ phiếu, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của công ty mẹ không được đồng thời cũng góp vốn mua cổ phiếu để trở nên chủ đầu tư".
 - Điều kiện tuân thủ quy định tại Điều 43 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - (iii) Số lượng cổ phiếu là và cổ phiếu không phải phải hết được thanh toán cho cổ đông hiện hữu hoặc chủ đầu tư bên ngoài (nếu có) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
20. Phương thức phát hành: Theo phương thức đặc biệt quyền.
 21. Chuyển nhượng quyền mua Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng việc danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho người khác trong thời gian quy định. Quyền mua cổ phiếu chào bán thêm chỉ được phép chuyển nhượng một (01) lần. Người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho người thứ 2. Số chuyển nhượng và hạn nhận chuyển nhượng bị đưa thanh toán giá chuyển nhượng và danh sách tên chuyển nhượng.
 22. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng với trường hợp quy định tại mục 19). Các cổ đông trong thời gian hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phiếu và số lượng cổ phiếu mua thêm từ quyền mua này không bị hạn chế chuyển nhượng.
 23. Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến trong năm 2024. Hạn chế được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Công ty sẽ hạn chế công bố thông tin và phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật.
 24. Tỷ lệ chào bán thành công sẽ được không áp dụng do số tiền huy động từ đợt chào bán không sử dụng để thực hiện dự án.
 25. Đăng ký bổ sung và niêm yết bổ sung cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành thêm của Công ty cổ phần Genescript sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bảo vệ Chứng khoán Việt Nam và được đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của pháp luật.

20. Phương án đầu tư chi trả thêm cổ phiếu theo quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 47,88% tại thời điểm 31/05/2024. Theo văn bản số 133/HCHC-PTT ngày 01/06/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Gasweld là 49%.

Công ty sẽ phân Gasweld theo hình thức đang các hợp pháp theo quy định của pháp luật về giới tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi đạt hạn chót hạn chứng khoán ra công chúng đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán năm 2019 và Điều lệ của Công ty.

Để ưu đãi chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024, thì sẽ có đóng góp vốn của các nhà đầu tư trong Danh sách cổ đông tự nguyện chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua được thực hiện quyết toán của nhà. Từ số tỷ cổ phiếu là và cổ phiếu thông phần phát hành, Công ty sẽ chào bán cho các nhà đầu tư trong nước, không chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định.

Điểm 2: Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 theo nội dung Nghị quyết số 09/NQ-HDCH-GND ngày 25/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Cụ thể như sau:

- Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 1.001.775.938.900 đồng. Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền dự kiến huy động được từ đợt chào bán để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty theo các mục đích với thứ tự ưu tiên gồm như sau:

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (Đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Mua sắm tài sản cố định	2.111.000.000.000	
	Mua 03 tàu biển trong đó có hàng 1800 TEU	1.130.000.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
	Mua 02 tàu STX với năng suất 45 tấn	554.500.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
	Mua 07 xe tải siêu tải 24T TEU	208.500.000.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
2	Trả nợ vay ngắn hạn	238.424.000.000	
	Trả một phần nợ vay gốc (trả gần cả đầu hạn và trước hạn) cho Ngân hàng TMCP MTX Standard Việt Nam	174.028.720.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
	Trả một phần nợ vay gốc (trả gần cả đầu hạn và trước hạn) cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	64.395.279.780	Quý 4/2024 - Quý 1/2025

STT	Mục đích	Số của dự kiến (tỷ đồng)	Thời điểm giải ngân dự kiến
3	Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nam Minh Vũ (công ty con của Gemadep) từ năm 2020 đến đầu 1/2 để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh và trả nợ ngân hàng	257.741.908.000	Quý 4/2024 - Quý 1/2025
Tổng cộng		3.041.371.908.000	

- Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu không phân phối hết: Trong trường hợp khi thời điểm giải ngân hết theo quy định, Công ty không thanh toán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, sẽ thanh toán những khoản tiền đã được ĐHKTT thông qua, tự chịu trách nhiệm thực tế. Hội đồng quản trị sẽ thanh toán các giải pháp như sau:
 - (i) Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán các số cổ phiếu còn lại đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
 - (ii) Tiến hành bổ sung nguồn vốn cho thời thông qua các kênh khác nhau như vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp, các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty để được tiến hành kế hoạch đã đặt ra.

Điều 3: Thông qua phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty là 47,84% tại thời điểm 28/05/2024. Theo văn bản số 1333/ĐCK-PTTT ngày 01/06/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Gemadep là 49%.

Công ty cổ phần Gemadep cam kết sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về giải tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán năm 2019 và Điều lệ của Công ty.

Đối với đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024, tất cả số đăng ký mua cổ tức trong Danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua được thực hiện quyền mua của mình. Khi có sự có phiếu bị ra cổ phiếu không phân phối hết, Công ty sẽ chào bán cho các nhà đầu tư trong nước, không chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định.

Điều 4: Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty kiêm Người đại diện theo Pháp luật hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền từ nước chủ đạo, tiến hành ký kết các văn bản liên quan bao gồm cả các văn bản giải trình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) để hoàn tất đợt chào bán, đăng ký Sổ vàng cổ phiếu, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu và thay đổi văn điều lệ theo tiêu chuẩn nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 5: Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng chức năng và liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Các thành viên HĐQT,
- Ban Điều hành,
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC VỤ: TỔNG GIÁM ĐỐC


ĐỖ VĂN NIÊN





THE WAY FORWARD

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày: 24 tháng 05 năm 2024.

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG BIÊN LỆ.....	1
Điều 1. Các thuật ngữ.....	1
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	3
CHƯƠNG IV: VỐN ĐỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phần.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, thông báo họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và bầu quyết toán tập thể cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn.....	37
CHƯƠNG XIII: CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	37
Điều 45. Phân phối lợi nhuận.....	37
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	38
Điều 46. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 47. Năm tài chính.....	38
Điều 48. Chế độ kế toán.....	38
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯƠNG HIỆN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG ĐỘ THỐNG TIN	39
Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sơ sớ hàng và quý.....	39
Điều 50. Báo cáo thương hiệu.....	39
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	39
Điều 51. Kiểm toán.....	39
CHƯƠNG XVII: CÁN ĐẠC	40
Điều 52. Cán đốc.....	40
CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG SẴN THÀNH LÝ	40
Điều 53. Chấm dứt hoạt động.....	40
Điều 54. Giải hạn hoạt động.....	40
Điều 55. Thanh lý.....	41
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	41
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	42
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghệ ("Công ty"). Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐNH của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 09 năm 2023.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Các thuật ngữ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- (a) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phiếu của Công ty;
- (b) "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phiếu đã trả và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- (c) "Văn phòng điều hành" là văn phòng, được do người có thẩm quyền điều hành và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (d) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 98/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- (e) "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 38/2018/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2018;
- (f) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- (g) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các chức danh quản lý khác do Tập đoàn quản trị bổ nhiệm;
- (h) "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các nhân sự chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- (i) "Người có thẩm quyền" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- (j) "Cổ đông lớn" là cá nhân được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;
- (k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- (l) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ (nếu một hoặc một số quy định hoặc văn bản pháp luật khác liên quan) không có định nghĩa của pháp luật.

3. Các nội dung (nếu có) khác của Điều lệ này được ưu tiên trước những nội dung nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mục 1. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT.
- Tên tiếng Anh: GEMADEPT CORPORATION.
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT.

2. Công ty hoạt động vì lợi ích xã hội và môi trường theo hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở chính và văn phòng đại diện của Công ty là:

- Địa chỉ số 200-4-6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 84-28-38 236 236.
- Fax: 84-28-38 236 236.
- E-mail: info@gemadep.com.vn
- Website: www.gemadep.com.vn
- Nền tảng thương mại (Logo)



THE WAY FORWARD

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trụ sở chính đặt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 32 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 33 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ tính từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định phải hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều lệ này.
3. Người đại diện chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và cộng đồng về các hoạt động quản trị quyền hạn được phân bổ của vị trí của mình và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Bảng 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường biển Chi tiết: Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải hàng hóa biển bằng container và các dịch vụ liên quan, hoạt động nhận và đại lý và vận gửi hàng biển.	4011 (23000)
2.	Sau xuất nhập khẩu khác từ vận tải (trừ tài sản cố định, quyền sử dụng tài sản)	3012
3.	Tổng công ty vận tải	9120
4.	Tổng trung và chi nhánh công ty	0210
5.	Vận tải hàng hóa vận biển và vận đường Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường biển.	5012
6.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường sông.	5022
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp các vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao nhận hàng hóa bằng đường biển.	5320
8.	Đầu xếp hàng hóa Chi tiết: Đầu xếp hàng hóa đường biển; Đầu xếp hàng hóa cảng biển; Đầu xếp hàng hóa sông-sông.	5224
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.	5329
10.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ hàng không Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống.	5510
11.	Đông chủ và chủ vận tải Chi tiết: Đông chủ, chủ của các phương tiện vận tải hàng-huyền (đội) với động cơ, các thiết bị phương tiện vận tải đường biển và hoạt động liên quan để đưa kiện hàng doanh thương qua-địa chỉ phát hành và không hoạt động hỗ trợ vận tải.	5011

12.	Nập dụng công nghệ thuật sản xuất khác Chi tiết: Sản dụng công nghệ, sản xuất, công nghệ sản xuất công nghệ khác.	4299
13.	Sản xuất máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Máy hàn (còn-continues)- máy cưa- thiết bị công cụ.	4399
14.	Hoạt động và hoạt động từ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh lưu đồ lịch và các hoạt động từ khác (trừ kinh doanh thời trang, cửa hàng, khách sạn (không hoạt động từ và vận).	6029
15.	Kinh doanh vận động cơ, phần tử động cơ được chế tạo từ kim, thép và hợp kim của thép. Chi tiết: -Đầu tư và khai thác công nghiệp; -Đầu tư xây dựng và khai thác khai công nghiệp, khai thác mỏ; -Đầu tư xây dựng (trừ đầu tư và các hoạt động từ khác từ lịch sinh thái, cửa hàng, khách sạn).	6119
16.	Hoạt động từ vận chuyển (trừ vận chuyển, từ vận tải thủy và vận tải hàng không)	7420
17.	Nghiên cứu và phát triển và phát triển khác Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển (trừ dịch vụ nghiên cứu và phát triển)	7129
18.	Cho thuê vận tải đường bộ	7710
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng tiêu dùng khác Chi tiết: Cho thuê (còn-continues)- máy cưa- thiết bị công cụ.	7790
20.	Lắp ráp máy vi tính Chi tiết: Sản xuất phần mềm; Dịch vụ lắp ráp phần mềm; Dịch vụ tư vấn phần mềm và tư vấn hệ thống; Dịch vụ phần mềm hệ thống; Dịch vụ thiết kế hệ thống; Dịch vụ lắp ráp (CPC 842)	8109
21.	Tư vấn máy vi tính và quản lý hệ thống máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ tư vấn liên quan đến lắp đặt phần cứng máy vi tính (CPC 841)	8212
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Các dịch vụ máy tính khác; Dịch vụ chuyển đổi dữ liệu (CPC 809)	8209
23.	Sửa lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Dịch vụ sửa lý dữ liệu (CPC 840)	8231

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- a) Xây dựng GIỚI THIỆU thành một tập đoàn kinh tế đa ngành và đa quốc gia theo hướng Công - Thương, với sự phát triển đầy đủ các ngành kinh tế, tạo ra giá trị gia tăng cho đất nước, doanh nghiệp và các tác động kinh tế xã hội khác nhằm thực hiện sứ mệnh phát triển bền vững.
- b) Tạo ra hòa lợi cho các chủ thể Công ty và các cơ sở kinh tế khác có mối quan hệ với Tập đoàn kinh tế, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của quốc gia.
- c) Mở rộng mạng lưới và các hoạt động kinh tế xã hội khác nhằm thực hiện sứ mệnh phát triển bền vững.
- d) Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo giữa lợi ích kinh tế và tạo ra môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.
- e) Tiếp tục xây dựng các nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng của đất nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành thi công các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề mà Công ty đã được công bố trong Công đồng (mở đầu 1) doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật, kinh tế và đảm bảo các điều kiện thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 đồng (một nghìn một trăm tỷ đồng) của năm năm đầu hoạt động, trừ chi phí theo quy định pháp luật.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 110.000.000 (một trăm mười triệu) bản cổ phần mệnh giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) của năm năm đầu hoạt động (mười triệu đồng) cổ phần với mệnh giá là mười triệu (10.000.000) đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ theo Điều lệ đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thành lập theo Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của các loại cổ phần được quy định tại Điều 13, Điều 15 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác theo Điều lệ và quy định pháp luật của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chia lãi của các cổ đông (nếu có) theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ số bản cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, và trước khi Đại hội đồng cổ đông

quyền được khác, thì có phần cổ đông không đồng ý mua lại sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối sẽ cổ phần của các cổ đông theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán sẽ cổ phần đã mua của nhà đầu tư hoặc lại mua lại với những điều kiện đã thỏa mãn cho các cổ đông hiện hữu và tương tự với phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán Đà Nẵng theo pháp luật.

6. Công ty sẽ để mua cổ phần của cổ đơ Công ty để phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chuyển nhượng chúng, miễn là bán phù hợp với Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phần

1. Chứng của Công ty được cấp chứng nhận cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần có bán.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bất luận ghi số hoặc không ghi số xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 (mười) ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ để nhận chứng nhận quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 90 (chín) tháng (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo các quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phần. Người sở hữu số phần không giải thích cho Công ty chỉ phí in chứng nhận cổ phần.
4. Trường hợp số phần bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại được biết thông tin thì sẽ được Công ty cấp lại số phần theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - (a) Thông tin về số phần đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức nào;
 - (b) Các kê khai xác nhận việc số chứng nhận chấp phát sinh từ việc cấp lại số phần.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này có quy định về quy định khác. Cổ phần được yêu cầu ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hàng hóa quyền lợi liên quan đến quyền nhận cổ tức, quyền nhận số phần gốc hoặc để tăng vốn cổ phần từ người nhận đủ số tiền, quyền nhận số phần mới được bán hoặc quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Thủ tục cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ số đồng hạn chế của phần vốn để mua cổ phần, Hội đồng quản trị được báo cáo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cũng với lãi suất tính khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Trường hợp được nêu trong điều khoản này áp dụng cho thời hạn thanh toán vốn của cổ phần là ngày (07) ngày kể từ ngày gọi đóng tiền, áp dụng khoản này và được báo phát chỉ số trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần được thanh toán hết số bị trừ hết.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ số đồng hạn chế trong hợp các phần của công đồng hạn chế của công đồng được thanh toán.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền giao bán ngay được tự khoản 3 Điều 133 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, số phần phải theo những điều kiện và các điều khoản Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải có trách nhiệm chi trả mọi những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm thanh toán với công đồng gọi cổ phần đã công bố mua bán với người ủy bán trước của Công ty phải thanh toán thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày được thanh toán Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc công bố thanh toán trên thị trường cổ phần vào thời điểm thu hồi.
6. Trường hợp thu hồi được gọi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi, việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gọi đóng tiền.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản trị, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban giám đốc;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.



(c) Yêu cầu thanh toán với khoản nợ tăng của đề nghị liên quan đến quyền tự do hành động đồng của Công ty và các tài sản của mình. Yêu cầu phải (a) liên quan đến việc mua và bán, thu, chi của thường trú, quốc tịch, và (b) liên quan đến việc mua, bán, chuyển nhượng tài sản. Hệ thống hoặc chứng thực và thanh toán phải được thực hiện với công đồng là cá nhân, tức, một số doanh nghiệp hoặc số quốc tịch khác nhau. Điều chỉ áp dụng chính đối với công đồng là cá nhân; và bằng số phần và tài sản không bị số phần của công đồng, tăng số số phần của cá nhân công đồng và tỷ lệ số phần trong công đồng của Công ty, yêu cầu của khoản nợ, mua bán khác nhau.

(d) Các quyền thanh toán quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Công đồng hoặc nhóm cổ đông có hơn 50% (một phần năm) tổng số số phần phải thông tin đến số quyền để số người của Hội đồng quản trị, bao gồm với thêm quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này. Các số đông phải thông tin danh sách của số người của Hội đồng quản trị và Bản kế hoạch phải thông tin về việc hợp nhất của các số đông dự họp bất trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phải thông tin các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty, chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Không được rút vốn đã góp bằng số phần phải thông tin theo Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại số phần. Trường hợp rút vốn đồng từ một phần hoặc một bộ của số phần đã góp trừ một quy định tại khoản này thì cổ đông đề nghị người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cung cấp một văn bản minh chứng về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giới hạn số phần bị rút vốn và các khác biệt này ra.
3. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều 11 công ty và phải bảo đảm chỉ số đông thông tin được cung cấp để được hiện và bảo vệ quyền lợi lợi ích hợp pháp của nhiều người của phần tài sản của, giới thông tin được Công ty cung cấp cho cá nhân, cá nhân khác.
4. Thực hiện các hợp Đại hội đồng cổ đông và hợp thực quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hợp các quyền, số phần được số hoặc khác theo điện tử khác;
 - (d) Các phần biểu quyết đến cuộc họp đồng qua thư, fax, thư điện tử.
5. Thanh toán lãi và đang đại hợp số số phần của mình.
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua số phần.

7. Hoàn thành các thủ tục vụ kiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
8. Chấp hành các yêu cầu của các văn bản Công ty được truy xuất hoặc đã đưa ra khi một trong các hành vi sau đây:
 - (a) Vi phạm pháp luật;
 - (b) Tội vi phạm kinh doanh vì các giao dịch khác đã là lợi hoặc phải trả lợi ích của nó khác, và khác khác;
 - (c) Thêm vào các Điều khoản của hợp đồng các nội dung khác khác với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức một năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Người cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Mọi phiên họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là hợp lệ chỉ tại điểm họp và phải có mặt ít nhất Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và họp khác của công ty theo Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được quy định tại pháp luật và Điều lệ Công ty. Mọi một thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán của công ty và các khoản nợ và thanh toán. Trường hợp năm tài chính năm tài chính của công ty có các khoản nợ và thanh toán trong năm, 3 (ba) khoản nợ và thanh toán hoặc là khác, Công ty phải triệu tập họp cổ đông. Mọi một được chấp thuận theo báo cáo tài chính năm tài chính của Công ty của họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và dự toán của năm tài chính năm được chấp thuận của năm tài chính năm được họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - (a) Hội đồng quản trị nhận thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - (b) Bản cáo bạch công ty, sau (sau) thông báo tài sản và tài chính năm tài chính năm được kiểm toán phải trình báo cáo và báo cáo tài chính năm tài chính năm (1/2) và các số khác;
 - (c) Kể thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban chấp hành công ty, thành viên Ban chấp hành công ty được ủy quyền bởi thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - (d) Cổ đông hoặc thành viên có quyền quyết định tại Điều 3 Điều 13 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được trả tiền bằng các tài sản, trong đó có số ít ít ít và mọi một khác khác, và đủ một kỳ của các cổ đông hiện quản hoặc vào tài sản của công ty thành phần của và Đại hội đồng cổ đông của các cổ đông cổ đông khác.

(c) Bản chất của nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa được thực hiện theo đúng các điều kiện của Hợp đồng mua bán hàng hóa và các điều kiện của Hợp đồng mua bán hàng hóa và các điều kiện của Hợp đồng mua bán hàng hóa.

(d) Các điều kiện mua bán hàng hóa được thực hiện theo đúng các điều kiện của Hợp đồng mua bán hàng hóa.

4. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường

(a) Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Hợp đồng mua bán hàng hóa được thực hiện theo đúng các điều kiện của Hợp đồng mua bán hàng hóa và các điều kiện của Hợp đồng mua bán hàng hóa.

(b) Trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện Hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 4 khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện, Hội đồng quản trị phải thay thế Hội đồng quản trị trước tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

(c) Trường hợp Đại hội đồng cổ đông triệu tập tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện, Hội đồng quản trị phải thay thế Hội đồng quản trị trước tập hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập tập hợp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giải quyết tranh chấp và tạm ngừng thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa của Đại hội đồng cổ đông. Từ cơ chế giải quyết tranh chấp và tạm ngừng thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa được Công ty nắm giữ. Cơ chế này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thực hiện và thông qua

- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;
- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phổ thông và Loại Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không bao gồm tiền lãi của Hội đồng quản trị cổ đông mà chỉ là phần lợi nhuận của cổ đông và Đại hội đồng cổ đông.

- (d) Sử dụng danh sách các tài sản (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát).
 - (đ) Phát triển danh sách công ty khác của các đơn vị thành viên quyết định công ty khác nào được chia thuận từ lợi nhuận của các đơn vị công ty để sử dụng vốn đầu tư.
 - (e) Báo cáo tài chính, tài sản và nợ phải trả được trình bày với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - (f) Thông số tài chính, doanh số của lợi nhuận khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
 - (g) Báo cáo và văn bản Điều lệ Công ty.
 - (h) Phát triển quy chế quản trị nội bộ, quy chế báo cáo Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
 - (i) Lưu trữ phân bổ công nợ và phân bổ thu nhập lợi nhuận quyết định khác.
 - (k) Chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
 - (k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chi trả người thanh lý.
 - (l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông.
 - (m) Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán bỏ tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 33% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.
 - (n) Quyết định mua hoặc bán 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại.
 - (o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - (p) Hệ thống phòng an toàn bảo vệ phần mềm dữ liệu và chính sách tài chính kinh doanh khác.
 - (q) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông không được đưa ra bộ phận trong các trường hợp sau đây:
- (a) Thông tin của hợp đồng giao dịch bị khóa? Điều này khi cổ đông đã hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
 - (b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đã hoàn của người có liên quan tới cổ đông đó có trước hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ số vốn của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khác trên thị trường để tránh khóa hoặc chốt mua sáng hoặc theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông tự quyền được dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về thị trường chứng khoán, không hạn chế số lượng. Trong hợp lệ nhất hạn một người đại diện tham dự quyền thì phải có danh xưng là cổ phần và số phần này được tự quyền của một người đại diện.
2. Việc tự quyền của người tự mình dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - (a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người tự quyền thì giấy tự quyền phải có chữ ký của cổ đông cá nhân và của người đại diện theo pháp luật của tổ chức được tự quyền dự họp;
 - (b) Trường hợp cổ đông cá nhân là người tự quyền thì giấy tự quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức được tự quyền dự họp;
 - (c) Trong trường hợp khác thì giấy tự quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được tự quyền dự họp.
 - (d) Người được tự quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản tự quyền đã được ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người tự quyền ký giấy chỉ định người đại diện, văn chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đã được một nhân chứng với giấy tự quyền của luật sư (nếu nhân chứng đang ký với Công ty).
4. Tất cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, phần bản quyết của người được tự quyền dự họp trong phạm vi được tự quyền vẫn có hiệu lực kể từ ngày ra một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Người tự quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (b) Người tự quyền đã hợp hôn việc chỉ định tự quyền;
 - (c) Người tự quyền đã hợp hôn hoặc quyền của người thay mặt việc tự quyền;
 - (d) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về việc thay các vụ kiện của nhân giữ chức vụ của người tự quyền dự họp trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền theo nội dung của văn bản có phần ưu đãi về tiền lãi khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 03% cổ phần phải bằng tham dự họp thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung thay đổi hết tự quyền và nghĩa vụ của cổ đông cá nhân có phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được 50% cổ đông ưu đãi cũng loại bỏ hợp lệ là 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại bỏ ưu đãi thì trở thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cũng loại bỏ ưu đãi 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại bỏ ưu đãi trở lại trở thành trong trường hợp bằng quyết nghị quyết được ban chấp hành y kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cơ đồng năm giữ một mặt có phải có đủ số bằng qua các đây để quyết tâm như chỉ có giữ và làm với các điều kiện (20) có bằng (trước của chủ được áp dụng của hai và năm giữ và điều kiện phải là (27) giữ và một giữ các có phải làm đủ để phải làm. Trường hợp không có đủ số để làm của các năm để cuộc họp được tổ chức lại trong vòng hai tuần (02) ngày sau đó và không người năm giữ có phải được làm để (không phải được của số bằng năm và số có phải) có một sự tiếp tục trong quá dài như được áp dụng của điều kiện của là để số bằng để phải giữ của Tại các cuộc họp của cơ đồng năm giữ có phải năm năm năm, không người năm giữ có phải được làm để và một sự tiếp hoặc qua người đại diện có thể giữ của là phải làm. Mỗi cơ phải trong loại và quyết tâm quyết định bằng của là các cuộc họp của năm.
3. Tài sản của khách của cuộc họp riêng biệt của này được lập tiền trong tài sản của sự liên hệ Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều 22 này.
4. Từ khi các điều kiện phải làm có phải quy định khác, các quyền của hội giữ của của các loại có phải có quyền ra để để với một số hoặc từ ra của của để làm qua các việc phải phải từ ngoài hoặc từ của của Công ty hoặc từ Công ty phải làm được các có phải trong năm.

Điều 18. Việc tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7 khoản 1 Điều 14 Điều 15 này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - (a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đã đăng ký tên tham gia và báo quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gọi thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố danh từ về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông từ trước 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - (b) Chuẩn bị chương trình nội dung đại hội;
 - (c) Chuẩn bị tài liệu của đại hội;
 - (d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - (e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định này và thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tiếp;
 - (f) Thông báo và gọi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp, lập các công việc khác phục vụ Đại hội;
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương tiện báo dân, bằng thư điện tử hoặc bằng đường tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, từ giờ làm việc thông thường. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo triệu tập họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai ngày

nhà (T) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày mà không báo được gọi hoặc chưa trả đủ một chiếc hợp lệ, được coi như đã báo được gọi vào hội nghị. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được thảo quyết tại hội nghị được gửi kèm các cổ phiếu và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp có hợp lệ không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến văn bản tài liệu họp hoặc cổ phiếu và tài liệu của hợp lệ.

(a) Chương trình họp, các tài liệu và thông tin hợp lệ;

(b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

(c) Hình ảnh quyết;

(d) Mẫu sơ đồ biểu thị được tham dự quyết tại họp;

(e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc thành cổ đông tham dự họp được tự trình bày ý kiến và quyền biểu quyết của họ về các vấn đề chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Khiếu nại phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất từ 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Khiếu nại phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú hoặc tạm, số Thẻ với chức năng dấu, Giấy chứng nhận nhận dấu, Hồ sơ lưu trữ chứng thực có chữ ký pháp nhân của cổ đông là cá nhân, tên, số và danh nghĩa hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số chứng chỉ đăng ký loại cổ phiếu cổ đông đã nhận, và nội dung khiếu nại đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối khiếu nại quy định tại khoản 4 Điều này nếu được các trong các trường hợp sau:

(a) Khiếu nại được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ chứng cứ chứng minh;

(b) Vào thời điểm khiếu nại, cổ đông hoặc thành cổ đông không nắm đủ đủ từ 1% số phần phổ thông có lực trong thời gian làm tại ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính đến ngày 31 Tháng 12 của kỳ tiếp;

(c) Vấn đề khiếu nại không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(d) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa khiếu nại quy định tại khoản 4 Điều này vào dự thảo chương trình và nội dung cuộc họp. Trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, khiếu nại được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện của thành lập Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đạt ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Cổ đông được mời là chủ tịch và thành viên của cuộc họp là Giám đốc và thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.

2. Trường hợp không có danh lượng đại biểu của một trong các bên (Cổ phần bị từ chối hoặc các thành viên của Đại hội, người triệu tập họp trái luật hợp tác). Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đạt mức ít nhất 1/10 tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu của một trong các bên (Cổ phần bị từ chối hoặc các thành viên của Đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai). Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được gọi là họp bất thường và quyết định tất cả các việc đã dự kiến được trình chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên.

Điều 28. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết trực tiếp tại một họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi tiến hành cuộc họp, Công ty phải nêu danh tại danh kỳ chỉ định và phải tham khảo tập danh kỳ của địa phương có đóng và quyết định họp có một danh kỳ bất kỳ của người triệu tập họp lần cuối họp theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.
2. Khi tiến hành danh kỳ chỉ định, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một lá phiếu quyết, nêu rõ giá trị danh kỳ, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số lá phiếu thành nghị quyết được đưa vào, số lá phiếu bất nghị quyết được đưa vào, cuối cùng được tổng số phiếu của thành họp phải đủ để quyết định. Tổng số phiếu của thành, phân số, lá phiếu rỗng hoặc không hợp lệ được tổng của đủ được. Chủ tọa đồng hội nghị tại khi tiến hành biểu quyết của đại hội. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Bộ thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định chọn cử đồng ý của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của các bên cuộc họp là thời gian có quyền danh kỳ ngày và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngày sau khi danh kỳ. Chủ tọa đồng có trách nhiệm đồng đại hội để cho cổ đông đưa vào danh kỳ và tập lại của danh kỳ đồng đủ được tiến quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Đại hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị của họ bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo người đề cử của họ. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát bầu thành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số cổ đông, người dự họp và người có phần biểu quyết của họ chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người triệu tập triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải triệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phần biểu quyết nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung việc hợp tác được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên Đại hội. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết nội dung để với từng vấn đề trong nội dung chương trình hợp tác.
4. Chủ tọa Đại hội và Thủ tịch Hội đồng quản trị phải được thông báo hợp tác Đại hội đồng cổ đông một cách kịp thời, rõ ràng, làm chương trình đã được thông qua và phân bổ được trong phiên họp của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tọa Đại hội và Thủ tịch Hội đồng quản trị phải có mặt tại phiên họp của Đại hội đồng cổ đông để có đủ số lượng đại biểu của hợp tác xã tham gia triển khai khoản 3 Điều 149 Luật doanh nghiệp.
6. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chấp hành nhiệm vụ hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp là khác. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ nhiệm vụ hoặc các biện pháp an ninh của Hội đồng quản trị, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị phải có mặt tại phiên họp và quyết định hoãn hoặc tạm hoãn cổ đông hoặc đại diện của Hội đồng quản trị.
7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - (a) Đẩy lùi chủ nghị tại Đại hội đồng cổ đông;
 - (b) Hạn chế an toàn cho mọi người có mặt tại các phiên họp;
 - (c) Tạm hoãn việc của cổ đông được ủy quyền tiếp tục tham dự Đại hội. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi chương trình họp của Hội đồng cổ đông để có các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc áp dụng những hình thức áp dụng khác.
10. Trong trường hợp việc hợp tác Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp an ninh, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải xác định địa điểm Đại hội và các:
 - (a) Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong bằng báo về chủ tọa Đại hội và mọi người ("Địa điểm chính của Đại hội");
 - (b) Hệ thống an ninh để thông cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia triển khai theo địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp an ninh theo Điều khoản này.
11. Trong Điều lệ này trừ các biện pháp an ninh khác, mọi cổ đông được mời là thành viên Hội đồng quản trị của Đại hội.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức dưới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền.

Điều 21. Thủ tục tổ chức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Đại hội đồng cổ đông và thể họp và biểu quyết theo hình thức trực tuyến. Mọi thành viên và biểu quyết trực tuyến của cổ đông được thực hiện trên hệ thống phần mềm do Công ty lựa chọn áp dụng ("Hệ thống phần mềm"). Kết quả biểu quyết của cổ đông được gọi Hệ thống phần mềm công bố và đại hội quyết biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Hệ thống phần mềm sẽ được cài đặt và được thực hiện đúng kỹ thuật để Đại hội trực tuyến bằng cách đăng nhập vào Hệ thống phần mềm theo các thông tin và hướng dẫn được cung cấp trước cuộc họp. Cổ đông đăng nhập thành công vào Hệ thống phần mềm thì được coi là đã tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Cổ đông được biểu quyết phân bổ, biểu quyết, biểu và thông qua Hệ thống phần mềm theo hướng dẫn được cung cấp trước cuộc họp. Cổ đông có quyền tham gia và biểu quyết trực tiếp tại thời điểm đăng nhập thành công vào Hệ thống phần mềm và được ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc biểu quyết của từng cổ đông hoặc ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc biểu quyết của Hội đồng quản trị cuối cùng ("Thời điểm kết thúc biểu quyết"). Cổ đông có đăng nhập thành công vào Hệ thống phần mềm nhưng không thực hiện việc bỏ phiếu trực tuyến hoặc bị ngắt kết nối vào Hệ thống phần mềm, thì ngưng, liệt danh bị trước. Thời điểm kết thúc biểu quyết tại Hệ thống phần mềm vẫn ghi nhận việc đăng ký bỏ phiếu của cổ đông và thông số đăng nhập được công bố bỏ phiếu sẽ được ghi nhận là không có ý kiến đồng ý và bất đồng với việc bỏ phiếu.
4. Trường hợp cổ đông đăng xuất khỏi Hệ thống phần mềm trước khi kết thúc chương trình đăng nhập lại hoặc kết nối lại được vào Hệ thống phần mềm trước. Thời điểm kết thúc biểu quyết thì cổ đông có thể tiếp tục bỏ phiếu của nội dung trên cơ sở Đại hội và biểu quyết (Chỉ những nội dung đã được biểu quyết trước đó không áp dụng).
5. Trường hợp việc sử dụng Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bị ngắt kết nối vào Hệ thống phần mềm, liệt danh bị trước. Hệ thống phần mềm, chỉ việc Đại hội sử dụng hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp để biểu quyết trong khoảng thời gian giữa họp với lịch họp được đề.
6. Trường hợp Công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo lịch trình họp họp trực tiếp và họp trực tuyến, cổ đông có được ghi nhận việc tham dự họp và kết quả bỏ phiếu theo một hình thức, tùy theo lịch trình mà được họp trực.

Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 50% số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết của họp có thành:
 - (a) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - (b) Loại bỏ phần và tăng số cổ phiếu của công ty;
 - (c) Tổ chức bộ và giải thể thành lập Công ty;

(d) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

(đ) Các điều khoản hoặc hạn chế của Công ty hoặc các chi nhánh có giới hạn hoặc trước hạn 20% số dư tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phải được kiểm toán qua Điều tài khoản 1 Điều 1 của Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, các quyết định khác của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phần trăm quyền của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tại thành.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay có hiệu lực và sẽ được thông qua nghị quyết đã thông được thực hiện đồng như quy định.

Điều 23. Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trình tự và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu gửi kèm dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đưa báo gửi, công bố rõ tên chi tiết cổ đông trong một thời gian hợp lý để mọi cổ đông quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Văn bản và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

(b) Mục đích lấy ý kiến;

(c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng số phần trăm tổng loại và số phần trăm quyền của cổ đông;

(d) Văn bản lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(đ) Phương án biểu quyết hoặc phân tích thành không tán thành và không số ý kiến để với tổng văn bản lấy ý kiến.

(Đ) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lý y kiến đã được bỏ qua

(c) Họ tên chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lý y kiến đã được và từ ngày có date ký của nó đang là số chính, hoặc người đại diện theo pháp luật của nó đang là số chính được bỏ qua, người đại diện theo pháp luật của nó chính được bỏ qua.

5. Phiếu lý y kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

(a) Gửi thư: Phiếu lý y kiến gửi về Công ty (địa chỉ: Tầng 10, Trung tâm Thương mại và Khách sạn được quyết định bởi Hội đồng quản trị).

(b) Gửi fax hoặc địa chỉ email: Phiếu lý y kiến gửi về Công ty qua fax hoặc địa chỉ email phải được gửi kèm đầy đủ các tài liệu kèm theo.

Các phiếu lý y kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại một trong các phiếu lý y kiến hoặc đã bị sai trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, địa chỉ email không hợp lệ. Phiếu lý y kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Đại diện của Hội đồng quản trị và người đại diện hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có nội dung như sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số số doanh nghiệp;

(b) Mục đích và các nội dung của lý y kiến đã được quyết định;

(c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

(d) Tổng số phiếu của chính, không tài chính và không có ý kiến của cổ đông với đề;

(e) Các vấn đề đã được thông qua;

(f) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải làm đơn chấp nhận nhiệm vụ một trong đơn, chính xác với biên bản kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và các phiếu biểu quyết kèm tài liệu quyết định được thông qua để kiểm phiếu không trong đơn; không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các số trong vòng mười (10) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trong thông tin địa chỉ, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc gửi tài liệu trong thông tin địa chỉ của Công ty trong vòng hai tuần kể từ thời gian, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Thỏa ủy ý kiến đã được trả lời, hoặc tạm hoãn phiên họp, nghị quyết đã được thông qua và sẽ tiếp tục đưa vào nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ở phiên họp tiếp theo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức ủy ý kiến về đồng ý, đồng ý có điều kiện hoặc được bỏ phiếu đồng ý hoặc 2/3 số thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội đồng ý.

Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung như sau đây:
 - (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (c) Chương trình họp và kết quả cuộc họp;
 - (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (e) Tên và địa chỉ của các thành viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
 - (g) Số cổ đông và tổng số phiếu bầu quyết định các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (g) Tổng số phiếu bầu quyết định với từng nội dung quyết định, trong đó ghi rõ phương thức bầu quyết định số phiếu hợp lệ, không hợp lệ và không xác định, không xác định và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng của tổng số phiếu bầu hợp lệ của cổ đông dự họp;
 - (h) Các nội dung đã được thông qua và tỷ lệ phiếu bầu quyết định của từng nội dung;
 - (i) Chức vụ của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký bị chất lý hoặc bầu họp từ biên bản này có hiệu lực nếu được thì có thành viên khác của Hội đồng quản trị được ủy quyền và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ nội dung của thư ký và chức vụ biên bản họp.
- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh dựa vào biên bản phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và biên bản của Hội đồng Quản trị bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm kiểm soát và công bố biên bản, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ giờ kết thúc của các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Điều hòa hợp Đại hội đồng cổ đông được ưu tiên bằng chứng thư thực và những công việc đi kèm của thành viên Hội đồng cổ đông trả lời có ý kiến thuận lợi về Hội đồng Quản trị được đưa ra theo đúng chế độ quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Điều hòa hợp Đại hội đồng cổ đông phải học hỏi kiến thức về công tác của Hội đồng cổ đông, vào học tập quyết tâm tự học và tự rèn luyện qua giải đáp học hỏi tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu học tập quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày được đưa ra biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả bầu cử Hội đồng cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị phải:
 - (a) Trình tự và nội dung học tập học hỏi về ý kiến cổ đông bằng văn bản và cơ chế giải quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản được thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, từ trường học quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này;
 - (b) Mỗi tháng phải quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trung tâm giải quyết tranh chấp lao động cá nhân bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc từ thời hạn quy định tại Luật tranh chấp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Công vụ, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã nêu trên được thực hiện xong, công vụ liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa ra từ lần họp Đại hội đồng cổ đông và công bố với thời hạn mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đúng thông tin đăng ký của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Công vụ Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lệ của các thông tin cá nhân được công bố và phải cung cấp các tài liệu khác về một cách trung thực cần được Hội đồng Quản trị Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung từ Điều sau đây:
 - (a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (b) Trình độ học vấn;
 - (c) Trình độ chuyên môn;
 - (d) Quá trình công tác;

- (g) Các công ty mà ông viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và quyền được bầu quản lý khác;
 - (h) Bản cáo bạch giá trị đóng góp của ông viên vào Công ty, hoặc những hình thức khác để hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - (i) Các lợi ích cá nhân quan hệ Công ty (nếu có);
 - (k) Họ, tên của tổ chức hoặc cá nhân đã đóng góp vào ông viên (nếu có);
 - (l) Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông nắm nhóm số đóng góp giá trị từ 10% đến dưới 20% cũng là cổ phần ưu quyền bầu quản được được miễn một (1) ông viên, từ 20% đến dưới 30% được miễn một (01) ông viên, từ 30% đến dưới 40% được miễn ba (03) ông viên, từ 40% đến dưới 50% được miễn ba (03) ông viên, và từ 50% trở lên được miễn ba (03) ông viên.
3. Trường hợp số lượng ông viên Hội đồng quản trị Công ty để cử và ông viên được bầu là bằng nhau thì, Hội đồng quản trị được quyền bỏ phiếu để cử hoặc bầu ông viên hoặc bỏ phiếu để cử theo một cách được Công ty quyết định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Các ông viên Hội đồng quản trị được cử hoặc bầu theo ông viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành để cử theo quy định pháp luật.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại một số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị như sau:
 Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và phải đảm bảo quy định sau:
 - (a) Có số ít nhất 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - (b) Có số ít nhất 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - (c) Có số ít nhất 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị không cần là chủ tịch thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - (a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp của nước ngoài hạn chế làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - (b) Có đơn từ chức;

- (b) Bị xử lý theo pháp luật vì hành vi vi phạm của Hội đồng quản trị có thành viên đang chấp hành chức vụ không bị người bị không còn chức vụ hành vi;
 - (c) Không được dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (d) Chịu quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (đ) Chịu áp dụng các chế độ xử lý kỷ luật của Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - (e) Chịu trách nhiệm theo pháp luật về phạm vi và Điều lệ công ty.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố bằng văn bản các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty. Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được công bố là thành viên Hội đồng quản trị tại tin tức thị trường công bố.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan cao nhất có quyền hạn về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị bao gồm:
 - (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ủy quyền hoặc thu hồi ủy quyền đối với Tổng giám đốc, người điều hành thực và quyết định các công việc;
 - (d) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - (e) Giám quyết các Điều lệ của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định bổ nhiệm đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các tài sản pháp lý của các người điều hành khác;
 - (g) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, chi phòng đại diện và văn phòng khác, sửa đổi phần của doanh nghiệp khác;
 - (h) Đề xuất việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Hội đồng quản trị;
 - (i) Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của ủy ban kiểm soát và các tiêu bản khác (nếu có) được thông qua Hội đồng quản trị;

(d) Quyết định hình thức tài chính của hợp tác xã: tài trợ, vay, hoặc dùng tiền, tài trợ của nhà nước, tài trợ của các tổ chức, cá nhân, tài trợ của các doanh nghiệp khác.

(đ) Để xuất các tài sản công cộng, quyền sử dụng đất đai và các tài sản khác:

(e) Để xuất các loại cổ phần ưu đãi và loại cổ phần ưu đãi khác theo quy định.

(g) Để xuất các loại cổ phần ưu đãi khác và các loại cổ phần khác theo quy định.

(h) Quyết định giá mua bán cổ phần, các phần công trong hợp tác xã theo Đại hội đồng cổ đông và quyết định.

(i) Trình báo cáo tài chính của xã được kiểm toán, hợp các quyết định công ty theo Đại hội đồng cổ đông.

(k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

3. Những vấn đề sau đây phải được Đại hội đồng quyết định phê chuẩn:

(a) Trình lập các chỉ tiêu kế hoạch và phương án kinh doanh của Công ty;

(b) Trình lập các công ty con của Công ty;

(c) Thương mại hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản của xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, tất cả các hợp đồng, giao dịch khác nhằm quyền lợi của xã được của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 118, khoản 1 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

(d) Các khoản chi trả thông tin hoặc tài trợ kinh doanh và nghĩa vụ khác với 10% vốn điều lệ hoặc các khoản chi trả vượt quá 10% giá trị tài sản và nghĩa vụ khác kinh doanh hàng năm;

(e) Việc mua bán, trao đổi phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

(f) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong dự: phân tích số phần vốn góp của Công ty, các phần công, quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài sản, công nghệ và tài sản khác hàng năm;

(g) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của Công ty đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

(h) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

(i) Quyết định phương án thanh toán trừ phần không thanh toán, trả phần không thanh toán, quyền và các loại đơn hợp đồng với khác của Công ty, và Số các Đại hội đồng cổ đông tại nước ngoài khác;

(j) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Đại hội đồng quyết định quyết định của phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của xã.

- Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cơ chế và việc giải quyết của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm kế hoạch. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo mà không gửi cho Công ty bị coi là không có giá trị và được Hội đồng quản trị bổ sung.
- Trường hợp phải họp vì thiếu sự ưng thuận khác, Hội đồng quản trị có thể tự quyết định việc triệu tập và người điều hành khác đại diện sự tự sáng việc này với Đại Hội đồng.

Điều 29. Thời hạn, số lượng và loại stock khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị không tính vào số vốn được tự quyết định được triệu tập làm chủ tịch công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng năm thời hạn của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khiến đó hạn này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị dựa theo thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không chia thuận được.
- Tổng số năm hạn của Tổng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thời hạn, chỉ phí, hạn bằng, chỉ phí mua và bán và các loại stock khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và của công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phải nộp thuế được công bố chỉ tính trong hạn của thành viên của Công ty. Thời hạn của thành viên Hội đồng quản trị phải được bổ hợp thành một tổng cùng. Hạn của họ không bằng hạn của Công ty.
- Thành viên tự đồng quản trị của giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tự chỉ tiêu hạn của Hội đồng quản trị hoặc theo hợp đồng cũng các khác mà theo Hội đồng quản trị là của người phải tự nhận và đồng ý rằng của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được tự nhận hạn hạn được trong một khoảng thời gian tự gọi theo hạn, bằng, hạn bằng, phân tiền lợi nhuận hoặc được khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền mua hoặc bán tất cả các stock (phi) đi lại, đi và các khác với giá hơn là khác mà họ đã phải trả và khi mua bán hoặc chiếm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các đó phi phải sinh trong việc tự được tự chỉ tiêu hợp Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc của tiêu hạn của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Chức tịch Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chức tịch Chức tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Điều 26) của Công ty.
- Chức tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, việc tự và chỉ tiêu việc họp Hội đồng quản trị, chỉ tiêu việc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
- Chức tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ làm báo cáo Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chờ xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự hoặc chấp hành hình phạt tù bị tạm giam, đang chờ xử lý hình sự tại cơ sở giam giữ thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên khác vì danh dự, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty. Trường hợp chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho một thành viên khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyền tái bổ nhiệm thành viên này tại kỳ họp tiếp theo của Hội đồng quản trị.

Điều 11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch để Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiều kỳ Hội đồng quản trị trong một hạn họp (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc hạn của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc ủy bị phân bổ cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hạn họp (01) được triệu tập có số phiếu bầu cao nhất hoặc ủy bị phân bổ cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, hội thảo và dự thảo họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được bị hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều trong danh sách đề nghị triệu tập của các thành viên được chấp thuận, vào đề của Danh sách:
 - (a) Bất kỳ ai khác;
 - (b) Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - (c) Thành viên của Ủy Hội đồng quản trị;
 - (d) ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - (e) Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập và thông tin liên quan. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người đề nghị triệu tập họp được bồi thường tại khoản 3 Điều 11 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

8. Trường hợp có yêu cầu của công ty khác liên quan đến việc hợp nhất hoặc sáp nhập của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải trình bày báo cáo Hội đồng quản trị để báo cáo ban chấp hành của Hội đồng Công ty.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được ra quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban chấp hành ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối không tham dự bằng văn bản, việc từ chối này sẽ không được thay đổi hoặc thay từ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản bằng Việt và phải được làm đầy đủ theo quy định. Hội đồng họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, báo cáo tài liệu của Hội đồng sẽ không thể được thay đổi và tiến hành họp tại cuộc họp đã được tiến hành quyết của thành viên.

Thông báo họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải làm được đầy đủ các thủ tục theo quy định thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban chấp hành phải được đồng ý tại Công ty.

11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác của Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được ra quyết định của Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự họp lần đầu tiên. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành với số thành viên (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tiến hành theo hình thức họp trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên thành viên đồng ý thông qua hình thức này mà điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có mặt:

- (a) Nhận thông tin về Hội đồng quản trị khác trong tham gia phải tiến hành cuộc họp;
- (b) Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự phải một cách đồng nhất.

Việc triệu tập giữa các thành viên và các họp tiến hành một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương tiện này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định của pháp luật và có được tiến hành của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị một Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được coi là đúng và Chủ tịch với chức họp tiến hành, và làm lập ngay từ khi theo cuộc họp không phải được thông báo bằng văn bản lập trong văn bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu bầu quyết định cuộc họp bằng thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu bầu quyết định cuộc họp bằng thư, fax, phải tiến hành phát

đang trong phòng bị kìm và phải được chuyển đến Ủy ban Hội đồng quản trị hoặc một Hội đồng quản trị khác ngay. Phải báo ngay cho được với mức sự chống lại của nó và người ra lệnh.

14. Bất đồng

- (a) Mọi quy định tại điểm b khoản 11 Điều 11, với thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quy định rõ ràng với tư cách là thành viên của Hội đồng quản trị có một (01) phiếu bầu quyết.
- (b) Thành viên Hội đồng quản trị không được bất đồng về các hợp đồng, các giao dịch hoặc các vấn đề khác của công ty hoặc người làm quản trị thành viên, đó có thể là bất kỳ loại vấn đề nào được nêu ra để thảo luận với hội đồng của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được nêu ra bất kỳ sự khác biệt nào khác với một đề xuất nào đó được các hợp đồng Hội đồng quản trị và những quyết định của thành viên là không có quyết định bất đồng.
- (c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 11, khi có vấn đề phát sinh từ các hợp đồng quản trị bất kỳ các hợp đồng Hội đồng quản trị thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không từ chối từ bỏ quyết định bất đồng, phải quyết các vấn đề là quyết định cuối cùng, và trường hợp đặc biệt hoặc pháp lý bất kỳ của thành viên Hội đồng quản trị làm quản trị viên được công bố đầy đủ.
- (d) Thành viên Hội đồng quản trị không bị từ chối hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 11 Điều 11 này được với bất kỳ bất đồng về hợp đồng đó.
- (e) Thành viên làm điều hành có quyền từ chối các hợp đồng Hội đồng quản trị, chỉ người điều hành không được bất đồng.
- (f) Thành viên Hội đồng quản trị của công ty hoặc giám đốc hoặc người làm quản trị một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và bất kỳ bên nào là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại nước hợp đồng của Hội đồng quản trị và việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không báo cáo trước với người làm quản trị bất kỳ của Công ty hoặc hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai của lợi ích làm quản trị nước hợp đồng của Hội đồng quản trị được từ chối sau khi thành viên này trình bày trước và lợi ích của nó sẽ bị loại trong giao dịch hoặc hợp đồng của nó.
13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định về sự quản trị của nó và nó sẽ thành viên Hội đồng quản trị dự hợp của thành. Trường hợp từ chối tại thành và phải đi ngay bằng văn bản báo cáo quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là quyết định dứt.
14. Nghị quyết của thành được ký kết bằng văn bản được thông qua bởi sự y kiến của thành của nó và thành viên Hội đồng quản trị và người làm quản trị. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị của nghị quyết được thông qua từ nước hợp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có một nhiệm vụ báo cáo Hội đồng quản trị về các thành viên và báo cáo đó là bằng chứng của việc về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp mà khi có ý kiến phản đối về các dạng trên báo trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gọi báo cáo

Hội đồng quản trị được lập bằng văn bản và có thể lập bằng công thức. Thành viên phải có chức vụ của công ty và người đại diện hợp

Điều 12. Các tiêu chuẩn thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn thuộc để phục vụ việc có chính sách phát triển, chiến lược, lương thưởng, khen thưởng nội bộ, tổ chức thành viên của Hội đồng quản trị quyết định, chúng cũng có thể thành lập (1) người làm giám đốc của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên của Hội đồng quản trị thành viên Hội đồng quản trị không được thành viên chính của công ty hoặc công ty con trong số các thành viên của được bổ nhiệm làm Trưởng hoặc Giám đốc điều hành của Hội đồng quản trị. Hội đồng của Hội đồng phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Người quyết của Hội đồng chỉ có hiệu lực khi có sự đồng ý của số thành viên tham dự và phải quyết định quản trị của Hội đồng là thành viên Hội đồng quản trị
2. Việc theo dõi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của Hội đồng quản trị hoặc của người có trách nhiệm của Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định của Điều lệ công ty.

Điều 13. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị công ty thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty của Hội đồng quản trị quyết định, số đó là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - (a) Có kinh nghiệm và năng lực;
 - (b) Không đang đồng thời làm việc cho công ty hoặc đơn vị lập đang hoạt động liên quan với các hoạt động tài chính của Công ty;
 - (c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không vượt quá các quy định pháp luật hiện hành về lương bổng. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy theo điều kiện.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc ra quyết định Hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - (b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng cổ đông và Hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng;
 - (c) Tư vấn và đại diện của các cổ đông;
 - (d) Thực hiện các cuộc họp;
 - (e) Tư vấn và đại diện của các cổ đông của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

- (f) Công ty phải thông tin về chính sách, bao gồm chính sách hợp tác đồng quản lý và các thông tin khác của thành viên của Hội đồng quản trị và quản lý của Ban Lãnh đạo;
- (g) Chính sách và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công tác hương tin của công ty;
- (h) Báo cáo hàng hóa được mua ngay trực tiếp của pháp luật và Điều lệ công ty;
- (i) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KINH

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo tổ chức quản lý của công ty được thực hiện trước Hội đồng quản trị và chính sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty sẽ Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh này đều phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành kinh doanh và cũng chuẩn bị hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn cần để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong kế hoạch và kế toán.
2. Đại ban, tiểu ban, ủy ban và các chức danh khác trong hợp đồng lao động làm việc với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi được thông qua của Tổng giám đốc.

Điều 36. Hồ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc lý hợp đồng trong đó quy định các tài, tiểu ban và bộ phận khác. Thời hạn, cấu trúc và bộ phận khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành văn bằng trong đó nêu rõ danh sách và được đưa trong Bản cáo bạch hàng năm của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể bất kỳ tại bất kỳ thời điểm nào của việc ra quyết định hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật đưa giới chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dài hạn của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- (b) Quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức ưu đãi hoặc quyết định của Hội đồng quản trị về kế hoạch chi trả cổ tức ưu đãi khác; kế hoạch chi trả cổ tức ưu đãi khác của Công ty theo đúng thông lệ quản lý kế toán;
 - (c) Kế hoạch về Hội đồng quản trị về phương án bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - (d) Kế hoạch chi trả cổ tức ưu đãi khác của Công ty;
 - (e) Kế hoạch về lương và thưởng của Hội đồng quản trị Công ty của người đang là Hội đồng quản trị kể từ thời điểm chấm dứt nhiệm vụ của người này và kế hoạch về lương và thưởng về kế toán trưởng kể từ ngày chấm dứt nhiệm vụ là Hội đồng quản trị quyết định;
 - (f) Tài liệu y kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lương người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc, kỷ luật, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - (g) Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị hoặc yêu cầu chuẩn bị tài liệu sau đây để trình Hội đồng quản trị và Hội đồng giám sát và kiểm soát của Công ty để xem xét và phê duyệt:
 - (i) Chiến lược kinh doanh dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty được xây dựng trên cơ sở phân tích và đánh giá động thái thị trường và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo kinh doanh năm (bao gồm cả hàng các chỉ số tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy định của Công ty;
 - (ii) Dự kiến và nghĩa vụ kinh doanh quy định của hợp đồng, thỏa thị trường, các quy định nội bộ của Công ty, các nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động với Công ty;
4. Tổng giám đốc đưa ra báo cáo về Hội đồng quản trị về các Hội đồng cổ đông về việc duy trì nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp cấp trên được giao.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc tài chính và thành viên Hội đồng quản trị có quyền bầu người dự kiến bổ nhiệm. Tổng giám đốc tài chính là

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện trong cơ chế được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát bằng quá số đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát được miễn số ứng cử viên được ứng cử hoặc số được đề cử theo cơ

nhờ quy định tại Điều 4 công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Báo cáo một tháng được đề cập như sau Báo cáo một tháng được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành công việc.

Điều 38. Thành phần Báo cáo một

1. Bộ phận thành viên Báo cáo một của Công ty sẽ là bộ phận của năm (05) thành viên. Nhiệm vụ của thành viên Báo cáo một không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Báo cáo một phải có báo một của các thành viên không trú ở Việt Nam. Thành viên Báo cáo một của không phải nhân phải là cổ đông của công ty.
2. Thành viên Báo cáo một phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật doanh nghiệp. Điều kiện công ty và không được các trường hợp sau:
 - (a) Là chủ tịch hoặc là phó chủ tịch, là thành viên công ty;
 - (b) Là thành viên ủy ban nhân dân của cấp ủy kiểm soát Đại hội đồng báo cáo một hoặc các ban của cơ chế quản trị công ty trong ba (03) năm liên tiếp đi.
3. Các thành viên Báo cáo một báo cáo (01) người trong số họ làm Trưởng ban, với bốn (04) nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ người của cấp xã. Trưởng ban báo cáo một phải có bằng thạc sĩ nghiệp vụ hoặc tiến sĩ hoặc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng ban báo cáo một có các quyền và trách nhiệm sau:
 - (a) Triệu tập cuộc họp Báo cáo một;
 - (b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Báo cáo một;
 - (c) Lập và ký báo cáo của Báo cáo một sau khi đã được khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Thành viên Báo cáo một bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Báo cáo một theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - (b) Không tiếp tục quản lý và nghĩa vụ của thành viên của (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Trừuất lý này
5. Thành viên Báo cáo một bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (a) Không hoàn thành nhiệm vụ công việc được phân công;
 - (b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Báo cáo một quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

(c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

(d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Điều 6 này.

Điều 19. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17) Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

(a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, bổ sung hoặc miễn nhiệm các tập Ban kiểm soát của Ban của tổ chức của công ty;

(b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền giám sát của nước;

(c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tình hình thực hiện các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phù hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

(d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác thuộc trách nhiệm phát động báo cáo của Hội đồng quản trị tương ứng của nước năm (HĐ) gần, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục kịp thời;

(e) Báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;

(f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, tình hình và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản lý công ty phải báo cáo công việc của họ với các nghị quyết, báo cáo hợp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin về tin tức khác trong cấp của cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát và công tác điều tra theo phương thức quy định với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần một năm và cuộc họp được triệu tập bất kỳ số từ hai (02) thành viên Ban kiểm soát trở lên dự họp.

4. Thứ tự, địa điểm và hệ thống báo cáo của Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng toàn các khoản chi phí do công ty trả và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Trách nhiệm của tổng giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên của một ban của Hội đồng quản trị, một ủy ban tương đương, của công ty hoặc của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trong hợp đồng và trách nhiệm trong nội bộ công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng thông tin nội bộ của công ty để trong lợi ích cá nhân của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác không được sử dụng thông tin nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ cá nhân và không được lợi dụng vị trí của mình để thực hiện các nhiệm vụ cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các lợi ích cá nhân có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân khác để các giám đốc hoặc ban kiểm soát có thể đưa ra quyết định thích hợp.
4. Các trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo đảm cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan từ các thành viên của Hội đồng quản trị hoặc công ty, trừ trường hợp người này có các lợi ích cá nhân không xung đột với lợi ích của công ty, đại chúng, và tổ chức có liên quan từ thành viên này là các công ty tương ứng cấp đầu tiên của công ty hoặc đồng đầu tiên của công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp nhân chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đại chúng, tập đoàn kinh tế hoặc tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích cá nhân không bị vô hiệu bất chấp các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với hợp đồng có giá trị dưới hạn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những vụ việc tương tự các hợp đồng hoặc giao dịch tương tự các vụ việc quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo từ Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu của thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

(b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% hoặc giá trị đối ứng bằng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 50% trở lên bằng giá trị đã nêu được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, có hợp đồng được giao trong các hợp đồng hoặc giao dịch với cùng một người bán và/hoặc với cùng một người mua thì Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác được áp dụng quy định của chế độ và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu bầu quyền của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các vị chức, vị nhiệm có liên quan tới các hoạt động này của Công ty được có danh các thông tin được được phát sóng hệ thống Công ty hoặc các tờ cáo người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thuật ngữ và hội đồng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vì phạm nghĩa vụ, nghĩa nhiệm trong thực tế của công ty, không tuân thủ các nghĩa vụ của mình với sự miễn trừ và/hoặc lợi ích của các cổ đông phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bất thường của những người đã, đang hoặc sẽ đã bị đánh một tín hiệu quan trọng của sự thiếu sức khỏe, kinh tế hoặc phạm các vụ việc liên hệ, hành chính và không phải là các vụ việc do Công ty là người làm kinh doanh người đã bị hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, giám đốc hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đã bị hoặc đang làm việc yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đã bị hoặc đang trong thực tế của công ty, miễn các vị lợi ích hoặc không liên quan với lợi ích của Công ty, tức có thể tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng người đã bị vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc tham dự các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bất thường khi từ thành một tín hiệu quan trọng của sự thiếu sức khỏe, kinh tế hoặc phạm các vụ việc do Công ty là người làm kinh doanh trong các trường hợp sau:
 - (a) Không đồng ý trong thực tế của công ty, miễn các vị lợi ích và không tuân thủ luật pháp của Công ty;
 - (b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định là không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bất thường bao gồm các chi phí phát sinh (bỏ ra chi tiêu hợp lý, chi phí phát sinh, chi phí không thể phát, chi không phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi các người không vi phạm này trong khuôn khổ luật pháp chi phí Công ty có thể dựa vào việc chi trả bằng người này là trách nhiệm tách biệt với đương nhiên của

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ ĐỒ SƠ CÔNG TY

Điều 13. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông nắm quyền chỉ định của Hội đồng Quản trị Điều 29 Điều lệ này có quyền xem, lấy hoặc sao người được ủy quyền gọi vào tòa nhà của Công ty để kiểm tra danh sách cổ đông, các tài liệu hợp pháp liên quan và sổ sách kế toán của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty, và các tài liệu khác của Công ty. Yêu cầu kiểm tra đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và người đại diện phải làm đơn xin chứng minh quyền ủy quyền của cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ sách và hồ sơ của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và tài liệu khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các chứng từ này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu trữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Các chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tư nhân, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, bản báo cáo Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là nơi sở hữu và Cơ quan đăng ký kinh doanh được chứng minh và địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố một trong những nơi dưới đây của Công ty:

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải hợp tác với Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, đào tạo lao động nội bộ, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khám bệnh và xử lý tai nạn với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải hợp tác với Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và cách thức quản lý của nước, thông lệ và chuẩn mực quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chi trả lợi nhuận và hình thức chi trả lợi nhuận của Công ty.
2. Công ty không được làm thế nào khiến điều này có tác dụng chuyển tiền của công ty sang tài khoản cá nhân của người.

- Hội đồng quản trị có thể liên hệ Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thành lập một bộ phận chuyên trách có chức năng Đại đồng quản trị là cơ quan được chỉ quyết định này.
- Trường hợp có sai lệch những khoản tiền khác của công ty một loại chi phải được chỉ trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp bằng đồng qua các ngân hàng tiền tệ và các tháng sau đó với số tiền không vượt quá số vốn đồng công ty. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đồng các tháng sau đó số vốn tăng do số đồng công ty trả nợ là đồng là không nhận được tiền. Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển của số đồng này. Việc thanh toán số tiền đầu với số chi phải trên phần đăng ký giao dịch tài khoản được công ty hoặc có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm kết lý chứng khoán Việt Nam.
- Các tài sản doanh nghiệp, loại chứng khoán, Hội đồng quản trị được quyền quyết định một ngày cụ thể để tiến hành thanh toán. Các tài sản này đã, không người đồng lý với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận số tiền, lãi suất, phí phát lợi nhuận, tiền cổ phần, tiền thưởng bản hợp tài trợ khác.
- Các vấn đề khác liên quan đến phần phải nộp khoản được đưa biên bản họp được chỉ quyết định.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

- Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các quốc gia nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- Thien Tap setup trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng và Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu.

Điều 48. Chế độ kế toán

- Chế độ kế toán Công ty và đồng là Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán áp dụng theo quy định của pháp luật tại quốc gia được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Công ty áp dụng chế độ kế toán bằng đồng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, rõ ràng và phải

Đi để thông minh và giữ bình tĩnh giao dịch với Công ty.

3. Công ty sẽ đang đau vì đến vì trong kế toán là ông Việt Nam. Trưởng ban Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cho yêu bằng với loại ngoại tệ để được tự chọn ngoại tệ để làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, dựa vào những số liệu được để nước pháp luật và thông tin của nó xem xét là thật hay giả.

CHƯƠNG XV: BẢO CẢO THƯỜNG NIÊN, BẢO CẢO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG ĐỒ THÔNG TIN

Điều 48. Bảo cảo tài chính năm, báo cáo và quỹ

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51. Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm để được Đại hội đồng và Tổng Giám đốc có sự quan tâm và thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kèm theo các chỉ tiêu trung hạn và kế hoạch quản trị kinh tế khác của Công ty trong năm tài chính, báo cáo kết quả tài chính kèm theo các chỉ tiêu trung hạn và kế hoạch quản trị kinh tế khác của Công ty trong năm tài chính kèm theo báo cáo các chuyên đề tài vụ quyết định báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính vào tháng đầu năm kế tiếp của tài chính quy định các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và sự có quan tâm thẩm quyền và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán theo quy định của Luật doanh nghiệp, báo cáo tài chính năm cũng được một số và báo cáo tài chính quy phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các số liệu, chỉ tiêu quan trọng được quyền kiểm toán hoặc xem xét báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo năm được được một số và báo cáo tài chính quy trong giới hạn nội dung tài vụ và chính của Công ty và phải có chữ ký hợp lệ của việc xem xét.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật và chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng và đồng trưởng nhiệm vụ kiểm toán công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua chính sách các công ty kiểm toán độc lập và tự quyết định Hội đồng kiểm toán quy định lập chức năng trong số các đơn vị này (tính toán kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính).

tiếp theo được cử người khác hoặc cử nhân viên đơn vị khác vào Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo đã nêu trên cho Hội đồng quản trị và báo cáo Hội đồng quản trị công khai.

2. Công ty kiểm soát độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị công khai (Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị công khai).
3. Báo cáo của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Khi báo cáo độc lập lập báo cáo kiểm toán Công ty được phép cung cấp các cuộc họp Hội đồng quản trị công khai được quyết định của Hội đồng quản trị công khai. Hội đồng quản trị công khai họp Hội đồng quản trị công khai có thể được quyết định của Hội đồng quản trị công khai và Hội đồng quản trị công khai được quyết định của Hội đồng quản trị công khai.

CHƯƠNG XVII: CÁN ĐÀU

Điều 52. Cán đầu

1. Cán đầu phải được chọn từ cơ sở thực địa hoặc theo hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý cán đầu.
2. Hội đồng quản trị quyết định danh sách, số lượng, thời hạn và cơ cấu của cán đầu chính thức của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý cán đầu theo quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty chỉ thể hiện giải thể trong những trường hợp sau:
 - (a) Khi hết thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - (b) Khi hết thời hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (c) Khi chủ sở hữu công ty công khai công bố chấm dứt;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn của thời hạn đã ghi trong Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị theo hình thức khác phải được thông báo trước phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền trước khi chấm dứt hoạt động.

Điều 54. Giải hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để giải hạn hoạt động và giải hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hợp đồng được ghi hợp lệ và hiệu lực của công số phải bằng với số của các cổ đông và phải bằng với số của một hợp đồng mua cổ phiếu của Công ty đồng và đồng nhất qua.

Điều 55. Thành lập

1. Tất cả điều của Công ty trước khi bắt đầu hoạt động của Công ty hoặc của Hội đồng quản trị của Công ty. Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thành lập gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định và một công ty khác của Tập đoàn. Ban thành lập chuẩn bị các quy chế hoạt động của công ty. Các thành viên của Ban thành lập có thể được bổ sung trong số thành viên của Công ty hoặc chuyển giao độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thành lập được Công ty và Hội đồng quản trị trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thành lập có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thành lập được thay Công ty trước tất cả các công việc liên quan đến thành lập Công ty trước liên lạc và các cơ quan hành chính.
3. Tên của công ty vào thành lập được thành lập theo các điều sau đây:
 - (a) Các chỉ giới thành lập;
 - (b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động dựa trên các lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - (c) Nợ thuế;
 - (d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - (e) Phần của tài sản khi đã thành lập xong và các khoản nợ từ khoản (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần này đã được mua trên thành toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, bất cứ sự kiện nào từ hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định khác:
 - (a) Chỉ định Hội đồng quản trị;
 - (b) Chỉ định Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp nội bộ thông qua đường lương và hòa giải. Trường hợp tranh chấp nội bộ của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị của tập đoàn giải quyết tranh chấp và yêu cầu công tòa án giải quyết tranh chấp nội bộ tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, tất cả

các tài sản và tài sản của Đại lý đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập trong quá trình giải quyết tranh chấp.

- Trong trường hợp Đại lý đồng cổ đông giải quyết tranh chấp theo thủ tục tố tụng thì Đại lý đồng cổ đông phải bồi thường các khoản chi phí tố tụng của tranh chấp, bồi giải không được các bên chi trả, với bất kể chi phí tranh chấp đó là Trung tài hoặc tố tụng. Trường hợp khác là:
- Các bên tự chịu chi phí tố tụng ngoài tố tụng thông thường và bồi giải. Việc thanh toán các chi phí này thì do được thanh toán theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 27. Điều lệ công ty

- Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ của phải được Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những sự đổi mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đã được sửa đổi được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 28. Ngày hiệu lực

- Điều lệ này thay thế 71 chương 18 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty về phần Generalist nhất và thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2024.
- Điều lệ được lập thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau từ giờ ký (Tự nhiên) của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bên sau hoặc trình lại Điều lệ Công ty có giá trị từ giờ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tất cả các thành viên (02) sáng lập thành viên Hội đồng quản trị.

Hãy, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty *Trần Văn Tuấn*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuấn



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT**

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT**

MỤC LỤC

	Trang
I. Mục lục	1
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5-8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển vốn tự hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10-11
7. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12-50
8. Phụ lục	51-56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Genadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình trước công chúng với Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo mẫu Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Genadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 19 tháng 5 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ hoạt động:

- Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: +84 (0)83 1823 5208
- Fax: +84 (0)83 1823 5208

Công ty liên danh với nhiều loại phát triển các ngành nghề kinh doanh chủ yếu là khai thác công nghệ và logistics.

- Khai thác công nghệ: Khai thác và phát triển các dự án hạ tầng kỹ thuật tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm; công trình Hải, công trình Hải Dương V&L, công trình Hải V&L, Nam Hải K&D, công trình Quốc gia Phước Lương, công trình Dương và công trình của Genadept Cổ Mặt.
- Logistics: Thương mại phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng hóa trọng tải trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý kho và chuyển vận; Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ kho hàng không.

Ngoài ra, Công ty đầu tư với tư cách là cổ đông vào trong lĩnh vực trồng rừng và bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác gỗ biểu cây con và vận chuyển gỗ tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng và phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gate và dự án Khu phức hợp tại Vũng Tàu - Lớn.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Vũ Kiên	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT theo ủy quyền theo kế hoạch số tháng 4 năm 2022
Ông Bùi Văn Dương	Thành viên
Ông David Do	Thành viên
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên (Đã từ chức từ tháng 4 năm 2022)
Ông Trương Khoa	Thành viên

Ban Điều hành

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Trường Chinh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Thảo	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên



Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Chiến Lương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thái Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Bộ phận theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và năm đầu tiên năm lập tức của năm là Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty (từ thành lập ngày 17 tháng 1 năm 2022).

Điều kiện vốn

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACC đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển vốn tài hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét duyệt và các ước định một cách hợp lý và thận trọng;
- Đảm bảo các khoản mục kế toán áp dụng của Tập đoàn có được tuân thủ hợp lệ đồng và đủ cơ sở và liên quan nếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện bộ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro sai sót với Tổng cục Thuế và các cơ quan quản lý thuế trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất được lập giữ đầy đủ để phục vụ việc kiểm tra của Tập đoàn với mục đích là hỗ trợ các cơ quan quản lý thuế thực hiện các nhiệm vụ của mình và các cơ quan quản lý thuế khác. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và các khoản nợ, đồng thời các liên hệ pháp luật để ngăn ngừa và phân phối các hình phạt quản lý và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc chịu hết trách nhiệm của các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất năm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển vốn hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý và liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị: Tỷ đồng Việt Nam (VNĐ)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Tỷ VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.027.003.249	1.009.079.324.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	101	V.1	1.394.189.079.142	627.346.721.489
1. Tiền	101		723.428.332.192	429.779.871.057
2. Các khoản tương đương tiền	102		670.760.746.950	197.566.850.432
II. Đầu tư ngắn hạn	109		82.136.354.489	91.819.943.899
1. Chứng khoán ngắn hạn	101	V.2a	45.722.233.680	49.722.233.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán tài chính	102	V.2a	(27.287.407.491)	(11.881.733.321)
3. Tài sản ngắn hạn khác	103	V.2b	63.691.528.299	31.999.439.639
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	108		887.649.386.297	841.966.143.781
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	101	V.3	848.899.034.509	826.724.998.018
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	102	V.4	137.819.724.284	168.221.789.629
3. Phải thu với bộ phận hợp nhất	103		-	-
4. Phải thu khác để kê hoạch tập trung xây dựng	104		-	-
5. Phải thu về chi vay ngắn hạn	105	V.5a	24.621.990.000	19.623.190.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	106	V.5b	174.477.643.663	209.026.742.132
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	107	V.3	(21.172.288.211)	(100.296.734.992)
8. Tài sản phải thu khác	108		-	-
IV. Hàng tồn kho	106		82.632.462.639	68.712.918.948
1. Hàng tồn kho	101	V.6	82.632.462.639	68.712.918.948
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	102		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	105		221.966.287.748	89.689.658.819
1. Chi phí mở trước ngắn hạn	101	V.7a	12.538.021.000	11.414.723.720
2. Thuế giá trị gia tăng được miễn thuế	102		186.286.933.500	28.408.282.124
3. Thuế và các khoản phải thu khác hoãn nộp	103	V.7b	22.872.485.756	21.958.688.924
4. Các khoản mua bán bị mất phần Chính phủ	104		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	105		-	-

KẾ TOÁN - GENADEPT

KẾ TOÁN - GENADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 81 Lê Thành Tôn, Phường Mỹ Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND (tỷ đồng)

CÁC TIÊU	Hàng số	Đơn vị tính	Cố định năm	Cố định năm
B- TÀI SẢN HẢI MẠNH	200		10.411.805.096.200	9.891.731.720.400
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		44.886.801.537	41.830.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Tài khoản của người bán dài hạn	212		-	104.880.000
3. Vốn góp của khách ở đây và trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu của cơ quan hành chính	214		-	-
5. Phải thu từ các đơn vị liên kết	215	V.20	8.100.000.000	8.100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.20	36.786.801.537	33.730.700.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khác	217		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.162.149.890.000	2.145.890.020.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.20	2.090.417.737.000	2.087.090.020.000
- Nguyên giá	221		2.090.417.737.000	2.114.890.020.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	221		(2.733.490.450.800)	(2.417.800.000.000)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	222	V.11	44.632.153.000	78.800.000.000
- Nguyên giá	222		44.632.153.000	78.800.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	222		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	223	V.20	327.099.999.999	380.000.000.000
- Nguyên giá	223		327.099.999.999	380.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.790.702.000.750	2.340.077.070.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.21	2.790.702.000.750	2.340.077.070.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.805.814.643.100	2.850.079.680.700
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.20	2.805.814.643.100	2.771.734.440.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.20	41.891.999.700	46.321.200.700
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.20	(2.314.323.400)	(2.698.177.000)
5. Đầu tư khác (không ngày dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.205.407.400.000	1.275.190.000.000
1. Công cụ tài chính dài hạn	261	V.20	811.842.870.000	850.710.000.000
2. Tài sản thuê tài chính khác	262	V.20	393.564.530.000	424.480.000.000
3. Thuế thu, vãng, chờ tính của tài sản dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	264		-	-
5. Lưu giữ hàng hóa	265	V.11	100.000.000.000	219.900.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		18.078.551.886.950	18.731.211.090.700

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Mã số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƠN NIỆT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Kính xin đọc kỹ toàn bộ văn bản đính kèm

CÁC TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.002.896.999.414	1.006.002.095.379
I. Nợ ngắn hạn	310		3.216.598.779.377	2.202.726.719.877
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	676.401.612.000	192.000.279.200
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		206.101.700	1.221.948.100
3. Thuế và các khoản phải nộp TNCN khác	313	V.11	88.947.004.874	26.949.515.100
4. Phải trả người lao động	314	V.12	109.179.038.820	94.476.437.800
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	194.384.229.842	451.189.075.813
6. Phải trả với lợi ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo hợp đồng ký cược ký gởi khác	317		-	-
8. Khoản thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	1.079.094.700	1.714.000.000
9. Phải trả người lao khác	319	V.21a	1.371.803.116.409	979.838.712.400
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	643.614.400.000	800.065.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	109.200.971.707	191.619.822.843
12. Quỹ lương đang phải trả	322	V.24	62.480.590.400	57.600.070.900
13. Quỹ lương hưu	323		-	-
14. Các khoản phải trả lại với chính quyền Thành phố	324		-	-
II. Nợ dài hạn	320		1.079.318.219.037	1.403.275.375.502
1. Phải trả người bán dài hạn	321		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	322		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	323		-	-
4. Phải trả với bộ chỉ huy kinh doanh	324		-	-
5. Phải trả với tổ chức khác	325		-	-
6. Khoản thu chưa thực hiện dài hạn	326	V.20b	270.000.000.000	270.218.180.000
7. Phải trả dài hạn khác	327	V.21b	65.594.000.000	66.400.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	328	V.22b	1.486.101.217.472	1.061.247.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	329		-	-
10. Các khoản nợ khác	330		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	331	V.25	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	332		-	-
13. Quỹ phải trả theo hợp đồng ký cược	333		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADAPT

Địa chỉ: 512 Thành Tín, Phường Tân Ngà, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi toán từ ngày kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng chi tiết kế toán hợp nhất hợp nhất

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị	Số tiền (VNĐ)	
			Cả năm năm	Đến cuối năm
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.947.254.809.794	7.944.438.371.909
1. Vốn chủ sở hữu	400		7.947.254.809.794	7.944.438.371.909
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	3.013.779.379.000	3.013.779.379.000
- Cổ phần phổ thông (cổ phiếu đã gọi vốn)	411a		3.013.779.379.000	3.013.779.379.000
- Cổ phần ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	1.941.854.197.042	1.941.854.197.042
3. Quỹ tích lũy chuyển đổi tài sản	413		-	-
4. Vốn thặng dư của chủ sở hữu	414	V.20	122.497.775.942	122.497.775.942
5. Vốn pháp định	415		-	-
6. Thặng dư tích lũy giữ lại tài sản	416		-	-
7. Chính sách tỷ giá hối đoái	417	V.22	329.181.794.481	382.588.898.337
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	112.476.007.342	112.476.007.342
9. Quỹ hỗ trợ cho việc chuyển ngành	419		-	-
10. Quỹ đầu tư tài sản vô hình	420	V.20	128.177.817.817	128.177.817.817
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	1.227.086.511.558	667.319.284.122
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
- Dự trữ để xuất khẩu	421a		177.478.890.487	667.319.284.122
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		991.711.194.732	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích công cộng khác	423	V.20	1.001.793.548.804	725.897.316.891
14. Nguồn kinh phí và quỹ khác	424		-	-
15. Nguồn kinh phí	425		-	-
16. Nguồn kinh phí để hoạt động từ thiện xã hội	426		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	400		11.899.457.089.272	11.731.211.963.294


 Vu Thi Anh Thu
 Giám đốc


 Nguyễn Minh Phương
 Kế toán trưởng


 Ngày 31 tháng 12 năm 2022

 Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 4 Lê Thái Tổ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Đơn vị: VND	
			Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VLC	1.038.343.088.379	1.186.299.035.323
2. Chiếch toán giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.038.343.088.379	1.186.299.035.323
4. Chiếch toán hàng tồn	11	VLC	1.182.185.431.202	1.264.089.179.699
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.139.860.977.207	1.141.880.344.858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VLC	23.847.333.863	29.649.284.918
7. Chi phí tài chính	22	VLC	(18.899.839.878)	(17.395.849.517)
Trong đó chi phí lãi vay	23		(18.156.897.659)	(17.232.819.378)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	VLC	289.148.333.374	136.912.676.177
9. Chi phí bán hàng	25	VLC	(42.173.488.498)	(56.146.891.438)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VLC	(24.443.190.498)	(29.758.492.891)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.399.891.956.298	861.467.318.734
12. Thuế nhập khẩu	31	VLC	(4.385.478.335)	(6.881.321.334)
13. Chi phí thuế	32	VLC	(26.078.114.828)	(189.136.386.944)
14. Lợi nhuận khác	40		(973.446.493)	(29.049.842.758)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45		1.366.077.899.000	806.212.108.114
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VLC	(18.888.294.398)	(27.476.643.982)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VLC	(18.734.184.471)	(21.828.210.441)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.328.255.420.131	756.907.253.691
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(92.813.264.719)	(473.184.873.187)
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty liên kết	62		143.378.182.291	148.779.742.878
21. Lợi nhuận trước thuế	70	VLC	1.884	1.884
22. Lợi nhuận sau thuế	71	VLC	1.884	1.884


 Vũ Thị Ái Thu
 Giám Đốc


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế Toán trưởng


 Ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Ông Trần Văn Bình
 Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
A. Lợi nhuận trước thuế	87		1.294.071.944.000	894.212.115.000
B. Điều chỉnh các số khác		V.10, V.11		
- Khấu hao tài sản cố định và tích lũy giá trị hao mòn	88	V.10, V.11	203.783.003.830	179.046.123.000
- Các khoản dự phòng	89	V.7, V.10	(25.270.000.000)	(21.888.000.000)
- Lợi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do biến đổi tỷ giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	94	V.13, V.14	6.994.391.280	(7.291.441.800)
- Lợi, lỗ từ hoạt động tài chính	95	V.15, V.16	643.441.180.770	(192.556.871.400)
- Chi phí tài trợ	96	V.17	(126.058.907.400)	(119.252.993.200)
- Các khoản điều chỉnh khác	97		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	98		1.699.794.418.230	1.221.784.094.600
- Thuế, gồm các khoản phải trả	99		(185.782.245.120)	6.115.004.300
- Thuế, gồm hàng thu hồi	10		(13.758.241.200)	6.405.996.800
- Thuế, gồm các khoản phải trả	11		1.293.981.360.400	(20.962.983.600)
- Thuế, gồm chi phí trả trước	12		3.000.000.000	(1.202.190.800)
- Thuế, gồm công nhận kết quả	13		-	3.000.000.000
- Tiền lãi vay được	14	V.18	(115.438.608.000)	(123.270.000.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.19	(147.412.801.200)	(170.751.808.000)
- Tiền thu từ bán tài sản không phải doanh nghiệp	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(21.418.270.000)	(14.290.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.294.071.944.000	902.475.216.600
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
A. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.20, V.21	(1.354.000.144.350)	(555.000.120.000)
B. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.22	4.492.181.140	(4.890.420.000)
C. Tiền chi cho vay, nhận lãi công nợ phải trả	23	V.23, V.24	(88.421.187.000)	(97.492.000.000)
D. Tiền thu từ bán cho vay, bán lại công nợ phải trả	24	V.23, V.24	14.314.243.000	888.770.700.000
E. Tiền chi để trợ giúp các đơn vị khác	25		-	-
F. Tiền thu từ trợ giúp các đơn vị khác	26		-	25.371.400.000
G. Tiền thu từ các vụ mua và bán chứng khoán dài hạn	27	V.25	17.145.100.000	113.122.070.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	28		(1.230.905.088.350)	(108.089.420.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADERT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Cải thiện tài chính từ ngày 01 tháng 03 năm 2022

Số tài liệu kế toán: 01/03/2022

CHỈ TIÊU	Số đ	Đơn vị	Ngày 01/03/2022	Ngày 31/03/2022
B. Lưu chuyển tiền và hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ bán hàng có thuế, tiền thu phí vận chuyển khác	39		4	4
2. Tiền trả lại vào người bán có thuế, mua lại có thuế của hàng nhập đi giảm thuế	39		4	4
3. Tiền thu từ lãi vay	39		1.363.583.755,473	1.334.339.889,473
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.419.399.826,503)	(1.446.499.479,193)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài sản	39		200.434.788,130	(49.087.187,154)
6. Chi trả, lợi nhận từ các tài sản khác	39		(928.119.299,688)	(829.189.473,817)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	39		227.559.836,942	(197.565.131,011)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	39		228.249.873,942	(197.565.131,011)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	68	V.Đ	637.348.751,589	427.879.366,199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		65.182,792	(1.318.831,657)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	78	V.Đ	1.294.597.427,123	426.560.534,542


Vu Thị Anh Hoa
Trưởng Bộ


Nguyễn Minh Nguyệt
Bộ Kế toán

TP. HỒ CHÍ MINH, ngày 31 tháng 03 năm 2022


Trần Văn Bình
Tổng Giám đốc

Số tài liệu kế toán: 01/03/2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa được kiểm soát bởi báo ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. HẠC MIỆM HOẠT ĐỘNG

1. Bản báo cáo hợp nhất

Công ty Cổ phần Gemadept đưa đến gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") thường tự sở phần.

2. Loại vật kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau:

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kinh doanh với nhiều loại sản phẩm trên các ngành nghề kinh doanh chủ yếu là khai thác rừng và trồng rừng.

- Khai thác rừng: Khai thác gỗ thông rừng trồng chủ yếu từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm cũng như các vùng Nam Bộ, vùng Nam Tây Nguyên, vùng Nam Đông và vùng miền núi Gemadept tại Miền Bắc cũng như Quảng Trị, vùng Phước Long, vùng Bình Dương và vùng miền núi Gemadept tại Miền Trung.
- Logistics: Trang bị phân phối, vận tải container chuyên nghiệp. Vận tải hàng hóa đường biển và đường bộ qua phương tiện: Quạt ly của và chuyên vận, Đại lý giao nhận, Các hãng Bưu hàng không...

Ngành nghề, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực trồng rừng và tái động rừng:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Tái động rừng: Xây dựng và khai thác các trang trại đường cao, khách sạn, các dự án phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phân hợp Saigon Green và dự án Khu phân hợp tại Vũng Tàu - Lâm.

4. Các kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Các kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty thông qua 12 tháng.

5. Đơn vị hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tập đoàn đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Gemadept và thành lập Công ty TNHH Liên doanh GMD Asia, đồng thời Công ty mẹ tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hòa Bình Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Miền Bắc thành Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Công Nam Bình và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương.

Doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị kinh doanh có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ được trình bày trong Bảng báo cáo tài chính hợp nhất theo bảng phân tích dưới đây.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 10 công ty con, 1 công ty liên kết của Công ty mẹ và 14 công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có 18 công ty con và 14 công ty liên doanh, liên kết. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SAU CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chiến lược kế hoạch tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc trung thực

Bảng thành viên công ty con tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Công ty Cổ phần Công Nam Phát Việt	4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Công Nam Phát Việt	Khu phố 4 Minh Việt, Phường Bình Hòa 1, Quận Bình An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Công Nam Phát	291 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Mỹ Thạnh, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, Việt Nam	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần ICD Nam Phát	4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	75,00%	75,00%	75,00%	75,00%
Công ty Cổ phần Công Quốc Phát Genadept - Công Quốc Phát	Khu phố 1 - Công đồng lập Bình Chánh, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty TNHH Công Phát Long	4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Trường Thành	419A Hưng Hòa Xã Lê Hồng Sơn, Khu phố 1, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Trường Thành Bình Dương	4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH ICD Genadept	41 Võ Văn Tần, Phường Võ Văn Tần, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Văn An Phát tại Thủ Đức Bình Dương	4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Dược tại Thủ Đức Bình Dương	4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thủ Đức Bình Dương	61 Đường 48A, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thủ Đức Bình Dương	158 Đường 10B, Phường Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Thủ Đức, Bình Dương	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thủ Đức Bình Dương	417 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Mỹ Thạnh, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công Nam Phát Genadept Bình Dương	116 Phạm Văn Đồng, Phường Thủ Đức, TP. Thủ Đức, Quận Thủ Đức, TP. Thủ Đức, Việt Nam	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần Công Nam Phát Bình Dương	Thị trấn Thủ Đức, Khu phố 1, Quận Thủ Đức, TP. Thủ Đức, Bình Dương	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Thọ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các số liệu chính kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tài chính theo Hệ thống Kế toán Việt Nam (chức năng)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cổ phiếu	Đều nắm	Số cổ phiếu	Đều nắm
Công ty Cổ phần Knowledge Media Group	71 Nguyễn Đình, Phường Hồ Chí Minh 1, Quận Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	100%	100%
Công ty Cổ phần Việt Airline Phương Đông Thành	Tên số 173A, Tên số 9 (ĐƯỜNG 17A), Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	40,00%	-	40,00%	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Genadept	4 Lê Thành Thọ, Phường Mỹ Tho, Quận Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	-	10,00%	-
Công ty TNHH Liên danh GMD ASL	4 Lê Thành Thọ, Phường Mỹ Tho, Quận Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	-	10%	-

- ii) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hàng Không Việt Airline Phương Đông Thành do nắm giữ cổ phiếu đủ để tự mình quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 50%.
- iii) Đoàn lãnh các công ty liên doanh, liên kết được phân tích trong Báo cáo tài chính Hợp nhất theo phương pháp chi phí kế toán

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cổ phiếu	Đều nắm	Số cổ phiếu	Đều nắm
Công ty TNHH CJ Genadept Logistics Holdings	4 Lê Thành Thọ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH MTV Tập thể Genadept	4 Lê Thành Thọ, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thuận, TP. Hồ Chí Minh, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Maritime Logistics	Khu công nghiệp Tân Hòa, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty TNHH MTV Genadept Hồ Chí Minh	4 Lê Thành Thọ, Phường Mỹ Tho, Quận Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty TNHH CJ Genadept Shipping Holdings	4 Lê Thành Thọ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Genadept	4 Lê Thành Thọ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Genadept Shipping Singapore Pte. Ltd	40 Market Street #07-01 - 41A, Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Genadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	16, Jalan, Jalan Besar Lorong 4, Taman Jaya, 41 001 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Giải Trí Mũi Chanhbeng - Tourism Ltd, K	Ấp Tân Lập, Phường Phước Hòa, Thị trấn Phước Hòa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Việt Air	30 Phố Trần Hưng Đạo, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thị Minh Tâm, Phường Bình Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số tài khoản minh bạch của tài chính hợp nhất (tỷ đồng)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ		Tỷ lệ quyền	
		Số	Giá trị	Số	Giá trị
Công ty TNHH Tập vàn FC Liên – Genadept	4 Lê Thị Minh Tâm, Phường Bình Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty TNHH Genadept Data	Hẻm Thủ Khoa Huyên, Quận Thủ Khoa Huyên, Thủ Đức Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quốc Cường Việt Nam	117 Lê Lợi, Phường Bình Thuận, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	41,00%	41,00%	41,00%	41,00%
Công ty Cổ phần Liên lạc Truyền thông	367 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	24,00%	24,00%	24,00%	24,00%
Công ty Cổ phần Đa tác Minh Đức	Cầu Lộ, Khu phố Tân Tân, Xã Tân Phú, Phường Tân Phú, Quận Tân Phú – Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Việt	70 Dương Minh, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	24,00%	24,00%	24,00%	24,00%

H) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Công Đạt Máy Genadept – Terminal Link là hơn 10% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Công Đạt Máy Genadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng sẽ được thông qua bằng sự đồng ý của đa số các thành viên sở hữu phần vốn góp có quyền biểu quyết đồng ý đồng loạt. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục "Tiền và các công cụ tài chính, tiền gửi" trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

T) Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn minh bạch ra trên Báo cáo tài chính hợp nhất của số tài khoản minh bạch của các công ty con được với số tiền của thời kỳ.

K) Ngoài việc Tập đoàn sở hữu các tài sản không tài sản của Công ty Cổ phần Công Đạt Máy Genadept – Terminal Link và các công ty con khác của Công ty Cổ phần Công Đạt Máy Genadept – Terminal Link, Công ty Cổ phần Công Đạt Máy Genadept – Terminal Link không sở hữu bất kỳ tài sản nào khác.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, (Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn áp dụng các chế độ kế toán và các tài khoản kế toán và các tài khoản kế toán chi tiết áp dụng cho các công ty con và các tài khoản kế toán chi tiết áp dụng cho các công ty con tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 2 Lê Thánh Tôn, Phường Tân Nhựt, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: Báo cáo tài chính hợp nhất (đồng Việt Nam)

1. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Ban Tổng Giám đốc Công ty dựa trên 34 tiêu chí yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các bằng tài liệu hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Công cụ tài chính của tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập với cơ sở kế toán dồn tích (tức các bằng tài liệu qua đầu các tháng/Quý).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát là sự kiểm soát của Công ty mẹ có khả năng thực hiện hợp nhất lập chi phí của chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích vượt trội từ các hoạt động này. Khi các đơn vị quyền kiểm soát có thể điều khiển các quyết định kinh doanh và các quyết định tài chính hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông bất kỳ khi nào của tài chính.

Khi quá hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc bán cho đến ngày báo cáo tài chính của công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con và dụng để hợp nhất được lập dựa trên một bộ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện đồng loại trong cùng hoặc khác tương tự. Tổng trưởng hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi tổ chức các việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mọi đơn vị tài chính của công ty mẹ và các công ty con và dụng để hợp nhất được lập dựa trên một bộ kế toán, các khoản tài sản và nợ phải trả và các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản tài sản phải được phân loại và các giao dịch này phải được loại trừ với các chi phí tại nơi kiểm soát để không bị trùng lặp được.

Lợi tức của cổ đông không kiểm soát có thể khác phần lãi hoặc lỗ trong kết quả hoạt động và tài sản thuộc của công ty con không được chia sẻ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng biệt Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo tài sản của Báo cáo tài chính hợp nhất (trước phần vốn chủ sở hữu). Lợi tức của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị của lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh của công ty và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong kết quả kinh doanh của công ty con kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lãi phải chia sẻ của công ty con được phân bổ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát, kể từ ngày hợp nhất kinh doanh của phần vốn của cổ đông không kiểm soát trong kết quả kinh doanh của công ty con.

Khi Tập đoàn mua lại cổ phần của một đơn vị kinh doanh của công ty con, phần chính của giá mua phải thuộc của công ty mẹ và giá trị ghi sổ của tài sản thuộc của công ty con mua được từ ngày mua được ghi nhận một tỷ lệ nhất định của "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của công ty con để bù đắp cho công ty con.

Khi Tập đoàn được một phần của lợi công ty con:

- Nếu sau khi thanh toán Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát kết quả của việc thanh toán được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thanh toán Tập đoàn vẫn quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư của tập đoàn được trình bày ở khoản mục "Giá trị của công ty liên doanh, liên kết" của báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thanh toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thanh toán Tập đoàn vẫn quyền kiểm soát và công ty con trở thành khách hàng đầu tư đáng kể: khoản đầu tư của tập đoàn được trình bày theo giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chính hợp nhất và kết quả của việc thanh toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong hợp công ty con hoạt động nhằm vào góp là các chủ sở hữu, các vị trí vẫn góp thêm của các tài khoản tương ứng với tỷ lệ phần trăm sở hữu chính. Kết quả số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần số lãi công ty con trong tài sản thuộc của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái phát sinh giao dịch, kể cả các khoản mục tiền tệ và ghi ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày lập.

Chính sách tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chính sách tỷ giá áp dụng giá trị các khoản mục tiền tệ có ghi ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi áp dụng chính sách tỷ giá và chính sách ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (Giao đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); tỷ giá kỳ kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi dịch khách hàng thanh toán tại thời điểm ghi nhận phân phối.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm ghi nhận phân phối.
- Đối với các giao dịch mua bán tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không quy các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số nợ các khoản mục tiền tệ có ghi ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ ghi nhận bằng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản nợ tiền tệ có ghi ngoại tệ được phát hành từ các nhà đầu tư: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Thương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Tập đoàn tương ứng với giao dịch).
- Đối với các khoản nợ tiền tệ có ghi ngoại tệ được phát hành từ nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Thương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Tập đoàn tương ứng với giao dịch).

10/1/2024 10:00 AM

10/1/2024 10:00 AM

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tông, Phường Hồ Xuân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

HƯỚNG DẪN TÀI CHÍNH ĐỢC NHẬT

Các tài khoản được mở đầu ngày 11 tháng 01 năm 2022

Hạn thanh toán theo các tài khoản hợp nhất (nếu có)

Từ giờ trở đi, mọi chi phí đổi tài khoản tài chính của công ty sau đây bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thường mua phải tính khi mua công ty sau 01 tháng ngày được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Nghĩa vụ được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thường của công ty sau khi Công ty mẹ mua giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối phải ghi sổ vào ngày mua công ty sau được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mua doanh thu, chi phí của liên cấu kết của hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tính theo số tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản nợ thuế: Dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính theo tiêu đề được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tính theo số tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tiền tỷ giá hạch toán kỹ học các cấp số tỷ giá ghi sổ tính theo số tại thời điểm phát sinh giao dịch nhằm quản lý theo quy định của pháp luật áp dụng tỷ giá hạch toán. Mỗi lần áp dụng đồng của tỷ giá ghi sổ tính theo số đầu năm và cuối năm tài chính và áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí lịch sử giá trị được mua của tài sản đổi tài khoản tài chính của công ty sau được phân bổ dựa và trong phần vốn chủ sở hữu của Hãng của đối tác mua hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chính lịch sử giá trị được phân bổ của Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục "Chi phí lịch sử giá trị được" hoặc phần vốn chủ sở hữu của Hãng của đối tác mua hợp nhất.
- Phần chính lịch sử giá trị được phân bổ của đối tác không liên kết được trình bày tại khoản mục "Lợi ích có liên kết không liên kết".

Chi phí lịch sử giá trị được phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thường mua được phân bổ kết tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán kỹ của Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục "Chi phí lịch sử giá trị được" hoặc phần vốn chủ sở hữu của Hãng của đối tác mua hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và các giấy ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn tối đa không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền bằng tiền các định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chiếm hữu kinh doanh

Chiếm hữu tài được phân loại là chiếm hữu kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chiếm hữu kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Các ghi chép chiếm hữu kinh doanh được các định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan của giao dịch mua chiếm hữu kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chiếm hữu kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu và kiểm soát các.

- Đối với chiếm hữu kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm theo luật (TFR).
- Đối với chiếm hữu kinh doanh được ghi nhận tại thời điểm chiếm hữu có quyền sở hữu theo mục đích của pháp luật.

Thêm là, số tài sản bị chiếm hữu của kỹ thuật khi chiếm hữu kinh doanh được mua được hạch toán giữa giá trị của chính chiếm hữu kinh doanh đó. Thêm là, số tài sản và lợi nhuận của các kỹ thuật sau khi chiếm hữu kinh doanh được mua được ghi nhận bằng tiền. Các tài sản nhận bằng số phần chi được mua đi có trong số phần bằng tiền, không ghi nhận giá trị số phần nhận được.

Số: 01/2022/HĐ



CÔNG TY CỔ PHẦN DEMAREFT

Địa chỉ: 8 Lê Thái Tổ, Phường Đa Nương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỢT NGẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu VND (nếu không ghi khác)

Cả phần vốn chủ sở hữu và danh mục giá trị hợp lý tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày báo cáo. Trường hợp tại ngày báo cáo thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày báo cáo.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày báo cáo. Trường hợp ngày báo cáo trên UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày báo cáo.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các Bên thừa nhận theo hợp đồng mua bán tài sản tại thời điểm báo cáo.

Cả phần giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua vào thời điểm báo cáo và giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá đóng cửa tại ngày giá chốt và giao dịch trên sàn giao dịch liên tục của thị trường.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM), giá mua hoặc bán quốc tế trong 10 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm báo cáo năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước ngày báo cáo tài chính, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngưng giao dịch, việc lập dự phòng được đưa ra hoặc các tài sản không được công ty được mua vào hoặc tài sản không chính xác giữa các bên là được là của các chủ sở hữu và của các chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính được công ty là chủ sở hữu của tài sản của Tập đoàn và với tổng số vốn đầu tư theo giá:

Tổng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh của phần vốn tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hợp lý từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào khoản thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi FIFO.

Các khoản đầu tư vào quỹ đầu ngày báo cáo

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày báo cáo khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày báo cáo. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày báo cáo của Tập đoàn chỉ có khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày báo cáo được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Lợi ích nhận ban đầu của khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Theo thời gian thì các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày báo cáo này có thể được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có đủ cơ sở. Lợi được hưởng trước khi Tập đoàn chịu phí được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tiền phải được xác định một cách đáng tin cậy là số tiền được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trị giá của quỹ đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập dựa trên việc dự kiến mức thu hồi có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thành Tín, Phường Bắc Ngạn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SƠ ĐỒ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chức năng và cách sử dụng ngày 31 tháng 12 năm 2024

Năm tài chính chính theo các tài chính hợp nhất (nếu có)

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi hai hoặc nhiều chủ sở hữu đồng sở hữu cùng quyền quản lý. Tập đoàn và các bên tham gia được phân bổ đồng kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kế toán doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận theo giá trị thực góp vốn, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày liên doanh quyết định giải thể hoặc thông tin kết thúc hoạt động kế toán với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Nếu xảy ra chuyển của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập công ty kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ sử dụng điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng vào việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa được hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần được và Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền đưa ra các việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được đánh giá theo Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh theo các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản ròng của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lãi của công ty liên kết âm hơn hoặc bằng giá trị ghi chú của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không với khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán nợ của công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập công ty kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ sử dụng điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng vào việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa được hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần được và Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty nắm của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty nắm của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công và vốn chung Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với liên doanh đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty nắm của đơn vị khác được ghi nhận theo giá trị thực góp vốn, sau đó ghi nhận theo hợp đồng góp vốn công và chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Chi phí của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giữa ghi nợ vào chính khoản đầu tư đó. Chi phí của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Chi phí được trình bày và phần chi được mua được ghi trong số phần ứng nhận không ghi nhận giá trị số phần ứng được.

TỔNG CỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 9 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

QUY CHẾ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các nội dung chi tiết xin đọc ngày 11 tháng 11 năm 2023

Sau thành công của các tài khoản hợp nhất (nếu có)

Tại phòng kế toán cho các khoản đầu tư vào công cụ nợ của đơn vị khác được trình bày như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào chỉ chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) hay là khoản đầu tư được xác định là này, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được dựa trên các chỉ số của khoản đầu tư này được đầu tư với mục đích lập bảng cân đối kế toán của đơn vị thực tế của các chỉ số của chỉ số này tại ngày kết thúc của tài khoản hoặc với tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn so với tổng vốn đầu tư được ghi tại đơn vị khác.

Từng, giữa số dự phòng của khoản đầu tư vào công cụ nợ của đơn vị khác vẫn phải trình lập tại ngày kết thúc của tài khoản được ghi nhận vào chi phí kế toán.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày dựa trên giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu không đến.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân loại các khoản phải thu trong thời điểm thường mọi phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phân loại các khoản phải thu không có tính thường xuyên, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu không đến được lập cho từng khoản nợ phải thu khi có căn cứ vào sự biến mất và thời hạn sử dụng.

Từng, giữa số dự phòng nợ phải thu không đến vẫn phải trình lập tại ngày kết thúc của tài khoản được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất khác được áp dụng cho chi phí phát sinh liên quan đến các dự án của hoàn thành.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung và liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Các xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ chờ bán, trừ doanh thu bán hàng trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính của khoản chi phí tiêu thụ hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng một hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với đơn vị công cấp đã được viết lập dự phòng giảm giá được trình theo từng loại hàng và số mức giảm riêng biệt. Từng, giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho của giảm mất lập tại ngày kết thúc của tài khoản được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

1/11

1/11

1/11

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 12 Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BẢO CAO TÀI CHÍNH MỘT NGÀY

Cho các tài chính sử dụng ngày 21 tháng 11 năm 2023

Bảo thanh minh Báo cáo tài chính hợp nhất Trung Quốc

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí được đề dự phân bổ trong vòng đời của tài sản hữu hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là tiền thuê đất, chi phí nhượng quyền sử dụng đất, chi phí đi thuê tài chính *noninterest* và chi phí trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian sử trước hoặc đời gian sử lợi ích kinh tế tương ứng dựa trên cơ sở các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả tiền trước được thể hiện dưới dạng tài sản trả trước của Tập đoàn Tổng công ty. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng đời thời gian thuê.

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất trả tiền trước được thể hiện dưới dạng tài sản trả trước và chi phí khác là trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Chi phí trả trước lãi chính *noninterest*

Chi phí trả trước lãi chính *noninterest* được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ là 10 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần chi phí bị lợi được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng và thời gian phân bổ không quá 10 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng của mỗi thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán thuê tài sản.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định này theo hình thức mua sắm tài sản dở xây dựng, đổi lấy hàng hóa, dịch vụ, các chi phí phát sinh sau khi nhận hàng hóa chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chính thức tăng tổng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không phải bản đầu kiện nào được ghi nhận là chi phí sửa chữa, tính thành trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lợi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào chi phí hoặc lợi nhuận chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được trích hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Liên lạc bán cổ phiếu	36 năm
Nhà máy, vật liệu máy	05 – 10
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ khác	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính của phần lớn trị giá và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản hoặc sử dụng tài sản. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trị hợp vốn của hợp đồng. Nguyên giá trị của tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại kết thúc thời hạn của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu của thuế tài sản. Tỷ lệ chiết khấu có thể ghi trị giá hiện tại của khoản thanh toán tối thiểu của thuế tài sản là lợi nhuận trước thuế trong hợp đồng thuê tài sản hoặc là một ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được là một ghi trong hợp đồng thuê thì sẽ dùng là một tiền vay tại thời điểm khởi đầu của thuế tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ước định của tài sản. Trong trường hợp không chắc chắn, Tập đoàn sẽ có quyền sử dụng tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê tài sản thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản khấu hao của thời kỳ và phương pháp này thì không quá 12 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trị hợp vốn của hợp đồng.

Nguyên giá trị của tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định này đến thời điểm mua tài sản đó và chi phí vận chuyển đến các vùng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định và hoạt động sinh sản thì ghi nhận vào chi phí hoặc chi phí bán hàng. Kinh doanh trong kỳ trở lại các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình và để và liên quan lại kinh doanh sẽ từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hợp vốn của nó sẽ được xóa sổ và lợi ích phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là một bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để liên quan trực tiếp tới các sử dụng, bán, giao, tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí thu hồi đất, chi phí bồi thường, các chi phí bồi thường, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tích lũy hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có thể phân được vào tài sản. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra trước khi đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 - 10 năm.

Chi phí phát triển công nghệ

Chi phí phát triển trong Web bao gồm chi ra vào chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp thuộc giao và chi phí thi công xây dựng công trình xây dựng và công trình xây dựng khác của Tập đoàn đầu tư xây dựng công trình xây dựng trong quá trình xây dựng, xây dựng thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho hoạt động sản xuất, chi thuê và quản lý trong các chi phí liên quan đến việc xây dựng và vận hành công trình xây dựng hoàn thiện. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và không được tích lũy hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các tài sản không thể phân loại được ghi nhận vào chi phí bán hàng hoặc chi phí quản lý chi phí xây dựng kinh doanh hợp nhất trong năm.

14. Hợp chất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp chất kinh doanh được tổ chức theo phương pháp sau. Các gói hợp chất kinh doanh bao gồm: gói trị hợp lý tại ngày đầu ra bán đầu của các gói các đơn trao đổi các khoản nợ phải trả đã phải sinh hoặc đã thanh toán và các công nợ của dự Tập đoàn phải kinh tế để lấy quyền kiểm soát tiền từ mua và các chi phí liên quan trực tiếp của việc hợp chất kinh doanh. Từ năm đầu mua, nợ phải trả có thể các dịch được và không thanh toán theo từng gói kinh doanh của việc hợp chất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày đầu ra được kiểm soát.

Mỗi gói giao dịch hợp chất kinh doanh qua nhiều gói đơn, giá trị hợp chất kinh doanh được tính là tổng của giá trị khoản đầu tư tại ngày đầu được quyền kiểm soát công ty mua công nợ, giá trị khoản đầu tư sau những lần trao đổi trước đã được thanh giá trị theo giá trị hợp lý tại ngày đầu được quyền kiểm soát công ty mua. Chứng tích giữa gói kinh doanh và giá trị khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều ngày đầu được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty mua và khoản đầu tư được tính bằng theo phương pháp giá gốc. Vào trước ngày đầu được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được tính bằng theo phương pháp giá trị hợp lý hoặc giá trị quản trị kinh doanh giữa giá trị hợp lý và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp giá trị hợp lý. Nếu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phải chứng minh giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp giá trị hợp lý và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận theo các khoản mua "Lợi nhuận sau thuế của phần phải" của hàng của đầu tư hợp chất.

Phần chênh lệch sau mua của giá trị hợp chất kinh doanh so với phần bổ hình của Tập đoàn trong giá trị hợp lý khoản đầu tư, nợ phải trả có thể của đơn được và các khoản nợ theo công nợ phải trả tại ngày đầu được quyền kiểm soát công ty mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần bổ hình của Tập đoàn trong giá trị hợp lý khoản đầu tư của, nợ phải trả có thể của đơn được và nợ phải trả được ghi nhận tại ngày đầu được quyền kiểm soát công ty mua vượt quá giá trị hợp chất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Các số bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị mất mát thì hơn về phần bổ từ số phần bổ trong năm là số của phần phải.

Lợi ích của số bằng không kiểm soát tại ngày hợp chất kinh doanh mua đầu được các dịch từ cơ sở từ là của các số bằng không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Các chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các vấn đề tập hợp từ số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện dựa nguyên tắc sau:

- Phải trả ngắn hạn phải trả các khoản phải trả trong thời điểm tương lai phải trả và giá trị hiện tại của hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua khoản vì đơn lập với Tập đoàn.
- Các chi phí phải trả phải trả các khoản phải trả của hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người mua hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa trả và có thể có hàng đơn hoặc chưa trả tiền, thì lập kế toán và các khoản phải trả của người mua đứng và tính tương ứng phải, các khoản chi phí của tiền, khoản phải trả khác.
- Phải trả khác phải trả các khoản phải trả không có tài tương lai, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn của hàng hóa dịch vụ của hợp chất kinh doanh tại ngày kết thúc của kỳ tính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ cụ thể và (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do các quá trình tố tụng pháp lý, việc thanh toán nghĩa vụ nợ với các thể nhân dân theo giữa các công ty thành viên liên kết và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Mỗi kết luận của một giải pháp yêu cầu dự phòng sẽ được xác định bằng cách tính toán số tiền phải trả có tương đương là để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phân bổ những chênh lệch vào chi tương ứng tại và giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ yêu cầu làm quan đến chi phí nhận tiền, các công nợ trả và dự phòng liên hình sống khác.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu của Công ty.

Phân bổ vốn cổ phần

Thông tin vốn cổ phần được ghi nhận theo số chứng nhận quyền sở hữu và người giữ cổ phần khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, thành lập giữa người giữ chứng nhận và giá trị sổ sách của cổ phần quy và của phần vốn của tài sản chuyển đổi tài sản hạn. Công ty thực tập lần đầu tiên việc phát hành bổ sung cổ phần và tài sản khác có phần quy được ghi nhận bằng chi phí của vốn cổ phần.

Vấn khác của chủ sở hữu

Vấn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động Việt Nam, được ghi lại từ các và giá trị của tài sản quy và tỷ lệ của tài sản này được tặng, bảo, là sự sau khi trừ các khoản thuế phải nộp trước của liên quan đến các tài sản này.

18. Phải phải trả ngắn hạn

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phải phải trả ngắn hạn của các cổ đông được ước tính dựa vào khoản mục ghi nhận từ năm trước kết chuyển sau thuế của phần phải trả và ảnh hưởng đến tương ứng và khả năng chi trả có các chủ sở hữu là do chính ghi lại tài sản tương ứng góp vốn, là các khoản ghi lại các khoản nợ liên kết, các công và tài chính và các khoản nợ phải trả khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

19. Chi nghĩa vụ thuế thu và thu nhập

Đánh thuế công cấp của vụ

Đánh thuế công cấp của vụ được ghi nhận khi đồng ý có trên các tài khoản sau:

- Đánh thuế được xác định tương đối vào năm, các hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại thuế vụ đã trả sau một số năm nhất định cụ thể, đánh thuế chi được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại tiền và đã công cấp.
- Thuế thu nhập cá nhân đã được tự kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân công cấp dịch vụ đó.
- Năm thuế được phân bổ vào tài khoản thuế của một năm nhất định.
- Việc đánh thuế chi phí phải trả chi phí giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch công cấp dịch vụ đó.

Trong hợp đồng vụ được thanh toán trong nhiều kỳ thì đánh thuế được ghi nhận trong kỳ được các tài khoản kế toán phân bổ vào tài khoản thuế của ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT | BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu của hoạt động kinh doanh

Doanh thu của hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian của hoạt động. Tỷ lệ của hoạt động trước của chuỗi bị được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian của hoạt động.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất được sử dụng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng và phân bổ tổng phần, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp của khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí lãi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc các hoạt động đầu tư đang chờ sử dụng thì được phân bổ (tối đa bằng 12 tháng) để bù đắp chi phí và đang chờ mục đích định trước. Ngoài ra chi phí đi vay vay được tính vào giá trị của tài sản đầu tư với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, thì mọi được vào báo cáo tài chính giữa kỳ xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản chi chấp phát sinh từ việc đầu tư mua đất của khoản vay được ghi giảm nguyên giá trị của tài sản cố định.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có cả được cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc các hoạt động đầu tư đang chờ sử dụng thì chi phí đi vay của khoản vốn định theo tỷ lệ của báo cáo với chi phí xây dựng hoàn thiện các phần của dự án đầu tư xây dựng và báo cáo của khoản tài sản cố định. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ chi phí xây dựng hoàn thiện của các khoản vay được trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng phục vụ cho mục đích khác thành một tài sản cố định.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phải trả để chi tiền hay dịch vụ.

Các khoản chi phí và khoản được thu do và tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận ngay khi các khoản chi và quy định của các chuẩn mực kế toán đã đưa báo cáo phát sinh giao dịch với các tương đương, hợp lý.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hợp nhất và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành được tính theo lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh và bổ sung, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thuế nhập không phải hiện hành và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trước và được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của đơn vị theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh được ghi nhận theo lợi ích của khoản chênh lệch tạm thời chờ thuế. Các khoản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế sẽ sử dụng tương đương hoặc tạm thời được ước tính về việc.

[Chức năng và nội dung chi tiết của tài khoản này]

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Mã số: 3 Lê Thánh Tôn, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAD LÃO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa được chỉnh sửa vào ngày 11 tháng 10 năm 2022

Đã được chỉnh sửa của tài chính hợp nhất tiếp theo

Đại lý gửi tiền của tài sản thế chấp được doanh nghiệp hoàn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm năm năm đến hạn của khoản vay có đủ lợi nhuận kinh doanh cho phép lại với của một phần hoặc toàn bộ tài sản thế chấp hoàn lại được sử dụng. Các tài sản thế chấp được doanh nghiệp hoàn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận thì chắc chắn có đủ lợi nhuận kinh doanh để có thể sử dụng vào tài sản thế chấp được hoàn lại của ghi nhận này.

Tài sản thế chấp được hoàn lại và thế chấp tiếp hoàn lại phải trả được xác định theo thỏa thuận dự kiến về lợi nhuận của năm tài sản được thế chấp này và phải trả được thanh toán dựa trên các thỏa thuận về khoản vay và ngày kết thúc năm tài chính. Thỏa thuận tiếp hoàn lại được ghi nhận vào tài sản kết quả hoạt động kinh doanh và chi phí trực tiếp vào năm của nó trên khi khoản thế chấp liên quan đến các khoản mục được ghi thông vào năm đó về hưu.

Tài sản thế chấp được hoàn lại và thế chấp tiếp hoàn lại phải trả được trả trở lại khi:

- Tập đoàn sẽ nhận lại khoản vay được trả về giữa tài sản thế chấp hoàn thành với tài sản thế chấp hiện hành phải nộp về
- Các tài sản thế chấp được hoàn lại và thế chấp tiếp hoàn lại phải trả này liên quan đến tài sản thế chấp doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế
 - Điều này cũng xảy ra do vì châu thuế hoàn
 - Tập đoàn sẽ điều chỉnh năm tài sản thế chấp hiện hành phải trả và tài sản thế chấp tiếp hoàn thành năm cơ sở thuế hoặc đầu tiên tài sản đồng thời với việc thanh toán về phải trả trong tổng kỳ trong tài khoản không trong năm tài sản thế chấp tiếp hoàn lại phải trả hoặc tài sản thế chấp tiếp hoàn lại được thanh toán hoặc trả lại.

11. Hàng tồn kho

Các hàng được coi là hàng tồn kho nếu một bất cứ thứ nào khác xuất hiện và ảnh hưởng đáng kể tới vào tài sản của công ty và quyết định của chính sách tài chính và hoạt động. Các hàng tồn kho được xem là hàng tồn kho nếu chúng chịu sự biến mất chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xác định các hàng tồn kho của các tài sản tồn kho, hàng tồn kho của công ty được xác định nhiều hơn là hình thức pháp lý.

12. Hàng tồn kho theo bộ phận

Bộ phận theo dõi vận kinh doanh là một phần cơ thể của định riêng biệt theo dõi các quá trình của xuất hoặc công nghiệp của phần, dịch vụ và nó có thể có tài sản kinh tế liên quan với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo dõi vận địa lý là một phần cơ thể của định riêng biệt theo dõi các quá trình của xuất hoặc công nghiệp của phần, dịch vụ trong phạm vi một xuất trường kinh tế cụ thể và nó có thể có tài sản kinh tế liên quan với các bộ phận khác trong các xuất trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENAREPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ Bộ phận Kế toán (Số điện thoại)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHUẢN SỰC TIỀM HIỂM THƯƠNG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

I. Tài sản các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	33.799.491.000	19.342.963.943
Tiền gửi ngân hàng	712.856.608.148	410.575.599.182
Tiền đang chuyển	192.472.594	833.705.602
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	420.041.000.000	266.574.839.873
Tổng	1.348.349.571.142	691.346.708.600

II. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư vào các đơn vị liên kết, đầu tư vào công ty liên doanh, vốn góp và đầu tư góp vào các đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	
	Cả gốc	Cả trị	Cả gốc	Cả trị		
Cổ phiếu						
Công ty Cổ phần						
Thủy Tiên Sơn	11.884.284.362	13.399.344.398	13.192.323.877	11.484.294.102	28.885.288.991	(1.497.898.369)
Công ty Cổ phần						
Nông sản Thuận	4.224.421.189		4.428.221.208	14.299.821.188		(14.224.321.189)
Các chứng khoán	702.218	214.198	4.952.118	800.219	41.800	103.170
Tổng	16.811.327.769	13.623.569.794	22.572.667.203	46.584.346.589	29.111.910.981	(13.851.750.672)

Thành tích biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(13.851.750.672)	(14.182.846.584)
Tích lập dự phòng bổ sung	(1.507.889.041)	
Hoàn nhập dự phòng		14.261.692.934
Số cuối năm	(15.359.639.713)	(13.851.750.672)

b. Đầu tư vào các đơn vị liên kết

Khấu trừ các khoản giảm giá của các đơn vị liên kết theo 12 tháng đầu 12 tháng.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, vốn góp

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng
	Cả gốc	Lợi nhuận ghi nhận sau thuế đầu tư	Cả gốc	Lợi nhuận ghi nhận sau thuế đầu tư	
Công ty liên kết					
Công Cổ Mỹ					
Shanghai - Tianjin	1.072.228.848.000	30.886.954.782	1.072.228.848.000	1.072.228.848.000	1.000.784.988.147.074.184.000
Công ty liên kết và hàng hóa					
Đà Nẵng	49.284.228.800	146.271.874.000	49.284.228.800	208.044.221.800	(81.284.794.228.800.000.000.000.000)
Công ty khác					
Đà Nẵng					
Logistics - Logistics	11.571.878.000	338.222.228.800	338.222.228.800	28.278.878.000	(41.284.228.800.000.000.000.000)
Công ty khác					
Tập đoàn "S" - Logistics	2.000.000.000	14.284.228.800	222.222.228.800	48.284.228.800	11.284.228.800

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 3 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chức vụ: Báo cáo được lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: Báo cáo tài chính hợp nhất (đồng Việt Nam)

	Số xuất sắc		Số đầu vào	
	Còn giá	Lợi nhuận gộp tính vào ngày đầu tư	Còn giá	Lợi nhuận gộp tính vào ngày đầu tư
Công ty TNHH Cổ Dược				
Pharmaceutical	104.200.000.000	10.424.990.000	104.200.000.000	10.424.990.000
Công ty TNHH Dược Phẩm	100.000.000.000	10.000.000.000	100.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dược Phẩm	40.000.000.000	4.000.000.000	40.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Liên lạc Thương mại	40.000.000.000	4.000.000.000	40.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Nam	10.000.000.000	1.000.000.000	10.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	294.200.000.000	29.424.990.000	294.200.000.000	29.424.990.000

Tổng lợi nhuận gộp của các công ty con của Tập đoàn tại báo cáo tài chính, dựa trên được trình bày ở đây là 29.424.990.000.

Tổng lợi nhuận gộp của các công ty con được trình bày ở đây là 29.424.990.000.
Các công ty con được trình bày ở đây là các công ty con của Tập đoàn.

Các công ty con của công ty con được trình bày ở đây là 29.424.990.000.
Các công ty con của công ty con được trình bày ở đây là 29.424.990.000.

Các công ty con của công ty con được trình bày ở đây là 29.424.990.000.
Các công ty con của công ty con được trình bày ở đây là 29.424.990.000.

Các công ty con của công ty con được trình bày ở đây là 29.424.990.000.
Các công ty con của công ty con được trình bày ở đây là 29.424.990.000.

24. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Số xuất sắc		Số đầu vào	
	Còn giá	Dự phòng	Còn giá	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Bắc và Miền Đông	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Quý Lê Thái Việt Nam	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	100.000	-	100.000	-
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Nam	1.000.000	(1.000.000)	1.000.000	(1.000.000)
Cộng	21.000.000.000	(1.000.000.000)	21.000.000.000	(1.000.000.000)

25. Các khoản nợ

Các khoản nợ của công ty con được trình bày ở đây là 21.000.000.000.
Các khoản nợ của công ty con được trình bày ở đây là 21.000.000.000.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: A12 Thành Tín, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế VAT CH HƯNG HỢP NHẤT

Chức vụ và chức vụ báo ngày 11 tháng 12 năm 2023

Số thành viên báo cáo đã chính xác (hợp lệ)

Do người chỉ các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trình bày trình độ dự phòng các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.436.377.880	(1.134.883.329)
Hoàn nhập dự phòng	1.142.323.967	997.386.240
Số cuối năm	11.294.053.913	(3.438.177.889)

I. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của các đơn vị liên quan	490.812.084.339	61.298.382.497
Công ty Cổ phần Công Cầu Mập Genadept - Terminal Link	89.873.883.000	11.776.137.217
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	38.106.234.874	21.813.783.780
Công ty TNHH MTV Việt Hải Sản Genadept	13.174.582.978	12.873.928.181
Công ty TNHH Thủy sản "K" Liên - Genadept	4.398.943.838	311.100.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Genadept	904.428.713	1.819.838.303
Phải thu các khách hàng khác	408.918.345.231	174.821.491.422
Cộng	941.808.434.568	636.714.968.918

Mọi số khoản phải thu đã được thể hiện để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng THCF Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TNHH MTV Sincere Việt Nam (xem thuyết minh số V.22a).

II. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các đơn vị liên quan		28.438.800
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	-	28.438.800
Trả trước cho các người bán khác	187.928.736.284	187.293.135.903
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	81.174.181.754	88.514.181.258
Công ty TNHH Du lịch Travelly Việt Nam	26.954.836.848	12.333.014.915
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kỹ thuật Hải Sản	-	28.844.481.113
Sinhvi S&S Machinery-Co., Ltd	-	23.908.992.000
Các nhà cung cấp khác	52.781.498.140	42.617.481.609
Cộng	187.919.774.384	185.211.795.833

III. Phải thu về cho vay**Ia. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các đơn vị liên quan vay	2.623.398.898	17.311.336.898
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Nam	2.623.398.898	2.623.398.898
Công ty Cổ phần Công Cầu Mập Genadept - Terminal Link	-	15.098.000.000
Cho các cá nhân khác vay	23.096.898.808	2.000.000.000
Cộng	25.720.297.706	19.623.598.898

Ib. Phải thu về cho vay dài hạn

Không cho (đơn vị liên quan vay).

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃ SỐ QUẢN LÝ CÔNG TY: 0312301000

Chức vụ: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính (chức vụ)

Mức lương: 100 triệu VNĐ (chức vụ)

A. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	28.248.837.187	27.776.418.455
Công ty TNHH Golden Gate – Chi bộ	26.186.143.000	25.554.875.000
Công ty Cổ phần Du lịch Miền Đầm – Chi bộ	1.489.357.972	1.122.098.000
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng – Chi bộ	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Genadept – Terminal Link – Chi bộ	67.404.128	-
Công ty TNHH MTV Văn Miếu Genadept – Hồ Chí Minh, chi bộ	21.071.781	143.876.455
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	146.299.695.554	288.436.897.898
Tạm ứng	64.800.371.819	58.210.807.291
Các khoản kỳ quá, hạn con ngắn hạn	2.301.990.578	23.770.383.189
Công ty TNHH Sông Hồng – Đơn vị hợp tác thực hiện dự án Công trình lắp Lũ Chèn	4.600.000.000	7.000.000.000
Các khoản chi bộ	19.189.504.089	11.496.574.148
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.808.637.437	101.878.878.318
Cộng	174.477.442.655	136.838.742.551

b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Bắc Hà Nội	18.000.000.000	18.000.000.000
Mã Trú Đông Dương – Đơn vị hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ của Ingotex	18.105.881.337	18.845.414.309
Các khoản kỳ quá, hạn con dài hạn	-	571.109.850
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-
Cộng	36.105.881.337	37.416.524.159

T. Nguyên

	Thời gian kết hạn	Số cuối năm		Thời gian kết hạn	Số đầu năm	
		Có giá trị	Không có giá trị		Có giá trị	Không có giá trị
Phải thu ngắn hạn		4.113.287.000	79.115.487.900		3.790.942.000	75.794.079.400
Công ty TNHH Du lịch Miền Đầm – Chi bộ		4.113.287.000	64.000.000.000		3.790.942.000	67.964.000.000
Các khoản kỳ quá, hạn con ngắn hạn		-	15.115.487.900		-	7.830.079.400
Phải thu ngắn hạn khác		-	-		-	-
Phải thu dài hạn		18.105.881.337	18.105.881.337		18.105.881.337	18.105.881.337
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Bắc Hà Nội	100% vốn đầu tư	18.105.881.337	18.105.881.337	100% vốn đầu tư	18.105.881.337	18.105.881.337
Phải thu dài hạn khác	100% vốn đầu tư	-	-	100% vốn đầu tư	-	-
Cộng		22.219.168.337	97.221.369.237		21.896.823.337	93.899.960.737

Tổng tài sản không dự phòng nợ phải thu dài hạn khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	118.399.714.995	79.024.136.872
Tích lũy dự phòng	(775.196.318)	(873.328.111)
Số cuối năm	117.624.518.677	78.150.808.761

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Số 01/Đ-TC/2018/CTCP, Trường Đào Ngộ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ QUẢN TÀI CHÍNH 1929 NHAT

Chi kiến từ chính từ báo ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số thuế giá trị gia tăng của tài chính hợp nhất (tỷ VNĐ)

B. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cũ gốc	Đã giảm	Cũ gốc	Đã giảm
Nguyên liệu, vật liệu	25.151.314.609	-	28.029.567.407	-
Nhà kho tồn kho trên kho	18.098.642.494	-	3.884.437.738	-
Phụ tùng thay thế	17.345.423.412	-	11.389.896.870	-
Công cụ dụng cụ	358.628.110	-	323.281.794	-
Chi phí sản xuất hàng thành phẩm dở dang	9.144.618.469	-	9.318.495.055	-
Hàng hóa, thành phẩm	1.819.024.188	-	3.168.188.087	-
Cộng	61.917.656.600	-	66.713.818.949	-

Mọi số bằng tiền đều đã được kiểm tra đối chiếu đầy đủ của các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.22a).

B. Chi phí trả trước**Ba. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	834.795.693	1.473.144.028
Chi phí vận chuyển	1.818.708.724	3.458.948.347
Tiền thuê đất	4.385.681.370	4.263.641.370
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.900.871.211	6.111.868.893
Cộng	11.708.657.001	15.418.712.738

Ba. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất ^(*)	706.181.797.490	725.875.418.818
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ^(**)	121.822.507.088	121.965.319.771
Chi phí trả trước về chính quyền	10.338.839.329	8.096.822.453
Chi phí đầu tư đường giao	6.221.816.354	12.788.771.878
Chi phí sửa chữa	11.709.802.848	18.048.677.837
Các chi phí trả trước dài hạn khác	44.447.186.879	71.447.400.697
Cộng	811.642.879.378	898.728.649.612

^(*) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần LCD Nam Đức và Công ty Cổ phần Công Nam Đình và Tiền thuê đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Thành và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – EVCB (xem thuyết minh số V.22a).

^(**) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công Nam Đình và Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Thành (xem thuyết minh số V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 51 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho các tài khoản kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Số liệu được trích dẫn từ sổ sách kế toán (tỷ đồng)

III. Tài sản cố định hữu hình

	Kết thúc tài khoản	Ngày 31 tháng 12	Phương tiện vận chuyển	Thời kỳ tăng trừ quyền	Giá trị
Tổng giá trị					
Bắt đầu năm	8.117.407.994.947	1.712.940.979.189	1.996.319.445.587	45.982.004.000	2.124.949.248.714
Khấu hao tích lũy	378.392.043	6.696.000.000	45.601.307.779	4.829.704.300	51.422.204.022
Giá trị còn lại	7.739.015.951.904	1.646.244.979.189	1.950.718.137.808	41.152.299.700	2.073.527.044.692
Chi phí xây dựng	26.249.322.000	22.048.120.040	188.389.300.000	379.480.000	45.339.300.000
Chi phí mua sắm	-	24.322.276.287	26.412.300.000	497.499.000	51.232.075.274
Chi phí sửa chữa	-	21.472.400.000	1.232.000.000	-	22.704.400.000
Chi phí vận hành	4.288.900.000	87.720.000	422.000.000	18.400.000	4.496.020.000
Chi phí khác	1.700.000.000	1.441.200.000	1.000.000.000	45.982.000.000	4.587.180.000
Tổng chi					
Chi khấu hao tích lũy	378.392.043	6.696.000.000	45.601.307.779	4.829.704.300	51.422.204.022
Chi phí xây dựng	26.249.322.000	22.048.120.040	188.389.300.000	379.480.000	45.339.300.000
Chi phí mua sắm	-	24.322.276.287	26.412.300.000	497.499.000	51.232.075.274
Chi phí sửa chữa	-	21.472.400.000	1.232.000.000	-	22.704.400.000
Chi phí vận hành	4.288.900.000	87.720.000	422.000.000	18.400.000	4.496.020.000
Chi phí khác	1.700.000.000	1.441.200.000	1.000.000.000	45.982.000.000	4.587.180.000
Tổng chi					
Chi khấu hao tích lũy	378.392.043	6.696.000.000	45.601.307.779	4.829.704.300	51.422.204.022
Chi phí xây dựng	26.249.322.000	22.048.120.040	188.389.300.000	379.480.000	45.339.300.000
Chi phí mua sắm	-	24.322.276.287	26.412.300.000	497.499.000	51.232.075.274
Chi phí sửa chữa	-	21.472.400.000	1.232.000.000	-	22.704.400.000
Chi phí vận hành	4.288.900.000	87.720.000	422.000.000	18.400.000	4.496.020.000
Chi phí khác	1.700.000.000	1.441.200.000	1.000.000.000	45.982.000.000	4.587.180.000
Tổng chi					
Chi khấu hao tích lũy	378.392.043	6.696.000.000	45.601.307.779	4.829.704.300	51.422.204.022
Chi phí xây dựng	26.249.322.000	22.048.120.040	188.389.300.000	379.480.000	45.339.300.000
Chi phí mua sắm	-	24.322.276.287	26.412.300.000	497.499.000	51.232.075.274
Chi phí sửa chữa	-	21.472.400.000	1.232.000.000	-	22.704.400.000
Chi phí vận hành	4.288.900.000	87.720.000	422.000.000	18.400.000	4.496.020.000
Chi phí khác	1.700.000.000	1.441.200.000	1.000.000.000	45.982.000.000	4.587.180.000

Số dư tài sản cố định hữu hình và giá trị còn lại đầu và cuối năm 2.428.109.256.776 VNĐ đã được kiểm tra và đúng theo sổ sách kế toán của công ty (tính theo giá trị gốc).

IV. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thời kỳ và phương tiện vận chuyển
Tổng giá trị	
Bắt đầu năm	253.311.786.000
Tăng khác	97.893.000
Chi khấu hao	131.413.883.250
Tổng chi	
Chi khấu hao tích lũy	131.413.883.250
Chi phí mua sắm	97.893.000
Chi phí vận hành	198.796.793.849
Tổng chi	
Chi khấu hao tích lũy	131.413.883.250
Chi phí mua sắm	97.893.000
Chi phí vận hành	198.796.793.849

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Được xem xét/kiểm kê theo ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo chuyển sách theo các tài chính hợp nhất (cộng đồng)

12. Tài sản cố định và tích

	Quyển sổ đăng ký	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí thiết kế trong Web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	302.062.230.234	68.134.658.250	10.000.000	380.244.798.494
Mua trong năm	-	1.903.363.990	-	1.903.363.990
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.533.120.000	-	1.533.120.000
Chuyển tích từ giá	9.254.693.216	4.405.123	-	9.259.098.339
Số cuối năm	<u>311.316.923.450</u>	<u>71.976.141.263</u>	<u>10.000.000</u>	<u>393.293.064.713</u>
Trung giá				
Giá trị hao mòn lũy cộng	-	29.529.392.952	18.000.000	29.547.392.952
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	63.314.646.647	38.615.265.302	10.000.000	111.939.911.949
Khấu hao trong năm	6.143.109.120	3.224.877.713	-	9.367.986.833
Chuyển tích từ giá	1.922.433.870	4.405.123	-	1.926.838.993
Số cuối năm	<u>71.379.989.637</u>	<u>46.045.548.138</u>	<u>10.000.000</u>	<u>117.425.537.775</u>
Giá trị vẫn lại				
Số đầu năm	<u>218.000.000.387</u>	<u>21.224.175.967</u>	-	<u>239.224.176.354</u>
Số cuối năm	<u>239.936.933.813</u>	<u>25.930.593.125</u>	-	<u>265.867.526.938</u>
Trung giá				
Tạm thời không có định	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thường là về hình thành công, phần chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thực hiện ở Phân bộ Kế toán Tổng hợp.

Tài sản cố định tích lũy thành ra xây dựng cơ bản, xây xong thực tế thì sẽ đưa cố định vào một đầu tư giá trị theo 2 kỳ kế Công Năm theo Văn 28 được để chấp để đưa vào các khoản này và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.22b).

14. Tài sản thuê mua chấp hoàn lại

Tài sản thuê mua chấp hoàn lại là tài sản mua của khách hàng, lập tạm thời được khấu trừ, Chi phí phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	112.002.320.253	110.003.814.392
Chi phí nhân viên tiếp quản khách hàng trong năm	10.840.004.473	21.461.656.473
Chi phí với thuế thu nhập hoàn lại phải trả	1.375.492.813	162.854.189
Số cuối năm	<u>124.217.817.539</u>	<u>132.628.325.044</u>

Thạch anh thuê mua chấp hoàn lại đang để chờ định giá trị tài sản thuê mua chấp hoàn lại là 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thanh Toán, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo (chuyển) sách báo của tài chính hợp nhất (chức năng)

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc dẫn tư vấn đến từ các Công ty Cổ phần Công Nam Hải Minh V&C, Công ty Cổ phần Công Nam Hải và Công ty Cổ phần Công Minh Dương. Các chỉ phân tích trong năm như sau:

	Người gửi	Số đơn phân bổ	Giá trị đơn lợi
Số đầu vào	158.517.383.584	144.985.589.475	211.927.879.952
Điểm số trong năm		27.603.597.413	
Số cuối năm	598.417.383.584	172.589.196.888	188.324.282.538

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	18.538.897.799	8.198.849.161
Công ty TNHH MTV V&C Hải Minh Genadept	27.127.285.270	8.128.711.498
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	673.925.134	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	643.771.838	796.874.182
Công ty TNHH MTV Tây An Genadept	48.191.158	1.083.300
Công ty Cổ phần Công Hải Minh Genadept - Terminal Link	11.918.400	8.130.008
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	-	1.124.248.277
Phải trả các nhà cung cấp khác	889.922.924.897	873.889.729.743
Rick Mountain Trading Co., Ltd	224.581.733.000	17.588.166.818
V.S.G Capital Investment Co., Ltd	88.246.438.234	88.443.118.881
Miami EMS Machinery Co., Ltd	64.151.468.109	-
Công ty TNHH Doosan Searhity Việt Nam	18.891.357.800	-
Các nhà cung cấp khác	181.688.715.854	169.327.212.934
Cộng	908.461.812.898	962.088.578.904

Tập đoàn không có sự phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Thuế và các khoản phải nộp Thuế thu nhập

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Đã nộp	Đã phải nộp	Đã nộp thực tế	Phải nộp	Đã nộp
Thuế GTGT hàng bán và dịch vụ	1.158.893.738	-	81.074.431.288	178.418.078.246	11.118.876.181	89.128.789
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	28.076.088.861	8.340.070.975	10.734.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	391.012.867	104.212.867	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.881.094.120	11.021.287.148	161.518.096.088	147.471.894.330	40.886.118.076	38.871.183.788
Thuế thu nhập ưu đãi	1.997.843.076	20.443.281	41.309.714.217	118.184.800.117	4.310.076.465	181.813.219
Các thuế khác	171.25.289	10.140.885	19.120.871.289	119.140.175.179	11.771.281.490	1.041.000.000
Cộng	15.109.046.223	31.575.711.414	271.490.507.743	544.068.121.774	88.026.271.712	129.043.992.787

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% và 10%.

Thuế thu nhập cá nhân

Các công ty trong Tập đoàn không kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân của các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Thị trấn Lê Thành Tân, Phường Bắc Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hàng tháng và số Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các cơ quan thuế theo Hệ thống với thuế suất 20%. Không có công ty ở nước ngoài nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất khác quy định cụ thể của từng nước.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn dựa trên cơ sở các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng đợt kỳ và các quy định về thuế khác với những loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế tiến hành.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kế toán và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Năm cuối năm</u>	<u>Năm đầu năm</u>
Phải trả Mua hàng quay	-	547.973.823
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Chi phí dịch vụ	-	547.973.823
Phải trả các số khác và số khác khác	894.384.279.842	428.641.498.492
Chi phí cho dịch vụ tổng hợp	88.244.510.600	86.912.278.799
Chi phí thuê vụ	11.618.246.573	8.661.254.928
Chi phí học tập, vận chuyển	3.809.123.499	4.212.611.790
Chi phí trả công công nhân	20.900.000.389	26.194.916.282
Chi phí thuế đất	-	277.894.109.066
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	61.500.149.170	47.754.893.123
Cộng	<u>194.384.279.842</u>	<u>481.889.725.413</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện**20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Tiền nhận từ người sử dụng thuế thu nhập cá nhân.

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Năm cuối năm</u>	<u>Năm đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại và các chi phí dịch vụ của các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	282.195.118.305	304.371.478.943
Lãi hoãn lại do cung cấp dịch vụ cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	83.379.885.588	88.163.774.999
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	1.468.343.186	1.482.138.548
Cộng	<u>367.043.347.079</u>	<u>394.018.392.490</u>

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty Cổ phần Gemadept

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁCH CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh báo cáo tài chính, tiếp (chức vụ: Ban)

21. Phải trả khác**21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị liên quan	2.176.714.666	2.929.418.122
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sài Gòn - Chi phí trả về vay	1.775.142.439	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Genadept - Thu nợ phải trả khác	114.021.907	-
Công ty TNHH Tập đoàn "K" Liên - Genadept - Nhận đặt cọc cho thuê vận phòng	72.584.500	72.584.500
Công ty Cổ phần Công tác Máy Genadept - Forward Link - Nhận chi trả	2.237.371	-
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Genadept - Thu nợ khoản thu nợ và phải trả khác	-	2.534.835.739
Phải trả các đơn vị khác có cá nhân khác	1.268.482.482.422	272.889.746.122
Khuyến khích đơn vị chấp nhận chuyển nhượng công ty con (*)	1.000.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Phải trả khác	-	40.000.000.000
Phải trả về dịch vụ tìm kiếm kỹ	48.829.887.048	87.129.182.549
Chi phí phải trả	28.981.545.138	28.122.463.310
Chi phí thuê đất (*)	18.783.544.300	17.112.115.842
Thanh toán ngắn hạn	2.540.464.872	4.289.855.881
Liên hệ công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	4.022.888.288	3.988.716.648
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	170.290.055.719	120.907.977.340
Cộng	1.271.833.516.489	175.828.184.618

(*) Khuyến khích đơn vị chấp nhận chuyển nhượng công ty con để ký với các Nhà đồng nghiệp chuyển nhượng phần vốn và hoàn thành giao dịch chuyển nhượng công ty con.

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả đơn vị liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Genadept - Nhận đặt cọc cho thuê kho	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả các đơn vị khác có cá nhân khác	81.111.438.260	84.684.728.072
Chi phí thuê đất (*)	97.511.438.260	84.363.299.172
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	147.903.000
Cộng	89.622.876.520	89.495.139.244

(*) Các khoản chi phí thuê đất gắn liền với Công ty Cổ phần Hàng không Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hàng không Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Hàng không thành Thái Bình Dương được phân bổ cho giá trị đơn vị vốn 30 tỷ đồng kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2022. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau 03 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

22a. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 114 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chấm dứt tính đến hết thời gian: 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: triệu đồng (chỉ được lấy để so sánh nội bộ)

13. Vay và nợ thuê tài chính

13a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả liên ngân hàng	-	218.888.000.000
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn với lãi suất ưu đãi trong hợp đồng	-	218.000.000.000
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	177.433.897.133	171.829.779.333
Vay ngắn hạn ngân hàng	177.433.897.133	171.544.379.333
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh / TP. Hồ Chí Minh ^(a)	89.837.799.000	88.974.643.685
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	77.473.615.799	58.028.050.438
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ^(c)	2.328.871.745	102.653.479.993
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shikhan Việt Nam ^(d)	210.000.000	89.699.497.308
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	40.298.353.547
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	32.118.383.616
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	34.295.580.000
Pay Cheezee International Forward Services (Singapore) Pte. Ltd.	-	34.295.580.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn với các tổ chức khác	865.961.718.449	735.858.185.817
Vay dài hạn liên ngân hàng (xem thuyết minh số 13b)	809.804.811.679	597.551.809.325
Nợ thuê tài sản liên ngân hàng và (xem thuyết minh số 13b)	55.956.906.770	41.021.371.392
Cộng	<u>543.415.895.861</u>	<u>880.463.948.439</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh / TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải trả liên ngân hàng chi trả (xem thuyết minh số 13.1 và 13.2).
- (b) Khoản vay hàng và tư vấn đầu tư Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động.
- (c) Khoản vay hàng và tư vấn đầu tư Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng để bổ sung vốn lưu động.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shikhan Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải trả liên ngân hàng (xem thuyết minh số 13.1).

Tập đoàn sẽ trả bằng tài sản thế chấp các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 10 K1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

AMCÁC LOẠI CHỨNG ĐƠN NHẬT

Chưa xác lập chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Đơn thanh toán theo các chỉ định tùy thuộc (đồng tiền)

Khuyến vay Ngân hàng THƯƠNG MẠI VIỆT NAM Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án cầu vượt Phước Vĩnh Hưng với thời hạn vay không quá 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bất động sản trong tài sản của vay (xem thuyết minh số V.10).

191) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh Thành Tín để đầu tư mua 01 xe tải tải trọng 248 Tấn với thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trong tài sản của vay (xem thuyết minh số V.10).

192) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để đầu tư dự án cải tạo một container loại thức B70, công cụ, các chi phí, cấp điện, xây nhà điều hành, đầu tư hệ thống phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh công, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê và tài sản khác của các quyền lợi liên quan của chủ đầu tư, tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10 và V.10).

Khuyến vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh để bổ sung vốn đầu tư mua xe tải, loại B70. Thời hạn vay tối đa là 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số vốn vay được hoàn trả bằng quỹ. Thanh toán lần đầu vào ngày 08 tháng 1 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 6 căn nhà cấp B70 của công ty (xem thuyết minh V.10).

193) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để góp vốn vào Công ty TNHH Công Phước Long với thời hạn vay không quá 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng 050.000 cổ phần của Công ty mẹ trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (xem thuyết minh số V.2a).

194) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua 01 xe nâng container với thời hạn vay 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bất động sản của vay (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản nợ về sự điều chỉnh địa điểm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và sự thay đổi chính địa điểm như sau:

	Từ 01 năm kể xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Từ 05 năm	Tổng cộng
Số tiền của				
Vay dài hạn ngắn hạn	130.000.000.000	1.140.000.000.000	211.300.000.000	1.381.300.000.000
Quy định tài chính	23.000.000.000	23.000.000.000	-	46.000.000.000
Tài sản gốc phải trả	20.000.000.000	20.000.000.000	-	40.000.000.000
Tài sản gốc phải trả	8.000.000.000	8.000.000.000	-	16.000.000.000
Cộng	161.000.000.000	1.391.000.000.000	211.300.000.000	1.763.300.000.000
Số tiền của				
Vay dài hạn ngắn hạn	200.000.000.000	800.000.000.000	111.000.000.000	1.111.000.000.000
Quy định tài chính	40.000.000.000	50.000.000.000	-	90.000.000.000
Tài sản gốc phải trả	30.000.000.000	60.000.000.000	-	90.000.000.000
Tài sản gốc phải trả	1.000.000.000	10.000.000.000	-	11.000.000.000
Cộng	271.000.000.000	920.000.000.000	111.000.000.000	1.302.000.000.000

12c) Tỷ lệ nợ về sự thay đổi chính địa điểm như sau:

Tập đoàn không có các khoản nợ về sự thay đổi chính địa điểm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Được chuẩn bị cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND (trừ khi được chỉ định khác)

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Hết hạn trong năm	Số cuối năm
Dự phòng về phải trả của các khách hàng	60.276.844.185	61.906.222.183	(64.276.194.129)	(52.281.24.266)	65.595.798.183
Dự phòng về chi trả bảo lãnh công trình xây dựng	38.864.023.440	8.486.991.524	(8.279.994.129)	(8.279.994.129)	38.864.023.440
Dự phòng về thuế thu nhập doanh nghiệp	6.288.778.478	-	-	-	6.288.778.478
Dự phòng về chi phí tài trợ ngân hàng và các khoản khác	1.792.378.500	-	-	-	1.792.378.500
Cộng	107.221.924.503	70.393.213.707	(72.556.188.258)	(70.561.238.495)	104.859.911.757

24. Quỹ khác đang dự phòng lại

Quỹ khác thường, phải trả của Tập đoàn bao gồm: Quỹ khác thường, Quỹ phải trả và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị. Chỉ tiêu phải tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	27.023.572.184	60.895.987.345
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	61.889.021.929	22.254.879.728
Giảm trong năm	(22.491.114.605)	(21.216.615.215)
Số cuối năm	66.421.479.508	61.934.251.858

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Chi nhận vào tài khoản kinh doanh trong năm	1.091.442.852	(462.859.189)
Số trả về tài khoản thuế thu nhập hoãn lại	(1.091.442.852)	362.824.289
Số cuối năm	-	-

Thuế thu nhập hoãn lại được công nhận sẽ được sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

26. Vấn đề nợ thuế**26a. Đang chờ quyết định ngày trả tiền của cơ quan thuế**

Thông tin về hiện trạng của nợ thuế của công ty mẹ được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

26b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	101.377.927	101.377.927
Cổ phiếu phổ thông	101.377.927	101.377.927
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.377.927	101.377.927
Cổ phiếu phổ thông	101.377.927	101.377.927
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mỗi phiếu cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số báo cáo tài chính hợp nhất:

Chiếm từ cuối năm ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mức thanh toán theo các tài chính hợp nhất (Số đồng)

26c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 05/2023-NHQCĐ-CTHD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 25 tháng 4 năm 2023, Công ty ưu tiên bằng quyền phát phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

• Trả lại Cổ đông tương đương (CĐTĐ)	30.685.121.675 VNĐ
• Trả lại Cổ đông bằng cổ phiếu (CĐP)	18.140.402.300 VNĐ
• Chia cổ tức (CCTC)	281.833.348.400 VNĐ

26d. Chính sách giá trị kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chính sách trị giá phát sinh cơ công ty liên kết theo dõi theo cơ sở kế toán	212.848.292.110	212.848.292.110
Chính sách trị giá phát sinh cơ sở pháp lý theo các tài chính của các công ty liên kết (USD sang VNĐ)	118.893.822.551	58.835.477.237
Cộng	<u>331.742.114.661</u>	<u>271.683.769.347</u>

27. Các khoản nợ ngoài bảng của các kế toán hợp nhất**27a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tài sản trong trong kỳ của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	19.871.319.013	19.507.647.951
Từ 01 năm đến 03 năm	11.360.296.458	34.583.919.658
Từ 03 năm	10.953.468.424	11.423.751.748
Cộng	<u>42.185.083.895</u>	<u>65.515.319.357</u>

Các khoản thuê của các thuê hoạt động ngắn hạn như sau:

- Tài sản và phí quản lý phát sinh cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 4/4 Thành Đức, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Tổng số tiền thuê của thuê hoạt động ngắn hạn như sau: Phòng Kinh Tế, Thị trấn Trà An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

27b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đollar Mỹ (USD)	1.374.219,38	1.887.737,37
Euro (EUR)	398,18	124,38

27c. Nguyên nhân của nợ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	Nguyên nhân của nợ
Công ty Cổ phần Sertis Châu	1.377.515.815	1.377.515.815	Do công ty này đã giải tài
Các kế toán khác	1.519.738.971	1.329.238.973	Không có khả năng trả tiền
Cộng	<u>2.897.254.786</u>	<u>2.706.754.788</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa bao gồm thuế tiền thuế ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số tháng tính theo các chỉ tiêu kế toán (Số tháng)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN HỌC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Ia. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động bán hàng công	1.089.178.225,928	1.762.980.211,401
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, vận chuyển hàng hóa...	810.822.007,542	841.458.807,478
Doanh thu các hoạt động khác và doanh thu khác	1.243.545,889	1.311.984,755
Cộng	1.899.243.689,570	1.284.799.165,111

Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.1b. Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

II. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động bán hàng công	1.192.119.287,094	1.776.204.018,896
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, vận chuyển hàng hóa...	387.661.784,428	229.509.210,729
Cộng	1.579.781.071,522	1.994.499.230,478

III. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.835.198,278	6.789.403,735
Lãi tiền cho vay	2.814.488,821	2.129.171,488
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.530.206,000
Lãi chênh lệch tỷ giá giao dịch	12.944.429,138	5.296.493,194
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản ngoại tệ	-	1.281,811,211
Lãi đánh lý các khoản đầu tư	-	25.474,519,898
Doanh thu hoạt động tài chính khác	178.174,844	809.828,197
Cộng	22.947.235,892	39.449.294,911

IV. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	(139.774.097,428)	(119.252.933,178)
Lỗ chênh lệch tỷ giá giao dịch	14.581.811,828	1.991.348,614
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản ngoại tệ có gốc ngoại tệ	4.006.391,346	-
Chi phí chênh lệch do chênh lệch do đánh giá lại tài chính	18.783.233,070	(14.788.600,378)
Lỗ đánh lý các khoản đầu tư tài chính	-	811.238,370
Chi phí tài chính khác	592.078,131	612.999,431
Cộng	149.894.894,878	(187.088.146,911)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Hà Nội 4 Lê Thanh Thọ, Phường Đồng Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số liệu được trình bày của tài chính hợp nhất (tổng hợp)

3. Chi phí bán hàng	Năm 2023		Năm trước	
Chi phí nhân viên		5.657.449.211		5.051.119.973
Chi phí mua hàng vận chuyển		154.251.179.632		125.911.164.836
Chi phí thuê kho		22.273.630.272		13.183.215.814
Cộng		182.172.259.115		154.145.500.623
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023		Năm trước	
Chi phí lương nhân viên quản lý		226.879.309.384		143.959.799.798
Chi phí vật liệu, chi dùng văn phòng		8.815.416.281		8.175.273.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định		22.148.826.489		13.135.146.287
Dự phòng phải thu khó đòi		772.599.218		872.578.121
Phân bổ lợi tức hương nội		27.603.577.813		27.663.197.413
Chi phí dịch vụ mua ngoài		76.444.194.732		47.923.343.368
Chi phí thuê kho		188.891.320.710		51.180.144.128
Cộng		526.441.238.637		394.784.452.891
5. Thu nhập khác	Năm 2023		Năm trước	
Lãi thanh lý tài sản cố định		2.443.181.118		11.227.179.869
Thu nhập doanh thu chưa thực hiện (*)		23.281.444.971		21.281.658.381
Thu nhập dự phòng phải thu		-		1.093.864.950
Thu nhập khác		8.141.844.944		6.372.452.854
Cộng		33.866.471.033		39.975.136.054
6. Khoản phân bổ doanh thu chưa thực hiện bán hàng	Năm 2023		Năm trước	
• Phần bổ khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Công Cảnh Mỹ Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2009 với số tiền 283.580.000.000 VNĐ, thời gian phân bổ 48 năm và 10 tháng.				
• Phần bổ khoản đánh giá lại giá trị tài sản sử dụng góp vốn vào Công ty TNHH CI Gemadept Logistics Holdings phát sinh 11 năm 2017 với số tiền 1.423.424.740 VNĐ với thời gian phân bổ 18 năm.				
• Phần bổ khoản lợi thanh toán ghi nhận liên quan đến doanh thu đánh và trả vốn và chi tăng ứng nhận của Công ty Cổ phần Công Cảnh Mỹ Gemadept - Terminal Link trong ứng với phần đã hoàn trả và phần bổ trong năm của các tài sản này.				
8. Chi phí khác	Năm 2023		Năm trước	
Chi phí đầu tư không liên quan		-		12.501.300.879
Thu nhập nộp bổ sung		23.375.891.323		-
Chi phí khác		7.305.433.166		12.454.998.051
Cộng		30.681.284.489		24.956.298.930

ĐƠN VỊ: TỶ CHỈ SỐ VNĐ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tông, Phường Bắc Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SÀI GÒN TÀI CHÍNH PGP MIẾT

Chức vụ: Kế toán trưởng ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả từ các khoản thuế tính theo chi phí tính thuế	1.104.697.828	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả từ việc hoãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	9.923.193.888	4.560.408.174
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(24.703.687.956)	(26.026.773.448)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả từ các khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả	743.234.773	(780.824.389)
Cộng	(18.779.241.477)	(22.227.189.663)

10. Lợi tức cổ phiếu**10a. Lợi tức bản tức cổ phiếu và lãi vay giao tức cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	893.813.564.313	611.182.878.377
Trích quỹ theo thường, phần lợi, Quỹ 10% đồng quản trị, Bảo hiểm nhân thọ Đơn bảo hiểm	(74.513.245.170)	(48.874.983.822)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính từ cơ sở tài sản cổ phiếu và lãi vay giao tức cổ phiếu	819.300.319.143	562.307.894.555
Cổ đông nắm giữ giá quyền tài sản cổ phiếu phổ thông đồng lợi thành trong năm	861.377.957	861.377.957
Lãi cơ bản tức cổ phiếu	1.681	1.889
Lãi vay giao tức cổ phiếu	1.681	1.889

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông nhận được vào kỳ và từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí của hoạt động kinh doanh theo phân bổ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.311.488.333	224.311.430.703
Chi phí nhân công	548.417.981.974	442.411.654.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản hữu hình	340.185.023.831	379.046.120.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.371.888.624.342	1.283.896.457.575
Chi phí khác	228.803.449.788	307.196.362.107
Cộng	2.872.406.378.268	2.634.819.916.144

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tôn, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số liệu được trình bày theo đơn vị tính: VND (trừ triệu)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tập đoàn có các khoản ứng nợ liên quan tới mua sắm, thanh lý tài sản cố định, tài sản vay và cổ tức, lợi nhuận được chia như sau:

	Đã mất năm	Cũ đến năm
Và khoản mua sắm tài sản cố định	88.433.806.899	82.718.473.596
Hợp pháp và tài sản mua sắm tài sản cố định	616.839.882.827	140.871.311.860
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	1.387.491.178	1.347.491.194
Lợi cho vay và cổ tức, lợi nhuận được chia	3.038.418.178	3.038.101.177

Tổng các Tập đoàn và cũ đến cuối năm 2023 là 277.094.120.082 VND và cũ và cũ cho vay và ứng nợ phải trả với số tiền 179.120.027 VND.

VIII. THÔNG TIN KHÁC**I. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan tới các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên HĐQT (đồng quản lý) và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên một mình trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bất thường và mang tính đặc biệt với các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Chi nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban điều hành

	Chi nợ	Năm nay	Năm trước
Một đồng quản lý			
Ông Đỗ Văn Hòa	Chủ tịch HĐQT	1.109.548.822	1.878.778.888
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch HĐQT	1.419.813.822	2.211.823.888
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	4.714.580.508	3.738.328.191
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	2.952.240.871	2.443.273.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	2.947.418.682	2.403.783.000
Ông Võ Minh	Thành viên HĐQT	1.381.661.433	1.590.824.888
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT (đau tập thể) không có bằng chứng) (4/2023)	60.000.000	-
Ông David Dajames	Thành viên HĐQT không đầy đủ	170.000.000	(20.000.000)
Ông David Du	Thành viên HĐQT không đầy đủ	170.000.000	(20.000.000)

Số: 03/2024/CTNS

Số: 03/2024/CTNS

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Số 04/14 Trần Hưng Đạo, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ NHẤT

Được lập và kiểm kê tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập (nếu có)

Cùng đơn vị với các báo cáo khác

Trong năm Tập đoàn phân tích các giao dịch trong phạm vi của báo cáo này khác như sau:

	Năm 2023	Năm trước
Công ty Cổ phần Công Giải Mỹ Gemadapt – Ferracel Ltd		
Doanh thu cho thuê vận phòng	-	132.434.140
Doanh thu cung cấp dịch vụ	94.350.574.541	227.474.758.018
Doanh thu cho thuê tài sản	-	1.095.000.000
Doanh thu thành lý tài sản	-	1.501.500.000
Chi phí dịch vụ	124.993.198	81.890.000
Chi phí	-	21.300.000.000
Lãi chi phí	69.357.323	1.204.800.000
Vay	-	20.000.000.000
Lãi vay	-	76.713.300
Chi phí	67.624.828	65.019.604
Nhà đầu tư	-	1.208.270
Công ty Cổ phần Dịch vụ Mạng Giải Mỹ Gem		
Có tài khoản chi	152.476.082.548	99.981.323.000
Vay	98.000.000.000	210.000.000.000
Lãi vay	12.864.313.004	11.802.704.000
Công ty TNHH Tập sự "A" Ltd – Gemadapt		
Doanh thu cho thuê vận phòng	184.149.000	271.870.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.008.644.700	9.621.401.000
Lợi nhuận được chia	10.000.000.000	12.471.700.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng Tiêu		
Có tài khoản chi	1.153.466.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Minh Sơn		
Chi phí	-	93.540.000
Lãi chi phí	199.000.000	175.623.000
Chi phí	148.272.500	114.376.000
Công ty TNHH MTV Gemadapt Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.319.075.171	63.544.804.896
Chi phí dịch vụ	10.769.095.811	2.792.917.700
Mua tài sản vô hình	100.000.000	-
Nhà đầu tư	272.160.878.153	-
Chi phí	-	22.000.000
Công ty TNHH MTV Hệ xử lý Gemadapt		
Doanh thu cho thuê tài sản	68.458.414.188	60.227.340.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.459.984.023	10.973.884.544
Doanh thu thành lý tài sản	-	20.163.272.700
Chi phí dịch vụ	22.172.065.594	22.404.351.600
Tài sản	68.230.957.950	14.009.133.870
Chi phí	24.802.316.068	11.148.932.000
Công ty Cổ phần Mạng Logistics		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	281.224.404	275.698.000
Lãi vay	-	11.947.243



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Hải Phòng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Được lập và trình từ thời ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí TÍNH NGUYỄN Tệp vận Gemadpt		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.217.803.481	11.509.280.331
Doanh thu chi trả thuê tài sản	14.468.303.119	14.280.863.493
Chi phí bán hàng	-	88.401.829
Chi phí quản lý	518.797.183	61.493.829
Tổng lợi	528.946.183	21.808.540.917
Chi phí	(2.878.348.178)	(2.224.338.149)

Hàng hóa bán, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thực nhận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thực nhận.

Chi phí từ việc các bên liên quan khác:

Chi phí từ việc các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.1, V.2, V.3a, V.3b, V.1A, V.1B, V.21 và V.22.

Các khoản ứng nợ phải thu của bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

1. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo thực vụ kinh doanh do các loại hàng kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo hợp đồng dịch vụ.

2a. Thông tin về đặc vụ kinh doanh

Tập đoàn có các đặc vụ kinh doanh chính sau:

- Dịch vụ khai thác công: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác công.
- Dịch vụ logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, kho bãi và các hoạt động phụ trợ vận tải, dịch vụ đại lý...
- Dịch vụ kinh doanh bất động sản: Cho thuê và phòng vé đầu tư vào thị trường bất động sản.
- Tổng công sự: Bao gồm các hoạt động công sự tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các chỉ số tài chính khác có giá trị liên thuộc chỉ số tài chính không bằng của bộ phận theo đặc vụ kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục B1 đính kèm.

2b. Thông tin về đặc vụ địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Các kết quả thu nhận về bên bằng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo báo cáo địa lý (theo tiền tệ) và của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.945.221.926.284	1.118.542.213.388
Nước ngoài	433.021.887.384	87.547.951.364
Cộng	2.378.243.813.668	1.206.090.164.752

Chi tiêu về chi phí đã phát sinh về mua tài sản cố định và các tài sản hữu hạn khác và tài sản bộ phận được trình bày tại Phụ lục B1 và B2 của Báo cáo tài chính.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố

định và các tài sản hữu hạn khác

Tài sản bộ phận

	Năm nay	Năm trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong nước	1.324.104.814.074	778.426.424.981	11.711.216.388.303	8.128.313.583.943
Nước ngoài	8.171.122.343	51.313.888.866	1.321.873.284.346	1.434.802.254.384
Cộng	1.332.275.936.417	829.740.313.847	12.943.089.672.649	95.563.115.838.328

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADIFT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Bắc Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 ĐĂNG KÝ THƯƠNG MẠI SỐ 0312300000000000000

Chi tiết tài khoản mở ngày 11 tháng 12 năm 2023

Phụ lục Báo cáo tài chính chi tiết của Công ty năm 2023

	Công ty phần số tài sản của	phần tài sản đóng góp	Cổ tức, lợi nhuận chưa chi trả cổ đông	Thặng dư không phân chia	Công ty phần số tài sản của
Công ty Cổ phần Công nghiệp Sản xuất - Thương mại Liên	1.779.379.888.879	81.800.518.481	-	-	1.861.180.407.360
Chi nhánh Cổ phần Dầu khí (Hàng không) - Cần	188.833.347.813	315.388.900.000	1.175.479.000.000	-	1.679.681.327.213
Chi nhánh Cổ phần Công nghiệp Sản xuất - Thương mại	175.198.209.813	51.880.192.000	-	785.688.948	1.212.867.090.761
Chi nhánh Cổ phần Sản xuất - Thương mại	122.080.979.887	18.784.231.419	1.000.000.000.000	1.261.721.000	1.342.786.932.306
Chi nhánh Cổ phần Sản xuất - Thương mại	120.183.113.600	41.294.989.793	-	1.177.478.970	1.339.056.081.363
Chi nhánh Cổ phần Sản xuất - Thương mại	101.111.888.000	25.821.371.407	-	-	126.933.259.407
Chi nhánh Cổ phần Sản xuất - Thương mại	71.208.762.281	3.231.358.884	-	408.888.838	74.849.011.163
Chi nhánh Cổ phần Sản xuất - Thương mại	11.972.978.232	500.794.828	-	-	12.473.773.060
Chi nhánh Cổ phần Sản xuất - Thương mại	11.460.373.148	1.371.277.024	11.233.400.000	1.118.173.333	13.183.223.505
Cộng	1.779.774.888.879	1.784.848.778.174	11.426.879.000.000	1.329.668.831	3.899.991.366.387

[Signature]
 Nguyễn Văn Tuấn
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMALDEPT

Địa chỉ: Số 123 Thành Yên, Phường Bắc Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Số tài khoản: 12345678901234567890

Chiếm giữ 100% vốn điều lệ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2000

Mã số thuế: 0312345678, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312345678

Đơn vị tiền: VND

Mô tả chi tiết	Số đầu vào	Chi phí phân bổ trong năm	Khi chuyển đổi THÀNH MANG VÀO	Thặng dư (âm) khác	Tổng cộng
1. Tài sản cố định	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	0	100.000.000.000
2. Tài sản vô hình	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	0	50.000.000.000
3. Tài sản khác	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	0	10.000.000.000
4. Tài sản khác	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	0	10.000.000.000
5. Tài sản khác	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	0	10.000.000.000
6. Tài sản khác	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	0	10.000.000.000
Tổng cộng	1.740.000.000.000	1.740.000.000.000	1.740.000.000.000	0	1.740.000.000.000

Mô tả chi tiết về tài sản
 Mô tả chi tiết về tài sản khác
 Công việc đã làm về tài sản khác
 Các tài sản khác của công ty khác nhau
 Các tài sản khác của công ty khác nhau
 Các tài sản khác của công ty khác nhau
 Các tài sản khác của công ty khác nhau
 Các tài sản khác của công ty khác nhau
 Các tài sản khác của công ty khác nhau


 Nguyễn Văn Thành
 Giám đốc




 Vũ Thị Anh Thư
 Giám đốc

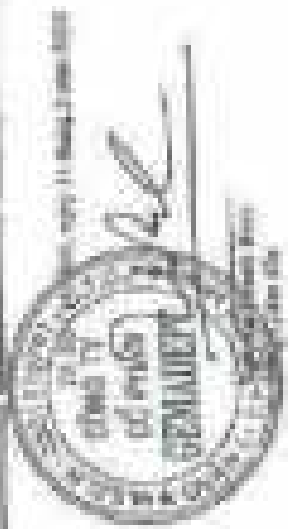
COMPTON DE HONORARIUM

1. This is a statement of honorarium received by the member of the Commission on Audit (CA) for the year 2018. The amount of honorarium received is P1,000,000.00. The honorarium is received by the member of the Commission on Audit (CA) for the year 2018. The amount of honorarium received is P1,000,000.00.

Particulars	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1. Honorarium	1,000,000.00												
2. Total	1,000,000.00												
3. Less: (1) Social Security (SSS) (2) PhilHealth (3) Medicare (4) Other Deductions													
4. Net Honorarium	1,000,000.00												
5. Total	1,000,000.00												

[Signature]
 Comptroller in Charge

[Signature]
 Comptroller in Charge



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH
 CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM, 77, QUẬN HÀ NỘI, VIỆT NAM
 110000, HÀ NỘI, VIỆT NAM
 Điện thoại: 04 35 43 43 43
 Fax: 04 35 43 43 43

Ngày 15/05/2012

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Việt Nam theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán và báo cáo kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị thanh toán	Giá trị còn lại
Tổng tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng nợ	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng nợ phải trả	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Việt Nam theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán và báo cáo kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị thanh toán	Giá trị còn lại
Tổng tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng nợ	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng nợ phải trả	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Việt Nam theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán và báo cáo kết quả như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị thanh toán	Giá trị còn lại
Tổng tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng nợ	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng nợ phải trả	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Việt Nam theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm toán và báo cáo kết quả như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ANAMIENT

Địa chỉ: 11 Nguyễn Trãi, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số tài khoản: 11010000000000000000

Chức vụ: Giám đốc kinh doanh
Số tài khoản: 11010000000000000000

Mã số thuế: 0311000000

Mã số thuế	Loại thuế	Thời hạn nộp	Số tiền thuế	Đơn vị tính	Ngày nộp	Chức vụ	Địa chỉ
0311000000	Thu nhập cá nhân	12/2023	1.000.000.000	Đồng	12/2023	Giám đốc	11 Nguyễn Trãi, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
0311000000	Thu nhập cá nhân	12/2023	1.000.000.000	Đồng	12/2023	Giám đốc	11 Nguyễn Trãi, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế	Loại thuế	Thời hạn nộp	Số tiền thuế	Đơn vị tính	Ngày nộp	Chức vụ	Địa chỉ
0311000000	Thu nhập cá nhân	12/2023	1.000.000.000	Đồng	12/2023	Giám đốc	11 Nguyễn Trãi, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
0311000000	Thu nhập cá nhân	12/2023	1.000.000.000	Đồng	12/2023	Giám đốc	11 Nguyễn Trãi, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Mã số thuế	Loại thuế	Thời hạn nộp	Số tiền thuế	Đơn vị tính	Ngày nộp	Chức vụ	Địa chỉ
0311000000	Thu nhập cá nhân	12/2023	1.000.000.000	Đồng	12/2023	Giám đốc	11 Nguyễn Trãi, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
0311000000	Thu nhập cá nhân	12/2023	1.000.000.000	Đồng	12/2023	Giám đốc	11 Nguyễn Trãi, Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

CHÍNH TRỊ
Số tiền: 1.000.000.000
Ngày: 25-08-2023

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT VIỆT NAM



Signature
Nguyễn Văn Sỹ
Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh



bakertilly
A & C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
I. Mục lục	0
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1-3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5-6
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	7
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10-11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12-43
B. Phụ lục	44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính theo thời kỳ chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301136791, được cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1997 và được kỳ thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 2 năm 2021 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ: 8 Lê Xuân Thiệp, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: +84 (028) 3823 5238
- Fax: +84 (028) 3823 5238

Công ty vốn được vốn điều lệ phát triển các ngành nghề kinh doanh chủ yếu là khai thác rừng và logistics

- Khai thác rừng: Khai thác gỗ thông công và đặc te trên địa bàn, tại các thành phố An và các vùng kinh tế trọng điểm: vùng Nam Hải, vùng Nam Hải Bình Vũ, vùng Nam Hải VL, Nam Hải KCL, vùng Đông Quốc, vùng Phước Long, vùng Bình Dương và các miền của Gemadept Cổ Mỹ;
- Logistics: Trưng bày phân phối, Vận tải container chuyên tuyến, Vận tải hàng hóa trường vận chuyển, Vận tải Container biển, Quản lý kho và chuyển vận, Đại lý giao nhận, Đa năng hóa hàng không.

Hàng năm, Công ty đều có một số dự án và chọn lọc trong lĩnh vực trồng rừng và tái động sản

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp họ Casuarina;
- Tái động sản: Xây dựng và khai thác các trang trại du lịch sinh thái, khách sạn, các dự án phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phân lô Saigon Green và dự án Khu phân lô tại Vũng Chùa – Lào.



Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và địa liên thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Minh	Thành viên
Bà Đào Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Vũ Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT (được bầu bổ sung từ tháng 4 năm 2022)
Ông Ngô Văn Sơn	Thành viên
Ông David Do	Thành viên
Bà Hà Thị Hiền	Thành viên (đã từ nhiệm từ tháng 4 năm 2022)
Ông Tawantit Kana	Thành viên

Ban điều hành

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Quốc	Trưởng ban
Bà Võ Thị Phương Thảo	Thành viên
Ông Trần Đức Thiện	Thành viên
Bà Phạm Cẩm Ly	Thành viên
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và các đầu đầu nhiệm kỳ báo cáo này là Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty (bắt nhiệm ngày 27 tháng 1 năm 2023).

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn AAC đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các chuẩn mực kế toán áp dụng của Công ty có khác nhau thì hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật của Công ty có liên quan đến kế toán;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả nhằm hạn chế sai sót và sai sót trọng yếu do gian lận hoặc thiếu sót trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc thừa nhận các sai sót tiềm ẩn trong Báo cáo tài chính này có thể phát sinh một cách ngẫu nhiên của Công ty với mức độ chính xác hợp lý từ bất kỳ thời điểm nào và các sai lệch kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm giải thích các tài liệu của Công ty và dự án đã được hiện của luật pháp thích hợp để người xem và phát hiện các khác biệt và gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc thừa nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm và chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan của Việt Nam và trình bày Báo cáo tài chính.

Ông Nguyễn Thanh Bình

Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 1 năm 2023

Mã I.01/01/2014/01

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

ĐỀ NHÃN CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN GENATECH

Chúng tôi đã kiểm tra các Báo cáo tài chính bán niên của Công ty Cổ phần Genatech (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 1 năm 2023, từ ngày 01 đầu tháng 06, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các chú thích kèm theo tính đến ngày và Đơn vị tiền tệ Việt Nam đồng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và cấp độ tin cậy về trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin cho Ban Tổng Giám đốc sau đây là các trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc theo các quy định pháp lý và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và chính xác phù hợp với thực tế hiện tại.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực về các quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy trình kiểm toán và thực hiện các thủ tục kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty có các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc của chúng tôi bao gồm thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp để chúng tôi có thể hiểu rõ về các rủi ro và được minh chứng phù hợp của Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn phụ thuộc vào được của Kiểm toán viên bao gồm đánh giá các rủi ro sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính và giữa các khoản chi phí. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý và chính xác về các tài sản, khoản phải trả, các khoản nợ và các khoản khác của Công ty, bao gồm những bằng chứng mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát nội bộ của Công ty, Công ty và Kiểm toán viên đã thực hiện đánh giá rủi ro trọng yếu của các khoản chi phí và các khoản nợ và các khoản khác của Công ty dựa trên các tài liệu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc tuân thủ pháp luật và các quy định khác.

Chúng tôi không cung cấp bất kỳ bằng chứng kiểm toán nào chứng tỏ là chúng tôi đã thực hiện được nhiệm vụ của chúng tôi và được hợp tác của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, mà các khoản nợ trọng yếu khác biệt từ thực tế của Công ty Cổ phần Genatech tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản lưu chuyển tiền tệ của Công ty từ ngày 01 đầu tháng 06, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chuẩn mực báo cáo tài chính Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty: **TRẦN VĂN AN**, Giám đốc Tài chính ABC



Lý Quốc Trọng
Thành viên Ban Kiểm toán
Số Giấy CHỨNG NHẬN SỐ: 0001/2022-000-0
Ngày được cấp giấy

Hoàng Thị Vương
Giám sát viên
Số Giấy CHỨNG NHẬN SỐ: 0001/2022-000-0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Mã số thuế: 0312300170, Phường Hòa Nghĩa, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃO CAO TÀI CHÍNH

Chi số tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGUYÊN HẠN	100		1.171.686.301.348	890.731.874.199
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	621.945.696.797	86.628.374.919
1. Tiền	111		601.345.696.797	78.224.874.919
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.600.000.000	-
II. Phải thu dài hạn khác	120		86.325.095.000	80.961.688.828
1. Công nợ phải thu khác	121	V.2a	87.721.234.600	81.721.234.600
2. Dự phòng giảm giá công nợ phải thu khác	122	V.2a	(13.396.139.600)	(13.881.750.200)
3. Dự trữ giảm giá đầu ứng đầu hạn	123	V.2b	40.890.000.000	1.360.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		404.419.167.550	773.142.216.470
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	82.288.893.711	43.790.428.241
2. Phải thu của người bán ngắn hạn	132	V.3	86.713.378.366	86.794.381.778
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng của khách hàng	134		-	-
5. Phải thu về đầu vào ngắn hạn	135	V.3	178.421.500.000	82.324.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	113.873.509.073	613.842.878.654
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	137	V.7	(18.195.134.144)	(9.877.234.200)
8. Tài sản đảm bảo ngắn hạn	138		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		9.284.173.113	6.470.968.417
1. Hàng tồn kho	141	V.4	9.284.173.113	6.470.968.417
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.641.898.259	27.176.477.147
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	2.423.240.483	1.088.932.700
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		88.217.971.214	23.799.477.000
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	153	V.5b	61.788.494	1.058.098.648
4. Các khoản thanh toán với người bán	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND (tr. VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.099.033.805.869	3.393.913.338.710
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.999.700.713	23.943.700.713
2. Phải thu dài hạn của chính hãng	211		-	-
3. Tài sản thế chấp của dài hạn	212		-	-
4. Vốn góp nhận (vốn h) của chính hãng	213		-	-
5. Phải thu về đầu tư dài hạn	214		-	-
6. Phải thu về đầu tư ngắn hạn	215	V.USD	22.999.700.713	23.943.700.713
7. Dự phòng phải thu dài hạn khác	219		-	-
II. Tài sản vô định	220		568.979.344.692	530.275.647.922
1. Tài sản vô định hữu hạn	221	V.USD	3.103.510.780.133	483.185.913.334
- Quyền sử dụng đất	221		847.228.248.240	872.247.248.240
- Quyền sử dụng quyền lợi công nghệ	221		400.700.700.400	270.043.244.890
2. Tài sản vô định bất động sản	224	V.USD	44.820.333.400	78.200.011.417
- Quyền sử dụng đất	224		22.410.000.200	22.410.000.000
- Quyền sử dụng quyền lợi công nghệ	224		22.410.333.200	55.790.011.417
3. Tài sản vô định vô hình	227	V.USD	13.183.898.000	14.200.940.375
- Quyền sử dụng đất	227		12.507.333.200	12.844.200.200
- Quyền lợi công nghệ	227		676.564.800.000	1.356.740.175.175
III. Tài sản khác	230		-	-
- Quyền sử dụng đất	231		-	-
- Quyền lợi công nghệ	232		-	-
IV. Tài sản dài hạn ngắn hạn	240		575.214.897.931	58.243.898.833
1. Chi phí tài trợ, vốn được đầu tư dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.USD	575.214.897.931	58.243.898.833
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.188.890.077.433	4.750.890.078.333
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.USD	8.118.490.710.710	3.880.343.315.710
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.USD	1.814.490.870.870	1.820.890.870.870
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.USD	3.490.000.000	3.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.USD	2.000.000.000.000	2.750.000.000.000
5. Đầu tư vào quỹ đầu tư tài chính	255		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn	260		21.291.294.000	24.791.330.070
1. Chi phí tài trợ ngắn hạn	261	V.USD	21.291.294.000	24.290.330.070
2. Tài sản thế chấp ngắn hạn	262	V.USD	-	490.000.000
3. Hàng tồn kho	263		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	264		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.254.787.210.434	8.227.490.440.814

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiêu (Mười) kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND (Chẵn)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Số nhà máy	
			2022	2021
C - NGUỒN VÀI	100		1.215.763.498.348	917.327.559.802
I - Tự nhận vốn	100		1.403.421.494.489	710.431.497.077
1. Phát hành ngoại tệ nhận vốn	101	V.15	29.034.989.127	29.041.780.388
2. Ngoại tệ nhận từ các khoản đầu tư	102		-	-
3. Thanh toán các khoản đầu tư bằng ngoại tệ	103	V.16	34.117.477.202	339.527.544
4. Phát hành ngoại tệ bằng	104	V.17	27.018.144.415	14.874.274.584
5. Chi phí phát hành ngoại tệ	105	V.18	5.441.879.375	1.276.822.142
6. Phát hành nội tệ nhận vốn	106		-	-
7. Phát hành nội tệ để thanh toán bằng kỹ thuật	107		-	-
8. Doanh thu chưa thanh toán nhận vốn	108	V.19	1.007.094.764	1.214.223.141
9. Phát hành ngoại tệ khác	109	V.20	1.128.540.277.942	110.743.224.879
10. Vay và nợ khác từ các khoản đầu tư	110	V.21a	324.442.475.147	311.805.814.644
11. Cho vay phát hành ngoại tệ	111	V.22	1.750.028.548	1.750.076.019
12. Quỹ đầu tư, phân lợi	112	V.23	22.421.222.785	24.204.424.214
13. Quỹ tích lũy lợi	113		-	-
14. Quỹ tích lũy phân lợi từ phần Chính phủ	114		-	-
II - Dự trữ vốn	200		211.839.555.789	241.744.461.545
1. Phát hành ngoại tệ dự trữ	201		-	-
2. Ngoại tệ nhận từ các khoản đầu tư	202		-	-
3. Chi phí phát hành dự trữ	203		-	-
4. Phát hành nội tệ dự trữ khác	204		-	-
5. Phát hành nội tệ dự trữ	205		-	-
6. Doanh thu chưa thanh toán dự trữ	206		-	-
7. Phát hành nội tệ khác	207		-	-
8. Vay và nợ khác từ các khoản đầu tư	208	V.25	211.839.555.789	241.744.461.545
9. Từ phần chuyển đổi	209		-	-
10. Chi phí dự trữ	210		-	-
11. Thanh toán chi phí Sớm từ phần dự	211	V.26	141.299.214	-
12. Cho vay phát hành dự trữ	212		-	-
13. Quỹ tích lũy khác từ các khoản đầu tư	213		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADIFT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Mỹ Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng của đơn vị tiền (đồng Việt)

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IV - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.413.448.378.394	3.398.382.841.832
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.413.448.378.394	3.398.382.841.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	2.413.379.379.888	3.472.379.379.888
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.388.379.379.888	3.042.379.379.888
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phiếu	412	V.25	1.941.832.191.642	1.490.832.191.642
3. Quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu	413		-	-
4. Vốn thặng dư của cổ tức	414	V.23	89.398.992.932	89.398.992.932
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Đánh giá giảm giá trị tài sản	416		-	-
7. Chi phí bất kỳ ghi giảm thuế	417	V.20	(785.271.852)	(784.271.849)
8. Quỹ đầu tư ngắn hạn	418	V.23	12.682.199.796	12.682.199.796
9. Quỹ tài trợ cấp cứu khẩn cấp	419		-	-
10. Quỹ bảo trợ cho các cổ tức	420	V.23	49.348.803.899	49.348.803.899
11. Các khoản ưu đãi chưa phân phối	421	V.23	244.940.083.309	193.812.148.847
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dự kiến để đầu tư phát triển	421a		-	272.827.268.437
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dự trữ	421b		244.940.083.309	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí để hình thành tài sản vô định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.413.448.378.394	3.398.382.841.832

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 1 năm 2023


 Vu Thi Anh Thu
 Giám đốc


 Nguyễn Minh Nguyễn
 Kế toán trưởng


 Trần Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Thủ Khoa Huân, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

ĐĂNG KÝ TẠI CƠ QUAN

(Theo yêu cầu thành lập theo ngày 31 tháng 12 năm 2023)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Theo yêu cầu thành lập theo ngày 31 tháng 12 năm 2023)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số chỉ	Thuyết minh	Đơn vị tính VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.1.1	698.023.803.000	258.278.000.708
2. Chi thuận giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	03		698.023.803.000	258.278.000.708
4. Giá vốn hàng bán	11	V.1.2	245.079.866.190	149.128.480.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		452.943.936.810	109.150.000.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.1.3	478.276.007.000	668.288.689.490
7. Chi phí tài chính	20	V.1.4	128.402.096.907	149.299.153.318
Trong đó: chi phí lãi vay	22		82.421.780.824	55.828.932.708
8. Chi phí bán hàng	08	V.1.5	1.472.492.327	2.698.882.907
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	V.1.6	296.077.712.154	224.729.887.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	04		512.421.277.600	598.991.666.177
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp	23	V.1.7	2.185.789.206	15.964.000.000
12. Chi phí khác	30	V.1.8	13.722.863.886	256.279.213
13. Lợi nhuận khác	40		(21.271.196.278)	14.899.094.287
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	05		475.252.118.436	617.657.691.251
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	06	V.1.9	22.891.686.270	14.826.187
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	32	V.1.10	1.244.086.986	(285.249.113)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	07		451.116.345.180	492.826.256.051
18. Lợi nhuận khác của cổ đông	18	V.1.11		
19. Lợi nhuận gộp của cổ đông	19	V.1.12		



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 1 năm 2023

Vũ Thị Ánh Tuyết
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Bổ sung trưởng

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEHADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Tôn, Phường Đa Nạp, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp dồn tích)

Chi toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thay đổi năm	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	99		491.258.721.498	473.822.881.824
2. Điều chỉnh vào các khoản:		V.08		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	22	V.11, V.12	105.256.844.214	102.961.698.878
- Các khoản dự phòng	86	V.12, V.17	22.804.887.880	21.975.152.478
- Lợi, lỗ đánh thuế và ghi bổ sung vào danh giá trị tài khoản mua bán ở ghi ngoài	84	V.12, V.18	(1.627.222.298)	772.888.828
- Lợi, lỗ từ hoạt động khác	85	V.12, V.13	(422.303.898.183)	(278.215.888.421)
- Chi phí tài trợ	88	V.12	23.021.788.824	24.624.932.728
- Các khoản điều chỉnh khác	00		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn ủy quyền	89		228.488.172.798	223.978.865.244
4. Tăng giảm các khoản phải thu	90		22.981.222.348	(14.746.611.128)
5. Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.943.282.282)	(391.190.322)
6. Tăng giảm các khoản phải trả	11		1.029.224.879.842	(24.810.788.122)
7. Tăng giảm chi phí tài trợ	12		(8.400.386.877)	25.199.609.194
8. Tăng giảm công nhận kết quả kinh doanh	13		-	2.128.971.671
9. Tiền lãi vay - chi	14	V.12, V.18, V.14, V.15	(60.452.525.288)	(62.878.886.176)
10. Thuế thu nhập doanh nghiệp chi	15	V.08	(18.478.247.896)	(248.442.828)
11. Tiền thu thuế chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	88		-	-
12. Tiền chi thuế chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	17		(21.878.188.872)	(21.824.911.872)
Lưu chuyển tiền thu từ hoạt động kinh doanh	18		1.128.917.287.284	782.274.782.695
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài trợ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản vô hình khác	26	V.08, V.12, V.18, V.11, V.13	(282.242.871.198)	(24.893.011.222)
2. Tiền chi để thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản vô hình khác	27	V.08, V.13, V.17	1.428.495.094	77.298.778.778
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ có hình thức là trái phiếu	38	V.12, V.18	(241.098.880.382)	(122.791.288.828)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ có hình thức là trái phiếu	28	V.12, V.13	21.268.098.828	144.208.098.828
5. Tiền chi trả nợ gốc của công cụ nợ có hình thức là trái phiếu	29	V.12	(433.703.228.688)	(224.894.228.888)
6. Tiền chi trả lãi từ góp vốn và chi đơn vị khác	32		-	13.911.828.382
7. Tiền thu từ cho vay, từ các tài khoản được cấp	37	V.12, V.11	783.200.878.204	448.883.877.272
Lưu chuyển tiền thu từ hoạt động tài trợ	39		(258.832.997.842)	428.748.477.394

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 4 Lê Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản cáo báo cáo được lập ở Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thực hiện	Đã điều chỉnh
III. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21			
2. Tiền trả lại vốn góp của các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	22			
3. Tiền trả nợ vay	23		(209.207.413.729)	(1.019.892.223.899)
4. Tiền nhận góp vay	24		(7.411.801.576.894)	(7.208.679.086.291)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	25		(4.108.789.114)	(40.087.983.034)
6. Chi thu, bù nhận lãi từ cho vay tài trợ	26	VND, USD	(261.452.384.000)	(261.452.384.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	49		(261.167.997.137)	(779.643.787.024)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		445.145.499.291	(738.889.891.800)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VND	26.225.716.410	122.869.862.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(28.745.118)	(723.919.819)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	74	VND	25.997.569.292	121.145.942.612



Số 4 Lê Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Vũ Thị Ánh Tuyết
 Người Mỹ

Nguyễn Minh Nhật
 Kế toán trưởng



Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 1 năm 2023
 Người Thành Lập
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chiến lược tài chính từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG:

1. Hoạt động về kinh doanh

Công ty Cổ phần Genadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty về phân

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Nguồn nhân lực kinh doanh

Công ty liên kết với nhiều hợp tác viên trên các ngành nghề khác nhau chủ yếu là khai thác công nghệ

- Khai thác công nghệ khai thác và tổng hợp tài nguyên khoáng sản từ các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: vùng Nam Bộ, vùng Nam Trung Bộ, vùng Nam Đông Bộ, Nam Hải, KCD, vùng Đông Bắc, vùng Miền Trung, vùng Bình Dương và vùng miền núi Genadept CH Việt Nam.
- Logistics: Trung tâm phân phối Văn tại các thành phố hoặc vùng; Văn tại hàng hóa trường học trong; Văn tại các trường học; Quản lý tài sản và chuyển vận; Đại lý giao nhận; Các hãng hàng không.

Nguồn nhân lực, Công ty đầu tư một số dự án có quy mô trong lĩnh vực công nghệ và tài chính như:

- Tổng công ty, Trung tâm công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và xây dựng nghiệp vụ Công nghệ.
- Bên cạnh các dự án đang và khai thác các trường học trong các thành phố lớn và các vùng trọng điểm như: Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phân phối Miền Bắc và dự án Khu phân phối tại Vũng Tàu - Lâm.

4. Các kỹ năng quản lý, kinh doanh thông thường

Công ty vận hành kinh doanh thông thường của Công ty bằng quá trình

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng các Công ty Cổ phần Hòa Sơn, Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Miền Bắc, Miền Trung, Bình Dương, Công ty Cổ phần Công nghệ Miền Tây và Công ty TNHH MTV Công nghệ Cao và Thái Bình Dương.

Đặc biệt các công nghệ trọng điểm và với các nước chủ yếu để giải quyết các vấn đề tài chính. Tuy nhiên các dự án này ở ngoài nước VISA, lợi nhuận năm này chỉ bằng các dự án trước, lợi nhuận được chia từ các công ty con, công ty liên kết theo quy định và với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có 18 công ty con và 10 công ty liên kết, như sau (tại thời điểm cuối năm Công ty có 18 công ty con và 10 công ty liên kết, như sau):

6a. Bảng liệt kê các công ty con và thời điểm cuối năm

Lĩnh vực	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ kiểm soát (%)	Tỷ lệ nắm quyền (%)
Công ty Cổ phần Công nghệ Hòa Sơn	4 Lê Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Miền Bắc	Khu số 4 Đông Bộ, Phường Đông Bộ, Quận Hải An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Miền Trung	111 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Miền Tây	4 Lê Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bên thanh lý phải báo cáo tài chính (Đơn vị: VND)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ nắm quyền (%)	Tỷ lệ quyền (%)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gemadept – Công Quốc	Mô số T – Công nghiệp Trung Quốc, Xã Bình Thuận, Huyện Tân Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	82,00%	82,00%	82,00%
Công ty TNHH Công Nhân Dân	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Đường Thủy ¹⁾	Mô số 1, Phường Trưng Trắc, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Truyền hình và Phát sóng radio Thái Bình Dương	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV – Gemadept	41 Tô Văn Hiến, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	11,00%	11,00%	11,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Dầu khí Thái Bình Dương	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Vận Tải Bình Dương	63 Đường 94A, Phường Trường Chinh, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Vận Tải Bình Dương	63 Đường 94A, Phường Trường Chinh, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng hải Việt Nam	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Phát triển Đô thị Gemadept	167 Nguyễn Thái Bình, Phường 1, TP. Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Xây Dựng	11A Trương Tấn Tài, Phường 1, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	Công 1, Tòa nhà Indochina Riverside Tower, 74 Bạch Đằng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam	11,00%	11,00%	11,00%

¹⁾ Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Đường Thủy Bình Dương thông qua việc nắm giữ 50% quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

6.2. Doanh nghiệp con công ty liên doanh, đơn lý sự dưới quyền kiểm soát

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ nắm quyền (%)	Tỷ lệ quyền (%)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Gemadept – Terminal Link	Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phước Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,07%	41,07%	41,07%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Bình Thuận	39 Phan Châu Trinh, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,33%	33,33%	33,33%
Công ty TNHH CI Gemadept Logistics Holdings	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH Vận tải ²⁾ Lian – Gemadept	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty TNHH CI Gemadept Shipping Holdings	8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	11,00%	11,00%	11,00%
Công ty TNHH Gemadept Marine	Đường Trường Chinh, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 101, Đường Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN CÁO TÀI CHÍNH

Cụ thể nội dung báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập

Tên công ty	Mã số thuế doanh nghiệp	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ nắm quyền (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Thương mại Quốc Cường	1111111111, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	41,00%	41,00%	41,00%
Công ty Cổ phần sữa học Thảo Tiên	201 Đường Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,50%	26,50%	26,50%
Công ty Cổ phần Đa tác nhân Việt Nam	Cầu Ông Chưởng, Khu phố Hòa Bình, Phường Hòa Bình, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Tân	511 Đường 7, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%

III. CÁC ĐƠN VỊ NGUỒN THUỘC ĐỒNG SỞ HỮU VÀ PHỤ THUỘC ĐƯỢC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vàng tại Thủ Đức Dương	Lưu X, số 35 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	36 Đường Trưng, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	30-32-34 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	11A Phan Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	130 Đường MC, Khu phố 1, Phường Phnom Penh, Quận Phnom Penh, Campuchia

IV. TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG TỰ CHỈNH ĐỒNG SỞ HỮU VÀ PHỤ THUỘC ĐƯỢC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VÀ CÁC ĐƠN VỊ NGUỒN THUỘC ĐỒNG SỞ HỮU VÀ PHỤ THUỘC ĐƯỢC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**1. Nhân viên**
Tất cả ngày làm việc của các chi nhánh Công ty và 100 nhân viên đang làm việc tại bộ phận Kế toán (100 nhân viên).**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỶ SỬ DỤNG THÔNG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các hướng tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc áp dụng trực tiếp theo các tài khoản kế toán.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các hướng tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc áp dụng trực tiếp theo các tài khoản kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Ngành 5 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Xuân, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND của Việt Nam (trừ thuế)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ỨNG DỤNG

1. Chính sách Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập dựa trên cơ sở kế toán accrual tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (bên dưới gọi chung là Chuẩn mực).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập.

Chính sách tỷ giá phát sinh trong năm tài các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chính sách tỷ giá áp dụng ghi lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi họ đã được tính bằng và chính sách giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch theo tỷ giá thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch được sử dụng với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ được đồng mua bán ngoại tệ giao nhận, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi tỷ giá tỷ bất trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản cấp vốn hoặc nhận vốn góp tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng với Công ty với lãi khoản đã nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với sự phát sinh tỷ giá mua của ngân hàng trong các tài khoản mở Công ty với định danh bằng danh mục tài khoản giao dịch phát sinh.
- Đối với sự phát sinh tỷ giá bán của ngân hàng trong các tài khoản mở Công ty với các giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua bán tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (không áp dụng tài khoản phát triển) tỷ giá mua của ngân hàng trong các tài khoản mở Công ty theo một thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng với Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản hoặc tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Công ty đang hoạt động giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả, tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Công ty đang hoạt động giao dịch).

3. Tỷ lệ và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tệ khác đáng kể.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chương khoản kinh doanh

Chương khoản tài được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi thỏa mãn các tiêu chí sau đây:

Chương khoản kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng với chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận vào chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm trình đơn có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tồn tại, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh đó. Tồn tại, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu thì được theo dõi và hạch toán chi phí tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoàn trả được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua bán. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa cuối cùng của thị trường chứng khoán tại ngày mua bán. Trường hợp tại ngày mua bán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày mua bán.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày mua bán. Trường hợp ngày mua bán trên UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày mua bán.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá trị của tài sản thanh toán hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm mua bán.

Chi phí phát sinh khi mua chứng khoán kinh doanh được lập vào hàng loại chứng khoán được mua bằng tiền chi trả ngoại và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tức là trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày ghi nhận và giao dịch của thị trường tại thời điểm mua bán của thị trường.
- Đối với cổ phiếu đã niêm yết nhưng chưa giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá được chấp nhận trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm mua bán của thị trường do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết nhưng thị trường chứng khoán không có phiên của công ty cổ phiếu đã niêm yết giao dịch trên thị trường UPCOM không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trình lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch hoặc lập dự phòng được thực hiện vào sổ và vào khoản lỗ của công ty được đưa ra mức trích lập hàng chính sách giữa với nhà tư nhân về của các chủ sở hữu và vào sổ về sổ sách tại ngày lập dự phòng và trình trình với tư vấn báo cáo kiểm toán của Công ty và với đồng sở hữu điều lệ được chấp.

Trong, phần số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh của phát sinh lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khuyến đầu từ được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty dự định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có thể giữ ngoại tệ, cổ kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm phí mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua của khoản đầu tư. Sau giá nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị, với thể theo lãi. Theo cách là từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như chi phí lãi đầu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi nhận từ các giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy việc phân loại toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể tiếp được và chỉ khi tiếp được các dịch vụ khác đang tin cậy thì vẫn phải được ghi nhận vào chi phí và chính trong năm và phân bổ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khác biệt. Dự phòng phải thu khác biệt của các khoản cho vay được lập ra từ việc dự kiến mức thu hồi có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư của công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp được đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập giữa các cá nhân hoặc các pháp nhân khác nhau và các bên nắm giữ quyền kiểm soát của Công ty và các bên được chia đều hoặc phân bổ quyền kiểm soát. Công ty liên doanh được hình thành theo các quyết định mang tính chất hợp tác giữa các thành viên nắm giữ quyền kiểm soát của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên nắm giữ liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở mức tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp được đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản hạn đầu

Các khoản đầu tư của công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm phí mua hoặc khoản góp vốn cùng các chi phí liên quan trực tiếp của việc đầu tư. Trường hợp chi trả bằng tài sản giữ sẵn thì, giá ghi nhận đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản giữ sẵn ở tại thời điểm phát sinh.

Cả tài sản tự nhận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của khoản hạn đầu từ đó. Tài sản và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Các khoản nhận bằng cổ phiếu của được mua đầu số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị và phân bổ thêm được.

Dự phòng các khoản của các khoản đầu tư của công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng các khoản của các khoản đầu tư của công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị mất khả năng trích lập bằng chứng thực giữa các đầu tư được tài sản của bên tự công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu được xác định với tỷ lệ nợ xấu của đầu. Kế hoạch của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết, liên công ty con, công ty liên doanh, liên kết, là các trong hạn hạn của chi chính hợp chất từ các sự kiện được dự phòng các khoản là hạn của chi chính hợp chất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Nhị Ngâm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chiếm số báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND (trừ khi có ghi chú khác)

Tổng, giám đốc dự phòng và các đơn vị khác của công ty cần, công ty Cổ phần, cần lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc nhất quán và chính xác để báo cáo cho các chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư bằng cổ phiếu của Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị khác.

Các khoản đầu tư vào công ty của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn bằng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các công ty khác đầu tư được nhận được hạch toán giảm giá trị của khoản đầu tư đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các công ty khác đầu tư được nhận được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu đầu tư được mua đổi sổ hàng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu không phải loại giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định theo ngày, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không có thể được giá trị hợp lý và loại dựa vào các, việc lập dự phòng được thực hiện dựa vào các khoản lỗ của đơn vị khác đầu tư với trên trình bày bằng chính quyền giảm vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vẫn chưa có báo cáo ngày kết thúc của tài chính chính xác và tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty và với việc của đơn vị khác đầu tư đơn vị khác.

Tổng, giám đốc dự phòng và các đơn vị khác của công ty của đơn vị khác của phải trình lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu theo số.

Việc phân loại các khoản phải thu và phải thu khác bằng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng, phải thu của khách phải thu trong thời hạn ngắn hạn phải tính từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị đầu tư của Công ty.
- Phải thu khác phải thu của khách phải thu không có tính thanh toán, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khác đối được lập cho từng khoản nợ phải thu khác theo các cơ chế dự kiến mức độ mất mát theo ngày.

Tổng, giám đốc dự phòng và các đơn vị khác của phải trình lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá nhập hàng giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu và hàng bán, các gói hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí phí trực tiếp, tiếp nhận phân tích để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các mặt hàng được thực hiện phương pháp tính toán giá quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kết thúc, trừ đi các chi phí bán hàng và chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính của thất thoát của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho và giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tổng, giám đốc dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải trình lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SAO CAO TÀI CHÍNH

Cho ngày báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mọi thành viên đều có thể kiểm tra nội dung

f) Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán theo đúng tiến độ kế hoạch của công ty kế toán. Chi phí trả trước của Công ty nhỏ hơn là chi phí tài chính và chi phí lãi thuê tài chính constant. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian tài chính hoặc thời gian của kỳ tính thuế ở tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bán hàng:

Chi phí bán hàng phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bán hàng.

Chi phí tài chính từ chính constant

Chi phí tài chính từ chính constant được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với các khoản phân bổ là cố định.

g) Tài sản thuê hoạt động:

Thuế tài sản được phân loại là thuê hoạt động của phần lớn tài sản và tài sản gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phân biệt vào phương thức thanh toán tiền thuê.

h) Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và các chi phí phát sinh trực tiếp để đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau chi nhận mua tài sản được ghi theo nguyên giá tài sản có được trừ các chi phí này nhằm tránh làm tăng giá trị kế toán của tài sản trong tương lai dự kiến được tái ước định. Các chi phí phát sinh không được tính vào chi phí hữu hình ghi nhận là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng hàng năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được ước định và ghi, là phát sinh kế toán được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao ước tính tại tài sản cố định hữu hình như sau:

Lưu trữ sản phẩm	25 năm
Nhà cửa, văn phòng	25 - 30
Máy móc và thiết bị	20 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

i) Tài sản cố định thuê tài chính:

Thuế tài sản được phân loại là thuê tài chính của phần lớn tài sản và tài sản gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người cho thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuộc về người cho thuê trừ đi các chi phí đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê có thể tránh. Tỷ lệ thanh toán để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê có thể tránh của việc thuê tài sản là 90% hoặc cao hơn trong hợp đồng thuê tài sản hoặc là một giá trong hợp đồng. Trong tương lai, hợp đồng thuê tài sản được tái ước định hoặc được thanh lý trong hợp đồng thuê tài sản được tái ước định một lần duy nhất tại thời điểm thanh toán tiền thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong tương lai không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sử dụng tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê tài sản cố định thuê tài chính hoặc hạn thời gian ngắn hơn thời gian thuê tài sản gắn liền với tài sản. Số năm khấu hao ước tính và phương thức tính là không quá 10 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Về cấu trúc định và hình được thể hiện trên nguyên giá trị sau như sau đây:

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải trả ra để có được tài sản cố định theo tiêu chuẩn kế toán tài sản cố định trong Bảng cân đối kế toán. Chi phí bán ngoài định kỳ tài sản cố định và hình phạt thuế của chi phí mua bán được ghi nhận là chi phí của cuối, trừ chi phí trong năm tài khoản chi phí này ghi nhận với mục tài sản cố định vô hình dự trả và làm tăng trị giá tính kế tài sản tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và số lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hợp thành trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí trực tiếp Công ty đã chi ra để mua quyền này để sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí của chi trả, giá không vượt bằng, các lệ phí liên quan, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí mua quyền sử dụng Chương trình phần mềm máy tính tương đương là một hệ phần mềm gắn với phần cứng và liên quan được vận hành. Nguyên giá của Chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm mua phần mềm của nó được. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp được ghi nhận chi phí là xây cơ bản của công ty xây dựng và sửa chữa và sửa chữa công ty các tác nhân xây dựng, trong các trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho vận hành của nhà, chi trả và quản lý công trình chi phí liên quan đến việc sửa chữa và sửa chữa công trình đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các số tài liệu hợp lệ về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được theo biểu thức nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả bằng tiền chờ thanh toán và phải trả về giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị chủ yếu với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả của hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa chi trả vì lý do khác và các khoản phải trả của người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí các nước, thuế doanh nghiệp phải trả trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không về tiền thanh toán, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn theo Bảng cân đối kế toán của công ty dựa trên các tài liệu liên quan đến tài khoản.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ phải trả hoặc nghĩa vụ tiềm ẩn) do các sự kiện xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được xử lý vào thời điểm sau này.

Nhà hoạt động của thời gian là trong nhà, dự phòng sẽ được xác định bằng mức chiết khấu số tiền phải trả ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phần bất thường khác gắn liền. Tỷ lệ chiết khấu tại số giá trị thời gian của tiền và những chi trả có thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Dự trữ dự sẵn cổ phần

Trang dự sẵn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá trị phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và của phần vốn của các phần chuyển đổi khi đáo hạn. Các phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm hàng dự sẵn cổ phần.

Funds khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hợp đồng kinh doanh, chênh giá trị số của số giá trị của lợi nhuận giữ lại hợp lý của các tài sản được tăng, giảm, số nợ của chủ sở hữu không thanh toán (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Phải phải lại chuyển

Lưu chuyển sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã thanh lý các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được xác định dựa vào khoản mục chi cần bị nêu trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thể lệ kế hoạch phân bổ và các ràng buộc về số tài sản bị chi để thanh giá trị tài sản mạng đi quỹ của, từ đó mệnh giá trị của khoản mục này là, các công và tài chính và các khoản mục chi cần bị nêu.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Đại hội Cổ đông cổ đông phê duyệt và kết quả thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Các khoản doanh thu và thu nhập

Doanh thu trong dịp dịch vụ

Doanh thu trong dịp dịch vụ được ghi nhận khi đồng fulfil thời điểm của điều kiện sau:

- Khách hàng được xác định tương đối chắc chắn. Các hợp đồng quy định người mua đã xác quyết và lợi ích về chi được theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không xảy ra từ bất kỳ người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã mua cấp.
- Công ty đã hoàn thành được lợi ích kinh tế từ giao dịch trong các dịch vụ đó.
- Các khoản doanh thu công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Các hợp đồng chỉ ghi phát sinh cho giao dịch và chi phí chi hoặc thành giao dịch trong ngày cấp dịch vụ đó.

Trong hợp đồng về được thực hiện trong khoản kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được xác định vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DEMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tông, Phường Đa Phước, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐÀO TẠO TÀI CHÍNH

Chương trình đào tạo bắt đầu ngày 15 tháng 12 năm 2023

Mời tham gia đào tạo tài chính cùng Demadept

Được thu của thanh toán của Apple App

Được thu của thanh toán của các tài khoản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian của thanh toán. Tiền của thanh toán nhận được của khách kỳ được phân bổ vào thanh toán phù hợp với thời gian của thanh toán.

Giá trị M

Tiền lãi được ghi nhận vào lợi ích thời gian và tài sản theo kế hoạch.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng và phần cổ tức được theo dõi và tương ứng phần tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phần nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lợi tức vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng bất động sản mà tài sản đó đang sẵn có một thời gian thì chi phí (12 tháng) thì có thể đưa vào chi phí xây dựng bất động sản hoặc hoàn toàn chi phí đi vay xây dựng trên các giá trị của tài sản đó. Thời điểm chuyển vay cũng phụ thuộc vào việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể từ khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản chi khác phát sinh từ việc đầu tư tạo nên các khoản nợ được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định.

Đối với các khoản chi vay chung bằng đô la có chi phí của ngoại tệ đầu tư xây dựng bất động sản mà tài sản đó đang từ chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đó với chi phí xây dựng bất động sản trước phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được xác định tỷ lệ lãi suất thực quản lý quyền của các khoản vay chung và ngoại tệ các khoản vay riêng biệt phụ thuộc vào mục đích hình thành một tài sản cố định.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản chi giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phải để đi vào tài trợ khác.

Các khoản chi phí và khoản được thu do chi trả và phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp bằng một với nguyên tắc phù hợp, chi phí được ghi nhận ngay từ khi bắt đầu và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phù hợp giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện tại và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện tại

Thuế thu nhập hiện tại là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập hiện tại. Thuế thu nhập hiện tại được định ra với lợi nhuận kế toán là do hiệu chỉnh các khoản chi tiêu hiện tại giữa thuế và lợi nhuận, các chi phí không được trừ cũng như hiệu chỉnh các khoản thuế chi phí không phải nộp thuế và các khoản thuế được hoãn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DEMADEPT

Thỏa thuận chấp thuận lại

Thỏa thuận chấp thuận lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do người nộp thuế nộp tiền giữ giữ trị giá số của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở để thỏa thuận thuế. Thỏa thuận chấp thuận lại phải có được sự chấp thuận dứt khoát của cơ quan thuế trước khi chấp thuận. Tài sản thỏa thuận chấp thuận lại chỉ được ghi nhận khi chấp thuận trong trường hợp số nợ thuế chấp thuận lại sẽ không được chấp thuận lại theo đúng nghĩa vụ thuế được thỏa thuận.

Giá trị ghi sổ của tài sản thỏa thuận chấp thuận nghiệp vụ chấp thuận lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm nếu mức dựa trên mức chấp có đủ lợi trước thuế thuế của người nộp thuế của một phần hoặc toàn bộ tài sản thỏa thuận chấp thuận lại được công nhận. Các tài sản thỏa thuận chấp thuận nghiệp vụ chấp thuận lại được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi mức chấp thuận lại được chấp thuận có đủ lợi trước thuế của tài sản thỏa thuận chấp thuận lại được ghi nhận vào.

Tài sản thỏa thuận chấp thuận lại và thỏa thuận chấp thuận lại phải nộp được xác định theo thỏa thuận dự định sẽ áp dụng cho năm tài khóa được theo dõi tùy sự giải thích được thành tiền dựa vào các mức thuế suất và hoàn lại tại ngày kết thúc năm tài chính. Thỏa thuận chấp thuận lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các ghi chú tiếp theo của báo cáo tài chính khi khoản thuế có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào các chỉ số liên.

Tài sản thỏa thuận chấp thuận lại và nợ thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả được liệt kê như sau:

- Công ty cổ phần này phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp khác phải nộp, và
- Các tài sản thỏa thuận chấp thuận lại và thỏa thuận chấp thuận lại phải trả này liên quan đến thời gian chấp thuận nghiệp vụ chấp thuận lại bởi công việc cơ quan thuế:
 - Đối với công việc đơn vị chấp thuận, hoàn
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp trước và tài sản thỏa thuận chấp thuận lại và nợ thuế hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ trong và khi các khoản trong yêu cầu thỏa thuận chấp thuận lại phải trả hoặc tài sản thỏa thuận chấp thuận lại được thanh toán hoặc trả lại.



ĐẠI BIỂU QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

II. Báo cáo thuế

Các báo cáo thuế là báo cáo của một năm có liên quan khác với báo cáo tài chính được lập để trình bày chi tiết về các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và hoạt động. Các báo cáo thuế được xem là báo cáo tài chính của công ty và cơ sở để lập báo cáo tài chính khác.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các báo cáo thuế, bản chất của mỗi báo cáo được xác định trước báo cáo tài chính khác.

III. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo dõi vận hành kinh doanh là một phần vô cùng quan trọng để đánh giá vào quá trình vận hành hoạt động của công ty, định ra và cơ sở để lập báo cáo tài chính và khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo dõi vận hành vận hành là một phần vô cùng quan trọng để đánh giá vào quá trình vận hành hoạt động của công ty, định ra và cơ sở để lập báo cáo tài chính và khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phải hợp với chuẩn mực kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số bằng chứng lưu trữ của tài khoản (nếu có)

Y. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC THÍNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Hết cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	3.177.383.470	2.243.094.179
Tiền gửi ngân hàng	156.688.395.117	14.781.811.491
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi không quá 03 tháng)	100.000.000.000	-
Cộng	529.865.778.587	17.024.905.670

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ dài ngày dài hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Hết cuối năm 2022		Đầu năm 2022	
	Có giá	Giá trị thuần	Có giá	Giá trị thuần
Cả phần				
Công ty Cổ phần				
Thái Dương	10.000.000.000	11.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần				
Khuyến sản Miền	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ phiếu khác	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	31.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

Tại thời điểm lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Hết cuối năm	Đầu năm
Hết cuối năm	(15.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(11.000.000.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	14.000.000.000
Hết cuối năm	(26.000.000.000)	(16.000.000.000)

2b. Đầu tư nắm giữ dài ngày dài hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Hết cuối năm		Đầu năm	
	Có giá	Giá trị thuần	Có giá	Giá trị thuần
Đầu tư vào công ty con	4.714.470.712.779	4.621.984.819.879	4.420.710.010.779	4.328.224.110.879
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thái Dương	879.033.084.000	897.439.076.000	823.600.000.000	842.849.000.000
Công ty Cổ phần Công Nhân Bình Yên	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thái Bình Dương	388.000.000.000	(107.200.000.000)	388.000.000.000	(170.000.000.000)
Công ty Cổ phần Công Nhân Hòa Phát	404.000.000.000	-	404.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hòa Phát Hòa Phát Bình Dương	177.000.000.000	(27.000.000.000)	177.000.000.000	(20.000.000.000)
Công ty Cổ phần Công Nhân Hòa Phát	172.000.000.000	-	172.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 04/1 Lê Thánh Tông, Phường Bắc Trưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi toán tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Báo quyết toán tài chính và kế toán (Chức vụ)

	Số nhân viên		Số sản phẩm	
	Cũ giờ	Thư phòng	Cũ giờ	Thư phòng
Công ty TNHH Công Phước Long	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ-Carve Thời Địch Dương P	84.400.000.000	(14.700.700.000)	81.700.000.000	(8.000.000.000)
Công ty Cổ phần ECO Sun In	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Genadept Vĩnh Tân	41.200.000.000	-	41.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Máy móc Phát triển Đa ngành Genadept	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ IT Genadept - Dung Quất	41.700.000.000	-	41.700.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Văn Hóa Tổng hợp Y X H	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn Hóa Tổng hợp	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Genadept Miền Trung	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hàng hóa Thời Địch Dương	5.300.000.000	-	5.300.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Hàng hóa Thời Địch Dương	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Công ty TNHH IT - Genadept	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Nhà máy sản xuất và lắp ráp máy in	2.000.000.000.000	(700.000.000.000)	2.000.000.000.000	(700.000.000.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Máy Genadept - Tân Cảng Link	800.000.000.000	(200.000.000.000)	600.000.000.000	(100.000.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH CI Genadept Logistics Holdings	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại "S" Link - Genadept	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH CI Genadept Logistics Holdings	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Genadept-Dịch vụ	100.000.000.000	(0.000.000.000)	100.000.000.000	(0.000.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Hàng hóa Việt Nam	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên kết Thực phẩm	40.000.000.000	(10.000.000.000)	30.000.000.000	(10.000.000.000)
Các công ty liên kết liên quan và góp vốn vào của khác	20.000.000.000	(10.000.000.000)	10.000.000.000	(10.000.000.000)
	1.000.000.000	(2.000.000.000)	1.000.000.000	(2.000.000.000)
Ngày đăng TẠCH Công ty TNHH Việt Nam	100.000	-	100.000	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Quý TP. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Cộng	2.000.000.000.000	(700.000.000.000)	2.000.000.000.000	(700.000.000.000)

H. Tổng đại lý và kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 10 Lê Duẩn Tân, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giải thích Áp dụng**

Đối với các khoản đầu tư có giá trị nhỏ hơn, giá trị hợp lý được xác định dựa giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty nhận tài sản giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết để class và tương ứng cụ thể.

Định mức khấu hao của các công cụ con và công cụ liên doanh, liên kết

Các công cụ con và công cụ liên doanh, liên kết được loại trừ khỏi định mức khấu hao.

Quy trình cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thích hình thức đầu tư phòng ngừa các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm 2023	Năm trước
Số đầu năm	1753.307.263.000	841.779.194.200
Trích lập dự phòng bổ sung	(25.278.498.694)	(180.788.083.200)
Số cuối năm	1728.028.764.306	1753.307.263.000

Giải thích với các công cụ con và công cụ liên doanh, liên kết

Các giải thích trong phụ lục Công ty với các công cụ con và công cụ liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.16.

Khuyến đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày chi tiết của

Công ty đã đăng 000.000 số phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn để đảm bảo như khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Phú (sau thuyết minh số V.21a).

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	74.971.736.788	27.568.876.890
Công ty Cổ phần Công Máy Gemadep – Terminal Link	49.665.286.427	422.533.343
Công ty TNHH MTV Văn hóa biển Gemadep	11.780.341.355	11.481.456.479
Công ty Cổ phần KCO Nam Hải	10.096.678.325	6.862.375.313
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương Việt Bình Dương	3.888.092.428	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa Trường Thọ	1.385.200.000	2.772.600.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadep	458.436.214	2.370.717.629
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadep	3.700.100	-
Công ty Cổ phần Công vận HC Bình Mỹ	-	1.018.935.333
Công ty TNHH Công Thuận Long	-	879.773.181
Công ty Cổ phần Công Phục Hải	-	128.275.282
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát Triển Hệ thống Gemadep	-	102.000.000
Công ty Cổ phần Công Nam Bình Việt	-	912.381.152
Công ty Cổ phần Công Quốc tế Gemadep – Đông Quốc	-	61.335.333
Phải thu các Khách hàng khác	2.872.758.963	16.823.614.497
Công ty Cổ phần CMA – CGM Việt Nam	-	1.474.708.476
Hosoda, Nishimaru, Maruie Co., Ltd.	-	1.379.647.116
Các khách hàng khác	3.272.158.960	13.371.258.989
Cộng	82.848.913.731	41.795.628.561

Mọi số thuộc phải thu đã được thử nghiệm để đảm bảo như khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (sau thuyết minh số V.21a)

 Báo cáo tài chính năm 2023
 Công ty Cổ phần Gemadep

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Được lập và kiểm kê theo ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tổng Sơn Vàng	17.080.000.000	27.080.000.000
Công ty Cổ phần Hàng Hải Miền Bắc	10.383.857.000	10.383.857.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Công nghiệp Hàng Hải Sài Gòn	6.304.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thủy Nguyên Khang	-	4.825.291.932
Các nhà cung cấp khác	14.985.773.502	8.481.370.872
Cộng	48.753.630.502	46.769.319.752

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho các bên liên quan nội		
Công TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.T.N.M	101.580.000.000	-
Công ty Cổ phần KCD Nam Hải	74.270.000.000	78.500.000.000
Công ty Cổ phần Cho thuê Minh Đạt	2.673.500.000	2.673.500.000
Cộng	178.523.500.000	81.173.500.000

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu với bên liên quan	256.787.874.874	372.848.740.374
Công ty Cổ phần Miền Bắc - Thái Bình Dương - Chi bộ	111.454.807.148	127.548.223.444
Công ty TNHH Golden Globe - Chi bộ	58.386.141.000	23.831.671.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ - Chi bộ được chia	16.007.106.845	14.728.106.845
Công ty Cổ phần Công Quốc ở Genadept - Đông Quốc - Chi bộ được chia	13.344.000.000	28.990.900.000
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương - Lợi nhuận được chia	12.000.000.000	13.000.000.000
Công TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.T.N.M - Lợi nhuận được chia, lãi cho vay	12.000.000.000	12.833.483.348
Công ty Cổ phần KCTV Nam Hải - Lãi cho vay	1.856.547.945	3.644.082.192
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Dịch vụ Thái Bình Dương - Chi bộ	1.644.255.887	1.427.817.087
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương - Lợi nhuận được chia	850.000.000	-
Công ty Cổ phần Long Hải Mập Genadept - Trường Lạc - Chi bộ	67.424.328	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Genadept - Miền Bắc Bộ, chi bộ	35.871.784	143.078.488
Công ty TNHH Công Quốc Long - Lợi nhuận được chia	88.000.000.000	260.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nam Hải Bình V0 - Chi bộ được chia	-	61.798.358.880
Công ty Cổ phần Công Nam Bình V0 - Chi bộ được chia	-	21.600.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng Phát triển STG ở Genadept - Chi bộ được chia	-	11.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Đình Tôn, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Số đồng Việt Nam và số đồng Mỹ)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cải thiện liên quan đến – Cổ tức được chia, chi phí vay, chi phí và phải trả khác	1.789.397.090	1.472.090.948
Phải trả của cổ đông và cá nhân khác	22.922.294.873	28.822.288.129
Công ty TNHH Đông Hưng – Công nhân hợp tác làm việc dự án Công trình hợp tác Lê Chân	4.000.000.000	3.000.000.000
Tạm ứng	8.029.960.177	8.963.902.128
Các khoản dự nợ ngắn hạn	1.551.641.208	1.724.878.700
Các khoản chi trả	-	69.189.024.486
Lãi dự thu trên gửi có kỳ hạn	-	45.587.123
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14.342.061.158	15.727.871.710
Cộng	312.423.288.873	418.822.858.244

B. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ hàng Miền Tây Đồng Bằng – Công nhân hợp tác làm việc dự án Khu dịch vụ hiện đại Insightec	18.240.000.000	18.000.000.000
Các khoản dự nợ dài hạn	8.945.785.713	8.945.785.713
Cộng	27.185.785.713	26.945.785.713

F. Dự trữ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian gửi hạn	Cả trị và chi phí dự phòng	Thời gian gửi hạn	Cả trị và chi phí dự phòng
Đầu tiên gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Miền Tây – Các vay và tài trợ trợ Cổ đông khác và cá nhân khác	4.212.897.047	18.422.897.047	1.924.028.440	21.702.288.440
Hà Ngân Sách Công Lương – Phải trả về Sổ sách công danh	1.000.000.000	21.000.000.000	1.000.000.000	21.000.000.000
Phải trả của cá nhân chưa trả tiền	1.080.712.713	11.852.712.713	1.080.712.713	11.852.712.713
Cộng	6.293.610.760	51.275.610.760	3.994.741.153	54.555.001.153

Điều chỉnh liên quan dự phòng nợ phải trả ngắn hạn Mỏ đá dầu mỏ:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.877.824.818)	(5.325.211.180)
Tách lập dự phòng	(117.299.248)	(402.183.646)
Số cuối năm	(199.124.066)	(5.727.404.826)

G. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cả trị	Dự phòng	Cả trị	Dự phòng
Nguyên liệu sản xuất	8.197.224.081	-	1.104.051.728	-
Hàng bán	86.977.812	-	984.511.625	-
Cộng	8.284.201.893	-	2.088.563.353	-

Mức số hàng tồn kho đã được đề cập để đảm bảo việc thanh toán tại Ngân hàng THCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (số tài khoản mở tại số 7.214).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADPT

Địa chỉ: 3 Lê Thánh Tôn, Phường Cầu Ngai, Quận 1, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thời gian báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mọi thành viên Báo cáo tài chính đều được cấp miễn phí

8. Chi phí trả trước:

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	438.887.865	236.118.739
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.198.839.428	772.383.744
Cộng	2.637.727.293	1.008.502.483

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước tài chính chờ mua	16.718.829.218	18.208.822.831
Các chi phí trả trước dài hạn khác	10.992.414.921	2.097.893.078
Cộng	27.711.244.139	20.306.715.909

10. Tài sản cố định hữu hình

	Hàng hóa, vật liệu	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thuyền chèo	Tài sản đang xây dựng	Cộng
Nguyên giá					
Hàng hóa	1.081.208.229	28.789.221.481	774.308.284.296	8.433.425.811	813.241.209.817
Máy móc	-	-	28.117.689.201	1.111.750.100	29.229.439.301
Phương tiện vận tải	-	-	683.321.513.893	-	683.321.513.893
Tài sản đang xây dựng	-	-	(1.487.779.810)	-	(1.487.779.810)
Các chi phí trả trước	-	-	219.779.717	8.348.670	858.558.387
Số cuối năm	1.081.208.229	28.789.221.481	782.133.347.597	8.441.814.581	812.434.369.788
Trung bình					
Tài sản đang xây dựng					
Chi phí trả trước					
Hàng hóa	1.081.208.229	28.441.889.402	682.284.641.188	6.382.221.288	818.199.949.707
Máy móc	-	-	28.117.689.201	1.111.750.100	29.229.439.301
Phương tiện vận tải	-	-	683.321.513.893	-	683.321.513.893
Tài sản đang xây dựng	-	-	(1.487.779.810)	-	(1,487,779,810)
Các chi phí trả trước	-	-	219.779.717	8.348.670	858,558,387
Số đầu năm	1.081.208.229	28,441,889,402	682,284,641,188	6,382,221,288	818,199,949,707
Chi phí trả trước					
Hàng hóa	-	118.891.219	681.273.282.213	1.288.288.282	809.459.571.114
Máy móc	-	27.697.819	28.828.281.758	1.111.750.100	56.727.871.671
Phương tiện vận tải	-	-	-	-	-
Tài sản đang xây dựng	-	-	-	-	-
Các chi phí trả trước	-	-	-	-	-

Mọi số tài sản cố định hữu hình và giá trị còn lại được số sách là 432.878.278.014 VND đã được hỗ trợ kiểm kê dựa trên các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Shinhwa Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức Thông Tin và Clearbank International Financial Services (Singapore) Pte. Ltd. (theo Quyết định số 9/21).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 14 Thành Tín, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý năm kế được kết thúc ngày 31 Tháng 12 năm 2023

Số thuế GTGT được khấu trừ của Quý năm (nếu có):

10. Tài sản vô định hình tài chính

	Thiệt hại và phương tiện vào sổ
Nguyên giá	
Số đầu vào	235.315.786.662
Tăng khác	87.895.618
Số cuối năm	<u>323.211.402.280</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu vào	136.759.676.962
Kiểm hao trong năm	34.972.943.896
Số cuối năm	<u>171.732.620.858</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu vào	98.556.111.617
Số cuối năm	<u>151.478.781.422</u>

11. Tài sản vô định vô hình

	Quyển sổ dự án đất	Chương trình phần mềm mã nguồn	Tổng
Nguyên giá			
Số đầu vào	1.371.329.011	28.592.978.284	29.964.307.295
Mua trong năm		1.883.070.000	1.883.070.000
Số cuối năm	<u>1.371.329.011</u>	<u>30.476.048.284</u>	<u>31.847.397.295</u>
Trong đó:			
Hà kiếm mua từ chương trình vào sổ dự án	-	8.643.289.499	8.643.289.499
Giá trị hao mòn			
Số đầu vào	-	15.348.967.803	15.348.967.803
Kiểm hao trong năm	-	1.221.077.168	1.221.077.168
Số cuối năm	-	<u>16.569.044.971</u>	<u>16.569.044.971</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu vào	1.371.329.011	15.256.110.981	16.627.439.992
Số cuối năm	<u>1.371.329.011</u>	<u>14.035.066.013</u>	<u>15.406.395.024</u>
Trong đó:			
Tài sản không vô định hàng hóa thành lập	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí phát sinh trong năm như sau:

	Số đầu vào	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TKCH trong năm	Số cuối năm
Chi phí mua vào vật liệu, cơ bản	41.295.268.911	228.321.802.883	(148.925.523.803)	170.691.547.991
Phần mềm CNTT	1.596.868.500	-	-	1.596.868.500
Phần mềm CNTT	1.333.173.442	-	-	1.333.173.442
Tổng	<u>44.225.310.853</u>	<u>228.321.802.883</u>	<u>(148.925.523.803)</u>	<u>170.691.690.530</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADFT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Trần Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chấm dứt tại thời điểm đến ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số thuế giá trị gia tăng đã tính cộng thuế

9. Một số chi phí xây dựng cơ bản đã tăng có giá trị hơn số sách là 108.695.117.271 VND đã được trả bằng để đảm bảo cho các khoản nợ của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Việt Nam Open (trough chính số 2.11).

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Ty sản thuế thu nhập hoãn lại hình thành chủ yếu là khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi số phải nộp trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	499.207.670	180.858.518
Đã nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	198.807.820	307.140.112
Số cuối năm	-	488.000.678

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	22.714.173.817	1.490.231.799
Công ty TNHH MTV Văn tế báo Gemadft	22.378.894.779	1.172.877.210
Công ty Cổ phần Hoàng Logistics	445.771.388	296.878.182
Công ty Cổ phần Gemadft Miền Trung	-	1.221.481.371
Phải trả các nhà cung cấp khác	16.812.889.199	23.379.727.188
Công ty TNHH MTV Đông Sơn và Công nghiệp	-	1.829.418.182
Đông Sơn Sơn	-	1.201.458.334
Hàng Hải Co., Ltd	-	11.348.853.875
Các nhà cung cấp khác	16.812.889.199	11.348.853.875
Cộng	29.526.964.117	29.261.768.888

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**16a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ghi nhận tại 31/12/2022**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp nộp	Phải nộp	Phải trả
Thuế GTGT hàng hóa và dịch vụ	-	-	21.216.117	(11.216.117)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	160.000.000	26.078.381.801	(19.479.207.878)	1.289.279.629	-
Thuế thu nhập cá nhân	164.815.875	-	26.273.793.001	(23.311.884.218)	(106.088.491)	-
Thuế môn bài	(21.140.888)	-	6.707.888.197	(6.879.787.141)	-	21.788.888
Các khoản thuế khác	-	11.000.000	473.494.000	(479.814.817)	-	-
Cộng	143.674.987	1.171.000.000	53.671.292.015	(48,758,713,849)	4.283.281,118	21,788,888

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập cá nhân

Công ty kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân theo Thông tư 15/2013/TT-BTC.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định theo các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và các quy định về thuế đối với một số lĩnh vực giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Quy định về thuế được áp dụng vào thời điểm thanh toán có thể sẽ thay đổi theo sự quyết định của cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADOPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Còn hiệu lực tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo quyết toán Báo cáo tài chính (Bảng số)

Các loại thuế khác

Công ty là chủ nợ nộp thuế nợ thuế.

16. Thuế và các khoản phải nộp phải nộp tại Công ty Cổ phần Gemadopt

	Số phải nộp		Số đã nộp	
	Số đầu năm	trong năm	trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán với thuế	-	11.821.583.479	-	11.821.583.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.273.532	2.794.188.497	-	2.778.976.599
Thuế thu nhập cá nhân	-	23.402.299	-	55.412.304
Phụ phí và các khoản phải nộp khác	-	16.178.240.731	-	13.178.240.731
Cộng	13.273.532	20.796.414.907	-	25.768.212.113

17. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị khác	-	82.271.438
Công ty Cổ phần Gemadopt Miền Trung – PH-ĐL-ly	-	47.105.885
Công ty Cổ phần Công Nghệ Dịch Vụ – PH-ĐL-ly	-	4.164.777
Phải trả các đơn vị khác và chi nhánh khác	1.621.678.791	1.520.438.379
Chi phí tài trợ	1.217.618.765	128.840.516
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	410.909.090	709.295.178
Cộng	1.649.606.646	1.374.602.145

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền nhận trước và chưa trả lại của khách hàng.

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các đơn vị khác	4.375.426.118	3.172.255.799
Công ty Cổ phần Công Nghệ Dịch Vụ – Chi phí tài trợ	2.217.099.175	-
Công ty TNHH Dịch vụ Việt An Tổng hợp Y/NH – Chi phí tài trợ	592.745.865	-
Công ty Cổ phần Viễn Khuê Minh Thái Minh Dương – Nộp trước	566.331.233	566.331.233
Công ty TNHH MTV Việt An Minh Gemadopt – Tài trợ phải trả khác	334.020.507	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ HCM – Chi phí tài trợ	386.171.240	-
Công ty TNHH Tỷ lệ "K" Lưu – Gemadopt – Mua đất các chợ thuê và phòng	72.304.300	72.304.300
Công ty Cổ phần Công Nghệ Hải Dương VI – Chi phí tài trợ	28.445.281	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Hợp Gemadopt – Terminal Link – Tài trợ	1.233.231	-
Công ty TNHH MTV Tỷ lệ Lưu Gemadopt – Tài trợ	-	2.174.256.738
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển và Ứng dụng Gemadopt – Các khoản thu hồi và phải trả khác	-	1.077.414.290

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kể từ ngày bắt đầu từ ngày 01 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND (Số chữ số thập phân không có)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Genadept Hồ Phòng – Các khoản (thu) và phải trả khác	-	221.668.893
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.718.938.721.889	783.388.398.938
Nhiệm vụ của đối tượng hưởng công ty con ⁽¹⁾	1.800.000.000.000	-
Các khoản thu bị chi hoặc hợp đồng và chi lý	2.743.007.383	2.772.929.296
Các khoản nhận đặt vào ngày hạn	348.650.543	904.124.849
Cổ tức phải trả	211.336.918	298.772.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	130.200.887.331	161.581.843.178
Cộng	1.139.508.387.961	110.742.734.874

- ⁽¹⁾ Khoản nhận đặt vào để đảm bảo các việc của Nhà máy sẽ ký kết các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn và hoạt động giao dịch chuyển nhượng công ty con.

Công ty không có sự phải trả khác quá hạn class thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính**21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác ⁽¹⁾	87.000.000.000	222.872.700.000
Vay Công ty Cổ phần Công Nam Đô Dịch Vụ	48.000.000.000	-
Vay Công ty TNHH MTV Văn và Hùng tại Đắk Lắk Đông	41.000.000.000	1.090.000.000
Vay Công ty Cổ phần Công Bình Đông	10.000.000.000	80.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Công Nam Hồ	-	81.512.000.000
Vay Công ty Cổ phần Công Nam Dịch Vụ	-	71.800.000.000
Vay Công ty TNHH Công Phước Long	-	28.800.000.000
Vay Công ty TNHH Dịch vụ Văn và Hùng tại V.N.M	-	84.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	229.732.871.787	229.799.724.848
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	73.375.015.708	78.918.090.828
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽³⁾	28.187.983.100	24.834.814.058
Vay Citibank International Financial Services (Singapore) Pte. Ltd.	-	14.280.500.000
Vay trả hạn đến hạn trả (bao gồm khoản số V.3 và V.4)	83.691.238.643	81.309.938.772
Nợ thuê tài chính đến hạn trả dựa trên khoản số V.3 và V.4	33.858.946.775	41.331.371.392
Cộng	326.719.476.181	321.891.814.448

- ⁽¹⁾ Khoản vay các bên liên quan theo kế sách được quy định và phê duyệt trong Hợp đồng.

- ⁽²⁾ Khoản vay không có lãi các bên liên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn vay đồng.

- ⁽³⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn vay đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đặt vào khoản phải thu liên doanh và hàng tồn kho (các tài khoản thanh toán số V.3 và V.4) với giá trị trị giá bằng dư nợ vay đồng.

Công ty và các công ty con được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

215. Hợp vụ nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp thuê mua ngắn hạn	187.498.827.999	143.836.134.285
Vay Ngân hàng TNHH MTV Kỹ thuật Việt Nam ^(*)	100.677.564.656	76.948.734.387
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Nà Thành Thủ Đức ^(**)	82.022.333.333	26.708.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình ^(***)	3.030.680.000	11.140.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(***)	1.660.000.000	6.640.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn	-	20.000.000.000
Hợp thuê tài chính ngắn hạn	23.691.838.317	48.879.827.282
Thuế tài chính Global Coasian Investment LLC	21.683.347.722	16.319.843.130
Thuế tài chính Incremental Investment Fund IV LLC	271.432	202.881.503
Cộng	211.092.258.546	281.036.061.985

^(*) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Kỹ thuật Việt Nam để tài trợ chi phí mua sắm thiết bị và vận hành thiết bị tại các dự án thủy điện và các dự án khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Khuyến vay Ngân hàng TNHH MTV Kỹ thuật Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án của nhà máy thủy điện và vận hành thiết bị tại các dự án khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và vốn vay (xem thuyết minh số V.12).

^(**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Nà Thành Thủ Đức để đầu tư mua sắm và tài trợ chi phí vận hành thiết bị tại các dự án khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

^(***) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long với thời hạn vay không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng 09% vốn điều lệ của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Bà Rịa (xem thuyết minh số V.24).

^(****) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua sắm và vận hành thiết bị tại các dự án khác. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp và vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Công ty cổ phần cũng trả nợ các khoản vay ngắn hạn thuê tài chính dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo được lập theo các tiêu chuẩn kế toán Việt Nam

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ và nợ thuế tài chính đã hạn như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 12 năm	Tổng cộng
Nợ ngắn hạn			
Vay dài hạn ngắn hạn	82.882.229.213	187.416.521.989	289.123.857.582
Nợ thuế tài chính	35.958.896.779	23.645.908.857	59.604.805.636
Tiền gửi phải trả	28.234.332.489	13.732.677.813	41.967.010.302
Lãi phải phải trả	6.922.512.386	4.526.213.822	11.448.726.208
Cộng	133.997.971.867	313.321.324.561	647.319.296.428
Nợ dài hạn			
Vay dài hạn ngắn hạn	81.199.508.572	143.036.714.283	224.236.222.855
Vay dài hạn tài chính khác	48.000.000.000	-	48.000.000.000
Nợ thuế tài chính	41.311.371.390	58.879.337.303	100.190.708.693
Tiền gửi phải trả	81.448.375.688	48.050.000.874	129.498.376.562
Lãi phải phải trả	7.880.192.726	18.826.123.738	26.706.316.464
Cộng	259.838.378.376	370.792.866.398	630.631.244.774

22a. Nợ về nợ thuế tài chính, quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản nợ và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng được phải trả ngắn hạn liên quan đến những cáo trạng phải trả tương ứng với tranh chấp.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Nợ đầu năm	37.124.624.788	81.288.277.879
Tổng chi trích lập và lợi nhuận	48.974.568.872	29.876.158.238
Chưa trích năm	(19.875.568.872)	(12.879.111.881)
Nợ cuối năm	66.223.624.788	98.285.324.236

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản tài chính được trừ từ giá trị định giá lại của Hợp vốn của Công ty theo pháp luật Việt Nam.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Ước tính vào kết quả kinh doanh	147.295.234	-
Nợ cuối năm	147.295.234	-

26. Vốn chủ sở hữu

27a. Đồng chủ chiếm hữu đồng của chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN BEMAGREPT

Số 04/ Lê Thành Tín, Phường Bàu Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SẢN CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25A. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	101.377.937	101.377.937
Cổ phiếu phổ thông	101.377.937	101.377.937
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.377.937	101.377.937
Cổ phiếu phổ thông	101.377.937	101.377.937
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ

25B. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 95/2022-ĐHĐCĐ-CMĐD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, ngày 25 tháng 9 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Trả lại Quý khách hàng, phát lợi (10%)	30.609.181.670 VNĐ
- Trả lại Quý Hội đồng quản trị (2%)	18.361.402.300 VNĐ
- Chia cổ tức (12%)	167.653.548.400 VNĐ

26. Các khoản nợ người bằng của đối tác tài**26a. Tài sản thuế người**

Tổng số thuế phải nộp hiện trong tương lai của các hợp đồng thuế hợp đồng tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài 01 năm sử dụng	18.420.190.200	18.420.190.200
Tài 01 năm đến 03 năm	2.218.297.600	27.678.892.800
Cộng	20.638.487.800	46.099.083.000

Các khoản thuế của các hợp đồng đồng ở trên đã hoàn tiền thuế và ghi quản lý phải trả cho các chủ thể của phòng Công ty TNHH Cổ Việt Nam tại số 0 Lê Thành Tín, Phường Bàu Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

26B. Thuế dự trữ lợi

Tại ngày kết thúc năm tài chính, hiện hợp gồm 91.8202,71 USD (số đầu năm 19.808.414,83 USD).

27c. Hợp đồng đại lý số 01

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân của số
Greenstar (S) Pte. Ltd	113.272.519.867	113.773.210.807	Do các yêu cầu, gửi thẻ công ty
Green Pacific Marketing Pte Ltd	29.678.000.000	29.818.000.000	Do các yêu cầu, gửi thẻ công ty
Các chủ trương khác	4.801.718.749	4.801.718.749	Không có thẻ công ty
Cộng	147.752.237.416	147.392.929.416	

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thanh Tôn, Phường Bến Ngự, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chiến lược tài chính và báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính công khai

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾ QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****A. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistic (dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, chi thuê tài sản...)	647.371.429.411	298.527.276.403
Doanh thu cho thuê văn phòng và doanh thu khác	657.333.889	1.093.093.233
Cộng	648.028.813.300	299.620.369.636

1A. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các liên kết quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các liên kết quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.14.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistic (dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, chi thuê tài sản...)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	113.877.599	704.420.347
Lãi tiền cho vay	8.246.744.686	8.490.750.480
Cổ tức, lợi nhuận được chia	865.827.248.700	578.942.346.300
Lãi thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	21.658.519.948
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.942.384.818	111.408.094
Lãi chênh lệch tỷ giá và chênh giá trị các khoản mua bán bằng ghi ngoại tệ	1.427.325.158	-
Cộng	478.274.037.819	645.148.886.499

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	65.421.782.024	55.028.930.718
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	-	817.438.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.018.031.813	842.844.558
Lỗ chênh lệch tỷ giá do chênh giá trị các khoản mua bán bằng ghi ngoại tệ	-	712.498.409
Chi phí mua sắm ghi bằng khoản lỗ thanh lý các khoản đầu tư	11.484.181.777	11.428.407.813
Chi phí tài chính khác	128.403.294	100.268.389
Cộng	186.463.099.097	148.299.113.719

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ ngoài	1.472.413.337	2.748.251.382
Chi phí khấu hao	-	269.321.584
Cộng	1.472.413.337	3.017.572.966

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 01/0 Lê Thanh Tôn, Phường Tân Ngã, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tiếp theo

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	108.434.094.888	99.932.391.163
Chi phí vật liệu quản lý, chi dùng văn phòng	791.044.408	1.801.940.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.978.044.464	8.532.060.874
Dự phòng phải thu khó đòi	317.299.349	400.181.846
Chi phí thuê văn phòng	18.546.993.263	17.600.122.588
Chi chi phí khác	171.381.860.713	18.074.471.882
Cộng	206.337.712.344	134.724.887.743

7. Dự chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kỳ chờ xử lý của cổ đông	428.494.995	13.774.194.887
Các khoản chi khác	1.321.008.737	1.248.094.435
Cộng	1.749.503.732	15.022.289.322

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế phát sinh từ hàng	22.999.237.214	-
Chi phí bổ trợ hàng	215.773.440	317.013.080
Các khoản chi phí khác	11.881.813	118.389.318
Cộng	25.106.894.467	435.402.406

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	787.299.234	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	498.807.679	-
Thu nhập hoãn thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải chịu từ các khoản chênh lệch tạm thời được miễn thuế	-	(283.149.132)
Cộng	1.286.106.913	(283.149.132)

10. Lợi tức cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu có quyền được chia tập với theo của tất cả các loại cổ phiếu

11. Chi phí sản xuất hàng thành phẩm theo yêu cầu

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.114.340.784	7.842.682.494
Chi phí nhân công	181.872.118.568	86.902.309.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.100.044.314	103.791.438.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.464.074.764	64.423.700.004
Chi phí khác	142.175.128.299	33.894.500.216
Cộng	545.726.686.734	296.854.630.780

CÔNG TY CỔ PHẦN SEMADEPT

Số 01/11 Trách Nhiệm Quản Lý Đầu Tư, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số bằng chứng báo cáo tài chính (tập hợp)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY THÔNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ

Công ty có các khoản công nợ liên quan với nhau như, thanh lý tài sản cố định, tài sản hữu hình và vô hình, lợi nhuận được chia như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài khoản của công nhân viên chức công định	22.391.709.001	2.213.101.868
Hợp đồng và các khoản của tài sản cố định	810.137.121	2.315.823.229
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	1.347.891.118	2.347.461.118
Lợi nhuận và cổ tức, lợi nhuận được chia	100.238.516.882	181.165.708.491

Trong năm Công ty đã thanh toán 19 tỷ bằng cách các tài khoản nợ với số tiền 17.898.161.912 VNĐ.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm các thành viên quản lý của công ty, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý của công ty và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý của công ty và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý của công ty

Các thành viên quản lý của công ty bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý của công ty là các thành viên mặt trời trong gia đình các thành viên quản lý của công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý của công ty và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý của công ty

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý của công ty và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý của công ty.

Công ty với các thành viên quản lý của công ty và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý của công ty

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý của công ty và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý của công ty.

(Số bằng chứng các thành viên quản lý của công ty và các cá nhân có liên quan)

	Chức danh	Hiện tại	Năm trước
Hội đồng quản trị			
Ông Hồ Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	2.109.648.873	1.898.770.809
Ông Chu Đức Cường	Phó Chủ tịch HĐQT	2.419.811.821	1.273.623.809
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT	4.714.583.298	1.799.238.791
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	1.973.240.873	2.443.273.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên HĐQT	2.947.418.845	2.443.793.000
Ông Vũ Ninh	Thành viên HĐQT	1.783.651.433	1.328.834.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập (từ nhiệm từ tháng 03/2022)	88.000.000	-
Ông Brian Devarman	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	120.000.000
Ông David Do	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	120.000.000
Ông Teeyndee Kao	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000.000	120.000.000
Bà Tô Thị Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	80.000.000	120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 01/LA Thành Phố, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃ SỐ TÀI CHÍNH

Được sửa đổi chính thức từ ngày 21 tháng 11 năm 2022.

Mọi chi tiết xin liên hệ Văn phòng Công ty.

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Phan Thanh Lộc	Đã được từ tháng 4/2022 Thạch viên HĐQT không điều hành (Đã được từ tháng 5/2021)	-	60.000.000
Ban Giám đốc			
Ông Lưu Tường Đạt	Trưởng Ban Giám đốc	28.280.200	68.330.000
Bà Vũ Thị Hoàng Đan	Thạch viên Ban Giám đốc	2.827.243.139	994.828.110
Ông Trần Đức Thuận	Thạch viên Ban Giám đốc	619.711.900	226.944.300
Bà Phan Cẩm Ly	Thạch viên Ban Giám đốc	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Hương Ngọc Uyên	Thạch viên Ban Giám đốc	60.000.000	60.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc	4.114.583.200	3.759.399.191
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc	3.143.188.200	2.649.255.000
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	3.242.320.500	2.441.173.000
Ông Nguyễn Thế Đông	Phó Tổng Giám đốc	1.078.880.400	1.081.918.200

Ph. Các đơn vị và số dư với các đơn vị liên quan khác
Các đơn vị liên quan khác với Công ty gồm:**Bên liên quan khác**

	Mã đơn vị
Công ty Cổ phần Hòa Sơn Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Miền Ngạc Tân Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nam Tân	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Nghiêu Kiều Thuận Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty TNHH Công Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần SCS Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần vận tải Hàng không Phát triển Hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Quốc 4 Gemadept - Hưng Yên	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty TNHH Thuận lợi và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH ISB - Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Cổ Mốp Gemadept - Tân Hải Lộc	Cơ sở kinh doanh đồng liên quan
Công ty Cổ phần Thực vụ Hàng hải SSI Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH CI Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận "C" Line - Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng liên quan
Công ty TNHH CI Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng liên quan
Công ty TNHH Global Globe	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quốc Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đa lĩnh Miền Bắc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương Bắc Bình Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Gemadept	Công ty con gián tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Thới, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mọi thành số khác đều của cổ đông (chủ) đơn vị

<u>Mọi tài sản khác</u>	<u>Mọi khoản nợ</u>
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Genadept	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Miền Trung Logistics	Công ty con của Công ty liên kết
Genadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
Genadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Genadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Công ty liên kết của Công ty liên kết

Thưa kính quý vị các bên liên quan khác:

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch hàng hóa với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Hàng hóa Thái Bình Dương		
Cấp vốn	1.252.000.000	-
Công ty Cổ phần Miền Trung Thái Bình Dương		
Cấp vốn	-	1.000.204.781
Công ty Cổ phần Công Anem Hải Phòng		
Doanh thu cho thuê tài sản	3.605.096.893	2.893.000.000
Doanh thu dịch vụ	882.866.587	439.313.333
Cổ tức được chia	19.506.000.000	9.499.500.000
Vay	108.000.000.000	16.500.000.000
Lãi vay	5.725.419.481	6.508.120.999
Chi trả	70.400.344	38.356.344
Công ty Cổ phần Công Anem Hải Phòng		
Doanh thu cho thuê tài sản	7.200.000.000	6.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	3.870.666.647	2.992.293.333
Chi phí dịch vụ	4.923.091	89.418.547
Cấp vốn	801.000.000.000	-
Vay	285.000.000.000	159.000.000.000
Lãi vay	8.164.124.384	19.812.821.823
Cổ tức được chia	-	21.800.000.000
Công ty Cổ phần Miền Trung Hàng hóa Thái Bình Dương		
Cấp vốn	24.340.200.000	22.946.714.000
Công ty Cổ phần Công Anem Hải Phòng		
Doanh thu cho thuê tài sản	10.800.000.000	10.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	5.170.666.667	3.247.333.333
Chi phí dịch vụ	-	800.000
Cổ tức được chia	159.450.188.000	293.900.000.000
Vay	142.000.000.000	88.000.000.000
Lãi vay	3.119.671.332	301.590.100
Chi trả	78.214.337	56.204.628

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Tuấn Tú, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Công Phước Long		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.034.121.231	12.145.454.340
Doanh thu dịch vụ	-	41.333.333
Chi phí dịch vụ	-	195.000.000
Lợi nhuận được chia	178.000.000.000	121.000.000.000
Vay	217.000.000.000	120.000.000.000
Lãi vay	18.576.849.343	1.918.128.144
Chi trả	90.093.112	88.261.112
Công ty TNHH Công nghệ Cao và Phát Triển Đông		
Góp vốn	2.870.000.000	2.468.000.000
Chi trả	216.678.000	261.248.000
Công ty Cổ phần BCD Nam Hải		
Doanh thu cho thuê tài sản	11.413.493.991	11.340.454.388
Doanh thu dịch vụ	898.466.667	379.333.333
Lãi cho vay	3.664.410.569	6.490.308.767
Chi trả	24.413.412	24.263.412
Cổ tức được chia	1.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Miền và Kỹ thuật Phát triển Miền Đông Genadept		
Doanh thu dịch vụ	263.000.000	148.000.000
Chi trả	1.151.321.800	1.142.760.000
Công ty Cổ phần Công Quốc tế Genadept - Trung Quốc		
Doanh thu cho thuê tài sản	399.339.331	676.361.632
Doanh thu dịch vụ	-	48.333.333
Chi phí dịch vụ	-	29.244.942
Cổ tức được chia	7.144.800.000	6.890.000.000
Tài sản	-	1.862.408.000
Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Tổng hợp P.Đ.Đ		
Lợi nhuận được chia	-	12.000.000.000
Vay	-	120.000.000.000
Lãi vay	3.003.169.370	964.354.704
Cho vay	121.128.000.000	100.280.000.000
Lãi cho vay	822.094.109	2.132.295.890
Công ty Cổ phần Miền và Kỹ thuật Phát triển Miền Đông		
Doanh thu cho thuê tài sản	6.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	4.416.000.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật và Dịch vụ Miền Đông Phát Triển Đông		
Chi phí dịch vụ	149.324.748	686.349.322
Lợi nhuận được chia	-	3.000.000.000
Chi trả	68.163.412	62.922.471

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 01/ Lê Bạch Tuyết, Phường Bình Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND (trừ khi ghi khác)

	2022 (VND)	2021 (VND)
Công ty Cổ phần Genadept Miền Trung		
Doanh thu cho thuê tài sản	128.870.870	-
Chi phí dịch vụ	(8.647.205)	(23.454.400)
Thành lợi nhuận kế toán	-	(1.786.583.530)
Gây vốn	-	(1.809.000.000)
Chia sẻ	-	(227.583.530)
Công ty TNHH MTV Hòa Phát Miền Bắc Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ	(252.809.000)	-
Lợi nhuận được chia	(970.000.000)	(4.000.000.000)
Vay	(30.000.000.000)	(6.000.000.000)
Lãi vay	(1.257.951.700)	(27.200.800)
Chia sẻ	(3.854.149)	(25.400.000)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Việt Genadept – Frontend Ltd		
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	(112.404.100)
Doanh thu dịch vụ	(41.440.288.437)	(4.321.233.337)
Chi phí	-	(18.700.000.000)
Lãi chi phí	-	(841.200.847)
Vay	-	(20.000.000.000)
Lãi vay	-	(26.712.378)
Chia sẻ	(87.424.308)	(85.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Năng Lực Sài Gòn		
Cổ tức được chia	(40.673.300.000)	(90.200.000.000)
Lãi vay	-	(847.671.233)
Công ty TNHH Tập đoàn "K" Việt – Genadept		
Doanh thu cho thuê văn phòng	(384.349.000)	(377.873.900)
Lợi nhuận được chia	(10.500.000.000)	(23.437.700.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam		
Chi phí	-	(10.000.000)
Lãi chi phí	(100.000.000)	(15.433.000)
Chia sẻ	(118.270.720)	(14.576.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Tín		
Cổ tức được chia	(1.203.400.000)	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Miền Bắc		
Doanh thu cho thuê tài sản	(3.301.300.000)	(9.600.360.000)
Doanh thu dịch vụ	-	(41.333.000)
Chi phí dịch vụ	-	(220.000.000)
Vay	(80.000.000.000)	(80.000.000.000)
Lãi vay	(6.870.340.000)	(2.240.144.000)
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng		
Chia sẻ	-	(23.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 04/3 Lê Thánh Tôn, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: triệu đồng trừ vào số khác (nếu có)

	Năm nay	Phân biệt
Công ty Cổ phần Mạng Logistics		
Doanh thu dịch vụ	143.378.888	128.888.834
Lãi gộp	-	17.347.845
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Genadept		
Doanh thu chi phí thuê tài sản	88.833.038.975	80.577.882.848
Doanh thu dịch vụ	1.740.257.818	2.647.887.375
Thuế lợi nhuận trước thuế	-	22.127.372.728
Thuế	33.846.317.497	34.099.173.872
Chi phí	88.825.124.158	81.740.912.881
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Genadept		
Doanh thu dịch vụ	171.186.900	1.396.241.882
Doanh thu chi phí thuê tài sản	4.829.017.519	1.879.375.823
Chi phí dịch vụ	345.818.182	2.681.332.151
Chi phí	314.443.251	21.306.342.977
Thuế	18.426.170.879	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Bình Dương		
Doanh thu chi phí thuê tài sản	18.348.828.748	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Genadept		
Chi phí	17.250.200	-

Giá bằng chữ, dịch vụ cung cấp của các bên liên quan khác là giá thỏa thuận và ghi hợp với giá thị trường. Với các hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được mua bán theo giá thỏa thuận và ghi hợp với giá thị trường.

Cơ sở liên kết

Công ty đã thế chấp phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Cái Mây Genadept – Terminal Link để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mây Genadept – Terminal Link tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến khoản đầu tư dự án Cảng Cái Mây – Genadept Terminal Link giai đoạn 1.

Công ty với các bên liên quan khác

Công ty với các bên liên quan khác được trình bày tại các báo cáo tài chính số Y3, Y4, Y5a, Y12, Y18, Y20 và Y21a.

Các khoản công nợ phải thu của các bên liên quan khác không có bảo đảm và có được thanh toán bằng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADOPT

Địa chỉ: 1 Lê Trọng Tấn, Phường Bắc Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN CÁO TÀI CHÍNH

Chuyển ra chính kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính theo tài chính (Việt Nam)

1. Thông tin về hệ thống

Loại vực hoạt động chủ yếu của Công ty là hoạt động logistics, bao gồm dịch vụ vận tải, vận tải các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý... chiếm gần 99,99% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi cốt doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ và bán ngoài phạm khu vực đại lý vận tải về vận tải biển bằng đường biển:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	195.807.134.214	171.833.469.134
Nước ngoài	453.031.488.268	87.347.951.245
Cộng	648.838.622.482	259.181.420.379

Chi cốt về chi phí do phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản bất kỳ khác theo khu vực đại lý vận tải về vận tải biển bằng đường biển:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	268.823.993.241	87.377.829.264
Nước ngoài	-	-
Cộng	268.823.993.241	87.377.829.264

Chi cốt về tài sản bỏ phân theo khu vực đại lý vận tải về vận tải biển bằng đường biển:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong nước	1.916.388.838.393	1.421.384.749.074
Nước ngoài	89.432.174.425	83.821.732.848
Cộng	2.005.821.012.817	1.505.206.481.922

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính các phát sinh chính về liên hợp cũng bỏ ảnh hưởng tài chính.

3. Thông tin khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2023 đạt gần 142 tỷ VND, tăng gần 48 tỷ VND so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

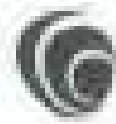
- Lợi nhuận từ hoạt động bán xuất hàng doanh nghiệp gần 140 tỷ VND, tăng chủ yếu phát triển từ hoạt động nghiệp trong năm tăng gần 20 tỷ VND;
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm gần 48 tỷ VND do chi phí dự phòng đầu tư tài chính và chi khoản Công ty nhận về tài, lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết ít hơn so với năm trước;
- Lợi nhuận từ hoạt động khác giảm hơn 16 tỷ VND do tăng chi phí trích lập dự trữ công ty tài chính số dự trữ ít hơn năm trước, tăng thêm trong năm Công ty ghi nhận thuế phát vận tải Chi nhánh Campuchia;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 1 năm 2024


Vu Thi Anh Thu
Giám đốc


Nguyễn Minh Nguyễn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Minh
Tổng Giám đốc



bakertilly
A & C

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	i
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5-8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10-11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12-48
8. Phụ lục	49-54

.....

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Genadept (sau đây gọi là "Công ty") kính báo cáo các thành viên Ban Giám đốc và Ban Chấp hành nhất cho năm và thành tích thực hiện 11 tháng 11 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Genadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301194791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 02 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: +84 (028) 3823 4238
- Fax: +84 (028) 3823 3234

Công ty hiện đang vận hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề kinh doanh với mã số thuế doanh nghiệp và logistics:

- Khai thác công: Khai thác hệ thống công nghệ từ Đức chỉ Nam, hệ vận hành phễu lọc và các vòng lọc ở trung tâm: công Nam Hải, công Nam Hải Dịch Vụ (từ ngày 31 tháng 7 năm 2023), công Nam Hải Việt, Nam Hải Việt, công Đông Quốc, công Phước Long, công Bình Dương và công nước của Genadept Cổ Hội.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng hóa trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý kho và chuyển kho; Đại lý giao nhận; Các hàng hóa hàng không.

Người ra, Công ty đầu tư vào và dự án vận hành trong các lĩnh vực trọng điểm và bất động sản:

- Trọng điểm: Tổng, quản lý, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phân lô Sóng Thần One và dự án Khu phân lô tại Vũng Tàu - Lâm.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Châu Đức Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Hồ Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Vũ Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Bùi Văn Trường	Thành viên HĐQT viên nhiệm kỳ ngày 09 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Lê Do	Thành viên HĐQT viên nhiệm kỳ ngày 09 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Văn Kiên	Thành viên HĐQT viên nhiệm kỳ ngày 01 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Hữu	Thành viên (được bầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2023)
Ông Lê Văn Đức	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 09 tháng 6 năm 2023)

Ban Điều hành

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Trường	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Bình	Thành viên
Ông Trần Văn Kiên	Thành viên
Bà Trần Văn Lý	Thành viên (từ cuối nhiệm kỳ ngày 09 tháng 6 năm 2023)
Bà Trần Văn Ngọc Uyên	Thành viên (từ cuối nhiệm kỳ ngày 09 tháng 6 năm 2023)



Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban chấp hành pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong thời gian chờ đợi thời điểm ủy ban của này là Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty (trừ khi nhiệm kỳ 09 tháng 5 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ABC đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trích nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trong yêu cầu được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất này cơ sở hoạt động liên tục và tương lai không thể của Tập đoàn được sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả nhằm hợp nhất rủi ro có sai sót trong yêu cầu gian lận hoặc thiếu sót trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc được báo cáo về hệ thống đánh giá được lưu giữ đầy đủ để phản ánh thời điểm lập Báo cáo của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ đầy đủ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phải duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phải duyệt báo cáo tài chính hợp nhất để trình. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của công ty thành viên khác cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


Ông Nguyễn Thanh Bình,
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 1 năm 2023



Số: L1802/ATC-A&C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Mục gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMARPT

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tài chính hợp nhất theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Gemarpt (sau đây gọi là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") L. đến ngày 31 tháng 3 năm 2024, so sánh số liệu trong 24 tháng gần đây của tập thể tài chính hợp nhất từ ngày 31 tháng 11 năm 2023. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và báo cáo tài chính khác của tập thể tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trong Báo cáo hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của Báo Tổng Giám đốc các định kỳ cần thiết để đảm bảo của việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc thiếu sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực về các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán một cách đúng và đầy đủ theo quy định về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có thể sai sót trọng yếu hoặc không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và đánh giá mức độ rủi ro Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên sự đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có thể sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc thiếu sót. Các thủ tục kiểm toán có thể có sai sót, kiểm toán viên đã xem xét tầm ảnh hưởng của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm, hợp lý nhận biết sai sót của Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các định kỳ cần thiết đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá mức độ chính xác của các chứng minh kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, nếu các điều kiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn từ ngày 31 tháng 11 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi xin cảm ơn Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị

Hàng Tường
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CHỨNG NHẬN số: 2722-2023-0001
Số Căn Hộ: 11/2023

Lê Thị Tâm Cúc
Kiểm toán viên
Số Giấy CHỨNG NHẬN số: 2428-2021-000-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 41 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa qua kiểm toán (từ ngày 01 tháng 12 năm 2023)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền: VND

Cấu trúc	Mã số	Đơn vị tính	Số dư tính	
			Đầu năm	Cuối năm
A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG	100		1.200.281.202.477	1.408.727.823.763
B. Tài sản khác thuộc tương đương tiền	101	V.Đ	1.471.478.277.889	1.069.240.078.943
1. Tiền	101		782.008.210.878	723.408.272.963
2. Các khoản tương đương tiền	102		700.000.041.000	345.831.805.980
II. Hàng hóa và tài chính ngắn hạn	109		558.827.048.978	61.238.799.489
1. Công cụ tài chính ngắn hạn	111	V.Đ	45.133.203.488	45.723.233.488
2. Dự phòng giảm giá công cụ tài chính ngắn hạn	112	V.Đ	22.875.540.733	22.287.619.893
3. Hàng hóa và dự trữ ngắn hạn	113	V.Đ	948.779.308.488	44.204.786.104
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	119		1.193.130.493.798	867.408.388.787
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	121	V.Đ	284.829.844.428	341.899.024.500
2. Tài khoản của người bán ngắn hạn	122	V.Đ	69.888.128.118	137.500.719.184
3. Phải thu với bộ phận bán	123		-	-
4. Phải thu của các đơn vị liên kết	124		-	-
5. Phải thu của các đơn vị ngắn hạn	125	V.Đ	298.027.987.821	34.421.300.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	126	V.Đ	210.518.894.821	178.677.643.022
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	127	V.Đ	(24.884.221.388)	(11.172.788.317)
8. Tài sản khác chờ xử lý	128		-	-
IV. Hàng dài hạn	140		68.247.764.968	61.881.423.629
1. Hàng dài hạn	141	V.Đ	68.247.764.968	61.881.423.629
2. Dự phòng giảm giá hàng dài hạn	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		109.208.244.738	211.969.497.768
1. Các dự án ngắn hạn khác	151	V.Đ	7.948.108.181	22.208.897.004
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		288.611.238.200	189.384.885.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu khác ngắn hạn	153	V.Đ	11.723.698.757	20.675.715.564
4. Các dự án mua bán tài sản khác (không phải thuế)	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 614 Thành Tín, Phường Đa Nham, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chiến lược kế hoạch tài chính ngắn hạn (2 năm 2023)

Đơn vị: Tỷ đồng (tính theo tỷ giá quy đổi)

CHI TIẾT	Số đ	Thay đổi	Số cuối năm	Số đầu năm
II. TÀI SẢN DẠNG	200		28.141.821.943,00	28.411.702.943,00
I. Tài sản phi lưu động	100		20.754.952.700	21.000.000.000
1. Tài sản bất động sản	101			
2. Tài sản hữu hình	102			
3. Tài sản vô hình	103			
4. Tài sản khác	104			
5. Tài sản chờ xử lý	105			
6. Tài sản khác	106			
7. Dự phòng giảm giá tài sản bất động	107			
II. Tài sản lưu động	100		8.386.869.243,00	7.411.702.943,00
1. Tài sản lưu động tài chính	101	V.10	3.001.328.902,70	2.916.917.700,00
- Nguyên gốc	101		3.001.328.902,70	2.916.917.700,00
- Giảm giá tài sản tài chính	101			
2. Tài sản lưu động khác	102	V.11	5.385.540.340,30	4.494.785.243,00
- Nguyên gốc	102		5.385.540.340,30	4.494.785.243,00
- Giảm giá tài sản khác	102			
3. Tài sản lưu động khác	103	V.12	200.000.000,00	200.000.000,00
- Nguyên gốc	103		200.000.000,00	200.000.000,00
- Giảm giá tài sản khác	103			
III. Tài sản chờ xử lý	100			
- Nguyên gốc	101			
- Giảm giá tài sản chờ xử lý	102			
IV. Tài sản chờ thanh toán	100		1.700.244.700,00	2.700.000.000,00
1. Chi phí xây dựng, hình thành dự án đang chờ	101			
2. Chi phí xây dựng cơ bản đang chờ	102	V.13	1.700.244.700,00	2.700.000.000,00
V. Tài sản chờ thanh toán khác	100		1.700.244.700,00	2.700.000.000,00
1. Tài sản chờ thanh toán khác	101			
2. Tài sản chờ thanh toán khác	102	V.14	1.700.244.700,00	2.700.000.000,00
3. Tài sản chờ thanh toán khác	103	V.15	0,00	0,00
4. Dự phòng giảm giá tài sản chờ thanh toán	104	V.16	0,00	0,00
5. Tài sản chờ thanh toán khác	105			
VI. Tài sản chờ xử lý khác	100		1.676.627.000,00	1.700.000.000,00
1. Tài sản chờ xử lý khác	101	V.17	702.071.900,00	711.000.000,00
2. Tài sản chờ xử lý khác	102	V.18	974.555.100,00	989.000.000,00
3. Tài sản chờ xử lý khác	103			
4. Tài sản chờ xử lý khác	104			
5. Tài sản chờ xử lý khác	105	V.19	0,00	0,00
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	200		28.141.821.943,00	28.411.702.943,00

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ ĐÓNG VÀ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN HEMADEPT

Địa chỉ: 8.18 Thuận Tín, Phường Tân Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI CHIẾN LƯỢC

Chiến lược được lập theo ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: 100 tỷ đồng (tỷ đồng)

Chi tiết	Hàng mã	Đơn vị mã	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NGUYÊN VẬT	200		1.815.431.174.000	1.682.298.899.819
I. Nguyên liệu	210		1.053.877.461.206	928.878.779.511
1. Phí trả người bán nguyên liệu	211	V.10	127.922.896.378	878.401.182.898
2. Nguyên liệu trả tiền hoặc nguyên liệu	212		1.402.295.409	809.187.798
3. Thuế và các khoản phải nộp thuế khác	213	V.11	73.000.762.494	81.262.284.259
4. Phí trả người bán hàng	214	V.12	129.887.412.899	101.7.268.76.077
5. Chi phí phải trả nguyên liệu	215	V.20	162.179.068.154	149.288.222.942
6. Phải trả với tổ chức khác	216			
7. Phải trả theo chế độ kế hoạch hay khác với chế độ	217			
8. Khoản trả cho nhà sản xuất nguyên liệu	218	V.20a	6.477.063.872	1.039.038.788
9. Phải trả nguyên liệu khác	219	V.21a	306.738.362.379	1.271.831.216.882
10. Vay và nợ thuê tài chính nguyên liệu	220	V.21a	441.332.774.889	343.412.401.688
11. Dự phòng phải trả nguyên liệu	221	V.33	12.882.241.229	109.823.871.287
12. Quỹ lương lương phải trả	222	V.34	68.829.236.222	67.961.258.424
13. Quỹ lương hưu trả cho nhà sản xuất khác	223			
II. Nguyên liệu khác	224		1.686.213.965.189	1.875.298.299.984
1. Phải trả người bán khác	225			
2. Nguyên liệu trả tiền hoặc khác	226			
3. Chi phí phải trả khác	227			
4. Phải trả với tổ chức khác không thanh toán	228			
5. Phải trả với tổ chức khác	229			
6. Khoản trả cho nhà sản xuất khác	230	V.20b	275.207.000.000	296.885.248.471
7. Phải trả khác khác	231	V.20c	109.429.462.878	90.711.228.382
8. Vay và nợ thuê tài chính khác	232	V.20d	1.311.882.372.212	1.486.920.227.443
9. Tài sản chờ xử lý	233			
10. Cổ phiếu có chi	234			
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	235	V.35		
12. Dự phòng phải trả khác	236			
13. Quỹ phải trả lương theo chế độ lương, nghỉ	237			



CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 14 Trần Thị Phương, Khu Nghỉ Dành 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ NĂM

Các số liệu được kê tính ngày 31 tháng 03 năm 2023

(Số liệu chưa qua kiểm toán độc lập)

CÁC TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.762.974.842.807	7.567.794.814.814
1. Vốn chủ sở hữu	410		5.762.974.842.807	7.567.794.814.814
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.10	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
- Cổ phần ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	1.941.820.193.040	1.941.820.193.040
3. Dự trữ của doanh nghiệp	413		-	-
4. Tỷ trích của các công ty	414	V.20	128.095.774.862	128.095.774.862
5. Cổ phần quỹ	415		-	-
6. Chuyển tích thành giá trị tài sản	416		-	-
7. Công nợ của công ty khác	417	V.30	108.176.882.520	108.176.882.520
8. Quỹ của công ty khác	418	V.20	61.303.108.679	61.303.108.679
9. Quỹ từ sự ủy thác khác ngoài	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.10	68.471.302.085	68.471.302.085
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	2.862.314.000.078	1.207.198.182.258
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ đầu năm kế tiếp	421a		172.866.688.198	1.207.198.182.258
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ cuối	421b		2.689.447.311.880	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi tức từ công trình kiến trúc	423	V.20	1.151.008.645.142	1.013.963.945.884
14. Nguồn khác ghi ra quỹ khác	424		-	-
15. Nguồn khác ghi	425		-	-
16. Nguồn khác ghi đã trừ trước từ vốn cổ phần	426		-	-
TỔNG QUYỀN HỮU VỐN	400		5.762.974.842.807	7.567.794.814.814



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN TUẤN
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Đình Túc, Phường Bắc Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chiến lược tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Chiến lược tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Năm nay	
			Thực tế	So sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V/L1	3.215.912.294,59	3.199.333.281,78
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		"	"
3. Doanh thu thuần và thu hàng và cung cấp dịch vụ	03		3.215.912.294,59	3.199.333.281,78
4. Chi vốn bằng tiền	04	V/L2	2.867.011.399,24	2.899.133.441,48
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	05		348.900.895,35	300.200.000,30
6. Doanh thu hoạt động tài chính	06	V/L3	2.948.911.281,43	23.947.233,43
7. Chi phí tài chính	07	V/L4	(54.094.813,24)	(44.094.813,24)
Trong đó chi phí lãi vay	08		(34.093.718,42)	(34.733.207,43)
8. Phần M liên kết trong công ty Mư thành, liên kết	09	V/L5	274.224.244,72	399.148.225,72
9. Chi phí bán hàng	10	V/L6	(109.833.284,47)	(102.373.449,89)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11	V/L7	(881.943.443,28)	(924.441.298,49)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	12		4.077.400.884,81	4.806.891.296,79
12. Thuế nhập khẩu	13	V/L8	(44.007.363,48)	(44.248.474,43)
13. Chi phí khác	14	V/L9	(44.408.434,07)	(38.620.144,42)
14. Lợi nhuận khác	15		(22.442.472,87)	(213.640,87)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16		3.966.412.614,41	4.700.477.947,09
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	V/L10	(44.008.440,54)	(44.362.294,38)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	18	V/L11	(24.897.201,88)	(18.774.144,47)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19		3.897.506.971,99	4.637.341.508,34
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20		3.897.506.971,99	4.637.341.508,34
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21		3.897.506.971,99	4.637.341.508,34
21. Lợi nhuận khác	22	V/L12	2.887	2.887
22. Lợi nhuận khác	23	V/L13	2.887	2.887

Vu Thanh Hoa
Tổng Giám ĐốcNguyễn Hoa Phương
Bộ phận Kế toánNguyễn Văn Tuấn
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp giá trị gốc)

Chi số tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND/ VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2023	2022
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh				
A. Lợi nhuận trước thuế	60		1.177.087.272.940	1.180.271.805.885
B. Điều chỉnh các mục khác:				
- Tăng/ giảm từ các cổ định và bất động sản đầu tư	01	V.10, V.11, V.12	(86.417.377.879)	(86.181.001.983)
- Chi khoản dự phòng	02	V.3	(2.048.823.743)	(20.270.723.386)
- Tăng/ giảm các khoản phải thu và bất động sản đầu tư phải thu khác	04	V.5, V.6, V.7a, V.7b, V.7c	(2.038.113.183)	6.098.000.000
- Tăng/ giảm từ hoạt động tài chính	08	V.13	(1.111.344.879.807)	(412.441.421.177)
- Chi phí tài trợ	09	V.14	(74.071.138.883)	(33.794.807.438)
- Chi khoản thuế kinh doanh	03		-	-
C. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	60		1.094.792.851.118	1.049.794.478.112
- Tăng/ giảm các khoản phải thu	05		78.128.004.481	(181.782.265.177)
- Tăng/ giảm hàng tồn kho	10		34.700.300.348	(81.752.041.311)
- Tăng/ giảm các khoản phải trả	11		(1.071.170.018.712)	1.392.582.200.488
- Tăng/ giảm chi phí tài trợ	12		(2.811.422.803)	8.898.000.117
- Tăng/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền từ vay ngắn hạn	14	V.15, V.16a, V.16b	(114.718.077.088)	(123.884.004.798)
- Thanh toán công nợ ngắn hạn khác	15	V.17	(234.900.041.388)	(147.471.881.712)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(81.133.000.897)	(74.114.271.881)
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh	20		<u>12.767.174.946</u>	<u>1.104.230.278.129</u>
II. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các khoản đầu tư khác	21	V.18, V.19, V.20, V.21	(1.177.216.491.040)	(1.389.691.441.218)
2. Tiền chi để mua tài sản cố định khác và các khoản đầu tư khác	22	V.22, V.23	77.820.280.588	6.887.181.348
3. Tiền chi để mua sắm tài sản đầu tư khác	23	V.24, V.25	(994.000.000.000)	(81.422.187.741)
4. Tiền thu từ bán tài sản, bán bất động sản và tài sản khác	24	V.26, V.27	480.021.871.188	38.124.747.581
5. Tiền thu từ bán tài sản khác	25	V.28	(970.887.378)	-
6. Tiền thu từ bán tài sản và các khoản đầu tư khác	26	V.29	1.024.718.845.788	-
7. Tiền thu từ các yêu cầu bồi thường từ bảo hiểm	27	V.30	881.142.982.008	175.840.000.000
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư	30		<u>473.962.279.736</u>	<u>(1.149.161.211.830)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADAPT

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi toán từ thành lập đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND (trừ khi ghi rõ khác)

CÁC TIÊU	Hàng năm	Đơn vị đồng	Tính lại	Giá trị
III. Lưu chuyển tài sản và nợ tổng hợp khác				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	11	VND		10.200.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	12			-
3. Tiền thu từ lãi vay	13		180.200.411.481	1.362.500.770.469
4. Tiền trả nợ gốc vay	14		(772.200.000.000)	(1.430.500.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	15		(20.440.000.000)	(41.610.180.134)
6. Các tác động khác (đăng ký, mua bán chứng khoán)	16	VND, VND	(200.210.000.000)	(200.210.000.000)
Lưu chuyển tài sản và nợ tổng hợp khác	40		287.350.411.481	(209.219.309.665)
Lưu chuyển tài sản khác trong năm	50		10.000.000.000	10.000.000.000
Lưu chuyển tài sản khác trong năm	60	VND	1.000.000.000.000	600.000.000.000
Đổi tương ứng hàng tồn trữ giá trị danh mục đầu tư ngoại tệ	71		1.000.000.000	60.000.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VND	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000


Vu Thi Anh Thu
Giám đốc


Nguyễn Minh Phương
Giám đốc tài chính


CÔNG TY CỔ PHẦN
GENADAPT
Số 11 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tầng 10, số 11

Ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Vu Thi Anh Thu (Vu Thi Anh Thu)
 Nguyễn Minh Phương (Nguyễn Minh Phương)

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. BẠC MIỆM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức tổ chức vốn

Công ty Cổ phần Genadept (sau đây gọi là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kinh doanh với nhiều loại hình kinh doanh chủ yếu là khai thác công nghệ Logistics.

- Khai thác công nghệ: Dịch vụ logistics công nghệ cao và biển số New, tài sản thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm, vùng Nam Hải, vùng Nam Hải Đông và (từ ngày 31 tháng 1 năm 2023), vùng Nam Hải Tây, Nam Hải (CĐ), vùng Đông Quốc, vùng Phước Long, vùng Hải Dương và vùng nước sâu Genadept CH Hiệp.
- Logistics: Trưng bày phân phối, Vận tải container chuyên nghiệp, Vận tải hàng rời, Trưng bày hàng, Vận tải đa phương thức, Quản lý kho và thương mại, Hải lý phân phối, Đa năng hóa hàng không, ...

Ngành nghề, Công ty đầu tư một số dự án có liên quan trong lĩnh vực công nghệ và tài chính như:

- Trưng bày: Trưng bày sản phẩm, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, Khách sạn, các dự án phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phân phối Saigon Gate và dự án Khu phân phối tại Vũng Tàu – Lào.

4. Các kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Các kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty tương ứng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tập đoàn đã góp vốn vào Công ty TNHH Liên doanh GMD ASL, đồng thời Công ty mẹ tập trung góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hòa Sơn Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Miền Khu Đông Thái Bình Dương và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ và Thái Bình Dương.

Ngày 31 tháng 1 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng vốn Công ty Nam Hải Đông VI.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đồng chủ sở hữu Genadept từ hàng đầu tư của Tập đoàn đồng vốn xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Công ty mẹ đã mua vào đầu tư là 1.813.779.370 VNĐ (tức 1.058.985.170.000 VNĐ bằng với phần hoạt động chính theo chương trình mua lại của người lao động trong Công ty mẹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/HCQ-HĐQT-2023 ngày 18 tháng 4 năm 2023 và đề nghị Hội đồng quản trị được đồng ý thành nghị quyết số 100/2023 của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 11 năm 2023.

Lưu chuyển tiền tệ cũng như các vấn đề khác liên quan đến báo cáo tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty Nam Hải Đông VI.

001 4 9 2 0 1 9 0

001 4 9 2 0 1 9 0

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 17A Thành Tín, Phường Tân Xuân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mọi thành viên đều có thể nhận bản gốc báo cáo này

B. Cấu trúc Tập đoàn

Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 23 công ty con điều hành các hoạt động của Công ty mẹ và 18 công ty liên doanh. Bản báo cáo tài chính đầy đủ của Tập đoàn và 23 công ty con và 18 công ty liên doanh, liên kết. Tất cả các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Tỷ lệ		Tỷ lệ quyền	
		lợi nhuận		lợi nhuận	
		2023	2022	2023	2022
Công ty Cổ phần Công Sản Thành YS	Lê CAL, Khu công nghiệp Hòa Bình V, Phường Vĩnh Mỹ 2, Quận Tân An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Công Sản Hòa	288 Ngõ Cầu, Phường Mỹ Quý, Quận Ngũ Hành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	89,90%	89,90%	89,90%	89,90%
Công ty Cổ phần CO Sản Hòa	Lê CHY, Khu công nghiệp Mĩ Phước V, Phường Đông Hưng 2, Quận Tân An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	21,00%	21,00%	21,00%	21,00%
Công ty Cổ phần Công Quốc tế Gemadept - Quảng	Mỹ số 1 - Công viên hợp Chang Quoi, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	85,00%	85,00%	85,00%	85,00%
Công ty TNHH Công Phát Long	4 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thành Tín ²	499A Đường Hòa An Lê Thị Mỹ, Khu phố 2, Phường Thành Tín, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Dịch vụ Tổng tài Thành Tín Đông	6 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CO - Gemadept	6 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	21,00%	21,00%	21,00%	21,00%
Công ty TNHH MTY Vận tải Tổng tài Thành Tín Đông	6 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTY Công nghiệp Cơ khí Thành Tín Đông	6 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòa Nghi Thành Tín Đông	Binh Village, Ba Vì commune, Quận Bình Chánh, Tỉnh Hồ Chí Minh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòa Bình Thành Tín Đông	Binh Village, Ba Vì commune, Quận Bình Chánh, Tỉnh Hồ Chí Minh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng tài Y và M	6 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Thành Tín Hòa Gemadept	MT Hoàng Thành Tín, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vĩnh Tín	17A Thành Tín Thành Tín, Phường 1, TP. Vĩnh Tín, Tỉnh Vĩnh Tín - Vĩnh Tín, Việt Nam	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	11 Thành Tín, Phường Bình Hòa 1, Quận Bình Hòa, TP. Bình Hòa, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Công	18 số 17A, 18 số 18A, 19 số 19A, 20 số 20A, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho đến và bao gồm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nếu thuyết minh tài chính đã trình bày với Quý Ông/

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023
Đơn vị liên kết	Kar phi Quốc Tế, Phường Bình Thới, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt Nam Logistics (Việt Nam)	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận Ngô Quyền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Việt Nam	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận Ngô Quyền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Việt Nam	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận Ngô Quyền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Hải Dương Việt Nam	Khu phố 4 Hòa Vũ, Phường Phong Khê B, Quận Hải An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	40,00%	-	40,00%

- *) Tập đoàn cũng nghiên cứu việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Việt và Trung Thái đã được cơ ty quản của một số công ty đã dự bị 2 quyền biểu quyết trong các một hợp Đại hội đồng công ty là 34%.
- **) Ngày 21 tháng 5 năm 2023 Công ty ra đi toàn bộ chuyển nhượng vào Công Nghiệp Hải Dương Việt Nam
- ###) Ban chấp hành công ty tập đoàn, nếu bất được phân tích trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp của chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023
Công ty TNHH CP Genadept Logistics Holdings	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH MTV Việt và Genadept	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận Ngô Quyền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Logistics Logistics	Khu công nghiệp Tân Hòa, Xã Bình Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận Ngô Quyền, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH CP Genadept Shipping Holdings	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH MTV Việt và Genadept	4 Lê Thành Tín, Phường Mỹ Tú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Genadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	81 Market Street #03-01 SEA BLDG of Singapore Centre, Singapore, 03842	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Genadept (Malaysia) Sdn Bhd.	No 101, Jalan Bukit Lindang 4, Taman Lindang, 11200 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Genadept - Technical Ltd	Ấp Tân Lâm, Phường Phạm Hùng, Thị xã Thủ Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Việt Nam	4 Hòa Tiến Dương, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cao nhất là ngày kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo tháng sách Bạc của tài chính hợp nhất (tỷ đồng)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ cổ phần		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Đầu năm	Đến năm	Đầu năm	Đến năm
Công ty TNHH Tiến Việt "K" Lưu – Genadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
Công ty TNHH Golden Circle	Sào Chanhkang, Quận Chanhkang, Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quý Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thuận phẩm	247 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hồ Chí Minh, Việt Nam	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn	Cầu Trục, Ấp Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Bạc	871 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	24,70%	24,70%	24,70%	24,70%

1) Mục đích cơ bản của báo cáo tài chính trong Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept – Terminal Link là hơn 50% thuộc Báo Đầu B Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 10% tổng số cổ phần mới quyết thông ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được tính bằng ở mức hợp "Liên từ vào công ty liên doanh, liên kết" của báo cáo tài chính hợp nhất.

2) Tuy nhiên về khả năng và chính thông tin trên đây của tài chính hợp nhất Công ty liên doanh của năm trước so sánh được với số liệu của năm này.

B. Số dư đầu

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.493 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.249 nhân viên).

III. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ỨNG DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 140/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 140/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2014, Thông tư số 100/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các hướng dẫn khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo này tuân thủ các yêu cầu trình bày chuẩn mực kế toán

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 190/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2010, Thông tư số 51/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2010, Thông tư số 112/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán của các đơn vị cấu thành theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Tài sản tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty mẹ là đơn vị chịu trách nhiệm của Công ty mẹ. Sự kiện khởi đầu tại khi Công ty mẹ sở hữu năng lực tiếp hợp nắm giữ chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các đơn vị được quyền kiểm soát có thể được kiểm soát thông qua các quyền chi phối của công ty mẹ và công ty con và thể quyền chi phối có thể phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính.

Khi quá hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc bán đến ngày báo cáo kết thúc tài sản công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng chế độ hợp nhất được lập theo cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán đồng nhất theo các giao dịch và sự kiện cùng loại trong cùng hoặc khác nhau. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ sử dụng chính sách khác biệt hợp nhất khi sử dụng các việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mô hình tài chính trên bằng các dữ kiện kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ được loại trừ sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ được loại trừ phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ từ lãi của các đơn vị liên quan để đảm bảo thể hiện kết quả.

Lưu ích của cổ đông không nắm giữ cổ phần tại hoặc là trong kết quả kinh doanh và tài sản thuộc của công ty con không được chia lợi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và vào hàng chi trả kế toán hợp nhất thuộc phần của các cổ đông. Lưu ích của cổ đông không nắm giữ cổ phần tại các lợi ích của cổ đông không nắm giữ tại ngày hợp nhất kinh doanh lần đầu và phần lợi ích của cổ đông không nắm giữ trong năm được trình bày vào chi trả nội bộ từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh từ công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không nắm giữ, kể cả trường hợp số lỗ đã hơn hơn phần sở hữu của cổ đông không nắm giữ trong tài sản thuộc của công ty con.

Khi Tập đoàn mua lại cổ đông từ bất kỳ cá nhân giữ cổ công ty con, phần chính thức giữa giữ phần thuộc của họ và giữ từ giữ cổ của tài sản thuộc của công ty con được trình bày ngày mua được giữ như một tập các khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của hàng của đơn vị kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thành Tín, Phường Tân Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

NAO CAO TẠI CHIẾN LƯỢC NHẤT

Chiến lược tài chính kế toán ngày 14 tháng 11 năm 2021

Liên danh các nhà đầu tư chính hợp nhất công khai

Liên Tập đoàn mua một phần vốn tài công ty con:

- Nếu sau khi thanh toán Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thanh toán được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thanh toán Tập đoàn mất quyền kiểm soát tài công ty con thì thành công ty liên doanh, liên kết, khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" vào Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thanh toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thanh toán Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thanh toán vẫn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con hoạt động không còn góp tư vào chủ sở hữu, công ty mẹ vẫn góp vốn vào các liên kết không tương ứng với tỷ lệ vốn hoặc thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần số vốn ứng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi đơn vị ghi tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tài sản và nợ ngoài tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm.

Chiến lược tỷ giá quản trị trong năm tài sản giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào danh mục hoạt động tài chính hợp nhất ghi tại chính. Chiến lược tỷ giá đo lường giá trị các khoản mục tài sản và nợ ngoài tệ tại ngày kết thúc năm tài chính của Công ty mẹ được thực hiện và chiến lược quản trị được ghi nhận vào danh mục hoạt động tài chính hợp nhất ghi tại chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch được sử dụng với các giao dịch bằng ngoại tệ được nêu dưới đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) tỷ giá kỳ kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp từ các nhà đầu tư và các ngân hàng với Tập đoàn thì tài khoản để nhận vốn của chủ đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng đang hoạt tại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại mỗi điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả từ các nhà đầu tư và các ngân hàng đang hoạt tại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại mỗi điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ không qua các tài khoản phát sinh: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng đang hoạt tại nơi Tập đoàn mua hàng thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để tính giá trị số dư các khoản mục tài sản và nợ ngoài tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ giữ ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ ở các nhà đầu tư được phân loại là tài sản khác từ các nhà đầu tư ghi mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Seabank Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ngoại trừ Ngân hàng Tập đoàn đang quản lý giao dịch).
- Đối với các khoản mục tài sản và nợ ngoài tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Seabank Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ngoại trừ Ngân hàng Tập đoàn đang quản lý giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN SEMADEPT

Địa chỉ: 9 Lê Thanh Kien, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ

Chức năng tài chính từ ngày 11 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: triệu VND của tài chính hợp nhất (nếu cần)

Tỷ giá cơ sở được áp dụng cho chuyển đổi VND của tài chính của công ty vào đơn vị ngoại tệ bằng VND và của tỷ giá tài chính của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và nợ dài hạn được quy đổi theo tỷ giá cơ sở của công ty vào ở cuối ngày được quy đổi theo tỷ giá cơ sở của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Hàng tồn kho được quy đổi theo tỷ giá cơ sở của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Chi trả và các khoản của công ty mẹ của Công ty mẹ được quy đổi theo tỷ giá cơ sở của ngân hàng.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối phát sinh vào ngày của công ty mẹ được quy đổi bằng cách nhân với hàm số chuyển mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản nợ thuế được báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ tính của tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chính sách bình quân kỳ tính) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu báo cáo giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm nhỏ hơn 12% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chính sách tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi VND của tài chính của công ty mẹ được phân biệt kỹ lưỡng giữa các chi số của hàng của đối lý tài chính như sau:

- Phần chính sách tỷ giá hối đoái chi số của Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục "Chính sách tỷ giá hối đoái" thuộc phần chi số của hàng của đối lý tài chính.
- Phần chính sách tỷ giá hối đoái phần chi số của đồng không liên quan được trình bày tại khoản mục "Tỷ giá hối đoái không liên quan".

Chính sách tỷ giá hối đoái phần chi số liên quan đến việc quy đổi khoản lợi tài chính tại các phần tài sản và nợ dài hạn của tài chính được trình bày tại báo cáo Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục "Chính sách tỷ giá hối đoái" thuộc phần chi số của hàng của đối lý tài chính.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn từ kết thúc quý đến tháng 12 từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành các tài sản khác của nó.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chương khoản kinh doanh

Chương khoản đầu tư được phân loại là chương khoản kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích của tài sản để bán lại.

Chương khoản kinh doanh được ghi nhận tài sản theo giá gốc. Giá gốc của chương khoản kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch của chương khoản kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chương khoản kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, có thể bán ra.

- Đối với chương khoản nắm giữ được ghi nhận tại thời điểm khởi đầu (T+0).
- Đối với chương khoản nắm giữ được ghi nhận tại thời điểm khởi đầu có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và cổ tức của các kỳ trước khi chương khoản kinh doanh được mua được hạch toán ghi nhận (tr) của chính chương khoản kinh doanh đó. Tiền lãi và cổ tức của các kỳ sau khi chương khoản kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được đưa vào sổ trong sổ phần ứng (nếu), không ghi nhận ghi nhận cổ phiếu khác được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Tân Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất công khai

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập dựa trên hai nguyên tắc chính được mô tả bên trên để tránh vì có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán nắm giữ trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch trên thị trường được kết thúc được sử dụng.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa nắm yêu cầu (UPCOM) và các chứng khoán khác ngoài vòng 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do thị trường giao dịch chứng khoán ngừng hoạt động.
- Trường hợp cổ phiếu đã nắm giữ trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày tính lập báo cáo, cổ phiếu đã nắm giữ bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch vẫn tiếp tục được đánh giá dựa trên các vào chứng cứ của công ty được đầu tư nắm giữ áp dụng chính sách giữa và đầu tư được đề cập của các chủ sở hữu và vào chi phí bán tại ngày kết thúc năm tài chính của công ty được đầu tư dựa trên các Tập đoàn và với tổng số của đầu tư được góp.

Trong năm tài chính giảm giá chứng khoán kinh doanh của phần nắm giữ tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoặc doanh thu chính hoặc chi phí tài chính. Giá của được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền ở đóng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khuyến đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có thể chia tiền lãi ngắn hạn có kỳ hạn với mục đích thu lãi bằng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí và các chi phí liên quan đến giao dịch mua của khoản đầu tư. Theo giá trị gốc ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Theo thời kỳ từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự kiến. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi nhận vào các giá gốc tại mỗi thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy việc phân loại của khoản đầu tư có thể không phù hợp được và số tiền thực được xác định một cách đáng tin cậy thì các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trị nắm giữ giá trị đầu tư.

Các khoản vay

Các khoản vay được xác định theo giá gốc và là các khoản dự phòng phải trả theo thời điểm. Dự phòng phải trả theo thời điểm của các khoản vay được lập của cơ sở dự kiến việc trả tiền có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận giữa hợp đồng với danh từ Tập đoàn và các bên tham gia lập liên hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Công ty liên kết được hiểu là công ty có sự quyết định tương đối chiếm loại liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lại kết quả chính trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp của chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản ròng của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các chi phí phát sinh trong quá trình lập phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp của chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có kết lượng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8/2 Thành Tín, Phường Hòa Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CẦU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa tính từ ngày 15/01/2023

Đã duyệt xong. Bản này chỉ được hợp nhất nội dung.

Bảo cầu tài chính của cơ sở kinh doanh đồng nghĩa với được Tập công ty kế toán với Bảo cầu tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng nghĩa với khác với chính sách kế toán áp dụng thông nhất trong Tập đoàn thì Bảo cầu tài chính của cơ sở kinh doanh đồng nghĩa với cơ sở không khác chính sách hợp nhất khi áp dụng vào việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản tài, lỗ được thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng nghĩa với được loại trừ trong cùng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền được giữ vai trò quan trọng trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không nắm giữ các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được để lại trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư mua đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản đầu tư công ty liên kết lên hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không và khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thanh toán khoản đầu tư cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập riêng và kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thông nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản tài, lỗ được thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ trong cùng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công ty vốn trong Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng nghĩa với loại bỏ ảnh hưởng đáng kể đối với báo cáo đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được ghi nhận theo chi phí đầu tư gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản giữ vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến loại đầu tư. Cổ tức của các công ty khác khi khoản đầu tư được mua được trình bày như giảm giá trị của khoản đầu tư gốc. Cổ tức của các công ty khác khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được trình bày có phần chi được thanh toán và phần chi phần đang chờ. Những giá nhận giữ trị sẽ được trình bày.

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được trình bày như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào các phần nắm giữ hợp giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định là suy giảm, mức dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không nắm giữ được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện dựa cơ vào khoản lỗ của báo cáo đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa giá đầu tư thực tế của các đơn vị khác và mức giá trị thực tại ngày kết thúc năm tài chính của công ty là vốn đầu tư của Tập đoàn và với tổng vốn đầu tư được ghi trị đơn vị khác.

Trong, phần số dự phòng tổn thất của khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác của phần trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

10/10 - 10/10 10/10 10/10 10/10

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Báo được trình bày cho từ tháng ngày đầu tiên)

1. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khi đến.

Vật phải loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được theo dõi theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phải loại các khoản phải thu trong thời điểm thanh toán phải với sự giảm trừ về tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phải loại các khoản phải thu không có tính thanh toán, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khi đến được lập cho từng khoản nợ phải thu khi đến sau và theo dự toán mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu do đó của phải trình lập tài ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá nhập mua giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Chi phí hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí của nước khác được chi bằng chi phí phát sinh liên quan đến vận chuyển được hoàn thành.
- Thuế tiêu thụ: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu trực tiếp và chi phí của nước khác có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức đã hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sau nước, trừ doanh thu thanh toán cho phải vào thời điểm hoàn thành và chi phí ước tính của thuế thu nhập tiêu thụ được.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Các vận dụng và mang cấp độ được vận dụng dự phòng giảm giá được tính theo cùng loại vận dụng và có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trình lập tài ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý.

3. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí được trả đã phát sinh nhưng vẫn liên quan đến kết quả hoạt động của nước khác thuộc các nghiệp vụ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là tiền thuê đất, chi phí chương trình quảng cáo, chi phí trả trước tài chính *contingent* và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian và trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước được trình bày chi tiết và cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí chương trình quảng cáo và dụng cụ

Chi phí chương trình quảng cáo và dụng cụ thể hiện thành tiền thuê đất, các chi phí trả trước và chi phí trả trước để trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí chương trình quảng cáo được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Chi phí tài chính từ chính *contingent*

Chi phí tài chính từ chính *contingent* được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 36 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8/11 Thành Tín, Phường Bắc Nghĩa, Quận 1, TP. HCM, VIỆT NAM.

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chức năng tài chính với hiệu lực ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mức thuế môn bài của cơ cấu hợp nhất được chấp thuận

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phải tính một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuế tài sản được phân loại là thuế hoạt động nếu phần thu từ nó và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người đi thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho một thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán chi thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá trị của tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định thanh toán thực hiện dựa trên các tài liệu chứng minh chi tiêu và chứng từ đúng. Các chi phí phát sinh sau khi nhận mua tài sản được ghi bằng nguyên giá trị của tài sản cố định trừ các chi phí này được phân bổ theo lợi ích kinh tế trong tương lai do nó được tài sản cố. Các chi phí phát sinh không thực hiện đầu tư vào tài sản được ghi nhận là chi phí của niên độ kế hoạch trong niên độ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 09
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, trọng tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần thu từ nó và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản thuê tài chính được xử lý theo nguyên giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá trị của tài sản cố định thuê tài chính là giá thực thu mua giữa giá trị hợp lý của tài sản mua và thuế được khấu trừ của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tài chính. Tỷ lệ chiết khấu để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tài chính dựa trên các việc thuê tài sản là tài sản nắm quyền định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc là suất gộp trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngắn hạn trong hợp đồng thuê tài sản được là một tiền vay tài trợ được khởi đầu vào thời điểm mua.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không thể xác định được thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê hợp đồng thuê tài sản thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hạn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 03 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá trị của tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định thanh toán thực hiện dựa trên các tài liệu chứng minh chi tiêu và chứng từ đúng. Chi phí phát sinh sau khi nhận mua tài sản cố định vô hình phải tính vào chi phí của niên độ kế hoạch mua tài sản được ghi nhận là chi phí của niên độ kế hoạch trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với việc tài sản cố định vô hình và thể vô hạn định lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DEHADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BIÊN-CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Nội dung chính báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định và hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tập hợp các vật gắn liền với Tập đoàn để chỉ ra số lần mua bán tiếp tế và đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để sử dụng quyền sử dụng đất, chi phí chi đầu tư, giá phòng một tầng, một tầng một tầng, 2 phòng một tầng, ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian gắn liền, quyền sử dụng đất không xác định hạn không được khấu hao.

Chương trình phân phối mẫu miễn thuế

Chi phí liên quan đến các chương trình phân phối mẫu miễn thuế không phải là một bộ phận gắn liền với phần công có liên quan được khấu hao, ngược lại của chương trình phân phối mẫu miễn thuế là một bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra liên đến thời điểm mua phân phối mẫu sử dụng. Chương trình phân phối mẫu miễn thuế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 01 – 05 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm chi phí của chi phí liên quan mua máy chủ vận hành tập trung web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí hỗ trợ có liên quan phát sinh với chính sách kế toán của Tập đoàn) liên quan đến các dự án đang trong quá trình xây dựng, xây mới hoặc bị ngưng lập dự án phân và chi mua sắm tài sản, chi thuê và quản lý công nhân chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được thể hiện theo phương pháp mua. Chi phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày mua ra mua đất của các tài sản được mua, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã mua nhận, và các công cụ vốn của Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát của bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp của việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và không khoản nợ liên quan phát sinh của việc hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua và quyền kiểm soát.

Liên với quá trình hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá trị hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá gốc khoản đầu tư tại ngày mua được chuyển nhượng với công ty mua cộng với giá gốc khoản đầu tư của những lần mua tiếp theo, đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày mua được chuyển nhượng một công ty con. Thành lịch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của trước ngày mua được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trích bỏ theo phương pháp giá gốc. Vào trước ngày mua được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được tính bằng theo phương pháp giá gốc có thể đã phát sinh thêm giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc và khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phân bổ thành tích giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trên tập các khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch của hợp của giá trị hợp nhất kinh doanh so với phần có liên của Tập đoàn trong giá trị hợp lý khoản đầu tư tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ khác đồng đã ghi nhận tại ngày mua được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Phần phần có liên của Tập đoàn trong giá trị hợp lý khoản đầu tư tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các công cụ được ghi nhận tại ngày mua được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá trị hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm. Các chi phí đường cho thuê, lợi thế thương mại bị mất liên quan đến phần bổ sung phần bổ sung bổ sung trong năm đầu của thời gian.

CÔNG TY CỔ PHẦN GERADPT

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa được kiểm soát bởi Hội đồng Quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2023

Được duyệt bởi Hội đồng tài chính hợp nhất ngày 31/12/2023

Loại bỏ các cổ đông không nhận suất tại ngày họp chất kinh doanh sau khi được các định viên cơ sở lý luận của các chỉ tiêu thống kê báo cáo trong ghi chú hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ thuế tăng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các phát sinh trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả ngắn hạn phải ảnh hưởng các khoản phải trả trong thời gian thường mọi phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị đặc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phải ảnh hưởng các khoản phải trả của hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa có từ đơn chứng có hạn hoặc chưa có kết quả, tài liệu kế toán về các khoản phải trả của người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí của nước, điện thoại phải trích trước.
- Phải trả khác phải ảnh hưởng các khoản phải trả không có tính thường lệ, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của cơ sở theo kỳ hạn của tài sản liên quan của tài chính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ cơ bản tại (người vợ pháp lý hoặc người vợ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ cơ bản có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ cơ bản có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nhiệm vụ tương ứng thời gian là trong yếu, dự phòng sẽ được ước định bằng cách chiết khấu số tiền phải trả về trong tương lai để đánh giá nghĩa vụ cơ bản tại kỳ kế toán trước nhất và phải ảnh hưởng đáng kể đến tài khoản hợp lý về giá trị tài sản của liên và những tài vụ cơ bản của khoản nợ chi. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian với qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến chi phí sửa chữa, sửa chữa máy móc và dự phòng tạo thành công trình.

17. Vấn đề nợ thuế

Phần góp của chủ sở hữu

Vấn đề góp của chủ sở hữu được ghi nhận dựa trên số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Phần dự trữ của cổ phần

Phần dự trữ của cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá ghi nhận thực và mệnh giá cổ phần khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá trị phát hành và giá trị sổ sách của cổ phần gốc và của phần vốn của tài chính chuyển đổi tài trợ hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phần và tài trợ phát hành cổ phần mới được ghi giảm phần dự trữ của cổ phần.

Phần khác của chủ sở hữu

Vấn đề khác được hình thành do kết quả từ kết quả hoạt động kinh doanh. Phần giá trị tài sản về giá trị của tài sản giữa cơ sở hợp lý của các tài sản được tăng, giảm, từ sự mua lại từ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Xuân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP TÀI T

Cụm báo tài chính kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mức thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất công khai

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được các thành viên thuộc mọi phi nhân lý của công ty theo lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và thể hiện bằng đơn bằng tiền và thể bằng chỉ trị cổ tức như là do định giá lại tài sản công để góp vốn. Tỷ lệ định giá lại tài sản theo mọi tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mua phi nhân lý khác.

Cổ tức được ghi nhận là sự phân bổ tài được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có bằng báo cáo tài chính của Hội đồng quản trị.

19. Chi tiêu doanh thu và thu nhập

Doanh thu công nghiệp dịch vụ

Doanh thu công nghiệp dịch vụ được ghi nhận khi công suất tiêu thụ của các thiết bị vận hành

- Doanh thu được xác định trong thời điểm nhận. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại thiết bị đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện này đã đi không còn nữa và người mua không được quyền trả lại thiết bị đã mua.
- Tỷ lệ chiết khấu và các khoản lợi ích kinh tế có liên quan được công nghiệp dịch vụ đã.
- Các chi phí được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành của thời điểm báo cáo.
- Các chi phí được chi trả phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch công nghiệp dịch vụ đã.

Trương hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được chia và vào tài khoản phân bổ vào để hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tài sản cho thuê trước khi nhận kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Giá trị tài

Tài sản được ghi nhận như sau sẽ được giảm và tài sản được về trong kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận về việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi về bằng số phiếu đang nắm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí lãi phát sinh. Trương hợp chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc mua sắm tài sản sử dụng của về một thời gian dài (trên 12 tháng) thì có thể đưa vào chi dụng đầu tư được đầu tư trước hoặc bán tài sản lãi về này được tính vào giá trị của tài sản đó. Thời gian hoàn trả công nghiệp dịch vụ liên quan trực tiếp đến tài sản sử dụng của đầu tư, thì công nghiệp dịch vụ liên quan tài sản được đầu tư 12 tháng. Các khoản chi phí phát sinh từ việc đầu tư mua sắm các khoản vay được ghi nhận ngay khi tài sản sử dụng của.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thành Tín, Phường Bàu Khé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CẢO TÀI CHÍNH NỘI BỘ

Chi tiết và chính sách nội bộ ngày 15 tháng 12 năm 2023

Nội quy nhân viên và tài chính hợp nhất (bên trong)

Đối với các khoản vay vay chúng trong đó có thể đang cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc cho thuê tài sản để đang thì chi phí lãi vay của bên được xác định theo tỷ lệ vốn hóa của các chi phí tài chính kế toán quản trị quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất và tiêu thụ. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất thực quản trị quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay bằng hai phần vụ cho mục đích kinh doanh bất kỳ của công ty.

II. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có kết quả trong đời sống của nó phát sinh trong tương lai không phải hợp đồng chi tiêu hay chi.

Các khoản chi phí và khoản thanh toán do chi số tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc ghi hợp. Trong trường hợp nguyên tắc ghi hợp tương đối với nguyên tắc đầu tư, chi phí được ghi nhận dựa trên việc làm chi trả và sự phát sinh của các khoản mục tài sản để đảm bảo tính nhất quán theo một cách trung thực, hợp lý.

III. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành tính ra với sự chuyển kế toán là do điều chỉnh các khoản chính sách tạm thời giữa thuế và lợi nhuận, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thuế thu nhập hoãn lại phải nộp thuế và các khoản bị được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích nộp Thuế vào tài chính và sự khác biệt thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Các chi phí thuế thu nhập hoãn lại chi được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi được tính thuế để sử dụng những chính sách tạm thời được tính trước đây.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định dựa trên nguyên tắc thuế hiện hành hiện tại và sẽ được ghi giảm nếu các điều kiện thanh toán có thể lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xác định lại vào ngày kết thúc của tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có thể lợi nhuận tính thuế để sử dụng chi phí của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận này.

Tất cả thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các dự tính và lập được như các tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế hiện hành hiện tại và ngày kết thúc của tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hoạt động kinh doanh và chi phí nộp tiếp vào các chi phí khác khi khoản thuế đã liên quan đến các khoản nợ được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Tất cả thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được liệt kê như sau:

- Các khoản chi quyền lợi chi phí được trả với giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý với cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế hiện tại;
 - Các đơn vị Lynch thành lập thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại thanh toán cơ sở thuế hoãn lại từ các đơn vị Lynch hiện tại với việc thanh toán nợ phải trả trong tương lai tương lai khi các khoản trong các tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

(1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (11) (12) (13) (14) (15) (16) (17) (18) (19) (20) (21) (22) (23) (24) (25) (26) (27) (28) (29) (30) (31) (32) (33) (34) (35) (36) (37) (38) (39) (40) (41) (42) (43) (44) (45) (46) (47) (48) (49) (50) (51) (52) (53) (54) (55) (56) (57) (58) (59) (60) (61) (62) (63) (64) (65) (66) (67) (68) (69) (70) (71) (72) (73) (74) (75) (76) (77) (78) (79) (80) (81) (82) (83) (84) (85) (86) (87) (88) (89) (90) (91) (92) (93) (94) (95) (96) (97) (98) (99) (100)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 01/1.8 Thành Phố, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cáo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo/Đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo

13. Tài sản khác

Các tài sản được coi là tài sản nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các tài sản được coi là tài sản khác nếu không chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể tương

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, tài chính của mỗi quan hệ được xử lý riêng biệt hơn nữa theo pháp lý.

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận được hiểu về mặt doanh nghiệp là một phần có thể xác định công việc tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ và chi phí và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo báo cáo địa lý là một phần có thể xác định công việc tham gia vào quá trình sản xuất hàng hóa cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một quốc gia hoặc khu vực cụ thể và chi phí và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các quốc gia hoặc khu vực khác.

Tổng tài sản được lập ra trình bày phù hợp với khách hàng để báo cáo đang cho việc lập ra trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	32.854.493.034	31.289.471.000
Tiền gửi ngân hàng	119.345.521.791	112.036.408.148
Tiền đang chuyển	189.443.886	182.172.891
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng và kỳ hạn gốc không quá 12 tháng)	<u>700.665.941.897</u>	<u>630.941.000.000</u>
Cộng	<u>1.411.679.239.958</u>	<u>1.384.249.572.141</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm công cụ tài chính kinh doanh, đầu tư cầm giữ dài hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, đầu tư và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Chi tiết	Số cuối năm				Số đầu năm	
	Hàng tồn	Chi phí mua	Đầu công	Còn giữ	Hàng tồn	Đầu công
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Nghĩa	31.400.000.000	(31.400.000.000)	(31.400.000.000)	(31.400.000.000)	31.400.000.000	(31.400.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại Hòa Nghĩa	14.100.000.000	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)	(14.100.000.000)	14.100.000.000	(14.100.000.000)
Các cổ phiếu khác	100.000	(100.000)	(100.000)	(100.000)	100.000	(100.000)
CỘNG	<u>45.600.000.000</u>	<u>(45.600.000.000)</u>	<u>(45.600.000.000)</u>	<u>(45.600.000.000)</u>	<u>45.600.000.000</u>	<u>(45.600.000.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính theo hình thức hợp nhất (tỷ đồng)

Tổng hợp báo cáo tài chính gồm các thông tin chính khác được nêu sau:

	Đầu năm	Đầu năm
Số đầu năm	(27.787.479.403)	(17.881.779.652)
Trích lập dự phòng kế toán	(6.787.882.080)	(11.965.899.947)
Kết cuối năm	(34.575.361.483)	(29.847.679.599)

26. **Đầu tư vào các quỹ đầu tư khác**
 Khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn từ một (1) tháng đến (12) tháng.

27. **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên doanh, liên kết	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Cứ gốc	Giá trị thực tế	Cứ gốc	Giá trị thực tế
Công ty Cổ phần Công Cổ Mập Genadept - Teminal Link	1.471.240.000,00	101.010.000,00	1.370.075.000,00	1.477.000.000,00
Công ty Cổ phần Thương Tín Việt Nam (Việt Nam)	60.100.000,00	20.440.000,00	60.000.000,00	40.200.000,00
Công ty TNHH Cổ Genadept Capital Vietnam	11.000.000,00	240.740.000,00	284.000.000,00	151.000.000,00
Công ty TNHH Thương Tín Việt Nam - Genadept	10.000.000,00	10.000.000,00	10.000.000,00	10.000.000,00
Công ty TNHH Cổ Genadept Strategic Holdings	10.000.000,00	74.000.000,00	175.000.000,00	104.000.000,00
Công ty TNHH Golden Gate	81.800.000,00	17.000.000,00	86.000.000,00	100.000.000,00
Công ty TNHH Thương Tín Việt Nam Cổ	82.000.000,00	4.000.000,00	78.000.000,00	82.000.000,00
Công ty Cổ phần Liên lạc Thương Tín Cổ	40.000.000,00	17.000.000,00	20.000.000,00	40.000.000,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thương Tín Cổ	20.000.000,00	10.000.000,00	10.000.000,00	10.000.000,00
Cộng	<u>1.675.040.000,00</u>	<u>454.190.000,00</u>	<u>1.907.075.000,00</u>	<u>1.774.400.000,00</u>

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Thị trường hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết:
 Công ty TNHH Golden Gate vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản.
 Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Quan hệ với các công ty liên doanh, liên kết:
 Các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.15.

Khuyến cáo người nắm giữ các công ty liên kết được trình bày ở cuối cổ phiếu.
 Tập đoàn đã thuê chấp thuận nội bộ tại Công ty Cổ phần Công Cổ Mập Genadept - Teminal Link để đảm bảo cho Mission này của Công ty Cổ phần Công Cổ Mập Genadept - Teminal Link tại Ngân hàng NHCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo quy định thuộc địa chỉ tại Công Cổ Mập - Genadept Teminal Link gửi được 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 9/27 Tô Hiến Thành, Phường Tân Hải, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo tài chính theo năm tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Của gốc	Đư phòng	Của gốc	Đư phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng M&E (PHI Đẳng Dương)	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quy hoạch Việt Nam	5.000.000.000	(2.774.714.191)	5.000.000.000	(1.573.223.619)
Công ty TNHH Đầu tư Shipping (Việt Nam) ^(*)	892.887.190	-	-	-
Ngân hàng THCP Hàng Hải Việt Nam	299.762	-	299.762	-
Công ty TNHH OCE Logistics (Việt Nam)	21.000.000	(21.000.000)	21.000.000	(21.000.000)
Cộng	61.194.287.262	(2.796.714.191)	61.021.099.762	(1.554.723.619)

(*) Trong năm Tập đoàn đã góp vốn 10% vào đơn vị của Công ty TNHH Shipping (Việt Nam)**Giải thích chi tiết:**

Đối với các khoản đầu tư có giá trị nhỏ, giá trị hợp lý được xác định dựa trên giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá chi phí hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết dựa trên cơ sở giá trị hợp lý của các đơn vị hợp lý.

Chi phí của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn tính toán chi phí của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.554.223.619)	(2.698.371.386)
Tích lũy dự phòng bất động	(146.588.482)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	1.143.223.967
Số cuối năm	(2.500.714.191)	(1.554.223.619)

25. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	173.255.438.974	148.871.894.318
Công ty Cổ phần Công Cơ M&E-Gemadep - Terminal Link	81.069.414.181	89.875.903.098
Công ty TNHH MTV Gemadep Hải Phòng	63.265.504.903	70.596.214.826
Công ty TNHH MTV Việt Hải Nam Gemadep	16.414.649.540	15.174.592.878
Công ty TNHH MTV Tập vận Gemadep	1.882.748.742	854.424.712
Công ty TNHH Tập vận "K" Link - Gemadep	1.822.863.126	4.388.943.820
Phải thu các khách hàng khác	47.800.355.782	469.856.548.251
Cộng	294.659.684.456	541.899.624.569

Một số thông tin chi tiết về đơn vị này đã được báo cáo trên khoản mục tại Ngân hàng TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam, Ngân hàng Đại chúng TNHH FintechLink - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng The State Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem phụ lục kèm đi V.22a).

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 11A Thành Thái, Phường Bắc Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỢP NGẮN

Chi số tài chính từ ngày 01 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu đồng Việt Nam (tính theo tỷ lệ %)

A. Trả trước cho người khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Ngân Sơn Việt	22.192.000.000	47.174.181.000
Kumonasa Co.,Ltd	11.087.800.000	-
Công ty TNHH Doosan Inworelity Việt Nam	-	36.934.856.848
Các nhà cung cấp khác	28.379.718.118	23.781.496.141
Cộng	<u>61.669.528.118</u>	<u>107.910.534.089</u>

B. Phải thu về cho vay**a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các bên liên quan vay	20.423.500.000	2.423.500.000
Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept - Terminal Link	18.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Tâm	2.423.500.000	2.423.500.000
Cho các tổ chức khác vay	277.284.487.847	22.000.000.000
Công ty TNHH Công Nghệ Hải Trình Việt	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Oceanstar Việt Nam	109.084.487.847	-
Cho các tổ chức khác vay	28.300.000.000	22.000.000.000
Cộng	<u>298.607.987.847</u>	<u>24.423.500.000</u>

b. Phải thu về cho vay dài hạn

Không có tài sản thế chấp

c. Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	783.000.000.000	28.208.877.747
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn - Chi nhánh Cần Thơ	13.488.778.000	-
Công ty TNHH Global Globe - Chi nhánh	27.118.483.000	28.386.141.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Tâm - Tài trợ vay, chi phí	1.281.700.000	1.409.297.993
Công ty TNHH MTV Văn hóa biển Genadept - Hải An hồ, chi phí	682.311.484	23.871.781
Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept - Terminal Link - Chi nhánh Hồ Chí Minh	14.330.348	47.424.328
Công ty TNHH Thương mại Quốc Cầu Vàng - Chi nhánh	-	289.000.000
Phải thu các tổ chức nhà ở xã hội khác	748.448.774.000	340.287.897.147
Tạm ứng	81.288.142.000	84.630.773.453
Cho khách lẻ gửi, áp dụng ngắn hạn	8.194.192.648	3.351.993.579
Công ty TNHH Sông Hồng - Cấp vốn hợp tác xã liên kết tại Công xã Hợp tác xã Chăm	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản chi phí	11.005.418.000	19.788.584.889
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31.489.381.373	14.366.657.437
Cộng	<u>143.718.094.821</u>	<u>174.477.443.676</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DEMADEPT

Địa chỉ: 112 Thành Yên, Phường Hòa Xuân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐỢT NGẮN

Cáo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số liệu chưa audit theo các tài khoản hợp nhất công ty

66. Phải thu dài hạn khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Miền Trung Đông Dương – Góp vốn hợp tác đầu tư dự án Khu dịch vụ biển đảo Logistics
Các khoản kỳ quá, dài hạn đối hạn
Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	18.000.000.000	18.000.000.000
	13.634.353.799	18.335.831.311
	<u>31.634.353.799</u>	<u>36.335.831.311</u>

7. Nợ ngắn hạn

	Thời gian ngắn hạn	Số cuối năm		Thời gian ngắn hạn	Số đầu năm	
		Còn gốc	Chi phí lãi		Còn gốc	Chi phí lãi
Với đơn vị liên quan		6.662.261.000	(1.668.251.000)	6.273.491.997	(6.144.291.998)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Miền Trung – Cho vay ngắn hạn		5.500.261.000	(1.668.251.000)	5.112.291.992	(6.112.291.998)	
Đã có bảo đảm vật chất khác		10.308.171.417	(20.465.227.000)	8.492.508.129	(1.898.491.299)	
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thủy Sản Miền Trung	Trên 12 năm	4.000.000.000	(5.000.000.000)	Tính nợ gốc		
Hồ Nguyễn Thị Hồng Linh	Trên 12 năm	1.000.000.000	(1.000.000.000)	Tính nợ gốc	(1.000.000.000)	
Hồ Nguyễn Thị Hồng Linh	Từ 12 năm đến 1 năm	11.308.171.417	(14.465.227.000)	Từ 12 năm đến 1 năm	(1.000.000.000)	
Cộng		<u>18.178.432.417</u>	<u>(26.933.478.000)</u>	<u>12.468.292.126</u>	<u>(11.172.383.218)</u>	

Tách biệt trên bảng dự phòng nợ phải thu dài hạn của năm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(11.172.383.218)	(16.396.314.991)
Tách lập dự phòng bổ sung	(24.368.283.125)	(713.590.219)
Khoản	11.7.048.733	-
Số cuối năm	<u>(24.864.517.588)</u>	<u>(11.172.383.218)</u>

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Còn gốc	Dự phòng	Còn gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.300.118.238	-	21.751.314.000	-
Hàng bán dở dang	11.988.896.143	-	18.098.063.896	-
Phụ tùng thay thế	18.157.813.390	-	17.548.420.473	-
Công cụ dụng cụ	110.798.198	-	398.420.140	-
Các phí của một khâu thành dở dang	8.640.349.128	-	8.146.411.660	-
Hàng hóa, thành phẩm	1.771.182.261	-	1.859.024.368	-
Cộng	<u>62.968.765.358</u>	<u>-</u>	<u>68.792.424.437</u>	<u>-</u>

9. Các phải trả trước**9a. Các phải trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các phải trả trước	884.183.540	814.793.692
Các phải trả trước ngắn hạn	5.473.177.448	1.814.148.728
Tiền thuê đất	-	4.265.466.128
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.209.210.090	1.998.411.281
Cộng	<u>7.566.571.078</u>	<u>12.792.819.829</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCHAEFFL

Địa chỉ: 41A Trần Hưng Đạo, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính này chỉ mang tính chất tham khảo

86. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất ^(*)	480.651.339.142	756.343.707.850
Chi phí sửa chữa	12.671.290.167	17.369.823.948
Chi phí bồi thường chi chính quyền	1.853.158.767	10.718.879.229
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ^(**)	-	123.823.507.044
Chi phí sửa tu đường giao	-	9.321.819.334
Các chi phí trả trước dài hạn khác	29.197.182.782	64.447.155.871
Tổng	732.573.980.412	913.843.875.159

^(*) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần KCI Nam Hải và Công ty Cổ phần Công Nam Đình Việt. Tiền thuê đất này đã được trả bằng 01 đơn báo cáo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - TTND KCIH Lưu Hội số (các thuộc mệnh số V.201).

^(**) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Công Nam Đình Việt. Trong năm, Công ty mua lại toàn bộ chuyển nhượng của Công Nam Đình Việt.

88. Tài sản cố định hữu hình

	Tư sản, vật hữu hình	Đầu tư bất động sản	Phương tiện vận tải, thiết bị	Thiết bị dụng cụ khác	Cộng
Nguyên giá					
ở đầu năm	1.134.309.091.372	1.041.282.000.000	1.292.279.290.000	46.951.607.928	3.494.518.189.299
Thêm trong năm	1.343.237.000	48.261.000.000	49.714.844.000	1.217.220.800	12.712.495.000
Đầu tư xây dựng và sửa chữa khác	329.794.874.800	772.538.279.518	461.471.224.000	14.949.220.000	1.678.753.398.318
Thanh lý	-	(1.644.438.300)	(78.000.000.000)	-	(78.644.438.300)
Được từ chuyển nhượng	622.644.884.700	638.383.562.864	78.219.781.000	19.218.815.800	1.358.566.444.364
Cộng đầu tư xây dựng và sửa chữa khác	6.214.326.300	49.616.571	421.264.800	19.128.400	7.101.836.371
Số cuối năm	1.904.848.496.172	1.690.425.000.483	1.841.915.195.000	67.190.145.728	3.504.379.747.383
Trung bình					
Đầu tư xây dựng và sửa chữa khác	44.400.000.000	104.426.791.100	103.712.048.700	11.174.000.000	263.552.849.800
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
ở đầu năm	1.000.518.180.170	562.410.400.000	698.967.295.100	26.342.218.820	2.288.238.094.090
Khấu hao trong năm	121.843.800.000	120.627.000.000	44.311.699.100	1.048.178.900	383.830.678.000
Thanh lý	-	(1.204.403.300)	(74.250.000.000)	-	(75.454.403.300)
Được từ chuyển nhượng	1178.730.181.000	702.648.441.214	494.011.401.000	14.878.905.000	2.370.268.028.214
Cộng đầu tư xây dựng và sửa chữa khác	5.744.979.000	20.399.600	483.004.000	39.342.400	6.268.325.000
Số cuối năm	1.127.362.981.170	683.885.448.814	1.117.742.799.100	28.220.564.120	2.558.211.793.104
Giá trị còn lại					
ở đầu năm	1.134.309.091.372	1.041.282.000.000	1.292.279.290.000	46.951.607.928	3.494.518.189.299
Số cuối năm	1.107.485.515.002	1.006.539.551.669	1.094.182.495.900	38.969.581.608	3.047.177.143.179
Trung bình					
Tư sản cố định	-	-	-	-	-
Thiết bị dụng cụ khác	-	-	-	-	-

Tổng chi phí khấu hao trong năm, thanh lý tài sản cố định được thực hiện là 14.451.973.146 VNĐ

Mức chiết khấu về mặt tài sản cố định và giá trị còn lại được số tiền 14.327.809.456.170 VNĐ đã được chi trả để thanh toán các khoản vay tại Ngân hàng Công Thương mệnh số V.201.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 9 Li Thiệp Thôn, Phường Bắc Ngạn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chiến lược tài chính tới năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính theo các số liệu hợp nhất tiếp theo

11. Tài sản cố định thanh toán

	Thước tỷ và phương tiện vận tải
Nguyên giá	228.413.682.371
Số đầu vào	228.413.682.371
Số xuất vào	-
Giá trị hao mòn	100.783.018.843
Số đầu vào	28.374.149.517
Khấu hao trong năm	279.387.268.162
Số xuất vào	-
Giá trị còn lại	127.630.663.528
Số đầu vào	127.630.663.528
Số xuất vào	-

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí thiết lập trong Web	Tổng
Nguyên giá	111.118.943.400	66.272.743.881	30.000.000	207.421.687.281
Số đầu vào	-	2.876.358.000	-	2.876.358.000
Mua trong năm	-	6.002.816.500	-	6.002.816.500
Khấu trừ tích lũy hàng kỳ kết tuần đầu	-	(12.171.181.510)	-	(12.171.181.510)
Giá trị đầu vào	7.972.039.890	3.875.870	-	7.975.915.760
Chương trình tự giá	119.893.844.250	63.396.618.721	30.000.000	213.320.462.971
Số xuất vào	-	-	-	-
Trong đó:				
Giá trị hao mòn	-	70.568.828.007	30.000.000	101.167.828.007
Số đầu vào	71.828.828.300	41.128.467.569	30.000.000	112.987.325.869
Khấu hao trong năm	6.319.860.048	2.948.108.752	-	9.267.968.800
Giá trị đầu vào	1.857.792.710	1.871.870	-	1.859.664.580
Chương trình tự giá	79.992.304.824	43.878.174.846	30.000.000	123.900.489.670
Số xuất vào	-	-	-	-
Giá trị còn lại	222.987.115.280	21.113.289.518	-	244.100.404.798
Số đầu vào	222.987.115.280	21.113.289.518	-	244.100.404.798
Số xuất vào	-	-	-	-
Trong đó:				
Giá trị hao mòn	-	-	-	-
Giá trị đầu vào	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Văn, Phường Đa Phước, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho ngày tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Năm tài chính và/hoặc báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
 Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại
 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được miễn thuế. Chi số phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	131.296.466.879	130.332.125.253
Chi nhận vào từ quá trình thanh toán trong năm	38.835.518.434	19.865.184.472
Chiếm do thanh toán	(4.319.186.274)	-
Đã trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(609.390.163)	(1.091.442.857)
Số cuối năm	164.402.918.876	154.295.866.878

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp có dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

15. Lợi thế thương mại
 Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Công Nam Hải và Công ty Cổ phần Công Hải Dương. Chi số phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên gốc	Số dư giảm lỗ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	538.917.383.380	370.191.041.048	168.726.342.332
Phân bổ trong năm	-	27.440.597.483	-
Quản do thanh toán	(776.701.870)	(776.701.870)	-
Số cuối năm	537.140.681.510	397.609.939.399	139.530.742.111

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.482.482.371	26.736.897.199
Công ty TNHH MTV Việt tin liên Genadept	4.867.967.215	21.527.253.378
Công ty Cổ phần Hoàng Logistics	830.427.838	445.771.019
Công ty TNHH MTV Tập vận Genadept	781.209.817	49.141.136
Công ty Cổ phần Công Hải Miền Genadept - Tân Hải Liên	142.938.200	31.919.499
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	-	673.923.234
Phải trả các nhà cung cấp khác	677.341.432.607	608.821.946.807
Shanghai Huajiang Shipping Co., Ltd	61.094.138.395	66.295.918.181
V.A.S. Capital Investment Co., Ltd	61.936.332.100	64.851.458.150
Bách Maistate Trading Co., Ltd	30.991.023.780	38.991.517.880
Mitsui S&S Machinery Co., Ltd	12.889.170.000	138.851.733.090
Công ty TNHH Du lịch Touristbay Việt Nam	-	90.238.638.238
Các nhà cung cấp khác	112.161.738.342	311.396.757.189
Cộng	917.923.905.178	839.451.813.766

Tập đoàn không có sự phải trả người bán quá hạn cho bất kỳ ai.



CÔNG TY CỔ PHẦN COMADEXPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chưa tính từ trước tới ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu đồng (tính theo tỷ lệ %)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	Số cuối năm	
	Tích lũy	Phải nộp	Số phát sinh	Số đã nộp vào		Tích lũy	Phải nộp
Thuế GTGT hàng hóa và dịch vụ	10.100.000,00	60.100.000	124.117.112,40	127.000.000,00	101.000,00	10.100.000,00	101.000,00
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12.700.000,00	-	17.000.000,00	20.110.000,00	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	200.000,00	100.000,00	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.000.000,00	10.000.000,00	61.610.000,00	100.000.000,00	100.000,00	10.000.000,00	100.000,00
Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000,00	10.000.000	11.000.000,00	11.000.000,00	110.000,00	1.100.000,00	110.000,00
Các thuế khác	11.100.000,00	1.000.000,00	12.700.000,00	12.200.000,00	110.000,00	1.100.000,00	1.100.000,00
Cộng	35.900.000,00	80.100.000	217.437.112,40	278.300.000,00	221.000,00	35.900.000,00	35.900.000,00

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% và 10%.

Hàng từ tháng 7 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, các công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với một số hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 64/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn thi hành quyết định Thủ tướng Chính phủ ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Thuế xuất nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp thuế thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các mức thuế suất theo thuế với thuế suất 20%. Riêng các công ty ở nước ngoài nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo quy định cụ thể của từng nước.

Việc kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được chi trả vào các quỹ đặc biệt khác về thuế. Tuy nhiên, những quỹ đặc biệt này thay đổi theo từng thời kỳ và các quỹ đặc biệt về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được khấu trừ vào tiền nộp tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp thuế theo quy định.

13. Thuế trả người lao động

Tính bằng và các khoản thuế phải trả công nhân viên.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chi dự trả tổng cộng	117.080.423,64	88.204.513.000
Chi phí bồi thường công nhân	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí lương	6.655.170.877	11.418.246.573
Chi phí bảo hiểm, chi phí khác	8.831.664.343	1.818.123.099
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	62.593.778.585	61.958.249.128
Cộng	215.161.037,44	123.399.131.800

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 3 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cụm tài sản thuộc về báo ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số tiền bằng chữ: Năm chi số bằng chữ nhất (chữ 000)

20. Doanh thu chưa thực hiện

20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Tiền nhận trả trước về các hoạt động của chi định

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Lãi hoặc lợi do chênh lệch tại các chi định góp vốn vào công ty liên kết và chi sở hữu không đồng kiểm soát

Lãi hoặc lợi do chênh lệch dịch vụ của chi định không đồng kiểm soát

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác

Tổng

Số cuối năm

Số đầu năm

195.817.080.480

202.199.118.375

78.409.108.218

87.329.893.938

195.267.899.993

1.918.342.180

200.403.346.481

21. Phải trả khác

21a. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả các bên liên quan

Công ty TNHH Tập đoàn TK-Liên - Gemadept -

Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng

Công ty Cổ phần Công Các Máy Gemadept -

Terminal Logistic - Nhận chi phí

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa SH Gòn -

Chi phí chi trả

Công ty TNHH MTV Vạn An Hòa Gemadept -

Thu hộ phí trả khác

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Phải trả về dịch vụ mua đặt lý

Chi phí phải trả

Nhận đặt cọc để chuyển nhượng công ty con (*)

Chi phí phải trả (*)

Nhận đặt cọc nhận mua khác

Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Các khoản phải trả ngắn hạn khác

Tổng

Số cuối năm

Số đầu năm

77.647.731

2.178.774.068

71.394.599

71.394.599

1.237.211

7.231.231

-

1.373.392.439

-

314.039.507

886.478.764.447

2.268.892.492.421

84.830.393.207

68.178.881.954

219.276.839

70.982.345.120

20.088.000.000

1.000.998.034.000

11.723.474.243

18.185.544.380

3.390.204.178

3.949.464.072

1.023.408.400

4.032.899.036

172.068.617.023

1.78.390.040.712

268.758.096.379

2.273.035.016.489

(*) Khoản phải trả này là khoản tiền cho tiền của bên mua và bị trả cho. Họp đồng chuyển nhượng phần vốn và hoàn thành giao dịch chuyển nhượng công ty con.

21b. Phải trả dài hạn khác

Phải trả các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Tập đoàn TK-Liên - Gemadept -

Nhận đặt cọc cho thuê kho

Phải trả các tổ chức và cá nhân khác

Chi phí phải trả (*)

Các khoản phải trả dài hạn khác

Tổng

Số cuối năm

Số đầu năm

2.008.041.049

2.090.898.888

1.000.000.000

1.000.000.000

182.437.632.556

81.131.476.289

100.132.316.490

93.171.828.288

333.472.246

-

184.668.652.936

94.434.476.188

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 7 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP THẬP

Chức năng và nhiệm vụ: Báo cáo tài chính hợp nhất tiếp theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất theo ngày 31 tháng 12 năm 2023

⊞ Các Module chi phí thuê tài sản sinh tại Công ty Cổ phần Hòa Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hòa Sơn Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Hòa Lạc Hải Tân Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán tại thời hạn từ năm kế từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

2.2b. Dự quỹ lưu chuyển thành tiền

Tập đoàn không có dự phòng về biến cố lưu chuyển thành tiền.

III. Vay và nợ thuê tài chính**3.2a. Dự nợ và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngắn hạn	43.132.194.840	173.453.891.752
Vay Ngân hàng TNHH MTV Thương Việt Nam ^(a)	49.171.124.038	150.000.000
Vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kachindobank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	1.799.169.734	-
Vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(c)	4.205.284.668	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(d)	2.541.700.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	-	99.039.709.948
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	11.537.033.799
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	1.962.871.743
Dự nợ và nợ thuê tài chính đến hạn và các tổ chức khác	342.802.187.218	163.961.738.447
Vay dài hạn đến hạn từ Công ty phát hành số V.2216	337.799.173.738	334.904.811.634
Nợ thuê tài chính đến hạn và (các) người cho vay số V.2219	24.291.013.488	31.292.948.753
Cộng	449.569.714.008	543.412.473.601

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Thương Việt Nam đã bỏ ngang vào lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu bán chuyển (các người cho vay số V.24).

(b) Khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH Kachindobank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã bỏ ngang vào lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu bán chuyển (các người cho vay số V.25).

(c) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã bỏ ngang vào lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu bán chuyển (các người cho vay số V.26).

(d) Khoản vay không có vấn đề bảo lãnh từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) đã bỏ ngang vào lưu động vào thời hạn vay thông qua DAO ngày.

Tập đoàn có thể sinh ra được các Module vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

WORLDWIDE


CÔNG TY CỔ PHẦN SEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thành Tôn, Phường Mỹ Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cáo cáo tài chính kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số tháng tính đến với tài chính hợp nhất (nếu có):

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay và nợ thuê tài chính (nếu hợp nhất với):

	Từ 01 năm tính ngược	Từ 01 năm đến 01 năm	Từ 01 năm	Tổng cộng
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngắn hạn	387.763.173.738	1.095.828.261.852	432.541.837.792	1.916.133.273.382
Nợ thuê tài chính	24.241.813.488	23.309.471	-	24.265.122.959
Tiền gốc phải trả	19.687.836.670	19.437.800	-	19.687.897.100
Lãi thuê phải trả	4.639.933.830	1.877.617	-	4.641.811.447
Cộng	436.332.761.726	1.139.646.819.732	432.541.837.792	1.998.521.419.250
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngắn hạn	158.896.811.614	1.140.997.856.016	331.585.452.808	1.791.390.120.438
Nợ thuê tài chính	35.954.946.773	23.861.928.217	-	59.816.875.030
Tiền gốc phải trả	26.134.593.609	19.152.872.802	-	45.287.466.411
Lãi thuê phải trả	6.892.551.636	4.328.337.627	-	11.220.889.263
Cộng	227.879.903.632	1.308.340.914.662	331.585.452.808	1.867.806.271.103

22c. Phụ và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng từ tính toán	Hết và được trả trong năm	Hết hoặc giảm trong năm	Phân bổ (nếu có)	Số cuối năm
Dự phòng chi phí nhân vật, nhân công và chi phí khác liên quan đến chi trả lương và thưởng	41.000.133.100	10.349.271.600	(24.118.120.116)	(16.498.994.667)	6.788.481.200	10.500.890.117
Dự phòng chi phí liên quan đến chi trả lương	12.440.240.200	1.000.000.000	-	(11.000.000.000)	12.440.240.200	12.440.240.200
Dự phòng chi phí thuê mặt bằng trong quá trình xây dựng	1.182.274.819	-	-	-	-	1.182.274.819
Dự phòng chi trả thuế thuế doanh nghiệp	4.368.878.871	-	-	(4.368.878.871)	-	-
Cộng	61.991.526.990	11.349.271.600	(24.118.120.116)	(16.867.873.538)	6.788.481.200	52.843.805.146

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tập đoàn bao gồm: Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

25. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm 2023	Năm 2022
Số đầu năm		
Chi nhận vào liên quan đến kinh doanh trong năm	129.642.198	1.191.442.812
Chiếm ưu đãi thuế	(129.681.633)	-
Đã trả với số tiền thuế thu nhập hoãn lại	(600.969.760)	(1.091.442.812)
Số cuối năm		

Thuế thu nhập hoãn lại được công nhận sẽ được sử dụng để xác định (nếu có) thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 44/4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẬP THỂ

Theo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính được lập theo hệ thống kế toán Việt Nam

26. Vốn chủ sở hữu**26a. Bảng chi tiết cấu trúc tổng vốn chủ sở hữu**

Tổng số và cấu trúc của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

26b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	165.898.557	161.377.957
- Cổ phiếu phổ thông	165.898.557	161.377.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	165.898.557	161.377.957
- Cổ phiếu phổ thông	165.898.557	161.377.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 16.898 VNĐ

26c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 18/2023-NQ/HĐQT-GD&ĐD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 09 tháng 4 năm 2023, Công ty dự định phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

• Trả lợi nhuận theo đúng pháp luật (20%)	33.795.378.237 VNĐ
• Trả lợi nhuận theo đúng pháp luật (20%)	28.817.496.942 VNĐ
• Chia cổ tức (20%)	811.795.114.000 VNĐ

26d. Chính sách dự trữ bất động sản

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chính sách dự trữ bất động sản cơ sở kinh doanh	213.448.362.118	213.448.362.118
Chính sách dự trữ bất động sản dự kiến đầu tư (tính ở số cuối năm)	144.871.019.942	118.695.422.911
Chính sách dự trữ bất động sản dự kiến đầu tư (tính ở số đầu năm)	358.319.382.060	332.143.785.029
Cộng	-	-

27. Các khoản nợ ngoài bảng của tất cả các đơn vị liên kết**27a. Tài sản thế chấp**

Tổng số tài sản thế chấp bằng vàng bạc của các đơn vị liên kết được trình bày trong bảng sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thế chấp bằng vàng	16.868.972.515	16.871.519.915
Tài sản thế chấp bằng cổ phiếu	1.906.598.858	11.368.396.438
Tài sản thế chấp bằng đất đai	58.479.143.719	31.551.888.434
Cộng	21.254.714.092	49.791.804.787

Các khoản thanh toán của đơn vị liên kết được trình bày như sau:

- Tài khoản chi phí quản lý phân bổ theo vốn đầu tư bằng Công ty TNHH Cổ Việt Nam tại số 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Tổng số tiền thanh toán tại Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1/2/2024 của số 1/2024
 CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT
 SỐ 44/4 LÊ THÁNH TÔN
 PHƯỜNG BẾN NGHÉ, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số liệu được tính theo đơn vị tính: hợp nhất (tỷ đồng)

27a. Nguồn quỹ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.398.158,43	1.314.819,38
Euro (EUR)	713,25	709,18

27b. Sự Ảnh hưởng của sự kiện

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân của số
Công ty Cổ phần Bà Tô Châu	1.277.515.919	1.277.515.919	Đu Công ty này đã giải thể
Các đơn vị khác	1.519.798.979	1.519.798.979	Kiểm soát khác cũng đã giải thể
Cộng	4.797.374.898	4.797.374.898	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH HÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Ia. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.908.940.784.391	1.880.178.235.939
Doanh thu hoạt động ngoại thương, dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản.....	931.810.640.648	818.873.007.542
Doanh thu cho thuê tài sản phòng và doanh thu khác	1.449.885.934	1.743.383.080
Cộng	3.849.818.799.568	3.699.243.499.570

Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ của các bên liên quan, nếu bất được trình bày tại thuyết minh số VII.16. Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

II. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động kinh doanh	1.428.421.931.234	1.393.118.247.044
Giá vốn hoạt động ngoại thương, dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản.....	429.383.178.941	387.063.761.119
Cộng	1.857.805.110.175	1.780.182.008.163

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi thu giữ ngoại tệ	81.341.781.219	8.831.196.258
Lãi tiền gửi vay	13.326.967.116	2.814.488.629
Lãi chuyển nhượng vốn trước đây và tài chính dài hạn	1.849.573.742.804	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.871.538.787	12.949.428.131
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại của khoản mục liên quan giữ ngoại tệ	14.503.113.181	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.394.502	113.138.888
Cộng	1.869.941.393.607	11.907.213.699

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thống Nhất, Phường Bình Ngọc, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo được trình bày theo đơn vị tiền tệ Việt Nam đồng

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	134.395.133.662	138.756.997.838
Lãi nhận được từ các khoản đầu tư	13.090.814.763	16.983.843.024
Lãi chính sách tỷ giá do hình giá trị các khoản ngoại tệ và giao ngoại tệ	-	6.996.293.700
Dự phòng các chi phí khác	3.334.761.183	10.763.333.078
Chi phí tài chính khác	970.678.231	192.679.131
Cộng	154.695.382.823	185.690.839.679

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.113.873.045	3.967.446.211
Chi phí bán hàng ngoài giờ	99.335.806.105	114.213.379.933
Các chi phí khác	4.681.454.567	22.213.639.251
Cộng	108.131.134.717	140.394.465.395

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	182.760.342.728	196.699.594.244
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	7.003.256.373	8.076.418.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.746.671.882	23.148.626.603
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	24.739.285.122	775.540.218
Phân bổ chi phí chung nội bộ	27.882.307.617	27.689.797.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.388.545.837	70.444.194.722
Các chi phí khác	218.231.439.737	188.693.329.218
Cộng	551.940.342.286	524.441.294.478

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	21.528.309.469	2.447.181.140
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	34.017.434.409	23.581.844.854
Thu nhập từ phòng phát hành	6.568.978.671	-
Thu nhập khác	2.783.839.256	4.389.566.914
Cộng	64.898.561.805	30.418.592.908

7.1. Doanh thu bổ sung đã chưa được hiện thực

- Phần bổ sung đánh giá lại quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Công Cai Mây Genadept – Terminal Link phát sinh từ năm 2008 với số tiền 283.962.000.000 VND, với giá phần bổ đề năm và 10 tháng.
- Phần bổ sung đánh giá lại giá trị tài sản sử dụng góp vốn vào Công ty TNHH CJ Genadept Logistics Holdings phát sinh từ năm 2017 với số tiền 3.473.423.389 VND với thời gian phần bổ 10 năm.
- Phần bổ sung bổ sung chi phí trước thuế quan đầu doanh thu dịch vụ tại các và thị trường công nhân của Công ty Cổ phần Công Cai Mây Genadept – Terminal Link trong hợp tác phần bổ đánh giá lại phần bổ trong năm với số tiền 14.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 40/1 Lê Thánh Tôn, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

QUY CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chấm dứt tại thời kỳ báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập (Đơn vị: VND)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế phí nộp bổ sung	19.270.075.407	23.335.485.523
Chi phí khác	1.294.300.174	7.382.433.100
Cộng	20.564.375.581	30.717.918.623

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	748.700.118	1.134.807.608
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời thu nhập hoãn lại	2.236.040.909	4.028.102.884
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải nộp từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(43.933.460.332)	(24.792.887.954)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải nhận từ các khoản chênh lệch tạm thời được hoãn lại	49.148.713	(43.254.233)
Cộng	(16.832.601.512)	(18.774.144.173)

10. Lợi tức và phân**10a. Lợi cơ bản trên cổ phiếu và lợi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	2.293.577.339.000	693.815.568.733
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi Quỹ BHYT đóng ngoài cơ, theo điều luật và theo văn bản	(16.257.142.600)	(78.313.245.170)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông và trên cổ phiếu phát hành	-	-
Lợi nhuận thực là cơ bản trên cổ phiếu và lợi cơ bản trên cổ phiếu	2.184.316.196.400	615.502.323.563
Số lượng hình phân bổ quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	103.890.490	101.173.057
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	7.187	1.834
Lợi cơ bản trên cổ phiếu	7.187	1.834

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch về chuyển đổi hoặc mua lại các loại cổ phiếu phổ thông khác trong năm nay và từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí của các hoạt động tài chính theo yêu cầu

	Năm nay	Năm trước
Chi phí ngân quỹ liên, vãng niên	291.525.445.177	373.311.669.032
Chi phí nhận công	669.240.225.839	348.417.041.079
Chi phí trích lập dự phòng về tài sản và nợ phải trả	(96.617.873.879)	(100.183.423.852)
Chi phí dịch vụ ngân hàng	1.314.267.197.813	1.203.818.834.292
Chi phí khác	271.992.800.333	229.071.430.188
Cộng	1.779.297.694.943	1.844.796.791.439

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADOPT

Địa chỉ: Lê Thành Tín, Phường Mỹ Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi niên độ chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính hợp nhất (cập nhật)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC ERDÀN MỤC THÌNH BÀY THÔNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tập đoàn có các khoản công nợ liên quan với nhau như: thành lý tài sản cố định, lãi cho vay và chi phí, lợi nhuận được chia như sau:

	Cố định assets	Nợ khác assets
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	14.228.291.000	88.435.856.489
Nợ phải trả của người mua tài sản cố định	236.178.053.000	818.829.382.637
Thành lý tài sản cố định chưa thu tiền	1.347.495.118	1.387.495.118
Lãi cho vay và chi phí, lợi nhuận được chia	94.090.482.887	5.638.418.128

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**I. Các định và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

II. Các định và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên của một trong gia đình của thành viên quản lý chủ chốt.

Các định với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ riêng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Phân tích các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Điều hành

	Chức danh	Ngày sinh	Ngày trình
Đội ngũ quản lý			
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch	1.01.5.1978.818	1.309.048.879
Ông Chu Văn Cường	Phó Chủ tịch	1.447.008.006	1.418.812.823
Ông Nguyễn Thành Bình	Thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.172.442.978	4.714.395.288
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên	1.388.643.000	1.952.983.473
Bà Nguyễn Văn Nguyệt	Thành viên	1.338.440.831	1.042.418.481
Ông Vũ Minh	Thành viên	1.801.001.848	1.782.641.423
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập (chức vụ từ ngày 21 tháng 4 năm 2023)	1.640.000.000	80.000.000
Ông Nguyễn Hoàng	Độc lập viên (chức vụ từ ngày 01 tháng 4 năm 2023)	1.770.000.000	-
Ông Lâm Đức Dân	Thành viên HĐQT độc lập (chức vụ từ ngày 19 tháng 6 năm 2023)	1.800.000.000	-
Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (chức vụ từ ngày 16 tháng 8 năm 2023)	1.848.000.000	-
Ông Baker Dummer	Độc lập viên	1.691.000.000	120.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NGẬP NIỆT

Chức vụ và thành lập từ ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: triệu đồng (các số có dấu phẩy chấm thập phân)

	Chức danh	Phần ứng	Nợ phải
Ông David Do	<u>Chức danh nhận từ ngày 01 tháng 8 năm 2023</u>		
	Thành viên		130.000.000
Ông Trương Văn	<u>Chức danh nhận từ ngày 10 tháng 8 năm 2023</u>		
	Thành viên	90.000.000	120.000.000
Bà Hà Thị Hiền	<u>Chức danh nhận từ ngày 01 tháng 8 năm 2023</u>		
	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Đưa thêm vào			
Ông Lưu Trường Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	130.000.000	80.000.000
Bà Vũ Thị Hoàng Bích	Thành viên Ban Kiểm soát	970.860.400	1.000.000.000
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	819.400.000	800.000.000
Bà Phan Cẩm Lý	Thành viên Ban Kiểm soát		
	<u>Chức danh nhận từ ngày 10 tháng 8 năm 2023</u>	10.233.340	60.000.000
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên Ban Kiểm soát		
	<u>Chức danh nhận từ ngày 10 tháng 8 năm 2023</u>	10.000.000	80.000.000
Đưa Tổng Giám đốc			
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc	2.194.000.000	3.140.000.000
Ông Đỗ Công Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	1.870.000.000	3.040.000.000
Ông Nguyễn Thế Đông	Phó Tổng Giám đốc	1.100.000.000	1.370.000.000

18. Đơn vị có số dư với các bên liên quan khác
Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

- Công ty Cổ phần Cảng Cái Mập Genadept - Terminal Link
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
- Công ty TNHH CJ Genadept Logistics Holdings
- Công ty TNHH Tập vận "K" Lưu - Genadept
- Công ty TNHH CJ Genadept Shipping Holdings
- Công ty TNHH Genadept Office
- Công ty TNHH Thương mại Quốc Cầm Vàng
- Công ty Cổ phần Liên hợp Dịch vụ
- Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Tân
- Công ty Cổ phần Đa lợi Miền Nam
- Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng
- Công ty TNHH MTV Tập vận Genadept
- Công ty Cổ phần Hoàng Logistics
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển Genadept
- Genadept Shipping Support Pte. Ltd.
- Genadept (Malaysia) Sdn. Bhd.

Mối quan hệ

- Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
- Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty liên kết
- Công ty mẹ của Công ty liên kết
- Công ty mẹ của Công ty liên kết
- Công ty mẹ của Công ty liên kết
- Công ty mẹ của Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
- Công ty mẹ của Cơ sở kinh doanh đồng liên kết
- Công ty mẹ của Cơ sở kinh doanh đồng liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 61A Thành Tín, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mọi thành viên đều có thể nhận báo cáo này miễn phí (nếu)

Các dịch vụ và các sản phẩm khác:

Trong năm Tập đoàn phát hành các giao dịch trong năm với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm trước
Công ty Cổ phần Công Các Máy Genadept - Terminal Bank		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.285.492.795	94.590.374.581
Chi phí dịch vụ	985.790.890	384.997.394
Chi phí	56.000.000.000	-
Lãi cho vay	199.931.597	88.797.123
Chi phí	19.154.532	67.424.328
Chi phí khác	170.324.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sài Gòn		
Cổ tức được chia	100.488.094.300	152.476.092.300
Vay	-	90.900.000.000
Lãi vay	-	12.468.213.024
Công ty TNHH Tập vận "K" Line - Genadept		
Doanh thu cho thuê vận chuyển	294.160.727	184.144.600
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.894.336.831	12.904.895.702
Lợi chuyển được chia	10.000.000.000	18.094.001.304
Công ty Cổ phần Thương cảng Phòng Tân		
Lãi tín được chia	964.200.000	1.211.490.000
Công ty Cổ phần Đa lĩnh Minh Đức		
Lãi cho vay	398.304.587	199.806.817
Chi phí	1.347.000.818	118.272.728
Công ty TNHH MTV Genadept H&P Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.190.848.204	28.218.075.171
Chi phí dịch vụ	14.946.475.988	18.600.095.811
Mua tài sản cố định	-	100.000.000
Nhận thu hộ	226.387.164.260	273.700.678.155
Chi phí	14.700.378.222	-
Công ty TNHH MTV Tập vận biển Genadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	65.799.607.916	63.858.414.108
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.946.286.239	17.850.945.823
Chi phí dịch vụ	128.823.888.423	23.170.000.399
Thu hộ	34.143.025.148	40.208.957.833
Chi phí	38.294.234.973	34.823.224.148
Công ty Cổ phần Minh Long Logistics		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	327.110.933	281.226.494
Công ty TNHH MTV Tập vận Genadept		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.418.145.387	12.213.503.687
Doanh thu cho thuê tài sản	13.751.121.094	14.464.285.119
Chi phí dịch vụ	2.076.634.763	118.797.183
Thu hộ	4.729.814.862	12.939.248.196
Chi phí	304.294.475	100.946.182

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT
 61A Thành Tín, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Điện thoại: 028.3511.1111
 Email: info@genadept.com.vn
 Website: www.genadept.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thành Tín, Phường Phú Nghĩa, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chiến lược kinh doanh của công ty: 14 tháng 12 năm 2023

Báo tài chính minh bạch của tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các bảng báo cáo tài chính của công ty và các báo cáo quan trọng khác là giả định đúng. Việc trình bày báo cáo tài chính của công ty và các báo cáo quan trọng khác được thực hiện theo giả định đúng.

Công ty với các báo cáo quan trọng

Công ty với các báo cáo quan trọng khác được trình bày tại các thành viên số V.1, V.3a, V.3b, V.16, và V.21.

Các khoản công nợ phải trả của công ty và các báo cáo quan trọng khác không có tác động và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo tài chính chính yếu là theo hình thức kinh doanh đã xác định đồng nhất doanh thu Tập đoàn được ghi nhận và quản lý theo loại hình dịch vụ.

2a. Thông tin về hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác vàng: Bao gồm dịch vụ khai thác dầu khí thực chứng.
- Lĩnh vực logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, chi thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng và đầu tư vào thị trường phân phối tại Lào.
- Tổng quản lý: Bao gồm các hoạt động quản lý tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của các tài sản khác và ghi nợ các khoản chi phí theo bảng cân đối kế toán theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài.

Các tài sản của công ty được trình bày và công cụ dịch vụ và tài sản khác theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.548.283.932.071	1.645.221.908.284
Nước ngoài	298.140.764.211	452.021.488.286
Cộng	1.846.424.696.282	2.097.243.396.570

Chi tiêu về chi phí để phát triển về mua tài sản và nợ phải trả của các tài sản khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí để phát triển để mua tài sản và nợ phải trả của các tài sản khác		Tài sản bộ phận	
	Năm nay	Năm trước	Hồ sơ đầu tư	Số đầu tư
Trong nước	111.094.218.461	1.519.184.594.878	11.871.641.571.498	11.511.218.264.737
Nước ngoài	8415.185.248	4.771.182.060	1.891.833.335.908	1.534.031.284.239
Cộng	118.909.403.709	1.523.955.776.938	13.763.474.907.406	13.045.249.548.976

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 91 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo thành lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
Ngày 14 tháng 1 năm 2024, Công ty mẹ đã nhận được thông báo toàn thể hội nghị giải thể chi nhánh của Công ty mẹ tại Campuchia.

Ngày 15 tháng 1 năm 2024, Công ty mẹ đã ký hợp đồng để chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt Nam (Hàng đầu của mã số 14370-GHGT-GHĐ ngày 31 tháng 12 năm 2023).

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính của phát biểu chính vì lập báo cáo tài chính Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tổng tài sản

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ trong năm đạt hơn 2.230 tỷ VND, tăng hơn 1.258 tỷ VND so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Phải lãi trong công ty liên doanh, liên kết giảm gần 125 tỷ VND;
- Trung tâm Tập đoàn ghi nhận khoản lãi chuyển nhượng vào Công Nhân Dân Việt Nam 1.848 tỷ VND;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng hơn 88 tỷ VND tương ứng với việc tăng của lợi nhuận.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024


Vu Thị Anh Thu
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Bình
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Địa chỉ: 4 Lê Duẩn, TP. Hoàng Phố, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Mã số thuế: 0312000000


Chi nhánh: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phụ lục 01: Bảng phân bổ chi phí và chi phí khác của Công ty năm 2024

	Giá trị phần bổ sung chi phí	Phần bổ sung đến tổng chi phí	Chi phí, chi trả đến chi trợ chi	Chi phí trợ chi	Giá trị phần bổ sung chi phí
Công ty Cổ phần Công Cổ Việt - Germany - Tranchid Ltd	1.591.204.700.000	17.140.824.128	171.000.000.000	171.000.000.000	1.762.345.524.128
Công ty Cổ phần Việt Nam Hàng Hải Cổ	812.000.000.000	188.977.373.000	170.000.000.000	170.000.000.000	982.977.373.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Hoàng Phố	120.000.000.000	14.837.882.000	-	-	135.167.882.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Hoàng Phố - Germany	171.757.373.000	15.198.813.000	15.000.000.000	-	186.956.186.000
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Hoàng Phố - Germany	164.000.000.000	17.938.799.310	-	-	181.938.799.310
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Hoàng Phố	88.300.215.100	11.330.108.170	-	-	99.630.323.270
Công ty TNHH Công nghệ Thông tin Hoàng Phố	54.900.000.000	3.871.328.150	-	-	58.771.328.150
Công ty Cổ phần Công Cổ Việt - Tranchid Ltd	22.800.000.000	148.194.200	148.194.200	-	22.948.194.200
Công ty Cổ phần Công Cổ Việt - Tranchid Ltd	11.100.000.000	1.809.173.200	1.809.173.200	-	12.909.173.200
Cộng	3.035.947.394.000	374.034.884.770	374.034.884.770	374.034.884.770	3.410.082.278.770

Đã kiểm tra và đúng 10 tháng 3 năm 2024


 Nguyễn Minh Thịnh
 Kế toán trưởng


 Công ty Cổ phần Công Cổ Việt
 Nguyễn Minh Thịnh
 Kế toán trưởng

40/10/2024
 Nguyễn Huệ

1. Name of the candidate
 2. Roll No.
 3. Date of birth
 4. Address
 5. Signature
 6. Date

Sl. No.	Name of the Candidate	Roll No.	Date of Birth	Address	Signature	Date
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Signature
 Date: ...



CÔNG TY CỔ PHẦN CEMENT

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: 028.3912.3456

Ngày lập báo cáo: 30/09/2023

Đơn vị: Công ty Cổ phần Cement

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị tính theo đơn vị	Đơn vị	Giá trị tính theo đơn vị
Tổng tài sản	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Tổng nợ phải trả	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng tài sản	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Tổng nợ phải trả	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị tính theo đơn vị	Đơn vị	Giá trị tính theo đơn vị
Tổng tài sản	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Tổng nợ phải trả	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng tài sản	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Tổng nợ phải trả	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000	500.000.000.000

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

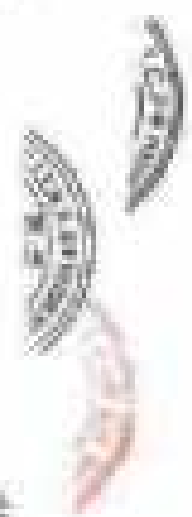
Ngày: 30/09/2023

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày: 30/09/2023



Ngày: 30/09/2023



Ngày: 30/09/2023



Ngày: 30/09/2023



bakertilly
A & C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
3. Báo cáo kết quả triển khai lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5-8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10-11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12-44
8. Phụ lục	45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Gemadept sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103134761, cấp từ lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 11 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ: 81A Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: +84 (028) 3823 4338
- Fax: +84 (028) 3823 3398

Công ty kết nối với chuỗi cung ứng trên các nước ngoài nhằm phát triển các thị trường tiềm năng và bền vững.

- Khách hàng: Khách hàng từ nhiều quốc gia từ Bắc đến Nam, từ các thành phố lớn và các vùng nông thôn trong nước cũng như các thị trường mới nổi như Việt Nam (năm 2023), vùng Nam Đông Âu, Nam Bắc Á, vùng Đông Quốc, vùng Phần Lan, vùng Đông Dương và các nước như Gemadept - Đài Loan.
- Logistics: Trung tâm phân phối Việt và các nước chuyên nghiệp. Văn phòng các trường tiểu học tại các địa phương như: Quận 1 và các huyện vùng, Đại lý giao nhận, Cơ sở bán hàng thông minh, ...

Ngành nghề, Công ty đầu tư vào các dự án bất động sản trong bất kỳ vùng nông và đô thị cũng như:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến sản phẩm gỗ và cây sống nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng và phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm cả là Khu phân phối Saigon Green và dự án Khu phân phối tại Vũng Liêm - Cần.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý

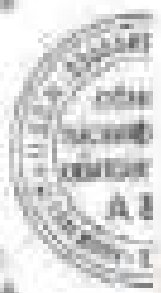
Các thành viên HĐQT đồng quản trị và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm tài chính kết thúc năm tài chính như sau:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Xuân	Chủ tịch
Ông Trần Văn Xuân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Đỗ Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Vũ Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Ngô Văn Xuân	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)
Ông Đỗ Văn Xuân	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Xuân	Thành viên HĐQT độc lập (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)

Ban Điều hành

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Xuân	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Văn Xuân	Thành viên
Bà Phan Văn Xuân	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)
Bà Trần Văn Xuân	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ ngày 05 tháng 6 năm 2023)



Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến hết thời hạn kỳ tiếp theo này là Ông Nguyễn Thanh Hải - Tổng Giám đốc Công ty (từ hết nhiệm kỳ từ tháng 5 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ABC đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm kế hoạch bắt đầu từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phù hợp trong năm và hợp lý nhất thích tế chính, liên quan hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các kết luận và các ước tính nhất quán hợp lý và thận trọng;
- Nếu có các khoản nghi ngờ cần áp dụng của Công ty có được, phải trình bày thông tin và các cơ sở và biện pháp trong yêu cầu được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính của cơ sở kế toán đồng nhất tại cơ sở kế toán hợp nhất của Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Tuyệt đối và thực hiện bổ sung thêm một số bổ sung khác nữa nếu cần thiết để có thể đạt được trong yêu cầu giá trị hợp nhất Báo cáo tài chính và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về độ tin cậy của Báo cáo tài chính được trình bày dựa trên cơ sở phân tích các khoản tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại thời kỳ kết thúc năm và các số liệu kế toán của Báo cáo tài chính là toàn bộ đúng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó là chịu trách nhiệm liên quan pháp luật hợp lệ, nghĩa vụ và phúc lợi của Khách hàng và các cơ quan chức năng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo tài chính đã được trình bày trong năm và hợp lý nhất thích tế chính của Công ty từ thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm kế hoạch tiếp theo cũng như, phê duyệt với các khoản tiền lệ trên Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản lý Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Nguyễn Thanh Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 1 năm 2024



Số: L/01/2470-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kiểm toán: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN COMADEPT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính của Công ty Cổ phần Comadep (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 1 năm 2024, từ ngày 01 đến ngày 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chi tiết và chính sách kế toán cùng các tài liệu minh họa kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính này là minh chứng cho việc trình bày trung thực và hợp lý của Ban Tổng Giám đốc các khoản và chi phí đã được báo cáo và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trong phạm vi cho phép theo chuẩn mực.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến và báo cáo tài chính dựa trên kết quả của việc kiểm toán. Chúng tôi đã tuân theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải có trách nhiệm về các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính của Công ty và của số dư trong phạm vi cho phép.

Công việc kiểm toán bao gồm thu thập các bằng chứng để đánh giá bằng chứng kiểm toán về các số liệu và quyết định của Ban Giám đốc. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên sự đánh giá của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro sai sót sai lệch trong Báo cáo tài chính đã trình bày hoặc sai lệch. Các thủ tục kiểm toán bao gồm thu thập bằng chứng kiểm toán để xác định xem các khoản sai sót có thể xảy ra của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trong phạm vi cho phép hay không. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính nhất quán của các chính sách kế toán được áp dụng và trình bày Báo cáo tài chính theo các tiêu chuẩn của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày minh họa Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để có thể đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam của Công ty Cổ phần Comadep từ ngày 01 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty chi tiết năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CHỖ VÀ CHỮ KÝ CỦA KIỂM TOÁN VIÊN VÀ TƯ VẤN A&C



Nguyễn Văn Tuấn
Trưởng văn phòng Giám đốc
Số Giấy CHẤM DẤU của Văn phòng: 2174-011/2008-1
Người đại diện pháp luật

Là Thị Hoa Chi
Kiểm toán viên
Số Giấy CHẤM DẤU của Văn phòng: 1479-011/2008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 1 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADERT

Địa chỉ: 91a Thành Thái, Phường 14, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chiến lược tài chính được thực hiện ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Số tiền VND	
			Đầu năm	Hết năm
A. TÀI SẢN NGÀNH HẠN	100		1.000.743.843.205	1.270.686.285.304
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	814.077.188.198	851.845.888.787
1. Tiền	111		807.409.075.818	831.315.888.181
2. Các khoản tương đương tiền	112		66.668.112.380	20.529.999.606
II. Hạn từ các tổ chức tín dụng	120		228.247.704.980	48.805.785.488
1. Công bằng bình quân	121	V.2a	45.222.222.000	45.222.222.000
2. Dự phòng giảm giá công bằng bình quân	122	V.2b	(22.215.200.772)	(27.181.818.800)
3. Hạn từ các tổ chức tín dụng khác	123	V.2c	105.230.683.652	11.402.345.288
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.809.237.975.988	826.687.767.128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.800.021.222.588	81.838.975.211
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	132	V.4	77.216.753.400	60.718.791.917
3. Phải thu với tổ chức tín dụng	133		-	-
4. Phải thu của các tổ chức tín dụng hợp đồng khác	134		-	-
5. Phải thu từ chi trả ngắn hạn	135	V.5a	584.327.987.400	178.225.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5b	201.711.688.588	243.878.109.870
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	137	V.7	(24.222.248.542)	(18.298.128.188)
8. Tài sản tài chính khác	138		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.027.688.227	9.294.175.118
1. Hàng tồn kho	141	V.8	3.027.688.227	9.294.175.118
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.182.688.227	59.838.999.322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.144.888.222	3.822.242.888
2. Chi phí trả trước khác	152		76.037.800.005	46.016.756.434
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả chưa nộp	153	V.10	17.257.660	17.257.660
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-


 CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADERT

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 14 Đường Tôn Thất Thiệp, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cập nhật và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND (trừ khi ghi khác)

CƠ TÍNH		Chỉ số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.799.344.344.714	5.093.221.807.898
1.	Các khoản phải thu dài hạn	210		81.844.373.479	22.195.705.712
2.	Phải thu dài hạn của chính công ty	211		-	-
3.	Phải thu dài hạn ngoài đơn vị liên kết	212		-	-
4.	Vốn góp được ở đơn vị liên kết	213		-	-
5.	Phần thu lợi từ đơn vị liên kết	214		-	-
6.	Phần thu lợi dài hạn từ đơn vị liên kết	215	V.18	74.330.000.000	-
7.	Phần thu lợi dài hạn khác	216	V.18	18.284.073.479	22.945.705.712
8.	Chi phí phải thu dài hạn	217		-	-
II.	Tài sản vô hạn	220		552.147.850.000	549.505.240.000
1.	Tài sản vô hạn hữu hình	221	V.19	802.902.240.000	810.018.000.000
-	Nguyên giá	221		4.278.000.000.000	4.477.200.000.000
-	Chi phí hao mòn tích lũy	221		(400.140.400.000)	(400.000.000.000)
2.	Tài sản vô hạn không hữu hình	222	V.19	18.400.000.000	40.000.000.000
-	Nguyên giá	222		200.000.000.000	200.000.000.000
-	Chi phí hao mòn tích lũy	222		(182.600.000.000)	(160.000.000.000)
3.	Tài sản vô hạn vô hình	223	V.19	13.778.000.000	10.000.000.000
-	Nguyên giá	223		18.000.000.000	10.000.000.000
-	Chi phí hao mòn tích lũy	223		(4.222.000.000)	(0)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	Nguyên giá	230		-	-
-	Chi phí hao mòn tích lũy	230		-	-
IV.	Tài sản dự phòng dài hạn	240		48.488.000.000	177.414.000.000
1.	Chi phí dự phòng mất giá chứng khoán dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí dự phòng chi trả bảo hiểm	242	V.19	48.488.000.000	177.414.000.000
V.	Biên lợi dài hạn	250		4.077.400.000.000	5.565.000.000.000
1.	Biên lợi dài hạn từ kinh doanh	251	V.20	3.870.000.000.000	4.118.000.000.000
2.	Biên lợi dài hạn từ đầu tư chứng khoán	252	V.20	181.000.000.000	1.810.000.000.000
3.	Biên lợi góp vốn của đơn vị liên kết	253	V.20	1.000.000.000	1.000.000.000
4.	Chi phí phải thu từ các chính sách đầu tư	254	V.20	(894.000.000.000)	(779.000.000.000)
5.	Biên lợi khác	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.688.001.700	10.000.000.000
1.	Chi phí tài trợ dài hạn	261	V.20	1.688.001.700	10.000.000.000
2.	Tài sản phải thu khác từ đơn vị liên kết	262		-	-
3.	Thế chấp, hợp tác đầu tư trong tương lai dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	264		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.799.344.344.714	5.093.221.807.898

15/12/2023 15:15
 GENADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN CEMADEPT

Địa chỉ: 212 Thành Văn, Phường Tân Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số tài khoản: 02000000000000000000

Chuyển từ công tài khoản ngày 15 tháng 12 năm 2024

Ngày chi trả: 15/12/2024

CHỈ TIÊU		Số đ	Đơn vị đồng	Số tiền đồng	Số tiền đồng
E. TỔNG CỘNG		200		78.264.000.000	8.812.000.000
E. HỒ SƠ TRẢ					
1.	Thợ ngày làm	200		48.000.000.000	1.000.000.000
1.	Thợ làm ngày làm ngày làm	100	V.14	25.120.000.000	30.000.000.000
2.	Thợ làm ngày làm ngày làm	100			
3.	Thợ làm ngày làm ngày làm	100	V.12	17.000.000.000	34.000.000.000
4.	Thợ làm ngày làm ngày	100	V.12	44.000.000.000	20.000.000.000
5.	Thợ làm ngày làm ngày	100	V.12	1.000.000.000	1.000.000.000
6.	Thợ làm ngày làm ngày	100			
7.	Thợ làm ngày làm ngày	100			
8.	Thợ làm ngày làm ngày	100	V.12	6.000.000.000	1.000.000.000
9.	Thợ làm ngày làm ngày	100	V.12	188.000.000.000	1.000.000.000.000
10.	Thợ làm ngày làm ngày	100	V.12	100.000.000.000	200.000.000.000
11.	Thợ làm ngày làm ngày	100	V.12	1.000.000.000	1.000.000.000
12.	Thợ làm ngày làm ngày	100	V.12	20.000.000.000	10.000.000.000
13.	Thợ làm ngày làm	100			
14.	Thợ làm ngày làm	100			
15.	Thợ làm ngày làm	100			
16.	Thợ làm ngày làm	100			
17.	Thợ làm ngày làm	100			
18.	Thợ làm ngày làm	100			
19.	Thợ làm ngày làm	100			
20.	Thợ làm ngày làm	100			
21.	Thợ làm ngày làm	100			
22.	Thợ làm ngày làm	100			
23.	Thợ làm ngày làm	100			
24.	Thợ làm ngày làm	100			
25.	Thợ làm ngày làm	100			
26.	Thợ làm ngày làm	100			
27.	Thợ làm ngày làm	100			
28.	Thợ làm ngày làm	100			
29.	Thợ làm ngày làm	100			
30.	Thợ làm ngày làm	100			
31.	Thợ làm ngày làm	100			
32.	Thợ làm ngày làm	100			
33.	Thợ làm ngày làm	100			
34.	Thợ làm ngày làm	100			
35.	Thợ làm ngày làm	100			
36.	Thợ làm ngày làm	100			
37.	Thợ làm ngày làm	100			
38.	Thợ làm ngày làm	100			
39.	Thợ làm ngày làm	100			
40.	Thợ làm ngày làm	100			
41.	Thợ làm ngày làm	100			
42.	Thợ làm ngày làm	100			
43.	Thợ làm ngày làm	100			
44.	Thợ làm ngày làm	100			
45.	Thợ làm ngày làm	100			
46.	Thợ làm ngày làm	100			
47.	Thợ làm ngày làm	100			
48.	Thợ làm ngày làm	100			
49.	Thợ làm ngày làm	100			
50.	Thợ làm ngày làm	100			
51.	Thợ làm ngày làm	100			
52.	Thợ làm ngày làm	100			
53.	Thợ làm ngày làm	100			
54.	Thợ làm ngày làm	100			
55.	Thợ làm ngày làm	100			
56.	Thợ làm ngày làm	100			
57.	Thợ làm ngày làm	100			
58.	Thợ làm ngày làm	100			
59.	Thợ làm ngày làm	100			
60.	Thợ làm ngày làm	100			
61.	Thợ làm ngày làm	100			
62.	Thợ làm ngày làm	100			
63.	Thợ làm ngày làm	100			
64.	Thợ làm ngày làm	100			
65.	Thợ làm ngày làm	100			
66.	Thợ làm ngày làm	100			
67.	Thợ làm ngày làm	100			
68.	Thợ làm ngày làm	100			
69.	Thợ làm ngày làm	100			
70.	Thợ làm ngày làm	100			
71.	Thợ làm ngày làm	100			
72.	Thợ làm ngày làm	100			
73.	Thợ làm ngày làm	100			
74.	Thợ làm ngày làm	100			
75.	Thợ làm ngày làm	100			
76.	Thợ làm ngày làm	100			
77.	Thợ làm ngày làm	100			
78.	Thợ làm ngày làm	100			
79.	Thợ làm ngày làm	100			
80.	Thợ làm ngày làm	100			
81.	Thợ làm ngày làm	100			
82.	Thợ làm ngày làm	100			
83.	Thợ làm ngày làm	100			
84.	Thợ làm ngày làm	100			
85.	Thợ làm ngày làm	100			
86.	Thợ làm ngày làm	100			
87.	Thợ làm ngày làm	100			
88.	Thợ làm ngày làm	100			
89.	Thợ làm ngày làm	100			
90.	Thợ làm ngày làm	100			
91.	Thợ làm ngày làm	100			
92.	Thợ làm ngày làm	100			
93.	Thợ làm ngày làm	100			
94.	Thợ làm ngày làm	100			
95.	Thợ làm ngày làm	100			
96.	Thợ làm ngày làm	100			
97.	Thợ làm ngày làm	100			
98.	Thợ làm ngày làm	100			
99.	Thợ làm ngày làm	100			
100.	Thợ làm ngày làm	100			

CÔNG TY CỔ PHẦN CEMADEPT
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Hà Nội - Phố Giải Phóng, Trưng Bội Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Vietnam

Số 0 Công Báo 18/2020

Chiếm ưu thế nhất kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2019

Ngày của chi tiết báo cáo tài chính

CHỈ TIÊU		Đơn vị	Thuyết minh	Hết năm 2019	Hết năm 2018
B- VỐN CHỦ NẾU MỨC		400		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.	Vốn chủ sở hữu	400		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	400	V.24	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2.	Cổ phiếu quỹ	400		0	0
1.3.	Cổ phiếu ưu đãi	400		0	0
1.4.	Trợ cấp về thuế	400	V.24	0	0
1.5.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.6.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.7.	Vốn khác của chủ sở hữu	400	V.24	0	0
1.8.	Cổ phiếu quỹ	400		0	0
1.9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	400		0	0
1.10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	400	V.24	0	0
1.11.	Quỹ đầu tư phát triển	400	V.24	0	0
1.12.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.13.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.14.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.15.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.16.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.17.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.18.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.19.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.20.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.21.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.22.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.23.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.24.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.25.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.26.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.27.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.28.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.29.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.30.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.31.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.32.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.33.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.34.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.35.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.36.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.37.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.38.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.39.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.40.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.41.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.42.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.43.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.44.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.45.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.46.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.47.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.48.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.49.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.50.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.51.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.52.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.53.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.54.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.55.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.56.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.57.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.58.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.59.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.60.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.61.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.62.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.63.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.64.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.65.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.66.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.67.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.68.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.69.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.70.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.71.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.72.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.73.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.74.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.75.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.76.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.77.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.78.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.79.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.80.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.81.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.82.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.83.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.84.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.85.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.86.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.87.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.88.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.89.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.90.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.91.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.92.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.93.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.94.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.95.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.96.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.97.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.98.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
1.99.	Quỹ đầu tư phát triển	400		0	0
1.100.	Quỹ dự trữ tài chính	400		0	0
TỔNG CỘNG NGƯỜI VỐN		400		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000



Ngày 21 tháng 12 năm 2019

Vu Thi Anh Thu
 Giám đốc

Nguyễn Văn Hoàng
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Hà Nội 57 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chức năng và nội dung chi tiết ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Theo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023)

Đơn vị tiền: VND

Chỉ tiêu	Giá trị	Đơn vị	Giá trị kỳ trước	Đơn vị
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	89	VND	768.897.828.428	649.428.822.888
2. Chi giảm giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	18		768.897.828.428	649.428.822.888
4. Giá vốn hàng bán	11	VND	550.045.626.780	348.800.044.188
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15		218.852.201.648	300.628.778.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	VND	2.786.722.348.047	478.274.897.848
7. Chi phí tài chính	22	VND	348.891.342.002	388.462.096.897
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		348.891.342.002	388.462.096.897
8. Chi phí bán hàng	26	VND	1.288.788.822	1.471.462.227
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	VND	308.246.784.278	298.277.712.184
10. Lợi nhuận trước thuế hoạt động kinh doanh	30		2.786.277.427.115	342.462.277.488
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp	31	VND	84.288.477.115	1.138.788.254
12. Chi phí thuế	32	VND	11.381.154.718	22.274.848.898
13. Lợi nhuận sau thuế	33		2.690.615.835.282	318.603.176.340
14. Tổng tài sản có sẵn để thanh toán thuế	34		2.786.277.427.115	342.462.277.488
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (số phải nộp)	35	VND	84.288.477.115	1.138.788.254
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (số miễn, giảm)	36	VND	31.200.000	1.138.788.254
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38		2.690.615.835.282	318.603.176.340
18. Chi phí thuế thu nhập cá nhân	39	VND	-	-
19. Lợi nhuận sau thuế (chưa trừ thuế thu nhập cá nhân)	40		2.690.615.835.282	318.603.176.340

Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2024





Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp giá trị thực)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Mô tả chi tiết	Số sĩ	Đơn vị đo lường	Số tiền	
			Đầu kỳ	Cuối kỳ
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	VND	1.700.353.969.499	490.000.237.499
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí giảm giá tài sản cố định	02	VND/VND	171.880.481.708	187.330.899.174
- Chi phí tài chính	03	VND/VND	204.196.428.700	27.801.487.480
- Lợi nhuận thực tế ghi nhận từ hoạt động tài chính	04	VND	14.544.270.999	(24.221.512.230)
- Lợi nhuận thực tế ghi nhận từ hoạt động tài chính	05	VND/VND	(2.403.294.900.500)	(472.501.099.199)
- Chi phí từ thuế	06	VND	16.820.200.000	(5.421.780.000)
- Chi phí khác điều chỉnh	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn chủ sở hữu	08		332.874.239.406	204.686.227.164
- Tăng giảm vốn điều lệ tăng thêm	09		875.189.842.070	16.461.179.340
- Tăng giảm vốn góp	10		1.104.594.230	(2.343.299.702)
- Tăng giảm vốn điều lệ khác	11		(1.000.971.904.428)	1.070.294.079.800
- Tăng giảm chi phí vô hình	12		6.402.824.099	14.060.894.275
- Tăng giảm công nhận nợ phải trả	13		-	-
- Thay đổi dự phòng	14	VND/VND	(74.000.480.000)	(25.403.000.000)
- Thay đổi khác	15	VND/VND	(474.775.944.250)	(1.607.800.400)
- Thay đổi khác	16	VND	(28.512.980.000)	(24.470.894.870)
Lợi nhuận thực tế từ hoạt động kinh doanh	17		<u>14.292.020.465.400</u>	<u>1.264.081.904.164</u>
II. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí đầu tư khác	18	VND/VND	(118.800.076.870)	(227.040.471.700)
2. Tiền chi để mua tài sản khác	19	VND/VND	(1.100.710.000)	(1.000.000.000)
3. Tiền chi để mua, mua lại chứng khoán và đầu tư khác	20	VND/VND	(1.170.000.000.000)	(240.000.000.000)
4. Tiền thu từ bán tài sản, tài sản cố định và đầu tư khác	21	VND/VND	600.015.512.170	61.000.000.000
5. Tiền thu từ bán và góp vốn vào các công ty khác	22	VND	600.210.175.000	(470.715.200.000)
6. Tiền thu từ các hoạt động khác	23		2.800.400.000.000	-
7. Tiền thu từ các hoạt động khác	24	VND/VND/VND	871.811.000.000	200.000.000.000
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư	25		<u>2.800.400.000.000</u>	<u>140.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Hồng Thọ, Phường Vĩnh Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số tài khoản: 00100000000000000000

Chi nhánh: 00100000000000000000

Mã số thuế: 00100000000000000000

CÁC TIÊU	Hạng mức	Tuỳ chỉnh mức	Giá trị gốc	Giá trị thực
III. Lưu chuyển tiền tệ trong cùng kỳ trước				
1. Tiền và các yêu cầu chi trả, nhân viên gửi ngân hàng	01	V.LĐ	48.200.000.000	
2. Tiền và các yêu cầu chi trả của khách hàng, tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	02			
3. Tiền chi trả thuế	03		388.000.000.000	3.283.207.470.700
4. Tiền và các yêu cầu chi trả khác	04		170.100.000.000	1.479.824.516.889
5. Tiền và các yêu cầu chi trả khác	05		20.000.000.000	161.200.000.000
6. Các yêu cầu chi trả khác của các đơn vị liên quan	06	V.Đ, V.Đ	800.000.000.000	1.000.000.000.000
Lưu chuyển tiền tệ trong cùng kỳ trước	00		1.048.300.000.000	2.924.231.807.589
Lưu chuyển tiền tệ trong năm	00		10.000.000.000	400.000.000.000
Tiền và các yêu cầu chi trả khác	00	V.L	300.000.000.000	100.000.000.000
Giá trị thực của tiền và các yêu cầu chi trả khác	00		100.000.000.000	100.000.000.000
Tiền và các yêu cầu chi trả khác	00	V.L	100.000.000.000	100.000.000.000

11/11/2024
 11/11/2024
 11/11/2024
 11/11/2024


 Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Giám đốc


 Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2024




 Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: A Lê Thành Tín, Phường Tân Hòa, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Vietnam

Mã số thuế: 0310201891

Chiều cao từ dưới lên (trên cùng): 21 tháng 11 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chiều cao từ dưới lên (trên cùng): 21 tháng 11 năm 2023

1. BẮC KINH HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức tổ chức vốn

Công ty Cổ phần Genadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau:

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kinh doanh với nhiều loại phát triển các ngành nghề kinh doanh chủ yếu là thương mại và logistics:

- **Thương mại:** Khai thác hệ thống cửa hàng bán lẻ từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng ven biển trong nước: sông Hương Hải, sông Hương Hải (từ ngày 11 tháng 7 năm 2023), sông Hương Hải VL, Nam Hải BCL, sông Hương Hải, sông Hương Hải, sông Hương Hải và sông Hương Hải Genadept Cầu Mới.
- **Logistics:** Trưng bày phân phối, vận tải container chuyên tuyến, vận tải hàng rời (trọng tải trọng), vận tải đa phương thức, Quản lý kho và chuyển vận, Đại lý giao nhận, Tư vấn logistics hàng không.

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án cơ sở hạ tầng trong lĩnh vực công nghiệp và bất động sản:

- **Trưng bày:** Trưng bày, khai thác, vận tải của công ty và các công nghiệp tại Genadept.
- **Bất động sản:** Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, các dự án phân lô các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phân lô Saigon Green và dự án Khu phân lô tại Vũng Tàu - Lâm.

4. Chủ sở hữu vốn, kinh doanh thông thường

Chủ sở hữu vốn kinh doanh thông thường của Công ty không có gì đáng kể.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty tiếp tục hợp tác và cung cấp cho Công ty Cổ phần Hòa Sơn Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hòa Sơn Thái Bình Dương và Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cầu Mới Thái Bình Dương.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, Công ty đã mua lại từ người chuyển nhượng của Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, Công ty đã mua lại từ người chuyển nhượng của Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương và Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương.

Trong năm, Công ty đã mua lại từ người chuyển nhượng của Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương và Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương (từ ngày 11 tháng 7 năm 2023) ngày 18 tháng 8 năm 2023 và đã nhận được Giấy chứng nhận Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương đã mua lại từ người chuyển nhượng của Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương và Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương ngày 18 tháng 8 năm 2023.

Quảng cáo trên các phương tiện truyền thông và các yếu tố khác đã góp phần vào thành công của Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương và Công ty Hòa Sơn Thái Bình Dương.

0310201891

0310201891

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 41 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CHẤM TÀI CHÍNH

Chi niên độ kế hoạch bắt đầu ngày 01 tháng 01 năm 2023

Mã thuế thu nhập doanh nghiệp: 0312000000 (tùy chọn)

B. Doanh nhân và công ty liên doanh, liên kết đại diện hoặc quản lý

Theo đơn vị	Địa chỉ tại Việt Nam	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ phần vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công Cầu Máy (Gemadept - Tansat Ltd)	Ấp Tân Lập, Phường Phước Hòa, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam	41,07%	41,07%	41,07%
Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa (Sincore)	34 Phan Thanh Duynh, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	21,07%	21,07%	21,07%
Công ty TNHH CP Gemadept (Lapinet Trading)	8 Lê Thánh Tôn, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,07%	49,07%	49,07%
Công ty TNHH Tập đoàn "C" (Cemaco - Gemadept)	8 Lê Thánh Tôn, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH CP Gemadept (Sapping Trading)	8 Lê Thánh Tôn, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Golden Gate	Đường Trần Hưng Đạo, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Thương mại Quốc Tế Vàng	177 Lê Lợi, Phường Hòa Thạnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thương mại	207 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Nội, TP. Hà Nội, Việt Nam	28,50%	28,50%	28,50%
Công ty Cổ phần Đa lợi thương mại	Chiều Tân, Ấp Hòa Hòa, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa An, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Tân	970 Đường 304, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	28,10%	28,10%	28,10%

B. Các đơn vị mục đích không có doanh pháp nhân hợp với pháp nhân

Theo đơn vị	Địa chỉ
Xi nghiệp Vận tải Thương mại (Dung)	Lưu 15, số 23 Nguyễn Huệ, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	36-37-38 Lê Hồng Phong, Phường Hòa Thạnh, Quận Hòa Thạnh, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	Chiều Tân, Ấp Hòa Hòa, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa An, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	186 Đường 305, Khu phố 1, Phường Phum Dencouth, Quận Chhambour, Th. Preah Peak, Campuchia

7. Tuyên bố về khả năng có các bằng chứng của việc liên kết đại diện

Các số liệu trong bảng này được xử lý để đảm bảo với số liệu của công ty.

8. Phần vốn

Từ ngày bắt đầu năm tài chính Công ty có 178 nhân viên đang làm việc (số nhân viên là 182 nhân viên).

II. HÀNH TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TÍNH TỆ ĐỘ ĐƯỢC THƯỞNG KẾT TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ và đơn vị trung kế toán

Đơn vị tiền tệ và đơn vị trung kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các số tài chính tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tất cả được trình bày trên cơ sở ngoại tệ Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 110/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 01/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyến kế toán tiếp nhận theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 11/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các trường hợp liên quan đến các bằng chứng).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tùy theo chi phí hay lợi nhuận. Chi phí tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính phụ thuộc vào biến động tỷ giá hối đoái giữa ngày ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch được sử dụng trên các báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch được đánh giá với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) tỷ giá tỷ kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản nợ và tài sản bằng các đồng tiền giấy tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của các nhà đầu tư tại ngày cấp vốn.
- Đối với nợ phải trả tỷ giá mua của ngân hàng trong suốt với Công ty chi trả để thanh lý bằng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả tỷ giá bán của ngân hàng trong suốt với Công ty để nhận giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua bán tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngoại tệ bằng ngoại tệ (không mua bán tài sản hoặc phải trả) tỷ giá mua của ngân hàng trong suốt với Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ giữ ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mua bán tài sản hoặc chi phí được phát sinh là từ các khoản tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng THNH MTV Chi nhánh Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức Trung (Ngân hàng Công ty Đường sắt và giao thông).
- Đối với các khoản mua bán tài sản hoặc chi phí ngoại tệ được phát sinh từ nợ phải trả tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng THNH MTV Chi nhánh Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức Trung (Ngân hàng Công ty Đường sắt và giao thông).

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Hòa Xuân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐẠO CAO TÀI CHÍNH

Chức năng và nội dung bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2023

Nội dung thay thế các tài liệu liên quan (nếu có)

3. Tiêu chí các khoản trong danh sách

Tính hạn gồm các mặt và tiêu chí ngắn hạn không tự hạn. Các khoản trong danh sách là các khoản chủ yếu ngắn hạn và thời hạn tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày đáo hạn, và các công cụ ngắn hạn đã được thanh toán bằng tiền sau thuế và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán khác doanh

Khóa đầu tư được phân loại là chứng khoán khác doanh khi nắm giữ vì mục đầu tư vào các tài sản tài chính.

Chứng khoán khác doanh được giữ vì lợi nhuận, được giữ gốc. Các gốc của chứng khoán khác doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh, cộng các phí liên quan tới giao dịch mua chứng khoán khác doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán khác doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, và từ thời điểm sau:

- Đối với chứng khoán nắm giữ: được ghi nhận tại thời điểm chuyển tiền (T+0).
- Đối với chứng khoán nắm giữ: được ghi nhận tại thời điểm thanh toán có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tính là rủi ro tín dụng của các kỳ trước khi chứng khoán khác doanh được mua được hạch toán theo giá trị của thời điểm chứng khoán khác doanh đó. Tính là rủi ro tín dụng các kỳ sau khi chứng khoán khác doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Các chi được nhận bằng số phiếu có được theo dõi số lượng số phiếu đang nắm, không ghi nhận giá trị số phiếu được.

Đạt phòng ngừa các chứng khoán khác doanh được lập dựa trên loại chứng khoán được mua bán và thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán khác doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán nắm giữ theo thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày ghi nhận số giao dịch thời điểm mua được kết thúc của tài chính.
- Đối với số phiếu đã được ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đạt chứng chỉ nắm giữ (LPCOM) ghi theo điều khoản quản trị 10 ngày giao dịch liên kế giao dịch trước thời điểm kết thúc năm tài chính và 10 Giao dịch chứng khoán công bố.
- Tương tự có phân bổ nắm giữ theo thị trường chứng khoán được có phiếu của công ty có phân bổ bằng giá giao dịch trên thị trường LPCOM không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước ngày kết lập dự phòng, số phân bổ nắm giữ bị tạm nắm giữ, bị đánh chi giao dịch, bị ngừng ghi dịch, vẫn lập dự phòng được thực hiện sẵn và vào khoản B của công ty được mua vì mục đầu tư tập trung chứng khoán giữa với đầu tư được B của các đơn vị mua và vào chỗ ở theo tài trợ khi thanh toán tài chính của các kỳ trước, với đầu tư của Công ty và với công nợ và đầu tư theo quy.

Tạm, giao số dự phòng giữa giá chứng khoán khác doanh của phát hành lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận, vào chi phí tài chính.

Lãi hợp lý từ các chứng khoán chứng khoán khác doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Các vấn đề quản trị khác theo chương pháp luật nắm giữ quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư nắm giữ theo quy định của pháp luật

Chứng khoán nắm giữ nắm giữ là nắm giữ theo quy định của Công ty có ý định và khả năng giữ các ngày dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ theo quy định của Công ty chỉ có thể ghi nhận bằng số kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hotline: 090 123 4567

Các văn bản được cập nhật vào ngày 15 tháng 10 năm 2023

Liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết (nếu cần)

Các khoản đầu tư của bạn sẽ được ghi nhận hàng đầu theo giá ghi báo gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao nhận mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận báo cáo, các khoản đầu tư của bạn sẽ được thanh toán và có thể mua lại. Tuy nhiên, từ các khoản đầu tư của bạn sẽ được thanh toán ngay sau ngày mua được ghi nhận vào Bản cáo kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở dữ liệu. Lưu ý: Không trước khi Công ty nhận đủ được ghi nhận với các giá ghi báo trên đây.

Khi có các bằng chứng khác nhau cho thấy một khoản hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể được thanh toán và có thể mất được các khoản một cách đáng kể, thì các chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm kế tiếp và các tỷ lệ ghi nợ đầu tư.

Các khoản của nợ

Các khoản của nợ được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng đối theo thời gian. Dự phòng phải thu theo dõi theo các khoản của nợ được lập cho và các tỷ lệ của mua của một số tài sản này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát của Công ty con là khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp được đầu tư nhằm để được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập với cơ sở thỏa thuận giữa các bên để cùng nhau đầu tư và vận hành tham gia hoạt động kinh doanh với các tài sản và công nghệ nhất. Đồng thời với nhau liên kết vận hành các tài sản kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp liên kết và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào các quyết định quan trọng về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp được đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các nghĩa vụ khác

Các khoản của nợ vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận hàng đầu theo giá ghi báo gồm giá mua hoặc khoản góp vốn bằng các chi phí liên quan mua lấy đầu tư. Trong kỳ đầu tư bằng tài sản của công ty, giá ghi nhận của nợ được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản ghi nhận ở tài khoản đầu tư khác.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hoặc nhận được ghi nợ của doanh nghiệp đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng số phần lợi nhuận theo tỷ lệ lượng cổ phần đang nắm giữ, không ghi nhận giá trị cổ phần nhận được.

Dự phòng chi trả các khoản của nợ vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng chi trả các khoản của nợ vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức tính lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn của nó hiện tại và nhận với tỷ lệ nợ hiện vẫn đầu tư theo quy định của Công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ trong kỳ báo cáo thì chính hợp nhất của các tài sản được dự phòng chi trả là dựa vào số chênh lệch này.

Trong năm kế tiếp của năm kế tiếp của công ty con, công ty liên doanh, liên kết của phần vượt quá thì ngày kế tiếp năm kế tiếp được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Vietnam

AMYCAO TÀI CHÍNH

Chức năng: Tài chính và Kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Triệu Đồng Việt Nam (VNĐ)

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác

Điều lệ vào công ty vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công ty vốn không Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được ghi nhận bao gồm mua giá gốc, mua thêm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí mua tiếp theo sau khi hoạt động đầu tư. Chi phí của các kỹ thuật ghi nhận đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của khoản khoản đầu tư đó. Các chi phí của các kỹ thuật của khoản đầu tư được mua được ghi nhận thành thu. Các thu được nhận bằng vô phải của được theo dõi và trong sổ kế toán riêng biệt, không ghi nhận giá trị vô phải nhận được.

Dự phòng để trừ của các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được trình bày như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào các phần trăm phần hoặc giá trị hợp lý không đầu tư được các đơn vị này, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phần.
- Đối với khoản đầu tư không nắm quyền được ghi trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên việc đánh giá của báo cáo đầu tư với mức giới hạn bằng chính phủ giảm của đầu tư thực tế của các đơn vị này và việc điều chỉnh tại ngày kết thúc của tài chính riêng với tỷ lệ của điều lệ của Công ty và với đồng nhất điều lệ được góp vốn đơn vị khác.

Từng, giảm số dự phòng của khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác của phần tính lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

B. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu bất định.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được dựa trên nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân loại các khoản phải thu trong tài khoản hàng mua phải trả là giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phân loại các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu bất định được lập cho từng khoản nợ phải thu khác với các chi phí của khoản phải thu và tài trợ này.

Từng, giảm số dự phòng nợ phải thu bất định của phần tính lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

C. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thực tế mua giảm giá giảm và giảm thanh toán và được trình bày như sau:

Hàng tồn kho bao gồm nhiều loại và tăng giảm. Các giá hàng tồn kho bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Có xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ bán cuối, trừ doanh thu thường xuyên và phí ước tính về hoàn thành và chi phí ước tính của hàng tồn kho vận chuyển hàng hóa.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng loại hàng tồn kho có giá gốc mua hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Từng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho của phần tính lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 104 Đường Tân Hoàng, Xã Ngọc Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CÁO TÀI CHÍNH

Các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu đồng Việt Nam (tính bằng chữ số)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí được ghi nhận trước thời hạn nhưng sẽ liên quan đến kết quả hoạt động tài chính trong nhiều năm kế tiếp. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và chi phí trả trước các khoản thuế. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong những năm gần kề trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí trả trước các khoản thuế

Chi phí trả trước các khoản thuế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 05 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuế tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng của một năm hợp thuê dự kiến. Thông tin chi tiết về phương pháp tính toán như sau:

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định như mua sắm, vận chuyển, lắp đặt, chi phí phát sinh sau khi nhận mua sắm như được ghi tăng nguyên giá tài sản và được xác định chi phí xây dựng, chi phí lắp đặt và chi phí trong quá trình vận hành và bảo trì. Các chi phí phát sinh không trực tiếp liên quan được ghi nhận là chi phí sửa chữa, được hạch toán vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xác định và ghi nhận vào thành quả hoạt động kinh doanh của năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như hình như sau:

Loại tài sản cố định	10 năm
Nhà cửa và kiến trúc	05 - 10
Thiết bị và vận tải	10 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá hợp đồng giữa người đi thuê và người cho thuê tài chính, kèm theo các hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tài chính. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tài chính của một doanh nghiệp là tỷ lệ chiết khấu được áp dụng trong suốt đời của hợp đồng thuê tài chính. Trong trường hợp không thể xác định được tỷ lệ chiết khấu được áp dụng thuê tài chính thì sẽ dùng tỷ lệ chiết khấu tỷ lệ thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê tài chính.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sử dụng tài sản thì bất kỳ hợp đồng thuê tài chính của tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo thời gian ngắn nhất và thời gian khấu hao ước tính. Số năm khấu hao của thuế tài chính và phương tiện vận tải không quá 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADRYT

Địa chỉ: 15A Trần Hưng Đạo, Phường Bắc Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐIỀU KHOẢN TÀI CHÍNH

Điều này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2021

Liên hệ với nhân viên của Bộ phận Kế Toán

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ xác định tại (nghĩa vụ phải trả hoặc nghĩa vụ phải trả) do bất kỳ sự kiện nào xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ này xảy ra có thể sẽ ảnh hưởng giảm sút về đáng kể tới kinh tế và giá trị của nghĩa vụ này có thể được quyết định một cách tin cậy.

Tính chất không chắc chắn của khoản dự phòng là trong yêu cầu phải có được các định hướng chính sách kế toán về phải trả và trong tương lai có thể thanh toán nghĩa vụ này với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phải ảnh hưởng đáng kể tới tài khoản kế toán và giá trị thời gian của tiền và cũng có thể có thể của khoản dự bị. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những chi phí phải trả thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Trợ cấp của chủ sở hữu

Trợ cấp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số chính thức của giá phân tách và mệnh giá cổ phiếu kỳ quá trình chi trả trước phân tách tài sản, chính sách giữa giá trị phân tách và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và của phần vốn của chủ sở hữu chuyển đổi lên đầu tiên. Chỉ khi hợp lý hơn, giá trị của phần tách tài sản và giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá trị phân tách cổ phiếu quỹ được ghi giảm tương đương số phần.

Vấn khác của chủ sở hữu

Vấn khác được hình thành do lợi nhuận và lỗ xuất hoạt động kinh doanh, được ghi lại tài sản và giá trị của lợi nhuận giữ lại hợp lý của chủ sở hữu được tính, việc tái tạo của chủ sở hữu không phải phải nộp (không) liên quan đến tài sản này.

16. Phải phải trả ngắn hạn

Lợi nhuận sau thuế theo chuẩn mực kế toán được phân chia cho các cổ đông theo lợi ích và việc áp dụng quy định Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và Bộ Quy tắc kế toán công cộng (nếu có).

Vấn phải phải trả ngắn hạn của các cổ đông được chia đều cho các khoản mục ghi nhận và nằm trong lợi nhuận sau thuế của công ty theo các tài khoản tương ứng và trả bằng tiền và trả bằng chi trả cổ tức theo kế hoạch ghi lại tài sản tương ứng. Khi các khoản phải trả các khoản mục trên đây, các công ty tài chính và các khoản mục ghi nhận và phân.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và trả cổ bằng tiền chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

17. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu trong cấp độ cơ

Doanh thu trong cấp độ cơ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong các điều kiện. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền và họ chấp thuận các điều kiện thanh toán và chấp thuận các điều kiện thanh toán và họ chấp thuận các điều kiện thanh toán và họ chấp thuận các điều kiện thanh toán.
- Công ty đã hoàn thành được các điều kiện của các điều kiện trong cấp độ cơ.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành của mỗi điều kiện thanh toán.
- Xác định được chi phí phải trả của các điều kiện và chi phí để hoàn thành các điều kiện thanh toán và chi phí.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong điều kiện đã được ghi nhận trong kỳ được xác định theo kết quả phân công việc đã hoàn thành của người kết thúc kỳ kế toán.

Quyền của các chủ tài khoản Ngân hàng

Doanh nghiệp được tài vào hoạt động được gửi nhận theo phương pháp không thông qua mặt chủ tài khoản ngân hàng. Tiền cho thuê được trích về chủ tài khoản bị đóng phải bổ vào doanh thu phải nộp vào tài khoản ngân hàng.

Tỷ lệ lãi

Tiền lãi được gửi nhận tiền lãi về chủ tài khoản bị đóng theo tỷ lệ quy định.

Chiếm và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được gửi nhận tới Công ty được quản lý theo các tài khoản lợi nhuận và yêu cầu của Cổ chủ được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được chia.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan với việc đi vay các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp của đầu việc đầu tư xây dựng bất động sản thì chi phí này được coi như chi phí đầu tư đầu tiên 12 tháng đầu tiên của dự án và được phân bổ dần trong thời hạn đầu tư xây dựng dự án. Chi phí đi vay được trích vào chi phí tài chính của dự án đầu tư xây dựng bất động sản và được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan. Chi phí đi vay được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan.

Đối với các khoản chi phí đi vay được trích về tài khoản bị đóng thì chi phí này được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan. Tỷ lệ trích về tài khoản bị đóng được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan. Ngoài ra các khoản vay cũng được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản tiền giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại các tài khoản chi phí phát sinh hoặc chi phí tài chính trong các tài khoản chi phí phát sinh trong trường hợp không phải là chi phí tài chính.

Các khoản chi phí và khoản giảm thu do chi phí tài chính được ghi nhận đồng thời vào nguyên tắc phải nộp. Trong trường hợp nguyên tắc phải nộp được ghi nhận vào tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập hiện hành và được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan. Thuế thu nhập hiện hành được trích về tài khoản bị đóng theo đúng quy định có liên quan.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của đơn vị tính theo các tài khoản chi phí tài chính hiện hành. Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh được ghi nhận chi trả về các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế. Thuế thu nhập hoãn lại chi được ghi nhận chi trả về các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế. Thuế thu nhập hoãn lại chi được ghi nhận chi trả về các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế.

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Giá trị ghi sổ của tài sản phải được đánh giá lại ngay hoặc tại thời điểm kết thúc năm tài chính và có thể được ghi giảm nếu mức đánh giá lại thấp hơn giá trị ghi sổ trước đó của một phần hoặc toàn bộ tài sản phải thu hoặc tại thời điểm đang. Các tài sản phải thu được đánh giá lại hoặc được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của tài sản và để lại chi phí trích khấu để bù đắp số chênh lệch giữa giá trị ghi sổ phải thu và giá trị thực tế.

Tài sản phải thu được ghi lại và phải thu được hoặc bị phải thu được nếu được thanh toán trước hạn và bị chi dụng của công ty tài sản được thu hồi hay bị phải thu được trước hạn nếu mức phải thu có hiện lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thanh toán phải thu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi phí trích lập vào báo cáo kết quả kinh doanh phải đủ để vượt quá chi phí trích lập dự phòng vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản phải thu được ghi lại và nợ phải thu được hoặc bị phải thu được là như sau:

- Công ty và người hợp tác được lợi từ giữa tài sản phải thu được được tính với chất của phải thu được phải nộp thuế.
- Các tài sản phải thu được hoặc bị phải thu được có các tài sản quan hệ phải thu được đánh giá lại dựa trên các yếu tố sau đây:
 - Các tài sản cùng một đơn vị của cùng một lĩnh vực.
 - Công ty dự định thanh toán phải thu được trước hạn và có tài sản phải thu được hoặc bị phải thu được hoặc tài sản bị mất giá trị đồng thời với việc thanh toán nợ phải thu được thông lệ tương lai khi các khoản nợ của phải thu được hoặc bị phải thu được tài sản phải thu được hoặc bị phải thu được trước hạn của tài sản.

11. Báo cáo quan hệ

Các báo cáo quan hệ là báo cáo về một bên có các công việc này hiện có kết tương đương kể cả về mặt tài chính cũng và ngoài mặt tài chính như chi nhánh và hoạt động. Các báo cáo quan hệ này là báo cáo quan hệ cũng dựa sự hiện diện trong hợp đồng tài chính đồng bộ chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các báo cáo quan hệ, báo cáo của mối quan hệ được chỉ trong nhiều báo cáo tài chính khác.

12. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo các vụ việc được là một phần ở bộ các đơn vị riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có các sự vụ và tài sản kinh tế khác với các bộ phận khác doanh nghiệp.

Bộ phận theo các vụ việc địa lý là một phần có thể sản xuất riêng biệt được ghi vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một nhà máy riêng biệt và các tài sản và sự vụ và tài sản kinh tế khác với các bộ phận khác doanh nghiệp trong các nhà máy khác địa lý khác.

Thông tin bộ phận được tập và trình bày phổ biến với cách thức kế toán áp dụng cho việc tập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY THEO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.548.539.173	1.177.341.878
Tiền gửi ngân hàng	164.779.345.419	158.694.705.112
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng và kỳ hạn gửi không quá 03 tháng)	346.762.241.097	389.608.092.000
Chung	514.090.125.689	665.644.640.990

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Hồng Thọ, Phường Hòa Nghĩa, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẠO CAO TÀI CHÍNH

Cáo cáo tài chính bán hàng ngày: 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VNĐ)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm những khoản bất động sản, đầu tư vào quỹ đầu tư, các loại tài sản tài trợ vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán bất động sản

Chi phí	Số xuất hiện			Số đầu vào	
	Còn gốc	Giá trị	Đang gộp	Còn gốc	Đang gộp
Công ty Cổ phần					
Tập đoàn Hòa Nghĩa	1.482.244.000	1.482.244.000	1.482.244.000	1.482.244.000	1.482.244.000
Công ty Cổ phần					
Quốc gia ngoài	14.214.281.000	-	14.214.281.000	14.214.281.000	-
Cộng gộp (VNĐ)	15.706.525.000	1.482.244.000	15.706.525.000	15.706.525.000	1.482.244.000
TỔNG	15.706.525.000	1.482.244.000	15.706.525.000	15.706.525.000	1.482.244.000

Phần tiền bản đóng góp phòng giao giữ chứng khoán bất động sản như sau:

	Ngày kết	Ngày trước
Số đầu vào	37.181.631.693	35.881.780.632
Tiền lấy từ phòng kế toán	15.787.891.000	15.101.885.843
Số xuất hiện	32.275.388.725	32.783.639.695

2b. Đầu tư vào quỹ đầu tư khác

Đầu tư vào quỹ đầu tư khác có kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 12 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị nắm giữ cổ phần	Số xuất hiện		Số đầu vào	
	Còn gốc	Đang gộp	Còn gốc	Đang gộp
TỔNG	4.276.438.215.710	4.276.438.215.710	4.276.438.215.710	4.276.438.215.710
Công ty Cổ phần Hòa Nghĩa Bình Dương	819.248.244.000	(45.488.038.215)	819.248.244.000	(45.488.038.215)
Công ty Cổ phần Công Hòa Bình	101.400.000.000	-	101.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	186.221.802.180	(186.221.802.180)	186.221.802.180	(186.221.802.180)
Công ty Cổ phần Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	479.422.000.000	(186.884.240.880)	479.422.000.000	(186.884.240.880)
Công ty Cổ phần Công Hòa Bình	424.181.000.000	-	424.181.000.000	-
Công ty TNHH Công Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH HUY CÔNG NGHỆ CAO VÀ THƯƠNG MẠI	86.830.000.000	(11.818.000.000)	86.830.000.000	(11.818.000.000)
Công ty Cổ phần Công Hòa Nghĩa	75.400.000.000	-	75.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Hòa Nghĩa	47.200.000.000	-	47.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
Công ty TNHH Công Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Hòa Nghĩa Thuận Bình Dương	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Hồng Tin, Phường Đa Phước, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính đầy đủ

	Số tiền chữ		Số tiền chữ	
	Cả gốc	Đã giảm	Cả gốc	Đã giảm
Công ty TNHH Thiên Việt và ĐB				
trading tại Thái Bình Dương	1.200.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MCT Việt và				
trading tại Thái Bình Dương	3.500.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH MCT – Genadept	1.817.000.000	-	1.677.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Nhân Việt				
Bank Việt	-	-	100.000.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, cổ sở	1.800.000.000.000	(1.764.000.000.000)	4.000.000.000.000	(214.000.000.000)
Công ty cổ phần Công Nhân Việt				
Genadept – Vietnam Link	800.000.000.000	(714.000.000.000)	800.000.000.000	(80.000.000.000)
Công ty Cổ phần Công Nhân Việt				
Bank Việt	800.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Công Nhân Việt				
Logistics Vietnam	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty TNHH Tài chính “X” Việt				
– Genadept	(80.000.000.000)	-	(80.000.000.000)	-
Công ty TNHH Công Nhân Việt				
Sharing Holdings	100.000.000.000	-	(80.000.000.000)	-
Công ty TNHH Quốc Dân				
Quốc Dân	(80.000.000.000)	(1.000.000.000)	100.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty TNHH Thương mại Việt				
Công Việt	50.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thương				
Việt	(8.000.000.000)	(10.000.000.000)	40.000.000.000	(10.000.000.000)
Các công ty liên kết khác	20.000.000.000	(10.000.000.000)	20.000.000.000	(10.000.000.000)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Quốc tế Quốc Tế				
Tài Việt Nam	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Tổng cộng TMSCT Hàng tồn kho khác	700.000	-	700.000	-
Cộng	2.400.700.000.000	(204.000.000.000)	2.400.100.000.000	(170.000.000.000)

ii Tăng dự phòng vào bổ sung

iii Ngày 31 tháng 1 năm 2023, Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng với Công Ty TNHH Việt Nam

Đầu tư Ngủ Ủ

Đầu tư các khoản đầu tư có giá trị ngắn hạn, giá trị hợp lý được xác định theo giá trị hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty nhận vào được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị ngắn hạn dự đoán về tương lai xa dài.

Tính đến cuối năm tài chính các công ty liên doanh tại Việt Nam, Việt Nam
Các công ty liên kết đang trong thời kỳ chờ, trong tập hợp đầu tư liên quan các tài khoản đã được
tính toán bằng hình thức giá trị.

Công ty Cổ phần Công Nhân Việt và đơn vị liên kết Việt Nam và công ty Công Nhân Việt Việt giới
định 1.

Công ty TNHH Quốc Dân Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và bán.

Các công ty liên kết công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động khác ngoài hình thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN CEMADEPT

Địa chỉ: 9 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: Triệu đồng Việt Nam (VNĐ)

Dự phòng cho các khoản đến từ giúp vốn của đơn vị liên

Tích lũy tiền động dự phòng cho các khoản đến từ giúp vốn của đơn vị liên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	179.883.761.791	173.505.240.097
Tích lũy dự phòng bổ sung	175.148.762.330	131.378.498.099
Số cuối năm	479.274.854.149	479.889.761.791

Chiến lược với các công ty con và công ty liên doanh (nếu có)

Các giao dịch trong nội bộ Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày và chuyển account là VND.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu nội bộ liên quan	112.888.683.432	74.874.756.788
Công ty Cổ phần Công Cảnh Gemadept - Terminal Link	30.811.826.303	41.443.288.407
Công ty Cổ phần Công Hòa Dịch Vụ	33.173.994.608	-
Công ty TNHH MTV Vải và Túi Lưới Gemadept	12.794.813.335	11.780.341.858
Công ty Cổ phần ICD Hòa Hải	9.807.402.889	10.896.808.023
Công ty Cổ phần Vải và Túi Dự phòng biển Minh Dương	2.258.632.370	3.448.072.328
Công ty TNHH Công Phục Lãng	1.432.287.340	-
Công ty Cổ phần Địa tư Xây dựng Thành niên Hải Phòng Gemadept	1.180.718.038	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Gemadept	967.982.832	-
Công ty TNHH MTV Tập vôi Gemadept	791.003.408	679.424.714
Công ty Cổ phần Công Minh Dương	762.084.401	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vải và Túi Trường Thọ	719.480.000	1.331.300.800
Công ty TNHH MTV Vải và Túi Hàng Hải Hải Minh Dương	634.562.141	-
Công ty Cổ phần Công Hòa Hải	488.726.177	-
Công ty Cổ phần Dự án Minh Hòa	28.331.318	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	26.582.880	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Địa tư Hàng Hải Thành Minh Dương	24.339.808	-
Công ty TNHH Tập vôi "K" Lãi - Gemadept	2.381.709	1.748.136
Phải thu các khách hàng khác	2.234.321.897	1.971.170.962
Cộng	438.923.724.549	82.898.915.721

Mọi số không phải là đã được kiểm toán độc lập của thẩm tra từ Ngân hàng Đại chúng TNHH Kienhachbank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (theo quyết định số Y/2024)

4. Dự trữ của người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Sơn Vàng	22.192.369.898	21.089.800.500
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nghĩa Cơ	6.983.851.004	18.285.510.004
Công ty TNHH MTV Hàng Hải và Công nghiệp Hàng Hải Sài Gòn	-	6.294.800.000
Các nhà cung cấp khác	4.741.896.108	18.886.721.593
Cộng	33.918.117.010	64.770.376.097

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Địa chỉ: 6/3 Trần Thị Phương Mỹ Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN CÁO TÀI CHÍNH

Cáo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số điện thoại: 84 90 35 41 1000 (tổng đài)

L. Phát hành cổ phiếu**Lc. Phát hành cổ phiếu ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các đơn vị liên quan	281.623.704.889	178.421.596.499
Công ty Cổ phần Công Nam Điền VN	180.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Văn sĩ Tổng hợp V.N.M	91.000.000.000	111.190.000.000
Công ty Cổ phần Công Cơ Mây Gemadapt - Terminal Link	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ICO Nam Hải	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đa lịch Minh Hưng	7.625.000.000	2.423.500.000
Các đơn vị khác	249.028.487.889	-
Công ty TNHH Công Nam Hải Việt VN	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Gemadapt Việt Nam	109.028.487.889	-
Cộng	541.727.287.281	178.421.596.499

Lk. Phát hành cổ phiếu dài hạn

Khoản của Công ty Cổ phần ICO Nam Hải (cố định kỳ) và (cố định kỳ) được sử dụng để bảo hành cho các đơn vị liên quan và Công ty TNHH Logistics và Công nghệ Nam Hải với thời hạn vay được ghi tại Phụ lục 02 kèm theo ngày 01 tháng 3 năm 2023.

L. Phát hành khác**Ld. Phát hành ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phái hành các đơn vị liên quan	228.762.688.737	228.797.474.098
Công ty Cổ phần Hòa Ngọc Thái Bình Dương - Chi bộ	94.291.305.000	111.256.067.199
Công ty TNHH Công Phước Long - Lợi nhuận được chia	15.000.000.000	82.600.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Đô Gòn - Chi nhánh khác	18.214.000.000	28.586.145.000
Công ty TNHH Gemadapt Chi nhánh - Chi bộ	27.118.440.500	28.586.145.000
Công ty TNHH Dịch vụ Văn sĩ Tổng hợp V.N.M - Lợi nhuận được chia, chi phí vay	13.679.429.838	12.000.000.000
Công ty TNHH Thương vụ Dịch vụ Hàng hóa Thái Bình Dương - Lợi nhuận được chia	11.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Gemadapt - Lợi nhuận được chia	1.731.320.811	-
Công ty Cổ phần ICO Nam Hải - Lợi nhuận	1.021.724.029	3.830.347.940
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn sĩ Đường Thi - Chi nhánh khác	8.407.386.840	10.407.386.840
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Dầu và Than Minh Hưng - Chi bộ	1.095.967.007	1.095.967.007
Công ty Cổ phần Công Nam Điền VN - Chi nhánh khác	620.184.247	-
Công ty TNHH MTV Văn sĩ Tổng hợp Gemadapt - Miền Bắc, chi bộ	682.111.454	25.271.791
Công ty Cổ phần Công Cơ Mây Gemadapt - Terminal Link - Lợi nhuận được chia	28.712.319	47.424.312
Công ty Cổ phần Công Quốc tế Gemadapt - Công Quốc - Chi nhánh khác	-	13.344.000.000
Công ty TNHH MTV Văn sĩ Hàng hóa Thái Bình Dương - Lợi nhuận được chia	-	990.000.000
Các đơn vị liên quan khác - Chi nhánh khác, chi phí vay, chi phí và phát hành khác	1.245.792.289	1.728.997.532

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tôn, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: triệu đồng (nếu không ghi khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phân chia cổ phiếu chưa có quyền biểu quyết	23.113.934.997	23.123.134.975
Công ty TNHH Tổng Lắp - Cấp vốn hợp tác thực hiện dự án Tổng lắp hợp Lễ Chùa	4.000.000.000	4.000.000.000
Tạm ứng	1.360.183.361	6.020.199.177
Các khoản đã nộp ngân hàng	6.248.298.738	1.733.643.360
Lãi dự thu trên giá cổ phiếu	16.981.821.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.967.393.787	14.947.561.158
Cộng	595.417.499.879	513.833.189.670

65. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Miền Tây Đồng Bằng - Cấp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ khu vực huyện	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản phải thu khác	44.873.675	4.949.795.713
Cộng	18.044.873.675	22.949.795.713

7. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc Số dư	Giá trị ghi sổ (Số dư phải)	Giá gốc Số dư	Giá trị ghi sổ (Số dư phải)
Đầu tư ngắn hạn		(1.400.000.000)		(1.400.000.000)
Công ty Cổ phần Đô thị Miền Tây - Cấp vốn thực hiện dự án Khu dịch vụ khu vực huyện	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.113.893.942	(1.113.893.942)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	26.498.840.814	(26.498.840.814)	3.480.318.307	(3.480.318.307)
Công ty TNHH Tổng Lắp	Tạm ứng năm 2023: 4.000.000.000	(4.000.000.000)		
Đô thị Miền Tây	Tạm ứng năm 2023: 1.300.000.000	(1.300.000.000)	Tạm ứng năm 2023: 1.000.000.000	(1.000.000.000)
Phải thu trên giá cổ phiếu	Tạm ứng năm 2023: 23.245.973.422	(23.245.973.422)	Số dư đầu năm: 4.000.793.712	(4.000.793.712)
Cộng	50.044.814.236	(50.044.814.236)	11.094.906.961	(11.094.906.961)

Thanh toán tiền ứng thu phải thu ngắn hạn khi đến hạn sau

	Năm 2023	Năm trước
Số đầu năm	(10.175.134.184)	(9.871.854.810)
Tính lũy dư phải	(24.130.015.117)	(3.17.209.140)
Số cuối năm	(34.305.149.301)	(13.089.063.950)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thước đo tồn kho	1.592.498.215	-	8.137.216.081	-
Tổng hòa	21.172.143	-	66.017.812	-
Cộng	1.613.670.358	-	8.203.233.893	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Văn Thọ, Phường Hiệp Nghĩa, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chưa audit chính bởi đơn vị ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: VND (trừ khi được quy định)

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>30 cuối năm</u>	<u>30 đầu năm</u>
Chi phí Marketing	423.156.467	424.089.865
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.889.802.854	2.198.839.428
Cộng	2.314.999.321	2.622.929.293

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30 cuối năm</u>	<u>30 đầu năm</u>
Chi phí trả trước tài chính container	1.853.156.797	16.336.839.209
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.027.875.048	10.962.434.973
Cộng	2.881.031.845	27.301.274.182

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Giá trị gốc, đầu năm</u>	<u>Giá trị gốc, cuối năm</u>	<u>Phương pháp khấu hao</u>	<u>Giá trị lũy giảm, đầu năm</u>	<u>Giá trị lũy giảm, cuối năm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Bê-tông cốt thép	1.000.000.000	20.040.070.000	100.000.000.000	8.400.000.000	617.200.000.000	
Thiết bị công nghệ	-	10.000.000.000	10.000.000.000	200.000.000	20.000.000.000	
Thiết bị vận hành máy móc khác	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	
Thiết bị	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	
Chiếm hữu quyền sử dụng tài sản	-	-	10.000.000.000	4.000.000	10.000.000.000	
Giá trị gốc cuối năm	1.000.000.000	30.040.070.000	210.000.000.000	8.600.000.000	737.200.000.000	
Trong đó:						
Tài sản hữu hình không có chi phí đăng ký	1.000.000.000	20.040.070.000	100.000.000.000	8.400.000.000	617.200.000.000	
Chi phí hữu hình						
Bê-tông cốt thép	1.000.000.000	20.040.070.000	100.000.000.000	8.400.000.000	617.200.000.000	
Thiết bị công nghệ	-	10.000.000.000	10.000.000.000	200.000.000	20.000.000.000	
Thiết bị	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	
Chiếm hữu quyền sử dụng tài sản	-	-	10.000.000.000	4.000.000	10.000.000.000	
Giá trị gốc cuối năm	1.000.000.000	30.040.070.000	210.000.000.000	8.600.000.000	737.200.000.000	
Trong đó:						
Tài sản hữu hình không có chi phí đăng ký	-	20.040.070.000	100.000.000.000	8.400.000.000	617.200.000.000	
Giá trị cuối năm						
Bê-tông cốt thép	-	20.040.070.000	100.000.000.000	8.400.000.000	617.200.000.000	
Thiết bị công nghệ	-	10.000.000.000	10.000.000.000	200.000.000	20.000.000.000	
Thiết bị	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	
Chiếm hữu quyền sử dụng tài sản	-	-	10.000.000.000	4.000.000	10.000.000.000	
Giá trị cuối năm						
Bê-tông cốt thép	-	20.040.070.000	100.000.000.000	8.400.000.000	617.200.000.000	
Thiết bị công nghệ	-	10.000.000.000	10.000.000.000	200.000.000	20.000.000.000	
Thiết bị	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	
Chiếm hữu quyền sử dụng tài sản	-	-	10.000.000.000	4.000.000	10.000.000.000	

Mọi số dư của tài sản cố định hữu hình có giá trị gốc tại cuối năm là 402.000.110.110 VND đã được kiểm tra và được báo cáo các thành viên tại Ngân hàng TMCP MTV Shienhai Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội Thông Tin (www.thuatbank.vn và VJCB).

CÔNG TY CỔ PHẦN CEHADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Đa Nghĩ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: triệu VND (trừ khi ghi khác)

11. Tài sản vô định thế tài chính

	Thuật ngữ và phương tiện tính
Nguyên giá	235.413.682.291
Số đầu năm	235.413.682.291
Số cuối năm	235.413.682.291
Giá trị báo cáo	180.781.918.840
Số đầu năm	28.704.149.111
Khấu hao trong năm	152.807.769.700
Số cuối năm	154.111.918.840
Giá trị còn lại	66.670.763.800
Số đầu năm	18.899.414.988
Số cuối năm	18.899.414.988

12. Tài sản vô định vô hình

	Quyển sổ đăng ký	Chương trình phần mềm không đăng kí	Tổng
Nguyên giá	1.201.338.070	10.478.605.294	11.719.943.364
Số đầu năm	-	1.344.658.000	1.344.658.000
Mua trong năm	-	2.398.298.500	2.398.298.500
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Số cuối năm	1.201.338.070	34.951.215.794	36.152.553.864
Trung giá	-	8.443.285.491	8.443.285.491
Số đầu năm	-	18.363.835.251	18.363.835.251
Khấu hao trong năm	-	1.918.789.255	1.918.789.255
Số cuối năm	-	20.282.624.506	20.282.624.506
Giá trị còn lại	-	14.708.591.288	14.708.591.288
Số đầu năm	-	-	-
Giá trị còn lại	1.171.570.018	11.913.748.058	13.085.318.076
Số đầu năm	1.171.570.018	12.506.788.788	13.678.358.806
Số cuối năm	-	-	-
Trung giá	-	-	-
Tài sản không sử dụng	-	-	-
Trung giá không sử dụng	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Chi phí (không phải trong năm) của các:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí mua sắm sơ cấp, lắp thiết bị	(17.882.855.979)	278.898.431.155	(807.411.209.646)	47.106.883.721
Phần vốn đầu tư	1.255.171.481	-	-	1.255.171.481
Phần vốn đầu tư	2.208.181.208	-	(1.146.528.320)	1.061.652.888
Tổng	(14.419.503.290)	278.898.431.155	(808.559.569.666)	48.955.504.634

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Tôn, Phường Bảy Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Hơn mười năm Báo cáo tài chính (tính thuế)

14. Phát nợ ngắn hạn ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phát nợ ngắn hạn khác nhau	4.393.421.174	33.724.375.479
Công ty TNHH MTV Việt tại biển Gemadept	1.183.090.615	33.278.804.719
Công ty Cổ phần Mông Long	830.421.000	830.371.000
Công ty TNHH MTV Tập sự Gemadept	292.043.300	-
Phát nợ ngắn hạn cùng cấp khác	24.697.241.247	16.812.494.309
Công ty TNHH MTV Đông Sơn và Công nghệ	1.338.780.000	-
Hàng tồn kho khác	1.388.000.000	2.111.310.000
Công ty Cổ phần Tập sự Phạm Tân	12.418.879.000	18.296.174.100
Các nhà cung cấp khác	15.111.982.311	18.536.684.120
Cộng		

Công ty không có nợ dài hạn ngắn hạn và nợ tài trợ khác khác.

15. Thuế và các khoản phải nộp khác**15a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số cuối năm	
	Hàng hóa	Thu nhập	Số phải nộp	Số đã nộp	Chưa nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng hóa và dịch vụ	-	-	124.122.000	124.122.000	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	15.492.200.000	15.492.200.000	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.122.294.000	-	494.347.215.000	471.478.275.000	22.868.940.000	-
Thuế thu nhập khác	1.284.000.000	-	20.800.000.000	20.800.000.000	-	1.484.000.000
Thuế khác	-	11.760.000	3.000.000.000	3.110.300.000	-	1.121.000
Các khoản phải nộp khác	-	-	17.300.000	17.300.000	-	-
Cộng	3.406.588.000	11.760.000	860.069.215.000	836.802.875.000	22.868.940.000	1.605.000

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế GTGT gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Kể từ tháng 1 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023, Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT gia tăng 9% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện pháp lệnh số 10/2023/QĐNL ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Quốc hội.

Phát nước, nhập khẩu

Công ty không có nợ thuế hàng hóa và thuế nhập khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo chế độ khoán theo quy định pháp luật với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được dựa trên các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng năm và có thể thay đổi về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được tính hay nộp dựa vào tài khoản có thể sẽ thay đổi khi có quan điểm khác nhau.

Các loại thuế khác

Công ty không có nợ các loại thuế khác.

15b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh từ Chi nhánh Campuchia

	Chi nhánh		Số đã nộp năm		Số cuối năm	
	Số đầu năm	Số phải	Số phải nộp	Số đã nộp	Chưa nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng hóa và dịch vụ	11.521.340.000	268.420.000	1.998.201.000	1.998.201.000	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.794.000.000	82.100.000	1.240.200.000	1.240.200.000	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.000.000	1.200.000	(1.240.000)	-	12.000.000	-
Thuế thu nhập khác	10.120.000.000	120.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.720.000.000
Cộng	30.535.340.000	471.720.000	4.438.401.000	4.438.401.000	-	1.732.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Duẩn, Thủ Khoa Huân, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃN CẤP TÀI CHÍNH

Chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân (31/12/2022)

Đơn vị: Triệu đồng (sau dấu phẩy là đồng)

16. Phải trả người lao động
Tức lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tài trợ	280.079.297	1.217.819.765
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	400.228.793	409.005.190
Cộng	1.060.329.497	1.641.623.799

18. Doanh thu chưa nhận được ngắn hạn
Tức doanh thu bán và cung cấp dịch vụ chưa nhận được.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.334.833.797	4.179.010.178
Công ty Cổ phần Thủy sản - Công dụng Phát triển Cơ sở Genadept - Phải trả khác	1.602.245.813	-
Công ty Cổ phần Công Nhân Hải - Phải trả khác	831.070.194	-
Công ty Cổ phần Thiên Hòa Miền Tây Bình Dương - Phải trả khác	566.051.205	304.311.233
Công ty Cổ phần Công Nhân ở Genadept - Bình Quới - Phải trả khác	56.071.910	-
Công ty TNHH Dịch vụ "K" Liên - Genadept - Miền Đông của trước và phòng	72.104.560	72.244.390
Công ty Cổ phần Genadept Miền Trung - Phải trả khác	11.407.084	-
Công ty Cổ phần Công Nhân Công Genadept - Terminal Liên - Phải trả	2.257.271	1.024.221
Công ty Cổ phần Công Nhân Bình Tây - Chi phí tài trợ	-	2.117.690.131
Công ty TNHH Dịch vụ Văn phòng Tổng hợp Y N M - Chi phí tài trợ	-	542.785.885
Công ty TNHH MTV Văn phòng Genadept - Thủ Khoa Huân và khác	-	219.629.987
Công ty Cổ phần Công Nhân Hải - Chi phí tài trợ	-	200.212.249
Công ty Cổ phần Công Nhân Hải Bình Tây - Chi phí tài trợ	-	20.805.025
Phải trả về các bên liên quan và các khoản khác	184.787.606.325	1.133.920.227.687
Nhiệm vụ của cổ đông/đối tác công ty con (*)	10.000.000.000	1.000.000.000.000
Các khoản thu nợ về thu hồi chứng khoán công ty con	1.708.742.708	1.702.667.345
Các khoản nhận nợ về ngắn hạn	240.536.343	706.939.343
Các chi phí phải trả	217.376.850	211.369.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	682.729.244.148	120.200.687.321
Cộng	1.981.161.477.123	6.138.590.297.947

* Khoản nhận nợ về thu hồi chứng khoán của một số bên liên quan là kỳ kết thúc báo cáo tài chính đang chuyển nhượng phần vốn và hoàn thành giao dịch chuyển nhượng công ty con.

Công ty không có sự phải trả khác đối bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thạch Tân, Phường Bắc Ngạn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Còn hiệu lực cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: Bảng của cổ phiếu (VNĐ)

28. Vay và nợ thuê tài chính**28a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phát sinh với bên liên quan	-	87.858.498.981
Vay Công ty Cổ phần Công Thương Hải Phòng	-	45.638.800.000
Vay Công ty TNHH MTV Việt tin Hùng hội Thành phố Hồ Chí Minh	-	81.180.000.000
Vay Công ty Cổ phần Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phát sinh với các tổ chức khác	(114.872.798.266)	209.112.675.187
Vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KookminBank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	1.298.248.714	-
Vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	4.391.784.568	-
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ⁽³⁾	2.241.765.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	79.975.415.799
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	-	25.107.883.199
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.30a)	95.224.227.879	92.881.729.813
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.30b)	24.241.812.488	33.658.956.771
Cộng	<u>114.872.798.266</u>	<u>824.712.675.187</u>

⁽¹⁾ Khoản vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KookminBank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã hết hạn vào cuối kỳ báo cáo. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khác chuyển (xem thuyết minh số V.3).

⁽²⁾ Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã hết hạn vào cuối kỳ báo cáo. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khác chuyển (xem thuyết minh số V.3).

⁽³⁾ Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) đã hết hạn vào cuối kỳ báo cáo. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu khác chuyển (xem thuyết minh số V.3).

Công ty và tổ chức tài chính đã được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

28b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngắn hạn	252.979.148.699	287.430.027.999
Vay Ngân hàng TNHH MTV Vietnam Việt Nam ⁽¹⁾	182.346.875.429	128.473.994.654
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh Thành Phố	54.983.248.789	82.873.716.813
Vay Ngân hàng TMCP Thương Đông – Chi nhánh Tân Bình	-	1.100.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	1.886.951.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	28.700.477	21.661.838.587
Thấu tài chính Global Commission International LLC	20.000.471	22.461.113.122
Thấu tài chính International Investment Fund IV LLC	-	771.432
Cộng	<u>252.979.148.699</u>	<u>535.193.206.946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tôn, Phường Tân Phú, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tài khoản: 14010000000000000000

Số thuế GTGT: 03110000000000000000

Số thuế thu nhập doanh nghiệp: 03110000000000000000

10. Khoản vay Ngân hàng THƯỞNG MỸ VIỆT NAM để tài trợ cho khoản vay của cơ sở sản xuất Genadept và Trại Phước với thời hạn vay không quá 03 tháng kể từ ngày tài trợ. Khoản vay này được thanh toán bằng tài sản bảo đảm là nhà máy (xem thuyết minh số 5.10).

Khoản vay Ngân hàng THƯỞNG MỸ VIỆT NAM để tài trợ cho khoản vay của cơ sở sản xuất Genadept và Trại Phước với thời hạn vay không quá 03 tháng kể từ ngày giải ngân tiền vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm là nhà máy (xem thuyết minh số 5.10).

11. Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng thông tin chi tiết tại Bảng các tài khoản Long và mục 94 và 95 trong 348 Tờ rơi với thời hạn vay không quá 03 tháng kể từ ngày giải ngân tiền vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bảo đảm là nhà máy (xem thuyết minh số 5.10).

Công ty và chi nhánh đã được các thành viên và cơ quan tài chính địa phương

kiểm tra thành tiền các khoản vay và sự thanh toán đúng hạn như sau:

	Từ 01 năm trở trước	Từ 01 năm đến 03 năm	Từ 03 năm	Tổng số
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngắn hạn	92.224.217.876	212.209.459.179	25.440.881.238	329.874.558.293
Nợ thuế tài chính	34.241.112.488	21.719.471	-	34.262.831.959
Tiền gốc phải trả	19.492.019.479	29.427.860	-	19.521.447.339
Lãi phải trả	8.838.933.218	1.877.817	-	8.840.811.035
Cộng	118.405.241.444	218.218.793.627	25.440.881.238	362.064.916.309
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngắn hạn	91.695.729.514	187.438.327.989	-	279.134.057.503
Nợ thuế tài chính	33.935.946.775	23.861.928.557	-	57.797.875.332
Tiền gốc phải trả	28.134.292.689	28.732.472.933	-	56.866.765.622
Lãi phải trả	8.882.117.189	4.329.215.622	-	13.211.332.811
Cộng	118.649.076.167	211.899.135.509	-	330.548.211.676

12. Tỷ lệ nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán
Công ty không có các khoản nợ và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán.

13. Dự phòng phải trả ngắn hạn
Dự phòng phải trả ngắn hạn liên quan đến công tác quản lý tài sản đang trong quá trình vận chuyển.

14. Quỹ khác thường, phân bổ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.923.822.758	14.734.424.788
Tăng do trích lập và lợi nhuận	78.873.245.179	48.994.362.872
Giảm trong năm	(85.312.049.810)	(18.875.266.877)
Số cuối năm	7.484.818.127	24.853.520.783

15. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản bị chính quyền tự giữ do thuế giá trị gia tăng không nộp tiền thuế gốc ngay từ các lần phải nộp thuế thu nhập.

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	147.380.239	-
Chi nhận các kết quả kinh doanh	31.558.896	141.279.214
Số cuối năm	178.939.135	141.279.214

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Tín, Phường Hòa Xuân, Quận 12, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số báo cáo tài chính:

Đã sửa đổi chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã chứng khoán: Mã của nó chính (Sổ Đếm)

24. Vốn chủ sở hữu**24a. Bảng số chi tiết biến động các vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động các vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	301.898.337	301.377.937
Cổ phiếu phổ thông	301.898.337	301.377.937
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	301.898.337	301.377.937
Cổ phiếu phổ thông	301.898.337	301.377.937
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mỗi giấy cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 160/2023/NQ-HĐNH của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 07 tháng 4 năm 2023, Công ty đã chi trả lợi nhuận phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

• Trả lãi Kỳ Quê theo đúng, phân lợi (2%)	49.895.718.337 VND
• Trả lãi Kỳ Quê Hội đồng quản trị (2%)	28.817.466.943 VND
• Chia cổ tức (20%)	62.797.114.000 VND

25. Các khoản nợ ngoài Bảng cân đối kế toán**25a. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ của các hợp đồng thuế thu nhập doanh nghiệp theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	9.210.297.400	18.400.092.399
Từ 01 năm đến 03 năm	-	9.210.297.400
Cộng	9.210.297.400	27.610.389.799

Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ của các hợp đồng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thời hạn thuế thu nhập Công ty TNHH Cổ Việt Nam tại số 4 Lê Thành Tín, Phường Hòa Xuân, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

25b. Nợ ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các hạn ghi 1.200.000,00 USD (số đầu năm là 918.905,71 USD).

25c. Nợ phải trả chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Người nhận của số</u>
Overdue (C) Từ Lợi	113.172.338.867	113.775.100.867	Đơn vị nhận mua, giải thể công ty
Overdue (C) Shipping Từ Lợi	28.458.900.000	28.415.000.000	Đơn vị nhận mua, giải thể công ty
Các đối tượng khác	9.271.871.055	4.891.714.349	Khách và nhà cung cấp khác
Cộng	150.903.109.922	147.081.815.216	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo quyết sách báo cáo tài chính 03/2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**I. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Ia. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...	767.127.143.000	647.171.489.411
Doanh thu cho thuê tài sản và doanh thu khác	1.409.855.524	817.113.080
Cộng	768.537.028.624	648.028.822.591

Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.1b

II. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...

III. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	89.282.178.177	111.817.506
Lãi tiền cho vay	33.499.846.193	6.286.341.888
Cổ tức, lợi nhuận được chia	427.549.090.807	665.827.348.389
Lãi chuyển nhượng vốn khác do từ tài chính các bên	2.887.819.051.409	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.988.411.828	4.942.184.819
Lãi chênh lệch tỷ giá do hoạt động tài chính khác ngoại tệ	4.264.176.878	1.427.323.578
Lãi từ tài chính ngoại tệ	2.798.723.948.947	878.576.811.869
Cộng		

IV. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	24.809.335.204	61.421.381.824
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.809.116.841	1.028.028.602
Chi phí phát sinh từ chứng khoán tài chính và tài sản đầu tư	198.978.823.432	37.484.381.732
Chi phí tài chính khác	53.680.138	428.421.584
Cộng	245.748.285.615	100.462.896.982

V. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

VI. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	88.318.379.048	108.454.794.888
Chi phí vật liệu quản lý, sử dụng vào phòng	654.875.718	791.166.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.506.337.742	6.578.084.884
Chi phí khấu hao bất động sản	24.138.015.187	3.171.299.344
Chi phí thuê vào phòng	18.342.394.201	18.344.978.300
Chi phí chi khác	98.021.042.978	101.381.855.113
Cộng	238.740.786.874	236.822.719.417

Số liệu đã được kiểm toán

Được lập và ký

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 10/ Lê Thánh Tông, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số liệu được trình bày các số chính (trên triệu)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận từ tài sản cố định	15.219.719.882	428.499.999
Các khoản thu nhập khác	1.065.778.212	1.727.286.717
Cộng	16.285.497.119	2.155.786.716

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tax và phí nộp bổ sung	12.118.914.908	11.999.237.834
Chi phí bất thường	1.162.713.500	315.777.800
Các khoản chi phí khác	421.370	11.811.802
Cộng	13.301.154.778	12.326.827.436

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chi trả thuế thu nhập hoãn lại	11.314.976	117.298.214
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn chấp trả thuế thu nhập hoãn lại	-	898.817.579
Cộng	11.314.976	1.016.115.793

10. Lợi tức cổ phiếu

Tổng thu từ lợi tức cổ phiếu được trình bày với số âm của số chính hợp nhất

11. Chi phí của xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.418.648.247	26.114.189.788
Chi phí nhân công	1.380.780.177	141.672.515.568
Chi phí thuê bao tài sản cố định	1.78.582.647.349	181.216.044.214
Chi phí điện và nước ngoài	181.090.811.181	82.404.076.764
Chi phí khác	98.564.018.434	143.274.188.299
Cộng	534.482.194.788	834.720.985.734

VII. THÔNG TIN HỒ SƠNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LỢI CHUYỂN TIẾN TẾ

Công ty có các khoản công nợ liên quan tới mua bán, thanh lý tài sản cố định, tài sản này và số tài sản nhận được như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tư trước mua bán tài sản cố định	-	21.387.729.802
Nợ phải trả liên quan tới tài sản cố định	1.828.291.166	810.537.321
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	1.247.492.118	1.247.492.118
Lợi tức nợ và số thu, lợi nhuận được chia	294.716.508.216	158.338.316.581

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Chiến lược kinh doanh từ năm ngày 01 tháng 01 năm 2023

Hạn duyệt kinh doanh tài sản tài chính (nếu có)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**L. Các dịch vụ sẽ do các thành viên nắm giữ**

Các tài sản nắm giữ Công ty bao gồm các thành viên quản lý của GEM, các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý của GEM và các tài sản nắm giữ.

1a. Các dịch vụ sẽ do các thành viên quản lý của GEM và các cổ nhân có liên quan với các thành viên nắm giữ nắm giữ

Các thành viên quản lý của GEM gồm các thành viên Hội đồng quản lý và các thành viên Ban điều hành (theo Tổng Giám đốc và Bộ rules tương ứng). Các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý nắm giữ là các thành viên nắm giữ trong gia đình các thành viên quản lý của GEM.

Các dịch vụ với các thành viên quản lý của GEM và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý của GEM

Công ty không phát hành giao dịch mua hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý của GEM và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý của GEM.

Công ty với các thành viên quản lý của GEM và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý của GEM

Công ty không có ứng vụ với các thành viên quản lý của GEM và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý của GEM.

The table below details the services provided to the members of Gemadept:

	Chức danh	Mức phí	Hàng năm
Hội đồng quản lý			
Ông Đỗ Văn Minh	Chủ tịch	1.215.270.840	1.215.270.840
Ông Chu Văn Khang	Phó Chủ tịch	1.447.000.000	1.447.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên Hội đồng Quản lý	1.175.443.130	1.175.443.130
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên	1.399.443.130	1.399.443.130
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên	1.118.667.830	1.118.667.830
Ông Vũ Minh	Thành viên	1.171.331.830	1.171.331.830
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2022)	140.000.000	140.000.000
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên (được bầu từ ngày 08 tháng 8 năm 2022)	170.000.000	-
Ông Lưu Đình Dự	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 08 tháng 8 năm 2022)	100.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ ngày 08 tháng 8 năm 2022)	100.000.000	-
Ông Đoàn Đức Sơn	Thành viên (được bầu từ ngày 08 tháng 8 năm 2022)	140.000.000	140.000.000
Ông Đinh Đức	Thành viên (được bầu từ ngày 08 tháng 8 năm 2022)	140.000.000	140.000.000
Ông Nguyễn Văn	Thành viên (được bầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2021)	40.000.000	100.000.000
Bà Lê Thị Hải	Thành viên HĐQT (được bầu từ ngày 26 tháng 8 năm 2022)	-	40.000.000
Ban điều hành			
Ông Lưu Trường Giang	Trưởng Ban điều hành	100.000.000	100.000.000
Bà Vũ Thị Hương Hải	Thành viên Ban điều hành	170.000.000	1.000.000.000
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên Ban điều hành	170.000.000	670.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMINEXT

Số 20 Lê Lợi, Tân Thành, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃ SỐ TÀI CHÍNH

Chiến lược tài chính từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023

Số ngày xuất báo cáo tài chính (Số ngày)

Đơn vị: VND (trừ khi ghi khác)

Trong đó, Công ty phân tích chi phí và lợi nhuận từ các tài sản đầu tư khác như sau:

	Năm 2022	Năm trước
Công ty Cổ phần Hòa Sơn Phát Dịch Vụ		
Cấp vốn	4.000.210.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sản Phẩm PT		
Doanh thu cho thuê tài sản	19.017.661.000	7.300.000.000
Doanh thu dịch vụ	10.847.998.000	6.470.000.000
Chi phí dịch vụ	-	4.930.000
Cấp vốn	-	481.400.000.000
Cổ tức được chia	30.450.000.000	-
Vay	-	200.000.000.000
Lãi vay	-	1.000.120.000
Chi phí	162.000.000.000	-
Lãi cho vay	6.917.170.000	-
Công ty Cổ phần Hòa Sơn Phát Dịch Vụ		
Cấp vốn	11.700.120.000	24.100.700.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sản Phẩm		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.000.000.000	1.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.000.000.000	800.000.000
Chi tức được chia	80.000.000.000	100.000.000.000
Vay	-	5.000.000.000
Lãi vay	-	20.000.000
Chi phí	20.000.000	-
Công ty TNHH Công Nghệ Sản Phẩm		
Doanh thu cho thuê tài sản	12.000.000.000	7.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	6.000.000.000	-
Lợi nhuận được chia	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay	100.000.000.000	10.000.000.000
Lãi vay	60.000.000	90.000.000
Chi phí	-	-
Công ty TNHH Công Nghệ Sản Phẩm		
Cấp vốn	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi phí	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Sản Phẩm Sản Phẩm		
Doanh thu cho thuê tài sản	8.000.000.000	11.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	2.000.000.000	300.000.000
Cổ tức được chia	10.000.000.000	-
Chi phí	1.000.000.000	-
Lãi cho vay	7.000.000.000	1.000.000.000
Chi phí	10.000.000	10.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Lê Lợi, Tân Phú, Phường Tân Phú, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chi tiết tài chính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản tài chính này tuân theo tài chính (theo VND)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bảo vệ Tây Giang - Bảo Việt Bảo An		
Doanh thu dịch vụ	603.917.488	393.098.000
Cổ tức được chia	(6.900.000.000)	-
Cải thiện	(329.890.000)	7.101.000.000
Công ty Cổ phần Công Quốc tế Gemadept - Đông Đô		
Doanh thu cho thuê tài sản	891.273.700	588.998.191
Doanh thu dịch vụ	597.242.019	-
Cổ tức được chia	18.320.000.000	7.544.888.000
Công ty TNHH Dịch vụ Phần mềm Tổng Hợp T&M		
Lãi net	-	3.083.101.378
Cải thiện	-	191.398.000.000
Lãi trước thuế	8.180.450.000	602.084.100
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phần mềm Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê tài sản	4.300.000.000	4.330.900.000
Cổ tức được chia	-	4.418.000.000
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung		
Doanh thu cho thuê tài sản	900.900.000	108.870.870
Doanh thu dịch vụ	209.396.178	-
Cổ tức dịch vụ	-	98.443.200
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng không Thái Bình Dương		
Doanh thu dịch vụ	223.014.000	-
Chi phí dịch vụ	(6.027.000)	343.324.708
Cải thiện	43.968.300	63.300.000
Công ty TNHH Dịch vụ Phần mềm Hàng không Thái Bình Dương		
Doanh thu dịch vụ	1.118.000.000	271.800.000
Lãi trước thuế	29.000.000.000	40.000.000.000
Thuế	(88.100.000)	(1.501.000.000)
Lãi net	-	3.868.100
Cải thiện	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ - Gemadept	7.113.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Đại Bình Phát <i>theo ngày 31 tháng 1 năm 2023</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	3.353.488.470	78.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	3.188.000.000	3.100.000.000
Cổ tức được chia	(3.480.000.000)	(11.400.000.000)
Thuế	(3.000.000.000)	(41.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 1.1. Trần Hưng Đạo, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ QUẢN TÀI CHÍNH

Chức vụ: Mã chứng khoán: ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số thuế: mã số thuế: (Số thuế)

	Năm nay	Năm trước
Cơ sở	398.310.314	714.443.381
Tư liệu	4.729.874.362	10.436.176.438
Công ty Cổ phần Hoàng Logistics		
Doanh thu thuần	119.880.000	119.308.000
Công ty TNHH MTV Hòa An Hải Genadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	69.275.287.512	18.801.718.971
Doanh thu dịch vụ	2.708.687.889	1.781.227.419
Cơ sở dịch vụ	114.642.004.124	56.510.991.141
Tư liệu	24.142.925.184	13.866.577.497
Cơ sở	28.299.738.971	16.822.324.348

Các hàng hóa, dịch vụ cung cấp vào các báo cáo quản lý của Công ty Cổ phần Hoàng Logistics và phù hợp với giá trị đúng. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận và phù hợp với giá trị đúng.

Các liên kết khác

Công ty đã nhận được phần vốn góp từ Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept - Terminal Link đã đến hạn vào khoản nợ của Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept - Terminal Link tại ngày 31/12/2023. Công ty TNHH MTV Hòa An Hải Genadept - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến khoản đầu tư dự án Công Cơ Máy - Terminal Link gói thầu 1.

Công nợ và các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các khoản mục số Y.1, Y.2, Y.6a, Y.11, Y.12 và Y.21a.

Các khoản công nợ phải thu của bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

1. Tổng giá trị nợ phải

Liệt kê các khoản công nợ phải thu của Công ty là hoạt động nghiệp vụ, bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý... (Số dư đầu kỳ 39.817, doanh thu thuần và bán hàng và cung cấp dịch vụ).

Các tài khoản thanh toán và tiền hàng và công cấp dịch vụ và tiền người thuê kho vận dịch vụ đại lý vận tải và các khoản công nợ khác.

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	469.454.404.111	191.827.134.214
Nước ngoài	299.142.344.518	173.021.888.388
Cộng	768.596.748.629	364.849.022.602

Các chỉ số chi phí chi phí phát sinh từ giao dịch của công ty và các chỉ số chi phí khác được trình bày chi tiết tại báo cáo tài chính chi tiết.

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	348.676.343.398	349.627.953.242
Nước ngoài	-	-
Cộng	348.676.343.398	349.627.953.242

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Lê Lợi, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Mã số thuế: 181.032942

Chiều dài: 01/01/2024 đến ngày 31/03/2024

Đơn vị: VND (Số tiền có dấu phẩy)

Các chỉ số tài chính bổ sung theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung bình:	1.649.388.209.000	1.912.088.810.300
Được cộng:	69.240.858.871	88.812.576.422
Cộng	1.718.629.067.871	2.001.901.386.722

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã nhận được thông báo hoàn trả tài trợ giải thể chi nhánh của Công ty tại Campuchia.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ chuyển khoản số số phát hành Công ty tại Công ty Cổ phần Công Nghệ Việt Nam (Mã chứng khoán: VN14504) ngày 15 tháng 10 năm 2023.

Ngành các sự kiện tài trợ, thông tin tài trợ trong yêu cầu khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính của năm tài chính sẽ tiếp tục công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin khác

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty năm 2023 đạt gần 2.300 tỷ VND, tăng hơn 1.000 tỷ VND so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng gần 87 tỷ VND;
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng gần 2.200 tỷ VND do Công ty gọi vốn thành công từ thị trường chứng khoán Công Nghệ Việt Nam (VN14504) và các khoản nhận cổ tức, lợi nhuận từ các công ty con, công ty liên kết, liên kết kinh doanh và các năm trước;
- Lợi nhuận từ các khoản nhượng vốn Công Nghệ Việt Nam (VN14504) cho chi phí hoạt động kinh doanh ngày tiếp tục tăng gần 160 tỷ VND.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2024


Vu Thi Anh Thu
Người lập


Nguyễn Minh Nguyễn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CHỖNG THỨC DẤY SẠO BỔNG VỚI LẤY CHỨNG

Số công ty: 23794-mô/ST-ĐL

Ngày: 30-08-2024

PHÓ CHỦ TỊCH LƯƠNG PHƯƠNG BẾN NGHỆ



Là Nguyễn Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	i
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	1-3
3. Báo cáo kết quả tổng ôn tài chính giữa năm 01	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa năm 01 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5-8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa năm 01 6. Bảng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa năm 01 7. Bảng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10-11
7. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 01 8. Bảng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11-48
8. Phụ lục	49-54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Genadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") nhất tề báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất gồm năm 09 tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính giữa năm 09 của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Genadept hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 030116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1997 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ: 41A Thành Tín, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Điện thoại: +84 (28) 38 234 734
- Fax: +84 (28) 38 237 234

Công ty hiện hoạt động với chuỗi hoạt động trải rộng các ngành nghề. Lĩnh vực cốt lõi là khai thác công nghệ Logistics.

- Khai thác công nghệ: Khai thác hệ thống công nghệ lõi dựa trên nền tảng của các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm vùng Nam Hải đảo (năm 1 năm 2024), công Nam Hải VC, Nam Hải ECO, công Trung Quốc, công Phước Lương, công Bình Dương và công vận tải Container C&M Việt.
- Logistics: Trung tâm phân phối, Văn tại operations và vận tải biển; Văn tại công nghệ và quản lý vận tải; Văn tại địa phương biển; Quản lý tài sản và chuyển vận; Đại lý giao nhận; Các hãng hàng không.

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án và dự án chuyên ngành dịch vụ tổng quát và hỗ trợ kinh doanh.

- Tổng quát: Tổng, vận tải, khai thác, chế biến và vận chuyển và các công nghệ và Công nghệ;
- Hỗ trợ kinh doanh: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Đông Nam Á và khu vực Đông Nam Á và dự án Khu phố mới Saigon Green và dự án Khu phố mới tại Vũng Tàu - Lâm.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên HĐQT quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và các đơn vị chức năng của công ty bao gồm:

Người quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Chu Văn Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Vũ Minh	Thành viên
Ông Sĩ Văn Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lâm Minh Đức	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT độc lập

Ban điều hành

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hương Đào	Thành viên
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thành Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Lương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc



Bộ điều hành pháp luật

Ngay từ đầu của pháp luật của Công ty trong kỳ và các điều khoản khác áp dụng của này là Ông Nguyễn Thanh Bình - Tổng Giám đốc Công ty (đã bỏ nhiệm vụ ngày 24 tháng 8 năm 2024).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ABC đã được chỉ định một số báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ 5 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ phân tích trong báo cáo hợp lý tính toán tài chính hợp nhất giữa năm độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa năm độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa năm độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn các tiêu chuẩn sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Theo dõi các kết quả và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu có bất kỳ khoản mục kế toán áp dụng của Tập đoàn và được tính toán hoặc không vì là có các sai sót trong yêu cầu được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ của công ty hoạt động liên tục và từ trường hợp không liên tục; Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Trình bày và thực hiện kế hoạch kinh doanh một bộ một cách liên tiếp nhận làm chỉ ra sự có sai sót trong quá trình quản lý hoặc quản lý trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán được báo cáo chính xác và đáng tin cậy để phân tích tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ các chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và tin cậy để thực hiện các báo cáo phân tích hợp lý để quản lý và phát triển các hình vi giám sát và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã trình bày các giá trị của năm đầu trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ đính kèm. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ đã phân tích trong báo cáo hợp lý tính toán tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được đính kèm ngày 21 tháng 8 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và kết quả lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 8 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 8 năm 2024

SỐ: L.03/2024-AC

BÁO CÁO SOÁT NÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đối với: CÁC CƠ HỘI HỢP ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ báo cáo của Công ty Cổ phần Gemadapt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và đơn vị công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024, là trong 05 diễn sự kiện 23, bao gồm: Đồng với chỉ số tài trợ hoạt động giữa niên độ từ ngày 30 tháng 3 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ ở trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm với Tập đoàn trong việc lập và trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của thông tin được trình bày theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu đã được Tập đoàn nhận biết.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan về 2410 – Số dư tài khoản tin cậy của công ty con để đưa ra kết luận về tính chính xác và đầy đủ của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chứng cứ thu được từ các đơn vị con.

Công việc của chúng tôi không nhằm để phát hiện các sai sót tài chính của các đơn vị con, mà chỉ nhằm để phòng ngừa những người cấp trích nhiệm vụ của chúng tôi để chúng tôi có thể phát hiện ra các sai sót và các thủ tục sai sót sai lầm. Một cuộc kiểm toán về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán đầy đủ theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các sai sót trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Tuy nhiên, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn không phản ánh trung thực và đầy đủ, theo các tiêu chuẩn kiểm toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chúng tôi (A&C) không nhận sai sót từ phía A&C.



Hương Thanh Bình
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy Chứng Nhận hành nghề: 2729/2020/000-1
Ngụ tại: Quận 7, Quận 7

T.T. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Đình Tôn, Phường Tân Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tiền: VND

CHI TIẾT	Mã số	Thay đổi	Số liệu	
			Đầu kỳ	Cuối kỳ
A- TÀI SẢN NGƯỜI MẠM	100		1.406.810.490.940	2.394.794.543.412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V/A	1.197.841.568.425	1.471.476.297.998
1. Tiền	111		624.129.911.287	787.468.216.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.197.841.568.425	787.468.216.813
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		897.154.479.807	216.867.646.274
1. Chứng khoán bất động sản	121	V/B	34.281.544.740	61.721.225.660
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán bất động sản	122	V/B	(14.214.641.204)	(30.073.290.775)
3. Đầu tư vào quỹ đầu tư ngắn hạn	123	V/B	183.282.295.217	141.719.289.498
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.182.144.766.798	1.191.181.492.789
1. Phải thu ngắn hạn với khách hàng	131	V/C	846.141.898.410	824.079.694.478
2. Tài khoản các người bán ngắn hạn	132	V/A	134.294.447.040	17.850.288.718
3. Phải thu với tổ chức ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiêu chí kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu khác với người bán ngắn hạn	135	V/A	(62.925.709.888)	(296.287.047.681)
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V/A	101.283.240.258	113.718.094.011
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	137	V/T	(28.171.743.235)	(14.649.121.286)
8. Tài sản khác chờ xử lý	138		-	-
IV. Hàng hóa tồn	140		63.983.891.216	64.345.768.844
1. Hàng hóa tồn	141	V/B	63.983.891.216	64.345.768.844
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		646.627.646.274	284.856.646.279
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V/B	12.848.121.863	7.843.298.187
2. Thuế giá trị gia tăng hoãn nộp	152		100.938.413.159	248.071.318.370
3. Thuế và các khoản thuế phải thu hoãn nộp	153	V/C	12.480.504.961	11.224.824.993
4. Dự án mua bán tài sản chờ chờ xử lý	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Hà Nội & Lê Thanh Yên, Phường Mỹ Phúc, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM 2024

8 tháng đầu các năm là chính là báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số liệu đã audit năm hợp nhất giữa số liệu 49 (49) đơn vị

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Số liệu (tỷ đồng)	
			2024	2023
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.842.277.449.497	16.154.422.962.216
I. Các khoản phải trả dài hạn	210		41.814.378.267	34.754.228.779
1. Phải trả dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước của người bán dài hạn	212		-	-
3. Vay phải được ở đơn vị hợp nhất	213		-	-
4. Phải trả với hệ thống	214		-	-
5. Phải trả với đơn vị khác	215	V.26	8.104.000.000	8.100.000.000
6. Phải trả với hợp tác	216	V.26	33.710.378.267	31.654.228.779
7. Dự phòng phải trả dài hạn khác	217		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.945.347.496.771	4.166.816.223.789
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.895.190.714.185	1.891.220.982.798
- Nguyên giá	222		8.228.809.843.281	8.219.628.191.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.333.619.129.096)	(6.328.407.209.190)
2. Tài sản cố định vô hình	224	V.11	3.050.156.782.586	2.275.595.240.991
- Nguyên giá	225		128.412.888.711	215.444.407.124
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(125.362.731.925)	(193.950.266.197)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.171.632.925.289	2.060.150.833.766
- Nguyên giá	228		171.840.210.149	182.298.114.971
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(160.197.284.860)	(163.407.748.095)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản chờ bán dài hạn	240		1.778.349.724.477	1.778.349.470.822
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh chờ bán dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng chờ bán dài hạn	242	V.13	1.778.349.724.477	1.778.349.470.822
V. Nhà tư tài chính dài hạn	250		5.275.276.252.894	5.124.498.876.782
1. Hàng vay đang cho vay	251		-	-
2. Hàng vay đang cho vay được trả lãi	252	V.20	3.270.176.000.119	3.062.277.207.888
3. Dự phòng phải trả cho đơn vị khác	253	V.22	14.913.087.308	14.824.287.791
4. Dự phòng phải trả với đơn vị khác	254	V.22	(2.202.144.389)	(2.198.308.104)
5. Các tài sản phải trả ngắn hạn khác	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.401.248.990.249	1.401.847.193.548
1. Các phải trả khác dài hạn	261	V.25	1.218.742.887.481	1.212.771.198.473
2. Tài sản thuê mua khác hình tài	262	V.24	182.499.102.768	189.075.995.075
3. Tài sản chờ xử lý trong hợp nhất dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	264		-	-
5. Lưu giữ trong quá	265	V.23	180.006.900.000	180.006.900.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.768.418.321.266	14.319.825.148.814

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Áp dụng cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số tiền của chi phí ước tính giữa năm đã (chưa) điều chỉnh

CHI TIẾT	Số cũ	Thay đổi số cũ	Số cuối kỳ	
			2024	2023
C- NGUYÊN VẬT	208		200.275.882.714	203.541.116.887
I. Nguyên liệu	218		1.980.946.341.287	1.815.337.348.394
1. Nguyên liệu chính của nguyên liệu	219	V.16	1.971.361.071.187	1.770.023.969.278
2. Nguyên liệu phụ của nguyên liệu	220		8.585.270.100	14.313.379.116
3. Thuế và các khoản phải nộp của nguyên liệu	221	V.17	77.254.000.000	31.000.000.000
4. Phải nộp nguyên liệu khác	224	V.18	114.300.000.000	131.907.000.000
5. Chi phí phải nộp nguyên liệu	225	V.19	277.204.200.000	158.155.000.000
6. Phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt	226		-	-
7. Phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hợp đồng xây dựng	227		-	-
8. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu	228	V.20a	1.212.000.000	1.477.000.000
9. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu	229	V.20b	280.000.000.000	300.700.000.000
10. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu	230	V.20c	400.000.000.000	400.000.000.000
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu	231	V.21	10.000.000.000	10.000.000.000
12. Các khoản khác phải nộp	232	V.22	75.777.000.000	45.000.000.000
13. Các khoản khác	233		-	-
14. Các khoản khác	234		-	-
II. Nguyên liệu khác	235		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1. Nguyên liệu chính của nguyên liệu khác	236		-	-
2. Nguyên liệu phụ của nguyên liệu khác	237		-	-
3. Chi phí phải nộp nguyên liệu khác	238		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp của nguyên liệu khác	239		-	-
5. Phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt	240		-	-
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu khác	241	V.23a	100.000.000.000	200.000.000.000
7. Phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu khác	242	V.23b	110.000.000.000	200.000.000.000
8. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu khác	243	V.23c	100.000.000.000	1.100.000.000.000
9. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu khác	244		-	-
10. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu khác	245		-	-
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu khác	246	V.23	-	-
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp của nguyên liệu khác	247		-	-
13. Các khoản khác của nguyên liệu khác	248		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỰNG NĂM CÔNG MIỄN ĐỘ

Đã được đưa ra để xem xét, thông qua vào ngày 21 tháng 12 năm 2024

(Bảng chi tiết sẽ kèm theo báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty)

Chi tiêu	Hàng mã	Tính cách	Cả năm 2024	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		18.806.296.128.289	9.781.374.682.819
1. Vốn chủ sở hữu	410		16.818.358.129.789	8.722.274.682.819
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.Đ	5.124.869.270.000	5.028.762.270.000
- Cổ phần phổ thông đã phát hành	411a		5.084.869.270.000	4.998.862.270.000
- Cổ phần ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.Đ	1.693.488.859.789	1.391.812.392.819
3. Quyền được ưu tiên đối với cổ phần	413			
4. Vốn thặng dư cho cổ tức	414	V.Đ	128.897.770.492	128.897.770.492
5. Cổ phần quỹ	415			
6. Chứng thực đăng ký thành lập	416			
7. Chứng thực đăng ký kết thúc	417	V.Đ	423.198.909.324	428.276.882.819
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.Đ	78.492.277.982	61.385.200.000
9. Quỹ hỗ trợ cho chủ doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác được ưu tiên chi trả	420	V.Đ	12.281.476.272	68.471.462.819
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.Đ	2.734.712.776.441	2.962.214.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã kê khai thuế GTGT	421a		2.682.893.426.208	2.902.816.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kê khai thuế	421b		52.822.773.647.133	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
13. Lợi ích cổ đông không nắm quyền	423	V.Đ	1.000.944.198.497	1.059.099.989.982
14. Nguồn tiền gửi và quỹ khác	424			
1. Nguồn tiền gửi	424a			
2. Nguồn tiền gửi do nhà quản trị viên cổ đông	424b			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	400		18.806.296.128.289	9.781.374.682.819

Đã được thông qua và thông báo ngày 28 tháng 1 năm 2025


Vu Thi Anh Hoa
Người lập


Phan Thang Lenh
Ủy viên trưởng


Phan Thanh Binh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Đình Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin chi tiết về tài khoản số tài khoản: 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: đồng)

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	Hàng số	Thay đổi	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.L1	2.026.427.966.887	1.814.125.821.887
2. Chi khác giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.026.427.966.887	1.814.125.821.887
4. Giá vốn hàng bán	11	V.L2	1.888.003.791.813	1.758.177.114.423
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		138.424.175.074	55.948.707.464
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.L3	383.719.882.371	1.820.994.011.888
7. Chi phí tài chính	22	V.L4	84.888.725.128	82.825.712.388
Trong đó chi phí lãi vay	23		72.171.221.810	55.528.874.128
8. Phần lãi hoặc lỗ trong kinh doanh khác, liên kết	24	V.L5	28.244.882.473	84.294.884.388
9. Chi phí bán hàng	25	V.L6	108.828.274.888	72.112.852.478
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.L7	344.388.897.266	328.458.244.178
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.187.486.713.286	1.474.488.348.888
12. Thu nhập khác	31	V.L8	238.471.828.828	22.171.856.888
13. Chi phí khác	32		72.821.884.772	4.312.388.228
14. Lợi nhuận khác	40		453.126.772.884	19.936.325.548
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49		1.618.785.414.998	1.516.895.799.378
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.L9	122.897.783.428	52.158.348.278
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.L8	(5.427.808.877)	(4.784.888.288)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.490.459.822.693	1.459.958.562.822
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		898.722.942.127	1.432.278.278.287
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty liên kết	62		591.736.880.566	27.680.284.535
21. Lợi nhuận khác của công ty	70	V.L9	2.788	8.224
22. Lợi nhuận sau thuế của công ty	71	V.L8	2.788	8.224

[Signature]

Vi Thị Anh Thơ
Kế toán trưởng

[Signature]

Nguyễn Hoàng Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình
Tổng Giám đốc

31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN SHADEPT

Địa chỉ: Lê Minh Thọ, Phường Cầu Ông Thìn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN (Hàng đầu)

Ánh sáng của đời sống bắt đầu từ ngày 21 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CỦA NIÊN ĐỘ

(Theo quy định)

(Theo phương pháp dồn tích)

Ánh sáng của đời sống bắt đầu từ ngày 21 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tiền: VND

CỤ THỂ	Mã số	Thước đo	Lập kế toán theo chế độ kế toán	
			Hiện tại	So sánh
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh			4.227.790.000.000	2.982.076.790.000
1. Lợi nhuận trước thuế	01			
2. Điều chỉnh khoản thuế				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác	02	VND, VND	(207.100.000.000)	(198.000.000.000)
- Các khoản chi phí	03	VND, VND	(207.100.000.000)	(198.000.000.000)
- Lợi, lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp	04	VND	(207.100.000.000)	(198.000.000.000)
- Lợi, lỗ từ hoạt động kinh doanh	05	VND	100.000.000.000	100.000.000.000
- Chi phí tài trợ	06			
- Các khoản chi phí khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước điều chỉnh tiền tệ	08		200.000.000.000	200.000.000.000
- Thay đổi các khoản phải thu	09		(1.000.000.000)	10.000.000.000
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		10.000.000.000	(10.000.000.000)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		10.000.000.000	10.000.000.000
- Thay đổi các khoản phải trả khác	12		10.000.000.000	10.000.000.000
- Tăng giảm hàng bán trả trước	13		10.000.000.000	10.000.000.000
- Thay đổi các khoản phải trả khác	14	VND, VND	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
- Thay đổi các khoản phải trả khác	15	VND	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
- Thay đổi các khoản phải trả khác	16			
- Thay đổi các khoản phải trả khác	17			
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh	20		200.000.000.000	200.000.000.000
II. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư vào các loại tài sản	21	VND, VND	(200.000.000.000)	(1.000.000.000.000)
2. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư vào các loại tài sản	22	VND, VND	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
3. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư vào các loại tài sản	23	VND	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
4. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư vào các loại tài sản	24	VND, VND	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
5. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư vào các loại tài sản	25			
6. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư vào các loại tài sản	26			
7. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và đầu tư vào các loại tài sản	27	VND, VND	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động đầu tư	28		(200.000.000.000)	(200.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thanh Thọ, Phường Hòa Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2019

Đơn vị tính: VND (trừ khi có ghi khác) và đơn vị tiền tệ là VND

Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam

CHỈ TIÊU	Số đ	Đơn vị đồng	Số tiền (tính theo đơn vị tiền tệ)	
			Thực tế	Điều chỉnh
III. Lợi nhuận sau thuế theo quy định Việt Nam				
1. Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh, bao gồm thu nhập từ hoạt động	25	VND	81.000.000.000	-
2. Tổng chi phí của hoạt động kinh doanh, bao gồm chi phí của hoạt động kinh doanh	30			
3. Tổng thu nhập khác	35		111.204.481.000	884.520.970.000
4. Tổng chi phí khác	40		(223.900.000.000)	(1.000.000.000.000)
5. Tổng thu nhập khác	45		(18.770.000.000)	(80.000.000.000)
6. Tổng chi phí khác	50	VND, VND	(170.710.000.000)	(80.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế theo quy định Việt Nam	46		81.790.000.000	(170.000.000.000)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	55		100.000.000.000	100.000.000.000
Tổng chi trong cùng kỳ của năm	60	VND	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Chi trong cùng kỳ chi phí khác của kỳ trước	65		100.000.000	10.000.000
Tổng chi trong cùng kỳ của kỳ	70	VND	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

Ngày lập báo cáo tài chính: 29 tháng 09 năm 2019


 Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Giám đốc


 Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Giám đốc


 Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Giám đốc

Số: 01/2019/CT

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADOPT

Địa chỉ: 5 Lê Thành Tôn, Phường Bắc Hưng, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

à tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

à tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. BẠC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động cơ bản của Công ty Cổ phần Genadapt (sau đây gọi là là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty về phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh Công ty kinh doanh với nhiều loại hình kinh doanh khác nhau như là kinh doanh nông nghiệp.

- Khai thác vàng: Khai thác và chế biến vàng từ mỏ ở Nam, từ các đánh phá kim và các vùng kinh tế nông nghiệp vùng Nam Hải (đầu tháng 1 năm 2024), công Nam Đình Vũ, Nam Hải, KCT, công Đông Quốc, công Phước Lương, công Bình Dương và vùng biển của Genadit Cổ Hội.
- Logistics: Trưng bày phân phối, vận tải container chuyên nghiệp, Vận tải hàng hóa trước mùa trong, Vận tải đa phương thức Quốc tế và vận chuyển biển, Dịch vụ giao nhận, Cơ sở hạ tầng không.

Ngoài ra, Công ty đầu tư vào các dự án và chọn lọc trong các lĩnh vực nông nghiệp và các công nghệ.

- Tổng công: Trưng bày, khai thác và chế biến các sản phẩm nông nghiệp từ Genadit.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng và các đánh phá tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phố tại huyện Nam và dự án Khu phố tại Vũng Chùa - Lễ.

4. Các dự án kinh doanh, kinh doanh thông thường Các dự án kinh doanh thông thường được thực hiện Công ty thông qua 12 tháng.

5. Hợp đồng hoạt động của Tập đoàn trong kỳ và ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa các kỳ Tập đoàn đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh GNL, đồng thời Công ty mẹ tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hòa Sơn Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Việt Nam K&A (Đầu Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương, Công ty TNHH Dịch vụ và Dịch vụ Hàng không Thái Bình Dương và Công ty TNHH MTV Vận tải hàng không Thái Bình Dương.

Trong kỳ, Công ty đã nhận đủ thủ tục cấp thẻ Chi nhánh Genadit và chuyển nhượng vốn từ Công ty Cổ phần Công Nam Hải.

Trong kỳ, Công ty mẹ đã tăng vốn điều lệ từ 3.018.900.000.000 VNĐ lên 3.164.800.000.000 VNĐ bằng việc phát hành cổ phiếu theo chương trình mua cổ phiếu của công ty số 158763-ĐHCĐ-2023 ngày 11 tháng 12 năm 2023. Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ này.

Lưu ý rằng kỳ này được so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do thay đổi về kỳ nhận và vận tải ở các trung tâm chuyên nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Đình Túc, Phường Bắc Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY

8 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mức thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa các đơn vị phụ thuộc

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cổ phiếu	Đã nắm	Số cổ phiếu	Đã nắm
Bank Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam				
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tài chính Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Liên doanh Đông Á	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,00%	33,00%	33,00%	33,00%
Công ty TNHH Liên doanh Đông Á	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,00%	33,00%	33,00%	33,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	33,00%	-	33,00%

- (1) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ và Việt tài. Trường hợp áp dụng cơ chế của một số cổ đông đã đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.
- (2) Trong tập, Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Đông góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Đông Á, với tỷ lệ góp vốn là 33%.
- (3) Trong tập, Công ty mẹ đã nắm quyền kiểm soát tương đương với tập Công ty Cổ phần Công nghệ Đông.
- (4) Dựa trên các công ty liên doanh, tập đã được phân định trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa các đơn vị theo phương pháp của chủ sở hữu.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cổ phiếu	Đã nắm	Số cổ phiếu	Đã nắm
Công ty TNHH Công nghệ Logistics	Địa chỉ: Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tài chính Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,00%	33,00%	33,00%	33,00%
Công ty TNHH Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,00%	33,00%	33,00%	33,00%
Công ty TNHH Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,00%	33,00%	33,00%	33,00%
Công ty TNHH Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,00%	33,00%	33,00%	33,00%
Công ty TNHH Công nghệ Đông	Địa chỉ: Quận Thủ Đức, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	33,00%	33,00%	33,00%	33,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thành Tín, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2024

• Bảng báo cáo của tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa các đơn vị (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Quý III năm		Quý III năm	
		2024	2023	2024	2023
Gemadep (Malaysia) Sdn. Bhd.	100111, Jalan Bukit Lindi 4, Taman Lindi, 41100 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	21,00%	21,00%	21,00%	21,00%
Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Gemadep - Terminal Link™	Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị trấn Phú Mỹ, Thành phố Mỹ Xuyên, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa S&H™	30 Phan Thiết (Quyển), Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty TNHH Tây Việt Logistics - Gemadep	6 Lê Thành Tín, Phường Hòa Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Cho thuê Container	Đường Nguyễn Văn Chí, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quốc Dân Việt	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	41,00%	41,00%	41,00%	41,00%
Công ty Cổ phần Lưu trữ Thuyền biển	247 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	24,00%	24,00%	24,00%	24,00%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Sơn	Cầu Trục, Ấp Tân Lộc, Thị trấn Phước Hòa, Huyện Mỹ Xuyên, Thành phố Mỹ Xuyên, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng Tín	875 Hoàng Việt, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam	24,00%	24,00%	24,00%	24,00%

6) Mục dù bị từ chối sẽ đưa vào Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Gemadep - Terminal Link là hơn 10% chứng khoán của Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Gemadep - Terminal Link quy định của Nghị quyết của Đại hội đồng và được phát hành để bổ sung dự trữ của công ty chất 70% tổng số cổ phiếu lưu hành đang lưu thông qua: Dự đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản sau: "Tiền và vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa các đơn vị.

7) Tuyến số và kết nối sẽ được trình bày chi tiết trên Báo cáo tài chính hợp nhất Các số liệu tương ứng của kỳ trước sẽ được trình bày ở báo cáo kỳ sau.

8) **Hiện vật**
 Từ ngày lấy tài liệu kế toán Tập đoàn số 1.488 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tính đến năm 2024 là 1.488 nhân viên)

II. NẠN TÀI CHÍNH, THỜI VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Hiện vật chính**
 Hiện vật chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Duẩn Thôn, Phường Bắc Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CHÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM 2024

1 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Nơi thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2024 (tiếp theo)

III. TIÊU CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ỨNG DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 18/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn áp dụng trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2014 và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc áp dụng và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2014.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Ban hành đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 18/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc áp dụng và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2014.

IV. CÁC CHIẾM SÁCH KẾ TOÁN ỨNG DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Số các tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các đồng tài sản quản lý của công ty mẹ).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính giữa năm 2024 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa năm 2024 của các công ty con. Công ty mẹ là đơn vị chi phối kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát của tài sản Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách kế toán và hoạt động của công ty con và thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các sự kiện quyền kiểm soát có thể dẫn quyền kiểm soát thêm hoặc giảm bớt từ các quyền được trao hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành và phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi qua hoạt động kinh doanh của các công ty con được xếp loại báo cáo tài chính giữa năm này trong báo cáo tài chính hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa năm 2024 và ngày mua hoặc chi đổi ngày mua hoặc chi đổi công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa năm 2024 của công ty mẹ và các công ty con sẽ được áp dụng chế độ hợp nhất được lập theo cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán đồng nhất cho các giao dịch và sự kiện trong loại tương đương hoàn toàn công ty. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng trong nhóm trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ sử dụng chính sách kế toán trước khi áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2024.

Số dư của tài khoản tiền đang chi của kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch với họ, các khoản đi và bị chi trả thực hiện giữa các đơn vị giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản đi được thực hiện phải sinh từ các giao dịch với họ cũng được loại trừ và khi chi phí họ của khoản đi đó không đủ trừ lỗ được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Duẩn Tân, Phường Tân Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐẠI CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM 2024

4 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Được duyệt bởi Hội đồng quản trị công ty vào ngày 26/01/2025

Lợi ích của cổ đông không liên quan tới hợp phần B) hoặc B) trong kết quả kinh doanh và B) của thành viên công ty sau không được xem xét lại. Tập đoàn và đơn vị kinh doanh ở thành viên công ty được các tổ chức hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa năm cũ và năm hàng của chủ sở hữu hợp nhất giữa năm cũ (thành phần của năm cũ 2024). Lợi ích của cổ đông không liên quan tới hợp phần B) của kết quả của cổ đông không liên quan tới ngày hợp nhất kinh doanh hợp nhất và phần lợi ích của cổ đông không liên quan trong năm đóng góp của năm cũ của chủ sở hữu hợp nhất kinh doanh. Các khoản bị phạt phải trả công ty sau được phân bổ tương ứng với phần lợi ích của cổ đông không liên quan, sẽ có tương tự như là đã liên quan phần lợi ích của cổ đông không liên quan trong tài sản thuộc của công ty sau.

Khi Tập đoàn đưa ra đề nghị về lợi ích liên quan giữa công ty sau, phần chính sách giữa các chủ sở hữu của công ty sau và các tài sản thuộc của công ty sau được phân bổ tại ngày mà được ghi nhận. Mọi thay đổi thuộc loại "Lợi ích của chủ sở hữu phần B)" của hàng của chủ sở hữu hợp nhất giữa năm cũ.

Khi Tập đoàn đưa ra đề nghị về lợi ích liên quan tới công ty sau:

- Nếu sau khi thành viên Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát kết quả của việc thành viên được ghi nhận vào khoản mục "Lợi ích của chủ sở hữu phần B)" của hàng của chủ sở hữu hợp nhất giữa năm cũ.
- Nếu sau khi thành viên Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty sau trở thành công ty liên doanh, tài sản liên quan đầu tư của họ được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm cũ được phương pháp của chủ sở hữu và kết quả của việc thành viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa năm cũ.
- Nếu sau khi thành viên Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty sau trở thành khoản đầu tư không tương đương, khoản đầu tư của họ được trình bày dưới giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm cũ và kết quả của việc thành viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa năm cũ.

Tương tự công ty sau hợp nhất giữa năm cũ và chủ sở hữu, chủ sở hữu là vẫn giữ được của các tài sản không tương ứng với lợi ích liên quan của phần chính sách giữa năm cũ của chủ sở hữu của Tập đoàn và phần lợi ích liên quan trong tài sản thuộc của công ty sau được ghi nhận vào khoản mục "Lợi ích của chủ sở hữu phần B)" của hàng của chủ sở hữu hợp nhất giữa năm cũ.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam tại ngày phát sinh giao dịch. Tỷ giá của khoản mục đầu tư và giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chính sách tỷ giá phát sinh trong kỳ là các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính hoặc chi phí tài chính. Chính sách tỷ giá đầu cuối ghi lại các khoản mục đầu tư và giao dịch ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán của chủ sở hữu chính sách tỷ giá chính sách giữa năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ được đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoàn tất, tỷ giá tỷ lệ tương ứng hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và nhà cung cấp.
- Đối với các khoản tiếp nhận hoặc nhận vào gốc, tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận tiền vào chủ đầu tư tại ngày 31/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Tín, Phường Tân Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CHỨNG TÀI CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC THÀNH VIÊN

4 tháng đầu của năm tài chính kế tiếp ngày 31 tháng 12 năm 2019

Được thành lập dựa vào tài khoản hợp nhất giữa năm 2018 (bên trong)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chương khoản kinh doanh

Khuyến đầu tư được phân loại là chương khoản kinh doanh khi nhận giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chương khoản kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của những khoản kinh doanh được tái định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cũng như giá mua quan hệ giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán nhận yếu được ghi nhận tại thời điểm ký kết (T=0).
- Đối với chứng khoán nhận yếu được ghi nhận tại thời điểm thanh toán số quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi và số tiền của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán ghi sổ vào chính chứng khoán kinh doanh đã. Tiền lãi và số tiền của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi vào doanh thu. Có tức được nhận bằng số phần cổ được mua theo giá sổ lượng và phần tăng thêm, không ghi nhận giá trị số phần nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua từ việc bị xuống giá sổ giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán nhận yếu trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày ghi nhận sổ giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đóng sổ giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (OTC/OTF): giá mua chứng khoán cuối cùng 15 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp số phần cổ nhận yếu trên thị trường chứng khoán hoặc số phần cổ công ty cổ phần đã đóng sổ giao dịch trên thị trường Unicom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trình bày báo cáo, số phần cổ nhận yếu bị hủy nhận yếu, bị đánh chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch việc lập dự phòng được tham khảo các số vào khoản thanh công ty được đầu tư vào trước khi trình bày báo cáo giữa với đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và chủ tịch và Hội đồng quản trị để trình bày kế hoạch nhận mua với tỷ lệ sở hữu của đầu tư của Công ty và với tổng số vốn đầu tư được giao.

Từng phần cổ dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh của phải trình bày tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào số phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Các việc được mua bán được ghi nhận bằng khoản ghi chuyển đổi.

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư

Khuyến đầu tư được phân loại là khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư khi Tập đoàn sở hữu thực và khả năng giữ nắm quyền điều hành. Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư của Tập đoàn chỉ có thể ghi nhận bằng sổ kế toán khi mua với mục đích đầu tư kiếm lời.

Các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư được ghi nhận theo đầu tiên ghi trên giấy mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể đo lường. Theo cách này thì các khoản đầu tư vào các quỹ đầu tư được mua ngay sau được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở giá trị. Lãi được công nhận khi Tập đoàn nắm giữ được ghi nhận từ các giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thị Riêng, Phường Thới An, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA NĂM ĐÓ

Ngày lập của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ (tiếp theo)

Tất cả các bằng chứng tài chính cho thấy một phân loại như vậy không dựa trên các bằng chứng tài chính và số liệu tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính được ghi nhận vào các ghi chú thích trong kỳ và tuân thủ các quy định ghi chú thích.

Các khoản chi vay

Các khoản chi vay được xác định dựa trên ghi chú số 6 các khoản chi phỏng đoán của báo cáo. Chi phỏng đoán dựa trên cơ sở của các khoản chi vay được lập trên cơ sở của dự kiến trên các tài sản thế chấp.

Các khoản đầu tư và công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập dựa trên cơ sở thỏa thuận của hợp đồng với mục đích Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế với cơ sở đồng thuận nhất. Tổng tài sản của Tập đoàn liên kết với các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế với cơ sở đồng thuận nhất. Tổng tài sản của Tập đoàn liên kết với các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế với cơ sở đồng thuận nhất. Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế với cơ sở đồng thuận nhất. Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế với cơ sở đồng thuận nhất.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng thuận với các phương pháp của chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần vốn góp của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng thuận nhất. Điều này có thể xảy ra khi kinh doanh hợp nhất giữa năm độ giữa các phần vốn góp của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng thuận nhất. Tập đoàn áp dụng và đang phương pháp vốn chủ sở hữu kế toán ngày lập năm quyền đồng thuận của hợp đồng và ảnh hưởng đáng kể đến cơ sở kế toán được đồng thuận nhất.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng thuận nhất được lập theo kỳ kế toán của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ của Tập đoàn. Điều chỉnh sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng thuận nhất khác với chính sách kế toán áp dụng thông nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng thuận nhất sẽ có những điều chỉnh khác hợp nhất khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.

Các khoản tài, là được thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng thuận nhất được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn thì lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể là khả năng quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp chiếm dựa là đáng kể không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản đầu tư vào công ty liên kết được xử lý theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ dựa trên ghi chú số 6 và điều chỉnh của các thay đổi trong phần lợi ích của cơ sở kinh doanh của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết sau hoạt động kinh tế ghi chú số 6 của khoản đầu tư là ghi chú số 6 khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ là bằng không trở lại. Tập đoàn có các nghĩa vụ được nhận thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập theo kỳ kế toán của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ của Tập đoàn. Điều chỉnh sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thông nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh khác hợp nhất khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.

Các khoản tài, là được thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn thì lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

HÀNG CÁO TÀI CHÍNH NGUYỄN VĂN AN NIÊN 60

Đã được cấp và còn hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2024

Mã chứng minh thư của tài khoản kỹ thuật giao dịch: 03 (tệp tin)

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư bằng cổ phiếu, Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm phí mua hoặc thuế gia tăng cũng như chi phí trực tiếp liên quan đến việc đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán phần ghi nợ của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng và mệnh giá, không ghi nhận giá trị và phải nhận được.

Dự phòng cho mất giá của khoản đầu tư vào công ty vốn của đơn vị khác được tính lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư của cổ phiếu niêm yết hoặc ghi nợ bằng lý do khoản đầu tư được xác định rõ ràng, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không có danh sách ghi nợ bằng lý do một phần của các việc lập dự phòng được thực hiện cho tài sản khoản đầu tư của đơn vị khác. Đầu tư với mức rủi ro lập bằng chính sách ghi nợ đầu tư theo kế của các tài sản và việc đánh giá lại ngay khi báo kỹ kế toán nhận xét từ 12 của đầu tư của Công ty và với công việc của kế toán ghi nợ đầu tư khác.

Trong năm số dự phòng cho mất giá của đơn vị khác của đơn vị khác cần phải tính lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phát sinh các khoản phải thu trong tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập Đoàn và người mua hàng và/hoặc lập với Tập Đoàn.
- Phải thu khác phát sinh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập theo công thức dự phòng phải thu khó đòi của số của dự toán năm, căn cứ số dư đầu kỳ và

Trong năm số dự phòng cho mất giá của tài sản khó đòi cần phải tính lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thực mua gồm giá gốc và giá trị thuế và thuế thực hiện được.

Giá ghi hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, hàng hóa: theo giá ghi mua và chi phí phải trả liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho đã mua và trong thời gian chờ.
- Chi phí sản xuất khác thuộc chi phí phải trả liên quan đến các dự án chưa hoàn thành.
- Thành phẩm: theo giá ghi mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, thuế tiêu thụ và chi phí sản xuất chung (nếu liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường).

Giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các khoản nợ thuế thực hiện được là giá bán của hàng tồn kho trong kỳ của năm, tính doanh thu bình thường và các chi phí khác và chi phí của hàng tồn kho của kỳ trước kỳ sau không.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BIỂU CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊM 02

Đã được kiểm toán theo hệ thống kế toán năm 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tiền tệ: Đơn vị tiền tệ chính hợp nhất của công ty là Đồng Việt Nam

Đơn vị tiền tệ của bảng cân đối kế toán được lập ra theo một hàng của báo cáo tài chính của công ty và các tài khoản của nó được lập ra theo một hàng của báo cáo tài chính của công ty. Các tài khoản của báo cáo tài chính của công ty được lập ra theo một hàng của báo cáo tài chính của công ty. Các tài khoản của báo cáo tài chính của công ty được lập ra theo một hàng của báo cáo tài chính của công ty.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí được lập ra theo một hàng của báo cáo tài chính của công ty và các tài khoản của nó được lập ra theo một hàng của báo cáo tài chính của công ty. Các tài khoản của báo cáo tài chính của công ty được lập ra theo một hàng của báo cáo tài chính của công ty.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất là khoản tiền thuê đất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của công ty. Tiền thuê đất và tiền thuê đất của công ty được ghi theo phương pháp đường thẳng trong kỳ với thời gian thuê.

Chi phí trả trước về chính sách lương

Chi phí trả trước về chính sách lương được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 01 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được ghi theo một lần và chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

9. Tài sản thuê mua bằng

Tài sản thuê mua bằng là tài sản được mua bằng tiền của công ty và bị chi phí tiền vào quyền sử dụng tài sản thuê mua bằng. Chi phí thuê mua bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho một thời gian thuê mua bằng. Những chi phí thuộc vào phương thức thuê mua bằng.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình là tài sản được mua bằng tiền của công ty và bị chi phí tiền vào quyền sử dụng tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho một thời gian hữu hình. Những chi phí thuộc vào phương thức thuê mua bằng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, người ghi và ghi sổ của công ty sẽ được tính và số tiền sẽ được tính vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được mua bằng tiền của công ty và bị chi phí tiền vào quyền sử dụng tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho một thời gian hữu hình.

Loại tài sản cố định

50-100

Loại tài sản cố định

05-10

Loại tài sản cố định

02-10

Loại tài sản cố định

05-10

Loại tài sản cố định

05-10

Loại tài sản cố định

05-10

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NHẤT QUÝ VÀ MIỀN ĐÓNG

4 tháng đầu năm 2024 và cùng kỳ năm trước: Từ tháng 01 năm 2024

Đơn vị: Triệu đồng Việt Nam (tất cả các số liệu trừ khi có ghi khác)

11. Tài sản vô định thuế tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuế. Tài sản vô định thuế tài chính là giá trị hợp lý của các quyền ghi nợ thuế của công ty. Nguyên giá tài sản vô định thuế tài chính là giá trị hợp lý của các quyền ghi nợ thuế của công ty. Nguyên giá của hợp đồng thuế và giá trị hiện tại của khoản thuế của công ty thuế tài chính. Tỷ lệ chiết khấu sử dụng giá trị hợp lý của khoản thuế của công ty thuế tài chính dựa vào thời hạn của tài sản. Nguyên giá được tính trong hợp đồng thuế tài sản hoặc là một giá trị trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được là một nguyên định trong hợp đồng thuế tài sản thì sẽ được ghi nhận theo nguyên giá của tài sản thuế tài chính.

Tài sản vô định thuế tài chính được trình bày theo phương pháp định giá dựa trên các giá trị hợp lý của tài sản. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản thì các tài sản của Tập đoàn được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của tài sản vô định thuế tài chính được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của tài sản vô định thuế tài chính được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản.

12. Tài sản vô định vô hình

Tài sản vô định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản vô định vô hình. Nguyên giá tài sản vô định vô hình được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của tài sản vô định vô hình được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của tài sản vô định vô hình được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của tài sản vô định vô hình được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản.

Khi tài sản vô định vô hình được trình bày theo giá trị hợp lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản.

Tài sản vô định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là một tài sản vô định vô hình của Tập đoàn. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của quyền sử dụng đất được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một tài sản vô định vô hình nếu chi phí liên quan được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của các chương trình phần mềm máy tính được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của các chương trình phần mềm máy tính được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của các chương trình phần mềm máy tính được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản.

Chi phí thiết lập mạng nội bộ

Chi phí thiết lập mạng nội bộ bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập mạng nội bộ. Chi phí này được trình bày theo phương pháp định giá dựa trên các giá trị hợp lý của tài sản.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay) liên quan đến việc xây dựng các tài sản cố định trong quá trình xây dựng, nhưng chưa được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản. Nguyên giá của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày theo giá trị hợp lý của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Địa chỉ: 1 Lê Thành Tín, Phường Bắc Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SẢN CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2019

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản được trình bày của tài chính hợp nhất giữa các đơn vị liên kết

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ và hợp lý (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ theo thói quen kết quả từ một vụ kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó) có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Phần lớn tương ứng của thời gian là tương ứng, dự phòng sẽ được các đơn vị bằng cách chiết khấu về tiền phải trả và tương tương là để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phần lợi nhuận được ghi trên cơ sở tương ứng tại số giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi các tình hình của số dự phòng đã được ghi nhận thì các đơn vị phải trả chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến chi phí lương hưu, các chi phí môi trường, chi phí bảo hành công trình xây dựng và các bất phân bổ thường trong quá trình vận chuyển.

17. Yêu cầu số tiền

Yêu cầu của chủ sở hữu

Việc ghi các chi phí tài chính được ghi nhận theo số vốn tham gia đầu tư và chi phí của các cổ đông của Công ty mẹ.

Phạm nợ của số phải

Thông tin chi phí phải được ghi nhận theo số vốn đầu tư giữa các đơn vị liên kết và nhận giữ chi phí là phải hạch toán chi phí hoặc phân bổ vào, danh sách giữa giữ số phải hạch và giữ trị số sách của số phải quỹ và các phải của của các phải chuyển đổi từ đơn vị. Chi phí này tập trung vào các khoản phải hạch bổ sung về phải và tài phải hạch số phải quỹ được ghi giảm bằng dư tiền số phải.

Yêu cầu của chủ sở hữu

Việc phải được trình bày chi phí của chủ sở hữu và chi phí của đơn vị liên kết được, được ghi tại tài sản và giá trị các tài sản giữ trị hợp lý của các tài sản được tăng, giảm, từ sự tạo lại từ các khoản thuế giảm nộp (đầu số) từ các đơn vị các tài sản này.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của công ty được phân phối theo các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo thỏa thuận của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được chi trả theo các khoản mục chi trả từ số dư trong tài khoản của công ty theo phân phối số dư tiền lương theo hướng dẫn và tài khoản chi trả số dư của tài khoản chi trả lợi nhuận sau thuế để giúp vốn, kế toán được ghi lại các khoản mục tiền tệ, các công vụ tài chính và các khoản mục chi trả số tiền.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả số tiền của cổ đông quyền lợi.

19. Các khoản doanh thu và thu nhập

Doanh thu trong hợp đồng

Doanh thu trong hợp đồng và doanh thu nhận từ hàng hóa mua bán các đơn vị liên kết:

- Doanh thu được xác định trong thời điểm nhận, khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo hướng dẫn liên hệ và trả, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện quy định đã không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã mua này.
- Tập đoàn đã chi hoặc sẽ chi được lợi ích kinh tế từ giao dịch trong hợp đồng và chi.
- Các dịch vụ phải công việc đã hoàn thành vào thời điểm hiện tại.
- Sản phẩm được chi phí phải trả của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch trong hợp đồng và chi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Văn Tám, Phường Tân Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: triệu đồng, trừ ngoại tệ và số liệu giữa năm (nếu có)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ tài chính thì được ghi nhận trong kỳ được thực hiện và báo cáo phải công khai đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đánh giá của hoạt động kinh doanh

Đánh giá của hoạt động tài chính được ghi nhận theo phương pháp dùng thông tin trong năm tài chính của hoạt động. Tài sản phải nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu giữa hợp các tài sản của hoạt động.

Tài sản

Tài sản được ghi nhận khi có đủ các điều kiện và tài sản được sử dụng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng số tiền đã được thanh toán về hàng số phần ứng được. Không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp của các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính của. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc các hoạt động đầu tư có thời gian dài (hơn 12 tháng) thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay ngắn hạn xây dựng hoặc các hoạt động đầu tư có thời gian ngắn thì chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính của hoạt động đầu tư liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có số dùng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc các hoạt động đầu tư có thời gian dài thì chi phí đi vay này được xác định theo tỷ lệ của hạn đối với chi phí tài chính của khoản vay trước phân bổ cho việc đầu tư xây dựng các tài sản đầu tư. Tỷ lệ này dựa được tính theo tỷ lệ là sản phẩm của khoản vay được xác định trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích khác thành một tài sản đầu tư.

11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản tiền giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm ghi nhận phải sinh hoặc khi có kết thúc trong đời của khoản tài sản sinh trong tương lai không phải một chi phí tài chính khác.

Các khoản chi phí và khoản thanh toán của nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc ghi hợp. Trong trường hợp nguyên tắc ghi hợp đồng với nguyên tắc khác trong, chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính và quy định của các chuẩn mực kế toán để được báo phân bổ vào các kỳ kế toán tiếp theo.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập thực hiện. Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh ra với sự chênh lệch tạm thời giữa các khoản chi phí thực hiện và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản đã được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 84 Lê Thành Tôn, Phường Bắc Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BIÊN CÁO TÀI CHÍNH ĐỢT NGẮN GIỮA HỒN ĐỢI

6 tháng đầu năm 2024 và chính sách báo ngày 31 tháng 12 năm 2024

Biên cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam

Thước đo nhập hàng lại

Thước đo nhập hàng lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trước sẽ được hoàn lại do chính sách ưu đãi giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và sự ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của các quốc gia khác. Thuế thu nhập doanh nghiệp lại phải trả được ghi nhận vào chi phí của các khoản chi trả hàng hóa nhập khẩu. Thuế thu nhập doanh nghiệp lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tương ứng để sử dụng những khoản thuế thu nhập doanh nghiệp này.

Chi phí ghi sổ của các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trước bị được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi cộng vào chi phí của các khoản chi trả nếu khoản thuế thu nhập doanh nghiệp này không được hoàn lại. Các chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trước bị được ghi nhận vào chi phí của các khoản chi trả nếu khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trước bị không được hoàn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi cộng vào chi phí của các khoản chi trả nếu khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trước bị không được hoàn lại.

Tài sản thuế thu nhập hàng lại và thuế thu nhập hàng lại phải trả được xem định theo thời gian kỳ thuế sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay sự phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và tỷ lệ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hàng lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi phí hoạt động của vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đã trả vượt quá các khoản thuế thu nhập hàng lại được ghi nhận vào chi phí của năm.

Tài sản thuế thu nhập hàng lại và thuế thu nhập hàng lại phải trả được lập như sau:

- Tập đoàn chỉ quyền hợp pháp dựa trên hồ sơ giữa tài sản thuế thu nhập hàng lại và thuế thu nhập hàng lại phải trả.
- Các tài sản thuế thu nhập hàng lại và thuế thu nhập hàng lại phải trả chỉ được ghi nhận nếu khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi công việc cơ quan thuế.
 - Đối với công việc của cơ quan thuế trước.
 - Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản thuế thu nhập hàng lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hàng lại của cơ quan thuế trước khi tài sản được đối với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản thuế thu nhập hàng lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hàng lại được thanh toán trước thuế thu nhập.

23. Báo cáo quan

Các báo cáo quan hệ tài sản quan hệ với các tài sản của tập đoàn được lập theo các định hướng đồng bộ với các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị. Các báo cáo quan hệ tài sản được lập theo các định hướng đồng bộ với các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

Trong việc xác định mối quan hệ với các báo cáo quan hệ, tập đoàn xác định mối quan hệ được định trong biên cáo tài chính thực phẩm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo dõi các hoạt động là một phần của bộ các định hướng tài sản quan hệ với các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, dịch vụ và các tài sản và lợi ích khác với các bộ phận khác.

Bộ phận theo dõi các tài sản và lợi ích là một phần của bộ các định hướng tài sản quan hệ với các báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, dịch vụ và các tài sản và lợi ích khác với các bộ phận khác.

Trong các bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính thực phẩm giữa một số của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Cầu Ông Thìn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Hiệu lực của báo cáo định kỳ bắt đầu ngày 01 tháng 01 năm 2024

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Tiền mặt	19.088.894.192		21.004.491.000	
Tiền gửi ngân hàng	612.211.602.000		739.190.321.191	
Tiền đang chuyển	500.014.430		100.443.000	
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng và kỳ hạn gửi không quá 03 tháng)	1.257.841.653.320		709.640.041.097	
Tổng	1.471.041.595.642		1.471.075.297.588	

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán liên doanh, đầu tư nắm giữ dài hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Cả gốc	Giá trị hợp lý	Cả gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu				
Công ty Cổ phần				
Thái Hòa Tín	10.007.260.000	10.011.811.000	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần				
Khai Minh Hoàng	1.024.103.000	-	1.024.103.000	-
Các cổ phiếu khác	113.100	113.100	600.000	600.000
Tổng	11.031.366.100	10.124.914.100	11.024.103.000	10.600.600.000

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Cả gốc	Giá trị hợp lý	Cả gốc	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị báo động dự phòng giảm giá chứng khoán liên doanh cho vay				
Số đầu kỳ				
(Trích lập) Hoàn nhập dự phòng				
Số cuối kỳ				

2b. Đầu tư nắm giữ dài hạn đầu kỳ

Khoản nắm giữ dài hạn đầu kỳ này là các cổ phiếu đến 03 tháng.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Cả gốc	Giá trị hợp lý	Cả gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần				
Công ty Cổ phần				
Genadept - Tematek Ltd	1.471.200.000,00	21.481.431.100	1.471.200.000,00	10.000.000,00
Công ty Cổ phần				
Việt An Hàng Hải	400.000.000,00	400.000.000,00	400.000.000,00	200.000.000,00
Công ty TNHH				
CI Services	10.000.000,00	20.000.000,00	10.000.000,00	10.000.000,00
Enginex Hoàng				
Công ty TNHH				
Việt An "C" (Hàng Hải)	100.000.000,00	110.000.000,00	100.000.000,00	100.000.000,00

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Mã số thuế Thuế TNCN: Phường Bến Nghé Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA NIÊN ĐỘ

Thông cáo tài chính sẽ được gửi kèm theo ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tài chính được trình duyệt hợp nhất giữa các đơn vị (nếu có)

Công ty TNHH CJ Gemadept Mitsubishi Công ty TNHH Gemadept Công ty TNHH Thương mại Quốc Tế Việt Công ty Cổ phần Liên Hợp Thương Mại Công ty Cổ phần Đông Á Việt Nam Công ty	Giá gốc	Số cuối kỳ	Giá gốc	Số đầu năm	Giá gốc	
		Lợi nhuận phần vốn của đơn vị		Giá gốc		Lợi nhuận phần vốn của đơn vị
		16.115.001.000	166.709.448.771	208.620.003.000	16.898.776.000	179.406.948.100
	802.803.803.400	(2.348.179.000)	16.006.702.000	163.803.803.400	(2.002.300.000)	16.898.847.000
	22.200.000.000	17.200.000.000	80.000.000.000	22.200.000.000	16.200.000.000	78.000.000.000
	60.000.000.000	(2.000.000.000)	25.000.000.000	60.000.000.000	(2.000.000.000)	23.000.000.000
	10.000.000.000	(1.000.000.000)	11.000.000.000	10.000.000.000	(1.000.000.000)	11.000.000.000
	<u>2.471.477.700.000</u>	<u>166.006.200.000</u>	<u>230.000.000.000</u>	<u>2.471.477.700.000</u>	<u>166.006.200.000</u>	<u>230.000.000.000</u>

Thông tin về giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở Phụ lục 21 đính kèm.

Được kiểm soát đồng các công ty liên doanh, liên kết
Công ty TNHH Gemadept Quốc Tế đang trong quá trình xây dựng cơ bản.

Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động liên doanh bình thường.

Được kiểm soát các công ty liên doanh liên kết
Các giá trị được trình bày giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Bảng số 18 đính kèm.

Được kiểm soát các công ty liên doanh liên kết
Tập đoàn đã nhận được phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Cái Mập Gemadept - Terminal Link ở Đầm Mỏ của thành phố của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mập Gemadept - Terminal Link tại Nhà hàng TMCP Hàng Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bởi quan dân thành phố đầu tư cho Công ty Cổ phần - Gemadept Terminal Link phần 1.

24. Báo cáo giá trị của đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Đã giảm	Giá gốc	Đã giảm
Công ty Cổ phần Bảo trì Xây Dựng Phát triển Hạ tầng Miền Bắc Đông Dương	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Chợ Trại Thủ Việt Nam	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Công ty TNHH (Hàng Thương) Việt Nam	100.000.000	-	100.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	100.000	-
Công ty TNHH OCEC Logistics (Việt Nam)	11.000.000	(11.000.000)	11.000.000	(11.000.000)
Cộng	<u>12.100.000.000</u>	<u>(2.000.000.000)</u>	<u>12.100.000.000</u>	<u>(2.000.000.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

HÀNG CỎ TÀI CHÍNH ĐỢP KHÁT NIỆM NIÊN ĐỘ

Kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: triệu đồng (chữ viết hoa) trừ dấu phẩy (dấu thập)

Đầu tư hợp lý

Đầu tư của Công ty được thực hiện dựa trên cơ sở phân tích, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn nhận xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết dựa trên các bằng chứng có thể có liên quan đến giá trị hợp lý.

Các phòng kế toán được điều chuyển vào các đơn vị khác

Tích trữ hiện đồng dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn các đơn vị khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số đầu kỳ	(2.100.734.181)	(1.354.773.619)
Trích lập dự phòng bổ sung	(71.440.135)	(200.011.580)
Số cuối kỳ	(2.172.174.316)	(1.554.785.199)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu của các đơn vị quan	181.728.453.282	172.896.470.474
Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept – Tansat Link	71.860.876.118	61.709.414.181
Công ty TNHH MTV Vaj và các đơn vị khác Genadept	21.500.139.100	14.817.489.280
Công ty TNHH Tập và “K” Link – Genadept	4.274.795.385	1.007.860.126
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	3.718.281.173	62.286.564.965
Công ty TNHH MTV Tập và Genadept	1.588.341.826	1.060.748.792
Phải thu của Khách Hàng Khác	147.895.942.237	171.821.118.753
Cộng	441.315.099.029	384.839.664.476

Số dư phải thu đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (số quyết định số V/136).

4. Trú trước của người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Iron Company Ltd.	35.173.330.310	6.093.811.004
Công ty Cổ phần Hưng Hải Ngân Hà	26.883.803.004	21.192.880.000
Công ty Cổ phần Hưng Sơn Vàng	11.102.889.000	7.104.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vaj và các đơn vị khác, K&K	19.830.000.000	14.623.081.288
Công ty Cổ phần Dầu khí và Máy Dụng Nông Sơn Vàng	(2.803.381.276)	11.087.648.881
Komaxtron OMDH	17.411.182.495	17.871.183.818
Các nhà cung cấp khác	154.284.947.048	91.840.378.115
Cộng	348.878.668.581	278.613.923.106

5. Phải thu về cho vay**a. Phải thu về cho vay ngắn hạn:**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Cho các đơn vị quan vay	2.023.706.000	20.421.708.889
Công ty Cổ phần Du lịch Mách Trâm	2.023.706.000	2.821.100.000
Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Genadept – Tansat Link	-	11.000.000.000
Cho các cá nhân khác vay	148.000.000.000	271.184.487.889
Công ty TNHH Công Nam Tân Bình và	112.000.000.000	140.000.000.000
Công ty Cổ phần Centaxer Việt Nam	-	100.000.000.000
Cho các cá nhân khác vay	28.000.000.000	28.000.000.000
Cộng	182.912.506.000	298.697.917.889

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thành Tín, Phường Hòa Phát, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM 2024

Đương đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn thanh toán: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2024 (tập hợp)

3b. Phải thu về các hợp đồng hợp tác kinh doanh và khác

C. Phải thu khác

3c. Phải thu ngắn hạn khác

Phải thu về các liên quan

Công ty TNHH Golden Globe – Chi nhánh

Công ty Cổ phần Đa quốc Minh Đạt –

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Công ty TNHH MTV Văn hóa Quốc Genadept –

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Công ty TNHH MTV Tập sự Genadept – Chi nhánh

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn –

Chi nhánh Quận 5

Công ty Cổ phần Công Cầu Máy Genadept –

Chi nhánh Quận 5

Phải thu các số dư của số dư khác khác

Tạm ứng

Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn

Công ty TNHH Hưng Phát – Hợp tác hợp tác thực

hiện dự án Công trình hợp tác Lê Chân

Các khoản chi trả

Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	11.243.795.798	157.888.819.477
	18.442.279.298	27.218.465.588
	3.289.697.328	3.245.793.888
	1.387.338.983	882.511.484
	184.812.801	-
	-	75.958.398.000
	-	34.328.518
	288.157.943.248	143.445.314.688
	222.149.194.302	81.288.142.248
	6.738.694.875	5.244.342.634
	4.000.000.000	4.000.000.000
	4.228.883.719	11.875.418.250
	58.911.323.294	37.488.561.372
	<u>325.295.067.918</u>	<u>752.518.894.021</u>

3d. Phải thu dài hạn khác

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Hải Phòng và Công ty TNHH Hưng Phát – Hợp tác hợp tác thực hiện dự án Khu đất và tòa nhà Logistics

Công ty TNHH MTV Tư vấn Kiến trúc Xây dựng Quốc Đạt – Hợp tác hợp tác kinh doanh khai thác đất

Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn

Cộng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	18.000.000.000	18.000.000.000
	1.000.000.000	-
	13.334.345.387	11.654.855.799
	<u>32.334.345.387</u>	<u>31.654.855.799</u>

T. Nguyên

Đầu năm gốc

Công ty Cổ phần Đa quốc Minh Đạt – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Chi nhánh

Các số dư của số dư khác khác

Công ty TNHH Hưng Phát và Công ty TNHH Hưng Phát

Chi nhánh Quận 5 và Chi nhánh Quận 5

Phân bổ các khoản khác

Chi nhánh

Cộng

	Thời gian gốc gốc	Số cuối kỳ		Thời gian gốc gốc	Số đầu năm	
		Gốc gốc	Còn lại		Gốc gốc	Còn lại
		6.628.747.000	2.803.117.248		1.348.293.200	17.895.261.499
		4.888.111.000	15.848.141.000		2.000.000.000	15.848.141.000
		28.848.111.000	14.888.220.000		18.848.111.000	12.888.111.000
		4.888.111.000	14.888.220.000		4.888.111.000	14.888.220.000
		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000
		22.330.000.000	22.330.000.000		22.330.000.000	22.330.000.000
		<u>10.445.969.000</u>	<u>48.877.338.248</u>		<u>28.966.414.200</u>	<u>58.845.522.499</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUA NIÊN 2024

Bảng báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2024

Số liệu được trình bày của tài chính hợp nhất giữa năm 2024 (Số liệu thực)

Tình hình tài sản và nợ phải trả theo dõi chi tiết sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tình hình tài sản và nợ phải trả theo dõi chi tiết sau:		
Số đầu năm	(14.884.520.594)	21.173.386.219
Tình hợp dự phòng tài sản	(107.321.649)	(243.170.104)
Xuất xứ		317.088.750
Số cuối kỳ	(15.178.743.293)	(14.998.282.149)

K. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.637.575.007	-	21.500.219.279	-
Nguyên liệu sản xuất dở dang	13.988.073.294	-	12.693.008.148	-
Hàng hóa thay thế	13.949.379.479	-	18.137.043.990	-
Công cụ dụng cụ	191.328.533	-	179.704.096	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.625.075.469	-	8.649.548.238	-
Hàng bán, thành phẩm	1.014.615.927	-	1.771.187.261	-
Cộng	60.395.957.210	-	62.338.714.912	-

L. Chi phí trả trước**La. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	6.380.647.887	884.183.340
Chi phí trả trước	1.829.008.904	1.411.177.848
Chi phí trả trước	4.678.472.671	1.233.136.299
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	13.345.121.262	7.669.898.182
Cộng		

Mb. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản dài hạn	1.177.871.218.979	882.051.956.767
Chi phí trả trước	58.370.678.078	12.671.288.161
Chi phí trả trước tài sản cố định	657.622.464	1.873.158.707
Các chi phí trả trước dài hạn khác	23.882.054.710	29.197.182.782
Cộng	1.259.774.584.231	925.874.586.417

Trong đó, Công ty Cổ phần Công Thương Việt Nam và đơn vị quyền sở hữu đều gắn với cơ sở hạ tầng theo Dự án số CA1-2020/2020 ngày 20 tháng 3 năm 2024 với tổng giá trị là 942.262.476.260 VND.

Tài sản dài hạn Công ty Cổ phần Công Thương Việt Nam và Công ty Cổ phần Công Thương Việt Nam, Tổng đầu tư này đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt tại Quyết định TMCP/Quốc tế Việt Nam - TIED KINHDOANH Hệ thống và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là Y 12b).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADOPT

Số 100 Lê Thanh Tin, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH LỢI NHUẬN CHIẾT MỀM BÊN CẠO

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo được kiểm tra của tài chính hợp nhất giữa năm 2023 (Số 100)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Giá trị ở đầu năm	Mất giá ở đầu n.	Phạm vi sửa chữa trước đầu	Thời gian chuyển đổi	Giá
Tổng cộng	2.282.842.476.118	2.282.842.476.488	2.282.842.476.598	25.531.342.598	6.224.228.248.998
Số đầu năm	2.282.842.476.118	2.282.842.476.488	2.282.842.476.598	25.531.342.598	6.224.228.248.998
Thêm trong kỳ	1.348.912.489	9.148.008.710	11.180.297.710	9.226.713.028	21.284.971.167
Giá trị tiếp nhận từ các đơn vị liên kết	-	114.200.794.512	98.914.688.710	-	161.251.781.997
Được từ	-	10.284.888.318	12.797.240.000	-	11.272.794.625
Phân loại lại	-	-	24.000.218	29.000.218	-
Được từ chuyển đổi	170.181.229.411	104.178.941.975	107.207.271.047	15.224.181.589	428.912.644.675
Chuyển đổi từ kỳ trước	13.497.473.497	34.326.279	1.398.773.294	71.438.275	13.868.209.875
Số cuối kỳ	2.277.021.795.915	2.277.021.795.915	2.277.021.795.915	24.875.875.482	6.218.274.911.264
Trong đó:					
Tài sản hữu hình đang sử dụng ở đơn vị liên kết	119.288.787.482	119.288.787.482	119.288.787.482	21.825.712.888	288.884.112.342
Chi phí hao mòn					
Số đầu năm	952.098.494.194	952.098.494.672	952.098.494.799	76.891.898.848	2.448.994.202.888
Thêm trong kỳ	12.898.892.817	34.272.842.028	37.888.764.502	4.084.273.279	138.827.121.619
Được từ	-	17.340.318.228	11.497.488.184	-	17.772.794.422
Phân loại lại	-	-	1.181.218	15.383.242	-
Được từ chuyển đổi	16.097.098.606	17.298.488.523	18.044.912.648	13.872.813.245	129.811.276.182
Chuyển đổi từ kỳ trước	12.898.425.272	34.932.512	37.333.232	15.488.275	11.891.204.422
Số cuối kỳ	964.997.391.286	964.997.391.286	964.997.391.286	81.084.875.412	2.578.821.324.479
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.330.743.981.924	1.330.743.981.816	1.330.743.981.809	24.639.443.750	3.775.234.046.110
Số cuối kỳ	1.312.024.404.629	1.312.024.404.629	1.312.024.404.629	23.791.478.072	3.639.453.586.785
Trong đó:					
Tài sản hữu hình đang sử dụng ở đơn vị liên kết	-	-	-	-	-

Mức chi phí sửa chữa trước khi tính vào giá trị còn lại theo sổ sách là 1.500.000.000.000 VND đã được chi bằng số dư của tài khoản thanh toán tại ngân hàng (xem thuyết minh số 9.22).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thời kỳ và phương tiện vào sổ
Tổng cộng	
Số đầu năm	731.413.883.231
Số cuối kỳ	135.483.883.231
Chi phí hao mòn	
Số đầu năm	529.007.208.162
Thêm trong kỳ	13.887.902.912
Số cuối kỳ	542.895.111.074
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	202.406.675.069
Số cuối kỳ	1.921.988.167

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thanh Thọ, Phường Tân Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁNG CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM 2024

Bảng cáo tài chính sẽ được bổ sung ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số liệu chính báo cáo có thể bị chỉnh sửa nếu cần để (bổ sung)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyển số dùng đầu	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí đầu tư trung Web	Cộng
Nguyên giá	219.094.044.290	83.084.670.721	10.000.000	312.208.714.971
Khấu hao	-	128.842.000	-	128.842.000
Mức tăng kỳ	-	-	-	-
Giá trị thuần còn	219.094.044.290	60.242.670.721	-	279.336.714.971
Chiếm hữu kỳ đầu	14.818.247.000	7.013.575	-	14.825.260.575
Số cuối kỳ	211.275.797.290	53.229.097.146	30.000.000	274.504.894.436
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	28.746.160.412	20.000.000	28.772.160.412
Giá trị báo mòn	-	-	-	-
Số đầu năm	29.887.384.033	43.979.154.046	10.000.000	123.816.548.079
Khấu hao trong kỳ	1.149.614.760	3.754.058.058	-	4.903.672.818
Giá trị thuần còn	(7.119.605.800)	(1.899.020.333)	-	(9.018.626.133)
Chiếm hữu kỳ đầu	1.629.048.313	7.013.575	-	1.636.061.888
Số cuối kỳ	79.447.383.213	41.849.723.858	10.000.000	131.297.107.071
Giá trị còn lại	-	-	-	-
Số đầu năm	214.284.660.227	58.135.876.671	-	272.420.536.898
Số cuối kỳ	221.576.998.434	18.088.541.288	-	239.665.539.722
Trong đó:				
Tạm thời ngừng sử dụng (đang chờ thanh lý)	-	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản đã dùng

Tổng giá trị vốn tích lũy, gồm chi phí xây dựng cơ bản đã dùng được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

14. Tài sản thuê theo chấp thuận kỳ

Tài sản thuê theo chấp thuận kỳ liên quan đến các Master contract lịch thuê nhà được trình bày chi tiết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	281.952.018.307	171.290.400.870
Đổi chính sách kế toán kinh doanh trong kỳ	1.270.633.940	4.201.785.008
Giá trị thuần còn	(109.288.870)	(4.555.100.200)
Số nợ với thuê theo chấp thuận kỳ phải trả	1432.720.149	182.892.311
Số cuối kỳ	273.934.572.486	161.439.085.689

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuê theo chấp thuận kỳ là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMANET

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
HÀNG CÁO TÀI CHÍNH MỌI NGÀY ĐỀU MỞM MỞ
 Ngày báo cáo tài chính kết thúc: 31 tháng 12 năm 2023
 Đơn vị tiền tệ: Triệu VND (trừ khi có ghi chú khác)

15. Lợi thế thương mại
 Lợi thế thương mại phản ánh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Công Hòa Hội và Công ty Cổ phần Công Hòa Thương. Chi phí phát sinh trong kỳ như sau:

	Ngày 01/01	Số đã phát bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	557.710.418.514	169.000.990.349	1.78.710.605.121
Phân bổ trong kỳ		12.901.748.738	
Giá trị do thanh toán	(281.004.761.388)	(281.004.761.388)	
Số cuối kỳ	276.705.657.126	131.117.067.207	144.922.884.119

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.539.948.281	6.083.483.277
Công ty TNHH MTV Văn tế Việt Gemanet	2.014.211.288	4.902.967.212
Công ty TNHH MTV Tập sự Gemanet	1.437.850.899	761.269.817
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	787.428.873	830.427.029
Công ty TNHH MTV Gemanet Hải Phòng		
Công ty Cổ phần Công Cứu Mập Gemanet - Tansand Link	12.000.322	182.138.008
Phải trả các nhà cung cấp khác	422.828.662.824	221.246.428.897
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sài Gòn	55.258.271.078	
V.K.B. Capital Investment Co., Ltd	38.174.268.965	81.934.252.290
Hitech Investment Trading Co., Ltd	11.807.880.162	29.994.823.788
Shanghai Jinglong Shipping Co., Ltd		82.694.118.995
Các nhà cung cấp khác	479.311.324.659	127.131.928.348
Cộng	672.283.011.197	817.923.968.278

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn thanh toán.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số thanh toán trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp vào		Phải nộp	Phải trả
Thuế GTGT hàng hóa và dịch vụ	14.280.000.000	174.000.000	44.840.000.000	49.800.000.000	0	474.124.000	6.000.000.000
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			8.300.000.000	15.000.000.000			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.100.000.000	4.700.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	140.000.000	10.100.000.000	4.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.000.000.000	10.000.000	42.000.000.000	10.000.000.000	130.000.000	2.700.000.000	80.000.000
Thuế khác	50.000.000	100.000.000	11.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000	100.000.000
Các loại thuế khác	2.700.000.000	1.400.000.000	1.000.000.000	11.000.000.000	1.000.000.000	9.000.000.000	100.000.000
Cộng	27.780.000.000	19.500.000.000	76.140.000.000	87.800.000.000	140.000.000	76.924.000.000	10.900.000.000

Thuế giá trị gia tăng
 Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 0% và 10%.

Mã số thuế GTGT của công ty trong năm 2024 của công ty trong Tập đoàn là đang thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% do việc sử dụng hóa đơn đỏ được quy định theo Nghị định số 163/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Thuế xuất nhập khẩu
 Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp thuế nhập khẩu của 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Hà Nội 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bắc Ngạn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH LIỆT KHUẤT CỦA NĂM ĐÓ

Kể từ đầu của năm tài chính kể theo năm 31 tháng 12 năm 2020

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 2020 (tiếp theo)

Đánh giá chi phí doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo các thông tin chi tiết liệt kê tại Phụ lục Việt 2020. Riêng các công ty ở nước ngoài chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo quy định tại nước sở tại.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được chi trả vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được tính kỳ trước của tập đoàn hợp nhất giữa năm 2020 có thể sẽ thay đổi khi có quy định khác về.

Ghi loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn sẽ phải nộp vào theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Thân lương và các khoản phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chưa kê kê công nhân viên	118.982.189.874	217.698.475.640
Chi phí trả công nhân viên	28.890.090.000	30.666.980.800
Chi phí thuế thu nhập	8.970.290.640	8.406.276.407
Chi phí trả tiền, tiền vay, tiền thuê nhà, tiền lương môi giới	100.264.277.888	19.078.142.904
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	28.180.029.142	11.168.299.871
Cộng	177.334.895.794	286.658.175.622

20. Doanh thu chưa được nhận**20a. Doanh thu chưa được nhận ngắn hạn**

Tiền phải trả trước về các hoạt động kinh doanh.

20b. Doanh thu chưa được nhận dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoặc lợi nhuận gộp tại tài sản cố định góp vốn vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	192.438.788.163	195.817.561.688
Lãi hoặc lợi nhuận gộp các khoản đầu tư tài sản cố định đồng kiểm soát	17.964.329.738	18.448.501.218
Cộng	210.403.117.901	214.266.062.906

21. Phải trả khác**21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.866.987.238	18.542.737
Công ty TNHH MTV Việt tử Hải Gemadept - Thủ Mỹ, phải trả khác	1.055.834.286	-
Công ty TNHH MTV Tây Việt Gemadept - Thủ Mỹ	737.816.442	-
Công ty TNHH Tây Việt "K" Line - Gemadept - Thủ Mỹ	12.798.398	12.304.388
Chi phí vận chuyển hàng hóa	-	-
Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Gemadept - Tân Cảng Logistics - Thủ Mỹ	-	1.207.241

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tông, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÍNH NIÊM ĐÓNG

kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Số tiền được tính bằng VND trừ thuế giá trị gia tăng (VND) (Số tiền)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phản ánh các tài sản và nợ phải trả:	282.881.767.871	286.878.962.648
Phản ánh số dư dự trữ (dự phòng)	89.149.528.885	92.555.743.207
Cổ tức phải trả	3.762.278.878	219.238.838
Mức dự phòng để chuyển nhượng công ty (000)	-	20.000.000.000
Chi phí thuế递延 ⁽¹⁾	18.806.500.778	11.721.674.280
Hạng dự phòng ngắn hạn khác	7.583.348.104	5.198.204.518
Các khoản lưu giữ, tài hoặc phải thu bằng	2.788.907.723	1.821.408.498
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	118.239.734.143	172.008.417.413
Cộng	286.964.749.291	394.728.596.371
21a. Phản ánh dự phòng khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phản ánh bản dự phòng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Genadept -	2.000.000.000	2.000.000.000
Hiện tại và dự trữ khác	-	-
Phản ánh các tài sản và nợ phải trả	118.239.734.143	132.132.876.991
Chi phí thuế递延 ⁽¹⁾	-	515.675.994
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	118.239.734.143	134.658.672.991
⁽¹⁾ Các khoản chi phí thuế递延 phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòa Hưng, Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hòa Phát, Tân Bình Dương và Công ty Cổ phần Tập đoàn Kube Hông Tân Bình Dương được phân bổ cho các đơn vị từ năm 2011 đến 31/12/2024. Các khoản chi phí này sẽ được đánh toán và thanh toán 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng Thuế递延.		
21c. Nguồn lưu giữ thanh toán		
Tập đoàn không có sự phối hợp thanh toán cho các đơn vị.		
22. Vay và nợ thuế tài chính		
22a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngắn hạn	28.874.332.968	21.231.786.818
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam -	21.891.333.088	-
Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽²⁾	1.730.175.809	2.241.788.096
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSCB (Việt Nam) ⁽³⁾	-	49.271.138.828
Vay Ngân hàng TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam	-	-
Vay Ngân hàng Tài chính TNHH AmikamBank -	-	1.798.569.734
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-
Vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public	-	4.013.344.648
Company Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-
Vay và nợ thuế tài chính đến hạn và các tài sản khác	176.146.872.438	282.081.237.238
Vay dài hạn đến hạn trả	168.509.912.224	201.768.173.770
(theo Hợp đồng số V.228)	-	-
Hợp đồng tài chính đến hạn trả	6.636.960.214	80.313.063.468
(theo Hợp đồng số V.228)	-	-
Cộng	288.386.478.499	443.559.774.958

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 11 Lê Thám Yên, Phường Mỹ Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUA NĂM 2023

Đã được Hội đồng quản trị thông qua vào ngày 11 tháng 12 năm 2023.

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (trừ khi ghi chú khác)

- Khuyến vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản công nợ phải thu với giá trị và điều kiện đã dự kiến (xem thuyết minh số V.2)
- Khuyến vay không trả vốn đến hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSCB (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động.

Tập đoàn có thể cũng sẽ được các khoản vay và nợ khác từ các ngân hàng.

2.26. Hợp số nợ thuê tài chính (K/A):

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng dư nợ ngắn hạn	1.041.221.313.179	1.118.567.822.887
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ^(a)	526.675.425.284	560.714.473.000
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đa Minh Thăng Tự ^(b)	341.181.809.418	58.205.208.780
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – TTKD KINH LƯU HOÀ ^(c)	281.439.549.491	317.094.707.589
Vay Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn Việt Nam ^(d)	131.908.520.126	182.344.876.028
Nợ thuê tài chính khác	-	28.309.471
Thời hạn thanh Global Container International LLC Công	<u>1.415.115.111.399</u>	<u>1.518.388.331.315</u>

- Khuyến vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn đầu tư cho các dự án dự án Công Nghệ Sinh Học giai đoạn 2. Số tiền vay được hoàn trả bằng tiền, thanh toán từ đầu vào ngày 13 tháng 12 năm 2023.

Khuyến vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng các Dự án nâng cấp đường hầm Hải Phòng được bổ sung trong các báo cáo tài chính quốc tế Hải Phòng của Công Ty Cổ Phần Việt Hải Đường (bên Hải Nam). Thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản cố định của Công Ty Cổ Phần Việt Hải Đường. Hồ sơ vay có được hình thành từ các đăng ký thế chấp, vậy nên thời kỳ, từ sau số cuối của mỗi báo cáo tài chính 3 dự án Công Nghệ Sinh Học được thuyết minh số V.20).

- Khuyến vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đa Minh Thăng Tự để đầu tư xây dựng các khu Khuôn 1 sang và Khu 04 và lắp đặt trong 248 Tonne với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản đang trong quá trình thanh toán của vay được thuyết minh số V.19).

Khuyến vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đa Minh Thăng Tự để bổ sung vốn đầu tư để xây dựng dự án K10 và B1 của công ty đồng Koochemia phục vụ hoạt động sản xuất ammonia tại công. Thời hạn vay (tính từ ngày giải ngân đầu tiên) là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thanh toán của vay Công Nghệ Sinh Học số V.19).

- Khuyến vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – TTKD KINH LƯU HOÀ số để đầu tư dự án Công Nghệ Sinh Học giai đoạn 1. Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả bằng tiền, được thanh toán đầu vào ngày 20 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền thanh toán dự án, tài sản hiện có, công trình xây dựng, máy móc thiết bị, ... và các tài sản gắn liền với dự án đang tồn tại (xem thuyết minh số V.19 và V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

ĐƯỜNG 6/4 THÀNH TÂN, Phường Trần Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUẢ MÙN 6/6

Kể từ ngày 01/01/2024 tới thời điểm kết thúc ngày 30 tháng 12 năm 2024

Báo được soạn thảo theo tài khoản kế toán được ghi nhận theo Công thức

20. Khoản vay Ngân hàng TRUENITY Starline Việt Nam để tài trợ khoản vay đầu tư mua tàu Ocean Pacific và Pacific Pacific với thời hạn vay không quá 18 tháng kể từ ngày tài trợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bằng danh sách tài sản vay (xem thuyết minh số Y.10)

Khuyến vay Ngân hàng TRUENITY Starline Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án sáng chế với thời hạn vay không quá 36 tháng kể từ ngày giải ngân đến hết, Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bằng danh sách tài sản vay (xem thuyết minh số Y.10).

Tập đoàn có thể cũng trả được các khoản vay và sự thanh lý chính sách hạn.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay và sự thanh lý chính sách hạn như sau:

	Tỷ lệ năm trước	Tỷ lệ năm đến 30 năm	Tỷ lệ 30 năm	Tổng số
Hồ vãng bị				
Vay dài hạn ngắn hạn	300.976.917.324	1.210.238.292.258	400.096.764.128	1.911.311.973.710
Hồ thanh lý chính	6.600.000.000	-	-	6.600.000.000
Dự trữ phí vay	1.190.777.238	-	-	1.190.777.238
Lãi suất phải trả	1.244.262.468	-	-	1.244.262.468
Cộng	179.962.027.324	1.210.238.292.258	400.096.764.128	1.800.300.279.890
Hồ đầu năm				
Vay dài hạn ngắn hạn	155.560.175.278	1.065.426.240.000	432.341.557.262	1.653.328.095.410
Hồ thanh lý chính	21.241.013.488	28.204.871	-	21.269.228.359
Phí giữ phải vay	21.400.038.870	16.433.088	-	21.416.471.958
Lãi suất phải trả	1.422.273.278	1.077.811	-	1.423.351.089
Cộng	200.023.497.914	1.094.868.674.713	432.341.557.262	1.727.233.729.949

21. Vay và sự thanh lý chính quá hạn chưa thanh toán
Tập đoàn không có các khoản vay và sự thanh lý chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Hồ đầu năm	Hồ có động trong kỳ	Hồ hoàn nhập trong kỳ	Hồ cuối kỳ
Dự phòng chi phí sửa chữa các thiết bị vận tải	10.349.010.000	(13.100.784.000)	-	11.178.461.000
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Dự phòng các khoản phải trả trường hợp các thiết bị chạy	1.193.226.500	-	-	1.193.226.500
Cộng	12.542.236.500	(13.100.784.000)	(1.000.000.000)	11.811.717.500

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Tập đoàn bao gồm: Quỹ Khen thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Kỳ này	Kỳ trước
Hồ gốc năm	-	-
Cải thiện các kỳ quá khứ (trong kỳ)	422.229.149	(251.213.112)
Được để hoãn vẫn	-	(129.034.637)
Hồ tại cuối kỳ của quá khứ (chấp thuận tại tổ chức)	(422.229.149)	782.000.343
Hồ cuối kỳ	-	-

Thuế hoãn thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng để các khoản chi trả thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Hải Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kể từ ngày đầu tiên có hiệu lực báo cáo này 31 tháng 12 năm 2019

Số thay đổi chính thức của tài chính hợp nhất giữa năm của 42 (bảy mươi hai)

27b. Nguyên tệ của hợp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.217.044,93	1.146.136,43
Danh (VNĐ)	685,28	713,23

27c. Tỷ lệ đổi đổi đổi []

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân của số
Công ty Cổ phần Sơ Tư Chất	1.277.511.915	1.377.411.915	Đã Công ty này đã giải thể
Các đối tượng khác	1.116.738.072	1.315.748.072	Không có ảnh hưởng đến số
Cộng	4.791.274.888	4.793.274.888	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC THÊN HÃY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lấy số từ báo cáo tài chính cuối kỳ này	
	Năm này	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh	1.608.810.661.442	1.578.877.871.881
Doanh thu hoạt động tài chính: dịch vụ của tài sản, dịch vụ dự trữ, cho thuê tài sản,...	327.545.709.853	415.347.946.718
Doanh thu của hoạt động không kinh doanh khác	547.804.210	721.392.674
Cộng	1.936.437.965.495	1.994.445.811.263

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các đơn vị liên quan
 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các công ty liên quan, liên kết được trình bày tại thuyết minh số VIII.1a. Tập đoàn không phải sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ của các đơn vị liên quan không phải là công ty liên quan, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Lấy số từ báo cáo tài chính cuối kỳ này	
	Năm này	Năm trước
Giá vốn hoạt động kinh doanh	1.034.285.487.841	719.317.418.579
Giá vốn hoạt động tài chính: dịch vụ của tài sản, dịch vụ dự trữ, cho thuê tài sản,...	180.046.361.974	294.475.891.370
Cộng	1.214.331.849.815	1.013.793.310.949

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lấy số từ báo cáo tài chính cuối kỳ này	
	Năm này	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.949.482.878	21.575.552.418
Lãi tiền cho vay	18.791.451.021	1.370.281.616
Cổ tức được chia	1.043.990.028	-
Lãi thanh lý chứng khoán và tài chính dài hạn	735.322.433.051	1.844.422.436.722
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	4.895.351.538	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.081.551.423	13.838.060.933
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi tại các khoản mục đầu tư có giá ngoại tệ	828.087.848	1.819.888.251
Chi phí cơ hội ngoại tệ	214.315.813	1.114.817
Doanh thu hoạt động tài chính khác	943.725.882.378	1.683.975.541.169
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADENT

Địa chỉ: 1 Lê Thanh Tín, Phường Bắc Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY

* Tính đến các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa các kỳ tiếp theo

4. Chi phí tài chính

	Lấy số từ báo cáo đầu cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	72.171.221.819	22.309.821.536
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	38.674.333.147	21.648.638.124
Dự phòng/(Hồi nhập dự phòng) đầu tư tài chính	(18.210.406.128)	1.942.818.885
Chi phí tài chính khác	283.142.482	897.804.522
Cộng	92.938.291.320	47.800.123.067

5. Chi phí bán hàng

	Lấy số từ báo cáo đầu cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.313.874.383	2.997.454.792
Chi phí bán hàng môi giới	108.877.824.604	68.498.043.788
Các chi phí khác	8.185.571.918	626.388.572
Cộng	119.377.270.905	72.121.887.152

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lấy số từ báo cáo đầu cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	172.380.800.513	88.522.407.487
Chi phí văn phòng, đồ dùng văn phòng	3.482.871.444	1.547.300.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.283.171.533	18.156.790.831
Dự phòng phải thu khó đòi	102.271.643	243.379.788
Phân bổ lợi tức thương mại	13.801.758.758	13.801.758.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.108.440.519	30.178.918.677
Các chi phí khác	17.636.383.690	69.313.738.591
Cộng	284.358.997.490	240.699.544.178

7. Thu nhập khác

	Lấy số từ báo cáo đầu cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	5.789.203.704	2.601.434.734
Phân bổ khoản thu chưa thực hiện ^(*)	5.379.450.783	11.974.210.838
Hồi nhập nợ phải trả	113.310.804.978	-
Hồi nhập dự phòng phải trả	-	4.983.976.677
Thu nhập khác	10.084.576.391	705.848.672
Cộng	134.574.035.856	20,265,469,921

10. Khoản phải bù doanh thu chưa thực hiện Song ngữ

- Phần bù nhận được từ tài khoản số dư của Công ty Cổ phần Công Cảnh Máy Concrete – Tansuol Link phát sinh từ năm 2009 với số tiền 203.940.000.000 VND, theo giá phần bù 48 năm và 10 tháng.
- Phần bù được đánh giá lại giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty TNHH CJ Concrete Logistics Holdings phát sinh từ năm 2017 với số tiền 5.823.623.388 VND với thời gian phần bù 10 năm.
- Phần bù khoản bù doanh thu chưa thực hiện liên quan đến doanh thu dịch vụ tư vấn và thi công lắp đặt thiết bị Công ty Cổ phần Công Cảnh Máy Concrete – Tansuol Link tương ứng với phần đi thầu xây và phần bù trong kỳ của các dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 01- Lê Thanh Tân, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM ĐÓ

Bảng báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tiền tệ: Triệu đồng Việt Nam (trừ khi ghi chú khác)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lấy số từ báo cáo đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chi trả lãi vay thời gian chờ thuế	432.184.734	374.394.337
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại	806.603.187	1.337.742.811
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chiết khấu sinh lợi thời gian chờ thuế	(9.671.340.023)	(7.099.329.287)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh	(17.415.387)	(27.608.369)
Cộng	(5.437.969.691)	(4.749.800.519)

9. Lợi tức cổ phiếu**9a. Lợi tức bản trả cổ phiếu và chi phí phát hành cổ phiếu**

	Lấy số từ báo cáo đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ	882.771.917.115	1.832.574.271.341
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ tái đầu tư, Bảo hiểm nhân thọ theo kế hoạch	(61.300.760.174)	(34.119.096.237)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận tính lại cơ sở trả cổ phiếu và chi phí phát hành cổ phiếu	661.379.216.978	1.818.455.188.019
Lãi bằng hình thức gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	308.177.866	361.377.917
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.748	4.034
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.748	4.034

9b. Tăng vốn điều

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông được tăng vốn điều này và số ngày lên thị trường từ cuối năm trước (31 tháng 12) chính hợp nhất giữa năm 03 này.

10. Chi phí sửa chữa tính doanh thu yếu tố

	Lấy số từ báo cáo đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.582.078.007	174.935.662.086
Chi phí nhân công	228.642.982.241	217.864.338.839
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi tức chương mục phân bổ	227.190.664.258	194.608.200.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài	827.821.205.614	557.320.179.053
Chi phí khác	91.445.718.124	86.121.126.628
Cộng	1.998.912.668.246	1.310.789.368.117

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tín, Phường Hòa Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tính toán của báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính này được lập theo quy định của Bộ luật Kế toán

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC THÌNH BAY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ Tập đoàn cấp các khoản cho vay với tổng nợ phải trả với số tiền 18.413.134.734 VNĐ. Tại thời điểm cuối kỳ, Tập đoàn có các khoản công nợ liên quan từ các bên, thành lý tài sản và định và đã cho vay và số tiền, lợi nhuận được chi trả:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tập đoàn cấp cho vay tài sản cố định	28.019.242.436	14.918.201.409
Nợ phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	171.254.788.182	214.729.233.985
Thành lý từ sản cố định chưa thu hồi	1.347.891.116	1.347.491.116
Lãi cho vay và số tiền, lợi nhuận được chi trả	22.214.219.815	91.908.432.687

VIII. NỘI DUNG THÔNG TIN ĐIỀU**A. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm các thành viên quản lý chủ chốt, các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Aa. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc). Các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên nội thân trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phải phải giao dịch mua hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cổ nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Phụ thuộc các nhà thành viên quản lý chủ chốt và Ban điều hành

	Chiều hướng	Kỳ này	Số triệu
Hội đồng quản trị			
Ông Lê Văn Miền	Chủ tịch	1.505.170.000	1.511.411.000
Ông Chu Đức Cường	Phó Chủ tịch	1.518.250.000	1.374.200.000
Ông Nguyễn Thành Bình	Thành viên	1.862.841.000	1.393.188.700
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên	1.370.815.000	1.609.042.700
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	1.370.815.000	1.059.611.700
Ông Vũ Minh	Thành viên	976.081.000	841.273.000
Ông Steven Hanoi	Thành viên		
	(được bầu từ tháng 6 năm 2022)	240.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Văn Đông	Thành viên HĐQT độc lập	240.000.000	100.000.000
Ông Lâm Thanh Thy	Thành viên HĐQT độc lập		
	(được bầu từ tháng 3 năm 2023)	200.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Thái Sơn	Thành viên HĐQT độc lập		
	(được bầu từ tháng 6 năm 2023)	240.000.000	20.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tôn, Phường Bắc Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẬP QUÝ 3 NĂM 2024

• Công báo này được ra mắt lần đầu tiên ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa các đơn vị cấp trên

	Chức danh	Ký tên	Ngày
Ông Bôlô Dubonnet	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	14/06/2023
Ông David Do	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	14/06/2023
Ông Taroaki Kari	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	06/06/2023
Ban Giám đốc			
Ông Lưu Tường Đạt	Trưởng Ban Giám đốc	85.000.000	80.000.000
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên Ban Giám đốc	553.919.387	627.096.385
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên Ban Giám đốc	390.639.173	238.476.000
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên Ban Giám đốc (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	13.333.348
Bà Trần Hoàng Ngọc Duyên	Thành viên Ban Giám đốc (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	15.333.348
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Thanh Minh	Tổng Giám đốc	1.203.341.600	1.293.168.700
Ông Phạm Quốc Lâm	Phó Tổng Giám đốc	1.223.064.900	1.243.368.700
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc	1.004.101.600	908.898.700
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.217.481.600	1.076.548.700

14. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân Genadept - Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CP Genadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tập sự "K" Lưu - Genadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CI Genadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Golden Circle	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Chế tạo Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên Hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Tân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đa lực Miền Bắc	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Túi vải Genadept	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH MTV Vân từ biển Genadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Genadept Shipping (Singapore) Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Genadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADIPT

Số 10 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM 2024

Kể từ ngày ra đời và chấm dứt thời ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo thuyết minh tài chính chính hợp nhất giữa các công ty con

Đơn vị: Việt Nam Đồng (VNĐ)

Trong đó: Tỷ trọng phần trăm các giao dịch trong nội bộ các công ty con được loại bỏ

Lấy số từ báo cáo đầu cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công Cầu Mỹ Genadipt - Terminal Link		
Danh thu cung cấp dịch vụ	4.912.095.251	1.241.132.992
Chi phí dịch vụ	208.832.900	271.837.800
Lãi thuần vụ	11.240.274	-
Chi phí	-	48.212.904
Nợ với tổ	11.431.890	-
Chi phí khác	-	11.178.098
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn Cổ tức được chia	110.082.000.000	128.479.444.500
Công ty TNHH Tiếp vận "KT" Liên - Genadipt		
Danh thu cung cấp dịch vụ	17.781.394.620	12.519.268.888
Danh thu cho thuê tài sản	897.212.000	198.339.321
Lợi nhuận Account	19.000.000.000	18.200.000.000
Công ty Cổ phần Thương cảng Hàng Hải Cổ tức được chia	1.341.722.000	664.700.000
Công ty Cổ phần Đa dịch Anpha Dym		
Lãi thuần vụ	98.688.720	104.077.488
Chi phí	13.168.910	13.878.960
Công ty TNHH BTP Genadipt Bến Nghé		
Danh thu cung cấp dịch vụ	13.202.576.000	12.119.823.222
Chi phí dịch vụ	2.342.873.314	6.027.197.528
Nợ với tổ	-	135.891.876.568
Chi phí	-	2.283.222.180
Công ty TNHH BTP Tân An Miền Genadipt		
Danh thu cho thuê tài sản	12.126.281.310	11.811.950.442
Danh thu cung cấp dịch vụ	13.442.080.700	2.808.886.900
Chi phí dịch vụ	14.720.203.273	78.128.209.461
Thu lợi	14.021.468.344	21.108.419.780
Chi phí	21.222.177.810	17.075.742.242
Chi phí khác	28.229.222	-
Công ty Cổ phần Hoàng Logistics		
Danh thu cung cấp dịch vụ	172.920.320	171.080.000
Công ty TNHH BTP Tiếp vận Genadipt		
Danh thu cung cấp dịch vụ	1.110.324.957	1.892.642.042
Danh thu cho thuê tài sản	1.980.201.200	6.828.418.170
Chi phí dịch vụ	3.202.737.842	674.679.042
Chi phí	148.982.148	294.058.872
Thu lợi	6.028.670.487	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp trên các báo cáo tài chính là giá thực thu/chi. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty con được thực hiện theo các đơn giá thỏa thuận và phù hợp với giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Tân Ngã, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NĂM ĐÓ

3 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Năm tài chính kết thúc của tài chính hợp nhất giữa năm 2024 (tỷ đồng)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.3a, V.3b, V.3c và V.3d.

Các khoản công nợ phải trả các bên liên quan khác không có tác động và sai lệch đáng kể đến kết quả.

2. Thông tin về bộ phận

Hiện cấu trúc bộ phận chính yếu là dựa theo các lĩnh vực kinh doanh do các hợp đồng kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác công tác giao dịch và liên quan đến khai thác công.
- Lĩnh vực logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, vận chuyển các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Chủ yếu các phòng và đầu tư vào thị trường phân phối tại Lâm.
- Tổng các cơ sở giao dịch các hoạt động tổng hợp và tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của tài sản dài hạn khác và ghi nợ của khoản chi phí theo tương ứng của các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hiện kinh doanh Tập đoàn được phân bố ở trong nước và nước ngoài:

Chỉ tiêu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản thu khác theo địa lý được trình bày ở sơ đồ minh bảng như sau:

	Lợi nhuận thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Năm nay	Năm trước
Trong nước	2.095.957.999.470	1.726.877.186.437
Nước ngoài	243.079.977.337	83.332.971.898
Cộng	2.339.037.976.807	1.810.210.158.335

Chỉ tiêu về chi phí tài chính thuần đã trừ các khoản chi phí và các tài sản dài hạn khác và các khoản chi phí theo địa lý được trình bày ở sơ đồ minh bảng như sau:

	Chỉ phí tài chính thuần đã trừ các khoản chi phí và các tài sản dài hạn khác theo địa lý		Tài sản bộ phận	
	tỷ đồng năm đầu cuối kỳ này		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Năm nay	Năm trước		
Trong nước	515.292.942.796	719.598.038.918	12.799.129.578.146	11.832.643.373.499
Nước ngoài	18.432.495.159	4.382.149.531	1.717.648.268.688	1.691.953.315.889
Cộng	533.725.437.955	723.980.188.449	14.516.777.846.834	13.524.596.689.388

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán của báo cáo tài chính đã được trình bày trong Báo cáo tài chính của kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Tông, Phường Sỏi Ngà, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

LIÊN CẤP TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG NHẬN ĐÓNG

Áp dụng từ ngày 01/01/2024

Hãy đọc kỹ trước khi ký để tránh hiểu lầm (nếu cần)

I. Thông tin khác

Lợi nhuận sau thuế (sau chi phí hoạt động) của Công ty dự kiến đạt hơn 500 tỷ VND, giảm hơn 50% tỷ VND so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Lợi nhuận gộp từ hoạt động khai thác dầu khí và khoáng sản hơn 60 tỷ VND;
- Phí sử dụng công nghệ lõi doanh nghiệp, hơn 100 tỷ VND;
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm hơn 1.000 tỷ VND do tăng 50% về lợi nhuận và quy mô ở các doanh nghiệp chuyên nghiệp;
- Chi phí hoạt động quản lý doanh nghiệp giảm hơn 300 tỷ VND đầu tư cơ sở vật chất và lợi nhuận từ quy mô ở các doanh nghiệp chuyên nghiệp.

Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2024



Vũ Thị Anh Thư
Giám đốc

Phan Ngọc Lưu
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADENT

ĐƯỜNG LÊ THƯỜNG KIỆT, PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC, QUẬN 5, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

BIÊN CÁNH TÀI CHÍNH QUẢN LÝ CHI PHÍ NHỎ

ĐIỀU CHẾ SỬ DỤNG PHẦN MỀM TÍNH TỐN VÀ QUẢN LÝ

PHẦN MỀM: CÔNG TÍNH PHẦN VỐN VÀ TIỀN ĐÓNG VÀ CÁC CHỈ SỐ KHÁC TRONG QUẢN LÝ

Công ty cổ phần Công Nghiệp Công nghệ -
Trendsoft Ltd

Công ty cổ phần Việt và Đông Á Án Độ

Công ty TNHH Công nghệ Logistics Hoàng

Thành Công Công nghệ "E" Việt - (Hanoi)

Công ty TNHH Công nghệ Thương mại (Hanoi)

Công ty TNHH Công nghệ Việt

Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Việt

Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại

Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại

Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại

Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại

Công ty cổ phần và chi nhánh	Phần vốn góp đang nắm giữ	Công ty cổ phần đang nắm giữ (%)	Tổng cộng khác	Giá trị phần vốn góp
1. Công ty cổ phần Công Nghiệp Công nghệ - Trendsoft Ltd	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
2. Công ty cổ phần Việt và Đông Á Án Độ	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
3. Công ty TNHH Công nghệ Logistics Hoàng Thành Công Công nghệ "E" Việt - (Hanoi)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
4. Công ty TNHH Công nghệ Thương mại (Hanoi)	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
5. Công ty TNHH Công nghệ Việt	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
6. Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Việt	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
7. Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
8. Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
9. Công ty Cổ phần Việt Nam Thương mại	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Tổng cộng	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	0	1.000.000.000.000



[Signature]
 Ông Nguyễn Văn
 Giám đốc

[Signature]
 Ông Nguyễn Văn
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ANHQUANG

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường 13, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SỐ QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ ĐĂNG KÝ: 0312302000

Trong đó có nội dung chi tiết về nội dung đăng ký như sau:

Chi tiết xin tham khảo tại hồ sơ đăng ký.

Trên đây là nội dung chi tiết về nội dung đăng ký xin Quý khách tham khảo.

Kính gửi:

Trên đây xin gửi Quý khách:

1. Nội dung chi tiết về nội dung đăng ký.

2. Nội dung chi tiết về nội dung đăng ký.

3. Nội dung chi tiết về nội dung đăng ký.

Trân trọng,

Trên đây xin gửi Quý khách:

4. Nội dung chi tiết về nội dung đăng ký.

5. Nội dung chi tiết về nội dung đăng ký.

6. Nội dung chi tiết về nội dung đăng ký.



Trần Thị Ngọc Huyền
Giám đốc



Trần Thị Ngọc Huyền
Giám đốc



Trần Thị Ngọc Huyền
Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT, SỐ 10 ĐƯỜNG SỐ 10

Số chứng nhận đăng ký thuế: 23795

Ngày: 30-08-2024

PHÓ CHỦ TỊCH LƯƠNG PHƯƠNG HÈN NGHỆ



Lương Phương Hèn Nghệ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	i
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5-8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10-11
7. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12-43
8. Phụ lục	44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Genadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính giữa năm 2024 tháng đầu năm của tài khoản kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Genadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 300116291, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 24 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ: 16 Lê Thành Tín, Phường Bình Nhứt, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: +84 (028) 38 233 236
- Fax: +84 (028) 38 233 236

Công ty liên lạc với nhiều bạn phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi là khai thác công và logistics:

- Khai thác công: Khai thác hệ thống công vôi dự trữ Bình An Trung, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: công vôi Nam Hải (năm tháng 3 năm 2024), công vôi Nam Hải VL, Nam Hải ICC, công vôi Công vôi, công vôi Phước Lương, công vôi Dương và công vôi của Genadept Cần Thơ.
- Logistics: Trung tâm phân phối Văn và container chuyên nghiệp, Văn và công vôi, trung tâm phân phối Văn và phân phối thực phẩm, Quản lý tài sản chuyên nghiệp, Dịch vụ giao nhận, Gia hàng hóa hàng không.

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án và hoạt động trong lĩnh vực công nghệ và bất động sản:

- Công nghệ: Tổng thầu xây dựng, khai thác, chế biến sữa chua và các sản phẩm công nghệ tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, các dự án phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp thương mại và dự án Khu phức hợp tại Vũng Tàu - Lào.

Ban lãnh đạo và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Ban lãnh đạo và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ban lãnh đạo và Ban điều hành, quản lý	
Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Hoàn	Chủ tịch
Ông Chu Đức Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Nguyễn	Thành viên
Ông Vũ Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Lâm Thành Đạt	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên HĐQT độc lập
Ban Kiểm soát	
Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Đạt	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hồng Liên	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Công Thành	Phó Tổng Giám đốc



Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm ký bản thảo này là Ông Nguyễn Thanh Bình – Tổng Giám đốc Công ty (đã bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định làm đơn vị kiểm toán độc lập của năm tài chính gần nhất của Công ty, theo Quyết định của Hội đồng Kiểm toán của Công ty ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Trình bày các số liệu và các sự kiện một cách hợp lý và trung thực;
- Nếu có các chuẩn mực kế toán áp dụng của Công ty có khác biệt (nếu có) so với các chuẩn mực kế toán trong yêu cầu được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành nhưng không thể đưa rằng Công ty có sự sai lệch trọng yếu;
- Trình bày và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc thiếu đầy đủ thông tin và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đưa báo cáo tài chính trình bày trung thực và đầy đủ về tình hình tài chính và kết quả của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số liệu kế toán trên báo cáo tài chính giữa niên độ này. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đo lường chi phí liên quan. Mọi pháp luật hiện hành để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phụ thuộc Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phụ thuộc Báo cáo tài chính giữa niên độ của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phụ thuộc các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyễn Thanh Bình, Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 6 năm 2024

Mã: L13082024/AC

BÁO CÁO SOÁT KẾT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMARIFT**

Chúng tôi đã được yêu cầu kiểm toán các tài sản và nợ phải trả (chính giữa niên độ báo cáo của Công ty Cổ phần Gemarift (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024, từ ngày 01 đến tháng 08, báo giữa hàng năm để kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Báo cáo kết quả chuyển đổi từ hệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính bắt đầu ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo thanh toán Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và lập ra trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu một phần trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu cần thiết để đưa Báo cáo tài chính lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ thông tin và số liệu trung gian để gửi lại báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã được yêu cầu việc kiểm toán theo Chuẩn mực Việt Nam về kiểm toán Dịch vụ kiểm toán số 2410 - Audit kết thúc của lập trình giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập và Công ty TNHH A&C.

Công việc kiểm toán được tiến hành chính giữa niên độ báo cáo việc thực hiện các bước kiểm toán, đây vẫn là những yêu cầu nghiêm ngặt tuân thủ quy định của các tiêu chuẩn kế toán, theo hướng dẫn của pháp luật và các tài liệu kiểm toán. Một cuộc kiểm toán và trình bày pháp lý hợp lý một cách nhất quán tuân theo quy định của các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có thể được sự đồng ý của Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán và có thể được giải thích trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Các số liệu kết quả kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác đáng tin cậy rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã trình bày trung thực và hợp lý, theo các tiêu chuẩn kiểm toán. Các thông tin cần thiết của Công ty Cổ phần Gemarift từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tài sản và nợ phải trả (chính giữa niên độ) thông tin của năm tài chính bắt đầu ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý và báo cáo tài chính giữa niên độ và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C



[Handwritten signature]

Trần Văn Tuấn

Thành viên Ban Giám đốc

Số Công ty TNHH A&C số đăng ký: 0312345678

Ngày đưa ra ý kiến

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: Lê Thành Tín, Đường Tôn Thất Chất, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1 tháng đầu năm so với cùng kỳ đầu năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Tại ngày 30 tháng 8 năm 2024

Đơn vị tiền tệ: VND

CHI TIẾT		Hàng năm	Thuyết minh	Cố định kỳ	Cố định kỳ
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	000		1.214.394.826.479	1.082.741.247.128
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	000	V.1	616.762.092.518	664.197.136.138
1.	Tiền	001		122.874.762.129	107.429.832.615
2.	Các khoản tương đương tiền	002		493.887.330.389	556.767.303.523
II.	Hết nợ tài chính ngắn hạn	000		464.007.299.600	332.147.724.998
1.	Công nhận kinh doanh	001	V.2a	64.402.944.840	61.722.122.889
2.	Chi phí phải trả kinh doanh	002	V.2b	174.234.024.390	121.271.826.779
3.	Tiền vay ngắn hạn từ các ngân hàng	003	V.2c	225.370.330.370	149.153.575.330
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	000		816.402.488.344	1.086.407.376.799
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	001	V.3	178.473.822.401	132.822.721.249
2.	Phải thu của người bán ngắn hạn	002	V.3	18.402.382.707	13.718.149.188
3.	Phải thu với công nhân viên	003		-	-
4.	Phải thu khác của các tổ chức kinh tế đồng nghiệp	004		-	-
5.	Phải thu với đơn vị phụ thuộc	005	V.3a	216.123.208.890	244.797.927.881
6.	Phải thu ngắn hạn khác	006	V.3b	407.803.175.922	595.065.580.499
7.	Chi phí phải trả ngắn hạn khác	007	V.3	1.043.700.000.170	114.321.149.243
8.	Thu nhập hoãn lại	008		-	-
IV.	Hàng tồn kho	000		3.421.896.877	3.897.626.877
1.	Hàng tồn kho	001	V.3	3.421.896.877	3.897.626.877
2.	Chi phí phải trả hàng tồn kho	002		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	000		74.807.340.891	78.163.891.527
1.	Chi phí tài chính ngắn hạn	001	V.4a	1.607.425.228	2.114.099.124
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	002		22.261.197.877	26.798.626.231
3.	Thuế và chi khác liên quan thuế thu nhập doanh nghiệp	003	V.4b	79.221.896	77.324.499
4.	Chi phí mua bán tài sản không phải là bất động sản	004		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	005		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BERADIPT

Địa chỉ: 18 Thành Tín, Phường Hòa Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỬA NĂM ĐÓ

4 tháng đầu năm năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND (tỷ đồng)

CHỈ TIÊU		Hàng năm	Thuyết minh	Hàng năm	So sánh năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	209		5.075.995.104.998	5.779.241.024.779
1.	Cổ phiếu phải thu dài hạn	210		522.299.408.742	522.299.408.742
2.	Phải thu dài hạn của chính hãng	211		-	-
3.	Tài sản của người bán dài hạn	212		-	-
4.	Yêu cầu thanh toán từ người bán	213		-	-
5.	Phải thu về tài sản dài hạn	214		-	-
6.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.26	495.266.000.000	74.576.000.000
7.	Phải thu dài hạn khác	216	V.26	22.828.000.000	22.844.000.000
8.	Dự phòng phải thu dài hạn (1) (2)	220		-	-
II.	Tài sản vô định	220		719.499.404.329	653.147.563.869
1.	Tài sản vô định hữu hình	221	V.10	602.106.275.516	602.106.275.516
-	Nguyên giá	222		6.428.218.800.000	6.276.106.699.217
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.826.112.524.494)	(5.674.000.423.701)
2.	Tài sản vô định không hữu hình	224	V.11	1.197.313.170	50.041.288.353
-	Nguyên giá	225		(2) (1) (3.000.000.000)	(1) (1) (3.000.000.000)
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.802.686.830)	(2.958.757.641.647)
3.	Tài sản vô định vô hình	227	V.12	10.181.028.643	13.798.014.999
-	Nguyên giá	228		85.431.200.000	86.246.746.777
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.250.171.357)	(72.448.731.778)
III.	Hàng tồn kho	230		-	-
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dễ dàng dài hạn	240		1.811.488.973	49.461.108.145
1.	Chi phí tài chính, kinh doanh dự phòng dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí dự phòng tài chính khác	242	V.13	1.811.488.973	49.461.108.145
V.	Hàng tài trợ tài chính dài hạn	250		4.438.421.694.056	4.717.611.396.276
1.	Hàng tài trợ tài chính ngắn hạn	251	V.20	3.442.708.876.566	3.870.828.646.716
2.	Hàng tài trợ tài chính kỳ hạn ngắn, vừa hạn	252	V.20	1.816.084.271.941	1.816.084.271.941
3.	Hàng tài trợ tài chính kỳ hạn dài hạn	253	V.20	1.180.000.000	2.000.000.000
4.	Dự phòng hàng tài trợ tài chính dài hạn	254	V.20	(2) (1) (944.021.705)	(2) (1) (274.524.145)
5.	Hàng tài trợ tài chính khác	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.499.496.754	1.488.001.782
1.	Chi phí tài chính dài hạn	261	V.20	4.499.496.754	1.488.001.782
2.	Tài sản thuộc tài trợ tài chính	262		-	-
3.	Tài sản, vật tư dự phòng khác về dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	264		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.195.248.084.175	7.199.887.083.962

CÔNG TY CỔ PHẦN CONADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Duẩn, Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN

đ. Báo cáo tài chính kế toán ngày 31 tháng 1 năm 2024

Mang tính chất bổ sung giữa năm (nếu có)

CHỈ TIÊU		Đơn vị	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C1	MỘT SỐ TRẢ	200		471.285.025.000	799.264.826.878
1.	Hàng ngày bán	210		422.000.000.000	445.024.826.878
2.	Phải trả người bán hàng bán	211	Y.14	24.945.414.379	25.210.000.000
3.	Người mua trả tiền trước hàng bán	212		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp theo luật	213	Y.15	22.000.100.000	22.000.000.000
5.	Phải trả người lao động	214	Y.16	48.207.800.000	44.894.817.000
6.	Chi phí trả trước hàng bán	215	Y.17	1.704.400.000	1.000.000.000
7.	Phải trả nợ thuế nợ thuế hàng bán đồng chi đồng	217		-	-
8.	Được trả tiền thu tiền hàng bán	218	Y.18	1.212.480.000	8.471.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	219	Y.19	176.710.187.000	188.186.475.000
10.	Vay và nợ phải trả ngắn hạn	220	Y.20a	80.210.000.000	110.000.000.000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	221	Y.21	1.100.000.000	1.100.000.000
12.	Chi phí hàng tồn kho	222	Y.22	84.170.000.000	28.000.000.000
13.	Chi phí khác	223		-	-
14.	Chi phí khác hàng tồn kho	224		-	-
C2	Hàng hóa bán	230		200.000.000.000	200.000.000.000
1.	Phải trả người bán hàng bán	231		-	-
2.	Người mua trả tiền trước hàng bán	232		-	-
3.	Chi phí hàng tồn kho	233		-	-
4.	Phải trả nợ thuế nợ thuế hàng bán	234		-	-
5.	Phải trả ngắn hạn khác	235		-	-
6.	Được trả tiền thu tiền hàng bán	236		-	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	237		-	-
8.	Vay và nợ phải trả ngắn hạn	238	Y.20b	200.000.000.000	200.000.000.000
9.	Tài sản khác	239		-	-
10.	Cổ phiếu mua lại	240		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	241	Y.23	1.200.000.000	700.000.000
12.	Dự phòng phải trả khác	242		-	-
13.	Chi phí khác hàng tồn kho	243		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 3 Lê Thánh Tông, Phường Đa Phước, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HITA KIỂM ĐỊNH

6 tháng đầu năm 2024 so sánh với cùng kỳ năm 2023

Đơn vị: Triệu đồng (chưa trừ thuế thu nhập doanh nghiệp)

CHỈ TIÊU	Số đ	Thay đổi năm	Số tiền (đ)	
			2024	2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	488		1.000.071.712.000	1.000.071.712.000
1. Vốn chủ sở hữu	488		1.000.071.712.000	1.000.071.712.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	0,00	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phần phổ thông và quyền biểu quyết	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phần ưu đãi	0,00		-	-
2. Thặng dư của cổ phần	412	0,00	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2.1. Quyền lợi chuyển đổi của cổ phần	412		-	-
2.2. Vốn khác của chủ sở hữu	412	0,00	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2.3. Cổ phần quỹ	412		-	-
2.4. Chuyển đổi thành giá trị sổ sách	416		-	-
2.5. Chuyển đổi từ giá trị khác	417	0,00	12.000.000.000	12.000.000.000
2.6. Quỹ đầu tư phát triển	418	0,00	70.000.000.000	70.000.000.000
2.7. Quỹ hỗ trợ đào tạo chuyên nghiệp	419		-	-
2.8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0,00	10.000.000.000	10.000.000.000
2.9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	0,00	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Dự trữ của cổ phần	421b		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ năm trước	421c		100.000.000.000	100.000.000.000
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
3.1. Nguồn hình thành và quỹ khác	423		-	-
3.2. Nguồn khác từ chuyển nhượng tài sản cố định	424		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	488		1.000.071.712.000	1.000.071.712.000

Thành lập, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Nguyễn Anh Thế
 Giám đốc

Nguyễn Văn Tuấn
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SENADEPT

Địa chỉ: 114 Thành Tín, Phường Bắc Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số tài khoản: 03110000000000000000

Ngày báo cáo: 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

8 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

MÃ SỐ	Mô tả	Đơn vị tính	Lãi số từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Thực tế	Giá trị kế toán	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V/L1	327.488.100.000	327.488.100.000
2	Chiế giảm giá trị doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		327.488.100.000	327.488.100.000
4	Chi phí bán hàng	11	V/L2	60.000.000.000	60.000.000.000
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		267.488.100.000	267.488.100.000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	31	V/L3	10.000.000.000	10.000.000.000
7	Chi phí tài chính	32	V/L4	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
8	Chi phí bán hàng	33	V/L5	10.000.000.000	10.000.000.000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34	V/L6	60.000.000.000	60.000.000.000
10	Lợi nhuận trước thuế hoạt động kinh doanh	40		192.488.100.000	192.488.100.000
11	Thu nhập khác	51	V/L7	10.000.000.000	10.000.000.000
12	Chi phí khác	52			
13	Lợi nhuận khác	60		10.000.000.000	10.000.000.000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70		212.488.100.000	212.488.100.000
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ tính	71	V/L8	40.000.000.000	40.000.000.000
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	72	V/L9	10.000.000.000	10.000.000.000
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80		162.488.100.000	162.488.100.000
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	90	V/L10		
19	Lãi sau thuế trên cổ phiếu	91	V/L11		

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

[Signature]

VĂN ANH TÊN
Người lập

[Signature]

Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng



[Signature]
Nguyễn Văn Anh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GERADIFT

Hàng số 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG NIÊN ĐỘ

đính kèm báo cáo tài chính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

(Theo phương pháp dồn tích)

đính kèm báo cáo tài chính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thay đổi năm	Lưu chuyển tiền tệ và các khoản tương đương	
			Năm nay	Năm trước
Đơn vị tính: VND				
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.421.218.899	2.426.702.997.899
2. Điều chỉnh lợi nhuận trước thuế				
- Điều chỉnh các chi phí và lợi nhuận sau thuế	02	V.10, V.11	68.897.963.271	22.906.444.773
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7	(28.097.490.322)	49.000.983.710
- Lợi, lỗ nhận từ tỷ giá và chênh lệch giá trị các khoản mua bán đi và ghi ngoại tệ	04	V.12	(1.799.792.702)	11.098.779.173
- Lợi, lỗ từ hoạt động tài chính	05	V.13, V.14	(427.747.028.921)	(2.426.702.997.899)
- Các chi phí nộp	06	V.14	(1.831.983.248)	19.701.890.874
- Các khoản được miễn thuế	07			-
2. Lợi chuyển từ hoạt động kinh doanh trước thuế và các khoản nộp	08		141.883.773.967	222.907.962.874
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(74.874.872.522)	(20.013.346.390)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		316.840.273	1.000.219.281
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		(24.876.942.973)	(46.320.328.094)
- Tăng giảm chi trả thuế	12		221.400.344	4.187.128.280
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		11.421.299.744	-
- Tiền lãi vay đi và	14	V.17, V.18	(15.772.401.893)	(22.897.263.417)
- Tiền lãi chi phí mua ngoại tệ để nộp	15	V.18	(48.592.598.099)	(26.723.961.754)
- Tiền thu nhập từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền thu nhập từ hoạt động kinh doanh	17		(22.318.146.290)	(28.296.294.452)
- Tiền chi trả các khoản hoạt động kinh doanh	18		24.178.771.771	54.744.716,81
II. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản vô hình	19	V.20, V.21 V.15, V.16	(12.447.645.793)	(77.841.874.497)
2. Tiền thu từ chuyển nhượng tài sản cố định và các tài sản vô hình khác	20	V.18	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Tiền chi để mua sắm các chứng khoán có mệnh giá 1000đ	21	V.20, V.21, V.2	(10.078.900.000)	(1.247.000.000.000)
4. Tiền thu từ chuyển nhượng các chứng khoán có mệnh giá 1000đ	22	V.20, V.21, V.2	621.171.370.847	70.004.602.000
5. Tiền chi để mua quyền mua cổ phiếu ưu đãi	23	V.20	(22.899.542.763)	(27.294.800.000)
6. Tiền thu từ việc trả góp vốn ưu đãi ưu đãi	24		127.490.000.000	1.414.949.104.779
7. Tiền thu từ chuyển nhượng các tài sản khác	25	V.21, V.2	184.707.262.120	171.911.982.718
III. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	26		62.607.261.771	494.298.871.422

CÔNG TY CỔ PHẦN CEMENT

Số 001, K. Lê Thành Tín, Phường Bình Hưng, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TIỀN MÙI

Được lập theo hình thức kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản cáo báo cáo tài chính theo kế toán công cụ (tính thuế)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị tính theo đơn vị tiền tệ Việt Nam	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền tệ theo ngày 31 tháng 12 năm 2024				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các đơn vị	01	VNĐ	40.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp của các đơn vị (cả, tạm bị) cổ phiếu của doanh nghiệp bị giải thể	02		-	100.000.000.000
3. Tiền thu từ vay	03		1.700.000.000	100.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	04		(61.000.000.000)	(800.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc từ tài khoản	05		(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
6. Các khoản bù nhận của khách hàng khác	06		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	09		(17.000.000.000)	(100.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	08		60.000.000.000	400.000.000.000
Hết và trong tháng đầu tiên của năm	07	VNĐ	60.000.000.000	60.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	01		10.000.000	100.000.000
Tiền và trong tháng đầu tiên của năm	06	VNĐ	40.000.000.000	50.000.000.000

Vũ Thị Anh Thư
 Người lập

Nguyễn Thị Lan
 Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Nguyễn Thanh Bình
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 04 Lê Thanh Thọ, Phường Bờ Ngà, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN 2024

Bảng cân đối kế toán và bảng lỗ lãi theo ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo Doanh nghiệp Báo cáo tài chính giữa niên 2024 (Đơn vị: VND)

A. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có 16 công ty con và 10 công ty liên doanh, 100% vốn (tỷ) đều do các công ty con Công ty mẹ (TT công ty con và 10 công ty liên doanh, (Hàng Mã))

B. Bảng kết cấu công ty con tại thời điểm cuối kỳ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Công Việt Bình Yên	12/CA1, Khu công nghiệp Nam Đồng Mỹ, Phường Đông Hòa 2, Quận Hồ An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần XGD Nam Hải	16/CG2, Khu công nghiệp HEP Bình Yên, Phường Đông Hòa 2, Quận Hồ An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công Quốc H Comtech - Công Quốc	Mũi số 1 - Công nghiệp Đông Quốc, Xã Bình Thới, Huyện Bình An, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH Công Phước Long	11 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Việt An Trường Thọ	4/Phước Hưng Xã Lê Hòa Tây, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ và Thiết bị Công nghệ Trường Thọ Công Việt	11 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Việt An Hưng Hải Trường Thọ Công Việt	12 Vũ Văn Sơn, Phường Bà Kiết, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghệ Việt An Trường Thọ Công Việt	3 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Trường Thọ Công Việt Bình Dương	Khu công nghệ và Công nghiệp, Quận Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hoa Sơn Trường Thọ Công Việt	Khu công nghệ và Công nghiệp, Quận Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Trường Thọ Công Việt Bình Dương	Khu công nghệ và Công nghiệp, Quận Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Việt An Trường Thọ Công Việt	11 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Trường Thọ Công Việt	117 Nguyễn Trường Thọ, Phường 1, TP. Thủ Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Comtech Việt An	11A Phạm Hùng Đường, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Comtech Bình Thuận	Thị trấn Thuận Hải, Phường Thuận Hải, Quận 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam	100%	100%	100%

- 10 Công ty liên doanh hiện tại của Công ty Cổ phần Dịch vụ Việt An Trường Thọ do được sự ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty mẹ nắm giữ 50% vốn góp tại mỗi công ty liên doanh và đồng là 50%

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM 2024

6 tháng đầu năm 2024 (từ ngày 01 tháng 01 năm 2024)

Đơn vị: triệu đồng (tất cả các số chính giữa trừ số 0 lấy chữ)

6. Bảng số liệu công ty liên doanh, liên kết có thể điều chỉnh lại

Tên công ty	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ mua vào	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền lợi ích
Công ty Cổ phần Công Cơ Anp Genesart - Technical Ltd	Ấp Tân Lộ, Phường Phước Hòa, Thị trấn Phước Hòa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	41,87%	11,87%	41,87%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Bà Rịa	39 Phạm Thái Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	55,40%	31,40%	55,40%
Công ty TNHH Cổ Genesart Logistics Holdings	4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,39%	49,39%	49,39%
Công ty TNHH Tập đoàn "E" Ltd - Genesart	4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	11,00%	11,00%	11,00%
Công ty TNHH Cổ Genesart Shipping Holdings	4 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,39%	49,39%	49,39%
Công ty TNHH Quốc tế Genesart	177 Lê Lợi, Phường Hòa Thuận, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thương phẩm	27 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần Đa lợi Miền Bắc	Cầu Treo, Ấp Hòa Tây, Thị trấn Phước Hòa, Huyện Phước Hòa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Tân	13 Hoàng Hoa, Phường 11, TP. Vĩnh Tân, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%

6. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hoặc đơn vị phụ thuộc có thể điều chỉnh lại

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vàng Bà Rịa - Vũng Đông	Lưu 17, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Cơ sở kinh doanh Cầu Treo	81-83-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vàng Tân	Cán bộ LK 12, Chung cư Vàng Tân Garden, 31 Lê Lợi, Phường Trưng Bội, TP. Vĩnh Tân, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

7. Tuyên bố về bất đồng cơ cấu bảng số liệu Báo cáo tài chính:
Các số liệu trong báo cáo tài chính đã trình bày được với số liệu của kỳ này.

8. Nhận xét:
Tất cả các số liệu kế toán Công ty và 100% chi nhánh đang áp dụng đều dựa trên hệ thống kế toán chung.

II. NÂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TÊ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Đơn vị tiền tệ**
Đơn vị tiền tệ của Công ty báo cáo là ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN GOMADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thái Tổ, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỮA HIỆP ĐỘ

8 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Hàn thuyên sách báo cáo tài chính giữa năm 2014 (tiếp)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 15/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn theo Hệ thống mẫu số tài khoản của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa năm 2014.

2. Tuyến chỉnh sửa việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 15/2014/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn theo Hệ thống mẫu số tài khoản của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa năm 2014.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích trừ các tăng giảm quan trọng không đồng đều.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi đơn vị giá trị ngoại phát sinh giao dịch: từ đơn vị của Đơn vị tiền tệ cơ sở (ngoại tệ) sang đơn vị giá trị ngoại tệ cơ sở (đồng Việt Nam) dựa trên tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Ngoại tệ Việt Nam áp dụng tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Chuyển đổi tỷ giá hối đoái trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu, lợi nhuận và chi phí hoặc chi phí tài chính. Chuyển đổi tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo kỳ hạn của chính sách tăng và chính sách giảm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ từ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá kỳ kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp từ các đơn vị ngoại tệ của ngân hàng với Công ty và tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với các phát hành tỷ giá mua của ngân hàng thương mại với Công ty của đơn vị khác bằng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các phát hành tỷ giá bán của ngân hàng thương mại với Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua bán tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán bằng ngoại tệ (đồng ngoại tệ) từ khoản phát sinh tỷ giá mua của ngân hàng thương mại với Công ty theo liên danh mua.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ ghi nhận bằng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng với Công ty với số khoản ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENAORIT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐẠO CẠO TÀI CHÍNH HIKA NHIÊN DỘ

8 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tiền tệ: Đơn vị tiền tệ Việt Nam (đồng Việt Nam)

- Đối với các khoản mục trên là có gốc ngoại tệ được ghi loại là đơn vị tiền tệ giá trị ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Miền Nam – Chi nhánh Hà Nội Trung Ương Ngân hàng Công ty hàng ngoại tệ (gốc ngoại).
- Đối với các khoản mục trên là có gốc ngoại tệ được ghi loại là ngoại tệ gốc là ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV Miền Nam – Chi nhánh Hà Nội Trung Ương Ngân hàng Công ty hàng ngoại tệ (gốc ngoại).

3. Tỷ lệ và các khoản tương đương tiền

Tỷ lệ bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tài trợ của công ty.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chương khoản đầu tư ngắn hạn

Chương khoản đầu tư được phân loại là chương khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư tài chính có kỳ hạn không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tài trợ của công ty.

Chương khoản đầu tư ngắn hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Các gốc của chương khoản đầu tư được thực hiện đầu tư theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận các khoản chương khoản đầu tư ngắn hạn là thời điểm Công ty sở quyền sở hữu, có thể nắm giữ.

- Đối với chương khoản đầu tư ngắn hạn ghi nhận tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.
- Đối với chương khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.

Tỷ lệ và các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn được thực hiện đầu tư theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư. Tỷ lệ và các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn được thực hiện đầu tư theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.

Tư chính ngắn hạn là các khoản đầu tư ngắn hạn được thực hiện đầu tư theo giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.

- Đối với chương khoản đầu tư ngắn hạn ghi nhận tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn ghi nhận tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.
- Trương hợp về phần đầu tư ngắn hạn ghi nhận tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.

Tương, phần đầu tư ngắn hạn ghi nhận tại thời điểm mua đầu phát sinh công nợ của gốc tiền ngoại tệ gốc ngoại tệ của chương khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thánh Văn, Phường Hòa Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH TIẾP THEP

Đã được chấp thuận bởi Hội đồng quản trị vào ngày 21 tháng 12 năm 2023

Ngày khởi hiệu lực: Theo văn tài chính giữa năm 2024 (Chức danh)

Lưu hoặc là cơ chế chuyển nhượng không thuộc loại được ghi nhận vào danh mục loại hình tài chính hoặc chỉ ghi tài chính. Các vấn đề được nêu dưới đây không phải là các khoản ghi nhận tài chính.

Các khoản đầu tư vào ghi nhận ngày đầu tiên

Khuyến đầu tư được phân loại là khoản ghi nhận ngày đầu tiên khi Công ty sử dụng nó làm bằng chứng ngày đầu tiên. Các khoản đầu tư nhận ghi nhận ngày đầu tiên của Công ty chỉ có thể ghi nhận bằng số kỳ hạn với mục đích tài chính kỳ.

Các khoản đầu tư nhận ghi nhận ngày đầu tiên được ghi nhận ban đầu theo giá ghi báo gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị trị giá theo bản. Theo thời gian, các khoản đầu tư nhận ghi nhận ngày đầu tiên mà ngày mua được ghi nhận vào thời gian kết quá hoạt động kinh doanh trên cơ sở chi trả. Khi được hưởng mệnh lợi Công ty nhận ghi được ghi giảm trừ vào giá ghi tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, trị giá phải được ghi nhận vào thời gian kết thúc trong kỳ và giảm trị giá theo giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được xác định theo giá ghi trừ đi các khoản dự phòng phải thu hồi lại. Dự phòng phải thu hồi lại của các khoản đầu tư được lập ra dựa trên các dự kiến của ban lãnh đạo về khả năng thu hồi.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp khác mà khoản vốn của Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận Công ty có thể ràng buộc một số chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp khác đầu tư nhận theo được áp dụng chính trị và các hoạt động của doanh nghiệp khác.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập với cơ sở thỏa thuận trên cơ sở đồng và được ghi Công ty và các bên tham gia được hiện hành đồng kinh tế với cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đơn vị có quyền quyết định trong việc chia sẻ hoặc phân phối các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp khác đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá ghi báo, bao gồm giá mua ban đầu. Khoản ghi nhận công ty con chỉ ghi nhận phần vốn góp của công ty con. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá ghi nhận đầu tư được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm ghi nhận.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước trả khoản đầu tư được nhận được hạch toán giảm giá trị của khoản đầu tư đầu tiên. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được nhận được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng số phần vốn được trao đổi về hàng và phần tăng thêm, không ghi nhận giá trị số phần vốn được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tông, Phường Tân Hòa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẠO CÁO TẠI CHỖ LÀM VIỆC (NIÊN 01)

4 tháng đầu làm việc tại công ty theo ngày 21 tháng 01 năm 2024

Sau thành công làm việc tại công ty theo đúng quy định

Dự phòng các thất thu của khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình lập Dự phòng các thất thu của khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo quy định pháp luật về kế toán và kế toán thuế tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vào chỉ số Hòa nhập số liệu với hệ thống kế toán của Công ty mẹ công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Sau công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng áp dụng vào tài chính hợp nhất để chi trả để xác định dự phòng các thất thu của khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết của phân tích lập tài trợ tài chính kỹ thuật được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Từng giao số dự phòng các thất thu của công ty con, công ty liên doanh, liên kết của phân tích lập tài trợ tài chính kỹ thuật được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công ty con thuộc Công ty thành lập quyền hạn mới, đồng thời sau đó có thể không đăng ký để vào đơn vị đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con của đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua lại khoản góp vốn công ty con ghi trực tiếp lên sổ sách kế toán công ty con. Các tài sản của kỹ thuật tài khoản đầu tư được mua được hạch toán ghi giá trị của khoản đầu tư đi. Các tài sản của đơn vị khác khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Các tài sản chấp nhận của phân tích được mua đi và lượng của phân tích được, không ghi nhận giá trị của phân tích được.

Dự phòng các thất thu của khoản đầu tư vào công ty con của đơn vị khác được trình lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào chi phí phân tích với hình thức kỹ thuật tài khoản đầu tư được mua đi và chi, vào lập dự phòng các thất thu của phân tích và chi phí.
- Đối với khoản đầu tư không ghi nhận được giá trị hợp lý tại thời điểm mua, việc lập dự phòng được thực hiện vào số vốn khoản đầu tư của đơn vị khác ghi nhận vào chi phí phân tích giữa vốn đầu tư được đi vào chi của đơn vị khác và vào chỉ số Hòa nhập số liệu tài trợ tài chính kỹ thuật được ghi nhận vào chi phí tài chính của Công ty mẹ với tổng vốn đầu tư góp vào đơn vị khác.

Từng, giao số dự phòng các thất thu của công ty con của đơn vị khác của phân tích lập tài trợ tài chính kỹ thuật được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu theo thời hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được theo hệ thống quy định như sau:

- Phải thu của khách hàng phân loại các khoản phải thu trong thời gian thanh toán phải tính từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phân loại các khoản phải thu không có tính thanh toán, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu theo dõi được lập chi tăng hoặc dự phòng phải thu theo dõi chi của đơn vị khác theo chi phí của tài trợ tài chính.

Từng, giao số dự phòng các khoản phải thu theo dõi của phân tích lập tài trợ tài chính kỹ thuật được ghi nhận vào chi phí phân tích được ngay.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm thành quả và hàng tồn. Các giá trị hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí ghi nhận qua trực tiếp hoặc phân tích để có được hàng tồn kho hiện có trong thời điểm tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEMAGEPT

ĐƯỜNG SỐ 12 THÀNH THẠNH, PHƯỜNG THẠNH THẠNH, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÀI CHÍNH NĂM 2024

8 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tiền tệ: VND (trừ khi có ghi chú khác)

Tất cả các số liệu tài chính được trình bày trong báo cáo này đã được kiểm toán theo phương pháp kế toán thường lệ.

Các số liệu có thể thay đổi được là giá bán của hàng tồn kho trong kỳ của việc, tính được bằng phương pháp giá trị gốc trừ đi giảm trừ các chi phí vận chuyển của hàng tồn kho theo tiêu chuẩn.

Tập trung giảm giá hàng tồn kho được lập dựa trên một hàng tồn kho có giá gốc theo báo giá và thuế có thể được thực hiện. Tập trung số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí được là chi phí vận chuyển và các khoản chi phí hợp đồng của việc kinh doanh các dịch vụ kỹ thuật. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và chi phí trả trước từ các container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được nhận từ các chi phí này.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của kỳ đóng tài khoản.

Chi phí trả trước các container

Các chi phí trả trước các container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 12 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Tài sản thuê hoạt động là tài sản thuê hoạt động theo phần lớn được và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người thuê. Các chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá là của số danh tính hữu hình trừ đi các chi phí chi trả cho Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định trừ đi thuế tiêu thụ đặc biệt và các chi phí vận chuyển của hàng tồn kho. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận hàng tồn kho chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do nó được sử dụng để. Các chi phí phát sinh không chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế được ghi nhận là chi phí chi xuất, liệt kê trong kỳ.

Các tài sản cố định hữu hình được báo theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xác định và báo là phần còn lại thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng của thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	20 năm
Hàng hóa, vật liệu xây dựng	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 61/2 Đường Tân Hoàng Phố, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐĂNG KÝ TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 11/2019/0000000

Ngày thành lập: 15/05/2019

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuế tài sản cố định thuê tài chính là khoản thuế tính trên giá trị của tài sản cố định thuê tài chính mà người thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trị hợp lý của tài sản đó thuộc về người thuê tài chính. Tài sản cố định thuê tài chính là giá trị hợp lý của tài sản cố định thuê tài chính tại thời điểm bắt đầu của hợp đồng thuê và ghi sổ kế toán của khách thuê tài chính theo tiêu chuẩn kế toán. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tài chính cho việc thuê tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện trong hợp đồng thuê tài sản cố định thuê tài chính. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản cố định thuê tài chính thì sử dụng lãi suất của hợp đồng mua bán trái phiếu doanh nghiệp tương đương tại thời điểm bắt đầu của hợp đồng thuê tài chính.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ sử dụng bao nhiêu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê tài sản cố định thuê tài chính hoặc hạn thuê tài chính ngắn hạn-giữa hạn thuê tài sản cố định thuê tài chính thì sẽ ước tính hạn của mình và phương pháp này sẽ không quá 60 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trị mua hoặc tự tạo.

Nguyên giá trị của tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải trả để có thể sử dụng tài sản cố định vô hình theo tiêu chuẩn kế toán của Việt Nam. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phải sinh ra khi ghi nhận tài sản cố định vô hình và chi phí sửa chữa, bảo dưỡng trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá trị và giá trị hao mòn lũy kế được xác định và số lãi hoặc lỗ thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất ghi trong sổ Công ty để chỉ ra chi phí quan trọng tập trung để sử dụng, bảo quản, cải tạo và xử lý số quyền sử dụng đất, chi phí cho đất đai, chi phí phân bổ bằng, các chi phí bồi đắp, chi phí tưới tiêu... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm mua sẵn

Chi phí mua quyền sử dụng chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng và có thể quan được mua bán. Nguyên giá trị của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã trả ra một lần để được mua phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 10 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí tài trợ và lãi suất) phát sinh và tích lũy từ toàn bộ Công ty để xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, xây dựng công trình xây dựng lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, chi trả thuế và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận chi trả về các khoản nợ trong kỳ liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số của phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả ngoài hạn, chi phí phải trả và phải trả khác được phân loại theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADSOFT

Ngã tư 6 Lê Thanh Thọ, Phường Bắc An Phú, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

HÀNG CỬA TÀI CHÍNH QUỐC TẾ HIỂM ĐỘ

8 tháng 08 năm 2018 và chỉnh sửa cuối cùng ngày 10 tháng 12 năm 2024

Khoản Điều khoản Bảo hiểm Tài chính giữa các nhà đầu tư Việt Nam

- Phải trả người bảo hiểm bất cứ khoản phí và mang tính chất thường nhật phải trả từ giữa thời gian hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán tài sản và độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả, phần bất cứ khoản phí trả chi hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc từ công ty của người mua nhưng chưa chi trả đủ cho các khoản được thanh toán từ họ, tài sản tài sản và các khoản phải trả chi người lao động và các khoản nợ pháp, các khoản chi phí của công ty, kinh doanh phải được trả.
- Phải trả kinh phí bất cứ khoản phí trả không có tính thường nhật, không liên quan đến gian lận mua bán, công cấp hàng hóa được.

Các khoản chi phải trả và chi phí phải trả được phải trả ngay lập tức và đã hạn trên Hàng của Bộ Tài chính giữa các nhà đầu tư Việt Nam tự hạn chi trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ tự nhiên từ (nguồn và pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ tự nhiên có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ tự nhiên đã được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu kết quả của một giao dịch trong quá khứ đã được các định kỳ hàng năm chính thức và các khoản phải trả có trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ tự nhiên là là chính thức trước thuế và phần lợi nhuận được giữ lại thì trước thuế và giá trị phải trả của các khoản chi và chi phí của khoản dự án. Khiến tổng lợi của chi dự phòng đã phát sinh thì các khoản chi nhận là chi phí tự nhiên.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những chi phí phải trả thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn được sử dụng để góp vốn vào cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phải trả và mệnh giá cổ phần tại phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá trị phát hành và giá trị sổ sách của cổ phần quỹ và các phần vốn của tài sản được chuyển đổi khi đầu bán. Các phần vốn này liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phần và tài sản khác của phần quỹ được ghi nhận bằng số vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do số chênh lệch giữa giá trị hợp lý được thanh toán và mệnh giá của cổ phần, các lợi nhuận giữ lại của các tài sản được tặng, hiến, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp giữa các tài sản của các tài sản này.

16. Phải phải trả chi phí

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của phần đầu các khoản này phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của công ty trong năm kế toán hàng hóa hàng năm và khả năng chi trả cổ tức của tài sản. Định giá trị tài sản trong kế toán, là do định giá trị của khoản này của tài sản cũng có thể khác và các khoản mục khác của tài sản.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và nợ cổ tức hàng hóa chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 12 Thanh Xuân Đường, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

SẢN CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NĂM 2024

3 tháng đầu năm của tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu VND (Số chữ số thập phân của VND là 000 VND)

17. Doanh thu doanh thu và thu nhập

Doanh thu trong kỳ tính thuế

Doanh thu trong kỳ tính thuế được ghi nhận khi công việc hoàn thành theo thỏa thuận.

- Doanh thu được xác định bằng đối chiếu chứng cứ. Khi báo cáo kết quả kinh doanh được quyết toán, doanh thu sẽ được ghi nhận khi chứng cứ kinh tế và pháp lý đủ để xác định công việc đã hoàn thành và người mua không được quyền trả lại công việc đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Giá trị được ghi nhận đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Nếu doanh thu chi phí phát sinh chi phí dịch vụ chi phí đã hoặc sẽ được ghi nhận vào kỳ tính thuế.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được báo cáo và hoàn thành quá phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tài sản thuê phải được xác định kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với tài sản cho thuê.

Phần lãi

Phần lãi được ghi nhận dựa trên kết quả kinh doanh và tài sản thực tế tăng giảm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng số phần trăm theo số lượng cổ phiếu đang nắm giữ. Không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng tài sản cố định thì chi phí này được tính vào giá trị của tài sản đó. Phần lãi không vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, chi phí đi vay được vốn hóa sẽ không được ghi nhận ngay mà ghi nhận vào tài sản cố định.

Đối với các khoản vay vay thường xuyên để chi trả hàng hóa mua đầu tư xây dựng hoặc chi trả lãi thì chi phí đi vay chi phí đi vay vốn hóa được xác định dựa trên lãi vốn hóa dựa trên chi phí kỳ kế toán quản trị quyền phát sinh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chi trả lãi. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi vốn hóa quản trị quyền của các khoản vay chưa trả tổng kỳ, ngoại trừ chi không vay cũng phát sinh và chi trả trực tiếp bằng tài sản cố định.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản chi giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận và phát hiện giảm dịch vụ kinh doanh trực tiếp khi có đủ chứng cứ kinh tế và pháp lý đủ để phân bổ vào tổng tài không phải bồi đắp chi trả hay chi.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu dự về tài sản phải được ghi nhận đúng thời điểm người đi phải hợp. Trong trường hợp người đi phải hợp song lập với người đi phải trong chi trả được ghi nhận chi trả vào tài sản cố định và chi trả khoản mục kế toán đã được phân bổ với giá trị chi trả một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 5 Lê Thành Tín, Phường Bắc Ngạn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐIỀU KHOẢN TÀI CHÍNH CỦA NIÊN ĐO

9 tháng đầu năm kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2024

Mức thuế GTGT: Thuế thu nhập doanh nghiệp 20% (áp dụng)

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa vào thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính và nộp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hiện hành được tính và nộp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của các khoản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho kỳ kế toán kế tiếp nếu chênh lệch tạm thời sẽ được ghi nhận là chi phí hoặc tăng trong kỳ kế toán kế tiếp. Thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận là chi phí hoặc tăng trong kỳ kế toán kế tiếp nếu chênh lệch tạm thời sẽ được ghi nhận là chi phí hoặc tăng trong kỳ kế toán kế tiếp.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm nếu mức thuế hiện hành vượt quá là khoản thuế thu nhập hoãn lại và một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước kỳ được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận là chi phí hoặc tăng trong kỳ kế toán kế tiếp nếu chênh lệch tạm thời sẽ được ghi nhận là chi phí hoặc tăng trong kỳ kế toán kế tiếp.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được các khoản điều chỉnh nếu bất kỳ sự thay đổi nào từ các khoản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán các khoản thuế thu nhập hoãn lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi phí tạm ứng vào năm chi trả dựa trên khoản thuế do liên quan đến các khoản nợ được ghi bằng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bổ sung:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành hiện tại.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả của liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý liên quan tới các khoản:
 - Đối với công việc đơn vị, liên quan thuế.
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới thanh toán thuế thu nhập hoãn lại liên quan tới việc thanh toán nợ phải trả trong kỳ kế toán kế tiếp. Các khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận là chi phí hoặc tăng trong kỳ kế toán kế tiếp nếu chênh lệch tạm thời sẽ được ghi nhận là chi phí hoặc tăng trong kỳ kế toán kế tiếp.

11. Báo cáo thuế

Các báo cáo thuế là báo cáo tài chính của công ty theo đúng pháp luật hiện hành, đồng bộ với báo cáo tài chính nội bộ và được thực hiện theo các chính sách kế toán và hoạt động. Các báo cáo thuế được soạn và nộp liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân hàng năm.

Trong thời gian các báo cáo thuế nội bộ của liên quan, báo cáo thuế nội bộ được chi trả theo quy định pháp luật.

12. Báo cáo thuế bổ sung

Báo cáo thuế bổ sung được tính toán và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Báo cáo thuế bổ sung được tính toán và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 7 Lê Thành Tôn, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐÓ

1 tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (trừ khi ghi rõ khác)

Bộ phận theo dõi việc đầu tư là một phần của đội các doanh nghiệp được gia nhập quốc tế với các nhà đầu tư công lập và tư nhân, dưới sự quản lý của một nhà quản lý tài vụ mà có thể có sự thay đổi liên tục của bộ phận kinh doanh trong các quốc gia khác nhau.

Thông tin bổ sung được lập và trình bày phù hợp với thông tin kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa năm trước Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CHỮA NIÊN ĐÓ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Đã giảm	Giá gốc	Đã giảm
Tiền mặt	1.481.126.499	-	2.429.528.272	-
Tiền gửi ngân hàng	252.419.237.093	-	144.779.345.479	-
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng)	681.841.417.129	-	345.788.041.097	-
Cộng	915.386.980.721	-	514.197.114.199	-

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán tài chính, đầu tư vào các đơn vị liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán tài chính

Chi phí	Giá gốc	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Đã giảm	Giá gốc	Đã giảm
Cổ phiếu					
Công ty Cổ phần Tập Thành	40.000.000.000	39.000.000.000	-	31.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đông Nam Hưng	14.224.771.108	-	14.224.771.108	14.224.771.108	-
Các cổ phiếu khác	11.100	-	11.100	11.100	-
Cộng	54.224.871.108	39.000.000.000	14.235.771.108	45.236.771.108	14.235.771.108

Tính toán liên quan là chứng khoán tài chính được hạch toán theo giá trị

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tính toán liên quan là chứng khoán tài chính	(12.871.529.711)	(17.197.519.651)
Số đầu năm	18.360.846.439	(2.867.827.181)
Số cuối kỳ	(14.134.654.291)	(39.658.446.889)

2b. Đầu tư vào các đơn vị liên kết

Khoản đầu tư ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Đã giảm	Giá gốc	Đã giảm
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Tập Thành	1.446.788.021.761	(198.848.140.495)	1.279.026.441.779	(181.596.374.444)
Công ty Cổ phần Tập Thành	1.001.105.497.941	(148.862.000.000)	812.548.244.941	(112.430.000.000)
Công ty Cổ phần Tập Thành	281.408.000.000	-	281.408.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Thuận, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 07 năm 2024

Mọi chi tiết xin liên hệ Văn phòng Công ty để được giải đáp

	Số tiền tỷ		Số chữ số	
	Cũ gốc	Quy định	Cũ gốc	Quy định
Công ty Cổ phần Bản Ngạn	494.221.492.388	(217.115.204.488)	199.221.899.388	(196.221.242.287)
Thái Bình Dương	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bản Bala Hinh	228.211.474.754	(228.221.680.040)	475.152.100.574	(198.981.841.472)
Thái Bình Dương ¹⁾	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH Công Phước Long	-	-	-	-
Công ty TNHH NETV Công Nghệ	118.000.000.000	(12.416.266.342)	96.200.000.000	(18.256.888.491)
Caocao Thái Bình Dương ²⁾	78.000.000.000	-	78.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ICTN Nam Tân	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Genadept	41.240.000.000	-	41.240.000.000	-
Việt Tân	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Pha miễn Hoàng Genadept	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Công Quốc và	41.700.000.000	-	41.700.000.000	-
Genadept - Đông Quốc	-	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Việt và	21.200.000.000	-	21.200.000.000	-
Tổng hợp V.N.M	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Việt và Việt và	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
Tương Tác	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Genadept Miền	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Trung	-	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Dịch	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
vũ Hàng Hải Thái Bình Dương ³⁾	-	-	-	-
Công ty TNHH NETV Việt và	18.000.000.000	-	1.140.000.000	-
Tổng hợp Thái Bình Dương ⁴⁾	-	-	-	-
Công ty TNHH ICT - Genadept	1.117.204.000	-	1.117.204.000	-
Công ty Cổ phần Công Nam Hải ⁵⁾	-	-	-	-
Mã số thuế riêng ở Miền Đông,	1.418.494.072.441	(48.096.478.188)	1.418.494.072.441	(27.442.389.489)
Miền Bắc	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Công Quốc và	824.150.000.000	-	824.150.000.000	(75.874.811.187)
Genadept - Tương Tác	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Việt	240.770.000.000	-	240.770.000.000	-
Miền Đông	-	-	-	-
Công ty TNHH CT Genadept	111.024.848.000	-	111.024.848.000	-
Logistics Hoàng Việt	-	-	-	-
Công ty TNHH Cấp vận ICT Liên	168.000.000.000	-	168.000.000.000	-
- Genadept	-	-	-	-
Công ty TNHH CT Genadept	104.678.070.000	-	104.678.070.000	-
Shipping Hoàng Việt	-	-	-	-
Công ty TNHH Logistics Quốc	102.801.802.400	(6.214.086.000)	102.801.802.400	(5.620.348.222)
Công ty TNHH Thương mại Quốc	-	-	-	-
Cần Yên	42.220.000.000	-	42.220.000.000	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Dân	48.420.000.000	(15.328.820.211)	48.420.000.000	(14.044.021.894)
Đàn	28.794.000.141	(18.794.408.141)	28.794.000.141	(18.714.004.142)
IClouding ty Bản Việt Việt	1.040.000.000	(2.000.104.300)	1.040.000.000	(8.279.224.889)
Mã số thuế riêng của Công ty Miền	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc và	1.000.000.000	(2.000.104.300)	1.000.000.000	(2.274.224.289)
Tại Việt Nam	-	-	-	-
Nguồn hàng THACO Hàng Hải Việt	-	-	-	-
Nam	-	-	344.702	-
Cộng	3.442.761.712.416	(473.944.011.788)	3.071.765.944.432	(194.274.424.812)

*) Tăng do ghi vốn bổ sung

1) Tổng số Công ty cổ phần thành lập thuộc ngành vận tải Công ty Cổ phần Công Nam Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADAPT

Địa chỉ: 5 Lê Thành Tôn, Phường Bắc Hòa, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỮU HIẾN ĐỘ

Kể từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Tất cả các số liệu tài chính kèm theo đã được kiểm toán

Chức vụ hợp lý

Đối với các khoản đầu tư và giá trị hợp lý được xác định theo giá chào bán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty nhận các khoản đầu tư thường sẽ giữ nắm giữ và chờ đợi để kiếm lợi và chờ đợi đến cuối kỳ kế toán để định giá lại hợp lý.

Tất cả các khoản nợ và các công nợ của công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con liên doanh trong lịch sử công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng tích trong và trừ.

Công ty TNHH Cổ phần Giáo viên Công nhân xã hội công nhân công nhân

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng tích trong và trừ.

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng tích trong và trừ.

Tất cả các khoản nợ và các công nợ của công ty liên doanh, liên kết

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	174.274.224.143	174.274.224.143
Chênh lệch/hoàn nhập dự phòng	40.346.742.772	39.877.478.225
Số cuối kỳ	214.620.966.915	214.151.702.368

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng tích trong và trừ.

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng tích trong và trừ.

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng tích trong và trừ.

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày dưới dạng tích trong và trừ.

3. Phải thu ngắn hạn và khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	128.371.255.878	122.677.947.317
Công ty Cổ phần Công Cơ Máy Gemadapt - Tamarind Link	32.911.826.703	32.911.826.703
Công ty TNHH MTV Việt An Hải Gemadapt	13.948.756.104	13.791.813.579
Công ty Cổ phần Công Nhân Điện Y	14.816.400.241	13.175.904.458
Công ty TNHH Công Nhân Lương	14.375.819.134	1.433.287.362
Công ty Cổ phần Việt An Đa phương tiện Việt Nam	9.737.663.945	5.319.913.278
Công ty Cổ phần KCP Nam Hải	7.325.654.831	9.827.417.868
Công ty Cổ phần Công Nhân Lương	2.229.870.882	182.084.693
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa Trường Thọ	1.944.669.009	178.419.090
Công ty TNHH MTV Tập thể Gemadapt	373.314.424	791.255.418
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Gemadapt	284.112.991	691.562.022
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Việt Nam	48.142.548	28.318.856
Việt Nam Lương	2.860.894	9.787.376
Công ty TNHH Tập thể "K" Liên - Gemadapt	-	1.180.738.278
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng Phúc Việt Hải	-	254.182.141
Công ty TNHH MTV Việt An Hải Công Nhân Lương	-	208.124.317
Công ty Cổ phần Công Nhân Lương	-	16.182.898
Công ty TNHH MTV Gemadapt Hải Phòng	-	247.284.479
Phải thu các khác	8.149.343.471	146.813.721.578
Cộng	216.510.609.351	214.151.702.368

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 01/14 Lê Thánh Tôn, Phường Hòa Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỚI THIỆU DỰ

Tốt nhất dựa trên năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo được trình bày theo tài chính giữa năm đã điều chỉnh

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		<u>22.152.878.108</u>	<u>22.157.840.000</u>
Công ty Cổ phần Hàng Sơn Vàng		6.987.811.000	6.985.811.000
Công ty Cổ phần Hàng Sơn Ngân Hồ		6.380.930.743	6.341.000.138
Các nhà cung cấp khác		2.495.987.747	13.518.149.161
Cộng			
5. Phải thu về cho vay		Số cuối kỳ	Số đầu năm
5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		<u>267.113.398.000</u>	<u>291.425.100.000</u>
Cho các bên liên quan vay		97.000.000.000	97.000.000.000
Công TNHH Dịch vụ Vốn tài Tổng hợp V.NAM		2.200.000.000	16.000.000.000
Công ty Cổ phần KCD Nam Hải		2.621.500.000	2.621.500.000
Công ty TNHH Hải H và Dịch vụ Hàng Hải Thái Bình Dương		2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải V&E		-	182.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Cát Hải Genadept - Taoson Link		132.000.000.000	18.000.000.000
Cho các bên khác vay		135.000.000.000	140.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Nam Hải Bình V&E		-	109.084.447.801
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		278.113.398.000	344.787.957.891
Cộng			
5b. Phải thu về cho vay dài hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay		421.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải V&E		74.500.000.000	74.500.000.000
Công ty Cổ phần KCD Nam Hải		897.500.000.000	74.500.000.000
Cộng			
6. Phải thu khác		Số cuối kỳ	Số đầu năm
6a. Phải thu người bán khác		<u>386.702.315.838</u>	<u>326.382.000.733</u>
Phải thu các bên liên quan		-	-
Công ty TNHH Cảng Phúc Lương - Lợi chuẩn		181.000.000.000	85.000.000.000
Ban khác		-	-
Công ty Cổ phần Hòa Ngọc Thái Bình Dương - Chi H&E		68.883.811.915	74.181.305.890
Công ty TNHH Golden Globe - Chi H&E		28.442.279.238	21.118.485.100
Công TNHH Dịch vụ Vốn tài Tổng hợp V.NAM - Lợi chuẩn được chia, lãi cho vay		16.242.452.015	13.678.434.838
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Genadept - Đông Quốc - Các tài được chia		16.320.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thành - Các tài được chia		13.183.708.844	6.407.100.844
Công ty TNHH Hải H và Dịch vụ Hàng Hải Thái Bình Dương - Lợi chuẩn được chia		11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần KCD Nam Hải - Lãi cho vay		3.834.876.749	7.602.754.929
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải V&E - Lãi cho vay		3.273.041.000	823.334.343

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 8 Lê Nam Thọ, Phường Bắc Mỹ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo được trình bày trên cơ sở kế toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vật tư biển Genadept - Miền Bắc	1.156.958.791	692.711.484
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Genadept - Chi bộ	628.188.000	-
Công ty TNHH MTV Tập vận Genadept - Chi bộ	118.813.931	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn - Chi bộ được chia	-	48.234.088.000
Công ty TNHH BĐS - Genadept - Lợi nhuận được chia	-	7.192.283.817
Công ty TNHH MTV Công nghệ Cầu và Thép Bình Dương - Chi bộ	-	1.893.483.943
Công ty Cổ phần Cầu và Cầu Mũi Genadept - Terminal Logistic - Lợi nhuận, chi bộ	-	20.713.329
Các tài sản quản lý khác - Lợi nhuận, chi bộ	1.390.647.538	1.341.791.899
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	67.696.274.872	76.128.878.894
Công ty TNHH Sông Hồng - Các chi hợp tác thực hiện dự án Công trình hợp Lễ Cầu Tân Hưng	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản nợ các ngân hàng	36.388.878.417	2.946.182.081
Lợi dự thu liên kết với chi bộ hợp	2.379.874.790	8.248.398.738
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.125.805.890	14.971.862.528
Lợi dự thu liên kết với chi bộ hợp	13.741.423.865	2.067.393.747
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	447.918.989.932	395.812.666.829
Cộng		

6A. Phải thu dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Miền Trung Đông Dương - Các chi hợp tác thực hiện dự án Khu đô thị và Nhà ở Anpha	11.000.000.000	11.000.000.000
Các khoản nợ các ngân hàng	6.858.405.712	64.071.675
Các khoản phải thu dài hạn khác	11.858.405.712	11.064.071.675
Cộng		

7. Dự trữ	Số cuối kỳ			Số đầu năm	
	Thấu thu ngắn hạn	Chi bộ	Chi bộ và chi bộ khác	Chi bộ	Chi bộ và chi bộ khác
Đầu đầu năm		4.282.141.539	16.222.147.499	2.267.774.569	11.954.372.930
Công ty Cổ phần Đầu tư Miền Trung - Chi bộ và chi bộ khác		4.000.000.000	6.000.000.000	1.000.000.000	1.600.000.000
Công ty TNHH Bình Dương	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Chi bộ và chi bộ khác		26.141.539	26.141.539	26.774.569	26.774.569
Công ty TNHH Bình Dương	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
Chi bộ và chi bộ khác		1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Chi bộ và chi bộ khác		142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000
Cộng		142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000
Tính toán trên cơ sở chi phí và phân bổ ngắn hạn (Số đầu năm)				142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000
Số đầu năm				142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000
Tính toán chi phí và phân bổ ngắn hạn				142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000
Số cuối kỳ				142.000.000.000.000.000	142.000.000.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CIMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NĂM 2019

1 tháng đầu của năm kế hoạch kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (trừ khi ghi rõ khác)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá phải trả	Giá gốc	Giá phải trả
Hàng tồn kho	3.347.899.279	-	3.512.456.734	-
Hàng tồn	73.289.494	-	15.173.142	-
Cộng	3.421.188.773	-	3.527.629.876	-

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước	492.921.248	425.175.467
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.177.313.879	1.481.862.834
Cộng	1.670.235.127	1.907.038.301

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước tài chính ngắn hạn	627.632.404	3.853.134.791
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.034.815.832	3.877.475.248
Cộng	3.662.448.236	7.730.610.039

10. Tài sản vô định hình khác

	Giá gốc tại đầu năm	Số đầu năm	Phong hợp và sửa chữa đầu	Giá trị đánh giá cuối kỳ	Cộng
Nguyên giá	1.281.281.224	67.000.000.000	1.281.281.224	1.281.281.224	1.281.281.224
Hiệu chỉnh	-	-	1.281.281.224	-	1,281,281,224
Đầu tư xây dựng dở dang	-	-	48.000.000.000	-	48.000.000.000
Thành lập công ty	-	-	(1.877.795.388)	-	(1.877.795.388)
Chiết khấu giảm giá	-	-	200.000.000	7.999.999	200.000.000
Số cuối kỳ	1.281.281.224	67.000.000.000	1.281.281.224	12.281.281.223	1,281,281,223
Trong đó:					
Đầu tư xây dựng dở dang dở dang	1.281.281.224	67.000.000.000	1,281,281,224	1,281,281,223	1,281,281,223
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.081.281.224	20.000.000.000	479.000.000.000	2.081.281.223	2,081,281,223
Chiết khấu giảm giá	-	1,281,281,224	11.281,281,224	200.000.000	(1,281,281,224)
Thành lập công ty	-	-	48.000.000.000	7,999,999	48,000,000,000
Chiết khấu giảm giá số cuối kỳ	1.081.281.224	20.000.000.000	479.000.000.000	2,081,281,223	2,081,281,223
Trong đó:					
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	11,281,281,224	48,000,000,000	1,081,281,223	48,000,000,000
Số cuối kỳ	-	11,281,281,224	48,000,000,000	1,081,281,223	48,000,000,000
Trong đó:					
Chiết khấu giảm giá dở dang dở dang	-	-	-	-	-
Trong đó thành lập	-	-	-	-	-

Mọi số tài sản vô định hình khác có ghi trị giá là bằng số cuối kỳ 642.740.000.000 VNĐ đã được thể hiện đầy đủ đơn, kèm các tài liệu chứng minh của Công ty tại Ngày lập BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NĂM, Ngày lập BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NĂM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội, Tháng Tư năm 2019 với số 4/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tông, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NIÊN 2024

8 tháng đầu năm 2024 được kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính thưa quý khách: Báo cáo tài chính gồm các số liệu như sau:

11. Tài sản cố định hữu hình

	Thước tỷ và phương tiện vận tải
Nguồn gốc	113.413.482.231
Số đầu năm	<u>113.413.482.231</u>
Số cuối kỳ	<u>113.413.482.231</u>
Giá trị hao mòn	219.097.248.162
Số đầu năm	13.363.908.913
Khoản hao trong kỳ	205.733.339.249
Số cuối kỳ	<u>219.097.248.162</u>
Giá trị còn lại	91.516.234.069
Số đầu năm	100.049.573.318
Số cuối kỳ	<u>91.516.234.069</u>

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tổng
Nguồn gốc	1.271.330.888	34.087.339.784	35.358.670.672
Số đầu năm	-	192.300.000	192.300.000
Hao trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.271.330.888</u>	<u>34.087.339.784</u>	<u>35.358.670.672</u>
Trung độ thử nghiệm các tài sản vô hình	-	11.027.808.495	11.027.808.495
Giá trị hao mòn	-	23.059.529.586	23.059.529.586
Số đầu năm	-	1.997.248.168	1.997.248.168
Khoản hao trong kỳ	-	21.062.281.418	21.062.281.418
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>23.059.529.586</u>	<u>23.059.529.586</u>
Giá trị còn lại	1.271.330.888	11.027.808.495	12.301.139.383
Số đầu năm	<u>1.271.330.888</u>	<u>10.730.610.430</u>	<u>12.001.941.318</u>
Số cuối kỳ	<u>1.271.330.888</u>	<u>11.027.808.495</u>	<u>12.301.139.383</u>
Trung độ tạm ngừng sử dụng Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí sử dụng có hạn sử dụng
Chi phí mua thử tài sản cố định. Chi phí phát sinh trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Bất chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí mua thử sử dụng, số lần	41.106.040.710	-	(44.011.083.710)	295.000.000
Phân bổ vào TSCĐ	(2.853.175.442)	-	-	295.000.000
Tính vào chi đáng	38.252.865.268	294.314.520	(44.011.083.710)	(3.764.003.212)

CÔNG TY CỔ PHẦN GAMADENT

Số 40/5 Lê Thánh Tông, Phường Hòa Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 12 năm 2024

Mức thuế môn bài của công ty được ghi trên Mã số thuế thuế

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số tiền VND	Số tiền USD
Phải trả các bên liên quan	4.533.779.963	4.583.423.374
Công ty TNHH MTV Việt tin Việt Gamadent	3.535.124.000	3.582.690.813
Công ty Cổ phần Mạng Internet	797.655.973	800.422.559
Công ty TNHH MTV Việt tin Gamadent	20.612.074.819	20.697.562.847
Phải trả các bên cung cấp khác	3.234.732.800	3.089.893.298
Công ty Cổ phần Tập và Phân Tụ		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tài Chính Tuấn Cường	3.234.732.800	3.089.893.298
Công ty TNHH KINH SÁCH TIN VÀ CÔNG NGHỆ		3.198.789.026
Mạng tin Việt tin	14.389.972.819	14.749.375.933
Các bên cung cấp khác	1.844.759.981	1.841.104.265
Cộng	7.768.512.763	7.673.316.672

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn dựa thành tiền.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**19a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phải nộp tại Việt Nam**

	Số tiền VND		Số tiền USD	
	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Đã nộp
Thuế GTGT hàng hóa và dịch vụ			402.574.000	402.574.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.421.379.300		20.421.379.300	20.421.379.300
Thuế thu nhập cá nhân	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000
Thuế môn bài		27.211.470	2.685.244.200	27.211.470
Các loại thuế khác			4.000.000	4.000.000
Cộng	24.421.379.300	27.211.470	24.421.379.300	24.421.379.300

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và thuế suất 10%.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 đến tháng 6 năm 2024, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với một số hàng hóa, dịch vụ được quy định theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản thu nhập chịu thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác định dựa trên quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế sẽ có thể khác biệt giữa các năm. Do vậy, số thuế được trình bày trên đây chỉ là ước tính gần đúng và có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty không có các khoản thuế khác.

19b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phải nộp tại các nước khác

Số tiền phải nộp là 0 VND. Trong 6 tháng đầu năm, Công ty không phải nộp thuế và các khoản lệ phí thuế Chi nhánh Campuchia.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN 2024

6 tháng đầu năm 2024 so sánh với cùng kỳ năm 2023

(Số liệu trình bày theo đơn vị tính: triệu đồng)

16. Phải trả người lao động		
Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên		
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	139.720.604	154.876.297
Chi phí lãi vay	1.409.737.832	681.210.230
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.714.488.258	1.844.294.087
Cộng		
18. Thanh toán chưa thực hiện ngắn hạn		
Tiền chấp nhận và thư chấp từ các tổ chức		
19. Phải trả ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	2.432.007.209	2.130.462.797
Phải trả các đơn vị liên quan		
Công ty TNHH MITY Việt Hải Sản Gemadept – Tin tức, phải trả khác	1.846.858.284	-
Công ty TNHH MITY Việt Hải Sản Gemadept – Tin tức	717.842.443	-
Công ty Cổ phần Hải Sản Kiên Hải Thuận Hải Dương – Phải trả khác	260.034.230	266.331.230
Công ty Cổ phần Hải Sản Xây dựng Phát triển Hồ Sông Gemadept – Phải trả khác	218.894.673	1.683.243.810
Công ty TNHH Tây Hải “K” Lina – Gemadept – Nhân sự, nợ chưa thanh toán phòng	72.500.100	72.304.800
Công ty Cổ phần Cảng Thành Hải – Phải trả khác	-	931.078.209
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Gemadept – Trung Quốc – Phải trả khác	-	88.673.930
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung – Phải trả khác	-	22.987.494
Công ty Cổ phần Cảng Cầu Mập Gemadept – Terminal Liên – Tin tức	-	7.237.231
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	187.670.188.788	184.787.344.373
Nhiệm vụ học tập chuyên ngành công nghệ nuôi trồng thủy sản	-	20.890.000.000
Các khoản chi trả để thực hiện dự án và dự trữ	3.241.092.194	1.708.332.188
Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn	776.484.128	766.670.542
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	212.376.830	212.376.830
Cả năm phải trả	182.951.117.895	182.129.344.144
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	178.313.397.848	188.146.477.123
Cộng		
Công ty không có sự phải trả hoặc sự có nợ chưa thanh toán		
20. Vay và nợ thuê tài chính		
20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	1.728.172.090	2.241.749.804
Vay Ngân hàng TNHH MITY HSBK (Việt Nam) ⁽¹⁾	-	-
Vay Ngân hàng Đại chúng TNHH KustanBank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	1.794.289.254
Vay Ngân hàng The Nam Commercial Bank Private Company Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	4.617.460.550

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 4 Lê Thành Tôn, Phường Tân Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM ĐÓNG

8 tháng đầu năm của năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: Triệu đồng Việt Nam (trừ khi ghi rõ khác)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngắn hạn (theo quyết định số Y/2024)	81.243.615.819	89.204.227.879
Nợ thuê tài chính ngắn hạn (theo quyết định số Y/2024)	6.609.029.096	24.241.011.938
Cộng	87.852.644.915	113.445.239.817

8. Khoản vay không có ưu đãi lãi tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động.

Công ty có thể cũng có được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

2.66. Dự và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngắn hạn	289.685.898.997	288.778.140.499
Vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Việt Nam (1)	137.988.274.134	182.344.070.629
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu (2)	65.677.204.418	56.945.268.789
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	28.169.472
Thuế tài chính Global Customer International LLC	204.451.177.794	136.909.419.299
Cộng		

1) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Việt Nam để tài trợ khoản vay đầu tư mua địa ốc Ocean Pacific và Prime Pacific với điều kiện vay không quá 48 tháng kể từ ngày tái tài trợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bất động sản của công ty (theo quyết định số Y/10).

2) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Việt Nam để bổ sung vốn lưu động cho dự án công nghệ với điều kiện vay không quá 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bất động sản của công ty (theo quyết định số Y/10).

3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu để đầu tư công tác xây dựng Lương và mua đất đai để trồng 240 Tầm với điều kiện vay không quá 08 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản bất động sản của công ty (theo quyết định số Y/10).

Công ty có thể cũng có được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Khi hết hạn trước các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn của công ty:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Từ 05 năm	Tổng cộng
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngắn hạn	81.243.615.819	221.845.241.155	1.428.571.128	304.568.428.102
Nợ thuê tài chính	6.609.029.096	-	-	6.609.029.096
Tài sản gốc phải trả	1.248.217.248	-	-	1.248.217.248
Lợi thuê phải trả	1.254.357.409	-	-	1,254,357,409
Cộng	89.405.435.922	221.845.241.155	1.428.571.128	313.929.248.205
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngắn hạn	89.204.227.879	213.298.419.179	35.448.071.310	337.950.718.368
Nợ thuê tài chính	24.241.011.938	50.309.471	-	24.291.321.409
Tài sản gốc phải trả	18.691.070.970	16.487.869	-	18.707.558.839
Lợi thuê phải trả	4.634.571.699	3.277.872	-	4.637.849.571
Cộng	136.570.882.486	223.118.194.691	35.448.071.310	305.137.148.487

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 41 Lê Thái Tổ, Phường Bắc Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tính toán của năm tài chính bắt đầu ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND, trừ một số trường hợp khác

20. Tỷ lệ nợ thuê tài sản và các khoản nợ khác của công ty
 Công ty không có các khoản nợ về nợ thuê tài sản và các khoản nợ khác của công ty.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn
 Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn liên quan đến chứng chỉ bảo hiểm bồi thường trong quá trình vận chuyển.

22. Quỹ lương thưởng, phúc lợi
 Quỹ lương thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: Quỹ lương thưởng, Quỹ phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chiết khấu tạm thời phải nộp thuế. Các số phải nộp như sau:

	Mỹ dollar	USD tương đương
Số đầu năm	178.870.190	747.265.234
Giá nhận vào tài sản khác doanh	402.146.734	1.695.346.182
Số cuối kỳ	1.231.014.824	1.442.611.416

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng cân đối kế toán được lập theo đơn vị tiền tệ
 Thông tin về bản đồng của một đơn vị tiền tệ được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Cổ phần

	Số cổ phần	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã phát hành	118.488.937	118.488.937
Cổ phần ưu đãi	118.488.937	118.488.937
Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
Cổ phần ưu đãi	-	-
Cổ phần ưu đãi	118.488.937	118.488.937
Số lượng cổ phần đang lưu hành	118.488.937	118.488.937
Cổ phần ưu đãi	-	-
Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND.

24c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT/CP/ĐL/ĐD của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 25 tháng 8 năm 2024, Công ty đã thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- Trả lãi cho Quỹ lương thưởng, phúc lợi (LTH) 41.814.054.919 VND
- Trả lãi cho Quỹ Hội đồng quản trị (LHQ) 24.350.178.591 VND
- Chia cổ tức (CTC) 882.071.325.400 VND

Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối và chi trả các khoản tiền nêu trên.

25. Các khoản thuế người tăng vốn đầu tư (nếu có)

25a. Tài sản thuế người

Thông tin về tài sản thuế người trong bảng kê của các hợp đồng gửi nộp thuế từ các hoạt động đầu tư như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thành Tôn, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NIÊN ĐỘ

Thời kỳ báo cáo: từ ngày 01 tháng 01 năm 2024

Đơn vị tiền tệ: VND (trừ khi có ghi chú khác)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng tài sản	34.549.282.898	9.210.209.600
Tổng nợ phải trả	43.131.573.729	-
Cộng	17.662.236.668	9.210.209.600

Các thành viên nắm giữ cổ phiếu mua đồng ý với nội dung báo cáo tài chính và ghi quyết định phê duyệt báo cáo tài chính của Công ty TNHH Cổ Phần Việt Nam tại số 6 Lê Thành Tôn, Phường Tân Phú, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

25b. Nguồn gốc của lợi nhuận: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là 1.259.449,33 USD.

25c. Áp dụng AM 01 số 7

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên nhân của số
Genadept (Cổ Phần)	113.392.510.867	113.371.518.867	Do tài trợ khác, ghi chú công ty
Grand Pacific Shipping (Cổ Phần)	29.478.000.000	29.478.000.000	Do tài trợ khác, ghi chú công ty
Các đối tượng khác	4.021.821.000	9.121.821.000	Khiếu nại của khách hàng khác
Cộng	146.892.331.867	151.971.339.867	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC THÌNH BAY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lấy từ số đầu năm của cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải	289.867.297.438	489.091.308.599
Doanh thu đại lý, cho thuê tài sản...	303.004.328	721.251.679
Doanh thu cho thuê và không có doanh thu khác	287.438.118.799	489.714.751.213
Cộng		

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các bên liên quan
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của các bên liên quan được trình bày tại Bảng chi tiết số VII.1.

2. Giá vốn hàng bán
Giá vốn hàng bán bao gồm: vận tải và vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lấy từ số đầu năm của cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.610.865.711	11.091.610.211
Lãi tiền cho vay	21.040.201.474	9.581.209.121
Chi phí, lợi nhuận chuyển đổi	107.156.171.860	344.471.733.998
Lãi chênh lệch tỷ giá ghi nhận	1.677.238.873	2.619.173.504
Lãi chênh lệch tỷ giá do định giá lại các khoản mục tài chính gốc ngoại tệ	1.399.207.760	1.989.209.202
Lãi từ công cụ nợ tài chính	4.003.211.178	-
Lãi chuyển nhượng vốn chuyển đổi tài chính	832.429.190	2.099.672.089.311
Đã bán	191.672.865.779	2.489.729.798.692
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADENT

Địa chỉ: 8 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢC ÁI ĐƠN ĐỘ

Kỳ báo cáo tài chính kế toán bắt đầu ngày 01 tháng 12 năm 2018

Số thuế GTGT theo hóa đơn kê khai giữa năm 49 (chín mươi)

4. Chi phí tài chính**Lịch sử từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
	13.633.081.178	18.771.878.430
Chi phí lãi vay	4.957.626.277	2.479.504.586
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	428.877.348.433	64.028.907.428
Đe phòng ngừa rủi ro lãi suất dựa trên lãi vay	271.360.703	-
Chi phí tài chính khác	109.742.278.488	88.141.227.899
Cộng		

5. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**Lịch sử từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
	37.089.020.940	29.040.610.893
Chi phí nhân viên	333.312.688	433.956.855
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.018.447.524	1.940.507.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.203.624	132.877.400
Đe phòng ngừa rủi ro biến đổi	8.519.062.970	8.667.885.871
Chi phí thuê văn phòng	10.768.478.283	24.564.189.849
Chi phí khác	64.234.392.946	72.426.181.318
Cộng		

7. Thu nhập khác**Lịch sử từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
	1.080.891.000	1.645.313.453
Lợi nhuận từ tài sản cố định	8.782.478.261	111.312.907
Chi khác từ chức khác	11.262.459.263	1.758.828.413
Cộng		

8. Lợi nhuận thuần

Thống kê về lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm 49

9. Chi phí của các khách được theo dõi**Lịch sử từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
	17.387.560.889	17.417.375.889
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.473.419.401	45.313.544.439
Chi phí nhân công	48.489.894.278	32.094.641.773
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.305.109.949	87.186.023.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.977.054.873	39.075.793.572
Chi phí khác	107.490.144.783	218.897.096.428
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 14 Thành Tín, Phường, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Số tháng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÍNH TẾ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ Công ty nhận và thanh toán vay với tổng trị giá trị tiền lãi số tiền 18.473.134.734 VND. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có các khoản công nợ liên quan từ mua sắm, thanh lý tài sản cố định và chi phí vay và chi trả, lợi nhuận được chia như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tổng trước thuế mua sắm tài sản cố định	1.364.413.700	1.820.291.366
Tổng phải trả của mua sắm tài sản cố định	1.347.491.114	1.317.491.114
Thanh lý tài sản cố định được mua sắm		
Lãi của gửi, chi của vay và chi trả, lợi nhuận được chia	244.922.136.422	219.688.380.744

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:

I. Giao dịch và số dư với các bên liên quan
 Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cơ quan có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác:

Ia. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cơ quan có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
 Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản lý và các thành viên Ban điều hành theo Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cơ quan có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên chủ chốt trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cơ quan có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
 Công ty không phát sinh giao dịch mua hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cơ quan có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty với các thành viên quản lý chủ chốt và các cơ quan có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
 Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cơ quan có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Chi tiết của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

Chi tiết danh		Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch	1.500.000.000	1.631.416.000
Ông Chu Đức Cường	Phó Chủ tịch	1.500.000.000	1.276.900.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	1.276.900.000	1.591.148.700
Bà Đào Thị Thu Hương	Thành viên	1.276.900.000	1.609.813.700
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên	800.000.000	800.000.000
Ông Vũ Minh	Thành viên		
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên (được bầu từ tháng 8 năm 2023)	200.000.000	200.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT độc lập	200.000.000	180.000.000
Ông Lâm Thanh Đa	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ tháng 8 năm 2023)	200.000.000	200.000.000
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (được bầu từ tháng 8 năm 2023)	200.000.000	200.000.000
Ông Bùi Văn Dương	Thành viên (được bầu tháng 12 năm 2023)		180.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 812 Trần Hưng Đạo, Phường Bắc Hưng, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NĂM 2023

4 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Số thanh toán: Báo cáo tài chính giữa năm đã ký duyệt)

	Đơn vị	TỶ SỐ	KỶ LƯỢNG
Ông David Do	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	420.000.000
Ông Tsuyoshi Kato	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	90.000.000
Ban Giám đốc			
Ông Lưu Văn Giang	Trưởng Ban Giám đốc	95.000.000	60.000.000
Ông Vũ Thị Hoàng Hương	Thành viên Ban Giám đốc	53.137.287	407.096.303
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên Ban Giám đốc	310.830.173	235.478.003
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên Ban Giám đốc (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	33.333.348
Bà Trần Hoàng Ngọc Xuân	Thành viên Ban Giám đốc (Đã miễn nhiệm từ tháng 6 năm 2023)	-	33.333.348
Ban Tổng Giám đốc		1.061.841.800	1.593.168.700
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	1.224.064.480	1.067.408.700
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc	1.056.161.000	969.838.300
Ông Đỗ Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	1.227.681.600	1.070.348.700
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc		

1.6. Các đơn vị có liên kết với đơn vị quan hệ

Các đơn vị quan hệ với Công ty gồm:

Nhà liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH Công Nhân Dân	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công Nhân Dân Việt Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần HCD Hòa Phát	Công ty con
Công ty Cổ phần Genadept Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Việt Mỹ Công Nhân Dân Việt Nam Genadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt Genadept - Công Nhân	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Việt Mỹ Công Nhân Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Việt Mỹ Trường Thọ	Công ty con
Công ty Cổ phần Genadept Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Việt Mỹ Hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV - Genadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt	(Đã ngày 11 tháng 9 năm 2023)
Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt	(Đã ngày 3 năm 2023)
Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt Genadept - Terminal Hải Phòng	Cơ sở kinh doanh đang kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Bắc Cực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Công Nhân Dân Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Công Nhân Dân Việt	Cơ sở kinh doanh đang kiểm soát
Công ty TNHH Công Nhân Dân Việt	Cơ sở kinh doanh đang kiểm soát
Công ty TNHH Công Nhân Dân Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Công Nhân Dân Việt	Công ty liên kết
Công ty TNHH Công Nhân Dân Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Việt Mỹ Công Nhân Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trường Thọ Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Công Nhân Dân Việt	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Việt Mỹ Công Nhân Dân Việt	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Công Nhân Dân Việt	Công ty con gián tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Địa chỉ: 11 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2024

Ngày lập báo cáo tài chính: 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam (trừ khi ghi rõ khác)

Mô tả chi tiết	Đơn vị: Triệu đồng	
	Năm nay	Năm trước
Mức liên quan khác:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Genadept		
Công ty TNHH Lưu động CMO ASI		
Công ty TNHH MTV Genadept Hải Phòng		
Công ty TNHH MTV Tập sự Genadept		
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Logistics		
Genadept Shopping, Singapore Pte. Ltd.		
Genadept (Malaysia) Sdn. Bhd.		
Công ty TNHH MTV Tập sự Hải Phòng Genadept		
(Đơn vị: triệu đồng Việt Nam)		
Trong đó, Công ty phải trích các khoản trích nộp theo quy định pháp luật như sau:		
	Lấy số từ báo cáo đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nam Sơn Thái Bình Dương		
Góp vốn	113.957.122.791	-
Công ty Cổ phần Công Nam Phát FT		
Danh thu bán hàng và dịch vụ	11.994.181.821	6.113.479.263
Danh thu khác	6.792.488.241	6.242.884.600
Danh thu khác v.v	448.000.000.000	143.800.000.000
Chi phí	(1.179.349.314)	(99.638.137)
Lãi thuần	114.210.000.000	38.475.685.000
Công ty Cổ phần Ngân Hàng Á Châu Thái Bình Dương		
Góp vốn	35.881.271.000	38.134.500.000
Công ty TNHH Công Phát Đạt		
Danh thu bán hàng và dịch vụ	14.686.122.138	3.375.731.210
Danh thu khác	3.791.482.934	1.008.513.010
Lợi nhuận khác	99.000.000.000	210.000.000.000
Chi phí	-	(1.885.576.340)
Lãi thuần	-	41.827.950
Công ty TNHH Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn	11.150.000.000	1.100.000.000
Chi phí	(88.550.000)	(100.000.000)
Công ty Cổ phần KB Nam Hải		
Danh thu bán hàng và dịch vụ	2.740.903.100	2.714.717.232
Danh thu khác	790.315.500	1.408.819.844
Danh thu khác v.v	1.810.000.000	1.200.000.000
Chi phí	(2.545.215.425)	(3.321.088.031)
Lãi thuần	-	10.000.000.000
Chi phí	-	(2.200.710)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Số 101, 9 Lê Thánh Tông, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GỌI NÊN ĐÓ

Kỳ báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số liệu được trích dẫn chỉ có tính giá trị so sánh (nếu có)

	Lấy từ báo cáo tài chính kết thúc kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	214.405.732	1.003.376.370
Chi phí	648.108.000	604.294.000
Công ty Cổ phần Công Quốc tế Gemadept - Dang Quốc		
Doanh thu cho thuê tài sản	31.600.342	325.634.362
Doanh thu dịch vụ	296.406.906	378.733.754
Chi phí được chia	16.320.000.000	16.326.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng Hợp F.V.M. Logistics	2.902.825.297	4.756.178.083
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Đường Thủy		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.146.000.000	2.140.000.000
Chi phí được chia	2.176.000.000	-
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung		
Doanh thu cho thuê tài sản	436.000.000	450.000.000
Doanh thu dịch vụ	149.097.060	123.460.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hàng Hải Việt Nam Đông		
Doanh thu dịch vụ	111.207.132	88.301.942
Chi phí	2.040.900.000	-
Góp vốn	4.800.000.000	-
Chi phí dịch vụ	-	76.921.634
Chi phí	-	31.451.316
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường Hàng Hải Thuận Phước		
Doanh thu dịch vụ	129.000.000	434.071.338
Góp vốn	6.200.000.000	-
Vay	-	23.000.000.000
Lãi vay	-	16.130.483
Công ty Cổ phần Công Cơ Khí Gemadept - Terminal Link		
Doanh thu dịch vụ	35.000.374	438.371.620
Lãi cho vay	-	48.218.304
Chi phí	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Sài Gòn		
Chi phí được chia	102.551.102.000	110.490.876.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GERADAPT

Địa chỉ: Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHIA HIẾT

Kỳ công khai tài chính từ tháng đầu tiên ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số tháng công khai tài chính gần đây đã công bố

	Lấy từ báo cáo tài chính gần đây nhất	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Tập vận "B" Lưu - Geradapt		
Doanh thu cho thuê tài sản	197.233.000	196.358.027
Lợi nhuận được chia	11.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đa Quý Minh Bình		
Lãi chia sẻ	98.081.722	104.077.880
Chi bộ	11.188.938	83.009.000
Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Tru		
Cả các hoạt động	1.343.733.000	964.301.000
Công ty Cổ phần Công Bình Hưng		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.610.000.000	2.610.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.532.985.786	3.078.209.082
Vay	-	10.000.000.000
Lãi vay	-	427.808.219
Công ty Cổ phần Vạn sự đa phương Đức Bình Hưng		
Doanh thu cho thuê tài sản	16.208.873.418	18.326.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.132.719.339	1.853.332.698
Công ty Cổ phần Hoàng Light		
Doanh thu dịch vụ	11.440.000	11.440.000
Công ty TNHH MTV Vạn sự Bảo Geradapt		
Doanh thu cho thuê tài sản	31.376.331.824	31.815.871.030
Doanh thu dịch vụ	1.206.308.780	-
Chi phí dịch vụ	-	65.324.240.338
Chi bộ	16.323.408.144	17.055.042.342
Chi bộ	25.322.377.808	25.348.871.723
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Geradapt		
Doanh thu cho thuê tài sản	855.000.000	1.355.400.500
Doanh thu dịch vụ	430.248.382	60.948.718
Chi bộ	-	18.782.975
Công ty TNHH MTV Tập vận Geradapt		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.000.551.388	1.342.301.376
Doanh thu dịch vụ	28.238.300	23.280.493
Chi bộ	134.832.031	231.085.947
Chi bộ	4.828.470.488	-
Công ty Cổ phần Công Nam An		
(từ tháng 1 năm 2024)		
Cả các hoạt động	20.007.145.800	1.300.000.000
Doanh thu cho thuê tài sản	-	1.000.000.000
Doanh thu dịch vụ	-	19.000.000
Chi bộ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GENADEPT

Số 10/1 Lê Tấn Tôn, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN KỲ

Kỳ báo cáo tài chính này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tiền tệ: Nhân dân tệ Việt Nam (VNĐ) (Đơn vị: VNĐ)

Lý lẽ ra đời của báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công Nam Hải Minh TB kể ngày 11 tháng 5 năm 2023	-	3.247.488.478
Doanh thu cho thuê tài sản	-	3.188.000.000
Doanh thu dịch vụ	-	104.483.914.599
Cổ tức được chia	-	13.000.000.000
Vay	-	149.000.000
Lãi vay	-	180.000.000.000
Chi vay	-	13.000.000
Chi phí	-	-

Công ty không có bất kỳ khoản nợ nào khác từ các bên liên quan khác và không có khoản nợ nào khác. Việc mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản chi trả khác được thực hiện theo giá trị mua được và phù hợp với giá trị thực tế.

Cơ sở lập báo cáo

Công ty đã thuê chuyên viên kiểm toán tại Công ty Cổ phần Công Kế Mỹ Consulting – Terminal Link để kiểm toán báo cáo tài chính này của Công ty Cổ phần Công Kế Mỹ Consulting – Terminal Link tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến khoản đầu tư từ Công Kế Mỹ – Consulting Terminal Link ghi được 1.

Công ty không liên quan khác

Công ty và các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.1, V.2, V.6a, V.14 và V.16.

Các khoản công nợ phải trả của bên liên quan khác không có bản gốc và sẽ được thanh toán hàng năm.

2. Thông tin về bộ phận

Liên tục kinh doanh các yêu cầu của Công ty là hoạt động ngoại hối, mua bán dịch vụ vận tải, cho thuê vận chuyển hàng vận tải, dịch vụ đại lý... chiếm đến 99,99% doanh thu thuần và tài sản và công nợ phải trả.

Chỉ tiêu doanh thu thuần và tài sản và công nợ phải trả và các khoản khác này được đại lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Lý lẽ ra đời của báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước
Trung quốc	11.190.174.625	313.400.775.463
Nhà nước	140.930.977.323	87.557.075.608
Cộng	257.828.191.748	400.957.851.071

Các chỉ số tài chính và phân tích chi tiêu tài sản và các chỉ số khác của bên liên quan khác dựa trên địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Lý lẽ ra đời của báo cáo tài chính

	Năm nay	Năm trước
Trung quốc	11.762.054.933	294.933.009.761
Nhà nước	-	-
Cộng	11.762.054.933	294.933.009.761

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 1 Lê Thành Tín, Phường Tân Hưng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN 2024

8 tháng đầu năm tài chính năm tài chính ngày 28 tháng 12 năm 2024

Hàng tháng minh bạch vào tài chính giữa năm 2024 (tiếp theo)

Chỉ tiêu về tài sản (t) phải được kê khai với đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong nước	1.193.544.894,270	1.649.188.569,609
Nước ngoài	71.070.328,617	69.246.088,871
Cộng	1.264.615.222,887	1.718.434.658,480

3. Báo cáo phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
Không có sự biến động trong các phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán của phát sinh được và theo luật công bố trên Báo cáo tài chính giữa năm 2024.

4. Thông tin khác
- Lợi nhuận sau thuế từ tiếp doanh nghiệp kỳ này của Công ty đạt hơn 521 tỷ VNĐ, giảm 1.567 tỷ VNĐ so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do:
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm gần 180 tỷ VNĐ;
 - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm hơn 1.881 tỷ VNĐ do khác biệt về lợi nhuận và chi phí về chi doanh vụ chuyển nhượng vốn và hoạt động ủy quyền của khoản đầu tư tài chính;
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giảm hơn 148 tỷ VNĐ.

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2024

Vu Thi Anh Thu
Người lập

Phan Trung Loan
Kế toán trưởng

Trần Thanh Bình
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMSUNG


Địa chỉ: 17 Trần Hưng Đạo, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

ĐƠN CHỨNG CẢM ỨNG (CERTIFICATE OF RECEIPT)

Đã nhận đủ số tiền thanh toán cho các khoản nợ nêu trên.

Ngày lập: Ngày 05 tháng 05 năm 2024.

Số tiền gốc và lãi		Số tiền gốc		Số tiền lãi		Số tiền thanh toán		Số tiền còn lại		Số tiền nợ	
Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính
USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD	USD
1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
26.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000	26.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
27.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000	31.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000	32.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	34.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
38.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000	38.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
41.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000	41.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
43.000.000.000	43.000.000.000	43.000.000.000	43.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
44.000.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000	44.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
47.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000	47.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
48.000.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
49.000.000.000	49.000.000.000	49.000.000.000	49.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0
50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0


 Ông Nguyễn Văn Minh
 Giám đốc Công ty Cổ phần Samsung


 Công ty Cổ phần Samsung
 Địa chỉ: 17 Trần Hưng Đạo, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ông Nguyễn Văn Minh
 Giám đốc Công ty Cổ phần Samsung



Số: 136/GMD-2024

**"Tư vấn chính sách cung ứng tín dụng
thuyết minh Báo cáo tài chính
của CTCP Gemadept"**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2024.

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Gemadept
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Các bên có liên quan khác

- Các cơ chế Báo cáo kết quả hoạt động tài chính và báo cáo tài chính theo 65 0 tháng đầu của các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, năm 2023, năm 2024 và Báo cáo kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất của các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, năm 2023 của Công ty Cổ phần Gemadept;
- Các cơ chế vào việc tài trợ bằng tín và các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh của các báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Gemadept xin đính chính các thông tin sau đây:

1. Đính chính bổ sung thông tin thuyết minh về các Khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
Thông tin về các khoản vay này được đính chính bổ sung như sau:

Nội dung trên Thuyết minh Báo cáo tài chính	Nội dung sau khi đính chính bổ sung
Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để tài trợ khoản vay đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific với thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày tài trợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. ^(*)	Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để tài trợ khoản vay đầu tư mua tàu Pride Pacific và Green Pacific theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/C/MC/272023/HDTT/GEMADEPT ngày 04/11/2023 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/C/MC/082021/HDTT/GEMADEPT ngày 29/04/2021 với thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày tài trợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án của sản Person với thời hạn vay không quá 07 năm kể từ ngày gửi ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay. ^(**)	Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án của sản phẩm Hợp đồng tín dụng số SHBVN/C/MC/072022/HDTT/GEMADEPT ngày 22/04/2022 với thời hạn vay không quá 07 năm kể từ ngày gửi ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay.
Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để bổ sung vốn đầu tư dự án cùng với với thời hạn vay không quá 07 năm kể từ ngày gửi ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. ^(**)	

^(*) Thông tin về các khoản vay này đã được trình bày tại các mục Thuyết minh BCTC sau:

	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2022	V.21b	V.22b
BCTC năm 2022	V.21b	V.22b
BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023	V.21b	V.22b
BCTC năm 2023	V.21b	V.22b
BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2024	V.21b	V.22b

^(**) Thông tin về các khoản vay này đã được trình bày tại các mục Thuyết minh BCTC sau:

	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
BCTC năm 2021	V.21b	V.22b
BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2022	V.21b	V.22b
BCTC năm 2022	V.21b	V.22b
BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2023	V.21b	V.22b

2. Dịch chính bổ sung thông tin thuyết minh về các Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu
- Thông tin về các khoản vay này được Dịch chính bổ sung như sau:

Nội dung trên Thuyết minh Báo cáo tài chính	Nội dung các khi dịch chính bổ sung
<p>Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu để đầu tư đồng các tàu Phước Long và mua 04 số lán tại trung 248 Trục với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.</p> <p>Hoặc</p> <p>Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu để đầu tư đồng các tàu Phước Long và mua 04 số lán tại trung 248 Trục với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản trong tương lai hình thành từ vốn vay.</p>	<p>Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu để thanh toán các chi phí được liệt kê tại đầu tư các số lán tại trung 248 Trục (các Phước Long) theo Hợp đồng số đang số 01/2021/93109/HĐTD ngày 15/12/2021 và Hợp đồng số đang số 01/2022/93109/HĐTD ngày 21/12/2022 với thời hạn vay từ 60 – 64 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.</p>

Thông tin về các khoản vay này đã được trình bày tại các mục Thuyết minh BCTC sau:

	BCTC riêng	BCTC hợp nhất
BCTC năm 2021	V.20b	V.22b
BCTC giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2024	V.20b	V.22b

02449916
CÔNG TY
THỰC HIỆN HỨA
TOÁN VÀ TƯ
A & C
H. TP. HỒ CHÍ MINH

02449916
CÔNG TY
THỰC HIỆN HỨA
TOÁN VÀ TƯ
A & C
H. TP. HỒ CHÍ MINH

Văn bản đính chính này được đính kèm với Báo cáo audit với BCTC riêng và hợp nhất giữa năm đã & tháng đầu của các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, năm 2023, năm 2024 và Báo cáo kiểm toán BCTC riêng và hợp nhất của các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, năm 2023 của Công ty Cổ phần Gemadept.

Trân trọng kính chào!

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT



**NGUYỄN THANH BÌNH
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Xác nhận của
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C



**TRƯƠNG THÁI VƯỢNG
THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC**



Số: 105/NG-HDQT-GMD

Tại: Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2024

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
Hệ số: Thống qua việc mua sắm tài sản cố định

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH1 (ngày 17 tháng 06 năm 2020)
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Gemadept ("Công ty")
- Căn cứ Tổ chức số CH/000/2024 ngày 16/05/2024 của Tổng Giám đốc về việc mua sắm tài sản cố định
- Căn cứ Điều lệ quy định Hội đồng quản trị ("HDQT") của Công ty số 01/HDQT-GMD ngày 16/05/2024 về việc mua sắm tài sản cố định

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống qua chủ trương mua sắm các tài sản sau đây:

1. Tài sản trong tài khoản 1888 TĐU

- Số lượng: 03 máy
- Tổng giá trị mua sắm dự kiến: 1.351.000.000.000 đồng
- Nguồn vốn dự kiến thu nhập để thực hiện: nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024.

2. Tài sản tài khoản 33 tài

- Số lượng: 02 chiếc STX
- Tổng giá trị mua sắm dự kiến: 454.500.000.000 đồng
- Nguồn vốn dự kiến thu nhập để thực hiện: từ nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024.

3. Tài sản tài khoản 248 TĐU

- Số lượng: 07 chiếc
- Tổng giá trị mua sắm dự kiến: 228.933.346.000 đồng
- Nguồn vốn dự kiến thu nhập để thực hiện: Từ nguồn vốn vẫn còn số lãi, trong đó:
 - Nguồn tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024: 201.500.000.000 đồng
 - Nguồn từ lợi nhuận giữ lại của Công ty: 19.933.346.000 đồng



- Điều 2.** Công tác Tổng giám đốc Công ty là chọn, đưa phân với các đối tác để thực hiện với mục tiêu tiếp qua, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty và chỉ đạo, phân công các bộ phận liên quan triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này theo quy định.
- Điều 3.** Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân và phòng ban liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- Điều 4.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Kiểm soát:
- Ông Đoàn Văn...
 - Ông Nguyễn Văn...
 - Ông Trần Văn...

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ VĂN NHÃN



Số: 002/HDQTD-GMD

Tạ Đ (CT) (thành, ngày 15 tháng 01 năm 2024)

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Về việc: Thông qua việc tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nam Đình Vũ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 93/2020/QH14 ngày 17 tháng 09 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Gemadept ("Công ty");
- Căn cứ Bản Án Hợp Nhất đồng nhất số ("HDQT") của Công ty số 002/HDQTD-GMD ngày 15/01/2024 về việc tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nam Đình Vũ ("NDV").

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc tăng vốn góp vào Công ty Cổ phần Công Nam Đình Vũ với nội dung như sau:

1.1. Thông tin doanh nghiệp được góp vốn:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Công Nam Đình Vũ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0301741248 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05/09/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/08/2023.
- Địa chỉ: LÁ CÀI, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác công, bóc vấp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 1.200.000.000.000 đồng (Một ngàn hai trăm triệu đồng chẵn tỷ đồng).

1.2. Một quan hệ của doanh nghiệp được góp vốn với Công ty và những người có liên quan của Công ty:

- Công ty Cổ phần Công Nam Đình Vũ đang là công ty con của Công ty (Công ty sở hữu 99% vốn điều lệ của NDV).
- Ông Chu Đức Khang – thành viên HĐQT Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty tại NDV, đồng thời là thành viên HĐQT NDV.
- Bà Bùi Thị Thu Hương – thành viên HĐQT Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty tại NDV, đồng thời là thành viên HĐQT NDV.

1.3. Thông tin về việc góp vốn:

- Căn cứ pháp lý:
 - † Nghị quyết ĐHĐCĐ số 002/HDQTD-GMD ngày 15/01/2024 của CTCP Công Nam Đình Vũ về chủ trương tăng vốn điều lệ công ty.



- Thông báo số 24/2024/CT-ĐT ngày 25/10/2024 của NDV về việc nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 94/2024/HĐĐD-CMD ngày 29/6/2024 của Công ty cổ phần Gemadept.

1. Thông tin cơ bản của đợt chào bán như sau:

- Tổng số cổ phần chào bán: 53.017.500 cổ phần. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 939.177.000.000 đồng.
- Giá chào bán: 17.000 đồng.
- Hình thức chào bán: Chào bán theo cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức theo hạn quốc tế.
- Tỷ lệ thực hiện quyền là 100% (33 lá phiếu sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua, có 100 quyền mua sẽ được mua 73 cổ phần mới nữa). Số cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu sẽ được mua trên xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân thừa của số được mua sẽ được hủy bỏ.
- Mục đích sử dụng vốn của đợt chào bán: Mua sắm tài sản cố định và trả nợ ngắn hạn.
- Số cổ phần Công ty được quyền mua thêm là 58.810.000 cổ phần tương đương với tổng số tiền phải góp thêm là 1.000.100.000 đồng.

2. Thời gian thực hiện dự kiến: Quý 4/2024 – Quý 1/2025.

3. Giá trị thực hiện góp vốn là 939.177.000.000 đồng. Nguồn vốn dự kiến tìm kiếm sẽ thực hiện hai phần:

- Số tiền tài được từ đợt chào bán thêm số phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 là: 557.749.900.000 đồng.

- Nguồn tài trợ thanh toán lại của Công ty là: 381.427.100 đồng.

4. Tỷ lệ sở hữu của Gemadept trước khi góp vốn: 60% vốn điều lệ.

5. Tỷ lệ sở hữu của Gemadept sau khi góp vốn: 60% vốn điều lệ.

Điều 2. Giao cho Ban Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo và phân công các bộ phận liên quan triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết này theo quy định.

Điều 3. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cá nhân và phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Nơi nhận:**
- Ban Điều hành;
 - HĐQT, BAN;
 - Lưu hồ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



TRƯỞNG

HỒ VĂN NHÃN

STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (VNĐ)	Thời điểm giải ngân dự kiến
1	Mua sắm tài sản cố định	988.473.004.000	
	Mua 10 chiếc ôtô	225.470.000.000	Trong năm 2025
	Mua 01 chiếc xe tải	800.000.000.000	Trong năm 2025
	Mua 01 chiếc xe tải	100.000.000.000	Trong năm 2025
	Mua 01 chiếc ô tô tải	800.000.000.000	Trong năm 2025
2	Thả nợ vay ngân hàng	21.794.000.000	Trong năm 2025
	Tổng cộng	990.267.004.000	

Điều 3. Tổng cục quản lý thuế của Tổng cục Thuế, các đơn vị không giải ngân và công việc như sau:

- Chủ động điều chỉnh việc phân bổ và dùng nguồn vốn dự phòng được của Tổng cục Thuế để thực hiện, tại các Công ty nhưng phải theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế, việc chi tiêu của đơn vị phải có phiếu làm việc của Tổng cục Thuế gửi kèm và các nội dung chi tiêu như (như sau).
- Thực hiện việc chi tiêu, bổ sung Điều 2 Công ty liên quan việc thay đổi số phần, số vốn và tương ứng với số vốn, số tiền thu được tính theo mức giá trị hợp pháp và công lý thay đổi nội dung chi tiêu được công bố thành công theo quy định.
- Thực hiện các thủ tục pháp lý của thuế theo quy định của pháp luật và Điều 2 Công ty để hoàn thiện việc phân bổ và phân bổ của các đơn vị.

Điều 4. Các thành viên Tổng cục Thuế, các đơn vị và phòng ban, số tiền liên quan chi tiêu được và làm việc quản lý.

Điều 5. Mọi quyết định về việc bổ sung và thay đổi.

- Phụ lục:
- Sơ đồ 1;
 - Bảng chi tiêu;
 - Các tài liệu.

TM. BỘ TƯ LỆNH CÔNG AN VIỆT NAM
 CHỈ HUY ĐỘI


 TRẦN HỒNG HAI



SẢN SẠO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN
CĂNG NAM ĐÌNH VŨ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5-8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10-11
7. Báo thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12-34

.....

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Căng Nam Bình và Công ty con duy nhất là ("Công ty") trình báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khởi phát về Công ty

Công ty Cổ phần Căng Nam Bình Việt Nam được thành lập

- Theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201761248, Công ty lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2018 về đăng ký thay đổi lần 14 ngày 28 tháng 8 năm 2023 do sự kiện chuyển cơ sở tại TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu số 0318244124, chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 11 năm 2018 và chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 12 tháng 10 năm 2021 do Ban quản lý Khu Công nghệ Thông tin. Thời gian hoạt động của dự án 25 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu.

Tại văn phòng

- Địa chỉ (Là CAI, Khu Công nghiệp Nam Bình V0 (Cái L), Phường Bình Hòa 2, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại (+84 28221) 881 1848
- Fax (+84 28221) 881 1848

Hạng đăng ký thuế chính thức của Công ty là thuế thu nhập, tiền nộp bằng tiền, tiền lãi và tiền gửi bằng tiền.

Bộ công quản lý và điều hành kinh, quản lý

Đại diện viên Bộ công quản lý và điều hành kinh, quản lý của Công ty công nhận và chịu trách nhiệm theo pháp luật Việt Nam.

Bộ công quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Hồng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Chu Đức Khương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Ông Đỗ Văn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Trần Thị Quỳnh Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Quang Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thủy Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/hiệu lực
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2023 Hiệu lực ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Trần Văn Mạnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023
Ông Đoàn Trung Nguyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Giáp	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty công nhận và chịu trách nhiệm điều hành kinh của công ty theo pháp luật Việt Nam.

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/hiệu lực
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2023
Ông Trần Văn Mạnh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 7 năm 2023



Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn AAC đã được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính theo yêu cầu tài chính bắt đầu ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển vốn của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Chọn lựa các ước định và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Bảo vệ các chi phí một cách hợp lý trong các Công ty và được miễn trừ hay không và chỉ có các chi phí trong các chi được miễn trừ hay không giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lưu ý các tài chính tiềm ẩn có thể phát sinh liên quan tới những hợp đồng, để các công ty và các chi phí hoạt động liên quan;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ vững chắc để bảo đảm báo cáo tài chính phản ánh đúng và chính xác các giao dịch kinh doanh và giải thích các biến cố quan trọng và các sự kiện khác.

Ban Giám đốc đảm bảo các số liệu tài chính này được lưu giữ đầy đủ để phục vụ việc kiểm tra và chứng minh Công ty với các tổ chức các hợp lý và bất kỳ thời điểm nào và các tổ chức kế toán khác theo yêu cầu pháp lý. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ các tài sản của Công ty và các chi phí để thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sự kiện khác.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trả lời các yêu cầu của kiểm toán viên và Ban Giám đốc tài chính.

Phản hồi Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc đã duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty từ đầu năm ngày 11 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển vốn và các tài sản tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Văn Mạnh
Giám đốc

Ngày 15 tháng 4 năm 2024

CHÍNH SÁCH
SÁCH HỒNG VIỆT HẠN CHẾ
Ngày 25-06-2024
NGUYỄN VĂN ĐỨC
VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH



[Signature]
CHÍNH SÁCH VIỆT
Nguyễn Văn Đức



Số: LƯU/04/2023-AT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Đối tượng: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CƯỜNG NAM BÌNH VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 theo các Công ty (Cổ phần) Công khai Định Kỳ (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo quy định từ tháng 4 năm 2024, từ ngày 01 đến ngày 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán và báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2022. Theo quy định pháp luật Việt Nam, Báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính là Báo cáo tài chính năm tài chính năm 2022.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Công ty (Cổ phần) chuẩn mực kế toán Việt Nam, Công ty Kế toán chuẩn mực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và các quy định về Báo cáo tài chính. Công ty Kế toán chuẩn mực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Báo cáo tài chính năm 2022.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của việc kiểm toán. Chúng tôi đã tuân thủ các tiêu chuẩn kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải thực hiện các thủ tục để thu thập đủ bằng chứng kiểm toán hợp lý để khẳng định rằng Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty có thể đáng tin cậy theo quy định pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi cũng kiểm tra các giao dịch liên quan đến các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính được trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty (Cổ phần) Công khai Định Kỳ (sau đây gọi tắt là "Công ty") để đảm bảo tính trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty. Công ty Kế toán chuẩn mực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Báo cáo tài chính năm 2022. Công ty Kế toán chuẩn mực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Báo cáo tài chính năm 2022.

Chúng tôi có lương riêng và không có bất kỳ mối quan hệ nào với Ban Giám đốc Công ty (Cổ phần) Công khai Định Kỳ (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các cổ đông của Công ty.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với các quy định pháp luật Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty (Cổ phần) Công khai Định Kỳ (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo quy định từ tháng 4 năm 2024, từ ngày 01 đến ngày 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán và báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 11 năm 2022. Theo quy định pháp luật Việt Nam, Báo cáo tài chính của Công ty của năm tài chính là Báo cáo tài chính năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Hoàng Viên

Lê Quốc Trung
Thành viên Ban Giám đốc
Số Chứng Nhận Kiểm toán viên: 00001/2013/0001/1
Nguyễn Hoàng Viên

Nguyễn Hoàng Viên
Kiểm toán viên
Số Chứng Nhận Kiểm toán viên: 00001/2013/0001/1

Tên đầy đủ: Nguyễn Hoàng Viên, ngày 09 tháng 4 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CANG NẠM ĐIỆN VŨ

Địa chỉ: Lô 1A1, Khu Công nghiệp Tân Bình, Xã Tân Bình, Huyện Tân Bình, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BAO CẢM TÀI CHÍNH

Chi số tài chính và báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền: VND

CHỨC NĂNG	Mã số	Đơn vị tính	Số tiền (VND)	
			2023	2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		442.275.200.891	374.475.282.885
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.Đ	88.242.289.487	129.251.984.296
1.1. Tiền	111		83.249.293.487	121.211.894.296
1.2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	8.040.090.000
1.3. Các tài sản ngắn hạn khác	113		-	-
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	120		22.208.000.000	982.249.784
2.1. Chứng khoán phải thu	121		-	-
2.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	122		-	-
3. Hàng tồn kho	130	V.Đ	71.100.000.000	928.260.731
3.1. Hàng tồn kho	131		-	-
3.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	132		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	140		179.985.288.370	111.184.968.140
4.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	141	V.Đ	159.871.882.370	103.287.717.640
4.2. Phải thu của người mua ngắn hạn	142	V.Đ	18.000.000.000	12.647.294.140
4.3. Phải thu với ngân hàng	143		-	-
4.4. Các tài sản ngắn hạn có thể chuyển nhượng dễ dàng	144		-	-
4.5. Phải thu về chi phí ngắn hạn	145		-	-
4.6. Phải thu ngắn hạn khác	146	V.Đ	9.200.000.000	4.200.000.000
4.7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	147	V.Đ	1.000.000.000	127.744.000
4.8. Tài sản ngắn hạn khác	148		-	-
B. Hàng dài hạn	149		4.073.994.000	2.287.208.996
1. Hàng dài hạn	150	V.Đ	4.073.994.000	2.287.208.996
2. Dự phòng giảm giá hàng dài hạn	151		-	-
C. Tài sản ngắn hạn khác	152		167.467.447.584	128.375.594.312
1. Chi phí ngắn hạn khác	153	V.Đ	1.284.969.271	642.442.442
1.1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	153.1		442.270.844.147	128.797.544.000
1.2. Thuế và các khoản khác phải trả theo nước	153.2	V.Đ	828.000	-
1.3. Các khoản mua bán lại tài sản không phải	153.3		-	-
1.4. Tài sản ngắn hạn khác	153.4		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG VĨNH

Địa chỉ: Lê Lợi, Khu Tổng hợp Nhà Máy và Dịch Vụ Cảng Đông Hải 2, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Số tài khoản: 1910000000

Chế độ báo cáo tài chính theo ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: Triệu đồng (chẵn)

CÁC Hạng	Số đ	Thuyết minh	Số dư đầu năm	
			2023	2022
B. TÀI SẢN NGUYÊN	08		1.021.126.471.000	1.021.126.471.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	010		1.021.126.471.000	1.021.126.471.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	011		-	-
2. Phải thu của người bán dài hạn	012		-	-
3. Phải thu khác từ đơn vị liên kết	013		-	-
4. Phải thu ngắn hạn dài hạn	014		-	-
5. Phải thu về chi phí dài hạn	015		-	-
6. Phải thu khác	016	V.14	1.021.126.471.000	1.021.126.471.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn	017		-	-
II. Tài sản cố định	020		1.499.379.499.100	1.779.405.735.129
1. Tài sản vô định hình	021	V.9	1.479.332.791.000	1.173.278.933.000
- Quyền sử dụng đất	022		2.273.949.499.000	1.260.474.400.000
- Quyền sử dụng quyền lợi	023		205.382.499.000	1.042.804.533.000
2. Tài sản hữu hình	024		-	-
- Quyền sử dụng	025		-	-
- Tài sản hữu hình tự chế	026		-	-
3. Tài sản vô định hình khác	027	V.10	679.073.000	1.344.726.779
- Quyền sử dụng	028		17.249.499.000	17.249.499.000
- Tài sản khác	029		196.100.000.000	279.000.000.000
III. Bất động sản đầu tư	030		-	-
- Quyền sử dụng	031		-	-
- Quyền lợi khác	032		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	040		9.479.999.000	997.999.000.000
1. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	041		-	-
2. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	042	V.11	9.479.999.000	997.999.000.000
V. Đầu tư dài hạn khác	050		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	051		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên kết	052		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	053		-	-
4. Dự phòng đầu tư dài hạn	054		-	-
5. Đầu tư vào quỹ đầu tư	055		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	060		999.791.999.000	999.791.999.000
1. Dự phòng các khoản phải thu	061	V.12	999.791.999.000	999.791.999.000
2. Tài sản phải thu ngắn hạn	062		-	-
3. Tài sản, vật tư, chi phí xây dựng dài hạn	063		-	-
4. Tài sản khác	064		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	070		1.471.999.999.100	1.661.999.999.100

CÔNG TY CỔ PHẦN CANG HẠM BÌNH YÚ

Hàng hóa là 100%, tiêu Công nghiệp Hàng Hóa Việt Nam (VICO) và Thương hiệu Mã E-Quản Tài Ác YP 100 Hàng

ĐẠO CAO F&M (H&F)

Chiếm ưu thế nhất về công nghệ và hàng (Green & Blue)

Biểu và Mã là bản quyền của

CHI TIẾT	Số số	Tỷ lệ %	Số dư tính	
			Đầu kỳ	Cuối kỳ
C. NGUYÊN VẬT	100		1.074.401.146.880	1.074.401.146.880
1. Nguyên liệu	110		884.754.400.450	884.754.400.450
2. Phụ liệu nguyên liệu nguyên liệu	111	8,23	17.251.801.240	166.011.801.800
3. Nguyên liệu của các nước ngoài	112	8,23	1.400.000.000	144.470.000
4. Thuế và các khoản phải nộp thuế khác	113	1,54	8.300.000.000	11.300.000.000
5. Phải trả người bán khác	114	8,23	19.071.140.000	8.200.000.000
6. Các khoản phải nộp khác	115	0,79	11.128.000.000	14.000.000.000
7. Phải trả nợ thuế	116			
8. Khoản thu chưa thực hiện nguyên liệu	117			
9. Phải trả người bán khác	118	0,27	974.000.000	17.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính nguyên liệu	210	0,19	400.310.000.000	100.000.000.000
11. Dự phòng phải trả nguyên liệu	311	0,28	20.000.000.000	11.000.000.000
12. Các khoản phải trả khác	312	0,28	1.200.000.000	1.000.000.000
13. Dự kiến chi phí	313			
14. Các khoản phải trả khác phải chi trả	314			
14. Dự trữ hàng	315		1.178.000.000.000	1.180.000.000.000
1. Phải trả người bán dự trữ hàng	316			
2. Phải trả người bán dự trữ hàng	317			
3. Các khoản phải trả dự trữ hàng	318			
4. Phải trả nợ thuế dự trữ hàng	319			
5. Phải trả người bán khác	320			
6. Khoản thu chưa thực hiện dự trữ hàng	321			
7. Phải trả dự trữ hàng	322			
8. Vay và nợ thuê tài chính dự trữ hàng	323	0,19	1.170.000.000.000	1.180.000.000.000
9. Tài sản phải trả dự trữ	324			
10. Các khoản phải trả	325			
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp dự trữ hàng	326			
12. Dự phòng phải trả dự trữ hàng	327			
13. Các khoản phải trả khác dự trữ hàng và công nghệ	328			

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA ĐÌNH VŨ

Địa chỉ: 14 Chi, Tân Cảng, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃ SỐ TÀI CHÍNH

Chức vụ: Giám đốc tài chính ngày 11 tháng 12 năm 2023

Đang chờ phê duyệt nội bộ

CHỈ TIÊU	Số vị	Đơn vị	Số tiền (VNĐ)	
			Đầu năm	Hiện tại
B. TÀI SẢN NGƯỜI	488		1.097.480.241.000	1.030.884.450.214
1. Tiền của chủ sở hữu	488		1.097.480.241.000	1.030.884.450.214
1.1 Tiền góp của chủ sở hữu	487	1:21	1.097.480.241.000	1.030.884.450.214
- Cổ phần ưu đãi không có quyền biểu quyết	-474			
- Cổ phần ưu đãi	13			
1.2 Tổng tài sản của công ty	488			
1.3 Quyền được chuyển đổi của công ty	488			
1.4 Tiền đang nhận được	488			
1.5 Cổ phần quỹ	488			
1.6 Chứng khoán định giá trị cơ bản	488			
1.7 Chứng khoán giá trị định danh	488			
1.8 Quỹ đầu tư phi lợi nhuận	488			
1.9 Quỹ hỗ trợ cấp cứu khẩn cấp	488			
1.10 Quỹ hỗ trợ chuyển đổi của công ty	488	1:21	4.000.000.000	4.000.000.000
1.11 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488	1:21	100.760.740.000	100.760.740.000
1.12 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.13 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.14 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.15 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.16 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.17 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.18 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.19 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.20 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.21 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.22 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.23 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.24 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.25 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.26 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.27 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.28 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.29 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.30 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.31 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.32 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.33 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.34 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.35 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.36 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.37 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.38 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.39 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.40 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.41 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.42 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.43 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.44 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.45 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.46 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.47 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.48 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.49 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.50 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.51 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.52 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.53 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.54 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.55 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.56 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.57 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.58 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.59 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.60 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.61 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.62 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.63 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.64 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.65 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.66 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.67 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.68 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.69 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.70 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.71 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.72 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.73 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.74 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.75 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.76 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.77 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.78 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.79 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.80 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.81 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.82 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.83 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.84 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.85 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.86 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.87 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.88 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.89 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.90 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.91 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.92 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.93 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.94 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.95 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.96 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.97 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.98 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.99 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
1.100 Lợi nhuận sau thuế của công ty	488			
TỔNG CỘNG NGƯỜI	488		1.097.480.241.000	1.030.884.450.214

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2023


 Vu Thi Yen
 Giám đốc


 Nguyễn Thanh Hoa
 Kế toán trưởng


 Trần Việt Minh
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẠM BÌNH VŨ

Địa chỉ: Chi Cầu, Khu Công nghiệp Nam Phố Vỹ (Đã), Xã Phương Hưng, HUYỆN ĐÔNG HƯNG, Tỉnh Hà Tĩnh

Số tài khoản: 19030000000000000000

Chức năng: Báo cáo tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: Tỷ đồng (chính xác đến hàng nghìn đồng) ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Số đ	Đơn vị	Đơn vị: Tỷ đồng	
			2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VNĐ	1.414.764.570,271	1.198.201.248,218
2. Chiếtkhấu giảm giá hàng hóa	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.414.764.570,271	1.198.201.248,218
4. Chiếtkhấu hàng hóa	11	VNĐ	487.478.198,014	181.225.468,218
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12		927.286.372,257	1.016.975.780,000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	VNĐ	8.008.797,789	13.669.267,421
7. Chi phí tài chính	14	VNĐ	(112.000.048,824)	(11.989.208,774)
Trong đó: chi phí lãi vay	15		(102.578.152,420)	(96.712.154,414)
8. Chi phí bán hàng	16	VNĐ	(51.028.448,764)	(21.715.448,268)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	VNĐ	(25.421.082,740)	(22.961.098,698)
10. Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	20		386.767.990,507	812.968.771,771
11. Thuế nhập khẩu	21	VNĐ	(7.912,5,000)	(28.807,5,000)
12. Chi phí khác	22	VNĐ	(7.000,000)	(28.814,000)
13. Lợi nhuận khác	48		195.000,000	800,000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49		388.847,488,507	812.939,266,771
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VNĐ	(21.068.778,004)	(1.612.954,212)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68		367.778.710,503	811.326,266,559

TỔNG QUẢN LÝ NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Hoa
Kế toán trưởng



Trần Việt Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM ĐỊNH VÀ

Báo cáo tài chính năm 2014 (theo phương pháp dồn tích) - Phương pháp quốc tế (IFRS) - Công ty Cổ phần Cảng Nam Định

MÃ SỐ CHỨNG CHỈ

Cải thiện và chỉnh sửa theo ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LỢI CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp dồn tích)

Cải thiện và chỉnh sửa theo ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính	Đơn vị tiền tệ: VND	
			Năm 2014	Năm trước
I. Lợi chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận thuần nhất	01		280.443.724.499	40.297.912.499
2. Thuế đánh vào các khoản				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân	02	VND, VND	(29.821.343.801)	(6.421.391.301)
- Thuế thu nhập công	03	VND, VND	(24.388.387.819)	(1.996.387.000)
- Thuế thu nhập bất động sản và thuế thu nhập cá nhân đánh vào các khoản thu nhập từ bất động sản	04	VND	(24.600.816)	(8.713.387.000)
- Thuế tài sản và thuế thu nhập	05	VND, VND	(1.348.000.000)	(6.488.144.300)
- Chi phí tài trợ	06	VND	(83.079.792.000)	(88.710.199.718)
- Các khoản khấu trừ khác	07		-	-
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước đánh thuế vào thu nhập	08		141.587.584.799	20.762.896.897
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(146.348.297.811)	(1.100.218.889.349)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(1.096.663.044)	190.983.118
- Tăng giảm các khoản phải trả	11		31.000.089.418	(8.503.323.478)
- Tăng giảm chi phí tài trợ	12		24.784.759.700	10.025.079.666
- Tăng giảm công nhận lãi lỗ đánh	13		-	-
- Tiền lãi vay được	14	VND, VND	(109.446.399.819)	(27.718.178.894)
- Thu nhập được nhận ngoài kế toán	15	VND	(1.070.881.817)	(1.008.718.847)
- Tiền thu thuế từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi thuế thu nhập công nhân viên chức	17	VND	(2.077.888.488)	(1.202.498.018)
Lợi chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		104.482.774.199	71.472.079.897
II. Lợi chuyển tiền tệ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản vô hình khác	21	VND, VND, VND	(296.276.894.818)	(1.100.764.023.414)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản vô hình khác	22		1.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua chứng khoán và các khoản nợ khác	23	VND	(25.000.000.000)	(264.141.887.000)
4. Tiền thu từ cho vay, bán lại các chứng khoán và các khoản nợ khác	24	VND	12.428.173.000	697.993.702.348
5. Tiền chi cho nhận góp vốn đầu tư tài trợ	25		-	-
6. Tiền thu từ nhận góp vốn đầu tư tài trợ	26		-	-
7. Tiền thu từ cho vay, số vốn và lợi nhuận được chia	27	VND, VND, VND	3279.882.000	8.871.664.000
Lợi chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(288.848.721.818)	(2.666.943.174.796)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM BÌNH VŨ

Địa chỉ: L&D&I, Khu Công nghiệp Hòa Phát 7/9 (Khu 3) Phường Hòa Phát, Quận Hòa An, TP Hải Phòng

Ngày lập báo cáo tài chính:

Đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập

Ngày báo cáo tài chính kết thúc: 31 tháng 12 năm 2022

Mô tả		Đơn vị tính	Thuyết minh	Giá trị gốc	Giá trị thuần
B. Lợi nhuận sau thuế hoạt động tài chính					
1.	Tổng thu từ hoạt động tài chính, bao gồm: thu từ đầu tư	24	1.1	109.195.000.000	279.430.000.000
2.	Tổng thu từ hoạt động tài chính khác, bao gồm: thu từ nhượng quyền thương mại, thu từ hoạt động tài chính khác	25			
3.	Tổng thu từ đầu tư	26	1.2	149.865.394.700	706.230.500.000
4.	Tổng thu từ hoạt động tài chính khác	27	1.3	279.430.000.000	279.430.000.000
5.	Tổng thu từ hoạt động tài chính khác	28			
6.	Có thu từ hoạt động tài chính khác	29	1.4	970.740.000.000	970.740.000.000
Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động tài chính		30		<u>1.499.130.394.700</u>	<u>3.226.830.500.000</u>
Lợi nhuận sau thuế trong năm		31		<u>1.499.130.394.700</u>	<u>3.226.830.500.000</u>
Tích lũy trong tháng cuối năm		32	1.5	1.499.130.394.700	3.226.830.500.000
Tích lũy trong tháng cuối năm		33			
Tích lũy trong tháng cuối năm		34	1.6	<u>1.499.130.394.700</u>	<u>3.226.830.500.000</u>

TP Hải Phòng, ngày 01 tháng 1 năm 2023

Vũ Thị Vân
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Tâm Văn Mạnh
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM ĐỊNH VÀ

ĐẠI CHIẾM KINH DOANH, ĐƯỜNG SỐ 10, QUẬN HOÀNG PHƯƠNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI, VIỆT NAM

ĐỀ NGHỊ TÀI CHÍNH

Chức vụ: Giám đốc Tài chính | Ngày: 15 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chức vụ: Giám đốc Tài chính | Ngày: 15 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Cảng Nam Định và Đại Chiếm Kinh Doanh (sau đây gọi là "Công ty") là công ty vận hành

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là vận hành

3. Nguyên nhân kinh doanh

Nguyên nhân kinh doanh của Công ty là vận hành các cảng biển, kho bãi và các dịch vụ liên quan.

4. Các kỳ của năm, lịch doanh nghiệp thường

Các kỳ của năm kinh doanh thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính là hoạt động kinh doanh của Công ty tăng mạnh so với các năm trước đây do Công ty đã hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng các cảng biển và kho bãi, đồng thời mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

6. Tính kế về kinh doanh và các thông tin khác của tài chính

Công ty tính kế về kinh doanh và các thông tin khác của tài chính theo các quy định của pháp luật.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 117 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 112 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, HỒN VỊ TIỀN TỶ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và phải làm tròn các nghiệp vụ được báo cáo bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán được áp dụng Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 190/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2015 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong văn bản và chế độ kế toán áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM BÌNH VŨ

Địa chỉ: LÁ CHÀ, Đường Nguyễn Huệ Quận Thủ Đức 11, Phường Thủ Đức 1, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

ĐH0-CGD-TN-1100000

Ngày niêm yết công bố: 15 tháng 11 năm 2022

Địa điểm xuất bản: Văn phòng Công ty

4. Các khoản tiền phải thanh

Các khoản tiền nợ phải trả của ngày đầu kỳ

Khuyến khích nợ phải trả ngắn hạn là khoản phải trả ngắn hạn của Công ty có ý định và khả năng trả đầy đủ ngay đầu kỳ. Các khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn của Công ty là các khoản tiền phải trả ngắn hạn có kỳ hạn.

Các khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo các khoản phải trả ngắn hạn phải trả theo các điều kiện thanh toán. Các khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn được ghi nhận theo giá trị trị giá thực tế. Tuy nhiên, trong trường hợp các khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn của Công ty không được trả ngay theo các điều kiện thanh toán, các khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn được ghi nhận theo giá trị trị giá thực tế của khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn.

Đối với các khoản phải trả ngắn hạn của Công ty phải trả ngắn hạn theo kỳ hạn của Công ty có thể không thanh toán được và sẽ bị xử lý theo các điều kiện thanh toán của Công ty. Các khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo giá trị trị giá thực tế của khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn.

Các khoản nợ vay

Các khoản nợ vay được các điều kiện ghi ghi nợ đi các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo giá trị trị giá thực tế của khoản tiền nợ phải trả ngắn hạn.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là khoản tiền phải thu ngắn hạn của Công ty ghi nợ và đi các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu là phân loại ngắn hạn và dài hạn được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân loại các khoản phải thu ngắn hạn nếu được trả ngay hoặc trong vòng 12 tháng kể từ ngày ghi nhận của Công ty và người mua là đơn vị liên hệ với Công ty.
- Phải thu của khách hàng phân loại các khoản phải thu dài hạn nếu được trả ngay hoặc trong vòng 12 tháng kể từ ngày ghi nhận của Công ty.

Dự phòng phải thu ngắn hạn được lập dựa trên khoản nợ phải thu thực tế đã ghi nhận và các dự kiến khác của Công ty về khả năng thanh toán.

Tăng, giảm về dự phòng nợ phải thu thực tế của Công ty được ghi nhận ngay khi có đủ các điều kiện để ghi nhận vào chi phí hoặc lợi nhuận ngắn hạn.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thực tế của hàng tồn kho và giá trị thanh toán thực tế của hàng tồn kho.

Hàng tồn kho của Công ty chỉ có quyền bán, với lý do, phụ thuộc vào các điều kiện hàng tồn kho của Công ty. Hàng tồn kho của Công ty chỉ có thể ghi nhận vào giá trị thực tế của hàng tồn kho nếu được hàng tồn kho là của Công ty và trạng thái bán lại.

Các khoản nợ được thanh toán bằng các khoản tiền, với trước và được hạch toán theo phương pháp kế toán hàng tồn kho.

Giá trị thanh toán thực tế của hàng tồn kho là giá trị thực tế của hàng tồn kho theo giá trị thực tế của hàng tồn kho, không được tính theo giá trị thực tế của hàng tồn kho thực tế và chỉ ghi nhận thực tế của hàng tồn kho theo giá trị thực tế.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập dựa trên mức tăng của các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty và giá trị thực tế của hàng tồn kho. Tăng, giảm về dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được ghi nhận vào chi phí hoặc lợi nhuận ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HÀM GIANG

Địa chỉ: Lũy Cầu 1, Khu Công nghiệp Hàm Giang Vũ (Đã cũ), Phường Trung An 2, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

ĐẠO CAO TÀI CHÍNH

Chức năng và cách làm theo mẫu 31 tháng 12 năm 2020

Website: www.hamgiang.com.vn

Tài sản và hoạt động của Công ty là đường trục phía biển này đây. Chỉ ghi nhận hoạt động của đường trục phía biển này một cách thống nhất là một bộ phận gắn liền với phần công suất vận hành được của biển. Ngược lại các đường trục phía biển này một là một bộ phận của bộ phận Công ty và chỉ có tài sản được tính theo phần vận hành của đường trục phía biển này vận hành theo các đơn vị vận hành được thống nhất trong 01 - 05 năm.

11. Chế độ vận dụng và báo cáo hàng

Chế độ vận dụng và báo cáo hàng của Công ty là vận dụng theo quy định của pháp luật về chế độ vận dụng và báo cáo hàng của Công ty. Chế độ vận dụng và báo cáo hàng trong quá trình vận dụng, vận hành theo là vận dụng theo quy định của pháp luật về vận dụng và báo cáo hàng của Công ty. Chế độ vận dụng và báo cáo hàng của Công ty là vận dụng theo quy định của pháp luật về vận dụng và báo cáo hàng của Công ty. Chế độ vận dụng và báo cáo hàng của Công ty là vận dụng theo quy định của pháp luật về vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo số liệu phát sinh trong quá trình vận dụng và báo cáo hàng của Công ty. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo số liệu phát sinh trong quá trình vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả ngắn hạn, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả ngắn hạn phải trả các khoản phải trả ngắn hạn theo quy định của pháp luật về vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.
- Chi phí phải trả phải trả các khoản phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn theo quy định của pháp luật về vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.
- Phải trả khác phải trả các khoản phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn theo quy định của pháp luật về vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn theo Bảng cân đối kế toán của Công ty theo quy định của pháp luật về vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ phải trả) hoặc nghĩa vụ tiềm ẩn) do kết quả từ các sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về tài sản hoặc lợi ích kinh tế và ghi nhận nghĩa vụ nợ tiềm ẩn được một mức thích đáng và cần.

Nhiệm vụ hàng của Công ty là trong việc dự phòng và được các định hướng của chính sách vận dụng và báo cáo hàng của Công ty. Việc thanh toán nghĩa vụ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về tài sản hoặc lợi ích kinh tế và ghi nhận nghĩa vụ nợ tiềm ẩn được một mức thích đáng và cần.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng chi phí của chi phí vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.

14. Yêu cầu của chủ sở hữu

Yêu cầu của chủ sở hữu được ghi nhận theo số liệu vận dụng và báo cáo hàng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM ĐỊNH YÚ

Địa chỉ: LƯU CÁI, Khu Công nghiệp Nam Định YÚ Đĩnh (1), Phường Đông Sơn 2, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

MỐC CÁP THỦY CHẾ

Chiều dài của sợi dây cáp là: 10m, 12m, 15m, 20m

Màu sợi dây cáp: Vàng và đỏ (khi lắp đặt)

13. Phần giới hạn ngoài

Lưu ý: Khi lắp đặt các thiết bị điện tử ngoài dây cáp phải có các bộ phận bảo vệ để tránh bị hư hỏng do tác động của môi trường bên ngoài. Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị điện tử lắp đặt ngoài dây cáp.

Việc giới hạn ngoài ngoài dây cáp phải được thực hiện theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị điện tử lắp đặt ngoài dây cáp. Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị điện tử lắp đặt ngoài dây cáp. Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị điện tử lắp đặt ngoài dây cáp.

Tất cả các thiết bị điện tử ngoài dây cáp phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị điện tử.

14. Các thiết bị điện tử và dây cáp

Thiết bị điện tử

Thiết bị điện tử phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị điện tử.

- Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị điện tử ngoài dây cáp.
- Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị điện tử ngoài dây cáp.
- Thiết bị điện tử phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị điện tử. Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị điện tử ngoài dây cáp.
- Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị điện tử ngoài dây cáp.
- Các thiết bị điện tử phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị điện tử.

Thiết bị dây cáp

Thiết bị dây cáp phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị dây cáp.

- Thiết bị dây cáp phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị dây cáp.
- Công ty không chịu trách nhiệm về các thiết bị dây cáp ngoài dây cáp.
- Các thiết bị dây cáp phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị dây cáp.
- Các thiết bị dây cáp phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị dây cáp.

Tất cả các thiết bị điện tử và dây cáp phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị điện tử và dây cáp.

Phần 15

Tất cả các thiết bị điện tử và dây cáp phải được lắp đặt theo các tiêu chuẩn của nhà sản xuất của thiết bị điện tử và dây cáp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẠM ĐÌNH VŨ

Địa chỉ: LƯU CỬ (1, Khu Công nghiệp Hòa Phát, Yên Định 1), Thành Phố Hà Nội, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

SÁCH CÁO TÀI CHÍNH

Được trình bày theo báo cáo tài chính năm 2023

Website: www.hdm.vn

17. Công cụ tài trợ

Công cụ tài trợ bao gồm tất cả các công cụ tài trợ ghi danh phân loại. Bản quyền thuộc về các công cụ tài trợ.

Công cụ tài trợ được ghi nhận vào tài khoản ghi danh phân loại. Trường hợp công cụ tài trợ liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản không thuộc các loại tài sản cố định thì công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn và được phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn. Trường hợp công cụ tài trợ liên quan đến việc mua tài sản cố định, thì công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ dài hạn. Các khoản chi trả phải với tư cách là chi trả nợ gốc hoặc chi trả lãi được ghi danh phân loại là chi trả nợ gốc.

Đối với các khoản vay, công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn nếu công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn. Trường hợp công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ dài hạn thì công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ dài hạn. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo giá trị của công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn, ngoại trừ các khoản vay bằng tiền gửi và các khoản chi trả bằng tiền gửi ngân hàng.

18. Công cụ tài trợ

Công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn nếu công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn. Trường hợp công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ dài hạn thì công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ dài hạn.

Công cụ tài trợ ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn nếu công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn. Trường hợp công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ dài hạn thì công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ dài hạn. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo giá trị của công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn, ngoại trừ các khoản vay bằng tiền gửi và các khoản chi trả bằng tiền gửi ngân hàng.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn nếu công cụ tài trợ được ghi danh phân loại là công cụ tài trợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp bị hoãn nộp hoặc bị được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả của đơn vị lập Báo cáo tài chính và giá trị thực tế của tài sản. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho kỳ và các khoản chênh lệch tạm thời được hoãn lại. Thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai doanh nghiệp sẽ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian thời hạn nộp thuế.

Đối với giá trị của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được nộp sẽ bị vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép kỳ tiếp theo một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn sẽ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian thời hạn nộp thuế. Thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai doanh nghiệp sẽ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian thời hạn nộp thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM ĐỊNH VÀ

Đầu tư Logistics - Các Công nghiệp Hàng Hải và Cầu Đ, Đường Sông ĐB 1, Cầu ĐB 2, Cầu ĐB 3, Cầu ĐB 4, Cầu ĐB 5

ĐẦU TƯ LOGISTICS

Số dư đầu năm: 01/01/2023

Số dư cuối năm: 31/12/2023

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Đổi phòng	Giá trị	Đổi phòng
Phải thu của người bán hàng khác				
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	232.794.212.237	-	27.714.498.239	-
Công ty Cổ phần Cảng và Dịch vụ Hàng Hải Việt Nam tại Hải Phòng	41.882.554.490	-	121.482.413	-
Yang Ming Marine Transport Corp	25.370.888.754	-	-	-
Công ty Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	22.493.418.798	-	-	-
MTC International Shipping Company S.A	16.873.000.997	-	20.884.422.183	-
Công ty TNHH Ocean Shipping Lines	13.328.291.822	-	5.846.878.819	-
BCL Forwarder Co., Ltd.	807.288.714	-	8.777.483.389	-
Các khách hàng khác	11.229.642.284	-	11.871.000.234	-
Cộng	366.871.496.399	-	67.887.725.445	-
A. Trả trước của người bán hàng khác				
Trả trước của các đơn vị liên quan				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Công nghệ	-	-	13.269.837.323	-
Trả trước của người bán hàng khác	22.782.543.879	-	28.377.376.787	-
Keppel Services Pte Ltd	11.987.100.000	-	-	-
Công ty TNHH Ngân hàng Bảo hiểm Tổng hợp Việt Nam	3.754.082.630	-	-	-
Công ty Cảng Hải Phòng	1.789.160.828	-	-	-
Công ty TNHH Dougal InterCity Việt Nam	-	-	52.914.378.548	-
Các nhà cung cấp khác	5.109.938.881	-	1.671.413.942	-
Cộng	28.791.540.879	-	95.647.696.399	-
B. Phải thu khác				
3a. Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu của các đơn vị liên quan				
Công ty Cổ phần Casastep - LH vận tải	-	-	2.217.699.878	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Sao Hải - Dịch vụ ngắn hạn	-	-	2.173.699.878	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Sao Hải - Dịch vụ ngắn hạn	-	-	299.792.100	-
Phải thu của các đơn vị khác	2.082.734.639	-	2.079.283.877	-
Tạm ứng	190.000.000	-	781.713.000	-
Lãi thu từ tài sản gửi ngân hàng	163.945.573	-	21.885.000	-
Các khoản chi của ngắn hạn	198.181.000	-	200.803.479	-
Các khoản phải thu về dịch vụ đại lý	4.738.387.222	-	514.873.398	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	-	383.541.932	-
Cộng	5.262.844.439	-	4.399.982.175	-
3b. Phải thu dài hạn khác				
Khấu giảm từ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư Sao Hải (là đơn vị liên quan) về khoản tiền đã vay gửi đi	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NHA ĐÌNH VŨ

Địa chỉ: 13/04/1, Khu Công nghiệp Hải Thành Th (Đầu 1), Phường Bình Hòa 2, Quận Hải An, TP. Hồ Chí Minh

MÃI CẬP VÀI CHỈM!

Đã được tái định giá vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tiền tệ: Đơn vị tiền Việt Nam (VNĐ)

K. Nguyên

	Đơn vị tiền tệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		2020	2019	2020	2019
Cơ giới hóa	Tiền Việt Nam	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
TP. Hồ Chí Minh	Đến 31/12/2020	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Mức đầu tư	Tiền Việt Nam	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Đầu tư	Tiền Việt Nam	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng		100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000

Đơn vị tiền tệ: VNĐ, có phòng và chi nhánh tại các địa phương

	Năm 2020	Năm 2019
Số đầu năm	100.000.000	100.000.000
Tăng giảm do phòng chi nhánh	100.000.000	100.000.000
Số cuối năm	200.000.000	200.000.000

L. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, nhiên liệu và phụ tùng thay thế của các máy

M. Chi phí trả trước

M. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công nợ, đang trả	100.000.000	100.000.000
Chi phí bảo hiểm	100.000.000	100.000.000
Chi phí sửa chữa, vận chuyển	100.000.000	100.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	100.000.000	100.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

M. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	100.000.000	100.000.000
Công nợ, đang trả	100.000.000	100.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	100.000.000	100.000.000
Cộng	300.000.000	300.000.000

N. Tài sản cố định hữu hình

	Giá trị gốc	Giá trị còn lại	Phụ thuộc vào giá trị gốc	Giá trị gốc	Giá trị còn lại
Nguyên giá	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Giá trị gốc	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Giá trị còn lại	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Giá trị gốc	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Giá trị còn lại	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM GIANG

Số 001/LC-CAT, Mã chứng khoán: HSC (Mã: 13) Đường Hùng Vương, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Số quyết toán: Mã số tài chính: 001/2023

Thuyết minh báo cáo tài chính

Công ty báo cáo giá trị giá tăng giảm trong phạm vi pháp luật cho: Thuyết minh báo cáo tài chính như sau:

- Dịch vụ tải đất bãi biển, bốc xếp hàng hóa, cầu cảng, bến phà, bốc xếp, vận tải đất, công suất vận tải hàng, vận tải biển đặc biệt, cầu, qua cầu, đê và kè ven biển	8%
- Dịch vụ tải đất bãi biển, bốc xếp hàng hóa, cầu cảng, bến phà, bốc xếp, vận tải đất, công suất vận tải hàng, vận tải biển đặc biệt, cầu, qua cầu, đê và kè ven biển và vận tải hàng hóa	17%

Kể từ ngày ghi đơn vị 01 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty áp dụng thuế suất 0% đối với xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định 42/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

Thuyết minh doanh nghiệp

Thuyết minh doanh nghiệp được lập theo số 01/2023-CT/ST ngày 18 tháng 11 năm 2018 do Ban quản lý Khu kinh tế Hồ Chí Minh cấp và Công văn số 704/CT-TT-BTTTT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Công ty áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu, được miễn thuế trong 15 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế và giảm 10% số thuế phải nộp trong 15 năm tiếp theo (được miễn thuế 10 năm dự án không có thu nhập chịu thuế trong 15 năm đầu, năm 2018 là năm đầu tiên có doanh thu, năm 2024 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế). Năm 2023 là năm đầu tiên áp dụng miễn giảm 10% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuyết minh doanh nghiệp phải nộp thuế theo các năm như sau

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>128.443.771.409</u>	<u>61.294.892.429</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	42.826.814.143	173.788.488
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>171.270.585.552</u>	<u>61.468.680.917</u>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi (thuế suất 0%)	188.452.848.189	48.214.810.989
- Thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi (thuế suất 0%)	14.778.085.342	18.248.273.610
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất ưu đãi	<u>20.630.933.531</u>	<u>66.463.084.599</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức do áp dụng thuế suất khác thuế suất ưu đãi	<u>(18.848.204.917)</u>	<u>(6.222.468.189)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	<u>(19.429.437.439)</u>	<u>(6.222.468.189)</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>1.893.000</u>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>22.286.879.514</u>	<u>54.013.116.311</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được xác lập theo các quy định về thuế thu nhập. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được áp dụng khác nhau trong cùng một thời gian. Do vậy số thuế được tính nộp trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi có quy định khác sau.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM ĐỊNH VÀ

ĐƯỜNG LỊCH SỬ, ĐƯỜNG THƯƠNG MẠI VÀ ĐƯỜNG LỊCH SỬ (Mã chứng khoán: VND) (Mã chứng khoán: VND)

ĐƯỜNG LỊCH SỬ (Mã chứng khoán: VND)

ĐƯỜNG LỊCH SỬ (Mã chứng khoán: VND)

ĐƯỜNG LỊCH SỬ (Mã chứng khoán: VND)

13. Phải với người bán hàng
 Phải hàng, hàng hóa của phải với người bán hàng

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải với các đơn vị khác	21.287.479.131	-
Công ty Cổ phần Greenlog - Chi phí trả ngắn hạn về mua hàng một phần	21.287.479.131	-
Phải về các đơn vị khác về các khoản khác	24.278.749.287	68.962.892.517
Chi phí mua hàng một phần	1.121.701.798	1.119.848.108
Chi phí tài trợ	8.072.172.548	9.188.719.908
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	625.110.285	595.121.516
Cộng	41.334.682.949	79.966.682.059

15. Phải với người bán hàng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công đoạn phải trả	677.247.079	-
Chi phí mua hàng một phần	100.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	217.473.261	69.888.511
Cộng	994.720.340	69.888.511

Công ty không có nợ phải trả khác ngắn hạn khác thành viên.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các đơn vị khác	142.899.889.699	-
Vay Công ty Cổ phần Greenlog ¹⁾	142.899.889.699	-
Vay ngắn hạn các đơn vị khác khác	242.222.841.794	182.871.964.917
Vay ngắn hạn TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	8.332.851.647
Vay ngắn hạn TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	8.268.971.741
Vay dài hạn đến hạn trả (các khoản vay ngắn hạn V.188)	292.555.945.794	371.670.000.328
Cộng	678.778.737.286	571.143.838.613

¹⁾ Khoản vay Công ty Cổ phần Greenlog từ số tiền 102.000.000.000 VND, lãi suất cơ 6,00%/năm đến 1,75%/năm, thời hạn vay 12 năm để mua sắm tài sản cố định và xây mới công trình.

Công ty không có nợ và được các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết số phải với và các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay		Số tiền nợ do công trình đầu tư	Số tiền nợ do công trình đầu tư	Chiếm lĩnh	Số cuối năm
	Số đầu năm	Số cuối năm				
Vay ngắn hạn các đơn vị khác	-	142.899.889.699	-	-	-	142.899.889.699
Vay ngắn hạn ngắn hạn	9.188.719.908	8.332.851.647	-	16.521.571.555	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	174.070.000.328	-	292.555.945.794	292.555.945.794	1.473.143.709	292.555.945.794
Cộng	183.258.739.236	151.232.741.346	584.606.891.588	584.606.891.588	1.473.143.709	435.455.835.493

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM ĐỊNH VÀ

Trụ sở: Lô 1A, Đường số 101 Nam Định (Đầu 1), Phường Đông Hải 3, Quận Hải An, TP. Hà Nội

LIÊN LẠC TẠI ĐÂY

Chi nhánh: 10 Đường Lê Lợi, Phường 01, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 024 399 442 000 | Fax: 024 399 442 001

12A. Nguyên vật liệu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ^(*)	462.374.473.000	402.870.314.246
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - TTGD KHUYẾN Lãi ưu đãi ^(**)	275.099.107.348	444.003.713.822
Vay Ngân hàng TMCP Kĩ Thuật Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	81.207.410.122
Cộng	1.279.429.282.498	1.185.569.699.725

^(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh đã trả bằng vật đảm bảo theo 10% giá trị vốn vay tại Công Nam Định và gói hạn 3. Số tiền vay được hoàn trả bằng quỹ thanh toán từ đầu năm ngày 23 tháng 12 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng vật thế chấp là các cơ sở kinh doanh bất động sản tại địa phương, với mức thuế 1% từ số cơ sở kinh doanh trên địa bàn gói hạn 3 tại Công Nam Định và khoản thanh toán là V.9 và V.11.

^(**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - TTGD KHUYẾN Lãi ưu đãi đã trả bằng vật đảm bảo tại Công Nam Định và. Thời hạn vay 10 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả hạn 21 tháng. Số tiền vay được hoàn trả bằng quỹ, thanh toán từ đầu năm ngày 23 tháng 10 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền khai thác dự án, hạ tầng khu vực, công trình xây dựng, với mức thuế 1% từ số cơ sở kinh doanh trên địa bàn gói hạn 3 tại Công Nam Định và 1 (một triệu) mét vuông V.31.

Công ty có khoản vay và được các khoản vay dài hạn:

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	252.232.943.794	178.670.001.329
Từ 01 năm đến 03 năm	642.727.000.000	348.783.949.040
Từ 03 năm	380.309.476.543	218.773.437.642
Cộng	1.541.969.720.337	1.341.239.607.949

Lưu trữ phân tích của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm 2019	Năm trước
Số đầu năm	1.185.569.699.725	678.134.823.724
Số tiền vay phân tích trong năm	448.245.700.327	879.109.140.228
Từ đầu năm đến cuối năm	-	(813.914.281)
Chiến lược tỷ giá	2.481.687.500	8.154.388.819
Kết chuyển sang kỳ kế tiếp	(178.279.411.117)	(176.284.713.612)
Số cuối năm	1.279.429.282.498	1.185.569.699.725

12B. Dự phòng phục vụ thanh toán

Công ty không có các khoản dự phòng phục vụ thanh toán.

13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa cấu trúc, sửa tạo, thay thế, vận hành và bảo trì. Các số phải trả như sau:

	Năm 2019	Năm trước
Số đầu năm	31.099.443.568	58.002.037.176
Tăng do trích lập	34.098.320.000	51.999.440.548
Chi trả trong năm	(38.591.376.612)	(40.888.000.543)
Bổ giảm khác	(13.799.096.316)	(17.172.682.611)
Số cuối năm	24.999.520.000	51.999.443.568

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 10/041, Khu Công nghiệp Hải Phòng (Xã Yên Viên, Huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng)
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Chỉ số tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020

Mã thuế tài chính của công ty: 0000000000

20. Quý Mean thường, phân lợi

Công ty chi trả Quý Mean thường, phân lợi, Chi tiền phân lợi như sau:

	2020 (VNĐ)	2019 (VNĐ)
Số cổ phiếu	1.894.879.467	175.238.000
Tổng doanh thu từ phân lợi	1.240.893.132	1.100.319.770
Chi phí	(2.997.600.478)	(1.257.886.020)
Số tiền chi	1.742.825.743	1.794.438.467

21. Vốn đầu tư khác

21a. Bảng chi nhánh đầu tư khác của công ty như sau:

	Vốn đầu tư khác đầu tư khác	Quý Mean đầu tư khác	Lợi nhuận đầu tư khác	Cộng
Số đầu tư khác khác	491.000.000.000	4.447.007.000	3.477.100.000	491.000.000.000
Tổng vốn đầu tư khác	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000
Tổng vốn từ cơ quan khác	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Lợi nhuận đầu tư khác	-	-	18.811.719.000	18.811.719.000
Thấu lỗ đầu tư khác	-	-	(2.780.000.000)	(2.780.000.000)
Số đầu tư khác khác	1.100.000.000.000	4.447.007.000	16.131.719.000	1.100.000.000.000
Số đầu tư khác khác	1.100.000.000.000	4.447.007.000	16.131.719.000	1.100.000.000.000
Tổng vốn đầu tư khác	100.000.000.000	-	118.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận đầu tư khác	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Thấu lỗ đầu tư khác	-	-	(16.300.000.000)	(16.300.000.000)
Chi phí khác	-	-	(16.300.000.000)	(16.300.000.000)
Số đầu tư khác khác	1.100.000.000.000	4.447.007.000	16.131.719.000	1.100.000.000.000

21b. Chi nhánh đầu tư khác của công ty

	Số cổ phiếu	Số tiền khác
Công ty Cổ phần Gamagat	761.400.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hải Phòng	117.250.000.000	117.250.000.000
Các chi nhánh khác	100.350.000.000	90.000.000.000
Cộng	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000

Tình hình góp vốn của công ty như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đầu tư đã góp (VNĐ)	Vốn đầu tư còn phải góp (VNĐ)
	Số vốn (VNĐ)	Tỷ lệ (%)		
Công ty Cổ phần Gamagat	761.400.000.000	69,26	761.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Hải Phòng	117.250.000.000	10,66	117.250.000.000	-
Các chi nhánh khác	100.350.000.000	9,08	100.350.000.000	-
Cộng	1.100.000.000.000	100,00	1.100.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM BÌNH VÀ

Số 04/LC-CAI, Cầu Ông Thìn, Phường Hòa Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Số 04/LC-CAI, Cầu Ông Thìn, Phường Hòa Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Số 04/LC-CAI, Cầu Ông Thìn, Phường Hòa Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Số 04/LC-CAI, Cầu Ông Thìn, Phường Hòa Bình, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

II. Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	128.700.000	1.163.347.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng	128.700.000	1.163.347.000
- Cổ phiếu phổ thông	128.700.000	1.163.347.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	128.700.000	1.163.347.000
- Cổ phiếu phổ thông	128.700.000	1.163.347.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mỗi cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VNĐ

III. Phát hành lại chứng

Trong năm Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phát hành thêm 10.000.000 cổ phiếu và 1.146.000.000 VNĐ đơn vị tiền tệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2/2020/NSQ-ĐHĐCH/HĐH ngày 21 tháng 04 năm 2020

IV. Các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn

Tại ngày kết thúc báo tài chính, tổng số các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn gần 31.200,00 USD (bằng chữ là 137.381.111.457)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHÓA MỤC TRÌNH BÁT TRƯNG BẢNG CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**i. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****ia. Tổng doanh thu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác ngoài các chi phí liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Nam Bình Bình Phú (bên cũ: Công ty Cổ phần Cảng Nam Bình Bình Phú)	61.606.728	8.744.816.268
Công ty Cổ phần Cảng Nam Bình Bình Phú	32.600.583	1.107.800.918
Công ty TNHH MTV Gateway Bình Phước	25.185.209.604	8.967.744.000
Công ty TNHH MTV Tân An Bình Gateway	3.072.808.935	203.673.800
Công ty TNHH MTV Tây An Gateway	60.438.000	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM BÌNH YÚ

Địa chỉ: LƯU CÁI, Khu Công nghiệp Hòa Bình YÚ (Đèo 1), Phường Bình Hải 3, Quận Hải An, TP. Hồ Chí Minh

MÃO CHỐT TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam (VNĐ)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần BTD Nam Bộ Công nghiệp	1.279.783.524	875.833.800
Công ty Cổ phần Greenlog Công nghiệp	-	4.571.871
Công ty TNHH Công Nghiệp Long Công nghiệp	-	28.874.070
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Greenlog Công nghiệp	1.482.784.400	526.353.318
Công ty Cổ phần Greenlog Miền Trung Công nghiệp	-	711.408.208
Công ty TNHH KTT Vina và Hàng Hải Dầu Khí Trung Công nghiệp	18.378.498.711	-
Công ty TNHH Dịch vụ và KTM Miền Công nghiệp	3.414.793.325	-
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn dịch vụ và hàng nhập		
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.409.381.790	1.424.418.401
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	78.272.804	99.041.331
Lãi tiền cho vay	84.878.712	1.024.125.284
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.923.527.377	3.774.884.714
Cộng	8.116.767.683	13.666.387.430
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	188.378.702.480	98.752.194.718
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.498.893.734	2.343.078.182
Lãi chênh lệch tỷ giá do biến giá tại các khoản mua bán ngoại tệ	7.710.078.816	8.713.387.667
Hình thức ghi ngoại tệ	-	-
Cộng	199.587.675.030	110.808.660.567
5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	1.253.713.000
Chi phí thuê không gian gửi	33.182.847.463	18.815.638.372
Các chi phí khác	37.543.803.303	8.388.069.214
Cộng	70.726.650.766	26.457.420.586

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM BÌNH VŨ

Số 04/LĐ-CĐ, Báo Công nhân Nam Bình TP (Số 4), Phường Bình Đa 3, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh,

NGOẠI CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng (VNĐ)

B. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê nhân viên	8.238.878.518	6.888.277.279
Chi phí thuê dụng cụ phòng	1.764.407.548	1.000.914.389
Chi phí thuê hàng hóa của cá nhân	2.058.355.706	2.288.911.298
Thuế, phí và lệ phí	178.000.000	1.378.743.679
Chi phí khấu hao TSCĐ	30.074.000	31.007.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.401.184.844	6.612.215.337
Chi phí khác	3.186.811.000	2.124.573.000
Cộng	28.021.108.616	23.096.749.372

C. Thuế nhập khẩu

	Năm nay	Năm trước
Lãi hoặc lỗ từ đầu tư tài chính	276.378.200	-
Thu nhập từ quyền hợp đồng	-	130.708.000
Thu nhập khác	248.787.800	22.804.176
Thu nhập khác	37.800.000	73.463
Cộng	672.978.000	326.885.639

D. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế và phí do vi phạm hành chính	212.000.000	14.371.328
Chi phí môi trường do thuế	12.378.200	140.643.000
Cộng	224.378.200	255.014.328

E. Chi phí của các hoạt động khác được thực hiện

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.432.899.079	9.411.813.704
Chi phí nhân công	69.094.289.260	61.888.185.350
Chi phí thuê hàng hóa từ cá nhân	178.825.243.000	86.822.184.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	242.199.328.953	222.073.300.118
Chi phí khác	92.977.560.448	41.709.143.000
Cộng	678.628.749.334	479.827.389.317

VII. TƯƠNG TỰ BỔ NHIỆM CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH ĐƯỢC BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾP

Công ty có các hoạt động và tài sản đầu tư mua sắm từ sản phẩm của các

	Năm nay	Năm trước
Tài sản từ mua sắm từ sản phẩm	14.318.291.600	17.565.700.800
Tài sản từ mua sắm từ sản phẩm	15.892.947.400	308.546.633.971

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NAM ĐỊNH VÀ

ĐỊA ĐIỂM: 18/CS1, Khu Công nghiệp Nam Định 10 (Km 10, Đường Trung Tâm 1, Quận Ninh Hải, TP) 104 Thành

BẮC GIANG TÂN BÌNH

chính thức có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 02 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính độc lập

	Năm 2021	Năm 2020
Công ty TNHH Công Nam Hải Bình và các chi nhánh Công ty Cổ phần Công Nam Hải Bình Độc lập khác	1.204.050.800	9.147.613.700
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Greenport Chi nhánh khác	12.497.330	71.004.700
Công ty Cổ phần Công Nam Hải Chi nhánh khác	1.003.877.700	711.343.800
Công ty TNHH Công Thành Long Chi nhánh khác	100.000.000	101.895.100
Công ty Cổ phần Việt Nam Công Greenport Chi nhánh khác	90.282.793.800	14.847.083.000
Thành lập từ các chi nhánh	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Bình Dương Chi nhánh khác	117.000.000	-
Công ty TNHH Lưu Động (VNM) Ltd Chi nhánh khác	10.371.770.000	-
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Greenport Chi nhánh khác	-	6.380.000
Công ty Cổ phần Greenport Miền Trung Chi nhánh khác	-	22.000.000
Công ty TNHH MTV Tập đoàn Cảng Hải Phòng Đông	-	6.100.840.170

Giá gốc và công cấp cho các tài sản liên quan khác là giá hóa đơn. Với một số loại vụ lệ của tài sản liên quan khác được thực hiện theo giá hóa đơn.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.1, V.4, V.5, V.11, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải trả các bên liên quan khác không có hóa đơn và sẽ được thanh toán bằng tiền, không có khoản nợ phải trả khác khi đã vào được tập chủ các khoản nợ phải trả các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG RAH BÌNH YÊN

QUẢN LÝ CÁT, SÉT CÔNG NGHỆ THAN ĐỎ VÀ ĐÓNG TỖ, PHẠNG ĐÌNH HÒA, QUẬN BÌNH AN, TP. HỒ CHÍ MINH

TRADING COMPANY

CHỖ ĐÓNG VÀ CHẤM KÈM NGÀY 11 tháng 12 năm 2023

Đã được kiểm tra và xác nhận (ký duyệt)

1. Ký hiệu phát xuất sau ngày kết thúc việc tải chính
Không sử dụng ký hiệu trong phạm vi phát xuất sau ngày kết thúc việc tải chính yêu cầu phải tuân thủ chính sách vận hành công tác khai thác cảng biển.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 1 năm 2024

Vũ Thị Lệ
Người ký

Nguyễn Xuân Hòa
Ký toàn quyền



Nguyễn Xuân Hòa
Chủ tịch